Gabriel Garcia Márquez

TÌNH YÊU THỜI THỔ TẢ

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TÌNH YÊU THỜI THỔ TẢ

LA VERSIÓN VIETNAMÉS FUE REALIGADA POR EL CENTRO DE LETRAS EN ESPANOL CON LA AYUDA ECONÓMICA DEL SENOR DON LE VAN SON

(Bản dịch tiếng Việt được Giải thưởng
Hội Nhà văn Việt Nam, 1996)

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI NƯỚC NGOÀI
VĂN HỌC CÔLÔMBIA

GABRIEL GARCIA MÁRQUEZ
(Giải Nobel văn chương 1982)

TÌNH YÊU THỜI THỔ TẢ

Tiểu thuyết

NGUYỄN TRUNG ĐỨC *dịch*

(In lần thứ 2)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
HÀ NỘI - 2000

Dịch từ nguyên bản tiếng Tây Ban Nha: EL AMOR EN LOS TIEMPOS DEL CÓLERA *do Nhà xuất bản* ARTE Y LITERATURA *xuất bản năm 1986 tại* LA HABANA, CUBA

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tình yêu thời thổ tả *là một trong 10 cuốn tiểu thuyết hay nhất trong thập kỷ 80 vừa qua (theo đánh giá của báo chí Mỹ), đã đem lại niềm vinh quang mới cho nhà văn được giải Nôben Văn học năm 1982 người Côlômbia, Gabriel Garcia Márquez, tác giả của* ***Trăm năm cô đơn, Ngài đại tá chờ thư, Tướng quân giữa mê hồn trận*** *đã được dịch ra tiếng Việt và Nhà xuất bản chúng tôi ấn hành, được đông đảo bạn đọc hâm mộ. Ông là người bạn lớn của chúng ta.*

Tình yêu thời thổ tả *là câu chuyện tình say đắm giữa một người đàn ông (Phlôrêntinô Arixa, con một bà bán hàng vặt) với một người đàn bà (Phecmina Đaxa, con một nhà buôn hãnh tiến, giàu có mới phất nhờ ăn cắp và gian lận). Khi mới lớn lên họ yêu nhau nồng nàn nhưng không lấy được nhau vì họ quá trẻ, không có kinh nghiệm sống cũng như nghị lực lớn để chiến thắng quan niệm môn đăng hộ đối trong hôn nhân. Hơn năm mươi năm họ sống xa mặt nhưng không cách lòng với bao sóng gió cuộc đời. Phecmina Đaxa nhẫn nhục sống làm vợ - một thứ đồ trang sức và một thứ nàng hầu - của bác sĩ Ucbinô đê la Cadê, một thân hào đầy thế lực của giới thượng lưu.*

Phlôrêntinô Arixa vì thất tình nên một mặt lao vào làm giàu bằng mọi thủ đoạn, cả tốt lẫn tàn nhẫn, để trở thành chủ hãng tàu thuỷ như điều ông ta mong ước và mặt khác để thoả mãn nhục dục ông ta lao vào chơi gái đủ mọi hạng: gái chưa chồng, gái muộn chồng, gái chê chồng và chồng chê, gái nạ dòng và cả gái tơ, nhưng không lúc nào không mơ tới Phecmina Đaxa và chỉ chờ ngày Đê la Cadê chết để nối lại quan hệ với nàng. Dịp ấy đã đến khi cả ông lẫn bà đã ngoại bảy mươi tuổi. Bằng sự từng trải của mình, bằng địa vị xã hội đã đạt được, cả hai nối lại tình yêu và yêu nhau đắm đuối. Nhưng vì quá già nên hai người đã không đủ sức thắng nổi những định kiến, thành kiến của xã hội hủ lậu từng bóp chết mối tình đầu của họ. Và thế là họ trốn lên tàu thuỷ và chỉ hai người sống với nhau trên chiếc tàu treo lá cờ vàng - dấu hiệu có người bị bệnh thổ tả - chạy ngược rồi chạy xuôi trên dòng sông Măcgơđalêna - dòng sông của Đêmôcrit.

Có thể nói ***Tình yêu thời thổ tả*** *là một lời cáo trạng đanh thép đối với một xã hội hủ lậu dựa trên sự đánh giá con người không bằng phẩm giá người mà bằng số của cải anh ta có được, do đó nó đã bóp chết bao mối tình trong sáng và tươi đẹp. Muốn có tình yêu và hạnh phúc tình yêu, con người nhất thiết phải được giải phóng khỏi xã hội đó. Nhưng tác giả đã không dừng lại ở chỉ một thông điệp này, ông còn đi xa hơn nữa khi nói rằng* ***Tình yêu thời thổ tả*** *là sự suy nghĩ về tình yêu của con người ở mọi lứa tuổi. Con người không chỉ yêu nhau khi đang độ thanh*

xuân, khi đang ở tuổi tráng niên mà còn yêu nhau khi đã tóc bạc răng long và chính ở tuổi này họ yêu nhau chân thực hơn và vì thế cũng da diết hơn, si mê hơn. Vậy tình yêu là chiếc chìa khoá vàng giúp con người mở tâm hồn mình để hoà đồng với nhau, đi đến với nhau trong cuộc đấu tranh chống nỗi cô đơn muôn thuở. Đồng thời, với nụ cười hóm hỉnh, dường như tác giả cảnh tỉnh những ai đang đùa bỡn với ái tình, đang lợi dụng tình yêu để thoả nhục dục của mình. Những người đó hãy coi chừng với nỗi cô đơn vì sớm muộn gì thì nó cũng nuốt chửng họn họ sau khi nhục dục đã được thoả. Thiết nghĩ đó là lời cảnh tỉnh mang tính thời đại trong đó bên cạnh những thành tựu vẻ vang chưa từng có mà nhân loại hôm nay đã giành được trên phương diện văn minh vật chất thì chính nó đã thụt lùi so với cha ông mình trên phương diện văn minh tinh thần, chí ít là ở hai điểm hiển nhiên: tình thần lãng mạn và nỗi thảng thốt trong mối tình đầu.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu với độc giả tiểu thuyết ***TÌNH YÊU THỜI THỔ TẢ***.

Nxb.Văn học

Bởi có nữ thiên thần được tấn phong,
đang tiến lên phía trước những nơi này.

LEANDRO DIAS

KHÔNG THỂ ĐỪNG ĐƯỢC: MÙI ĐẮNG CỦA hạnh đào khiến ngài luôn nhớ đến số phận những mối tình ngang trái. Bác sĩ Huvênan Ucbinô cảm nhận điều đó ngay từ khi ngài mới bước vào ngôi nhà lờ mờ tối. Ngài đã phải khẩn cấp đến ngay để lo liệu cho một trường hợp mà lâu nay ngài không còn coi là khẩn cấp nữa. Giêrêmia đê Xanh Amua, một người vùng Antidat[1] lưu vong đến đây, một người tàn phế vì chiến tranh, một bác phó nháy chuyên chụp ảnh cho con nít và một người bạn chơi cờ đam gần gũi hơn cả của ngài, đã tự giải thoát khỏi mọi nỗi dằn vặt trong lương tâm bằng hơi xyanua vàng.

Ngài thấy tử thi được một tấm khăn vải phủ kín nằm trên chiếc giường dã chiến lâu nay y vẫn ngủ. Ngay bên cạnh là chiếc ghế đẩu có đặt một cái bình

---

[1] Quần đảo nằm trong biển Caribê thuộc Trung Mỹ.

dựng chất độc hoá học để xông hơi. Dưới sàn nhà, một con chó săn lông đen có đốm ngực, cổ vẫn còn bị cột vào chân giường, nằm thẳng cẳng. Bên cạnh con chó là mấy chiếc nạng. Căn phòng đã loang lổ sắc màu lại còn ngột ngạt, vốn là phòng ngủ đồng thời là phòng tráng phim ảnh của Giêrêmia đê Xanh Amua, bắt đầu sáng dần lên nhờ ánh ban mai lọt qua một ô cửa sổ cánh mở toang. Tuy ánh sáng vẫn còn yếu ớt nhưng cũng đủ cho ta nhanh chóng nhận ra uy quyền của thần chết. Những cửa sổ khác, cũng như tất cả các khe hở của căn phòng, đều được người ta lấy giẻ rách đút nút hoặc dùng cac-tông đen dán kín lại, do vậy mà căn phòng đã ngột ngạt lại càng ngột ngạt hơn. Trong phòng còn có một chiếc bàn lớn dựng đầy chai lọ không có nhãn và hai chiếc bình hợp kim chì - thiếc, tất cả đều ở dưới ngọn đèn thông dụng bọc giấy điều. Bình thứ ba đựng thuốc định hình là chiếc bình đặt ngay bên cạnh tử thi. Nào báo và tạp chí, nào phim âm bản in trên kính, nào bàn ghế gãy chân để bừa bộn khắp phòng, nhưng tất cả đều sạch bong không một vết bụi nhờ có bàn tay tháo vát lau chùi cẩn thận. Dẫu cho không khí nơi cửa sổ ùa vào làm cho căn phòng thoáng đãng hơn nhưng ở đây vẫn còn hòn than âm ỉ nóng của những mối tình không hạnh phúc mang vị đắng của hạnh đào mà chỉ người tinh tế mới nhận ra. Hơn một lần bác sĩ Huvênan Ucbinô vẫn điểm

đạm nghĩ rằng cái phòng này không phải là nơi thích hợp để chết trong danh thơm của Chúa. Nhưng, với thời gian qua đi ngài cũng kịp nhận ra rằng cái sự bừa bộn trong căn phòng kia có lẽ đã tuân theo quyết định của Đấng Toàn năng.

Một viên sĩ quan cảnh sát tiến đến phía ngài. Theo sau y là một anh sinh viên y khoa trẻ măng đang thực tập tại phòng khám bệnh thành phố của ngài. Trong lúc ngài đang trên đường đến đây, hai người này đã lo mở cửa và quạt cho căn phòng thoáng đãng, lấy tấm vải trùm kín tử thi. Cả hai trang trọng chào bác sĩ để biểu lộ sự chia buồn thống thiết vì không một ai trong số họ không biết mức độ thân thiết trong tình bạn giữa ngài với Giêrêmia đê Xanh Amua. Vị thày học giàu kinh nghiệm xiết chặt tay hai người như lâu nay ngài vẫn làm đối với mỗi sinh viên trước khi bắt đầu bài giảng thường lệ về môn y học thực hành tại buồng bệnh. Sau đó, ngài chìa ngón trỏ và ngón cái, do đó nom bàn tay ngài lúc ấy tựa như một bông hoa hai cánh, ngài cầm lấy mép tấm vải, rồi kính cẩn từ từ lật nó ra và thế là tử thi lộ nguyên hình. Người chết hoàn toàn khoả thân, cứng đơ và co cúm, hai mắt mở trợn trừng, da xanh tái, nom y già hẳn đi năm mươi tuổi so với đêm trước đây. Người chết có đôi con ngươi trong vắt, râu và tóc vàng hoe, bụng mang vết sẹo mổ dài còn in rõ những mối khâu, vai

và hai cánh tay to bè vâm váp nhưng hai bẹn bại liệt lại teo tóp lại. Bác sĩ Huvênan Ucbinô nhìn tử thi hồi lâu, tim ngài đau nhoi nhói ít khi thấy trong những năm tháng dài đằng đẵng của cuộc chiến đấu kém hiệu quả của ngài nhằm chống lại thần chết.

- Đồ hèn, - ngài nói với tử thi. - Điều đốn mạt nhất đã qua đi rồi.

Ngài che khăn vải lại cho tử thi và lấy lại điệu bộ trịnh trọng theo kiểu hàn lâm viện vốn có của mình. Năm ngoái, ngài làm lễ khao thọ tám mươi tuổi kéo dài suốt ba ngày liền. Trong bài diễn văn cảm tạ các tân khách đến dự tiệc, một lần nữa ngài bác bỏ ý định về hưu. Ngài nói: "Tôi còn khối thời giờ để nghỉ ngơi khi nào nhắm mắt xuôi tay, còn bây giờ thì ý định nghỉ ngơi ấy nằm ngoài dự kiến của tôi". Mặc dù tai trái của ngài ngày một nghễnh ngãng hơn, mặc dù mỗi bận đi lại ngài phải chống cây ba toong mũi bịt bạc để bước đi của mình đỡ loạng choạng, ngài vẫn ăn diện như thời xuân trẻ của mình: vận quần áo lanh mịn và khoác một chiếc áo khoác có vắt chéo sợi dây đeo đồng hồ vàng choé. Bộ ria vểnh màu hổ phách, kiểu ria của cụ Paxtơ, mái tóc vàng cũng màu hổ phách được chải ốp có đường ngôi ở giữa, đó là những biểu hiện thường nhật của cá tính con người bác sĩ Huvênan Ucbinô. Trí nhớ suy giảm khiến ngài lo ngay ngáy nhưng ngài đã khắc phục nó bằng cách ghi chép vội vàng

trên những mẩu giấy rồi để lẫn lộn trong các túi áo, túi quần, cũng giống như ngài để lẫn lộn các chai lọ, dụng cụ đồ nghề và các thứ linh tinh khác trong cái túi xách căng phồng. Ngài không chỉ là một thầy thuốc cao niên và sáng giá hơn cả mà còn là con người được kính trọng nhất của thành phố. Nhưng cái thói khoe khoang trí thức của mình cũng như cách thức sử dụng đầy kiêu ngạo tên tuổi của mình khiến ngài ít được mọi người yêu mến.

Những chỉ dẫn của ngài ban cho viên sĩ quan cảnh sát và anh sinh viên thực tập thật là xúc tích và ngắn gọn. Không cần phải mổ tử thi vì cái mùi lẩn quất trong phòng này đã đủ để khẳng định rằng nguyên nhân của cái chết là do nhiễm phải hơi độc của muối xyanua vàng đựng trong bình phản ứng với axit và Giêrêmia đê Xanh Amua đã biết thừa điều đó nên không thể hành động thiếu thận trọng để đến nỗi phải chuốc lấy vạ vào thân. Trước thái độ dè dặt của viên sĩ quan cảnh sát, ngài trấn an ngay: "Anh nên nhớ rằng ta là người ký vào biên bản khám nghiệm tử thi". Anh sinh viên trẻ đứng ngẩn tò te vẻ buồn bã vì theo quyết định của bác sĩ Ucbinô anh ta buộc phải bỏ cơ hội ngàn năm có một để nghiên cứu tác hại của muối xyanua trên tử thi. Bác sĩ Huvênan Ucbinô ngạc nhiên nhận ra rằng chưa lần nào ngài thấy anh ta có mặt tại trường Y. Nhưng cái cung cách anh ta đỏ bừng mặt cũng như

cách nói năng của người vùng núi Anđêt[1] đã giúp bác sĩ Ucbinô hiểu ngay rằng anh ta là người vừa mới đến thành phố này. Ngài nói với anh ta: "Ở đây sẽ chẳng thiếu những thằng điên vì tình để một ngày nào đó sẽ cho anh dịp may nghiên cứu tác động của muối xyanua vàng trên xác chết đấu". Chỉ vào lúc nói như thế ngài mới sực nhớ rằng trong hàng loạt vụ tự tử mà ngài còn nhớ được thì đây là vụ đầu tiên dùng muối xyanua vàng và người tự tử không phải là một gã thất tình. Thế là ngài đổi giọng, nói với anh sinh viên trẻ:

- Khi nào gặp anh hãy chú ý cho: ở những tử thi chết vì hơi độc xyanua vàng thường hay có cát ở trong tim.

Sau đó ngài nói chuyện với viên sĩ quan cảnh sát làm như thể y là người giúp việc của mình. Ngài nói: "Sau đó ta sẽ trực tiếp nói chuyện với quan Thị trưởng". Ngài biết rằng Giêrêmia đê Xanh Amua là một kẻ hà tiện vắt cổ chày ra nước, rằng bằng nghề chụp ảnh y đã thu về gấp bội so với việc chi ra cho các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày, vì thế mà trong một vài ngăn kéo nào đó ở nhà này dứt khoát có tiền và số tiền ấy thừa sức chi phí cho việc chôn cất.

- Nhưng nếu không tìm thấy tiền thì cũng chẳng sao, - ngài nói với viên sĩ quan cảnh sát. - Ta chịu

[1] Dãy núi dài 8.500 km ở Nam Mỹ, chạy dọc theo bờ biển Thái Bình Dương.

hết cho.

Ngài bảo y hãy nói với các nhà báo rằng người thợ ảnh chết vì bệnh thôi, dẫu ngay sau đó ngài nghĩ rằng cái tin này sẽ chẳng làm cho các nhà báo thú vị gì. Ngài nói: "Nếu cần thiết ta sẽ nói chuyện với nhà chức trách". Viên sỹ quan cảnh sát, vốn là một kẻ thừa hành nghiêm chỉnh và khiêm tốn, biết rõ rằng bác sĩ Huvênan Ucbinô là một người nghiêm khắc trong việc bảo vệ luật pháp, không hề biết vì nể ai, từng làm thất vọng ngay cả những người bạn thân cận nhất, do đó y rất lấy làm ngạc nhiên trước việc bác sĩ vượt qua tất cả các quy định của luật pháp để nhanh chóng chôn cất người chết. Việc duy nhất mà y không tán thành là việc bác sĩ Huvênan Ucbinô sẽ xin đức giám mục cho phép chôn Giêrêmia đê Xanh Amua trong nghĩa địa của giáo khu. Viên sỹ quan cảnh sát, khó chịu trước quyết định đường đột của bác sĩ, định can ngăn ngài:

- Thưa ngài, theo chỗ tôi hiểu, con người này là cả một vấn đề đấy.

- Còn hơn thế nữa, - bác sĩ Huvênan Ucbinô nói. - Ông ta là một vị thánh vô thần. Nhưng thôi. Những chuyện đó hãy để cho Chúa phán xử.

Phía bên kia thành phố thời thuộc địa Tây Ban Nha, chuông Nhà Thờ lớn dõng dạc vang lên gọi con chiên đi làm lễ mixa. Bác sĩ Huvênan Ucbinô

đeo đôi kính gọng vàng mắt hình bán nguyệt rồi rút cái đồng hồ quả quít ra để xem giờ. Đó là một cái hộp vuông rất xinh xắn. Ngài bóp mạnh lò xo, nắp hộp bật mở. Ôi, suýt nữa ngài bị lỡ mất lễ Hạ trần.

Trong phòng có một cỗ máy ảnh to, loại máy ảnh kềnh càng có bánh xe y hệt loại vẫn được dùng tại các công viên, một tấm phông vẽ cảnh biển lúc hoàng hôn theo lối tranh thủy mạc, và trên bốn bức tường có treo ảnh trẻ con trong những ngày đáng ghi nhớ của chúng: ngày nhận lễ ban thánh thể đầu tiên, ngày sinh nhật hạnh phúc, ảnh chụp chúng đội lốt thỏ. Những buổi chiều lặng lẽ suy tư trong lúc chơi cờ đam, bác sĩ Huvênan Ucbinô nhìn thấy những bức tường kia, năm này qua năm khác, bị các bức ảnh dần dà che kín và nhiều lần con tim ngài bất thình lình đập đầy đau khổ khi nghĩ rằng trong các bức ảnh ngẫu nhiên đem treo tường kia có những hạt giống của một thành phố tương lai, cái thành phố sẽ bị chính những đứa trẻ kia thống trị, chi phối, và ngài nghĩ trong cái thành phố tương lai ấy sẽ không còn mảy may một dấu vết nào có liên quan đến niềm vinh quang của ngài.

Trên bàn giấy, bên cạnh chiếc đĩa sứ đựng mấy chiếc tẩu thuốc của những tay thủy thủ kỳ cựu là bàn cờ với cuộc đấu chưa kết thúc. Dù đang lúc cần phải khẩn trương và tâm hồn phiền muộn, bác sĩ Huvênan Ucbinô vẫn không thể cưỡng được ý muốn

nghiên cứu ván cờ bị bỏ dở. Ngài biết rằng đó là ván cờ đêm hôm trước, bởi Giêrêmia đê Xanh Amua chiều nào cũng chơi cờ và tuần nào cũng vậy, y chơi với ít nhất ba đối thủ khác nhau và bao giờ cũng chơi cho đến khi xong ván mới thôi, sau đó thu bàn cờ, còn quân cờ bỏ vào một cái hộp rồi cất hộp vào trong ngăn kéo bàn. Ngài biết rằng Giêrêmia đê Xanh Amua bao giờ cũng chơi quân trắng và lần này hiển nhiên là y sẽ thua sau bốn nước nữa, thua không phương cứu chữa. "Nếu là một tội ác thì đây sẽ là chứng tích hiển nhiên, - ngài nói với chính mình. - Chỉ có mình mới biết một người đủ khả năng tạo ra một thế cờ thông minh bậc thày này". Ngài sẽ không thể sống mà không tìm ra lý do vì sao cái người lính ngang ngạnh kia, vốn quen chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, đã bỏ dở trận chiến đấu cuối cùng của đời mình.

Vào lúc sáu giờ sáng, trong lúc đi tuần lần cuối, người tuần đêm nhìn thấy một tấm biển treo ngay trước cửa ăn thông ra đường cái: *Hãy lặng lẽ mà vào và hãy báo cáo cho cảnh sát biết*. Sau đó ít lâu, viên sĩ quan cảnh sát đi cùng với anh sinh viên y khoa đang thực tập đến nhà Giêrêmia đê Xanh Amua. Cả hai cùng lục soát rất kỹ ngôi nhà để tìm kiếm một vài chứng tích hiển nhiên khác hẳn với cái mùi đắng của hạnh đào không thể nhầm lẫn được. Nhưng chỉ trong ít phút dừng lại nghiên cứu

ván cờ bị bỏ dở, viên sĩ quan cảnh sát nhìn thấy một bì thư đề gửi bác sĩ Huvênan Ucbinô nằm giữa những tờ giấy khác. Đó là một phong thư dán hồ rất cẩn thận đến mức phải xé bì mới lấy lá thư ra được. Ngài bác sĩ vén tấm rèm lụa đen ở cửa sổ để căn buồng sáng hơn rồi đọc lướt bức thư mười một tờ giấy viết kín cả hai mặt với chữ viết dễ đọc, đáng yêu. Ngay từ lúc đọc đoạn đầu tiên, bác sĩ biết ngay rằng mình sẽ phải bỏ buổi lễ Hạ trần. Ngài đọc thư mà lòng nôn nao do đó cứ phải lần trở lại mấy trang trước đó để nắm vững mạch văn trong lá thư. Khi đọc xong thư, ngài có cảm giác mình vừa từ nơi rất xa và rất xưa trở về đây. Nỗi lòng xốn xang của ngài được bộc lộ rất rõ mặc dù ngài cố tình che giấu nó: trên làn môi ngài nổi đậm lên màu xám ngoét của tử thi và khi gấp bức thư lại ngài đã không thể ghìm được các ngón tay run rẩy. Ngài cất bức thư vào túi áo khoác ngoài. Lúc này ngài mới sực nhớ đến sự có mặt của viên sĩ quan cảnh sát và anh sinh viên thực tập, rồi ngài mỉm một nụ cười gượng với họ:

- Không có gì đặc biệt cả, - ngài nói. - Đó là những lời nhắn nhủ cuối cùng của ông ta.

Đó là câu nói nửa đùa nửa thật nhưng bọn họ hoàn toàn tin tưởng. Bởi vì ngài bảo họ lật một viên gạch khỏi sàn nhà và họ thấy cuốn sổ ghi chép đã nhàu nát. Trong cuốn sổ này họ đọc được những lời

chỉ dẫn để mở chiếc tủ sắt. Không có quá nhiều tiền như họ tưởng nhưng cũng thừa sức chi dùng cho việc chôn cất và trang trải một số việc cần thiết ít tốn kém hơn. Chính lúc này, bác sĩ Huvênan mới thực sự nhận thức đầy đủ rằng mình không thể đến Nhà Thờ lớn trước lúc đọc kinh Phúc âm.

- Kể từ khi ta biết đến giờ, đây là lần thứ ba ta bỏ lỡ buổi lễ mixa ngày chủ nhật, - ngài nói. - Nhưng Chúa hiểu cho nỗi lòng của ta.

Vậy là ngài muốn ở lại đây thêm ít phút nữa để giải quyết nốt mấy việc vặt vãnh khác cho dù ngài đang cố ghìm nỗi khao khát muốn cùng chia sẻ với vợ những lời tự thú trong bức thư. Ngài tự nhủ lòng sẽ thông báo cho một số người thuộc vùng biển Caribê sống lưu vong ở thành phố này biết tin Giêrêmia đê Xanh Amua đã từ trần để phòng khi họ muốn viếng con người từng xử sự như là người đáng được tôn trọng nhất, con người hăng say và cương quyết dẫu rằng sau đó đã chết vì quá thất vọng. Đó là điều hiển nhiên. Ngài cũng sẽ thông báo cho các bạn cờ của y từ những nhà chuyên gia nổi tiếng đến cả những người bạn ít thân cận hơn để phòng khi tất cả bọn họ muốn tham dự việc chôn cất. Trước khi được biết chúc thư thì ngài còn cả quyết, nhưng sau khi đọc xong lá chúc thư, ngài đâm ra phân vân. Nhưng dù sao chăng nữa cũng phải gửi đến đám tang một vòng hoa dành dành làm như thể Giêrêmia

đê Xanh Amua trước khi chết đã có một lúc ân hận. Đám tang sẽ được cử hành vào lúc năm giờ chiều vì đó là lúc dễ chịu nhất trong những tháng nóng nực. Nếu người ta cần đến ngài thì ngài sẽ có mặt từ lúc mười hai giờ trưa ở ngôi nhà nơi thôn dã của bác sĩ Laxiđêt Ôlivêda, một học trò cưng của ngài, người mời mọi người đến dự bữa cơm trưa thịnh soạn để mừng đám cưới bạc[1] của vợ chồng họ.

Kể từ sau những năm sóng gió ngài tổ chức cuộc tranh cử đầu tiên và ngài đã giành được một sự tôn kính và một danh dự không một ai trong tỉnh này sánh kịp, bác sĩ Huvênan Ucbinô có thói quen dễ thực hiện. Ngài thức dậy từ lúc gà gáy sáng lần đầu và trong giờ này ngài bắt đầu uống các thứ thuốc dùng riêng cho bản thân: thuốc brumua kali để kích thích thần kinh, thuốc xalixylat chống đau rức xương trong thời kỳ mưa bão, từng giọt mạch nha lúa mạch để chống choáng, thuốc bêladon để ngủ an giấc. Cứ mỗi giờ ngài uống một thứ thuốc, luôn luôn uống lén, bởi vì trong cuộc đời dài lâu làm thuốc và làm thầy của mình, bao giờ ngài cũng tỏ thái độ phản đối cái việc kê đơn thuốc giảm đau cho những người già lão. Ngài cho rằng chữa bệnh cho người khác bao giờ cũng dễ hơn chữa bệnh cho chính bản thân. Trong túi áo, ngài luôn luôn mang

[1] Đám cưới bạc là lễ ăn mừng vợ chồng chung sống với nhau được hai mươi nhăm năm.

theo tuýp thuốc long não để ngửi khi không một ai nhìn thấy và với việc ngửi thuốc long não này ngài xua đi cảm giác khó chịu trước mùi hỗn hợp của nhiều loại thuốc.

Ngài ngồi yên trong phòng làm việc một giờ đồng hồ chuẩn bị bài giảng về y học thực hành tại buồng bệnh. Cho đến trước lúc chết, ngày nào cũng vậy suốt từ thứ hai cho đến thứ bảy, ngài đều phải bắt đầu bài giảng từ lúc tám giờ sáng ở trường Y. Ngài còn là bạn đọc cần mẫn của những cuốn sách mới xuất bản mà người ta gửi cho ngài theo đường bưu điện, dù đó là sách gửi từ Pari hay từ Bacxêlôna. Bao giờ cũng vậy, ngài vẫn thích đọc văn học Pháp hơn là văn học được viết bằng tiếng Tây Ban Nha. Dù thế nào chăng nữa, ngài không đọc tiểu thuyết vào buổi sáng mà thường vào sau giấc ngủ trưa hay trước khi đi ngủ buổi tối. Khi kết thúc công việc nghiên cứu bài giảng, ngài thường thở sâu mười lăm phút trong nhà tắm. Hướng mặt về phía cửa sổ mở toang, ngài hít thở thứ không khí trong lành theo gió tươi từ bên phía có tiếng gà gáy sáng ùa vào. Sau đó ngài tắm, ngài sửa lại râu cằm, tỉa tót bộ ria sau khi đã cẩn thận bôi nước hoa hãng Pharian Giêgiênuybec chính hiệu. Ngài vận bộ quần áo trắng bằng vải lanh, khoác một chiếc áo ngoài, đội chiếc mũ mềm, đi đôi ủng da dê nhẵn bóng. Vào tuổi tám mươi mốt này, ngài vẫn giữ được tác

phong ứng xử thoải mái và tính tình vui vẻ từ thời ngài mới từ Pari trở về, ít lâu sau nạn dịch tả khủng khiếp xẩy ra ở thành phố này, và ngài vẫn giữ được mái tóc chải mượt có đường ngôi giữa như thời trai trẻ, chỉ khác trước ở chỗ bây giờ mái tóc ấy đã ngả màu cước trắng. Ngài ăn sáng cùng gia đình nhưng với chế độ riêng: nước sắc hoa ngải cứu dễ nhuận tràng và một củ tỏi bóc thành từng tép rồi nhai từng tép một cùng miếng bánh mỳ gối với sự tin tưởng rằng tỏi sẽ giúp cho nhịp tim đập điều hoà. Sau bài giảng ở trường Y, hãn hữu lắm ngài mới không có hẹn gặp các bạn cùng thảo ra quy tắc công cộng, với các bạn nghệ sĩ và hoạt động xã hội, hoặc với những nhà quân sự theo đạo Thiên Chúa.

Hầu như ngài luôn luôn ăn trưa tại gia đình. Sau đó ngài ngồi ở ngoài hiên nhà mà ngủ chừng độ mười phút và trong lúc ngủ mơ màng ấy ngài nghe tiếng hát của các cô hầu gái vang lên từ dưới gốc những cây xoài rợp bóng, nghe tiếng rao hàng ở ngoài đường phố, nghe tiếng ồn của máy nổ các tầu thuyền ngoài bến cảng mà mùi dầu của chúng lan đến tận đây, lởn vởn trong không khí ngôi nhà vào các buổi chiều oi nóng, nó giống như thứ mùi của một vị thần bị đầy ải trong ẩm mục. Sau đó ngài đọc sách trong khoảng một giờ, đặc biệt là sách truyện và sách nghiên cứu lịch sử, và dạy tiếng Pháp và bài hát cho chú vẹt nuôi, vốn từ lâu đã là

trò tiêu khiển cho cả khu vực này. Vào lúc bốn giờ chiều sau khi uống xong cốc nước chanh đá, ngài đi thăm bệnh nhân của mình. Bất chấp tuổi tác, ngài vẫn tiếp tục tiếp khách trong phòng khám riêng và chăm sóc họ ngay tại nhà riêng của từng người, như lâu nay đã làm vậy, từ thời thành phố này chưa sầm uất mà ngài có thể đi bộ đến bất kỳ nơi nào của nó.

Kể từ khi lần đầu tiên từ châu Âu trở về, ngài dùng xe song mã hai mui do hai chú ngựa hồng kéo. Nhưng khi loại xe này không được dùng nữa ngài lại chuyển sang dùng xe độc mã mui trần để đi lại trong thành phố. Sau đó ngài vẫn tiếp tục sử dụng chiếc xe này mặc dù thiên hạ đang chạy theo mốt bỏ xe ngựa dùng xe ôtô. Ngay cả khi xe ngựa không được dùng trong thành phố trừ những chiếc xe ngựa chở các khách du lịch hoặc chở vòng hoa trong các đám tang, ngài vẫn cứ dùng xe ngựa. Mặc dù không chịu nghỉ hưu, ngài ý thức rất rõ rằng người ta chỉ gọi mình đến chăm non các trường hợp thập tử nhất sinh, nhưng ngài cho rằng cả việc này cũng là một hình thức chuyên môn hoá. Ngài có đủ khả năng chỉ nhìn biểu hiện bề ngoài đã biết bệnh nhân ấy đang mắc bệnh gì và ngài ngày càng không tin vào việc dùng thuốc và tỏ thái độ dè chừng trước việc áp dụng rộng rãi giải phẫu học. Ngài bảo rằng: "Con dao mổ là bằng chứng lớn nhất về sự thất bại trong việc sử dụng thuốc". Với một quan điểm chặt

chẽ, ngài nghĩ rằng thuốc là chất độc và rằng bảy mươi phần trăm thức ăn của con người đều đẩy con người đi nhanh đến cái chết. "Trong tất cả mọi trường hợp - ngài vẫn thường nói tại lớp học - số thuốc ít ỏi mà con người biết đến chỉ có một số rất ít thầy thuốc biết được mà thôi". Từ cách sống vui vẻ, trẻ trung và yêu đời, ngài đã chuyển sang cách sống bi quan yếm thế mà chính ngài định nghĩa là một chủ nghĩa nhân văn định mệnh: "Mỗi người là chủ của cái chết của chính mình và điều duy nhất mà chúng ta có thể làm được, khi số mệnh đã hết, là giúp cho người ta chết không sợ hãi và không đau đớn". Nhưng dù cho ngài có những quan điểm lạ lùng ấy - những quan niệm đã hình thành nên quan niệm y học dân gian địa phương - các học trò cũ của ngài ngay khi đã trở thành những nhà chuyên môn nổi tiếng rồi vẫn tiếp tục tham bác ý kiến của ngài vì họ tán đồng với ngài về quan niệm ấy vốn được gọi là con mắt nghề nghiệp. Muốn nói gì thì nói, ngài luôn luôn là một thày thuốc cao giá và độc đáo và khách hàng của ngài toàn là dân sống trong những ngôi biệt thự tập trung tại khu phố mang tên Lôt Virâydêt[1].

Bác sĩ Huvênan Ucbinô làm việc theo một thời gian biểu hết sức nghiêm túc đến mức bà vợ ngài

[1] Nghĩa: Các vị Phó Vương.

biết chính xác ngài đang ở đâu để sai người đến tìm và chuyển cho ngài một vài lời nhắn nhủ nếu trong buổi chiều ấy có chuyện gì khẩn cấp xảy ra. Thời còn trẻ ngài hay nấn ná ngồi lâu ở quán cà phê Parôkia. Tại đây ngài luyện tập nước cờ cùng với những kẻ đồng mưu, với ông bố vợ ngài, hoặc với những người vùng Caribê lưu vong đến thành phố. Nhưng bước sang những năm tháng đầu tiên của thế kỷ này ngài không trở lại quán cà phê Parôkia và ngài lại lao vào việc tổ chức các cuộc thi đấu quốc gia được Câu lạc bộ Xã hội bảo trợ. Đó là thời kỳ Giêrêmia đê Xanh Amua, trong tình trạng hai đầu gối liệt và chưa làm nghề chụp ảnh cho trẻ nhỏ, đến hành phố này và sau ba tháng y liền được mọi người thừa nhận là người biết đi quân cờ trên bàn cờ bởi không một ai thắng nổi y lấy một ván. Cuộc gặp gỡ với Giêrêmia đê Xanh Amua là một cuộc gặp gỡ thần kỳ vì lúc ấy cờ đam đã trở thành một hứng thú không thể cưỡng lại được đối với bác sĩ Huvênan Ucbinô và không còn nhiều đối thủ để ngài thoả cơn khát giành chiến thắng.

Nhờ có bác sĩ Huvênan Ucbinô, Giêrêmia đê Xanh Amua mới được chúng tôi tôn trọng. Bác sĩ Huvênan Ucbinô trở thành người bảo trợ không điều kiện, trở thành chỗ tin cậy của tất cả chúng tôi, đến mức khi nghe ngài nói chúng tôi chẳng phải mất công tìm hiểu xem y là ai, làm gì và vì cuộc

chiến tranh vô nghĩa nào mà y đến đây trong tình trạng tàn phế và đói khổ như vậy. Ngài còn cho y vay tiền để mở cửa hàng chụp ảnh. Giêrêmia đê Xanh Amua phải trả cho ngài một số lượng lớn rượu ngon và cả đồng tiền vàng cuối cùng của mình ngay từ ngày chụp kiểu ảnh đầu tiên cho đứa trẻ hốt hoảng trước ánh đèn manhê chớp sáng.

Tất cả đều do cờ đam mà thôi. Lúc đầu hai người chơi cờ với nhau từ bảy giờ tối, sau bữa cơm chiều. Bác sĩ thường giành phần thắng nhiều hơn do đối thủ của mình biết kín đáo nhường nhịn. Càng chơi bác sĩ càng ít giành được phần thắng và sau đó hai người chơi ngang sức nhau và trở thành bạn cờ tâm đắc của nhau. Về sau này, khi đôn[1] Galilêô Đacôntê lập bãi chiếu bóng đầu tiên ở thành phố và Giêrêmia đê Xanh Amua trở thành khách hàng đúng giờ nhất của ngài thì các buổi chơi cờ đam bị thu hẹp trong khoảng thời gian còn lại sau buổi chiếu phim. Thế là Giêrêmia đê Xanh Amua làm bạn rất thân với bác sĩ đến độ bác sĩ luôn luôn cùng đi xem với y nhưng ngài không dẫn vợ đi theo phần vì bà không đủ kiên nhẫn theo dõi những bộ phim lắt léo khó hiểu, phần vì ngài nghĩ rằng Giêrêmia đê Xanh Amua khó chịu khi có thêm người khác ở bên cạnh.

Chủ nhật là ngày khác hẳn của ngài. Ngài dự lễ

[1] Từ tôn xưng, nghĩa: ngài, ông.

mixa ở Nhà Thờ lớn, sau đó trở về nằm nghỉ và đọc sách ở ngoài hành lang. Rất ít khi ngài đi thăm người bệnh trong ngày nghỉ của mình, ngoại trừ trường hợp thật khẩn cấp, và cũng đã nhiều năm nay ngài không tham gia các hoạt động xã hội trừ trường hợp bắt buộc. Cái ngày lễ Hạ trần ấy, do một sự trùng hợp hiếm có, đã xảy ra hai sự kiện lạ lùng: cái chết của người bạn và đám cưới bạc của một môn đệ xuất sắc. Mặc dù đáng lẽ đi thẳng về nhà như đã dự định sau khi ký để xác nhận cái chết của Giêrêmia đê Xanh Amua thì ngài lại để cho tính tò mò dắt dẫn mình.

Ngay sau khi lên xe ngồi, ngài đọc lại ngay một lần nữa bức chúc thư và bảo gã xà ích đánh xe đưa mình đến ngôi nhà có địa chỉ rất khó tìm trong xóm cổ của những nô lệ. Quyết định ấy rất khác thường trong thói quen của ngài đến mức gã xà ích phải hỏi lại để xem có nhầm lẫn gì không. Không có gì nhầm lẫn cả: địa chỉ rất rõ ràng và người viết địa chỉ ấy hoàn toàn có đầy đủ lí do để cam đoan rằng mình biết rất rõ nó. Lúc ấy, bác sĩ Huvênan Ucbinô trở lại đọc tờ thư đầu tiên và thế là ngài liền chìm đắm trong suy tưởng về những mối quan hệ không hề mong mỏi sẽ có thể làm thay đổi cuộc đời ngài, ngay cả khi ngài đã ở tuổi tám mươi mốt rồi, nếu như ngài tự chiến thắng được bản thân để tin rằng cái chết của Giêrêmia đê Xanh Amua không phải là

những cơn điên loạn của kẻ mất hết lòng tin gây nên.

Hôm ấy, ngay từ sáng tinh mơ thời tiết đã bắt đầu thay đổi, trời đầy mây, không khí dịu mát, nhưng chưa hề có biểu hiện nào chứng tỏ sẽ mưa trước giờ ngọ. Cố tìm con đường ngắn nhất, gã xà ích cho xe chạy len lỏi trên những con đường hẹp lởm chởm đá trong thành phố thời thuộc địa Tây Ban Nha, và nhiều lần gã buộc phải dừng xe để cho chú ngựa đỡ hoảng hốt trước sự huyên náo của những đám đông học sinh và giáo dân từ trong Nhà Thờ lớn đi ra, sau khi đã làm xong các nghi lễ của ngày lễ Hạ trần. Trên các đường phố ồn vang tiếng nhạc, sặc sỡ hoa và các vòng hoa giấy, và từ trên ban công, các thiếu nữ che ô màu sặc sỡ, thắt những chiếc nơ bằng vải muxơlin đang đứng xem lễ hội diễu qua đường phố. Trên quảng trường Nhà Thờ lớn, nơi có bức tượng Nhà Giải phóng nổi bật lên giữa những cây panma giống Phi và những ngọn đèn phà hình cầu, xe ôtô đậu chật như nêm. Trong quán cà phê Parôkia cổ kính và điêu tàn kia, người đông không có chỗ đặt chân. Chiếc xe ngựa duy nhất là chiếc xe của bác sĩ Huvênan Ucbinô và nó là chiếc xe độc đáo trong số những chiếc xe ngựa còn lại trong thành phố, bởi vì nó vẫn còn giữ được cái màu bóng nhoáng của mui xe màu be, có các tay vịn làm bằng đồng để chống gỉ, các bánh xe sơn đỏ với đường viền sơn màu

vàng, y hệt như những chiếc xe trong đêm huy hoàng trình diễn Nhạc kịch ở thành Viên. Mặt khác, trong lúc các gia đình giàu có thích chưng diện đã cho phép các tay đánh xe được mặc sơ mi sạch sẽ thì ngài vẫn đòi hỏi gã xà ích của mình phải mặc quần áo nỉ của người hầu, đội chiếc mũ sâu ống của diễn viên xiếc mà những thứ này ngoài vẻ cổ lỗ ra chúng còn khiến cho kẻ mặc phải chịu bao nỗi khổ sở trong ngày đại thử ở vùng nhiệt đới Caribê.

Dẫu có yêu cuồng nhiệt thành phố và có quen thuộc nó hơn bất kỳ ai, bác sĩ Huvênan Ucbinô rất ít khi có cơ hội như cái cơ hội của ngày chủ nhật ấy để huênh hoang mạo hiểm trong cái xóm cổ đầy huyên náo của những người nô lệ. Gã xà ích phải đánh xe vòng đi vòng lại nhiều lần và vài lần hỏi thăm địa chỉ. Bác sĩ Huvênan Ucbinô nhận thấy đâu đây cái không khí nặng nề của vùng đầm lầy, sự cô quạnh chết chóc của nó cũng như cái mùi khó chịu đến ngạt thở của nó nhiều lần lẫn trong hương nhài ngoài sân đã bay đến tận phòng ngủ của ngài và ngài cảm thấy nó đi qua như một làn gió xa xưa chẳng hề liên quan gì đến đời tư của mình. Nhưng cái mùi khó chịu ấy nhiều lần được nỗi nhớ nhung lý tưởng hoá đã biến thành một thực tại khó chịu đến nôn mửa, khi cỗ xe ngựa bắt đầu nhấy chồm chồm lên những vũng bùn trên đường cái là nơi bầy quạ đang tranh nhau những thứ thải của lò mổ nổi

lềnh bềnh trên mặt nước sông. Khác với thành phố đế vương mà các ngôi nhà của nó đều là những công trình xây cất đắt tiền, thì nhà ở đây đều làm bằng gỗ mái lợp tôn và hầu hết đều dựng trên các cột trụ để tránh nước từ các cống rãnh được đào từ thời người Tây Ban Nha còn thống trị tràn vào nhà. Khung cảnh nơi đây mang vẻ thiếu não không có chỗ nương thân nhưng trái lại, từ các quán cãng tin lại vọng ra tiếng nhạc vui vẻ xả láng của những người nghèo khó không hề quan tâm đến sự có mặt của Chúa cũng như ngày lễ Hạ Trần. Khi họ tìm được ngôi nhà theo đúng địa chỉ, một bầy trẻ nhỏ mình trần như nhộng chạy theo xe. Chúng vừa chạy theo vừa chế nhạo bộ quần áo và chiếc mũ hề của gã xà ích và gã đã phải giơ cái roi ra để xua đuổi chúng. Khi sẵn sàng bước vào một cuộc viếng thăm đầy tin cẩn, bác sĩ Huvênan Ucbinô bỗng thấy đã quá muộn để hiểu ra rằng chẳng có một sự ngu ngốc nào đáng sợ hơn là sự ngu ngốc của tuổi già.

Bề ngoài ngôi nhà không số chẳng có gì khác biệt với các ngôi nhà kém hạnh phúc khác ngoại trừ cái rèm đăng ten nơi cửa sổ và cánh cửa ra vào là của một ngôi nhà thờ cũ nào đó được gỡ đem về đây lắp vào. Gã xà ích đập rõ mạnh cái vồ gọi cửa, và khi tin chắc rằng mình đã tìm đúng nhà, gà liền dìu bác sĩ xuống xe. Cánh cửa lớn nhẹ nhàng mở ra không một tiếng động. Một người đàn bà đứng tuổi vận đồ

đen tuyền, mang tai gài một bông hồng đỏ thắm đứng ở bên trong. Mặc dù nhiều tuổi, không thể dưới bốn mươi, người đàn bà ấy vẫn giữ được dáng son trẻ của gái lai đen, đôi mắt rực sáng long lanh, mái tóc mượt mà nom tựa như một chiếc mũ bông ôm lấy đầu. Bác sĩ Huvênan Ucbinô không nhận ra bà ta dù rằng đã vài lần ngài nhìn thấy bà trong lúc mải suy nghĩ trên bàn cờ đam tại phòng chụp ảnh, và có đôi lần ngài tự tay kê đơn cho bà ta, mua vài vỉ thuốc kinin để trị bệnh sốt rét cách nhật. Bác sĩ chìa tay cho bà ta và bà ta cũng chìa hai tay nắm lấy bàn tay ngài, dường như để giúp ngài bước vào nhà hơn là để chào ngài. Phòng khách mang hương vị và tiếng rì rào thầm thì của một vườn hoa tươi, kê đầy bàn ghế, giường tủ và các đồ vật quí giá khác, mỗi thứ đều được để đúng vị trí tự nhiên của chúng. Bác sĩ Huvênan Ucbinô bình thản nhớ lại cửa hàng của một người bán đồ cổ ở Pari tại số nhà 26 phố Môngmactơ vào một ngày thứ hai một mùa thu thế kỷ trước. Người đàn bà ngồi đối diện với ngài và nói với ngài bằng một thứ tiếng Tây Ban Nha còn ngượng nghịu.

- Thưa bác sĩ, xin ngài cứ tự nhiên cho, - bà ta nói. - Thực lòng tôi không dám nghĩ rằng ngài lại đến thăm tôi nhanh đến như thế này.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô đâm ra lúng túng. Với trái tim chân thành ngài chú ý quan sát bà ta, quan sát

cách thức để tang rất thống thiết của bà, quan sát cái vẻ cao thượng trong sự im lặng của bà và thế là ngài hiểu rằng chuyến đi thăm của mình là vô ích, bởi vì bà ta biết nhiều hơn ngài về tất cả những gì được nói và khẳng định trong bức chúc thư cuả Giêrêmia đê Xanh Amua. Đúng như vậy, cho đến những giờ phút gần xảy ra cái chết, bà ta đã ở bên cạnh y như bà ta từng ở bên cạnh y trong suốt gần hai mươi năm với một tình cảm tha thiết và mến thương dịu hiền còn hơn cả tình yêu và không một ai trong cái thành phố tỉnh lẻ mơ mộng này, nơi từ chuyện lớn đến chuyện nhỏ, chuyện công khai đến chuyện riêng tư bị mọi người phát giác và bàn tán, đã biết chuyện riêng của hai người. Họ quen nhau trong một nhà tế bần của khách giang hồ ở Port-au Prinxê, nơi bà ta sinh trưởng và là nơi y tá túc trong buổi đầu chạy trốn. Một năm sau khi đến thành phố này, bà ta cũng đến đây thăm y trong một thời gian ngắn, dẫu rằng cả hai người tuy không giao kèo với nhau nhưng đều biết chắc rằng bà ta sẽ ở lại đây mãi mãi. Mỗi tuần một lần bà ta lo lau quét, dọn dẹp phòng tráng phim rửa ảnh, nhưng ngay cả những người hàng xóm chậm hiểu nhất cũng không nhầm lẫn giữa biểu hiện bên ngoài với thực chất bên trong, vì cũng như tất cả mọi người họ đoán rằng sự tàn tật không chỉ gây khó khăn cho Giêrêmia đê Xanh Amua trong việc đi lại. Trên cơ sở y học, bác sĩ Huvênan Ucbinô cũng đoán như vậy, nhưng chưa bao giờ ngài

tin rằng Giêrêmia đê Xanh Amua có một người đàn bà nếu ngài không đọc điều đó trong bức chúc thư. Muốn nói gì thì nói, bác sĩ Huvênan Ucbinô phải vất vả lắm mới hiểu được rằng hai người lớn tuổi, trai chưa vợ, gái chưa chồng, sống tự do, ngoài vòng dư luận cổ hủ của một xã hội kiêu ngạo, đã chọn cái ngẫu nhiên của những mối tình bị cấm đoán. Bà ta đã giải thích điều đó như thế này: "Đó là sở thích của anh ấy". Ngoài ra bà ta hài lòng sống trong điều kiện lén lút để được chia sẻ với một người đàn ông không hoàn toàn thuộc về mình và chính trong điều kiện ấy cả hai người nhiều lần được tận hưởng những phút giây kỳ ảo của hạnh phúc bừng nở. Bởi thế, hơn thế nữa, cuộc sống đã chứng minh cho bà ta thấy rõ rằng có lẽ sống như vậy là một kiểu mẫu.

Đêm trước họ cùng nhau đi xem phim, mỗi người ngồi một chỗ riêng rẽ, như lâu nay họ cùng đi mỗi tháng hai lần kể từ khi *đón* Galilêô Đacôntê, một người Ý di cư đến đây, lập bãi chiếu bóng ngay trên đống đổ nát của một tu viện thế kỷ XVII. Họ xem bộ phim dựa trên một cuốn sách từng là mốt của năm ngoái và bác sĩ Huvênan Ucbinô đọc nó mà trái tim ngài quặn đau bởi tính chất tàn bạo của chiến tranh, đó là cuốn *Phía tây không có gì lạ*[1]. Sau đó họ cùng tụ hội trong phòng tráng phim rửa

[1] Tiểu thuyết của văn hào Đức Remarque.

ảnh và bà ta thấy y có vẻ thẫn thờ buồn nhớ, đã nghĩ rằng đó là do tác động của những cảnh phim thể hiện những người bị thương sắp chết quằn quại trên bùn lầy. Để giải phiền, bà mời y cùng chơi một ván cờ đam. Y chấp nhận để làm vừa lòng bà, nhưng y chơi một cách hờ hững bên quân trắng, dĩ nhiên rồi, cho đến khi y nhận ra chỉ bốn nước cờ nữa y sẽ bị chiếu hết, thế là y đầu hàng. Vậy là bác sĩ Huvênan Ucbinô hiểu rằng người chơi ván cờ cuối cùng ấy là bà ta chứ không phải là tướng Hêrônimô Acgôtê như ngài vẫn nghĩ. Ngài ngạc nhiên thốt lên:

- Đó là một ván cờ tuyệt vời!

Bà ta từ chối lời khen ngợi đó và bảo rằng chiến tích ấy không phải là của mình mà chẳng qua là vì Giêrêmia đê Xanh Amua đang hoảng hốt trước cái chết, đã hờ hững đi quân cờ. Khi ngừng chơi cờ, có lẽ đã là lúc mười một giờ mười lăm rồi, vì các quán nhẩy vừa ngừng chơi nhạc, y đề nghị bà hãy để cho y được ở một mình. Y muốn viết một bức thư cho bác sĩ Huvênan Ucbinô, người mà y coi là đáng kính trọng nhất trong số những người y quen biết và hơn nữa ngài còn là một người bạn tâm tình, đúng như cách nói của y, dẫu rằng khuyết tật chung của cả hai người là thói chơi cờ đam như một cuộc đối thoại lý lẽ với nhau chứ không phải là một khoa học. Thế là bà ta hiểu ngay rằng y đã đi tới giới hạn

cuối cùng của nỗi lo âu khắc khoải và bà ta cũng hiểu rằng y không còn thời gian sống lâu hơn nữa nên cần phải viết ngay bức thư. Bác sĩ không thể tin được điều đó.

- Thế ra bà đã biết hết rồi - ngài nói.

Bà ta thừa nhận rằng không những biết mà bà còn giúp y vượt qua nỗi khắc khoải lo âu, với chính tình yêu thương đã giúp y nhận ra hạnh phúc. Bởi vì đó là một nỗi khắc khoải lo âu đến kinh người kéo dài trong suốt mười một tháng cuối cùng của đời y.

- Nghĩa vụ của bà là phải nói điều đó cho mọi người biết, - bác sĩ nói.

- Tôi không thể làm được điều đó, - bà ta tức giận nói. - Tôi rất yêu anh ấy!

Bác sĩ Huvênan Ucbinô, vốn nghĩ rằng mình đã nghe tất cả, chưa bao giờ được nghe nói về những điều tương tự như thế và chúng được nói bằng một hình thức giản dị. Ngài tập trung cả năm giác quan nhìn thẳng vào mặt bà ta để khắc sâu hình ảnh bà ta trong khoảnh khắc ấy vào ký ức mình: bà ta giống như một nữ thần sống, mãnh liệt trong bộ đồ đen, đôi mắt như mắt rắn và bông hồng thắm đỏ gài trên mang tai. Đã lâu lắm rồi, cái hồi còn ở trên một bãi tắm cô đơn ở Haiti, hai người vừa làm tình với nhau xong còn đang nằm khoả thân trên bãi cát, Giêrêmia đê Xanh Amua, bỗng thở hổn hển nói với bà ta: "Anh mãi mãi trẻ trung". Bà ta giải thích câu

nói ấy như mục đích anh hùng của cuộc chiến đấu không pháo đài chống lại sự tàn phá của thời gian, nhưng y lại là người thẳng thắn và thực tế hơn cả: y quyết tâm từ bỏ cõi đời này vào lúc sáu mươi tuổi.

Quả nhiên, y sẽ mừng sinh nhật sáu mươi tuổi vào ngày 23 tháng giêng năm ấy, do vậy mà y đã chọn đêm trước lễ Hạ trần, một ngày lễ lớn nhất của thành phố sùng kính tôn giáo của Đức Chúa Thánh thần, là đêm cuối cùng của đời mình. Không một chi tiết nào của đêm trước mà bà ta không biết chắc chắn và họ cùng nói với nhau về chuyện đó một cách thường xuyên, và cùng nhau đau xót trước dòng thác sôi trào của những ngày mà cả y và cả bà ta không có cách nào chặn lại được. Giêrêmia đê Xanh Amua yêu cuộc đời với một đam mê trong sáng, yêu biển và yêu tình yêu của mình, yêu con chó và yêu bà ta, và khi ngày lễ Hạ trần đến gần thì y hầu như hoàn toàn tuyệt vọng, như thể cái chết của y không phải là một giải pháp do chính y lựa chọn mà là một số phận không thể cưỡng lại được.

- Đêm qua khi tôi ra về để anh ấy ở lại một mình, tôi thấy anh ấy không còn là người của cõi đời này nữa, - bà ta nói.

Bà ta muốn con chó theo mình nhưng y ngắm nhìn nó đang ngủ ngay bên cạnh mấy chiếc nạng và y lấy ngón tay gãi nựng nó. Y bảo: "Anh lấy làm tiếc không thể chiều theo ý muốn của em. Nhưng

con chó này, cái ngài Uađrô Uynsơn này sẽ cùng đi với anh". Y bảo bà ta hãy cột con chó vào chân giường trong lúc y ngồi viết thư. Bà ta vâng lời, cột hờ con chó vào chân giường để phòng khi nào muốn nó có thể xổng ra được. Đó là một hành động không trung thành duy nhất của bà ta đối với y và đã được đôi mắt luôn luôn nhớ người chủ của con chó chứng thực. Nhưng bác sĩ Huvênan Ucbinô đã ngắt lời bà ta để kể rằng con chó vẫn nằm nguyên chỗ đó. Bà ta bảo: "Vậy là nó không muốn đi ấy thôi". Bà ta vui lên vì bà ta muốn tiếp tục tưởng nhớ đến người yêu đã quá cố như y đã đề nghị đêm trước khi y ngừng việc viết thư lại và đắm đuối nhìn bà ta:

- Hãy nhớ anh bằng bông hồng đỏ thắm em nhé!, - y nói.

Bà ta trở về nhà mình vào lúc quá nửa đêm một chút. Mặc nguyên quần áo, bà ta nằm xuống giường, rồi châm một điếu thuốc lá nối thêm đầu mẩu điếu thuốc hút dở để có thêm thời gian đợi cho đến khi y kết thúc lá thư mà bà ta biết rằng nó dài và khó viết. Trước lúc ba giờ một ít, khi chó bỗng nhiên bắt đầu sủa rộ lên, bà ta đi đặt nước để pha cà phê, mặc đồ tang rồi ra vườn hái một bông hồng thắm đỏ vừa nở lúc khuya. Bác sĩ Huvênan Ucbinô bỗng hiểu rằng mình đã dần dần từ bỏ ký ức về một người đàn bà cố chấp từ lúc nào và ngài tin rằng mình đã biết được nguyên nhân: đó chẳng qua chỉ

tại vì là một người đàn bà không có nguyên tắc sống thì mới vui vẻ chịu đựng nỗi đau đến như vậy.

Bà ta còn nói thêm một số chuyện nữa cho đến cuối buổi viếng thăm của bác sĩ. Bà ta không đi dự đám tang vì đã hứa điều ấy với người yêu của mình mặc dù bác sĩ Huvênan Ucbinô lại hiểu ngược lại theo như đoạn cuối trong lá chúc thư. Bà ta sẽ không chảy một giọt nước mắt, sẽ không phí hoài một phút giây trong quãng đời còn lại của mình để chỉ tâm tâm niệm niệm đến người đã khuất, sẽ không tự chôn sống mình trong bốn bức tường nhà này để khâu tấm vải liệm cho mình như các bà goá ở đây vẫn thường làm. Bà ta nghĩ đến việc bán đi ngôi nhà của Giêrêmia mà từ bây giờ nó đã là của bà với tất cả những gì có trong ngôi nhà ấy, theo như đã ghi trong bức chúc thư, và bà sẽ tiếp tục sống như lâu nay vẫn sống và sẽ không hề ca thán gì ở cái xứ sở tàn tạ này của những người nghèo mà nhờ đó bà đã sung sướng được hưởng hạnh phúc.

Trên đường trở về nhà mình, câu "cái xứ sở tàn tạ này" cứ theo miết bác sĩ Huvênan Ucbinô. Câu ấy không phải là một nhận định vô cớ. Bởi thành phố này, thành phố của ngài, vẫn trường tồn như thế ở bên lề thời gian: vẫn chính là cái thành phố oi bức và khô cằn, là thành phố của những nỗi kinh hoàng về ban đêm, của máu và những cuộc vui thác loạn cô đơn của tuổi trẻ, là nơi hoa bị rỉ và muối chảy

nước, và là thành phố không hề có mảy may một sự đổi thay trong suốt bốn thế kỷ nay, ngoại trừ việc tự nó già cỗi đi giữa những cành nguyệt quế héo úa và đầm lầy sình đọng. Về mùa đông, một vài trận mưa rào trút nước xuống khiến nước dềnh lên khỏi các ao tù tràn ra đường làm cho đường phố chìm trong một thứ nước bùn kinh tởm đến nôn mửa. Về mùa hạ, một thứ bụi không nhìn rõ, khó chịu như bụi phấn màu đỏ tươi, chui vào tận nơi sâu kín nhất mà ta có thể tưởng tượng, bay mù mịt theo những cơn lốc điên cuồng làm tốc mái những ngôi nhà và cuốn theo những trẻ nhỏ. Những ngày thứ bảy, đám dân lai đen ồn ào rời bỏ những túp lều thưng che bằng giấy các-tông và sắt tây dựng bên bờ các hồ đầm để cùng nhau vui thú kéo ra bãi biển lởm chởm đá thuộc thành phố thời thuộc địa Tây Ban Nha. Họ mang theo những con vật nuôi, các đồ ăn và thức uống. Trong số các cụ già nhất có một số người còn mang trên ngực vết sẹo cháy do người ta đóng vào đấy con dấu nô lệ. Trong những ngày cuối tuần họ nhẩy như điên dại, họ say cho đến chết bằng thứ rượu cất lấy ở nhà mình, họ ân ái với nhau ngay giữa những bụi cây *icacô*, rồi đến nửa đêm ngày chủ nhật, họ phá đám *các cuộc nhẩy phandănggô* bằng chính những cuộc ẩu đả đẫm máu giữa họ với nhau. Đó vẫn là đám dân ngổ ngáo mà vào những ngày cuối tuần thường vẫn tràn vào các quảng

trường và các đường phố nhỏ trong các khu phố cổ với những quán hàng có thể mua và bán, và như vậy họ khiến cho cả thành phố vốn im lìm như chết này, chìm trong niềm vui buông thả của hội chợ nhân loại sực nức mùi cá rán: đó là một cuộc sống mới.

Nền độc lập giành được từ tay bọn Tây Ban Nha và sau đó là sự xoá bỏ chế độ nô lệ đã đưa đến sự sụp đổ của giới thượng lưu trong đó bác sĩ Huvênan Ucbinô sinh ra và lớn lên. Những gia đình giàu có đầy thế lực trước đây lặng lẽ mai một trong chính những dinh thự xơ xác của họ. Trong những ngõ hẻm thuộc các đường phố lát đá rất kiên cố từng bị chiến tranh và bọn cướp biển bất thình lình ập đến phá phách, nay cỏ mọc um tùm trên những ban công và trên những bức tường thành xây gạch, ngay cả những ngôi nhà nguy nga nữa tường cũng đã nứt nẻ và biểu hiện duy nhất của sự sống vào lúc hai giờ chiều là những bản nhạc tập pianô vang lên từ trong bóng râm những trưa hè. Bên trong những ngôi nhà, trong những phòng sực nức mùi hương, các phụ nữ tránh ánh nắng như thể họ tránh một bệnh dịch hay lây và ngay cả trong các buổi cầu kinh trước lúc mặt trời mọc, các bà cũng dùng mạng che mặt. Tình yêu đến với các cô gái quý phái này thật là muộn mằn, vất vả, thường bị đảo lộn bởi những điềm báo bất hạnh và đối với các cô này cuộc đời dài tưởng như vô tận. Tối đến, trong

khoảnh khắc căng thẳng lúc trời chạng vạng tối, hàng đàn muỗi xăngcudô[1] từ các đầm lầy y như cơn lốc vù vù bay vào các ngôi nhà vương theo cái mùi phân người nồng nặc, và ý nghĩ sáng tỏ về sự chết chóc khuấy động tới đáy sâu tâm hồn.

Vậy đó là cuộc sống đích thực của thành phố thời thuộc địa Tây Ban Nha mà anh thanh niên Huvênan Ucbinô thường lý tưởng hoá trong niềm nhớ nhung quê hương khi anh ta học ở thủ đô Pari. Lúc ấy nó chỉ là một ảo ảnh của ký ức mà thôi. Ở thế kỷ XVIII, gia đình Ucbinô là gia đình thương gia giàu có nhất vùng Caribê và nổi tiếng là gia đình chuyên môn buôn bán nô lệ Phi châu ở châu Mỹ. Ngoài ra phủ thống sứ của các vị Phó vương trong triều đình mới ở Granada[2], những người muốn từ đây, từ bên bờ Thái Bình dương này, chỉ huy tất cả thế giới chứ không chỉ ở cái thành phố xa lạ và lạnh buốt mà những cơn mưa phùn hàng thế kỷ của nó làm sai lạc cảm quan về thực tại. Mỗi năm vài lần các đội thuyền chở đầy của cải từ Pôtôsi[3], từ Kitô[4], từ Vêracrut[5], về đây tập trung ở ngoài cảng và lúc ấy thành phố thực sự sống những năm tháng huy hoàng

---

[1] Một loại muỗi to ở châu Mỹ.

[2] Một thành phố ở châu Nam Mỹ, nay thuộc nước Nicaragoa. Ở đây ám chỉ chính quyền thực dân Tây Ban Nha.

[3] Tên một địa phương ở Côlômbia.

[4] Tên một địa phương ở Equado.

[5] Hải cảng thuộc Mêhicô.

của nó. Vào lúc bốn giờ chiều thứ sáu ngày mồng tám tháng sáu năm 1708 con tàu Xăng Hôsê chở đầy đá và kim loại quý trị giá ước khoảng nửa tỷ pêxô vừa nhổ neo để vượt đại dương đi về thành phố Cadit[1] liền bị đội hải thuyền Anh đánh đắm ở ngoài khơi ngay phía đối diện với cửa cảng, và hai thế kỷ sau nó vẫn chưa được vớt lên. Kho của ấy cùng với xác nằm nghiêng trên ghế chỉ huy của vị thuyền trưởng vẫn nằm sâu dưới đáy biển, bị san hô phủ kín, lâu nay vẫn được các nhà sử học thường xuyên nhắc đến và coi là biểu tượng của thành phố đắm chìm trong ký ức.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô, có một ngôi nhà cũ ở bờ bên kia vịnh, tại khu phố La Măngа toàn nhà biệt thự. Đó là ngôi nhà một tầng, rộng và mát mẻ, có sân hiên ngoài dựng hàng cột đôricô rất kiểu cách. Từ sân hiên này người ta có thể bao quát tầm nhìn toàn bộ quang cảnh của vịnh. Nền nhà lát gạch hoa đen trắng tạo thành hình bàn cờ đam suốt từ cửa chính vào tận nhà bếp, và điều này nhiều lần đã củng cố thêm nỗi đam mê chủ yếu của bác sĩ Huvênan Ucbinô mà không hề nhớ rằng cái khu phố những nhà giàu mới phất kia là một điểm yếu kém chung của các bậc thầy xây dựng công trình kiến trúc ở đầu thế kỷ này. Phòng tiếp khách rộng và

[1] Hải cảng thuộc Tây Ban Nha.

thoáng như toàn bộ ngôi nhà, có sáu cửa sổ mở ra phía đường cái và được ngăn cách với phòng ăn bởi một cửa kính rộng có vẽ các tích truyện với những cành nho và chùm nho sai quả, những cô thôn nữ bị các vị thần đồng áng quyến rũ tạc trên cành hoa làm bằng đồng. Các đồ dùng tiếp tân, kể cả chiếc đồng hồ quả lắc treo trong phòng khách cũng có dáng vẻ sống động của một tên lính gác, đều được sản xuất từ cuối thế kỷ XIX ở tận bên nước Anh. Những ngọn đèn chùm đều làm bằng thuỷ tinh bọt. Ở mọi chỗ trong phòng bày biện nào cốc chén và bình hoa được sản xuất ở Sevrơ, những bức tượng thạch cao tuyết hoa thể hiện đề tài tình yêu nơi trần thế. Nhưng cái sự cố kết các đồ vật Âu châu ấy sẽ kết thúc ở phần còn lại ngôi nhà, nơi những chiếc ghế mặt đan sợi nilon lẫn với những chiếc ghế xích đu và ghế bọc da, sản phẩm thủ công mỹ nghệ địa phương. Trong các phòng ngủ, ngoài các giường ra còn có mắc những chiếc võng sản xuất ở Xăng Haxinhtô[1] có thêu tên ông chủ theo dáng chữ gô-tích bằng chỉ lụa và xung quanh có viền những mũi tên màu sắc sặc sỡ. Khoảng không rộng rãi bên cạnh phòng ăn ngay từ lúc đầu đã được dự định dùng làm nơi tổ chức các bữa cơm khách trọng thể, nay nó được dùng làm phòng nghe nhạc để tổ chức

[1] Tên một thành phố ở Côlômbia.

các buổi hoà nhạc cho một số bạn bè thân thiết cùng nghe khi có các tay nhạc công nổi tiếng đến đây. Nền gạch đã được trải thảm Thổ Nhĩ Kỳ mua ở triển lãm Quốc tế tại Pari để trong nhà đỡ ồn. Một chiếc máy hát đời mới kê bên cạnh một chiếc kệ dựng đĩa hát xếp theo thứ tự. Chiếc đàn pianô lâu nay bác sĩ Huvênan Ucbinô không chơi đặt tại một xó phòng, được một tấm vải Manila trùm kín. Người ta nhận rõ trong khắp ngôi nhà này đều mang chính kiến và nỗi sợ sệt của một người đàn bà vốn đứng vững hai chân trên mặt đất này.

Tuy nhiên không một nơi nào chứng tỏ trong nhà này có thư viện. Đó là một thư viện trang trọng và xinh xắn mà bác sĩ Huvênan Ucbinô coi như một nơi thờ phụng trước khi tuổi già đến với ngài. Tại đấy, xung quanh chiếc bàn gỗ đào hoa tâm vốn là bàn viết của cha ngài và những chiếc ghế bọc da, người ta dựng những chiếc giá sách làm bằng thuỷ tinh dọc theo bốn bức tường cao vút đến tận cửa sổ, và xếp đầy lên đấy, gần như tức cười, ba nghìn cuốn sách bìa bọc da dê và gáy in chữ vàng tên viết tắt của ngài. Ngược hẳn lại với những phòng khác thường ồn ào và nồng nặc mùi tanh tưởi từ ngoài cảng bay đến, thư viện lúc nào cũng thanh lặng và có mùi vị của một nhà thờ. Là những người sinh ra và lớn lên trong tín điều vùng duyên hải cho rằng phải mở hết các cửa để đón gió mát vốn không có

trong thực tế, bác sĩ Huvênan Ucbinô và bà vợ ngài, ngay từ phút đầu đã cảm thấy tim mình như ngừng đập trước việc ngôi nhà ban ngày lúc nào cửa cũng đóng im ỉm. Nhưng rồi họ cũng đồng tình trước những cái lợi của phương pháp chống nóng của người La Mã bằng việc đóng hết các cửa lại ngăn không cho hơi nóng từ ngoài đường tràn vào nhà trong giờ nắng nóng của tháng tám, và về ban đêm mở toang các cửa để đón gió mát. Kể từ dạo ấy, ngôi nhà của họ là ngôi nhà mát mẻ nhất trong những ngày nắng nóng ở khu phố La Mangga, và thật là hạnh phúc cho người nào được nằm trong phòng ngôi nhà đó mà nghỉ trưa. Về buổi chiều ngồi ở hành lang có hàng cột đôricô mà ngắm nhìn những chiếc tầu màu ghi xám nặng nề chở hàng từ Tân Oóclêăng tới và nhìn những chiếc tầu khách bánh lái bằng gỗ với những ngọn đèn nhấp nhánh sáng lúc chiều buông, và tiếng nhạc không ngưng nghỉ, những con tầu này sẽ làm thanh sạch bầu không khí uế tạp đọng lại ngoài vịnh biển. Rồi từ tháng chạp năm trước đến tháng ba năm sau, nó cũng là ngôi nhà được bảo vệ chu đáo nhất trước những trận gió mùa đông-bắc liên hồi thổi tốc mái nhà, chúng như những con sói đói mồi lông lộn suốt đêm quanh nhà tìm khe hở luồn hơi rét vào. Chưa bao giờ có ai dám nghĩ rằng đôi vợ chồng chung sống trong ngôi nhà xây kiên cố kia có thể có một

lý do nào đó để mà không được hưởng hạnh phúc.

Dẫu sao thì buổi sáng hôm ấy bác sĩ Huvênan Ucbinô không còn là mình nữa khi ngài trở về nhà trước lúc mười giờ sáng. Ngài bàng hoàng vì hai cuộc viếng thăm không những làm ngài phải bỏ lễ mixa ngày Hạ trần mà còn đe doạ sẽ trả ngài trở lại cái tuổi sức đã tàn lực đã cạn. Ngài muốn ngủ say như trâu chết trong lúc đợi đến giờ dự bữa tiệc linh đình của bác sĩ Laxidét Ôlivêda nhưng ngài lại thấy đám gia nhân đang nhốn nháo tìm cách bắt lại chú vẹt xổng chuồng hiện đang đậu trên đỉnh ngọn cây xoài vì khi họ bắt nó ra khỏi chuồng để cắt lông cánh nhưng do vô ý tuột tay đánh xổng mất. Đó là con vẹt trụi lông và điên khùng: Khi người ta bảo nói nó không nói nhưng nó sẽ bất thình lình nói khi không ai bảo nói. Lúc này con vẹt rất ranh ma và tinh khôn không mấy người sánh kịp. Con vẹt đã được bác sĩ Huvênan Ucbinô đích thân dậy bảo và chính việc làm này là một đặc ân đối với nó mà cả gia đình, ngay cả các con ngài khi chúng còn rất bé, không một ai được hưởng.

Con vẹt sống ở nhà này đã được hai chục năm và không một ai biết trước đó nó đã bao nhiêu tuổi. Vào tất cả các buổi chiều sau giờ ngủ trưa, bác sĩ Huvênan Ucbinô ngồi ở ngoài sân hiên, nơi mát nhất trong khu nhà, đối diện với chú vẹt và ngài vận dụng mọi ngón nghề hữu hiệu trong nghề sư phạm

để dạy cho đến khi nó nói được tiếng Pháp y như một viện sĩ viện hàn lâm. Sau đó, do thói quen, ngài còn dạy nó cầu kinh mixa bằng tiếng Latinh và một số đoạn trích từ kinh Phúc âm của Thánh Mathêu và ngài còn định nhồi nhét cho nó quan niệm máy móc về bốn phép làm thơ. Trong chuyến du lịch gần đây nhất sang châu Âu, ngài mang về một chiếc máy hát đầu tiên cùng với nhiều đĩa hát ghi những bản nhạc đang thịnh thời và cả những đĩa hát ghi nhạc của những nhạc sĩ cổ điển. Trong vài tháng liền, ngày này qua ngày khác, lúc này rồi lúc khác, ngài cho con vẹt nghe những bài hát của Yvêttê Ghinbec và Aristidơ Bruan, vốn là những bài hát được hâm mộ nhất của nước Pháp trong thế kỷ trước, cho đến khi con vẹt thuộc lòng những bài hát ấy. Con vẹt hát những bài hát này, khi thì với giọng nữ nếu bài hát ấy là của nữ, khi thì với giọng nam nếu bài hát ấy là của nam và nó kết thúc bằng một trận cười ha hả y hệt tiếng cười của những cô hầu gái đã cười khi nghe nó hát bằng tiếng Pháp. Tiếng đồn về chú vẹt tinh khôn hát hay bay đi rất xa, đến mức có những khách sang trọng từ trong đất liền đi trên những chuyến tầu khách đã xin phép được xem con vẹt và có lần một vài khách du lịch người Anh thuộc số những người vẫn đến đây trên những chiếc tầu chở chuối về Tân Ooclêăng đã định mua nó với bất kỳ giá nào. Tuy nhiên cái ngày vinh hiển nhất là

ngày ngài Tổng thống nước Cộng hoà, *đón* Máccô Phiđen Soarêt cùng toàn thể các vị bộ trưởng trong chính phủ của ngài đến nhà để chứng thực sự nổi tiếng của con vẹt. Họ đến vào lúc ba giờ chiều, người phát sốt phát rét vì phải đội mũ phớt và mặc complê nỉ suốt ba ngày liền trong chuyến công du dưới trời tháng tám nắng như đổ lửa và họ lại phải vội vã ra về như họ đến, vì con vẹt không chịu nói ngay cả đến câu *cái mỏ này là của tôi*. Trong suốt hai giờ đầy thất vọng, con vẹt không chịu nói bất chấp người ta khẩn khoản van nài hoặc nổi cáu doạ dẫm, bất chấp cái nỗi thẹn thùng trước đám đông của bác sĩ Huvênan Ucbinô, người từng khoái chí lắm trước lời khen ngợi quá ư táo bạo khác hẳn với những lời cảnh tỉnh rất thông minh của bà vợ ngài.

Việc con vẹt vẫn được hưởng những ân huệ của ngài sau khi xảy ra chuyện mất mặt đáng nhớ đời kia là một thử thách cuối cùng đối với đặc quyền bất khả xâm phạm của nó. Không một con vật nào khác được nuôi trong nhà này trừ con rùa đất vừa mới xuất hiện trở lại trong nhà bếp sau ba hoặc bốn năm biến mất mà ai cũng tưởng sẽ không bao giờ nó trở lại nữa. Con rùa này không được coi là một sinh vật mà là một vật thờ mang lại vận may mà người ta không hề biết rõ nó ở đâu. Bác sĩ Huvênan Ucbinô đã chiến đấu để buộc người ta phải thù hằn con vật và ngài đã che giấu điều đó bằng tất cả

những huyền thoại khoa học và những lý lẽ triết học từng thuyết phục được rất nhiều người nhưng không thuyết phục nổi vợ ngài. Ngài bảo rằng ai mà quá yêu quý con vật sẽ là người đủ khả năng gây ra những tội ác dã man nhất đối với đồng loại mình. Ngài bảo rằng chó không phải là loài vật trung thành mà là loài vật tận tuỵ phục vụ con người, rằng mèo là giống cơ hội và phản trắc, rằng công là sứ giả của thần chết, rằng vẹt đuôi dài là loài thích diện bộ cánh loè loẹt, rằng thỏ là loài vật ấp ủ những ham muốn xấu xa, rằng khỉ truyền cho ta sự ham mê tửu sắc và rằng gà là loài vật đáng bị chửi bới chính vì nó ba lần khiến Chúa Giêsu bị từ chối.

Ngược lại bà Phecmina Đaxa, vợ ngài, lúc đó đã bẩy mươi hai tuổi, đi lại không còn nhanh nhẹn như con hươu khi bà còn trẻ, là một người cuồng nhiệt yêu các loại hoa nhiệt đới và các con vật nuôi và khi vợ chồng mới cưới nhau bà đã biết tranh thủ tình cảm mới mẻ để đòi chồng mua các loài hoa và vật nuôi nhiều hơn mức bình thường rất nhiều. Đầu tiên là ba chú chó dòng *đanmata* mang tên các hoàng đế La Mã. Chúng cắn xé lẫn nhau để bảo vệ con cái, rất xứng đáng mang cái tên Mêsalina, bởi vì nó đã đẻ chín con chậm hơn việc chửa mười con khác. Sau đó là những con mèo xứ Abisinico có gương mặt nhìn nghiêng của con diều hâu và điệu bộ của Pharaông, những con mèo Xiêm mắt xếch có

con ngươi màu vàng cam đi lại trong các phòng ngủ tựa như những bóng ma và làm nhộn nhạo đêm thanh tĩnh bằng tiếng kêu rên sung mãn khi làm tình với nhau. Trong vài năm liền, nhà này có một con khỉ độc vùng Amadôn bị xích vào gốc cây xoài ngoài sân. Nó là một con khỉ có gương mặt tựa như gương mặt của đức giám mục Ôbđuliô và Rây, đôi mắt rực sáng và đôi bàn tay khéo léo từng gây thương hại cho ai xem nó, nhưng không phải vì thế mà bà Phecmina Đaxa cho nó đi ở chỗ khác, mà chính là nó có cái tật xấu thích trêu ghẹo các bà mệnh phụ đến chơi nhà.

Có đủ các loại chim Goatêmala nhốt trong các lồng treo dọc hành lang, có những chú vạc và những chú diệc cẳng dài nghêu mầu vàng, quen sống ở các hồ đầm và một chú hươu non thường thò đầu qua cửa sổ ăn lộc non các bụi cây cảnh. Trước khi xảy ra cuộc nội chiến cuối cùng ít lâu, khi lần đầu tiên người ta nói đến chuyến viếng thăm có thể có của Đức Giáo hoàng, một con chim sống ở vườn thượng uyển được đưa từ Goatêmala về đây. Nhưng nó đã bay ngay về quê cũ của nó, khi người ta biết rằng lời tuyên bố về chuyến viếng thăm của Đức Giáo hoàng kia chỉ là một trò bịp của chính phủ đưa ra nhằm doạ các nhà tự do đã chịu ngồi vào bàn thương lượng. Một lần nữa họ lại mua ngay trên chiếc thuyền buồm của những kẻ buôn lậu vùng

Curaxao một lồng sắt có sáu con quạ hương y hệt những con mà hồi còn ở nhà bố mẹ đẻ Phecmina Đaxa từng có và bây giờ khi đã về nhà chồng cô vẫn muốn có chúng trong nhà. Nhưng không một ai có thể chịu đựng nổi việc chúng liên tục vẫy cánh khiến cho cả ngôi nhà nồng nặc cái mùi khó chịu của các vòng hoa tang. Họ còn mang về nhà cả một con trăn dài bốn mét. Con vật săn mồi ít ngủ đêm này với tiếng thở của nó khuấy động bóng tối trong các phòng ngủ khiến người ta rất khó ngủ, tuy vậy nhờ nuôi nó người ta có thể giành được điều mong muốn: với hơi thở của mình nó xua đuổi đám dơi và thạch sùng cùng đám sâu bọ độc thường vào đầy nhà trong mùa mưa bão. Bác sĩ Huvênan Ucbinô, lúc này hết sức đơn thương độc mã trong nhiệm vụ trị bệnh cứu người, toàn tâm toàn ý đưa sức lực ra hoạt động xã hội và văn hoá, lấy làm mãn nguyện mà nghĩ rằng người vợ của mình chẳng những là người phụ nữ đẹp nhất vùng Caribê mà còn là người hạnh phúc nhất trong hoàn cảnh xã hội nhiều nỗi éo le. Nhưng có một chiều mưa, sau một ngày làm việc mệt phờ, bác sĩ Huvênan Ucbinô thấy một cảnh rợn người ngay ở trong nhà khiến ngài tỉnh mộng. Từ phòng khách đến cuối nhà, có một hàng dài những con vật chết nổi trên một hồ máu. Đám các cô hầu gái đang đứng trên ghế mà không biết nên hành động như thế nào đây, vẫn chưa hoàn hồn trước

quang cảnh chết chóc thê thảm ấy.

Chuyện xảy ra vì có một con chó săn giống Đức lên cơn điên bất thình lình, đã cắn xé bất kỳ con vật nào nó gặp trên đường cho đến khi người làm vườn nhà bên rất dũng cảm đã dám đánh nhau và dùng dao rựa chém chết nó. Không thể biết nó đã cắn bao nhiêu con vật nuôi, hoặc với nước dãi xanh lè của mình nó đã truyền bệnh dại cho những con vật nào, vì thế bác sĩ Huvênan Ucbinô ra lệnh giết hết những con vật nuôi còn sống sót và đốt xác chúng ở một bãi đất cách xa ngôi nhà, tiếp đó ngài yêu cầu bệnh viện Mixêricôrđia đến tẩy uế. Con vật nuôi duy nhất thoát chết, và không ai nhớ đến nó, là con rùa đất có vận may.

Phecmina Đaxa lần đầu tiên tán thành ý kiến của chồng mình về các vấn đề nội trợ và ý tứ không nói đến chuyện vật nuôi trong gia đình một thời gian khá lâu. Bà giải khuây với việc xem các bức tranh mầu vẽ con vật mà bà cắt từ cuốn sách *Lịch sử tự nhiên* của Linnêô treo trên bốn bức tường trong phòng khách và có lẽ bà cũng để mất luôn cái hy vọng lại một lần nữa có những con vật nuôi trong nhà nếu không vì lý do một buổi sớm tinh mơ bọn kẻ trộm chui qua cửa sổ phòng tắm vào nhà lấy đi bộ đồ ăn bằng bạc, vật gia truyền đã năm đời. Bác sĩ Huvênan Ucbinô xiết chặt thêm bản lề cửa sổ, dùng thanh sắt chắn bên trong cửa ra vào, cất các

vật quý giá vào trong hòm đựng của và sau đó luyện thói quen khi đi ngủ đặt khẩu súng lục xuống dưới gối. Nhưng ngài vẫn cưỡng lại ý định mua một con chó dữ, dù có tiêm phòng dại hay không, xích lại hay thả rông, dù cho bọn kẻ trộm có vào lấy hết cả của cải cũng cam lòng.

- Sẽ không mang bất cứ thứ gì vào nhà này nếu tôi không đồng ý, - ngài nói.

Ngài nói thế để chấm dứt những mưu đồ của vợ mình, người đang cố tình định mua một con chó, và ngài không hề nghĩ rằng cái câu nói có tính chất tổng quát đường đột kia sẽ buộc ngài phải trả giá đắt: cái giá cả cuộc đời. Phecmina Đaxa, mà cá tính ương ngạnh của bà ngày một bộc lộ rõ với thời gian qua đi của đời mình, đã bỏ ngoài tai lời nói thiếu cân nhắc của chồng: mấy tháng sau vụ mất trộm, bà trở lại những chiếc thuyền buồm của người vùng Curaxao, mua một con vẹt vùng Paramaribô[1] chỉ biết nói những lời tục tĩu của đám thuỷ thủ nhưng nó nói tiếng người rất chuẩn, xứng đáng được trả giá cao.

Đó là một con vật quý giá, nhanh nhẹn hoạt bát hơn cái cốt cách được thể hiện bên ngoài: đầu vàng rộm, lưỡi đen, đó là một hình thức duy nhất để phân biệt nó với những con vẹt khác vốn không tài nào

[1] Tên một địa điểm thuộc đảo Goadana.

dậy nói được cho dù có dùng thuốc đạn bằng nhựa thông nhét vào đít cũng không nói. Bác sĩ Huvênan Ucbinô, vốn là người chóng quên, đã kính cẩn nghiêng mình kính phục tài tháo vát của vợ mình và chính ngài đã ngạc nhiên đầy thú vị trước những bước tiến của con vẹt nhờ có các cô hầu gái thường trêu chọc nó. Trong những buổi chiều mưa, khi con vẹt được ăn no, nó nói những câu từng thuộc lòng trước khi về nhà này cho phép người ta biết rằng nó là con vẹt già hơn diện mạo của nó. Thái độ lầm lì ít nói của bác sĩ cũng phải mất đi kể từ sau cái đêm bọn kẻ trộm định trèo qua cửa sổ tròn trên nóc để vào nhà liền bị con vẹt kêu vang với tiếng giống như tiếng của con chó béc-giê Đức và tiếp đó nó gào thành tiếng: "Trộm, trộm, trộm". Dĩ nhiên đó là hai cách thức thú vị mà nó đã cứu nguy cho gia đình và cả hai cách thức ấy nó không học ở nhà này. Đó chính là lúc bác sĩ Huvênan Ucbinô tự gánh lấy trách nhiệm chăm non con vẹt. Ngài ra lệnh làm cho nó một cái chuồng ở dưới tán cây xoài. Đó là một cái chuồng rộng có chỗ để ca nước, để chuối tiêu chín và cả một cái vòng để nó đánh đu. Từ tháng chạp năm trước đến tháng ba năm sau, khi về đêm trời trở lạnh và có những trận mưa bất ngờ ập tới do ảnh hưởng của gió bấc tràn về, con vẹt được nhốt trong lồng có phủ tấm vải và được mang vào trong phòng ngủ mặc dù bác sĩ Huvênan

Ucbinô nghi rằng bệnh dị ứng mũi của nó sẽ ảnh hưởng tới đường hô hấp của con người. Rất nhiều năm ngài cắt lông cánh cho nó và để cho nó được tự do đi lại theo ý thích với bước đi tập tễnh của kỵ sĩ già. Nhưng rồi một hôm, nó bắt chước người làm xiếc leo lên dây đi men theo xà nhà bếp, chẳng may ngã bổ nhào xuống chảo đang rán bánh và thế là nó lắp bắp nói giọng mũi "Cứu tôi với" và bà hầu bếp kịp thời lấy chiếc muôi vớt nó ra. Con vẹt bị bỏng và trụi lông nhưng nó vẫn còn sống. Từ đó trở đi, dù là ban ngày người ta cũng nhốt nó trong lồng, bất chấp kinh nghiệm dân gian nói rằng loài vẹt mà nhốt kín trong lồng thì chúng sẽ quên ngay những điều đã học được. Nó chỉ được thả ra vào lúc bốn giờ chiều để thụ giảng bài học của bác sĩ Huvênan Ucbinô ngay ở ngoài sân hiên. Chẳng một ai nhận ra đúng lúc rằng lông cánh của nó đã dài cho đến cái buổi sáng hôm ấy người ta định cắt lông cánh cho nó thì nó xổng thoát và nấp trên ngọn xoài.

Trong suốt ba giờ liền, không làm sao bắt được nó. Các cô hầu gái được một số cô hầu gái nhà bên giúp sức, đã sử dụng mọi mưu mẹo vẫn không dụ được nó xuống đất. Nó vẫn núp trên cành cao mà gào "*đảng tự do muôn năm, đảng tự do cứt đái muôn năm*", tiếng hô nghe đến chết cười được, tiếng hô đã từng làm cho bốn gã say rượu bị thiệt mạng. Bác sĩ Huvênan Ucbinô gần như đã phát hiện

ra nó đứng giữa những cành lá. Ngài dùng tiếng Tây Ban Nha, tiếng Pháp và cả tiếng Latinh để dụ dỗ nó xuống và con vẹt cũng dùng tiếng Tây Ban Nha, tiếng Pháp, và cả tiếng Latinh, cũng dùng chính giọng điệu của ngài trả lời ngài, nhưng ở đâu nó vẫn ở đấy. Vì tin rằng không một ai dùng lời ngon ngọt mà có thể gọi nó xuống, bác sĩ Huvênan Ucbinô liền bảo gia nhân đi gọi thợ chữa cháy đến giúp sức. Chữa cháy là một thứ đồ chơi dân sự mà ngài mới có trong tay.

Quả nhiên, cho đến những năm rất gần đây, các đám cháy được dập tắt bởi ý chí con người cùng với cái thang của bác thợ nề và thùng xách nước vớ được ở bất kỳ chỗ nào, và đó là một sự chữa cháy lộn xộn không có phương pháp mà nhiều khi còn gây thiệt hại nặng hơn cả những vụ hoả hoạn. Nhưng kể từ năm ngoái lại đây, nhờ có sự quyên góp được tiến hành bởi Hội Bảo vệ công trình đô thị do Huvênan Ucbinô làm chủ tịch danh dự, thành phố đã có một đội cứu hoả chuyên nghiệp với một chiếc xe cứu hoả có còi chuông và hai bình bơm cao áp. Tất cả đều đúng mốt và mới lạ đến mức cứ mỗi bận vang lên hồi chuông gọi con chiên đi nhà thờ, các lớp học đều ngừng lại để cho học sinh chạy đi xem đội chữa cháy chiến đấu chống thần lửa. Lúc đầu, đó là việc duy nhất mà đội chữa cháy làm. Nhưng bác sĩ Huvênan Ucbinô kể cho các nhà chức

sắc trong Hội đồng Quản hạt thành phố rằng ở thành phố Hămbuốc ngài đã nhìn thấy đội cứu hoả đã cứu sống một em bé bị cóng mà họ tìm thấy trong tầng ngầm một ngôi nhà sau trận mưa tuyết kéo dài ba ngày liền. Rằng ở một ngõ hẻm thành phố Napôlêt ngài cũng nhìn thấy một đội cứu hoả đã đưa xuống đất một chiếc quan tài từ trên tầng mười một mà gia đình không thể nào đưa xuống nổi vì cầu thang quá hẹp lại xoáy trôn ốc. Nhờ vậy đội cứu hoả thành phố đã học thêm để giúp dân chúng chữa chạy các sự cố bất ngờ, tỷ như việc chữa khoá cửa hoặc giết rắn độc. Trường Y còn giành cả một bài giảng đặc biệt về cấp cứu thông thường cho đội chữa cháy. Vậy là việc nhờ đội chữa cháy đưa con vẹt trứ danh như một công tử từng lập chiến công từ trên ngọn cây xuống đất không phải là một việc làm không có chủ đích. Bác sĩ Huvênan Ucbinô nói: "Hãy bảo với họ đó là lời yêu cầu của ta". Sau đó ngài vào phòng thay quần áo, đi dự bữa tiệc mừng đám cưới bạc của bác sĩ Laxiđét Ôlivêđa. Sự thật là trong lúc ấy, đang lúc bàng hoàng về lá chúc thư của Giêrêmia đê Xanh Amua, ngài không quan tâm lắm đến số phận con vẹt.

Phecmina Đaxa đã mặc một bộ váy áo lụa, rộng và không gấp nếp, với thắt lưng ôm lấy ngang mông, đeo một chuỗi ngọc cuốn sáu vòng dài ngắn không đều nhau, đi đôi giầy lụa cao gót chỉ dùng

trong dịp trang trọng nhất, vì tuổi tác không cho phép bà lạm dụng chưng diện quá nhiều. Dù cho bộ váy áo không phù hợp lắm với một người đàn bà cao tuổi nhưng nó rất vừa với cơ thể cao dong dỏng, một cơ thể gầy gầy và son sẻ, nó tôn nước da mượt mà chưa hề có những mụn da mồi, nó hợp với mái tóc xanh đen được cắt ngắn ốp lấy hai mang tai. Đôi mắt sáng hình hạnh đào và vẻ kiêu hãnh tự nhiên là những gì còn lại hiện nay mà người ta nhận thấy trong bức chân dung ngày bà làm lễ thành hôn, nhưng cái mà bà còn thiếu vì tuổi tác thì bà đã có nhờ cá tính và có thừa nhờ vẻ duyên dáng của bà. Bà cảm thấy rất hài lòng vì mình đã bỏ khá xa thời kỳ son trẻ với những chiếc coocxê may chật, với những chiếc thắt lưng bó sát người, bộ mông cong lên một cách giả tạo. Bây giờ cơ thể bà được tự do, được hít thở thoải mái, nó cứ việc tự do thể hiện như vốn thế. Ngay cả lúc này bà đã bẩy mươi hai tuổi.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô bắt gặp bà đang ngồi trên chiếc ghế chải đầu, bên dưới chiếc quạt trần đang lừ đừ chạy, đang đội chiếc mũ có những dải nỉ màu viôlet. Phòng ngủ của vợ chồng ngài rộng rãi và sáng sủa, kê một chiếc giường Anh quốc, mắc chiếc màn hồng và hai cửa sổ mở ra phía vườn cây mà từ đó vọng vào tiếng mưa rơi rì rào. Kể từ chuyến du chơi tuần trăng mật sang Pari về, Phecmina Đaxa

thường sắp sẵn quần áo cho chồng theo từng mùa và từng trường hợp cần phải mặc và để chúng ở tay ghế ngay từ đêm hôm trước phòng khi chồng từ trong phòng tắm bước ra là đã có sẵn áo quần rồi. Bà cũng không nhớ rõ mình giúp chồng vận quần áo từ bao giờ và từ bao giờ mình mặc quần áo cho chồng. Hiển nhiên là trong cái công việc này, thoạt đầu bà làm vì tình yêu nhưng kể từ năm năm lại đây bà bắt buộc phải mặc quần áo cho chồng vì ngài không thể tự mặc lấy quần áo được. Bọn họ vừa tổ chức ăn đám cưới vàng[1] và họ sống gắn bó với nhau đến mức người này sống không thể thiếu người kia hoặc không thể không nghĩ đến người kia và họ biết rằng điều đó là do tuổi già ngày càng đè nặng lên cuộc sống hàng ngày của mình. Cả ông lẫn bà đều không thể nói được cái công việc phục vụ lẫn nhau có phải xuất phát từ tình yêu hay từ một thái độ dĩ hoà vi quý, không một ai đã đặt tay lên ngực nơi con tim mình tự hỏi mình, và đã từ lâu cả hai đều muốn quên câu trả lời. Dần dà bà phát hiện ra bước đi chệnh choạng của chồng, thấy chồng hay khạc nhổ, hay nhầm lẫn và trong khi ngủ hay khóc thút thít, nhưng bà không coi những hiện tượng đó là dấu hiệu không thể nhầm lẫn được của hiện tượng ô-xi hoá cuối cùng của sự sống mà lại coi chúng là dấu

[1] Đám cưới vàng là lễ ăn mừng lần thứ năm mươi ngày cưới của cặp vợ chồng.

hiệu của việc ngài đang trở lại tuổi thơ ấu đầy hạnh phúc. Vì thế bà đối xử với ông không như đối xử với một cụ già khó tính mà lại như với một đứa trẻ hay vòi vĩnh. Chính sự nhầm lẫn ấy lại là sự cứu rỗi cho cả hai người vì nó đã giúp họ thoát được lòng thương hại lẫn nhau.

Việc cả hai người đều nhận thức đúng lúc rằng tránh những cuộc cãi lộn trong đời sống vợ chồng còn dễ hơn là tránh những vụ xích mích nhỏ nhặt thường ngày, có lẽ đó là điều khác hẳn trong cuộc sống của hai người. Nhưng nếu có cái gì mà cả hai người cùng học được thì đó là sự hiểu biết đã đến với họ khi nó chẳng giúp ích được gì nữa. Trong nhiều năm rồi, Phecmina Đaxa khó chịu thực sự vì phải chịu đựng những buổi sáng sớm chồng bà thức dậy đầy vẻ vui nhộn. Trong lúc bà đang còn nằm trên giường cố bám lấy những giấc mơ để khỏi phải đối chọi với những bất hạnh của một buổi sáng sớm đầy những dấu hiệu bất hạnh thì ngài thức dậy với niềm vui ngây thơ của một đứa trẻ sơ sinh: mỗi ngày mới là thêm một ngày nữa ngài đã giành được. Bà nghe thấy ngài thức dậy cùng với tiếng gà gáy sáng và dấu hiệu đầu tiên của cuộc sống của ngài là tiếng ho vô vị mà dường như người ho cũng có mục đích để bà cùng thức dậy. Bà nghe thấy ngài khùng khục ho dường như chỉ để bà day dứt khó chịu trong lúc ngài mò tìm đôi dép lê có lẽ quanh quẩn

bên chân giường. Bà nghe thấy ngài chệnh choạng trong bóng tối để đi vào nhà tắm. Sau một giờ ngài ở trong phòng nghiên cứu khi bà đã ngủ lại rồi, bà lại nghe thấy ngài trở lại phòng ngủ vẫn chưa bật đèn sáng để mặc quần áo. Có một vài lần trong lúc ngồi ở phòng khách nói chuyện vui khi người ta hỏi ngài định nghĩa về mình như thế nào thì ngài bảo: "Tôi là người đàn ông mặc quần áo trong bóng tối". Trong những buổi sáng sớm ấy, bà nghe ngài hoạt động mà lòng thừa biết rằng không một tiếng động nào do ngài gây nên là không có chủ đích cả và ngài cố tình gây ra những tiếng động ấy lại vờ như không có mục đích gì cũng như bà đang thức lại vờ như không hề thức. Những lý do của ngài thực đã hiển nhiên: không bao giờ, dù trong những tháng ngày đầy nguy hiểm này, ngài cần cho bà nhiều lắm, mặc dù bà đang khoẻ mạnh và minh mẫn đấy.

Không một ai đẹp hơn bà trong lúc ngủ: bà ngủ với tư thế một tay vắt lên trán trong khi toàn thân co lại như đang múa. Nhưng cũng không một ai dữ tợn như bà khi cái cảm giác tin rằng bà đang ngủ trong lúc bà thức đã khuấy động bà. Bác sĩ Huvênan Ucbinô biết rằng bà lắng nghe từng tiếng động nhỏ do ngài gây ra và ngài còn biết rằng bà còn cảm ơn những tiếng động ấy để có kẻ đổ tội đánh thức bà dậy từ lúc năm giờ sáng. Điều đó là quá hiển nhiên đến mức có lần ngài phải mò tìm đôi dép lê vì

không thấy nó ở chỗ thường để thì bà với giọng còn ngái ngủ bảo: "Đêm qua ông để ở trong nhà tắm ấy thôi". Ngay lập tức với giọng giận dữ của người đang tỉnh, bà rủa:

- Điều tệ hại nhất của cái nhà này là không thể nào ngủ được.

Thế là bà trở mình trên giường, bật đèn sáng mà không hề có biểu hiện nhỏ của sự tha thứ cho chính mình. Bà phấn chấn đầy kiêu hãnh vì đó là chiến thắng đầu tiên trong ngày của mình. Thực ra đó là trò chơi của cả hai người: vừa khó hiểu lại vừa tội lỗi, nhưng nó lại là một niềm an ủi vì đó là một trong những niềm vui nguy hiểm của tình yêu gia đình. Nhưng một trong những trò chơi nhàm chán ấy suýt nữa dẫn đến sự tan nát hạnh phúc của hai người. Ấy là khi họ đã chung sống được hơn ba mươi năm mà lại có một ngày nào đó không có sẵn xà phòng trong phòng tắm.

Chuyện xảy ra rất đơn giản. Bác sĩ Huvênan Ucbinô vừa từ nhà tắm trở lại phòng ngủ, bắt đầu mặc quần áo mà không bật đèn sáng. Đó là thời kỳ ngài tắm chưa cần có người giúp đỡ. Vào giờ ấy bà đang nằm im trên giường với tư thế: đầu gối lên cái cánh tay như đang múa kia, đôi mắt nhắm lại, hơi thở nhẹ nhàng và đều đều. Nhưng thực ra, như mọi bận, bà đang thiu thiu ngủ và ngài biết rất rõ rằng bà đang thức. Sau khi sột soạt mặc xong bộ quần áo

vải lanh hồ bột, bác sĩ Huvênan Ucbinô nói với chính mình:

- Gần một tuần nay mình tắm không có xà phòng.

Ngay lập tức bà tỉnh như sáo. Bà nhớ lại, và bà nổi cáu vì trên thực tế quả đúng như vậy: bà quên không để xà phòng trong phòng tắm. Ba hôm trước khi đứng tắm dưới vòi hoa sen thấy hộp đựng xà phòng rỗng không bà đã định bụng lấy bánh khác vào nhưng sau đó quên khuấy đi mất. Ngày hôm sau bà lại quên. Hôm qua bà cũng quên nốt. Thực ra không có chuyện phòng tắm không có xà phòng đã một tuần nay như ngài vừa nói để cường điệu thêm khuyết điểm của bà, nhưng đúng là đã ba ngày nay phòng tắm không có xà phòng. Điều đó là một khuyết điểm đáng trách lắm. Nhưng cơn giận vì cảm thấy mình bị chồng bắt lỗi đã làm cho bà mất bình tĩnh. Như mọi bận, bà liền tự vệ trong thế công kích:

- Thế mà ngày nào tôi chẳng tắm xà phòng, - bà gào to - và phòng tắm lúc nào mà chẳng có xà phòng.

Dẫu quá quen thuộc các thủ đoạn gây hấn của bà, nhưng lần này ngài không tài nào chịu nổi. Viện cớ bận việc, ngài đã vào sống nội trú tại bệnh viện Mixêricordia và chỉ về nhà thay quần áo vào lúc đầu giờ chiều trước khi đến khám bệnh tại gia cho các con bệnh của ngài. Khi nghe thấy ngài trở về,

bà bỏ vào nhà bếp, giả vờ đang bận làm một việc gì đó và ở lại đấy cho đến khi nghe thấy tiếng vó ngựa đang khua ngoài đường cái. Trong suốt ba tháng liền, cứ mỗi bận họ định dàn xếp nỗi bất hoà thì điều duy nhất mà họ làm được là càng đốt cháy dữ dội thêm ngọn lửa bất hoà giữa hai người. Ngài chưa sẵn sàng trở về nhà khi bà không chịu thừa nhận rằng mình quên không để xà phòng trong phòng tắm và bà chưa sẵn sàng đón ngài trở về chừng nào ngài chưa thừa nhận đã nói dối một cách có ý thức để làm bà khổ tâm.

Dĩ nhiên rồi, vụ xô xát này đã tạo điều kiện cho các vụ xô xát khác, đó là những vụ cãi vã nhỏ nhặt từng xảy ra trong những buổi sáng sớm. Một số tình cảm nuối tiếc này gợi nhớ bao nỗi nuối tiếc khác khiến cho bao vết sẹo lòng cũ lại mở miệng, lại rớm máu và trở thành những vết thương lòng mới, thế là cả hai người đều giật mình trước sự thực đau lòng này: trong bao năm chung sống với nhau họ chỉ nuôi dưỡng nỗi hận thù. Ngài liền đi đến quyết định sẽ làm một cuộc xưng tội công khai, nếu cần sẽ mời thêm cả đức giám mục, để Chúa sẽ là người phân xử cuối cùng xem có hay không có xà phòng trong phòng tắm. Thế là bà, vốn là người rất bình tĩnh, bỗng mất bình tĩnh, đã gào toáng lên:

- Ỉa vào đức giám mục! - bà gào như vậy và tiếng gào này đã gây nên chuyện chẳng hay hớm gì.

Lời chửi đổng kia làm lay động tới tận nền tảng của thành phố. Nó trở thành nguồn gốc của những câu tục ngữ khuyên người ta rằng việc thú nhận mình *đã nói dối* là một việc làm không dễ dàng một chút nào. Nó đi vào khẩu ngữ dân gian với khí vị như một câu tục ngữ: "Ỉa vào đức giám mục". Vì nhận thức rõ ràng vụ xô xát này đã vượt quá giới hạn, bà đã làm tăng thêm sự phản ứng của chồng mà bà đang chờ đợi bằng việc bà đe doạ ngài rằng một mình bà sẽ chuyển về ngôi nhà cũ của cha đẻ mà cho đến lúc ấy vẫn thuộc quyền sở hữu của bà mặc dù nó đã được các văn phòng công cộng thuê. Không phải vì nổi khùng mà bà bảo vậy. Bà thực tâm muốn chuyển đi chỗ khác bất chấp dư luận xã hội và người chồng cũng kịp thời nhận ra ý định ấy của bà. Vì không đủ nghị lực để chiến thắng những định kiến của bà, ngài đành phải nhượng bộ vậy. Việc ngài nhượng bộ không có nghĩa là ngài thừa nhận rằng trong phòng tắm có xà phòng vì làm như thế là phản bội sự thật, mà nó có nghĩa là ngài muốn hai người vẫn cùng chung sống trong một ngôi nhà. Nhưng lần này, ngài sẽ sống trong phòng làm việc, bà sống trong phòng ngủ, ai biết việc người ấy, không nói chuyện với nhau. Họ lặng lẽ ăn cơm trong cùng một lúc ở tại bàn ăn và họ giải quyết công việc gia đình bằng cách nhờ các con nói lại ý kiến của mình cho người kia biết. Họ khéo léo

làm việc đó đến mức đứa con không hề biết họ đang giận nhau.

Vì ở phòng làm việc không có phòng vệ sinh do đó ngài đã tìm ra phương thức tốt nhất để giải quyết mâu thuẫn giữa hai người do tiếng ồn của vòi nước chảy gây nên bằng cách sau khi chuẩn bị xong bài giảng ngài cẩn thận vào phòng vệ sinh, cố giữ ý tứ để không gây tiếng động khiến bà thức giấc. Nhiều lần trước khi đi ngủ họ đụng độ nhau và phải chờ lượt vào phòng tắm để đánh răng buổi tối. Sau bốn tháng hai vợ chồng giận nhau, có một lần ngài nằm đọc sách trên chiếc giường của hai vợ chồng trong lúc bà vào buồng tắm, như lâu nay vẫn thế. Nhưng lần này ngài ngủ khì đi mất lúc nào không hay. Bà lên giường rồi nằm xuống bên cạnh ngài cố ý gây tiếng ồn để ngài thức dậy và đi về phòng làm việc mà ngủ. Quả nhiên ngài thức giấc, nhưng đáng lẽ ngài vùng dậy thì ngài lại tắt phụt ngọn đèn ngủ và nằm xuống, gối đầu lên chiếc gối đôi. Bà lay hai vai ngài để nhắc ngài dậy mà đi về phòng làm việc nhưng ngài lại cảm thấy rất thoải mái được nằm trên chiếc giường đệm lông của các cụ cố nội để lại, nghĩa là ngài muốn đầu hàng:

- Hãy cho anh nằm ở đây với, - ngài nói. - Đúng rồi, trong phòng tắm có xà phòng mà lại.

Khi nhớ lại câu chuyện ấy thì họ đã bước vào tuổi già, cả ngài lẫn bà đều không dám tin vào cái sự

thực đáng kinh ngạc này: vụ cãi lộn kia là vụ lớn nhất trong suốt một nửa thế kỷ vợ chồng chung sống và cũng là vụ duy nhất khiến họ tìm cách nhường nhịn lẫn nhau để bắt đầu sống theo một hình thức khác cho phù hợp với tuổi tác. Ngay cả khi họ đã già và trầm tĩnh lại họ đều giữ ý để không nhớ lại vụ xô xát ấy bởi vì những vết thương lòng vừa mới lên sẹo sẽ lại rớm máu ngay và vết sẹo ấy sẽ lại trở thành vết thương mới y như vừa xảy ra hôm qua vậy.

Ngài là người đầu tiên Phecmina Đaxa nghe thấy đái. Trong đêm tân hôn trên con tàu thuỷ đi Pari, Phecmina Đaxa nằm trên giường trong phòng khách để chống lại cơn say sóng, đã nghe thấy ngài đái và cái dòng nước đái chảy tồ tồ như bò đái ấy của ngài khiến bà có cảm giác nó phun rất mạnh đầy uy quyền đến mức càng làm tăng thêm nỗi hoảng sợ của bà. Cái ký ức ấy thường xuyên trở lại với bà khi cùng với năm tháng qua đi dòng nước đái ấy phun ngày một yếu hơn, bởi vì không bao giờ bà chịu đựng nổi việc mỗi bận ngài dùng chậu đái đã làm ướt bẩn bệ chậu. Bằng những lý lẽ dễ hiểu đối với những ai muốn hiểu, bác sĩ Huvênan Ucbinô tìm cách thuyết phục bà rằng sở dĩ việc mình thường xuyên làm bẩn bệ chậu mỗi bận vào phòng vệ sinh kia không phải là do sự kém ý thức của ngài mà bởi một lý do khác thuộc về cấu trúc cơ thể ngài. Dòng

nước đái thời thanh niên của ngài phun đã mạnh lại còn chụm tia thành vòng cung mà hồi còn trẻ đi học ở trường bao giờ ngài cũng giành giải nhất mỗi lần thi xem ai tia dòng nước đái của mình không những trúng vào miệng chai mà còn phun đầy vào chai. Nhưng cùng với thời gian trôi đi, tuổi ngài càng cao thì thận ngài ngày càng suy yếu đi, vì thế dòng nước đái của ngài phun ra cũng ngày càng yếu đi, hơn thế nữa, nó còn phun toé loe ra thành nhiều tia, nhiều nhánh, hết sức ma quái đến mức cho dù đã cố gắng hết sức ngài cũng không tài nào điều khiển cho nó phun được cao hơn, thẳng hơn, và chụm hơn. Ngài bảo: "Cái thứ hố xí sạch sẽ thơm tho cần được những kẻ không hiểu thế nào là người đàn ông sáng chế ra thì tốt hơn". Bằng hành động nhẫn nhục thường nhật ngài cố góp phần làm cho không khí gia đình hoà thuận yên vui. Đó là việc sau khi đái xong, ngài xé giấy vệ sinh lau sạch nước đái còn bám vào bệ chậu. Bà đã biết rõ điều đó và sẽ không kêu ca điều gì nếu nhà vệ sinh không nồng nặc mùi khí acmônic. Ngược lại, khi thấy nó có mùi khai, lập tức bà lên tiếng tố cáo làm như thể bà phát hiện ra một tội ác: "Ôi, cái phòng tắm này khai như chuồng thỏ ấy". Trước khi bước sang tuổi lão thành, chính cái thân hình ngày một còng gấp lại đã mách bảo bác sĩ Huvênan Ucbinô sử dụng giải pháp cuối cùng: Ngài sẽ ngồi mà đái y hệt bà vẫn làm thế.

Chính giải pháp này không những làm cho chậu sạch sẽ mà còn khiến cho ngài thoải mái khi đi đái.

Hơn nữa, chính trong lúc này ngài tự thấy mình không được khoẻ lắm và chỉ một cú trượt chân trong nhà tắm có thể là chuyện oan gia, cho nên ngài rất thận trọng đứng tắm dưới vòi hoa sen. Ngôi nhà này, vì là ngôi nhà được xây dựng theo kiến trúc hiện đại, không có bồn tắm làm bằng hợp kim chì thiếc có chân quỳ như thể chân sư tử mà các nhà ở thành phố cổ vẫn sử dụng thường xuyên. Ngài đã ra lệnh tháo bỏ bồn tắm đi, vì bồn tắm là một trong những sản phẩm hủ lậu của những người sinh trưởng ở châu Âu, những người mỗi tháng chỉ tắm một lần vào ngày thứ sáu cuối cùng của một tháng, ngoài ra họ còn làm cho bên trong thành bồn cáu bẩn những thứ bẩn mà con người thải ra khỏi cơ thể. Vậy là ngài ra lệnh làm một bồn tắm rộng rãi bằng gỗ lim, nơi hiện nay Phecmina Đaxa tắm cho chồng như tắm cho một đứa trẻ sơ sinh. Việc tắm táp của ngài kéo dài hơn một giờ đồng hồ bằng một thứ nước mầu nâu, nấu lá cẩm quỳ và vỏ cam. Đối với ngài buổi tắm như thế này rất dễ chịu và đôi khi ngài ngủ gật trong mùi thơm của nước lá. Sau khi tắm xong, Phecmina Đaxa mặc quần áo cho ngài, thoa phấn rôm vào hai bẹn cho ngài, bôi dầu hạt cacao vào những chỗ bị bỏng, rồi bà cẩn thận mặc quần đùi cho ngài như cho một đứa trẻ, tiếp đó mặc

cho ngài nào áo sơ mi, nào quần, đi tất và thắt nút cavát. Giờ đây cuộc sống vợ chồng ngài trở nên thanh bình, êm ả vào những buổi sáng sớm vì ngài trở lại sống những năm tháng của tuổi thơ vốn bị các con ngài lấy mất. Về phần mình, bà cũng sống dịu hiền hơn vì bà cũng đã già rồi: ngày một ít ngủ hơn và trước khi lên lão bảy mươi bà thức dậy trước cả ngài.

Ngày chủ nhật lễ Hạ trần, khi mở tấm khăn vải để nhìn tử thi Giêrêmia đê Xanh Amua, bác sĩ Huvênan Ucbinô đã được khải thị về một điều gì đó mà cho đến lúc ấy trong những suy tư mạch lạc của thày thuốc và của kẻ mộ đạo nó vẫn không lộ ra cho ngài thấy. Cứ như thể sau nhiều năm làm quen với cái chết, sau bao nhiêu năm chiến đấu chống lại cái chết và cầm nắm cái chết, hết lật trái lại lật phải nó trong tay, thì lần ấy là lần đầu tiên ngài có đủ dũng khí để nhìn thẳng vào mặt thần chết, và lần ấy thần chết cũng ngang nhiên nhìn thẳng vào mặt ngài. Không! Nỗi sợ hãi ấy nằm trong tay ngài cùng chung sống với ngài từ rất nhiều năm nay, nó là cái bóng khác trùm lên chính cái bóng của ngài kể từ đêm ngài mộng mị bỗng thức dậy lòng đầy hoảng loạn và hiểu rằng cái chết không chỉ là một sự chứng nghiệm thường xuyên như lâu nay ngài vẫn cảm thấy mà nó còn là một thực tại gần kề. Tuy nhiên cái mà ngày hôm ấy ngài nhìn thấy chỉ là sự

hiển hiện bằng xương bằng thịt của cái mà cho đến lúc ấy vẫn chưa vượt quá một hình ảnh sáng tỏ và cụ thể được tưởng tượng ra. Ngài cảm thấy vui trong lòng mà nhận ra rằng cái biểu tượng để Đấng Toàn năng diễn đạt điều khải thị kia có thể chính là tử thi Giêrêmia đê Xanh Amua, người mà ngài lúc nào cũng coi như một vị thánh từng quên đi chính hoàn cảnh vui vẻ của mình. Nhưng khi bức chúc thư chứng tỏ cho ngài rõ bản thể đích thực của y, cái quá khứ khắc nghiệt của y, cái khả năng vô biên thực thi các trò ranh ma của y, thì ngài cảm thấy cái gì đó rất cụ thể đã xảy ra trong cuộc sống của mình.

Tuy nhiên, Phecmina Đaxa đã không để mình bị lây nỗi buồn của ngài. Dĩ nhiên rồi, ngài định làm cho bà cũng buồn chính nỗi buồn của mình trong lúc bà giúp ngài xỏ chân vào hai ống quần và đóng hộ ngài hàng cúc dài chiếc áo sơ mi. Nhưng ngài không thực hiện được vì Phecmina Đaxa không phải là người dễ mủi lòng, hơn nữa bà càng ít mủi lòng trước cái chết của một người bà không yêu. Hầu như bà mới chỉ biết rằng Giêrêmia đê Xanh Amua là một người tàn phế phải chống nạng mà bà chưa hề nhìn thấy mặt, rằng y đã trốn thoát một đội hành hình trong một trong vô số cuộc nổi dậy ở một trong những hòn đảo thuộc quần đảo Antidat, rằng vì túng quẫn nên y phải hành nghề chụp ảnh cho trẻ nhỏ và vì thế y trở nên là người được nhờ vả hơn cả

trong thành phố, và rằng y đã thắng một ván cờ *dam* đối với người mà tên của người ấy bà nhớ đâu như Têrêmôlinôt, nhưng thực ra là Casablanca[1].

- Vậy ông ta chỉ là một tên tù xổng ở đảo Cadêna[2] bị kết án tù ngồi vì tội ác rất kinh tởm, - bác sĩ Huvênan Ucbinô nói. - Bà hãy nghĩ mà xem ông ta ăn cả thịt người đấy.

Ngài đưa cho bà tờ chúc thư mà những bí mật trong đó ngài muốn mang xuống mồ nhưng bà không đọc, cất những tờ thư gấp đôi vào trong ngăn kéo bàn rồi khoá lại. Bà đã quen với cái tài ngạc nhiên không thể lường hết được của chồng mình với những thứ lý thuyết thái quá mà trong những năm gần đây càng trở nên khó hiểu hơn, với những định kiến quá ư chật hẹp không phù hợp với dáng vẻ hào hoa cởi mở khi đứng trước công chúng của ngài. Nhưng lần ấy, quả là bà đã vượt được những giới hạn của mình. Bà nghĩ rằng chồng mình đánh giá cao Giêrêmia đê Xanh Amua chẳng bởi chính những việc y làm trước đây mà chủ yếu bởi chính những gì y làm khi đến đây trong tình cảnh nghèo rớt với chiếc bị của người tị nạn và bà không thể hiểu vì sao chồng mình lại mủi lòng trước bản thể con người y được bộc lộ một cách muộn mằn. Bà không hiểu vì sao ngài lại tỏ ra khó chịu đối với

[1] Một vô địch cờ vua trước chiến tranh thế giới lần thứ hai.
[2] Một hòn đảo thuộc vùng Caribê.

việc y sống lén lút cùng một người đàn bà nếu như đó là tập quán ngàn đời của loại người ấy, kể cả ngài trong một lúc bất lợi, và ngoài ra đối với bà đó còn là một bằng chứng đau thương về tình yêu: người đàn bà kia đã giúp cho y thực hiện triệt để ý muốn tự kết liễu đời mình. Bà nói: "Nếu ông cũng quyết chí làm điều đó với những lý do nghiêm chỉnh như thế thì nghĩa vụ của tôi là sẽ phải làm cái điều chính bà ta đã làm". Bác sĩ Huvênan Ucbinô một lần nữa lại thấy mình ở trong thế khó xử do không hiểu nhau từng khiến ngài đau khổ hàng nửa thế kỷ nay.

- Bà chẳng hiểu gì cả, - ngài nói. - Điều khiến tôi bực lòng không phải là điều ông ta làm mà là sự lừa bịp của họ đối với mọi người chúng ta trong hàng bao nhiêu năm.

Mắt ngài bắt đầu ràn rụa thứ nước mắt dễ dãi nhưng bà giả vờ như không hay biết gì.

- Y làm rất khéo, - bà nói. - Nếu y lại nói đúng sự thực ngay thì ngay ông, ngay cả người đàn bà tội nghiệp kia, và không một ai trong cái thành phố này lại yêu mến y như đã từng yêu mến.

Bà đeo cho ngài chiếc đồng hồ quả quýt vào ve chiếc áo khoác ngoài. Bà thắt nút cà vạt cho ngài rồi ghim vào đó chiếc ghim bằng đá tôpa. Sau đó bà dùng chiếc khăn tay thấm nước hoa Phlorida lau sạch nước mắt và hàm râu ướt nước dãi cho ngài,

rồi bà đút chiếc khăn ấy vào túi ngực để thò ra ngoài hai góc khăn nom nó tựa như bông hoa ngọc lan. Chiếc đồng hồ quả lắc để trên giá điểm mười một tiếng chuông.

- Nhanh chân lên ông ơi, - bà nói rồi cầm lấy cánh tay ngài. - Mau lên kẻo chúng ta đến chậm mất rồi!

Aminta Đơsampơ, bà vợ của bác sĩ Laxiđêt Ôlivêđa, và bảy cô con gái khôn khéo nhất thành phố, lo toan tất cả để bữa tiệc mừng đám cưới bạc trở thành một sự kiện xã hội trong năm. Toàn bộ gia đình ngài sinh sống tại ngôi nhà cổ ở đường Mônêđa. Ngôi nhà này từng được một kiến trúc sư, người Phlôren đi qua đây như một làn gió mới, xây dựng và là người đã biến hơn bốn nơi thờ thánh tích thế kỷ XVII thành những dinh thự lớn ở thành phố Vênêxi. Ngôi nhà có sáu phòng ngủ và hai phòng xa lông dùng vào việc ăn uống và tiếp khách, tuy chúng rất rộng rãi và có đủ quạt trần nhưng không tiện lắm cho việc tiếp đón các vị khách ở thành phố và những vị khách chọn lựa từ thành phố khác đến. Sân nhà giống như sân một tu viện: một chiếc cầu đá ngạo nghễ dựng lên ngay ở giữa sân và các hòn non bộ trồng hoa vòi voi toả hương thơm ngát cho ngôi nhà vào lúc chiều buông, nhưng khoảng không gian này không đủ sức chứa các tân khách có dòng họ quý phái. Vậy là người ta quyết định chuyển bữa

tiệc mừng đám cưới bạc đến trang trại số năm của gia đình cách đây chừng mười phút xe chạy theo đường cái quan. Ở đây có một bãi đất rộng rãi cùng với những cây nguyệt quế Ấn Độ xum xuê cành lá và những bụi súng trắng mọc dưới suối nước chảy lặng lờ. Bọn bồi bàn của *đôn* Săngchô, dưới sự điều khiển của bà vợ bác sĩ Laxiđét Ôlivêda, đã cắm những chiếc ô lớn màu sặc sỡ ở trên bãi đất trống, và bên dưới tán những cây nguyệt quế họ kê bàn ghế theo hình tam giác đủ chỗ cho một trăm hai mươi mốt tân khách, bàn nào cũng có khăn trải may bằng vải lanh và tại bàn tiệc danh dự còn cả những cành hoa hồng tươi rói. Người ta cũng dựng cả một bục chơi nhạc cho ban nhạc chơi nhạc cụ thuộc bộ chuyên chơi các bản nhạc nhảy và nhạc *van* dân tộc và cho ban nhạc bốn người chuyên chơi đàn của trường mỹ thuật, vốn là điều bất ngờ mà bà vợ bác sĩ Laxiđét Ôlivêda muốn dành tặng vị thầy lão thành của chồng mình, người sẽ làm chủ tiệc hôm nay. Mặc dù ngày hôm nay không trùng với ngày kỷ niệm đám cưới của vợ chồng bà cách đây hai mươi năm vì thế chọn đúng ngày chủ nhật lễ Hạ trần để cho bữa tiệc thêm long trọng và có ý nghĩa hơn.

Công việc chuẩn bị được tiến hành từ ba tháng trước cốt tránh bỏ sót những việc cần làm mà không thể làm được do thời gian kíp quá. Gia đình loan tin

để người ta mang gà mái từ miền Xiênaga đê Ôrô đến bán cho bữa tiệc. Những con gà mái này nổi tiếng khắp miền duyên hải chẳng những do chúng to béo và ngon thịt mà còn vì trong thời kỳ thuộc địa của Tây Ban Nha, chúng từng bới đất lụt kiếm ăn vì thế người ta bắt gặp những hạt vàng nguyên chất ở trong mề của chúng. Bà Ôlivêda, được các con gái và mấy người hầu gái theo sau, đã đích thân trèo lên boong những chiếc tàu viễn dương sang trọng tìm mua những thức ngon vật lạ từ mọi miền để tăng thêm danh tiếng cho chồng mình. Tất cả đều được trù tính kỹ ngoại trừ bữa tiệc được tổ chức vào ngày chủ nhật trong năm mùa mưa đến muộn. Gia đình bỗng nhận ra ngay điều đó vào chính buổi sáng hôm ấy khi họ đi làm lễ mixa tại nhà thờ và họ giật mình trước hơi ẩm trong không khí khác thường và nhìn thấy bầu trời dày mây, thấp tè và mờ mịt không thể nhìn thấy đường chân trời ở phía cuối biển. Bất chấp những biểu hiện cụ thể ấy của một trận mưa rào sắp đổ xuống, vị giám đốc nha khí tượng, người mà bác sĩ Laxiđét Ôlivêda gặp ngay trong buổi lễ mixa ngày Hạ trần, vẫn lưu ý rằng trong lịch sử đầy đau thương của thành phố, ngay cả trong những mùa đông khắc nghiệt nhất, không bao giờ ngày chủ nhật lễ Hạ trần lại có mưa rào. Tuy nhiên, vào lúc chuông đồng hồ điểm mười hai giờ, khi mà nhiều vị tân khách ngồi dưới bóng mát

bắt đầu uống rượu khai vị, thì tiếng sấm rền vang làm rung chuyển mặt đất, cơn gió mạnh ập tới làm tung hê hết các thứ bày trên mặt bàn và cuốn theo nó những chiếc ô lớn. Trời đổ xuống một trận mưa rào quái ác.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô gian nan lắm mới đến được địa điểm mời tiệc giữa lúc mọi người đang hối hả tất bật chạy mưa. Cùng với các vị tân khách gặp trên đường đi, ngài đến đây và ngài muốn như họ lò cò nhảy trên những hòn đá nổi trên sân lầy bùn để đi từ chỗ đậu xe vào nhà, nhưng rồi ngài đành phải chấp nhận biện pháp giản dị này: đám người nhà *đôn* Săngchô kiệu ngài trên tay, che cho ngài chiếc lọng vàng và đưa ngài vào trong nhà. Những chiếc bàn kê riêng biệt nay đã được kê xít lại với nhau bằng bất cứ cách nào cho tiện ở ngay trong nhà, kể cả trong phòng ngủ. Các tân khách chẳng cần phải cố giấu đi cảm giác mình bị ngột thở. Trong nhà nóng và ngột như ở hầm tầu vì người ta đóng kín các cửa lại để gió không thể táp mưa vào nhà. Ở ngoài sân, tại mỗi chỗ ngồi đều có mảnh thiếp ghi rõ tên họ từng vị khách mời và người ta đã xếp chỗ cho các khách nam vào một phía, khách nữ vào một phía, như tập quán ở đây vẫn làm thế. Nhưng ở trong nhà, các tấm thiếp ấy đều bị để lẫn lộn và do đó các khách mời cứ việc tiện đâu ngồi đấy trong một trạng thái hỗn tạp khủng khiếp mà ít ra nó cũng

khác hẳn với những tin điều của xã hội chúng ta. Trong lúc mưa bão, Aminta đê Ôlivêda dường như có mặt ở khắp nơi trong cùng một lúc. Với mái tóc ướt đẫm và bộ quần áo lộng lẫy bê bếp bùn, thế mà lúc nào bà cũng mỉm một nụ cười kiêu hãnh vốn học được của ông chồng để chiến thắng hoàn cảnh trớ trêu và không để cho kẻ thù của mình được dịp cười cợt. Được các cô con gái giúp đỡ, bà đã cố gắng hết sức giành được một chỗ để kê bàn tiệc danh dự là nơi bác sĩ Huvênan Ucbinô ngồi chính giữa bàn và bên phải ngài là đức giám mục Ôbđuliô và Rây. Phecmina Đaxa ngồi bên cạnh ngài, như xưa nay bà vẫn ngồi thế vì bà sợ rằng trong lúc ăn ngài ngủ gật hoặc đánh đổ súp lên ve áo khoác ngoài. Ngồi đối diện với ngài phía bên kia bàn tiệc danh dự là bác sĩ Laxiđét Ôlivêda, một ông già ngoài năm mươi tuổi, với dáng vẻ của đàn bà, cơ thể ngài vẫn cân đối gọn gàng, với tinh thần vui nhộn vốn không hề liên quan đến sự chẩn đoán bệnh tật chính xác của ngài. Phần còn lại của bàn tiệc danh dự dành cho các quan chức trong chính quyền tỉnh và quận, cho cô hoa hậu được chọn trong vũ hội *Cácnavan* năm trước mà quan tỉnh trưởng khoác tay dẫn đến đây và cho ngồi bên cạnh ngài. Mặc dù việc đòi hỏi phải ăn diện thật sang trọng trong các bữa tiệc mời, nhất là trong một bữa tiệc nơi thôn quê vào bữa trưa, không phải là một

thói quen ở đây, nhưng phần lớn khách đến dự tiệc đều mặc complê dạ màu thẫm và thắt cà vạt đen... một số vị còn mặc cả áo đuôi tôm, còn các vị khách nữ vận quần áo sắc sỡ các màu, đeo những vòng hạt cực kỳ quý giá. Chỉ có những ai rất lịch duyệt, trong số đó có bác sĩ Huvênan Ucbinô, ăn mặc quần áo bình thường. Mỗi chỗ ngồi đều có một bản ghi thực đơn in bằng tiếng Pháp.

Bà Ôlivêda, hoảng hốt trước cơn nóng hầm hập ở trong phòng, đã đi khắp lượt các bàn van xin các vị khách hãy cứ việc tự nhiên cởi áo khoác ngoài ra mà ăn, nhưng không một ai dám cởi trước tiên. Đức giám mục lưu ý bác sĩ Huvênan Ucbinô rằng cứ xét theo một hình thức nào đấy thì bữa tiệc này là một bữa tiệc lịch sử: lần đầu tiên những người thuộc hai phái Bảo hoàng và Tự do đối địch với nhau trong các cuộc nội chiến từng làm đổ máu nhân dân ngay từ sau ngày đất nước giành được độc lập thoát khỏi ách thống trị của người Tây Ban Nha, những người này hiện nay vẫn mang sẹo trên thân thể hoặc vẫn mang hận thù sâu sắc trong lòng, hôm nay ngay tại đây, họ đã ngồi chung một bàn tiệc. Cái ý nghĩ này trùng hợp với niềm vui sướng hân hoan của những người thuộc phái Tự do, nhất là đám thanh niên, vì từ đây họ đã bầu được một vị tổng thống nước cộng hoà thuộc đảng Tự do sau bốn mươi lăm năm liên tục phái Bảo hoàng nắm giữ chức vụ này. Bác sĩ

Huvênan Ucbinô không tán thành với đức giám mục. Đối với ngài, một vị tổng thống thuộc phái Tự do hoàn toàn không khác gì một vị tổng thống thuộc phái Bảo hoàng, có khác chăng thì chỉ khác ở việc ngài ăn mặc xoàng xĩnh hơn. Ngài không dám phản đối ý kiến đức giám mục, tuy nhiên ngài vẫn muốn chỉ cho đức giám mục thấy rằng những ai có mặt trong bữa tiệc này không phải vì họ nghĩ như thế nào mà chỉ đơn thuần vì những chiến tích của đẳng cấp mình và đẳng cấp bao giờ cũng ở trên mọi diễn biến ngẫu nhiên của chính trị, bất chấp mọi đau thương khủng khiếp của chiến tranh. Dĩ nhiên, chính vì nhìn nhận như thế nên không một ai vắng mặt trong bữa tiệc này.

Trận mưa rào bỗng nhiên tạnh như nó đã bỗng nhiên trút nước xuống và mặt trời lại rực rỡ sáng trên nền trời quang mây, nhưng gió lại thổi dữ dội hơn nhiều đến mức chúng đã làm cho một số cây cổ thụ bị trốc rễ và nước trong con suối trước đây hiền hoà nay dềnh lên tràn khỏi đôi bờ biến sân nhà thành một bãi bùn đỏ ngầu. Nhưng thảm hoạ lớn hơn cả trong trận mưa lại xảy ra ở bếp nấu. Mấy bếp củi được bắc tạm trên gạch ở ngoài trời phía sau nhà bị mưa to và những người đầu bếp hầu như chỉ có đủ thời gian bưng các chảo đang đun trên bếp lửa vào nhà. Bọn người làm bếp phải mất một số thời gian thu hẹp nhà bếp và nhóm thêm các bếp

ngay tại hành lang trong. Nhưng đến một giờ chiều lại xảy ra một chuyện bất ngờ mới: chỉ còn thiếu món tráng miệng từng được uỷ thác cho các nữ tu sĩ Tu viện Xanta Clara mà các bà này hứa sẽ chuyển đến trước mười một giờ trưa. Người ta sợ rằng nước của con suối bên cạnh đường quan sẽ lên to như đã từng xảy ra trong những mùa đông ít nghiệt ngã, và trong trường hợp nước lên to quá không thể đi lại được thì khó có thể có món tráng miệng vào lúc hai giờ. Ngay sau khi tạnh mưa các cửa sổ liền được mở toang và thế là ngôi nhà lại mát mẻ, tràn đầy thứ không khí trong lành sau trận mưa. Sau đó, chủ nhà ra lệnh cho ban nhạc chơi chương trình nhạc *van* ở ngoài sân hiên nhưng việc chơi nhạc này chỉ làm tăng thêm cơn khát vì tiếng vang của kèn đồng trong không gian ngôi nhà buộc người ta phải gào to để nói chuyện với nhau. Mệt mỏi vì phải chờ đợi món tráng miệng, Aminta đê Ôlivêda vẫn tươi cười ra lệnh người hầu bưng cơm ra.

Nhóm nhạc công của trường Mỹ thuật mở đầu bản giao hưởng trong khung cảnh yên tĩnh vừa đủ nghe những nhịp dạo đầu bản *La Chasse* của Môda. Dù cho tiếng hát ngày một bay bổng, dù cho bọn bồi bàn người da đen của *đôn* Săngchô tay bưng khay thức ăn nghi ngút hơi nóng, ồn ào len lỏi đi lại giữa các hàng bàn ghế kê sát nhau, bác sĩ Huvênan Ucbinô vẫn sảng khoái theo dõi hết chương trình

âm nhạc. Tuổi tác ngày càng cao thì khả năng tập trung tư tưởng của ngài ngày càng giảm đến mức khi chơi cờ đam ngài phải lấy bút ghi lại trên giấy những nước cờ để sau đó còn biết đường mà đi nước tiếp theo. Tuy nhiên ngài vẫn đủ khả năng vừa theo dõi một cuộc nói chuyện nghiêm túc vừa theo dõi đầy đủ một buổi hoà nhạc giao hưởng, dẫu rằng khả năng ấy của ngài hiện nay không thể địch được với khả năng tuyệt vời của giám đốc một dàn nhạc Đức, một người bạn lớn của ngài hồi ngài còn sống ở Áo, người trong lúc nghe bản nhạc *Tanhauser* vẫn đọc khúc dạo đầu bản nhạc *Don Giovani*.

Phần hai của chương trình, phần chơi bản nhạc *Thần chết và cô Trinh nữ*, nhạc phẩm của Sube, ngài cảm thấy nó được chơi với phong cách kịch quá rõ. Trong lúc ngài vất vả nghe bản nhạc được tấu lên vì phải lọc qua những tiếng ồn do thìa nĩa chạm vào bát đĩa, ngài chăm chú nhìn một anh thanh niên mặt hồng hào đã cúi đầu chào mình. Không còn nghi ngờ gì nữa, ngài đã nhìn thấy anh ta ở đâu đó, nhưng ở đâu thì ngài không thể nhớ được chính xác. Ngài thường hay quên, đặc biệt là ngài quên tên người, ngay cả tên những người rất quen biết hoặc tên các bản nhạc thời trước và chính việc hay quên này đã dày vò lòng ngài một cách khủng khiếp đến mức có một đêm ngài định chết quách đi cho rồi còn hơn là phải chịu đựng nỗi dày

vò cho đến sáng hôm sau. Lúc này suýt nữa ngài cũng sẽ nghĩ như vậy nhưng mà may thay một ánh lửa diêm chiếu sáng ký ức ngài: anh thanh niên kia là học trò năm trước của ngài. Ngài ngạc nhiên thấy anh ta có mặt ở đây, ở thế giới những người được chọn lựa này, nhưng bác sĩ Laxiđét Ôlivêda nhắc ngài nhớ lại rằng anh thanh niên kia là con trai vị Bộ trưởng Y tế, là người đến thành phố này để chuẩn bị luận án về thuốc pháp y. Bác sĩ Huvênan Ucbinô vui vẻ bắt tay chào anh ta và anh thanh niên liền đứng dậy kính cẩn đáp lễ. Nhưng ngay lúc ấy và cả sau này, chẳng bao giờ ngài nhận ra rằng anh ta chính là anh sinh viên y khoa trẻ đang thực tập ở phòng khám, người có mặt với ngài ở nhà Giêrêmia đê Xanh Amua buổi sáng hôm ấy.

Ngài đang hào hứng trước một chiến thắng nữa của mình đối với tuổi già, nên đã bỏ không theo dõi nốt tiết mục cuối cùng: một bản nhạc trữ tình rất trong sáng và dễ cảm động lòng người. Ngài không nghe vì không thể hiểu được nó. Về sau, một anh thanh niên, thành viên của nhóm nhạc, người mới từ nước Pháp trở về, nói với ngài rằng đó là bản nhạc tứ tấu dành cho dàn nhạc của một nhạc sĩ tên là Gabriên Phôrê, là một nhạc sĩ mà bác sĩ Huvênan Ucbinô chưa hề biết tên tuổi dù ngài chịu khó theo dõi sát sao các sự kiện mới lạ xảy ra ở châu Âu. Do quan tâm chăm sóc ngài, nhất là khi thấy ngài tư lự

trước công chúng, Phecmina Đaxa ngừng ăn, đặt tay mình lên tay ngài. Bà nói với ngài: "Ông ơi, ông không nên nghĩ đến chuyện ấy nữa". Vẫn đắm chìm trong trầm tư mặc tưởng, ngài mỉm cười với bà và đó chính là lúc ngài nghĩ đến điều bà lo sợ. Ngài nghĩ đến Giêrêmia đê Xanh Amua mà lúc này mặc quần áo lính và đeo huân chương nằm trong quan tài dưới con mắt soi mói của những đứa trẻ trong các bức chân dung được treo trên tường. Ngài quay lại với đức giám mục để báo cho Cha biết tin y đã tự tử nhưng Cha biết rồi. Sau lễ mixa người ta bàn tán nhiều về vụ tự tử ấy và hơn nữa Cha còn nhận được lời thỉnh cầu của đại tá Hêrômimô Acgôtê, người đại diện cho tất cả những người tị nạn vùng Caribê, xin Đức cha cho phép chôn cất y ở nghĩa trang của giáo khu. Đức giám mục bảo: "Tôi cảm thấy lời thỉnh cầu ấy là một sự bất kính". Sau đó với giọng nói dịu dàng hơn, thân mật hơn, đức giám mục hỏi liệu ngài có biết nguyên nhân của vụ tự tử ấy không. Bác sĩ Huvênan Ucbinô trả lời Cha bằng một từ chính xác mà ngài cứ tưởng mình đã sáng tạo ra ngay chính lúc ấy: Gerontofobia[1]. Bác sĩ Laxiđét Ôlivêđa, còn đang bận chăm sóc các tân khách ngồi gần mình nhất, đã ngừng chuyện trò với họ một lúc để tham gia câu chuyện của thầy học

[1] Nghĩa: sợ già.

mình. Ngài nói: "Thật đáng thương cho đến bây giờ vẫn có một vụ tự tử không phải vì tình". Bác sĩ Huvênan Ucbinô không hề ngạc nhiên khi nhận thấy những suy tư của mình lại hoàn toàn trùng với những suy tư của người học trò cưng.

- Còn tệ hơn thế nữa, - ngài nói. - Y tự tử bằng hơi độc của muối xyanua vàng.

Khi nói thế ngài cảm thấy tình thương của mình đối với y lại sâu sắc thêm trên cơ sở nỗi đắng cay của bức chúc thư và ngài không cảm ơn vợ mình mà lại cảm ơn cái kỳ diệu của âm nhạc. Thế là ngài nói với đức giám mục về vị thánh thế tục mà ngài được quen biết trong những buổi chiều thư thả đấu cờ đam, về lòng tận tụy của y trong nghệ thuật chụp ảnh hiến dâng hạnh phúc cho trẻ nhỏ, về sự hiểu biết rất kỳ lạ của y về biết bao điều mới lạ trên thế giới này, về những cá tính dịu hiền của y, và chính ngài đã phải ngạc nhiên trước việc y tự làm thanh sạch tâm hồn bằng việc cắt đứt với quá khứ một cách dứt khoát và nhanh chóng. Sau đó ngài nói với quan thị trưởng nên mua lại phim âm bản để làm tư liệu giữ lại những hình ảnh của một thế hệ mà có lẽ chúng sẽ không hạnh phúc ở ngoài các bức ảnh và tương lai của thành phố sẽ ở trong tay chúng. Đức giám mục không bằng lòng với những lời quá khen ngợi của ngài về Giêrêmia đê Xanh Amua và cha bảo rằng một con chiên vừa là quân nhân vừa là

người có lòng tin thì làm sao lại đi tự tử được. Nhưng đức giám mục lại tán thành việc nên mua lại những phim âm bản làm tư liệu cho thành phố. Quan thị trưởng muốn được biết nên liên hệ với ai để mua lại những phim âm bản ấy. Bác sĩ Huvênan Ucbinô bị bỏng lưỡi trước điều bí mật nóng rực như than lửa, nhưng ngài đã kịp chịu đựng mà không để lộ tên người thừa kế những phim âm bản ấy hiện đang phải mai danh ẩn tích. Ngài bảo: "Hãy để tôi lo liệu việc này cho". Và ngài cảm thấy mình được tự do bởi chính lòng trung thành của mình đối với người đàn bà mà ngài vừa từ giã cách đây năm giờ. Phecmina Đaxa nhận rõ điều ấy và bà buộc ngài hứa sẽ tham dự đám tang. "Dĩ nhiên là tôi sẽ làm điều đó", ngài nói với vẻ bàng hoàng. "Chỉ cần đến giờ là tôi đi ngay".

Các bài phát biểu chúc tụng và đáp lễ thật là ngắn gọn. Ban nhạc hơi lại bắt đầu thổi một điệu nhạc dân gian không hề có trong chương trình. Các tân khách đi dạo trên các hành lang và sân hiên đợi cho đám bồi bàn của *đôn* Săngchô tát cạn nước trong sân, phòng khi có ai thích nhảy chăng. Các vị khách duy nhất ngồi lại trong phòng là các tân khách ở bàn tiệc danh dự. Họ ngồi lại để chúc mừng bác sĩ Huvênan Ucbinô trong lần nâng cốc cuối cùng sẽ cạn một hơi nửa cốc rượu brandy. Không một ai nhớ rằng ngài cũng đã uống như thế trước đây rồi,

trừ cốc rượu ngon ngài uống để ăn cho trôi một bữa ăn thịnh soạn hiếm có, nhưng con tim ngài buổi chiều ấy lại đòi hỏi ngài uống thêm nửa cốc rượu brandy và thế là ngài ngà ngà say: một lần nữa, sau bao nhiêu năm, ngài lại muốn ca hát. Đáng lẽ ra ngài đã hát với tiếng đàn đệm của tay nhạc công trẻ tình nguyện đệm đàn cho ngài nếu lúc ấy không có một chiếc xe kiểu mới vượt qua sân lầy bùn, khiến bọn nhạc công phải chạy tán loạn và với tiếng còi kêu toe toe nó làm cho lũ vịt nháo nhác chạy ở ngoài vườn. Chiếc xe dừng lại ngay trước hàng cột hiên nhà. Bác sĩ Maccô Aurêliô Ucbinô Đaxa và bà vợ cười ngặt nghẽo bước xuống xe, mỗi tay bưng một khay đậy tấm khăn đăng ten. Một số khay tương tự cũng được đặt trên các ghế và ngay cả dưới sàn xe cạnh ghế người tài xế ngồi. Đó là món tráng miệng muộn mằn. Khi tiếng vỗ tay cùng tiếng cười đùa vui vẻ vừa chấm dứt, với giọng điệu nghiêm chỉnh, bác sĩ Ucbinô Đaxa giải thích rằng các nữ tu sĩ nhờ ngài chuyển hộ món tráng miệng đến đây từ trước lúc mưa bão nhưng khi xe ngài đến con đường cái quan thì phải quay trở lại vì có người bảo ngài rằng nhà cha mẹ ngài đang bị cháy. Bác sĩ Huvênan Ucbinô giật mình hoảng hốt không cần phải đợi cho con trai kể hết câu chuyện. Nhưng bà vợ ngài kịp nhắc ngài nhớ lại rằng chính ngài đã bảo gia nhân đi mời đội cứu hoả đến để bắt hộ con vẹt xổng

chuồng. Aminta đê Ôlivêda, mặt rạng rỡ, quyết định dọn món tráng miệng mời khách mặc dù họ vừa uống xong cà phê. Nhưng bác sĩ Huvênan Ucbinô và phu nhân vội ra về không hề nếm bánh tráng miệng bởi vì thời gian hầu như chỉ đủ cho ngài ngủ trưa trước khi đi dự đám tang Giêrêmia đê Xanh Amua.

Ngài ngủ một giấc ngủ ngắn và nặng nề những mộng mị vì khi trở về tới nhà ngài thấy bọn lính cứu hoả đã gây ra những thiệt hại còn lớn hơn một vụ hoả hoạn. Định doạ con vẹt bọn họ lấy vòi phun cao áp phun nước lên chỗ con vẹt đứng và dòng nước phun xối xả này đã vặt trụi hết lá cây, hơn nữa một dòng nước phun không chính xác đã đập vào cửa sổ, toé nước vào trong phòng ngủ, làm vấy bẩn các đồ nội thất và chân dung các cụ cố treo trên tường. Hàng xóm hoảng hốt xô ra đường khi nghe thấy tiếng còi xe cứu hoả vì tưởng là có hoả hoạn, và nếu sự rối loạn không xảy ra là vì bọn học trò bị giữ lại trong trường nội trú ngày chủ nhật. Khi nhận rõ dù có dùng thang nối cũng không thể trèo lên đến chỗ con vẹt đậu, lính cứu hoả liền lấy dao chặt cành cây và chỉ khi bác sĩ Ucbinô Đaxa xuất hiện đúng lúc họ mới ngừng chặt, nếu không họ sẽ chặt cụt tới tận thân cây. Họ ra về còn dặn lại rằng sẽ trở lại sau năm giờ chiều để xem chủ nhân có ra lệnh cho họ chặt cây không. Khi nghỉ tay, họ làm vấy

bẩn hành lang trong nhà và phòng khách, làm rách chiếc thảm Ba Tư vốn là thứ được Phecmina Đaxa yêu thích. Thiệt hại còn lớn hơn nữa bởi cảm giác chung là con vẹt nhân cơ hội lộn xộn đã bỏ trốn sang sân nhà hàng xóm. Quả nhiên là như vậy vì bác sĩ Huvênan Ucbinô đã tìm kiếm nó khắp các tán cây nhưng dù ngài hát, hay huýt sáo để gọi cũng không thấy nó trả lời. Vì thế ngài cho rằng con vẹt bay mất rồi và ngài đi ngủ trưa vào lúc ba giờ chiều. Trước đó, ngài thưởng thức niềm vui thoáng qua do hương thơm mùi cây măng tây dùng để cọ rửa nhà vệ sinh ngoài vườn kín gây nên trong tâm trạng ngài.

Nỗi buồn đánh thức ngài dậy. Nó không phải là nỗi buồn đứng trước tử thi của người bạn sáng sớm hôm ấy mà là ý nghĩ bâng quơ làm xao xuyến tâm hồn ngài sau giấc ngủ trưa, và ngài tự giải thích nó giống như một cảm nhận thiêng liêng rằng ngài đang sống những buổi chiều cuối cùng của đời mình. Cho đến khi đã là ông già năm mươi tuổi, ngài vẫn chưa có ý niệm đầy đủ về tầm cỡ, về trọng lượng và thể trạng của các cơ quan lục phủ ngũ tạng của mình. Dần dà, sau mỗi bận ngủ trưa, trong lúc nằm với đôi mắt khép lại, ngài cảm nhận được tất cả các bộ phận bên trong ấy, ngài nhận rõ từng bộ phận một, cảm thấy hình vóc trái tim to của mình, cảm thấy buồng gan tuyệt vời của mình, cảm thấy

thành bụng săn chắc của mình và ngài đi đến phát hiện rằng ngay cả những người già hơn, những bộ phận này đều nhỏ hơn của ngài và ngài là người sống lâu nhất trong thế hệ mình. Khi ngài nhận ra sự đãng trí đầu tiên của mình, ngài liền vận dụng ngay thủ thuật học được của một trong những thầy học của mình ở trường Y: "Ai không có trí nhớ hãy lấy sổ mà ghi lại". Tuy nhiên đó chẳng qua cũng là một ảo tưởng mà thôi vì ngài đã quên ngay cả chính điều được ghi lại trong các mẩu giấy rời nhét bừa trong túi áo, ngài chạy khắp nhà tìm cặp kính trong khi ngài đã đeo nó trên mắt, ngài trở lại khoá cửa khi mà ngài đã khoá cửa rồi và không theo dõi được mạch chuyện vì ngài quên mất tiền đề của các lý thuyết và lẫn lộn các nhân vật với nhau. Nhưng điều khiến ngài lo lắng hơn cả chính là việc ngài mất lòng tin ở ngay cứu cánh của mình, rồi trong một sự lãng quên không thể tránh được, ngài cảm thấy mình đang để mất đi cảm nhận về cái đúng, cái sai của chân lý.

Theo kinh nghiệm đơn thuần, dù đó là kinh nghiệm không có cơ sở khoa học, bác sĩ Huvênan Ucbinô biết rằng phần lớn những bệnh hiểm nghèo dẫn đến cái chết đều có mùi của chính nó, nhưng không một thứ mùi nào lại quá đặc sắc như thứ mùi của bệnh già. Ngài cảm nhận cái mùi ấy trong các tử thi bị rạch bụng nằm trên bàn mổ, ngài nhận ra cái mùi ấy ngay

cả ở những người thân quen tuổi đã cao, ở mồ hôi trong quần áo của chính mình và ở hơi thở đều đều của bà vợ lúc đang ngủ. Về bản chất nếu không phải như vậy thì có lẽ một con chiên không nệ cổ hẳn đã đồng ý với Giêrêmia đê Xanh Amua rằng tuổi già là một quãng đời nhiều thói tật cần phải chặn lại đúng lúc. Niềm an ủi duy nhất của ngài, nhất là đối với người vốn an nhàn quen cảnh giường đệm gối êm như ngài là nhu cầu nhục dục đã khô héo dần dần và đáng thương: sự bình lặng của dục tình. Vào tuổi tám mươi mốt, ngài còn khá minh mẫn để nhận ra rằng mình đang bị cột chặt vào thế giới này bởi một số sợi chỉ mỏng manh mà chỉ với việc trở mình trong khi ngủ cũng đủ khiến chúng đứt tung ra và nếu ngài còn cố duy trì những sợi chỉ mỏng manh ấy là vì ngài sợ không gặp được Chúa trong bóng tối của cái chết.

Phecmina Đaxa lo dọn dẹp lại phòng ngủ bị bọn lính cứu hoả làm bừa bộn và trước lúc bốn giờ một chút bà mang cho chồng một cốc nước chanh đá và nhắc ngài nên mặc lễ phục để đi dự lễ tang. Buổi chiều ấy, bác sĩ Huvênan Ucbinô có hai cuốn sách để ngay cạnh mình.

Đó là cuốn: *Bí ẩn của con người* của Alêcxit Carên[1] và cuốn *Chuyện Thánh Misen* của Aren

[1] Bác sĩ và triết gia người Pháp (sinh 1873 - mất 1944), người được giải Nôben năm 1912.

Munđơ[1]. Cuốn sách sau này ngài vẫn chưa đọc. Ngài bảo Đichgơna Pacđô, bà đầu bếp, mang cho mình con dao rọc giấy cán sừng mà ngài bỏ quên trong phòng ngủ. Nhưng khi bà ta mang nó ra thì ngài đang đọc cuốn *Bí ẩn của con người* ở ngay trang được đánh dấu bằng một bì thư. Chỉ còn ít trang nữa là ngài đọc xong. Ngài đọc nó một cách chậm rãi vì đầu ngài váng vất do uống nửa cốc rượu brandy trong lần nâng cốc cuối cùng của bữa tiệc trưa nay. Thỉnh thoảng ngài ngừng đọc để uống một ngụm nước chanh hoặc để nhai một mẩu nước đá. Ngài đã mặc sẵn tất, áo sơ mi không cổ, thắt sẵn hai dải quần xanh vắt chéo từ cổ xuống thắt lưng, do đó ngài khó chịu với ý nghĩ phải đi thay quần áo để đi dự đám tang. Bỗng ngài thôi đọc sách, đặt cuốn sách lên cuốn *Chuyện Thánh Misen* và bắt đầu đung đưa chậm chạp chiếc ghế xích đu mây mà ngắm nhìn quang cảnh, những cây chuối ngự soi bóng trên những vũng nước đọng ngoài sân, ngắm nhìn cây xoài trụi lá, những đàn kiến đang bay sau trận mưa, ngắm nhìn ánh huy hoàng rực rỡ của một buổi chiều chưa đến nhưng đã vĩnh viễn qua đi. Ngài quên mất rằng có lần ngài từng có một con vẹt Paramaribô mà ngài yêu mến nó như yêu mến một con người. Giữa lúc ấy ngài nghe thấy có tiếng

[1] Bác sĩ và nhà văn người Thuỵ Sĩ (sinh 1857 - mất 1949).

người nói: "Vẹt quý! Vẹt quý!". Ngài nghe thấy tiếng nói ấy rất gần, hầu như ở bên cạnh mình rồi ngay lập tức ngài nhìn thấy nó đậu trên cành xoài thấp nhất.

- Đồ dơ! - ngài thét nó.

- Ngài còn dơ hơn thế cơ!

Ngài nói chuyện với nó mà mắt không rời nó và trong lúc nói chuyện ngài rón rén đi ủng để không gây một tiếng động nhỏ, cẩn thận xỏ tay qua hai chiếc dải quần, sau đó ngài bước xuống cái sân hiện vẫn còn vấy bùn do đó ngài phải cẩn thận chống cây ba-toong dò dẫm từng bước chân để khỏi va phải các bậc thềm nhà. Con vẹt vẫn đứng yên không nhúc nhích. Nó đậu thấp lắm đến mức nếu dương cây gậy ba-toong ra cũng đủ gần để con vật lập tức đậu ngay lên đầu bịt bạc, ngài nghĩ vậy, nhưng con vẹt đã tránh xa cây gậy. Nó nhẩy lên một cành cây ngay cạnh cao hơn chút ít nhưng lại dễ trèo lên hơn. Vì thấy ngay cạnh đấy đã có chiếc thang do lính chữa cháy bắc sẵn, bác sĩ Huvênan Ucbinô ước lượng chiều cao và nghĩ rằng chỉ trèo hai bậc thôi là tóm ngay được con vẹt. Ngài trèo lên bậc thứ nhất, mồm vẫn hát một bài hát vui vẻ để đánh lừa con vật khó bảo, còn nó trong lúc mồm vẫn nhắc lại những lời nói không vần điệu thì chân nó cứ từ từ nhích xa ra phía đầu cành cây. Ngài trèo lên bậc thứ hai không khó khăn gì, hai tay nắm chắc lấy chiếc

thảng còn con vẹt hát lại cả bài hát không thiếu một câu và không hề thay đổi vị trí. Vì ước lượng sai độ cao của cành cây nên ngài trèo lên bậc thứ ba, rồi bậc thứ tư, rồi ngài dùng tay trái nắm thật chắc vào chiếc thang còn tay phải với ra định túm lấy con vẹt. Đichgơna Pacđô, bà hầu nhiều tuổi, từ trong nhà bước ra sân để nhắc ngài cần khẩn trương chuẩn bị đi dự lễ tang kẻo đã muộn giờ rồi, nhìn thấy lưng một người đàn ông đang trèo lên thang và bà không thể tin được rằng người ấy là ngài vì rõ ràng ngài đeo hai dải quần xanh.

- Trời ơi, - bà gào. - Hãy cẩn thận kẻo ngã chết bây giờ.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô tóm lấy cổ con vật, reo lên với ngữ điệu đầy vẻ đắc thắng: *ça y est*![1]. Nhưng ngay lập tức ngài phải thả nó ra vì cái thang đang trượt đi dưới chân ngài, rồi ngài bị hất ra ngoài chiếc thang, lơ lửng trong không trung một lát. Trong cái giây lát ngắn ngủi này ngài kịp hiểu ra rằng mình đã chết không kịp làm lễ ban thánh thể, không còn thời gian để ân hận về bất kỳ điều gì và không kịp chia ly với bất kỳ ai. Đó là lúc bốn giờ bảy phút chiều ngày chủ nhật lễ Hạ trần.

Phecmina Đaxa đang nếm món xúp cho bữa ăn chiều thì nghe thấy tiếng kêu đầy hoảng hốt của bà

[1] Tiếng Pháp, nghĩa: Nó đây rồi!

Đichgơnia Pacđô, nghe thấy tiếng ồn ào của đám gia nhân và tiếp đó, tiếng ồn ào của hàng xóm. Ném vội chiếc muôi đi, bà lấy hết sức bình sinh chạy rõ nhanh cố chống lại sức ỳ không gì thắng nổi của tuổi già, vừa chạy vừa gào thét như một con điên mà vẫn chưa hay biết điều gì đang xảy ra dưới tán cây xoài. Trái tim bà nhảy nhót đầy đau đớn trong lồng ngực khi bà nhìn thấy chồng bà đang nằm ngửa trên đất bùn, chết đến nơi nhưng vẫn cố ghìm lại cái phút cuối cùng của đời mình để cho bà vợ có đủ thời gian chạy đến chia ly. Sau hàng nước mắt ràn rụa đầy đau thương vì nghĩ rằng mình chết mà không có người vợ ở bên cạnh, ngài nhìn thấy bà giữa bao người đang vây xung quanh mình. Vì biết sẽ chẳng bao giờ được nhìn thấy bà nữa nên ngài đã nhìn bà với con mắt rực sáng hơn, buồn hơn và nặng ân tình hơn, một cái nhìn mà một nửa thế kỷ chung sống bà chưa bao giờ được nhìn thấy. Trong hơi thở cuối cùng, ngài chỉ kịp nói:

- Chỉ có Chúa mới biết tôi đã yêu mình như thế nào!

Đó là một cái chết đáng ghi nhớ. Nói thế là hoàn toàn có lý. Hầu như vừa mới hoàn thành công việc nghiên cứu chuyên khoa ở Pháp, bác sĩ Huvênan Ucbinô đã nổi tiếng khắp nước vì công trạng dập tắt được nạn dịch tả từng làm cho cả thành phố khiếp sợ bằng những biện pháp mới, dứt khoát và hữu

hiệu. Nạn dịch trước đó, khi ngài còn ở châu Âu, đã giết hại một phần tư số dân thành phố trong không đầy ba tháng. Trong số những nạn nhân ấy, có cha ngài, vốn là một bác sĩ rất được kính nể. Với uy tín vừa giành được và gia tài được thừa hưởng của cha, ngài thành lập Hội Y học, tổ chức y học đầu tiên và duy nhất ở các tỉnh thuộc vùng biển Caribê và ngài là chủ tịch vĩnh viễn của Hội Y học này. Bằng hoạt động tích cực của mình, ngài đã giành thắng lợi trong việc xây dựng chiếc cầu đầu tiên, hệ thống cống ngầm đầu tiên và xây dựng các quán bán hàng thực phẩm đều có lưới che kín nhờ vậy tránh được ruồi muỗi từ các bãi rác đến đậu. Ngoài ra ngài còn là Chủ tịch Viện Hàn lâm ngôn ngữ, Chủ tịch Viện Hàn lâm lịch sử. Ngài Trưởng lão La Mã ở Giêrusalem đã tặng ngài huy chương *Thánh Xêpuncrô* vì những đóng góp tích cực của ngài cho nhà thờ, và Chính phủ Pháp tặng ngài huân chương *Bắc đẩu bội tinh* vì là người bình luận xuất sắc. Ngài là một người cổ vũ nhiệt thành của biết bao giáo đoàn và tổ chức quần chúng ở thành phố này, đặc biệt là Hội Ái quốc, một tổ chức bao gồm những công dân nhiệt thành không vụ lợi chính trị. Những tổ chức này gây sức ép buộc chính phủ và giới thương gia địa phương phải cùng tham gia những công việc canh tân quá mạnh mẽ đối với thời đại. Trong số những công việc canh tân ấy, việc thí

nghiệm một quả bóng bay mà trong chuyến bay đầu tiên của mình nó đã mang lá thư đến tận Xan Hoan đê la Xiênaga. Đó là công việc đáng ghi nhớ hơn cả vì nó được tiến hành trước khi người ta nghĩ đến bưu điện hàng không như là một khả năng thực tế. Ngài cũng là người đề xuất ý kiến thành lập Trung tâm Nghệ thuật và nhờ quan điểm này người ta đã thành lập Trường Mỹ thuật đặt ngay tại ngôi nhà ngày nay vẫn còn. Trong nhiều năm, ngài còn bảo trợ cho các Hội thi thơ tổ chức vào tháng tư hàng năm.

Chỉ có ngài mới giành được sự nghiệp hầu như không thể làm được trong một thế kỷ: sự thành lập lại Nhà hát vốn bị biến thành sới chọi gà và nơi nuôi gà kể từ thời Thuộc địa. Đó là đỉnh điểm của phong trào dân chúng ham thích sân khấu từng khuấy động đến mọi tầng lớp nhân dân trong thành phố nhờ một cuộc vận động sâu rộng mà nhiều người cho rằng đó quả là một sự nghiệp to lớn nhất. Tuy nhiên, Nhà hát kịch đã khai trương khi nó không có ghế, không có đèn và khán giả phải mang theo cái để ngồi và cái để thắp sáng vào lúc giữa hai màn kịch. Người ta phân phát vé vào cửa y như các buổi trình diễn lớn ở châu Âu và các bà mệnh phụ lợi dụng cơ hội này để trưng diện váy áo dài và áo khoác da ngay trong đêm đại thử ở vùng nhiệt đới Caribê; nhưng cũng cần phải cho phép bọn người

hầu vào xem để họ mang theo nào ghế ngồi, nào đèn và biết bao thức ăn khác vì các quý ông, quý bà tưởng rằng các thứ này giúp cho họ có sức chịu đựng để xem cho hết các chương trình dài lê thê, có một vài chương trình kéo tới tận gần sáng, khi người ta cử hành lễ mixa đầu tiên trong ngày. Đợt trình diễn được mở đầu với sự tham gia của một gánh nhạc kịch Pháp mà điều mới lạ của nó chính là cây thụ cầm trong dàn nhạc. Niềm vinh quang đáng nhớ mãi của gánh nhạc kịch này là giọng hát trong trẻo và tài diễn xuất của một nữ ca sĩ giọng nữ cao người Thổ Nhĩ Kỳ, người khi hát lại đi chân trần và các ngón chân đeo đầy nhẫn mặt đá quý. Khi mở màn, do khói của không biết bao nhiêu ngọn đèn dầu cọ bay mù mịt nên không thể nhìn rõ sân khấu và các ca sĩ liền bị khản giọng ngay. Nhưng các báo chí trong thành phố đã biết cẩn thận lược bỏ các chi tiết, tình tiết gây cản trở cho đêm diễn, chỉ nhấn mạnh và tô điểm các chi tiết không thể nào quên. Không còn nghi ngờ gì nữa, đó là sự khởi đầu hấp dẫn hơn cả của bác sĩ Huvênan Ucbinô bởi vì cơn sốt nhạc kịch đã lôi cuốn tới cả những Ixônđa và Ôtêlô, Aiđa và Xichphrit[1]. Tuy nhiên, chưa bao giờ Nhà hát kịch lại đạt tới những thành tựu cao nhất mà bác sĩ Huvênan Ucbinô từng mong muốn: nghĩa

[1] Tên các nhân vật trong các vở kịch nổi tiếng thế giới.

là ngài muốn được xem cảnh tượng các đào kép trình diễn nhạc kịch Ý hay nhạc kịch của Vagơne phải chịu những cú gậy ba-toong của khán giả nện cho để phủi sạch bụi vào lúc nghỉ giữa hai màn kịch.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô không bao giờ chấp nhận một chức vụ chính quyền mà người ta sẵn sàng và không điều kiện trao cho ngài và ngài là một người công kích mạnh mẽ những bác sĩ lợi dụng danh tiếng nghề nghiệp để leo lên các nấc thang chính trị. Dù cho thiên hạ nhìn nhận ngài là một nhà Tự do và dù ngài thường bỏ phiếu cho các ứng cử viên thuộc đảng Tự do, ngài chỉ là nhà tự do về mặt hình thức chứ thực lòng ngài là một nhà Bảo hoàng và có lẽ ngài là thành viên cuối cùng của các gia đình cự phú đã quỳ gối trên đường cái khi xe đức giám mục đi qua. Ngài tự nhận mình là một con người hoà bình từ trong máu, một con người đại diện cho khuynh hướng hoà giải mãi mãi giữa hai đảng Tự do và Bảo hoàng vì lợi ích của đất nước. Tuy nhiên, phương pháp hoạt động công khai của ngài hết sức tự do đến mức không ai có thể sánh kịp ngài và do đó nó khiến cho người khác khó mà nhận định ra bản chất chính trị của con người ngài. Các nhà Tự do coi ngài là tên đầu cơ trục lợi mà giàu có; các nhà Bảo hoàng lại bảo rằng ngài làm tất cả chỉ trừ là nhà tam điểm, còn các nhà tam điểm lại từ chối

ngài coi ngài như một tên tu sĩ trá hàng để phục vụ lợi ích của Toà Thánh. Những người khác ít thù địch với ngài, công kích ngài ở mức nhẹ nhàng hơn, đã nghĩ rằng ngài chỉ là một gã quý tộc say mê các cuộc thi thơ đầy hào hứng khi đất nước đang rỉ máu trong một cuộc nội chiến liên miên.

Chỉ có hai hành động của ngài dường như không phù hợp với hình ảnh này. Hành động thứ nhất là việc đổi dinh thự cổ Mackêt đê Caxanđuêrô, vốn là ngôi nhà của gia đình trong suốt hơn một thế kỷ, để chuyển gia đình đến sống trong một ngôi nhà mới thuộc khu phố những nhà giàu mới phất. Hành động thứ hai là việc ngài cưới một cô gái đẹp thân phận bình thường: không tên tuổi, không giàu có. Các bà mệnh phụ, các phu nhân và các cô gái nhà quyền quý đã cười thầm ngài cho đến khi họ buộc phải thú nhận rằng chính cái cá tính trội bật của ngài đã làm cho họ phải điên đảo. Bác sĩ Huvênan Ucbinô biết rất rõ điều này cũng như biết một số truyện khác do hình ảnh con người mình gây ra cho mọi người, và cũng không một ai như chính ngài đã ý thức rõ ràng rằng mình là người cuối cùng của một dòng họ đang tuyệt diệt. Hai người con của ngài là hai cái đuôi của một dòng họ không có triển vọng gì. Maccô Aurêliô, người con trai, cũng như ngài, ông ta là bác sĩ, và cũng như tất cả những trưởng nam của từng thế hệ trong dòng họ, ông ta chưa làm

được một công trạng hiển hách nào, ngay cả việc sinh con cũng không làm được mặc dù ông ta đã ngoài năm mươi tuổi. Ôphêlia, người con gái duy nhất, lấy một người làm việc trong nhà băng ở Tân Oócléăng, đã bước vào thời kỳ mãn kinh với ba đứa con gái, không có con trai. Tuy nhiên, dù cho dòng họ mình bị cụt cuối có làm cho ngài đau lòng, nhưng điều khiến ngài phải bận tâm hơn cả khi chết đi là cuộc sống cô đơn của Phecmina Đaxa không có ngài.

Dù sao chăng nữa, tấn bi kịch này là một sự rung động mạnh mẽ của tâm hồn đã không chỉ giới hạn trong số họ hàng thân tộc và bạn hữu mà còn lây lan đến tận đám dân thường đang đổ ra đường với ý nghĩ hão huyền: đi xem dù chỉ xem cái ánh hào quang của một chuyện huyền thoại. Người ta tuyên bố để tang ba ngày. Trong các công sở treo cờ rủ. Chuông các nhà thờ trong toàn thành phố gióng giả đổ hồi liên tục cho đến khi hầm mộ được đóng lại. Một nhóm hoạ sĩ Trường Mỹ thuật dùng thạch cao đúc khuôn mặt tử thi để làm khuôn cho một bức tượng bán thân to bằng cỡ người thực nhưng ý định ấy bị bác bỏ ngay vì chẳng một ai cảm thấy vui sướng trước vẻ thảng thốt tội nghiệp trong giây phút cuối cùng của một đời người mà bức tượng sẽ gây nên trong tâm hồn họ. Một nghệ sĩ lừng danh ngẫu nhiên dừng chân ở thành phố này trước khi sang

châu Âu, vẽ một bức tranh lụa khổng lồ theo bút pháp hiện thực trữ tình miêu tả bác sĩ Huvênan Ucbinô đang trèo lên thang với bàn tay giơ ra định túm lấy con vẹt trong giây phút tận số của mình. Điều duy nhất trái với hiện thực thô mộc của đời ngài là trong bức tranh trên ngài không mặc chiếc áo sơ mi không bẻ cổ và đeo hai dải quần xanh, mà trái lại, ngài đội một chiếc mũ sâu ống, mặc một chiếc áo choàng bằng dạ đen theo đúng như tranh khắc của báo chí trong những ngày dịch tả từng mô tả ngài. Mấy tháng sau tấn thảm kịch, bức tranh này được trưng bày trong phòng tranh rộng lớn mang tên *Alambrê đê Ôrô*[1], một cửa hàng bán hàng nhập ngoại, là nơi dân chúng cả thành phố đều diễu qua xem. Sau đó bức tranh được treo trên tường của không biết bao nhiêu trường công và trường tư vì nhà trường nghĩ rằng họ có trách nhiệm luôn luôn tưởng niệm nhà quý tộc vĩ đại, và cuối cùng nó được treo ngay trong Trường Mỹ thuật nhân ngày giỗ đầu của ngài. Nhiều năm sau này, chính sinh viên hội hoạ của trường đã lôi bức hoạ ấy ra Quảng trường Trường Đại học để đốt nó đi như đốt bỏ một khuynh hướng thẩm mỹ và những ngày nhàm chán.

Ngay từ những giây phút đầu tiên của cuộc đời goá bụa, người ta không hề thấy Phecmina Đaxa

[1] Nghĩa: sợi dây vàng.

quá ư buồn bã như chồng bà tưởng. Bà một mực không cho phép người ta sử dụng tử thi chồng mình vào lợi ích của bất kỳ một tổ chức chính trị nào, ngay cả đối với ngài Tổng thống nước Cộng hoà nói trong bức điện danh dự rằng hãy quàn tử thi ngài trong phòng khánh tiết của chính quyền tỉnh. Cũng với chính tinh thần kiên quyết ấy, bà khước từ việc quàn tử thi chồng mình ở nhà thờ theo lời đức giám mục nhân danh cá nhân yêu cầu bà, và bà chỉ chấp nhận quàn tử thi chồng mình ở nhà thờ trong lúc làm lễ chính thức. Hơn nữa, trước thái độ thờ ơ của con trai mình, Phecmina Đaxa vẫn duy trì quan niệm dân gian cho rằng người chết không thuộc về bất kỳ ai ngoại trừ gia đình họ và rằng người chết phải được quàn ở nhà mình để chủ tang có thể tiếp đón các khách đến phúng điếu bằng cà phê và bánh và để khách đến viếng được tự do muốn khóc hoặc muốn làm gì tuỳ thích. Bà không theo phong tục cổ truyền để tang chín đêm mà bà để tang theo cách của mình: tức là sau khi chôn cất tử thi xong bà đóng kín các cửa nhà lại và chỉ mở cho những người thân tín đến thăm.

Ngôi nhà chìm đắm trong không khí tang tóc. Tất cả các đồ dùng quý giá đều được cất vào nơi tin cẩn và trên những bức tường nay chỉ còn lại dấu vết những bức tranh bị tháo gỡ đi. Ghế của nhà cũng như ghế mượn các nhà hàng xóm đều được xếp

ngược vào tường suốt từ phòng khách vào tận phòng ngủ, các khoảng trống trong nhà do đó càng có vẻ rộng mênh mông và tiếng nói có tiếng vọng rất ma quái, bởi vì các đồ dùng lớn chiếm nhiều diện tích đều được khuân đi chỗ khác ngoại trừ cây đàn pianô được che tấm ga trắng vẫn nằm nguyên trong xó nhà. Ở ngay chính giữa thư viện, một tử thi vốn khi sống có tên là Huvênan Ucbinô nằm thẳng cẳng trên chiếc bàn làm việc của cha ngài, với nỗi sợ hãi cuối cùng được tạc vào gương mặt, mặc chiếc áo khoác ngoài bằng dạ đen, bên cạnh có thanh kiếm chiến trận của Thánh Xêpuncrô. Phecmina Đaxa đứng bên cạnh tử thi, run rẩy nhưng rất tự chủ. Bà mặc đồ tang, đang nhận những lời chia buồn chân thành đầy thống thiết. Bà cứ đứng im như vậy, không hề nhúc nhích cho đến tận mười một giờ sáng ngày hôm sau khi bà đứng ở hàng hiên trước nhà, tay cầm khăn mùi xoa vẫy và nói lời từ biệt với chồng mình.

Kể từ khi nghe thấy tiếng kêu hoảng hốt của Đichgơna Pacđô ở ngoài sân và từ khi nhìn thấy ông già đang chết nằm trên bãi bùn, Phecmina Đaxa không dễ dàng lấy lại ngay được thái độ tự chủ ấy. Phản ứng đầu tiên của bà là niềm tin vì bà nhìn thấy mắt chồng mình vẫn mở to và trong con ngươi vẫn ánh lên ánh sáng rực rỡ mà bà chưa bao giờ nhìn thấy.

Bà cầu Thượng đế rằng chí ít hãy cho thêm ngài một khoảng thời gian để khi ra đi sang thế giới bên kia ngài vẫn biết được rằng: vượt lên trên mọi nỗi nghi ngờ lẫn nhau của cả hai người, bà yêu ông biết nhường nào, để ngài nhận thấy một nguyện vọng bức thiết của bà muốn bắt đầu lại từ đầu cuộc sống vợ chồng với ngài, để nói với nhau tất cả những điều họ chưa hề nói, để cả hai người cùng làm lại những việc trong quá khứ họ từng đối xử tồi với nhau. Nhưng bà buộc phải đầu hàng trước thái độ ngoan cố của thần chết. Nỗi đau khổ của bà bùng nổ thành một cơn giận dữ căm tức thế giới và căm tức cả chính mình, điều đó đem lại cho bà thái độ tự chủ và lòng dũng cảm để một mình đối diện với nỗi cô đơn của chính mình. Kể từ lúc đó, không lúc nào bà nguôi đau khổ nhưng bà cẩn thận giữ ý giữ tứ để không ai phải thảng thốt nhận ra bà đang đau khổ. Cái giây phút duy nhất bà lúng túng do vô ý là lúc mười một giờ đêm ngày chủ nhật khi người ta khiêng đi chiếc quan tài vẫn còn thơm mùi gỗ đóng tàu, có tay xách bằng đồng và bên trong lót lụa. Bác sĩ Ucbinô Đaxa ra lệnh đóng nắp quan tài lại vì lúc ấy không khí trong nhà lạ hẳn đi bởi nó nồng nặc hương của đủ loại hoa trong ngày nóng nực, nhưng bác sĩ lại cứ tưởng đó là mùi của những vết thâm tím trên cổ cha mình. Một tiếng nói bâng quơ nghe rõ trong khung cảnh thanh tĩnh lúc ấy: "Ở tuổi ấy

người ta sống mà đang thối rữa". Trước khi người ta đóng nắp quan tài, Phecmina trao đổi nhẫn cưới với chồng: bà tháo nhẫn ở tay mình đeo cho ngài rồi lại đeo chiếc nhẫn của chồng lên tay mình như lâu nay bà vẫn thường làm mỗi khi thấy ngài bần thần trước công chúng.

- Ông ơi, mong rằng chúng ta sẽ nhanh chóng được gặp lại nhau nhé, - bà nói.

Phlôrêntinô Arixa, lẫn trong đám người danh giá, cảm thấy mình bị một mũi dao đâm ngay vào mạng sườn. Phecmina Đaxa không nhận ra cụ trong đám đông. Cụ là người từng có mặt tại đây ngay từ phút đầu tiên khi mọi người ào đến chia buồn với bà và không một ai hiện diện và có ích như cụ trong những công việc khẩn trương của đêm ấy. Cụ là người chỉ huy trong nhà bếp để lúc nào cũng có cà phê nóng tiếp khách. Chính cụ đi kiếm các ghế dự trữ khi khách đến đông không đủ ghế cho họ, dù đã mượn thêm ghế các nhà hàng xóm. Cụ là người ra lệnh đặt các vòng hoa ở ngoài sân khi trong nhà không thể chứa thêm được nữa. Cụ lo đón tiếp chu đáo các vị khách mời của bác sĩ Laxiđét Ôlivêda. Trong lúc tiệc vui ngày đám cưới bạc lên đến tột đỉnh thì họ biết tin bác sĩ Huvênan Ucbinô gặp chuyện chẳng lành và họ ồn ào cùng nhau kéo tới đây để chia buồn. Sau đó họ ra ngồi vòng quanh bên cây xoài, tiếp tục uống rượu. Vì thế cụ phải lo

có đủ rượu brandy cho họ uống. Cụ là người duy nhất biết phản ứng đúng lúc khi vào lúc nửa đêm con vẹt xổng bỗng nhiên xuất hiện ở nhà ăn, đầu ngẩng cao, hai cánh dang ra, khiến cả nhà sợ đến phát sốt phát rét trước hình ảnh nó xuất hiện như thế, vì người ta tưởng rằng đó là lệnh trừng phạt của Chúa trời. Phlôrêntinô Arixa tóm ngay lấy cổ con vật, không cho nó có thời gian kịp kêu lên những lời nói vô nghĩa mà nó từng thuộc lòng rồi cụ mang nó ra chuồng ngựa nhốt vào lồng kín. Vậy là cụ làm tất cả mọi việc, dù lớn dù bé với biết bao thận trọng và hữu hiệu đến mức không một ai nghĩ rằng cụ đã nhúng mũi vào công việc của người khác, mà họ chỉ cho rằng đó là một sự giúp đỡ không thể đền đáp được trong lúc gia đình đang tang gia bối rối.

Đây là cái vẻ bề ngoài của con người cụ: một cụ già tận tuỵ và nghiêm nghị. Cơ thể cụ xương xẩu và sống lưng cụ vẫn thẳng. Da cụ nâu nâu và nhẵn mịn. Đôi mắt cụ rạo rực sáng sau cặp kính tròn gọng bạc. Bộ ria mép của cụ vểnh lên, hơi có vẻ lỗi thời. Những mớ tóc cuối cùng còn lại xung quanh đầu được bôi gôm sau đó trải ngược lên trên đỉnh đầu. Đó là cách tốt nhất để che cái đầu hói của cụ. Dáng vẻ lịch lãm và cung cách ứng xử nhẹ nhàng của cụ hấp dẫn người khác ngay tức thì nhưng đồng thời chúng cũng là hai đức tính đáng khả nghi của một người đàn ông lì lợm chưa vợ. Cụ đã tiêu tốn

khá nhiều tiền, khá nhiều trí tuệ và khá nhiều nghị lực để người ta không nhận ra cái tuổi bẩy mươi sáu mà cụ vừa ăn mừng sinh nhật trong tháng ba vừa qua và cụ lấy làm hài lòng với nỗi cô đơn của tâm hồn mình, một tâm hồn từng thầm lặng yêu rất đắm say, còn đắm say hơn bất kỳ người nào trên thế gian này.

Cái đêm bác sĩ Huvênan Ucbinô chết, cụ ăn mặc kỳ quặc như cái sự kỳ quặc của cái tin bất ngờ đến với cụ, nghĩa là mặc cho trời nóng hầm hập, cụ vẫn mặc chiếc áo vextông dạ màu sẫm, cổ thắt một chiếc nơ lụa, đội chiếc mũ phớt, tay cầm một chiếc ô đen tuyền mà khi không che mưa che nắng nó được dùng làm gậy. Nhưng khi trời bắt đầu rạng sáng, cụ bỏ về nhà chừng hai giờ đồng hồ và khi mặt trời lên cụ trở lại đám tang trong bộ dạng tươi tắn: râu đã được cạo nhẵn và người được xức nước hoa thơm ngát. Cụ mặc chiếc áo khoác ngoài bằng dạ đen chỉ để dùng vào dịp tang lễ hay trong những buổi lễ chính thức của Tuần lễ Thánh. Thay cho chiếc cà vạt bình thường, cụ dùng một chiếc nơ hình con chim có hai dải vải nom rất điệu. Cụ đội chiếc mũ phớt vành tròn. Cụ cũng mang theo chiếc ô nhưng lần này không phải do thói quen mà do cụ biết chắc trời sẽ mưa trước lúc mười hai giờ trưa và cụ cũng đã báo trước cho bác sĩ Ucbinô Đaxa biết rất có thể sẽ mưa trước khi mai táng. Quả nhiên, gia

đình tin và định làm theo lời cụ vì Phlôrêntinô Arixa là thành viên của một gia đình chuyên làm nghề hàng hải và bản thân cụ là chủ tịch của hãng tàu thuỷ Caribê, nghề nghiệp đó cho phép cụ hiểu được những biểu hiện của khí tượng thuỷ văn. Nhưng người ta không thể kịp thời thống nhất lại giờ đưa đám với các nhà chức trách dân sự và quân sự, với các tổ chức công cộng và cá nhân, với đội quân danh dự và đội danh dự của Trường Mỹ thuật, với các trường học và các giáo đoàn, các tổ chức này đã thống nhất sẽ đưa tang vào lúc mười một giờ trưa ngày thứ hai. Bởi lẽ đó, cái đám tang được dự tính sẽ tổ chức thành một sự kiện lịch sử đã rã đám vì cơn mưa rào đổ xuống. Có rất ít người chịu bì bõm lội trong bùn theo linh cữu đi đến tận nhà mồ của dòng họ được xây dưới tán một cây gạo cổ thụ có từ thời thuộc địa Tây Ban Nha. Cũng ở dưới tán cây gạo kia, nhưng ở khu đất phía ngoài dành cho những người tự vẫn, những người tị nạn vùng Caribê đã mai táng Giêrêmia đê Xanh Amua, mai táng cả con chó của y bên cạnh y theo đúng như nguyện vọng của y từ chiều hôm trước.

Phlôrêntinô Arixa là một trong số ít người đi cùng với linh cữu đến tận nơi an nghỉ cuối cùng. Cụ bị ướt sũng và khi đi về nhà lòng buồn rầu vì cụ sợ bị sưng phổi sau bao nhiêu năm chăm sóc và giữ gìn sức khoẻ rất cẩn thận. Cụ tự làm một cốc nước

chanh nóng có pha một ít rượu mạnh brandy rồi nằm trên giường uống nó cùng với hai viên aspirin. Sau đó đắp chiếc áo dạ, cụ nằm yên cho mồ hôi ra như tắm. Cụ nằm im đợi cho đến khi nhiệt độ thân thể trở lại bình thường. Khi trở lại nhà đám, cụ đã hoàn toàn sảng khoái. Một lần nữa Phecmina Đaxa đóng vai trò chủ tang trong ngôi nhà đã được quét dọn sạch sẽ và được chuẩn bị sẵn sàng để đón khách đến chia buồn. Tại chính giữa thư viện đã treo bức chân dung của người chồng quá cố có viền băng tang. Vào lúc tám giờ tối, nhà lại đông nghịt người và lại nóng bức như đêm qua. Sau lễ cầu kinh rôsariô, có người lên tiếng đề nghị mọi người ra về để bà quả phụ được nghỉ ngơi bởi vì kể từ chiều chủ nhật đến giờ bà vẫn chưa hề nghỉ.

Phecmina Đaxa đứng ngay bên cạnh bàn thờ chồng mà chia tay phần lớn các khách đến thăm hỏi, nhưng rồi bà cũng tiễn chân một số bạn thân tình đến tận cửa chính để rồi chính bà sẽ tự tay đóng cửa lại như lâu nay bà vẫn làm. Bà sắp sửa đóng cửa lại thì nhìn thấy Phlôrêntinô Arixa mặc tang phục đang đứng ngay giữa phòng khách vắng vẻ. Bà cảm thấy vui vui vì từ nhiều năm nay bà đã xoá nhoà hình bóng cụ trong cuộc đời mình và đây là lần đầu tiên bà nhìn thấy cụ. Nhưng trước khi bà có thể lên tiếng nói lời cám ơn cụ đã đến chia buồn thì cụ đã đứng nghiêm, mũ úp lên phía ngực có trái

tim, vẻ run rẩy và đàng hoàng, nghẹn ngào bật ra tiếng nói:

- Phecmina, từ hơn một nửa thế kỷ anh đợi dịp này để một lần nữa nhắc lại với em lời thề hạnh phúc mãi mãi và tình yêu thuỷ chung son sắt của anh đối với em.

Phecmina Đaxa, những tưởng mình đang đứng trước một thằng điên nếu như bà không có lý do để nghĩ rằng Phlôrêntinô Arixa đứng ở đây trong lúc này là do ý muốn của Thánh linh hồn. Bà giận điên người định chửi cụ ngay vì hành động của cụ là một sự báng bổ đối với gia đình khi tử thi chồng bà vẫn còn nóng nằm trong mộ. Nhưng bà đã kịp ngăn cơn thịnh nộ của mình. "Cút ngay, - bà nói với cụ. - Trong những năm còn lại của đời ông, ông đừng hòng nhìn thấy tôi nữa". Bà lại mở toang cánh cửa và kết thúc:

- Và tôi hy vọng những năm tháng của đời ông cũng chẳng còn bao lăm.

Khi nghe thấy tiếng bước chân của cụ tắt lịm trên đường phố vắng, lúc ấy bà từ từ đóng cửa lại, chèn thang chắn cửa, khoá trái nó lại và một mình bà đối diện với số phận mình. Cho đến giây phút này, chưa bao giờ bà có ý thức đầy đủ về sức nặng và tầm cỡ lớn lao của tấn bi kịch mà chính bà đã gây nên khi bà mới vừa mười tám tuổi, và rằng tấn bi kịch còn theo riết bà cho đến khi chết mới thôi. Kể từ buổi

chiều tai hoạ xảy ra cho đến lúc này, đây là lần đầu tiên bà khóc, khóc một mình không ai chứng kiến, và đó là hình thức khóc duy nhất. Bà khóc vì cái chết của chồng, vì nỗi cô đơn và nỗi giận dữ của mình, và khi bước vào phòng ngủ trống trải bà khóc cho chính mình, bởi vì từ khi bà không còn là gái trinh nữa rất ít khi bà nằm một mình trên chiếc giường ấy. Tất cả những gì thuộc về bác sĩ Huvênan Ucbinô đều làm nên tiếng khóc đốt nóng con người bà: đôi dép lê có viền quanh, bộ quần áo pigiama để ở dưới gối, và cái khoảng không trống vắng con người ngài trên chiếc giường và hơi ngài trong chính làn da bà. Một ý nghĩ bâng quơ khiến bà rùng mình: "Người mà ta yêu khi chết hãy chết cùng với các đồ tuỳ thân của mình". Bà không muốn ai giúp mình nằm xuống giường và cũng chẳng muốn ăn thêm bất kỳ thứ gì trước khi ngủ. Nỗi đau buồn khiến bà khó ở. Bà cầu khẩn Thượng đế hãy để cho mình chết đêm nay trong lúc đang ngủ. Với ước nguyện ấy bà nằm xuống giường, tháo giày nhưng vẫn mặc nguyên xống áo. Bà ngủ ngay tức thì. Bà ngủ mà không biết mình đã ngủ, nhưng bà biết rằng mình vẫn sống trong khi ngủ, biết rằng cái giường mình nằm vẫn thừa một nửa, biết rằng như thường lệ mình nằm nghiêng ở phía trái giường nhưng lại thiếu đi một người khác nằm ở mé bên kia. Bà miên man nghĩ trong lúc ngủ và bà nghĩ rằng chẳng bao

giờ mình ngủ như thế. Bà lại tức tưởi khóc trong khi ngủ, bà khóc hoài mà không hề đổi vị trí trên phía giường vẫn thường nằm cho đến khi gà cất tiếng gáy sáng và ông mặt trời không hề mong muốn của buổi sáng không có ngài đã đánh thức bà dậy. Chỉ lúc ấy bà mới chợt hiểu rằng mình đã ngủ rất nhiều mà không chết, trái lại bà tấm tức khóc trong khi ngủ, và rằng trong lúc ngủ mà bà khóc hoài ấy bà đã nghĩ nhiều đến Phlôrêntinô Arixa hơn là nghĩ đến người chồng vừa quá cố.

NGƯỢC LẠI, KHÔNG LÚC NÀO PHLÔRÊNTINÔ Arixa không nghĩ đến Phecmina Đaxa, người đã bội tình cụ sau một thời gian dài hai người yêu nhau say đắm và có nhiều trắc trở. Từ đó đến nay thế mà đã năm mươi mốt năm chín tháng bốn ngày. Cụ chẳng phải làm cái công việc của người tù hàng ngày ghi một vạch lên bức tường nhà giam để khỏi quên, bởi vì không một ngày nào qua đi mà không có một việc nào đó khiến cụ không nhớ bà. Lúc hai người cắt đứt quan hệ với nhau, Phlôrêntinô Arixa mới hai mươi mốt tuổi đầu sống với mẹ trong một nửa ngôi nhà thuê ở phố Vênhtana. Tranxitô Arixa là tên bà mẹ. Bà chuyên bán tạp hoá ngay từ thời còn trẻ và chuyên tháo gỡ quần áo rách và vải vụn để lấy sợi đem bán cho người ta làm bông cứu thương trong thời kỳ chiến tranh. Cậu là con trai duy nhất của bà, đứa con ngoài giá thú với đôn Piô Kinhtô Lôayxa, một thuyền trưởng nổi tiếng và là

người anh cả của ba anh em cùng chung vốn thành lập Hãng tàu thuỷ Caribê, rồi với công ty này anh em họ còn mở thêm đường tàu thuỷ trên sông Macgơđalêna. Dĩ nhiên cuộc sống chung giữa bà và đôn Piô Kinhtô Lôayxa là sự chung sống ngoài giá thú.

Đôn Piô Kinhtô Lôayxa chết khi đưa bé mới lên mười tuổi đầu. Dẫu rằng đôn Piô Kinhtô Lôayxa lén lút lo liệu chu đáo mọi khoản chi tiêu cho mẹ con bà Tranxitô Arixa, nhưng chưa bao giờ ngài chịu thừa nhận Phlôrêntinô Arixa là con của mình và cũng chẳng hề lo liệu để cậu có một tương lai bảo đảm, vì thế Phlôrêntinô Arixa phải mang họ mẹ. Sau cái chết của người cha, cậu bé buộc phải bỏ học để vào làm thợ học việc trong hãng Bưu điện. Tại đây hàng ngày cậu bé lo mở cửa, sắp xếp thư tín, báo cho công chúng biết rằng bưu kiện đã tới thành phố bằng cách trương lá cờ của nước có bưu kiện ở trước cửa văn phòng.

Thái độ đúng đắn của cậu khiến cho người điện báo viên tên là Lôtariô Tugut mến mộ cậu. Bác ta là người Đức di cư sang đây. Ngoài nghề điện báo, bác còn chơi đàn oóc trong những buổi lễ trọng thể ở Nhà Thờ lớn và dạy nhạc tư. Lôtariô Tugut dạy cậu bảng mooc, cách sử dụng hệ thống điện báo. Chỉ cần những buổi học viôlin đầu tiên, Phlôrêntinô Arixa đã chơi cây đàn ấy như một nhạc công

chuyên nghiệp.

Năm mười tám tuổi, cậu làm quen với Phecmina Đaxa. Lúc ấy cậu là thanh niên được tin cậy nhất trong giới của mình, là người nhảy đẹp nhất các bản nhạc đời mới và ngâm thuộc lòng thơ tình, và là người lúc nào cũng bằng chính cây đàn viôlin quyến rũ sẵn sàng giúp các chàng trai trong việc rủ người tình của họ tới. Ngay từ dạo ấy cậu đã là một thanh niên gầy gò, có mái tóc xoã được chải sáp thơm và đeo kính cận, và cặp kính dày càng làm tăng vẻ cô đơn của cậu. Ngoài bệnh cận thị, cậu còn bị bệnh táo bón kinh niên, thứ bệnh tai hại buộc cậu suốt đời phải dùng thuốc nhuận tràng. Cậu có độc một bộ quần áo diện thừa kế của người cha quá cố, nhưng Tranxitô Arixa lại giữ gìn bộ quần áo này rất cẩn thận, đến mức cứ mỗi ngày chủ nhật đến nó lại đẹp như mới. Bất chấp dáng người gầy gò của cậu, bất chấp lối sống cô đơn của cậu, bất chấp bộ quần áo sẫm màu cậu mặc hàng ngày, các cô gái cùng cảnh ngộ với cậu cứ chạnh choẹ với nhau để tìm cách ở bên cậu và cậu cũng tìm mọi cách để ở bên họ. Cho đến một ngày cậu làm quen với Phecmina Đaxa, tính tình ngây thơ vốn có trong người cậu bỗng biến mất luôn.

Cậu nhìn thấy cô gái lần đầu tiên vào một buổi chiều Lôtariô Tugut sai cậu chuyển một bức điện báo cho người tên là Lôrenxô Đaxa có địa chỉ rắc

rối khó tìm. Cậu tìm được ông ta ở quảng trường nhỏ của các Nhà Truyền giáo, tại một trong những ngôi nhà cổ hơn cả, đang trong tình trạng đổ nát, cái sân trong tựa như sân một tu viện, cỏ mọc um tùm trên những bãi đất, một chiếc mương đá cạn khô nước. Phlôrêntinô Arixa hầu như không cảm thấy bất kỳ tiếng động nào của con người trong lúc cậu đi theo một người hầu gái chân trần bước dưới mái vòm trong hiên nhà ngổn ngang những hòm xiểng còn để nguyên, những dụng cụ đồ nghề thợ nề vương vãi đây đó giữa những đống vôi vữa và xi măng, vì ngôi nhà đang được sửa chữa lại hoàn toàn. Phía cuối sân có một văn phòng tạm thời. Một người đàn ông to béo, râu ria xồm xoàm đang ngồi trước bàn viết mà ngủ trưa. Ông ta tên là Lôrenxô Đaxa và là người không được quen biết lắm ở thành phố này bởi ông ta vừa đến đây chưa được hai năm, hơn nữa ông ta là người ít bạn bè.

Ông ta nhận điện như thể vẫn còn đang nằm mộng. Phlôrêntinô Arixa thương hại nhìn đôi mắt màu nâu của ông ta, quan sát những ngón tay run rẩy đang cố xé phong bì, đó là nỗi hoảng loạn của con tim mà cậu nhiều lần từng thấy ở rất nhiều người nhận điện báo vẫn chưa đoán được điều lành hay điều dữ ở trong những bức điện ấy. Trong khi đọc bức điện, ông ta dần dần lấy lại được bình tĩnh. Ông ta thở phào đầy nhẹ nhõm: "Tin lành mà!". Rồi

ông ta miễn cưỡng đưa cho Phlôrêntinô Arixa năm đồng *rêan* với một nụ cười sảng khoái làm như thể để cậu hiểu rằng ông ta sẽ không cho tiền nếu bức điện báo tin dữ. Sau đó để tạm biệt, ông ta bắt chặt tay cậu, một hành động không nên dùng để ứng xử với một người điện báo viên. Người hầu gái lại theo chân cậu ra tận cổng vừa để chỉ đường vừa để canh chừng cậu. Bọn họ lại đi ngược lại con đường đã đi nhưng lần này Phlôrêntinô Arixa biết rằng trong nhà này còn có thêm người nữa cùng chung sống vì cái ánh sáng ngoài sân đang bị khống chế bởi tiếng đọc bài của một người đàn bà. Khi đi qua phòng máy may, qua cửa sổ cậu nhìn thấy một người đàn bà lớn tuổi và một cô gái, cả hai cùng ngồi trên hai chiếc ghế kê sát nhau, cùng đọc bài học ghi trong một cuốn sách do người đàn bà cầm trước mặt. Cậu cảm thấy đó là một hình ảnh lạ kỳ: con gái dạy bà mẹ đọc bài. Cảm nhận của cậu chỉ sai có một nửa thôi: vì người đàn bà là bà cô chứ không phải là bà mẹ, mặc dù bà ta nuôi dạy cô như nuôi dạy con mình. Họ vẫn học bài. Tuy nhiên trong lúc dạy bà cô đọc, cô gái đã ngước mắt lên nhìn xem ai đang đi qua ngoài cửa sổ, và cái nhìn ngẫu nhiên ấy là khởi thuỷ của một tấn bi kịch ái tình mà một nửa thế kỷ sau vẫn chưa kết thúc.

Điều duy nhất mà Phlôrêntinô Arixa có thể dò la và biết về Lôrenxô Đaxa là ông ta từ Xăng Hoan đê

la Xiênaga cùng với cô con gái duy nhất và người em gái chưa chồng đến đây ít lâu sau nạn dịch tả và những ai thấy ông ta bốc hành lý lên bờ thì không còn nghi ngờ gì về việc ông ta sẽ ở lại đây mãi mãi. Bởi vì ông ta mang theo tất cả các đồ cần thiết cho một ngôi nhà được trang hoàng lộng lẫy. Khi cô gái còn rất nhỏ, bà mẹ đã chết. Người em gái tên là Excôlaxtica. Bà này đã bốn mươi tuổi, quyết chí ở vậy suốt đời. Mỗi bận ra đường phố bà thường mặc bộ quần áo của thánh Phrăngxixcô và khi ở nhà bà hay thắt lưng. Cô con gái lúc ấy mới mười ba tuổi và được gọi bằng chính cái tên của bà mẹ: Phecmina.

Người ta đoán rằng Lôrenxô Đaxa là một người giàu có vì tuy không thấy ông ta kinh doanh hoặc làm một nghề cụ thể nào nhưng sống khá giả, hơn nữa còn bỏ tiền ra mua nhà của những nhà truyền giáo mà sự trùng tu lại còn tốn kém gấp đôi số tiền hai trăm đồng *pêsô* vàng bỏ ra mua nó. Cô con gái đang học ở Trường Đức mẹ Đồng trinh, vốn là nơi từ hai thế kỷ nay, các cô tiểu thư đến đây để học nghệ thuật và chức phận làm một người vợ hiền và ngoan ngoãn. Trong thời kỳ Thuộc địa Tây Ban Nha và những ngày đầu của chế độ Cộng hoà, nhà trường chỉ nhận những cô gái con nhà dòng dõi vào học. Nhưng vì các gia đình quyền quý trước đây bị phá sản do việc thủ tiêu chế độ nô lệ, nhà trường

buộc phải thừa nhận những thực tế mới của thời đại mới và đã mở cửa cho tất cả các cô gái muốn học miễn là họ có đủ khả năng trả học phí cho nhà trường. Nghĩa là nhà trường không quan tâm đến các tấm văn bằng viết trên da thuộc chứng thực là gia đình vương tôn công tử mà chỉ yêu cầu các cô nữ sinh phải đáp ứng một yêu cầu căn bản là con chính thức của các đôi vợ chồng theo Thiên chúa giáo. Tóm lại, trường này là một trường đòi phải trả giá học phí rất cao và việc Phecmina Đaxa theo học ở đây là do khả năng kinh tế của gia đình chứ không phải là do địa vị xã hội của cô. Những tin tức ấy đã cổ vũ và khích lệ Phlôrêntinô Arixa vì chúng bảo cho cậu biết rằng cái cô bé có đôi mắt hạnh đào còn ở tuổi vị thành niên rất đẹp kia hoàn toàn ở trong khả năng những ước mơ của cậu. Tuy nhiên, kỷ luật nghiêm khắc của cha cô lại chứng tỏ cho cậu biết ngay rằng ông ta là một trở lực không có cách nào vượt qua được. Trong khi các cô gái khác thường đi thành nhóm hoặc đi dưới sự trông coi của một cô hầu gái lớn tuổi thì Phecmina Đaxa thường đi học với bà cô và thái độ của bà ta nói rõ rằng sẽ không để cho cô cháu gái có bất kỳ một sự xao nhãng nhỏ nào đối với việc học tập.

Và đây là hình thức ngây thơ mà Phlôrêntinô Arixa đã dùng để mở đầu cuộc săn đuổi thận trọng mà cậu là một gã thợ săn đơn độc. Ngay từ lúc bảy

giờ sáng, cậu đã ngồi một mình trên một chiếc ghế đá khá kín đáo dưới bóng những cây hạnh đào trong quảng trường nhỏ, giả vờ đọc một cuốn sách thơ cho đến khi nhìn thấy cô bé khó gặp mặc đồng phục kẻ sọc xanh, đi tất dài tới tận đầu gối, đôi ủng da thắt dây luồn chéo và một bím tóc dày cộm buộc nơ ở đầu mút buông thõng xuống tận thắt lưng. Cô ta đi trong điệu bộ kiêu hãnh rất tự nhiên: mặt ngẩng cao, mắt nhìn thẳng, chân bước gấp, sống mũi dọc dừa thanh tú, hai tay ôm cặp sách ngang ngực. Cô đi như nai đi do vậy cô đã có thể tránh được mọi nỗi nguy hiểm. Bà cô mặc bộ đồ màu nâu và thắt chiếc thắt lưng của Thánh Phrăngxixcô đang nặng nề cùng bước bên cạnh cô. Bà ta đi trong thái độ canh chừng ráo riết không để cho bất kỳ ai có thể đến gần đứa cháu gái của mình. Một ngày bốn bận Phlôrêntinô Arixa nhìn thấy cô cháu họ đi lại và các ngày chủ nhật cậu nhìn thấy họ từ nhà thờ đi ra sau buổi lễ mixa. Chỉ cần nhìn thấy cô bé là cậu đã lấy làm mãn nguyện lắm rồi. Dần dà cậu lý tưởng hoá cô gái, phú cho cô những đức tính và những tình cảm do cậu tưởng tượng ra. Chỉ sau hai tuần thôi cậu sống mà tâm tưởng lúc nào cũng để đến cô gái. Vậy là cậu quyết định gửi cho cô một bức thư giản dị được viết cả hai mặt giấy với lối chữ đẹp nhưng rồi cậu vẫn để nó trong túi áo vài ngày để tìm cách làm thế nào trao được cho cô gái và trong lúc nghĩ

cách cậu lại viết thêm vài tờ nữa trước khi đi ngủ. Do đó, bức thư lúc đầu chỉ có một tờ giấy đã trở thành một cuốn từ điển những câu nịnh đầm lấy ra từ những cuốn sách mà cậu đọc đi đọc lại nhiều lần đến mức thuộc lòng trong những buổi ngồi đợi ở vườn hoa.

Vì tìm cách trao thư cho cô gái, Phlôrêntinô Arixa định làm quen với một số cô học sinh Trường Đức mẹ Đồng trinh, nhưng cậu không dám nhờ vả vì họ lại quá xa cách với thế giới của cậu. Hơn nữa, sau nhiều lần suy nghĩ lao lung, cậu thấy rằng do thiếu thận trọng sẽ có người nhận ra ý định của mình. Tuy nhiên, cậu cũng được biết rằng sau mấy ngày đến thành phố này, Phecmina Đaxa đã được bạn mời tới dự tiệc nhảy ngày thứ bảy và biết rằng cha cô không cho phép cô đi dự với một câu gọn lỏn: "Việc nào ra việc ấy và mỗi việc cần được làm đúng thời của nó". Bức thư đã dày hơn sáu mươi tờ giấy viết kín hai mặt khi Phlôrêntinô Arixa không thể chịu nổi sức nặng của nỗi lòng thầm kín của mình và vì thế một ngày kia cậu đã hé cho mẹ mình biết, vì bà là người duy nhất cậu có thể bộc bạch một vài tâm sự của mình. Trước nhiệt tình nóng bỏng của con trai trong chuyện yêu đương, bà Tranxitô Arixa cảm động đến rơi lệ và cố gắng vận dụng hết trí khôn để khuyên bảo cậu. Bà bắt đầu thuyết phục cậu không nên gửi bức thư tình ấy vội

vì nó sẽ chỉ tổ làm cho cô gái cậu đang thầm yêu thêm sợ hãi, và bà cũng biết rằng cô gái này cũng như con bà còn rất ngây thơ và trong trắng trong chuyện yêu đương. Bà khuyên cậu, bước thứ nhất là con hãy làm cho cô ta biết rằng con để ý đến cô ta, do đó cô ta có thời gian để suy nghĩ và khi đó lời tỏ tình của con đến với cô ta mới không quá đường đột.

- Nhưng trước hết, - bà bảo cậu - người đầu tiên mà con cần phải chinh phục không phải là cô gái mà lại là bà cô của cô ta.

Không còn nghi ngờ gì nữa, cả hai lời khuyên ấy đều thông minh nhưng đã muộn rồi. Thực ra, cái ngày Phecmina Đaxa xao lãng trong một phút khi cô mình tập đọc và ngước mắt lên nhìn xem ai đi ngoài hành lang thì Phlôrêntinô Arixa đã khiến cô gái phải nao nao lòng trước thần thái cô đơn của cậu. Đến tối trong lúc ăn cơm, cha cô nói chuyện về bức điện báo và thế là cô gái biết Phlôrêntinô Arixa đến nhà mình để làm gì và nghề nghiệp của cậu là gì rồi. Những tin tức ấy càng khiến cô thú vị hơn vì đối với cô cũng như đối với bao người cùng thời đại, việc sáng chế ra điện báo là một kỳ công. Vậy là cô nhận ra ngay cậu kể từ lần đầu tiên thấy cậu ngồi đọc sách dưới bóng cây nơi vườn hoa nhưng cô vẫn giấu kín tâm trạng xao xuyến của mình cho đến khi bà cô mách cho biết rằng cậu đã ngồi ở đấy

được mấy tuần nay rồi. Sau đó, khi họ nhìn thấy cậu cả trong những ngày chủ nhật sau lúc làm lễ mixa, thì bà cô tự hiểu rằng những cuộc gặp gỡ nhiều như thế chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên. Bà nói: "Có lẽ tại mình nên cậu ta mới phải khổ sở thế kia". Bởi vì, ngoài thái độ nghiêm nghị và bộ quần áo khắc khổ của kẻ tu hành, bà cô Excôlaxtica Đaxa còn có bản năng sống và năng khiếu thông cảm với người khác. Đó là hai nết quý báu nhất của bà. Chỉ một ý nghĩ rằng có người đàn ông đang chết mê chết mệt cô cháu gái mình đã khiến bà cảm động khôn xiết. Tuy vậy, Phecmina Đaxa vẫn còn rất ngây thơ trước tình yêu, ngay cả sự tò mò cô cũng chưa có. Điều duy nhất mà Phlôrêntinô Arixa khiến cô phải phân vân là cậu đã để lại trong cô một chút thương hại vì cô cảm thấy cậu đang bị ốm đau. Nhưng bà cô bảo cô rằng cần phải từng trải trong cuộc đời mới dò được bản chất sâu nông của một người đàn ông và rằng cái cậu con trai ngồi ở vườn hoa chỉ để nhìn cô cháu họ đi qua kia nếu có ốm thì chỉ có thể ốm vì tình mà thôi.

Bà cô Excôlaxtica là một vườn mát rượi để cho cô con gái cô đơn của một cặp vợ chồng lấy nhau không vì tình đến tìm sự thông cảm và tình thương. Bà nuôi cô bé ngay từ khi mẹ cô chết và trong mối quan hệ với Lôrenxô Đaxa bà ta khu xử như một kẻ đồng loã hơn là một bà cô. Vậy là sự xuất hiện của

Phlôrêntinô Arixa đối với hai người là một trò đùa thêm vào số rất nhiều trò đùa mà họ đã tạo ra để giải phiền trong những giờ nhàn rỗi. Mỗi ngày bốn bận, khi đi qua vườn hoa những Nhà truyền giáo, cả hai đều vội vàng liếc mắt nhìn cậu con trai đang giả vờ đọc sách dưới bóng cây, một con người gầy gò, vẻ bẽn lẽn, nghèo, luôn luôn mặc đồ sẫm màu bất chấp trời đang nóng bức. "Đấy, cậu ta đấy", người nào nhìn thấy trước liền nói vậy, cố nín cười, trước khi cậu ngước mắt lên nhìn hai người đàn bà nghiêm nghị, khác hẳn với cuộc đời mình, đang đi qua vườn hoa mà không nhìn cậu.

- Ôi, cậu bé thật đáng thương, - bà cô nói - nó không dám đến gần vì có ta đi cùng với cháu đấy. Nhưng một ngày nào đó, nếu những ý nghĩ đã chín chắn, nó sẽ quyết định và nó sẽ trao cho cháu một phong thư.

Do thấy rõ tất cả những mặt đối nghịch nhau, bà dạy cô gái chơi trò lồng chữ cái tên của hai người, một trò chơi ngây ngô của những mối tình bị cấm đoán. Những trò chơi ấy, hầu như rất ngây thơ, đã dẫn Phecmina Đaxa đến tính tò mò trước cái mới lạ. Nhưng trong vài tháng liền khi cô chưa đi xa hơn thì cô chưa có tính tò mò ấy. Cô không biết từ bao giờ cái trò chơi ấy đã biến thành nỗi khao khát trong mình và máu trong người sôi lên mỗi khi cô muốn nhìn thấy cậu ngay. Một đêm nọ, cô thức dậy

đầy hoảng hốt vì mơ thấy cậu đứng trong bóng tối cuối giường mắt trân trân nhìn mình. Thế là cô thành tâm mong cho lời đoán của bà cô mau trở thành hiện thực và trong những lúc cầu kinh, cô cầu khẩn Thượng đế hãy ban cho cậu lòng dũng cảm để cậu dám trao cho mình bức thư, chỉ cốt xem trong đó nói gì.

Nhưng những lời cầu khẩn của cô chưa được đền đáp ngay, mà ngược lại hoàn toàn. Điều này xảy ra trong thời kỳ Phlôrêntinô Arixa đã thú nhận tâm trạng của mình với bà mẹ và bà mẹ khuyên cậu chưa nên gửi bức thư bảy mươi tờ giấy vội, vì thế Phecmina Đaxa phải đợi cho đến hết năm. Nỗi háo hức mong đợi của cô liền trở thành nỗi thất vọng khi mà kỳ nghỉ đông vào tháng chạp ngày một xích gần, do đó cô cứ thắc thỏm tự hỏi làm thế nào để được nhìn thấy cậu và để cậu nhìn thấy cô trong suốt ba tháng ròng không đi học. Những nỗi hồ nghi ấy cứ thường xuyên bám lấy cô không cách nào dứt ra được, cho đến hôm Noel thì điềm báo mà cô cảm nhận được đã khiến cô rùng mình. Cô cảm thấy cậu đang nhìn mình giữa đám đông trong buổi lễ mixa đêm Noel và thế là trái tim cô đập thình thịch như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực. Cô không dám ngoảnh đầu lại vì cô đang ngồi giữa một bên là cha mình và một bên là cô mình và cô cần phải tự kiềm chế để hai người không nhận ra nỗi lòng cô

đang xốn xang. Nhưng trong lúc mọi người đang ồn ào từ trong thánh đường đi ra ngoài, cô cảm thấy cậu gần kề, nổi bật trong đám đông đến mức một sức mạnh vô hình nào đó buộc cô trong lúc bước ra gian giữa của thánh đường, phải quay đầu lại nhìn qua vai mình và thế là cô thấy cậu chỉ cách mình hai gang tay: đôi mắt lạnh như băng, khuôn mặt tái mét, đôi môi cứng như đá vì cậu đang sống trong giây phút bất thình lình gặp được người mình yêu. Hoảng hốt ngay với chính sự bạo dạn của mình, cô gái bám chặt lấy cánh tay bà cô Excôlaxtica để khỏi ngã và bà này cảm thấy mồ hôi lạnh bàn tay cô gái qua tất tay truyền sang mình và bà đã kịp thời trấn an cô bằng cử chỉ kín đáo của lòng thông cảm vô điều kiện. Trong khung cảnh ồn vang tiếng pháo nổ và tiếng trống rung báo giờ phút Chúa giáng sinh, trong khung cảnh rực rỡ ánh đèn đủ màu treo trên các bậu cửa, trong khung cảnh dân chúng thèm khát cuộc sống hoà bình đang hò reo, Phlôrêntinô Arixa đi lại vật vờ như một kẻ mộng du cho tới sáng để qua làn nước mắt của mình ngắm nhìn buổi lễ hội náo nhiệt, mà lòng bàng hoàng cứ tưởng rằng: mình chứ không phải Chúa là kẻ đã ra đời trong đêm đó.

Tình cảm cuồng nhiệt của cậu còn được nhân lên hơn nữa trong tuần lễ sau đó khi cậu đi qua nhà Phecmina Đaxa vào giờ nghỉ trưa không một mảy may hy vọng được gặp cô thì cậu lại gặp cô và bà

cô cùng ngồi dưới bóng mát những cây hạnh đào bên hiên nhà. Đó là sự lặp lại cái nghịch cảnh mà cậu từng nhìn thấy trong buổi chiều đầu tiên khi cậu nhìn thấy họ trong phòng máy may: cô cháu gái đang dạy bà cô mình tập đọc. Nhưng lần này, Phecmina Đaxa ăn vận khác trước: thay cho bộ đồng phục cô vận một chiếc áo *tunica* có nhiều nếp gấp kéo dài từ vai xuống mắt cá chân, đầu đội một vòng hoa dành tươi rói, tất cả những trang sức ấy cho cô dáng vẻ của một nữ thiên thần mới được tấn phong. Phlôrêntinô Arixa ngồi xuống ghế đá ở vườn hoa, ở nơi mà cậu tin chắc rằng họ sẽ nhìn thấy mình và lúc ấy cậu chẳng cần phải giả vờ ngồi đọc sách. Cậu cứ ngồi như thế, sách mở trang nhưng mắt cứ dán chặt vào hình dáng cô trinh nữ rực rỡ hào quang, người lúc ấy không thèm đáp lại cậu dù chỉ một ánh mắt thương hại.

Thoạt đầu Phlôrêntinô Arixa nghĩ rằng việc ngồi đọc sách dưới bóng cây hạnh đào chẳng qua chỉ là một sự thay đổi có tính ngẫu nhiên thôi, có lẽ họ ngồi như thế là do trong nhà dọn dẹp chưa xong. Nhưng những ngày sau đó, do thấy Phecmina Đaxa vẫn ngồi đọc sách như thế, cậu hiểu ngay rằng cô sẽ ngồi ở đấy ngay trước mắt mình, vào cùng một giờ trong tất cả các buổi chiều suốt ba tháng nghỉ đông. Chính niềm tin chắc chắn ấy đã thổi vào cậu một luồng sinh khí mới. Cậu không mừng rơn vì thấy

mình được cô để ý, cũng không nhận thấy ở cô một dấu hiệu nhỏ chứng tỏ cô thích hay bực mình trước việc mình ngồi đấy, nhưng trong cái cung cách mà cô gái làm thinh kia có một tia sáng lạ cổ vũ cậu hy vọng và chờ mong. Bỗng nhiên, một chiều tháng giêng nọ, bà cô phải dọn dẹp bàn ghế trong nhà và để cô cháu ngồi một mình ngoài hiên bên đống lá vàng rơi dưới gốc cây hạnh đào. Cậu nghĩ rằng đó là một cơ hội đã được chuẩn bị trước nên cậu đã bạo dạn hẳn lên, bước qua đường tiến đến đứng trước mặt Phecmina Đaxa. Cậu đứng rất gần cô gái đến mức có thể nghe thấy cả hơi thở của cô, đến mức có thể cảm nhận cả mùi nước hoa từng giúp cậu nhận ra cô trong suốt cuộc đời mình. Cậu ngẩng cao đầu, bằng một quyết tâm mà một nửa thế kỷ sau lại dùng đến, với chính một lý do ấy cậu nói với cô gái:

- Anh chỉ mong em nhận cho một bức thư này.

Đó không phải là giọng nói mà Phecmina Đaxa chờ đợi ở cậu: một giọng nói trong trẻo và một thái độ tự chủ không phù hợp với dáng người xanh xao gầy gò của cậu. Không thèm ngước mắt khỏi tấm khăn đang may vá, cô nói với cậu: "Tôi không dám nhận thư của ai một khi cha tôi chưa cho phép". Phlôrêntinô Arixa rùng mình trước hơi ấm nóng của giọng nói kia mà dù âm vang của nó đã tắt đi rồi cậu vẫn không thể quên trong suốt cuộc đời mình.

Nhưng cậu cố kiên trì nài nỉ và bảo cô gái: "Hãy xin phép cha đi". Ngay lập tức cậu chuyển sang giọng ngọt ngào, nài nỉ: "Đó là cả một vấn đề sống hay chết đấy". Phecmina Đaxa không nhìn cậu, vẫn không ngừng tay thêu, nhưng lòng cô đã quyết định và cái quyết định ấy hé ra cho cậu cả một chân trời rộng mở.

- Anh hãy đến đây tất cả các buổi chiều, - cô bảo với cậu - và anh hãy đợi cho đến khi em đổi ghế ngồi.

Phlôrêntinô Arixa không hiểu trong câu nói trên cô muốn nói gì, mãi cho đến ngày thứ hai tuần sau khi từ một chiếc ghế đá ngoài vườn hoa cậu nhìn thấy vẫn chính cái cảnh thường ngày nhưng có thay đổi chút ít: bà cô Excôlaxtica vừa bước vào nhà lập tức Phecmina Đaxa đứng ngay dậy và chuyển sang chiếc ghế khác. Phlôrêntinô Arixa, với ve áo gài một bông dành dành trắng, lập tức qua đường đến ngay trước mặt cô gái. Cậu bảo "Đây là cơ hội lớn nhất của đời mình". Phecmina Đaxa không ngước mắt lên nhìn cậu, trái lại liếc nhìn xung quanh, nhìn con đường vắng vẻ trong hơi nóng mùa hanh khô, nhìn cơn lốc xoáy cuốn theo những chiếc lá rụng.

- Hãy đưa thư cho em đi - cô nói.

Phlôrêntinô Arixa từng nghĩ rằng mình sẽ mang theo cả bức thư dày bảy mươi tờ giấy viết kín hai mặt mà lúc đó do đọc đi đọc lại nhiều lần cậu có

thể đọc thuộc lòng, nhưng cậu đã quyết định sẽ trao cho cô bức thư ngắn với lời lẽ giản dị và chân thành chỉ nói điều cốt tử: tình yêu mãi mãi và lòng trung thành son sắt của mình. Từ trong túi áo khoác ngoài, cậu rút bức thư ra và chìa nó ra trước mắt người con gái đang ngồi thêu không dám ngước mắt lên nhìn cậu. Cô gái nhìn cái bì thư xanh đang run rẩy trên một bàn tay lạnh cóng vì sợ hãi, và cô vội nâng cao khung thêu lên để cậu đặt bức thư vào đó bởi chính cô không muốn để cho cậu thấy ngón tay mình cũng đang run. Giữa lúc đó xảy ra một chuyện không may: một con chim vỗ cánh giữa những tán lá hạnh đào và đống phân của nó rơi đúng vào tấm khăn thêu. Phecmina Đaxa di chuyển khung thêu đưa nó ra đằng sau cốt để cho cậu không nhìn thấy điều vừa xảy ra và lần đầu tiên với gương mặt đỏ ửng cô nhìn cậu. Tay cầm phong thư, Phlôrêntinô Arixa đứng lặng người đi, nói: "Anh đã gặp may". Cô gái mỉm cười cảm ơn cậu rồi gần như giằng lấy phong thư, nhanh chóng gấp nó lại và đút ngay vào yếm ngực. Cậu vội vàng dâng tặng cô bông hoa dành gài trên ve áo mình. Cô gái từ chối, nói: "Đó là một bông hoa của lời thề thốt". Nhận rõ thời gian đang trôi nhanh, ngay lập tức cô lại chăm chú vào công việc thêu thùa của mình:

- Bây giờ anh hãy đi đi, - cô nói. - Xin đừng trở lại cho đến khi nào em nhắn anh đến.

Khi lần đầu tiên Phlôrêntinô Arixa nhìn thấy cô gái, mẹ cậu đã phát hiện ra ngay từ trước lúc cậu kể cho bà biết vì bà thấy cậu lầm lì ít nói, biếng ăn, đêm thức trắng mà trằn trọc trên giường nằm. Nhưng khi cậu bắt đầu chờ đón bức thư trả lời của cô gái thì nỗi khắc khoải mong đợi đã làm cho cậu bị ốm nặng: bụng quặn đau, nôn mửa ra mật xanh, ngớ ngẩn, nhiều lúc còn ngất xỉu đi.

Bà mẹ phát hoảng vì thấy tình trạng đau ốm của con trai bà khác hẳn với tình trạng của kẻ đang tương tư. Bà thấy con mình đang có những triệu trứng của bệnh tả. Cha đỡ đầu của Phlôrêntinô Arixa, một thầy thuốc chữa bệnh theo phép vi lượng đồng căn, vốn là người tin cẩn của bà Tranxitô Arixa ngay từ thời bà mới chỉ biết yêu thầm vụng, cũng phải sinh nghi ngay từ lúc đến thăm bệnh cho cậu: mạch chìm đi, hơi thở khò khè, và mồ hôi của cậu lại có màu nhờ vàng giống như mồ hôi của những người bệnh đang chết dần. Nhưng kết quả khám nghiệm lại cho ông biết rằng cậu không sốt, không đau đớn ở bất kỳ bộ phận nào trong cơ thể và chỉ có một biểu hiện rõ ràng cậu cảm thấy muốn được chết ngay. Ông chỉ cần hỏi một cách tế nhị, trước hết hỏi cậu, sau đó hỏi bà mẹ, để một lần nữa hiểu rằng những triệu chứng của người thất tình cũng là triệu chứng của người mắc bệnh tả. Ông liền kê

đơn cho cậu gồm có việc sắc hoa cây đoạn lấy nước uống để làm dịu thần kinh và buộc cậu phải đi xa thành phố để thay đổi không khí. Nhưng điều mà Phlôrêntinô Arixa mong muốn lại hoàn toàn khác hẳn: cậu muốn được tận hưởng mọi nỗi dày vò của tình yêu.

Tranxitô Arixa là một phụ nữ lai buông thả, vốn dày kinh nghiệm về một loại hạnh phúc không trọn vẹn vì mình nghèo. Bà tự lấy làm sung sướng thấy những đau khổ của con trai như là những đau khổ của mình. Khi thấy con mình ngây ngất như muốn xỉu đi bà liền cho nó uống nước hoa cây đoạn, lấy áo ấm đắp lên người nó, nhưng đồng thời bà lại động viên nó để nó vui lên trong lúc ốm đau.

- Bây giờ con hãy tranh thủ lúc mình còn trẻ để chịu đựng tất cả những đau khổ con có thể chịu đựng được, - bà bảo với cậu. - Những chuyện này sẽ không kéo dài suốt cả đời một người đâu.

Ở hãng Bưu điện, người ta không nghĩ như bà nghĩ. Phlôrêntinô Arixa đã trở thành người lẩn thẩn, làm việc mà tâm trí cứ để ở đâu đâu ấy nên cậu đã nhiều lần treo nhầm cờ hiệu báo các chuyến bưu kiện đã tới thành phố, ví dụ một ngày thứ tư cậu trương cờ Đức trong lúc đó tàu khách hãng Leyland đến cảng mang theo bưu kiện của Livecpôn, và bất kì một ngày nào đó cậu sẽ trương cờ Mỹ khi tàu khách cập bến cảng lại là tàu của Hãng tàu Viễn

dương với bưu kiện của thành phố Xanh Naxre[1]. Trong lúc chia thư từ, cậu làm việc mà tâm trí để tận đâu đâu nên cũng đã gây ra chuyện nhầm lẫn khiến công chúng nhiều lần kháng cáo hãng Bưu điện và nếu cậu không bị mất việc chỉ vì Lôtariô Tugut giữ cậu lại làm việc tại phòng điện tín, rồi sau khi xong việc, đưa cậu đến nhà thờ chơi đàn viôlin với đội đồng ca. Nếu căn cứ vào tuổi tác, hai người cách tuổi nhau rất lớn có thể xem như ông với cháu, thì sự khăng khít của hai người trong tình thân mật là không thể hiểu được. Họ rất thân nhau trong lao động cũng như trong các quán vui nhậu ngoài bến cảng là nơi mọi người vẫn tới chơi cho đến tận sáng ngày hôm sau, không một sự hồ nghi nào, kể từ những kẻ say rượu đáng thương đến các công tử ăn mặc sang trọng trốn chạy các bữa tiệc linh đình tại Câu lạc bộ xã hội đến đây để ăn món thịt cừu rán với cơm nấu lẫn dừa. Lôtariô Tugut thường vẫn đến quán nhậu này sau ca điện tín cuối cùng, và nhiều lần ông thức đến tận sáng hôm sau mà uống rượu *pônchê* của Hamaica và chơi đàn accoocđêông với các thuỷ thủ trên các thuyền buôn vùng Caribê, những người vốn vui nhộn như điên. Ông là người vạm vỡ, cơ bắp săn chắc, hàm râu vàng óng và mỗi bận ra khỏi nhà ông đội chiếc mũ

[1] Một thành phố thuộc Pháp.

nồi đỏ. Chỉ thiếu có mỗi vòng hoa chuông đeo cổ là có thể nhầm ông với Thánh Nicôlat. Mỗi tuần ít ra cũng một lần ông ngủ với một *con chim đêm*[1], như ông vẫn thường gọi thế đối với những cô gái bán tình trong khách sạn dành cho thuỷ thủ. Khi ông quen Phlôrêntinô Arixa, việc đầu tiên ông làm với tấm lòng sung sướng là dẫn cậu vào những điều bí mật trong cái thiên đường của mình. Đích thân ông chọn ả mái mà ông cho là mùi mẫn nhất, đích thân ông ngã giá và cách chơi với các cô, rồi lấy tiền túi của mình ông trả trước cho các cô để cậu thả sức hoan lạc. Nhưng Phlôrêntinô Arixa không chấp nhận vì cậu còn là trai tân và chưa sẵn sàng để mất tân nếu không vì tình yêu chân chính.

Khách sạn là một toà dinh thự có từ thời thuộc địa Tây Ban Nha và các phòng xa lông cũng như các phòng ngủ lát đá hoa cương đều được ngăn thành nhiều buồng nhỏ. Ngăn cách các phòng này là những bức liếp làm bằng giấy cac-tông bị đâm thủng nhiều chỗ. Những ai thuê các phòng này đều có thể dùng để làm tình cũng như để nhìn trộm những người khác đang làm tình. Tại các phòng này người ta đàm tiếu về những ai liếc mắt qua lỗ thủng để nhìn trộm, chế giễu kẻ nhận ra ngay chính bà vợ mình trong người đàn bà bỏ trốn đến khách sạn này,

[1] Từ tiếng lóng chỉ bọn gái làng chơi.

đàm tiếu về những công tử nòi giả dạng nữ thiện xạ để vào khách sạn trác táng, đàm tiếu về những thuận lợi của kẻ đi nhìn trộm và của người bị nhìn trộm. Người ta đàm tiếu quá nhiều đến mức chỉ một ý nghĩ liếc mắt nhìn sang phòng bên cũng đã làm cho Phlôrêntinô Arixa thấy tởm lợm. Vậy là Lôtariô Tugut đã không thể thuyết phục cậu hãy nhìn sang phòng bên cạnh cũng như hãy cho người khác nhìn mình dù ông có nói rằng việc nhìn trộm người khác làm tình và để cho người khác nhìn mình đang làm tình là những hành động lịch duyệt của các công tử bên châu Âu.

Thân xác ông to béo là thế mà cái bộ phận sinh dục của ông lại bé tẹo, nó tựa như cái nụ hồng nhưng nó lại là một dị dạng hạnh phúc vì những con chim đêm thường được khách ưa chuộng nhất đã phải cãi lộn nhau để tranh phần được ngủ với ông. Trong khi hoan lạc, những tiếng rên rỉ sung mãn của các cô từng khiến cho nền móng toà dinh thự phải rung lên và làm hoảng hốt những bóng ma trú ngụ trong nó. Người ta đồn rằng trong khi ngủ với đàn bà ông đã dùng một thứ mỡ pha nọc rắn hổ mang, chính thứ thuốc này đã kích thích trực tiếp các cô gái. Nhưng ông thề rằng ông không dùng bất kỳ một bộ phận nhân tạo nào ngoài bộ phận mà Thượng đế phú cho mình. Ông cười sặc sụa mà bảo rằng: "Đó là thứ ái tình thuần khiết mà". Phải mất

nhiều năm, Phlôrêntinô Arixa mới hiểu rằng những lời ông nói có thể rất có lí. Mãi về sau này cậu mới hiểu thấu đáo chân lý ấy. Đó là khi cậu trưởng thành đầy đủ nhất về sinh hoạt tình dục, là thời kỳ cậu quen biết một người đàn ông đã dám dành cả cuộc đời vương giả của mình để cùng một lúc ngủ với ba người đàn bà. Sau một đêm hoan lạc, sáng ra cả ba người đàn bà đều quy hàng ông ta, đều phủ phục dưới chân ông ta mà xin ông ta tha cho cái sức lực có hạn của họ và xin ông ta hãy ngủ với người đàn bà nào cho ông ta nhiều tiền hơn. Phlôrêntinô Arixa nghĩ rằng chỉ có nỗi sợ hãi mới dẫn họ đến tình trạng hèn kém kia. Tuy nhiên, một trong số ba người đàn bà đã đề cập tới một sự thật ngược lại hoàn toàn khiến cậu kinh ngạc.

- Những sự việc này - người đàn bà ấy nói - chỉ có thể được làm vì tình yêu mà thôi.

Có được điều đó không chỉ vì những khả năng phi thường của con đực khoẻ cũng như cái vẻ duyên dáng của con người ông mà chủ yếu vì Lôtariô Tugut đã trở thành một trong những khách hàng được trọng vọng hơn cả của khách sạn. Với vẻ trầm tư mà lánh đời, Phlôrêntinô Arixa cũng chiếm được thiện cảm của ông chủ khách sạn. Trong những ngày đầu bị khủng hoảng tình yêu, cậu thường ở lỳ trong các phòng ngột ngạt để đọc thơ và các truyện buồn đến rơi lệ đăng tải trên các báo văn học hàng

tuần, và cậu gửi những mơ mộng của mình vào các tổ chim nhạn ngoài ban công, vào những cú hôn môi chùn chụt và tiếng cánh quạt chạy vù vù trong giấc ngủ trưa mê mệt. Chiều đến, khi cơn oi nóng trong ngày đã dịu hẳn đi, cậu thật khó lòng không nghe những cuộc đàm tiếu của bọn đàn ông sau một ngày làm việc mệt nhọc đã mò đến đây để giải khuây bằng cách buông thả mình trong thứ ái tình chốc lát. Chính nhờ vậy, Phlôrêntinô biết được khối chuyện kín, ngay đến cả những chuyện bí mật của nhà nước mà các ông tai to mặt lớn và cả một số chức sắc địa phương đã tin cẩn kể lại cho các cô nhân tình mà họ không biết rằng có những kẻ ở phòng bên sẽ nghe được. Cũng bởi vậy, Phlôrêntinô biết rằng ở thế kỷ XVII có một chiếc tàu Tây Ban Nha chở hơn năm trăm tỷ đồng *pêxô* đúc bằng vàng nguyên chất cùng với rất nhiều đá quý bị đắm tại một địa điểm cách quần đảo Sôtaventô bốn dặm biển về phía bắc. Câu chuyện làm cho cậu ngạc nhiên nhưng cậu không suy nghĩ nhiều về nó. Mãi bốn tháng sau cậu mới lại nghĩ đến nó khi tình yêu đang độ say mê đã kích thích cậu có ý nghĩ sẽ đi vớt của cải bị chìm sâu dưới đáy biển đem về cho Phecmina Đaxa để nàng tắm trong bể đúc bằng vàng.

Những năm sau này, khi cố nhớ lại hình ảnh cô trinh nữ vốn được lý tưởng hoá theo khuôn mẫu các

bài thơ lãng mạn, Phlôrêntinô Arixa đã đồng nhất hình ảnh nàng với hình ảnh các buổi chiều buồn thương hồi ấy. Ngay cả khi đã xoá nhoà hình ảnh nàng rồi, thế mà trong những ngày háo hức mong chờ bức thư phúc đáp của nàng, Phlôrêntinô Arixa vẫn thấy hình bóng nàng lẫn trong ánh phản quang rực rỡ lúc hai giờ chiều, giữa trận mưa, các cánh hoa hạnh đào lấm tấm trắng, đó là lúc mà mùa nào trong năm cũng cho ta cảm giác nó là tháng tư. Công việc duy nhất mà hồi ấy cậu thích làm là việc cùng với Lôtariô Tugut đi chơi đàn viôlin ở hàng đầu đội đồng ca trong nhà thờ và cậu làm việc này cốt chỉ để ngắm nhìn tà áo Phecmina Đaxa bay bay theo làn gió nhẹ gây nên bởi những khúc ca. Nhưng cậu liền thất vọng ngay vì đối với cậu thứ âm nhạc được tấu lên trong nhà thờ này quá ư hiền lành, đến mức cậu định chơi các bản nhạc *van* tình tứ thay cho thứ âm nhạc kia, vì vậy Lôtariô Tugut buộc phải đuổi cậu ra khỏi đội đồng ca. Đó chính là thời kỳ cậu dập tắt được những khát khao cháy bỏng trong lòng nhờ ăn hoa dành do Tranxitô Arixa trồng trên các luống đất ngoài sân nhà, nhờ vậy cậu biết được mùi vị của Phecmina Đaxa. Đó cũng là thời kỳ cậu ngẫu nhiên tìm thấy chai nước hoa *Côlônia*, một thứ nước hoa được các thuỷ thủ trên tàu *Humbur America* bán lậu thuế ở ngoài bến cảng và Tranxitô Arixa mua về giấu trong hòm. Vì không

thể kìm được ý muốn uống thứ nước hoa này để tìm kiếm mùi vị người con gái được mình yêu, nên cậu đã uống nó, uống từng ngụm cháy cổ, uống cho đến sáng trong lúc lòng say đắm hình ảnh Phecmina Đaxa. Thoạt đầu, cậu uống tại các quán nơi bến cảng, sau đó uống trên đê biển là nơi các đôi tình nhân làm tình ngoài trời và cứ thế uống cho đến khi cậu chìm nghỉm trong thế giới vô thức của mình. Tranxitô Arixa lo hết hồn đợi cậu cho đến tận sáu giờ sáng vẫn không thấy cậu trở về nhà, đã đi tìm cậu ở những nơi khuất khoáng ít ngờ tới nhất mà không thấy. Bà đi tìm, tìm mãi cho đến sau giờ ngọ mới thấy cậu đang nằm trong đống nôn mửa sực mùi nước hoa *Côlônia* ngay ở chỗ khuỷu vịnh, nơi xác những người chết trôi thường dạt vào.

Lợi dụng lúc cậu tĩnh dưỡng, bà Tranxitô Arixa đã rèn giũa thêm cho cậu đức tính kiên nhẫn cần thiết trong việc đợi lá thư trả lời của cô gái. Bà nhắc cậu nhớ cho rằng những kẻ hèn nhát chẳng bao giờ đặt chân tới được vương quốc của tình yêu, một vương quốc phũ phàng và cay nghiệt, và nhắc cậu nhớ cho rằng các cô gái chỉ trao thân gửi phận cho những người con trai nào có lòng quả cảm vì các cô tin rằng những ai càng lắm khát vọng càng dồi dào sức lực và ý chí để đương diện với cuộc sống đầy chông gai. Có lẽ Phlôrêntinô Arixa đã tiếp thu bài học ấy nhiều hơn mức cần thiết. Tranxitô Arixa

không thể ghìm được tình cảm tự hào đang trỗi dậy trong lòng mình, một thứ tình cảm tự hào có xen lẫn tính hiếu dục, khi thấy con trai ra khỏi cửa hàng tạp hoá của nhà mình mặc bộ đồ dạ đen, đội một chiếc mũ cứng, cổ gài nơ, và bằng giọng đùa cợt bà hỏi con: "Có phải con đi dự đám tang không đấy?". Hai tai đỏ bừng, cậu con trai trả lời mẹ: "Cũng gần như thế, mẹ ạ". Bà nhận thấy con trai mình hãy còn nhút nhát đôi chút nhưng quyết tâm của nó thì không ai có thể bẻ gẫy được. Bà dặn dò cậu những điều cần thiết cuối cùng, ban phước lành cho cậu rồi bà cười ngặt nghẽo mà hứa với cậu rằng: vẫn còn một chai nước hoa *Côlônia* nữa để hai mẹ con cùng uống chúc mừng thắng lợi của cậu.

Kể từ khi trao bức thư đầu tiên, nhiều lần cậu vi phạm lời hứa sẽ không đến vườn hoa nữa nhưng cậu vẫn đến và biết cẩn thận giấu kín mình đi để không ai nhìn thấy. Cuộc sống nơi đây vẫn diễn ra y hệt trước. Vẫn những buổi tập đọc dưới bóng những cây hạnh đào kết thúc vào hai giờ chiều khi mà cả thành phố bừng tỉnh sau giấc ngủ trưa; vẫn là Phecmina Đaxa ngồi thêu bên cạnh bà cô mình cho đến chiều mát. Phlôrêntinô Arixa không đợi cho đến khi bà cô vào nhà, trái lại cậu xăm xăm bước qua đường cái đi thẳng đến chỗ cô cháu họ ngồi. Cậu không nhìn Phecmina Đaxa mà lại nhìn bà cô Excôlaxtica:

- Thưa bà, bà làm ơn cho phép cháu được nói

chuyện riêng với cô đây một lát thôi, - cậu nói với bà. - Cháu có chuyện quan trọng muốn nói riêng với cô đây mà.

- Xin cậu cứ việc tự nhiên cho, - bà bảo cậu. - Cậu nhớ cho rằng không có chuyện gì của con bé mà ta không thể cùng nghe.

- Vậy thì cháu sẽ không nói nữa, - cậu nói. - Nhưng cháu báo trước cho bà biết rằng bà sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc xảy ra sau này.

Đó không phải là cung cách ứng xử mà bà Excôlaxtica hằng mong đợi ở người yêu cô cháu gái mình nhưng bà đã hốt hoảng đứng dậy vì lần đầu tiên trong đời bà sợ hãi trước điều Phlôrêntinô Arixa nói, nó tựa như lời phán bảo của Đấng Toàn năng. Vậy là bà đi vào nhà thay kim chỉ và để cho hai người đầu xanh tuổi trẻ được đứng nói chuyện với nhau dưới bóng những cây hạnh đào bên hiên nhà.

Thực là ít ỏi điều mà Phecmina Đaxa biết về người con trai trầm tư kia, người tựa như một con chim nhạn hiếm hoi trong mùa đông bỗng nhiên xuất hiện trong cuộc đời, theo đuổi mình, và về người con trai đó cô không biết gì ngay cả tên của anh ta nếu không ký dưới bức thư tỏ tình cô đã đọc. Ngay sau ngày nhận được lá thư đó, cô liền tìm hiểu cậu và cô được biết rằng cậu là một người con không cha của một người đàn bà ở vậy, cần cù và

đúng đắn và vì một lầm lỗi của một thời tuổi trẻ nên bà phải mang tiếng xấu là người không chồng mà chửa, một thứ tai tiếng không có cách nào gột rửa được. Cô được biết rằng cậu không phải là một gã loong toong chạy đưa điện tín như cô đã phỏng đoán mà là một trợ lý điện báo viên được đánh giá cao, là người có triển vọng huy hoàng và cô nghĩ rằng việc cậu mang bức điện đến cho cha mình chẳng qua chỉ là một cái cớ để cậu đến nhà nhìn mặt cô mà thôi. Cô lại càng cảm động hơn khi nghĩ như thế... Cô cũng được biết rằng cậu là một thành viên của đội đồng ca trong nhà thờ. Dẫu rằng trong lúc làm lễ mixa không bao giờ cô ngước mắt lên nhìn cậu, nhưng có một ngày chủ nhật ,nọ, cô biết chắc chắn rằng trong khi các nhạc cụ khác chơi nhạc cho mọi người thì cây đàn viôlin kia chỉ tấu nhạc cho riêng cô mà thôi. Cậu không phải là loại người mà cô có thể chọn làm chồng. Cặp kính cận, bộ quần áo khổ hạnh như quần áo thầy tu, các thủ thuật huyền bí của cậu khiến cô không thể không tò mò tìm hiểu cậu nhưng chẳng bao giờ cô nghĩ rằng tính tò mò của con gái cũng là một trong những cạm bẫy của ái tình.

Chính cô cũng không thể giải thích được vì sao mình lại nhận lá thư ấy. Chưa hẳn là cô đã khước từ cậu nhưng lời hứa sẽ trả lời thư cậu ngày càng thúc bách cô hơn đến nỗi nó trở thành một chướng ngại

vật trong cuộc sống riêng tư của cô. Đối với mỗi lời nói của cha cô, mỗi cái nhìn bâng quơ, mỗi cử chỉ vô tư của ông, cô đều cảm thấy chúng như những cạm bẫy giăng ra để phát hiện điều bí mật của mình. Đây là một trong những biểu hiện lo lắng của tâm trạng cô: cô tránh không nói chuyện ở bàn ăn vì sợ rằng một vài câu nói thiếu thận trọng của mình có thể sẽ tố cáo mình và cô giữ ý giữ tứ ngay cả với bà Excôlaxtica, người vẫn chia sẻ mọi khát vọng bị dồn nén của cháu gái và coi chúng như là của chính mình. Bất kể lúc nào, dù không cần thiết, cô cũng vào trong buồng tắm đóng trái cửa lại để ở một mình trong đó đọc lại bức thư ấy, cố tìm trong đó một luật lệ bí mật, một ý tứ huyền diệu ẩn sau một số trong ba trăm mười con chữ hình thành năm mươi tám từ, với hy vọng chúng sẽ nói nhiều hơn điều đã được nói ra. Nhưng cô chẳng tìm thấy gì hơn điều cô nhận thức được ngay từ lần đầu tiên đọc bức thư này. Khi nhận được lá thư cô liền chạy vào nhà tắm đóng trái cửa lại. Trong lúc trái tim đập thình thình, cô lúng túng mở bì thư với ảo tưởng sẽ gặp một bức thư dày cộp với những lời lẽ sôi nổi chan chứa tình yêu, nhưng cô chỉ bắt gặp một tờ giấy thơm lựng với nội dung ngắn gọn và sáng tỏ, điều đó dĩ nhiên đã khiến cô ngạc nhiên.

Thoạt đầu cô không nghĩ một cách nghiêm túc rằng mình phải viết thư trả lời, nhưng bức thư tỏ

tình lại hết sức dứt khoát và sáng tỏ đến mức cô không có cách nào thoái thác được. Trong lúc ngẩn ngơ suy nghĩ cô giật mình nhận thấy mình đã nghĩ đến Phlôrêntinô Arixa ngày càng nhiều và ngày một thú vị hơn là điều cô muốn cho phép mình. Hơn nữa cô còn mủi lòng tự hỏi làm sao cậu không có mặt ở vườn hoa như mọi bữa mà không nhớ rằng chính cô đã yêu cầu cậu không được đến đấy trong lúc mình suy nghĩ để trả lời thư cậu. Vậy là cô đã đi đến tình trạng nghĩ về Phlôrêntinô Arixa nhiều hơn điều cô tưởng và trong lúc nghĩ đến cậu, cô lại cảm thấy sự có mặt của cậu ở nơi cậu không có mặt. Cô lại mong muốn cậu có mặt ở nơi cậu chưa được phép, cô lại bỗng dưng tỉnh giấc với cảm giác nóng hổi rằng cậu đứng trong bóng tối để nhìn mình trong lúc ngủ. Do đó cái buổi chiều cô cảm nhận rõ ràng tiếng bước chân dứt khoát của cậu giẫm trên lá vàng rơi ngoài vườn hoa, cô phải vất vả lắm mới tin rằng đích thực là cậu rồi chứ không phải hình bóng cậu trêu chọc cô. Nhưng khi cậu, với giọng oai vệ, đòi cô phải đưa lá thư trả lời thì cô đã kịp lấy lại bình tĩnh. Cô định lảng tránh câu chuyện vì thực tình cô không biết nên trả lời như thế nào. Tuy nhiên Phlôrêntinô Arixa lại không biết cách lấp bằng cái hố sâu ngăn cách ấy, trái lại cậu cứ nói phứa đi không hề biết sợ hãi là gì:

- Nếu nhận thư mà không trả lời thì đó là một

hành động bất lịch sự, - cậu nói.

Đó chính là giai đoạn cuối cùng của cuộc săn đuổi tình yêu giữa hai người. Phecmina Đaxa hoàn toàn tự chủ, xin lỗi cậu vì sự chậm trễ và nhã nhặn bảo cậu rằng mình sẽ có thư trả lời trước khi kỳ nghỉ kết thúc. Cô đã thực hiện đúng lời hứa. Tháng hai, một ngày thứ sáu tuần cuối cùng, ba ngày trước khi bắt đầu học kỳ mới, bà cô Excôlaxtica Đaxa đến phòng bưu điện để hỏi giá cước một bức điện tín gửi về làng Piêdrat đê Môlê vì bà không thấy ghi trong bảng giá cước của bưu điện. Bà cứ để mặc cho Phlôrêntinô Arixa tiếp chuyện mình, làm như thể hai người chưa bao giờ gặp mặt nhau. Khi ra về, bà vờ bỏ quên một chiếc ví bọc da thằn lằn trong đó đựng một phong thư mà tờ bì của nó làm bằng giấy dó xung quanh có viền những đường hoa văn vàng. Nhận được thư, cậu sướng ngây ngất. Phần chiều còn lại, cậu chỉ ngồi ăn hoa hồng và đọc thư, đọc chậm rãi, từng chữ một. Trong lúc càng đọc kỹ thư, cậu càng ăn nhiều hoa hồng. Đến nửa đêm, vì đọc đi đọc lại bức thư quá nhiều nên cậu cũng ăn quá nhiều hoa hồng đến mức bà Tranxitô Arixa phải nựng cậu như nựng một con cừu non, nài nỉ cậu uống một cốc dầu thầu dầu để giúp dạ dày tiêu thụ nhanh cái món hoa hồng đi.

Đó là năm tháng của tình yêu đắm say. Không một phút giây nào mà cô cậu không nghĩ đến nhau,

mà không mộng thấy nhau, mà không háo hức đợi thư của nhau và viết thư cho nhau. Trong mùa xuân chan chứa tình yêu ấy và cả một năm sau đấy, cô cậu không có lấy một cơ hội nào để nói chuyện riêng với nhau. Hơn thế nữa, kể từ lần đầu tiên hai người nhìn thấy nhau cho đến khi Phlôrêntinô Arixa nhắc lại lời tỏ tình của mình một nửa thế kỷ đã trôi qua, hai người cũng không hề có cơ hội được nói chuyện riêng về ái tình của mình. Nhưng trong suốt ba tháng đầu, không có ngày nào họ không trao đổi thư từ với nhau, thậm chí có ngày họ viết thư tới hai lần, đến mức bà Excôlaxtica Đaxa phải giật mình ngạc nhiên trước ngọn lửa cuồng nhiệt của cái lò lửa mà bà đã góp phần nhen nhóm lên.

Sau lá thư đầu tiên của cô gái mà bà cầm đến văn phòng điện báo với một ý nghĩ trả thù ngay số phận mình, bà cho phép đôi bạn trẻ được trao đổi thư từ hàng ngày với nhau qua những *hộp thư lưu* đặt trên dọc đường đi nhưng bà không đủ dũng cảm để chở che cho một cuộc nói chuyện riêng giữa hai người, dù cho đó là một cuộc nói chuyện thường tình và chốc lát thôi cũng không được. Tuy vậy, sau ba tháng bà hiểu rằng cháu gái mình không chịu dừng lại ở sự đùa cợt như lúc đầu bà tưởng và rằng cuộc sống của chính bà đang bị đám cháy tình yêu kia đe doạ. Thật thế, ngoài tình thương của ông anh ra, cuộc sống thường ngày của bà chẳng còn biết bám

víu vào đâu và biết rõ rằng cái tính cách bạo ngược của ông ta không cho phép bà được có những hành động đùa cợt với lòng tin của ông ta uỷ thác nơi bà. Nhưng vào lúc phải có một quyết định cuối cùng thì bà không nỡ lòng nào để cho cháu mình phải chịu đựng từ khi còn trẻ tuổi và thế là bà cho phép cô cháu sử dụng một biện pháp xem chừng có vẻ ngây thơ. Đó là một biện pháp hết sức giản đơn: Phecmina Đaxa để bức thư của cô ở một chỗ kín nào đó trên đường từ nhà đến trường và trong chính bức thư ấy cô dặn Phlôrêntinô Arixa cần để thư của cậu ở chỗ nào để cô đến lấy. Về phần mình, Phlôrêntinô Arixa cũng làm như vậy. Nhờ hình thức này, từ đó cho đến hết năm, những lo lắng trong lương tâm của bà cô Excôlaxtica Đaxa cũng theo họ chuyển dời vị trí: lúc thì ở nơi làm lễ xưng tội ở nhà thờ, lúc thì ở các hốc cây dọc đường đi, lúc thì ở kẽ nẻ các bức tường một thành quách thời thuộc địa Tây Ban Nha đã đổ nát. Đôi lúc hai người nhận được những bức thư ướt đẫm nước mưa, lấm bê bết bùn đất, nhàu nát vì nỗi bất hạnh và cũng có những bức thư bị thất lạc vì những lý do khác nhau nhưng bao giờ họ cũng tìm được cách nối lại quan hệ thư từ.

Đêm nào cũng như đêm nào, Phlôrêntinô Arixa đều viết cho chính mình mà không hề biết mỏi, mà tự huỷ hoại mình bằng chính mỗi từ viết ra trong

khói ngọn đèn dầu ở sâu sau cửa hàng tạp hoá, và các bức thư của cậu ngày một dày thêm, ngày một thú vị hơn một khi cậu càng cố sức bắt chước các nhà thơ được cậu hâm mộ của Tủ sách Bình dân mà thời ấy đã đạt tới con số tám mươi tập. Bà mẹ cậu, người từng nhiệt tình cổ vũ cậu vui lên trong lúc cậu đang đau khổ vì tình yêu, bắt đầu ngạc nhiên khi thấy sức khoẻ của con trai có chiều suy sụp. "Con đến loạn trí mất thôi" - từ trong phòng ngủ khi nghe thấy tiếng gà cất tiếng gáy lần đầu mà con mình vẫn thức, bà đã la lên, - "Không có cô gái nào đáng để con phải hao tâm tổn sức đến như vậy". Bởi vì bà không nhớ mình đã thấy có ai chịu hao tâm tổn sức như con mình. Nhưng cậu không chịu nghe lời bà. Có đôi lúc cậu đến nhiệm sở sau một đêm thức trắng với bộ tóc rối bù của kẻ đang yêu sau khi đã cất bức thư vào nơi hẹn trước để Phecmina Đaxa trên đường đi học cứ việc đến mà lấy thư. Trái lại, Phecmina Đaxa rất đề phòng sự theo dõi ngặt nghèo của cha mình và sự dò la tai quái của các cô tu sĩ, hầu như cô viết không hết nửa trang giấy vở học trò, mỗi bận cô ngồi viết trong nhà tắm hoặc mỗi bận ngồi viết trong lớp cứ vờ như đang ghi chép bài vở. Các bức thư của cô ngắn không chỉ vì cô vội vàng và sợ hãi mà còn vì chính tính cách của cô nữa. Các bức thư của cô thường lẩn tránh không đề cập tới tình cảm thực của mình mà hay nói về

những chuyện vặt vãnh hàng ngày. Đó là những bức thư được viết ra để giữ cho những hòn than luôn luôn đỏ hồng nhưng không bao giờ người viết chịu nhúng tay vào ngọn lửa đang cháy. Trong khi đó, Phlôrêntinô Arixa lại tự thiêu đốt mình trong từng dòng chữ một. Vì say sưa truyền tình cảm cuồng si của mình cho cô gái nên Phlôrêntinô Arixa đã lấy mũi kim khảm những vần thơ hay trên cánh hoa trà rồi đưa vào bì thư gửi cho cô gái. Cậu, chứ không phải cô, là người đã đủ khôn khéo để cả một mớ tóc của mình trong phong thư gửi cho cô nhưng chẳng bao giờ cậu nhận được lời đáp hằng mong đợi một mớ tóc thề của Phecmina Đaxa. Nhưng ít ra cậu đã giành được một bước tiến mới trong quan hệ giữa hai người, bởi vì từ lúc đó trở đi cô gái bắt đầu gửi cho cậu những mẩu lá khô ép trong các cuốn từ điển, những cánh bướm, những chiếc lông chim đẹp và trong dịp sinh nhật cậu, cô còn gửi tặng một xăngtimét vuông vải cắt từ chiếc áo của Thánh Pêdrô Clavê, một thứ hàng lưu niệm mà thời ấy người ta thường bán lén cho các cô học sinh ở tuổi cô với giá rất đắt. Có một đêm, không hề được báo trước, Phecmina Đaxa kinh hoàng thức dậy vì nghe thấy tiếng đàn viôlin đang tấu lên một khúc nhạc đêm nghe rất du dương và réo rắt. Cái ý nghĩ sáng suốt làm cô rùng mình khi thấy mỗi nốt nhạc được tấu lên kia là một lời cám ơn những chiếc lá ép khô

của cô, cảm ơn cô đã ăn cắp thời gian làm toán để ngồi viết thư cho cậu, cảm ơn những lo lắng của cô khi mùa thi đến vì cô giành nhiều thời gian nghĩ đến cậu nhiều hơn là thời gian cô giành cho việc ôn tập các môn khoa học thường thức, nhưng cô không dám nghĩ rằng Phlôrêntinô Arixa lại là người bạo phổi đến như thế.

Sáng ngày hôm sau, trong bữa điểm tâm, Lôrênxô Đaxa không tài nào kìm nổi tính tò mò. Thứ nhất, ông ta không hiểu trong ngôn ngữ các khúc nhạc đêm thì việc đơn tấu một khúc nhạc có ý nghĩa gì; thứ hai, mặc dù đã tập trung nghe tiếng nhạc ông ta vẫn không xác định được khúc nhạc ấy tấu lên từ đâu. Bà cô Excôlaxtica, với thái độ tỉnh bơ, thái độ ấy giúp cô cháu yên lòng, đã khẳng định rằng qua rèm cửa sổ phòng ngủ bà nhìn thấy người chơi viôlin ấy đứng ở phía bên kia vườn hoa và bà còn bảo rằng trong mọi trường hợp việc đơn tấu một nhạc cụ thường có ý nghĩa là sự cắt đứt một quan hệ nào đó. Trong phong thư ngày hôm ấy, Phlôrêntinô Arixa khẳng định với cô gái rằng cậu chính là người đơn tấu khúc nhạc đêm qua và rằng bản nhạc ấy do chính cậu sáng tác ra với tựa đề *Nữ Thiên thần được tấn phong* và với tựa đề ấy cậu đã khắc sâu hình ảnh Phecmina Đaxa trong trái tim mình. Cậu không đơn tấu cây đàn viôlin ở vườn hoa nữa, nhưng trong các đêm trăng thanh cậu thường đơn tấu nó tại những

địa điểm được lựa chọn với mục đích để cô ở trong phòng ngủ nghe nhạc mà không phải hoảng hốt như lần vừa rồi. Một trong những địa điểm được cậu ưa thích nhất là nghĩa trang dành cho người nghèo, một nghĩa trang dãi dầu với nắng mưa nằm trên đỉnh một quả đồi xơ xác nơi diều quạ vẫn thường đến ngủ đêm và là nơi âm nhạc có sức vang xa nhất. Sau này cậu học và biết cách nhận ra hướng gió và nhờ vậy cậu tin chắc rằng tiếng nhạc mình tấu lên sẽ đến nơi cần phải đến.

Tháng tám năm ấy, một cuộc nội chiến thuộc số những cuộc nội chiến từng tàn phá đất nước từ hơn một nửa thế kỷ nay đã bùng nổ và đe doạ sẽ lan rộng ra trong cả nước. Chính phủ công bố lệnh thiết quân luật và tại các tỉnh duyên hải người ta thổi kèn giới nghiêm từ lúc sáu giờ chiều. Mặc dù đã xảy ra một số vụ lộn xộn và quân đội lạm dụng quyền được trừng phạt đã đàn áp dân chúng một cách bừa phứa, Phlôrêntinô Arixa vẫn đam mê sống với tình yêu đến mức không hề hay biết gì về thực trạng đất nước. Một đêm nọ, cậu bị đội tuần tra của quân đội bắt trong lúc cậu đang chơi các bản nhạc tình từng khiến cho các linh hồn chết phải nháo nhác hoảng loạn. Nhờ phép màu nhiệm cậu thoát được một vụ hành quyết theo lối tiền trảm hậu tấu vì tội gián điệp dùng các nốt nhạc để báo tin cho các tàu chiến của phái Tự do đang lảng vảng ngoài khơi.

- Gián điệp với chả gián điếc, - Phlôrêntinô Arixa nói. - Tôi chỉ là một thằng con trai khốn khổ vì đang tương tư mà thôi.

Ba đêm liền cậu phải ngủ trong xà lim nhà tù thành phố, chân bị xiềng. Nhưng khi bọn họ thả cậu ra, cậu cảm thấy thời gian ngắn ngủi trong nhà tù đánh lừa mình. Ngay cả những năm tháng của tuổi già khi có quá nhiều cuộc nội chiến lộn xộn trong kí ức mình, cụ Phlôrêntinô Arixa vẫn cứ nghĩ rằng mình là người duy nhất của thành phố, thậm chí là người duy nhất của cả nước, là người vì tình yêu đã bị cầm tù với bàn chân kéo lê chiếc xích sắt nặng năm libra[1].

Gần tròn hai năm kể từ khi họ trao đổi thư từ với nhau. Phlôrêntinô Arixa, trong một lá thư ngắn gọn, đã chính thức ngỏ lời cầu hôn với Phecmina Đaxa. Sáu tháng trước đây, cậu từng gửi cho Phecmina Đaxa một bông trà mi trắng nhưng cô gái đã gửi trả cậu ngay trong bức thư sau để cậu hiểu rằng cô vẫn tiếp tục quan hệ thư từ với cậu nhưng như thế không có nghĩa là cô đã hứa hôn với cậu. Thực ra cô coi việc những bông trà mi được gửi đi gửi lại chỉ là một trò chơi của tình yêu chứ chưa bao giờ cô nghĩ nó như là một ngã tư đường của số phận mình. Nhưng khi lời cầu hôn chính thức của Phlôrêntinô

[1] Đơn vị đo trọng lượng, mỗi libra bằng khoảng 445g.

Arixa đến với cô thì cô cảm thấy mình như bị nanh vuốt của tử thần đang cào vào da thịt mình. Lòng đầy hoang mang cô đem chuyện ấy kể với bà cô Excôlaxtica và bà này đã đưa ra một giải pháp dứt khoát với tất cả lòng dũng cảm và trí sáng suốt mà ở tuổi hai mươi bà không có khi phải tự quyết định lấy số phận mình.

- Cháu hãy trả lời nó rằng cháu đồng ý nhận lời, - bà bảo cô cháu gái. - Dù cháu có sợ hãi đến chết đi nữa, dù cháu có ân hận đi nữa cháu cũng nên trả lời nó rằng cháu đồng ý nhận lời, bởi vì nếu trả lời rằng không thì cháu sẽ phải ân hận suốt đời.

Nhưng Phecmina Đaxa rất bối rối đến mức cô xin cậu cho một thời gian để suy nghĩ. Lúc đầu cô xin được một tháng, sau đấy lại xin thêm một tháng, rồi một tháng nữa. Bốn tháng qua đi vẫn chưa có thư trả lời. Lúc ấy cô lại nhận được một bông bạch trà nhưng không như những lần trước, chỉ có mỗi một bông bạch trà mà lần này trong thư còn có cả một mẩu giấy ghi lại bức tối hậu thư nói rằng đây là bông bạch trà cuối cùng: hoặc là ngay bây giờ hoặc là chẳng bao giờ. Và thế là lúc ấy Phlôrêntinô Arixa chính là người nhìn thấy bộ mặt của thần chết, vâng ngay chính đêm ấy khi cậu nhận được một phong thư trong đó có mẩu giấy được xé vội từ cuốn vở học trò ghi độc một dòng chữ viết bằng bút chì: *Tốt thôi, em đồng ý lấy anh nếu anh cam đoan sẽ không*

để em phải ăn cơm với cà nén.

Phlôrêntinô Arixa vẫn chưa sẵn sàng lắm để thực hiện lời đồng ý kết hôn ấy của Phecmina Đaxa nhưng bà mẹ cậu thì đã sẵn sàng. Sáu tháng trước đây, kể từ khi lần đầu tiên Phlôrêntinô Arixa nói với mẹ về ý định cưới vợ, bà Tranxitô Arixa đã bắt đầu đánh tiếng xin được thuê toàn bộ ngôi nhà cho đến lúc ấy vẫn có hai gia đình cùng chung sống. Đó là một ngôi nhà dân dụng được xây dựng từ thế kỷ XVII, gồm hai tầng. Trước đây nó là cửa hàng Thuốc lá dưới chế độ thống trị của thực dân Tây Ban Nha và các ông chủ ngôi nhà này vì bị phá sản không đủ sức sửa chữa nên buộc phải cho thuê từng phần. Tầng dưới gồm hai phòng riêng biệt cách nhau bởi một cái sân gạch. Khu ngoài ăn thông ra đường phố vốn là cửa hàng. Khu trong ở phía cuối sân vốn là xưởng chế biến thuốc lá và một tàu ngựa rộng hiện nay các chủ hộ thuê nhà dùng chung để giặt giũ và phơi phóng quần áo. Bà Tranxitô Arixa ở khu nhà ngoài là khu nhà tiện lợi và vững vàng hơn mặc dù có chật hẹp hơn. Bà Tranxitô Arixa lấy ván chia cửa hàng trước đây thành hai gian. Gian ngoài bà thuê trổ một cửa lớn và dùng nó làm cửa hàng tạp hoá. Gian trong bà kê một bộ bàn ghế gồm bốn chiếc ghế tựa vừa dùng làm bàn ăn vừa dùng làm bàn viết và tại đây Phlôrêntinô Arixa mắc võng ngủ khi cậu không ngồi viết. Bà Tranxitô Arixa ngủ

trong kho hàng cũ, vừa chật chội vừa ngột ngạt vì nó chỉ có một cửa thông sáng. Đó là một căn hộ tốt đủ cho hai người và nếu thêm một người nữa lập tức nó sẽ trở nên bất tiện, càng bất tiện hơn khi người ấy là cô nữ sinh Trường Đức Mẹ Đồng trinh mà người cha cô ta thừa tiền của để sửa chữa ngôi nhà đổ nát thành ngôi nhà mới trong khi đó các gia đình quí tộc cũ khi đi ngủ lúc nào cũng sợ mái nhà sập đổ lên người mình trong lúc còn đang mơ. Vậy là Tranxitô Arixa tìm cách thuyết phục chủ nhà cho mình thuê nốt khu nhà trong sân với điều kiện bà phải bỏ tiền ra sửa chữa lại ngôi nhà sao cho nó bền vững được trong năm năm.

Bà có đủ điều kiện để thực hiện điều cam kết ấy. Ngoài số thu nhập do cửa hàng tạp hoá và do việc gỡ vải vụn lấy bông đem bán đưa lại, mà số vốn này đủ cho mẹ con bà sống cuộc sống bình dị, bà còn biết nhân số tiền dư thừa bằng cách đem chúng cho số bạn hàng mới bị nghèo nhưng vẫn cố tình giữ thể diện vay, những người này nhận trả lãi cao với điều kiện bà phải giữ kín chuyện vay mượn của họ. Các bà mệnh phụ vẻ đài các đế vương bước xuống xe hoa ngay trước cửa hàng tạp hoá, không có con sen cũng chẳng có thằng hầu đi theo, đã bước vào cửa hàng giả vờ mua nào những dải đăng ten Hà Lan, nào các dải tua ren, tua kim tuyến nhưng thực ra khóc dở mếu dở cầm cố những lá vàng cuối cùng

của thiên đường vừa bị khánh kiệt. Bà Tranxitô Arixa đã biết nhanh chóng lấy lòng họ bằng cách ngợi ca quá mức gia thế của họ đến nỗi nhiều lúc các bà ra về lòng mang nặng ơn bà không chỉ vì bà đã tận tình giúp đỡ mà chủ yếu vì bà đã giữ thể diện cho họ. Chưa đầy mười năm, bà Tranxitô Arixa đã làm quen với cơ man vòng hạt quý giá từng được chủ chúng chuộc lại rồi lại khóc dở mếu dở đem đến cầm cố tới mức bà coi chúng như của mình. Tiền lời thu được bà liền biến thành vàng ròng đựng trong bình sứ đem chôn dưới gầm giường. Đó chính là lúc con trai bà quyết định lấy vợ. Vậy là bà tính toán và thấy rằng số vốn ấy chẳng những đủ cho bà chi tiêu vào việc sửa chữa ngôi nhà mà còn cho phép bà nếu vẫn sử dụng mưu mẹo ấy và gặp may, thì có thể mua đứt ngôi nhà để tặng lại đàn cháu mười hai đứa bà hằng ao ước. Về phần mình, Phlôrêntinô Arixa đã được công nhận là người giúp việc số một cho điện báo viên, với tư cách tạm thời, và Lôtariô Tugut muốn nhường lại cho cậu cái chân trưởng phòng một khi ông ta chuyển sang lãnh đạo Trường điện báo sẽ mở trong năm tới.

Vậy là chuyện hôn nhân của cậu đã được giải quyết trên phương diện thực tế của đời sống. Tuy nhiên, Tranxitô Arixa vẫn băn khoăn lo lắng về hai điều kiện cuối cùng. Một là phải tìm hiểu xem Lôrenxô Đaxa trên thực tế là ai. Cứ theo âm điệu

vang lên của tên ấy thì không ai nghi ngờ gì về địa phương mà ông ta sinh trưởng nhưng không một ai biết gì về gia thế cũng như điều kiện sinh trưởng của ông ta. Thứ hai là phải kéo dài tình yêu giữa hai người thêm một thời gian nữa để họ hiểu kỹ nhau hơn và để thử thách tình yêu của họ cho đến khi nào cả hai người đều cảm thấy cưới nhau là lẽ đương nhiên. Vậy là bà nảy ra ý định đòi hỏi hai người phải đợi nhau cho đến khi nào nội chiến kết thúc. Phlôrêntinô Arixa đồng ý với việc phải giữ kín chuyện hai người yêu nhau phần vì những lý lẽ của bà mẹ phần vì cái tính e dè nhút nhát của cậu. Cậu cũng đồng ý với việc thử thách tình yêu của mình trong một thời gian dài nhưng cậu cảm thấy cái thời hạn ấy là không thực tế vì hơn nửa thế kỷ nay kể từ khi giành được độc lập đến bây giờ đất nước vẫn chưa hề có một ngày hoà bình thực sự.

- Chúng con sẽ già vì chờ đợi, - cậu bảo mẹ.

Người cha đỡ đầu của cậu, người ngẫu nhiên tham gia cuộc nói chuyện của hai mẹ con, không nghĩ rằng các cuộc nội chiến là một cản trở đáng kể. Ngài nghĩ rằng các cuộc chiến tranh ấy chẳng qua cũng là những cuộc đánh lộn giữa những người nghèo khổ từng bị các chúa đất sai khiến như sai khiến những con bò mộng chống lại những người lính đi chân đất bị chính phủ sai khiến như những con lừa.

- Chiến tranh ở trên núi ấy - ông ta nói - kể từ khi tôi là tôi, tại thành phố, chúng ta không bị giết bằng đạn mà ngược lại bị giết bằng đạo luật.

Trong mọi trường hợp, những chi tiết cần thiết của quan hệ yêu đương đều được giải quyết trong những bức thư ở tuần lễ tiếp theo. Phecmina Đaxa, từng được bà cô Excôlaixtica khuyên bảo, đã chấp thuận giữ kín tuyệt đối quan hệ yêu đương giữa hai người trong hai năm liền để thử thách tình yêu của họ và cô đòi Phlôrêntinô Arixa sẽ đến nhà xin cầu hôn khi cô học xong bậc trung học vào kỳ nghỉ lễ Thánh đản. Trong thời điểm thích hợp họ sẽ thống nhất với nhau hình thức bình thường hoá lời ước hẹn theo đúng mức độ được chấp nhận mà cô sẽ phải giành được từ cha mình. Trong khi đó, bọn họ tiếp tục thư từ cho nhau với chính nhiệt tình và chính sự thường xuyên đều đặn trước nay vẫn có ở cả hai người nhưng sẽ không có sự hoảng hốt như trước đây họ từng hoảng hốt và cả bức thư họ trao đổi với nhau ngày một có giọng điệu thân mật kiểu gia đình tựa hồ họ đã là vợ chồng rồi. Không có gì có thể làm đảo lộn những ước mơ của cả hai người.

Cuộc sống của Phlôrêntinô Arixa đã thay đổi hẳn. Tình yêu được đền đáp đã mang cho cậu tinh thần bình tĩnh vững tin và một sức mạnh cậu chưa hề được biết đến và cậu trở nên hoạt bát, lanh lẹn trong công việc mà Lôtariô Tugut giành được cho cậu

không vất vả gì. Đó là việc người ta nâng bậc cho cậu từ trợ lý bậc một lên trợ lý bậc hai của ông ta. Ở thời kỳ ấy, kế hoạch mở trường Điện báo viên bị phá sản và ông điện báo viên người Đức buộc phải dùng thời gian nhàn rỗi của mình vào việc ra bến cảng để chơi đàn phong cầm và uống bia cùng với các thuỷ thủ và sau đó kết thúc sự vui thú của mình ở trong khách sạn. Đó là điều duy nhất trên thực tế ông thú vị. Mãi sau này Phlôrêntinô Arixa mới hiểu được rằng ảnh hưởng to lớn của Lôtariô Tugut ở khu vực chơi bời này là nhờ ở chỗ ông ta đã trở thành chủ nhân của khách sạn và ông trùm của việc kinh doanh những con chim mái ở cảng[1]. Bằng đồng lương tiết kiệm được trong rất nhiều năm, ông ta cứ từng bước từng bước mua nó, nhưng người thay mặt ông đứng ra mua lại là một gã đàn ông gầy gò, mắt lác, tóc húi cua, có trái tim dịu hiền đến độ không một ai hiểu nổi vì sao y lại có thể là một người đại lý hoàn hảo đến như vậy. Nhưng y là thế đấy, chí ít ra Phlôrêntinô Arixa cũng cảm thấy như vậy khi người đại lý bảo cậu, dẫu cậu không yêu cầu, rằng hãy chọn lấy một phòng thường xuyên ở khách sạn không chỉ để giải quyết những vấn đề thuộc về phía dưới rốn khi cần thiết mà còn để có một địa điểm yên tĩnh hơn để đọc sách và viết thư

[1] Tức kinh doanh nghề mãi dâm.

tình. Vậy là trong lúc cậu đợi những tháng dài dặc qua đi để thực hiện việc công khai hoá lời ước hẹn giữa hai người, thời gian cậu có mặt ở khách sạn nhiều hơn thời gian cậu có mặt ở văn phòng và ở nhà mình. Có những thời kỳ bà Tranxitô Arixa chỉ nhìn thấy mặt con trai khi cậu về nhà thay quần áo mà thôi.

Việc đọc sách không biết mệt của cậu trở thành một thói xấu. Kể từ khi dạy cậu học đọc, bà Tranxitô Arixa đã mua cho cậu những cuốn sách có minh hoạ của các nhà văn Bắc Âu, những cuốn sách được bán như là truyện cho trẻ em nhưng trên thực tế đó là những cuốn sách có nội dung rùng rợn và tội lỗi mà ở bất kỳ lứa tuổi nào người ta cũng đọc được. Ngay từ khi lên năm tuổi, Phlôrêntinô Arixa đã thuộc lòng chúng ở trên lớp học cũng như những ngày nghỉ ở nhà. Nhưng dù đã làm quen với những chuyện rùng rợn này cậu vẫn sợ hãi như thường, càng ngày càng sợ hãi hơn. Từ những nỗi sợ hãi ấy cậu đi đến với thơ ca thật dễ dàng. Ở tuổi phát dục, cậu đã ngốn ngấu đọc hết tất cả các tập trong tủ sách Bình dân mà bà Tranxitô Arixa mua ở các hiệu sách bán rẻ trên phố Lôt Escribanô[1]. Tại các hiệu sách này người ta bán đủ loại từ tác phẩm của Hôme đến những tác phẩm của các nhà thơ địa

[1] Nghĩa: những thầy thư lại.

phương ít thành tựu văn chương hơn. Nhưng cậu đọc sách mà không hề phân biệt: vớ được cuốn sách nào cậu đọc ngay tức khắc, như thể đó là mệnh lệnh của tai ương và tuy có rất nhiều năm đọc sách cậu vẫn không thể phân biệt được đâu là sách hay đâu là sách dở trong số sách nhiều vô kể cậu đã đọc. Điều duy nhất cậu có được ý niệm sáng rõ là giữa văn xuôi và thơ cậu thích thơ hơn và trong thơ cậu chỉ thích thơ tình, đến độ vì yêu thích nó cậu đã thuộc lòng ngay từ lần đọc thứ hai chẳng vất vả gì và khi càng đọc chúng một cách có vần điệu và suy nghĩ bao nhiêu hoặc khi càng đau khổ trong tâm hồn bao nhiêu thì cậu càng thuộc nhanh bấy nhiêu.

Số bài thơ tình cậu thuộc lòng này đã trở thành ngọn nguồn cho những lá thư đầu tiên cậu viết gửi Phecmina Đaxa. Trong các bức thư này xuất hiện cả một đoạn thơ hoàn chỉnh của các nhà thơ lãng mạn Tây Ban Nha mà cậu không hề xào xáo lại một mảy may. Số bài thơ cậu học thuộc lòng này vẫn cứ tiếp tục là ngọn nguồn cho những bức thư sau này, ngay cả khi cuộc sống thực tế buộc cậu phải quan tâm đến những vấn đề vật chất sát sườn hơn là những nỗi đau của con tim. Ở thời kỳ này, cậu đã tiến thêm một bước tới những truyện đẫm lệ đăng nhiều kỳ trên các báo và một số tác phẩm văn xuôi phạm thánh nhất trong thời đại cậu. Cùng với mẹ, cậu học cách khóc lóc sùi sụt khi đọc tác phẩm của các nhà

thơ địa phương được in thành từng tập mỏng với giá bán hai xu. Nhưng đồng thời cậu cũng có khả năng ngâm thuộc lòng toàn bộ thơ chọn lọc tốt nhất của nền thi ca Tây Ban Nha thế kỷ Hoàng Kim[1]. Tóm lại, cậu đọc tất cả những gì rơi vào tay mình và đọc theo thứ tự sách nào đến trước đọc trước, đến sau đọc sau, kể cả việc đọc từ trang đầu đến trang cuối hai mươi tập sách nhan đề *Kho báu của Tuổi trẻ*, một thư mục sách trọn vẹn của các nhà văn nhà thơ cổ điển xứ Gacniê Hnô, được dịch sang tiếng Tây Ban Nha và các tác phẩm dễ đọc được nhà văn Vixêntê Blaxcô Ibanhêt[2] xuất bản trong tủ sách *Prômêtê*. Đó là thời kỳ sau những năm tháng gian truân của mối tình đầu mà Phlôrêntinô Arixa không còn là trẻ con nữa.

Trong mọi trường hợp, tuổi trẻ của cậu ở khách sạn không chỉ thu hẹp lại trong việc đọc sách và viết những lá thư cháy bỏng tình yêu mà còn dẫn cậu đến những bí mật của thứ tình yêu không tình yêu. Cuộc sống của khách sạn chỉ bắt đầu sau buổi trưa khi các cô gái, những con chim mái, thức dậy với thân thể loã lồ như chính lúc các bà mẹ đã sinh ra họ. Đó cũng là khi Phlôrêntinô Arixa từ nơi làm việc về đến khách sạn và cậu đã bắt gặp cả ngôi nhà chật ních những nữ thiên thần không vận quần áo,

[1] Tức văn học phục hưng Tây Ban Nha.

[2] Vixente Blaxcô Ibanhêt là nhà văn Tây Ban Nha (1867-1928).

đang bô bô bình luận về những chuyện bí mật của thành phố mà họ biết từ cửa miệng các khách làng chơi tới đây nói ra. Rất nhiều cô chưng bày ngay trên làn da mình những dấu tích thời đã qua: những vết sẹo da rạch nơi bụng, những vết sẹo hình ngôi sao, những vết dao rạch vì ghen tuông v.v... và v.v... Có một số cô đến đây còn mang theo cả những đứa trẻ nhỏ tuổi, đó là những trái cây bất hạnh của tuổi trẻ phóng đãng hay của tuổi trẻ nhẹ dạ cả tin và ngay lập tức họ cũng lột truồng những đứa trẻ này để chúng khỏi cảm thấy mình xa lạ trong cái thiên đường những nữ thiên thần khoả thân. Mỗi cô lo nấu lấy món ăn của mình và không một ai lại được ăn ngon như Phlôrêntinô Arixa vì cậu cứ việc chọn miếng ngon nhất của mỗi người khi các cô gái mời cậu ăn. Đó là cả một ngày hội vui vẻ cho đến tận chiều khi các cô vừa đi vừa ca hát, lũ lượt kéo nhau vào nhà tắm, ý ới gọi nhau để mượn xà phòng, bàn chải, kéo, các cô cắt tóc cho nhau, mặc quần áo đổi cho nhau, tô son phấn và cùng nhau ra đường để săn con mồi đầu tiên trong một đêm của mỗi người. Kể từ lúc đó trở đi, khách sạn sống với một không khí khác hẳn, nó mất đi nhân cách lòng thương và nếu ai cùng chia sẻ với các cô mà không chịu trả tiền thì thật là bất tiện quá.

Kể từ ngày quen biết Phecmina Đaxa đến nay, Phlôrêntinô Arixa không thấy có một địa điểm nào

tốt hơn địa điểm này vì nó là nơi duy nhất cậu không cảm thấy mình cô đơn. Hơn thế nữa, cậu còn cảm thấy nó là nơi duy nhất Phecmina Đaxa ở bên cạnh mình. Có lẽ đó cũng là những lý do mà một bà lớn tuổi, đỏm dáng, có mái tóc bạc màu cước, đã đến sống ở đây. Tuy sống trong cùng một khách sạn nhưng bà không tham gia cuộc sống tự nhiên của các cô gái khoả thân, và bà là người được các cô gái tôn thờ. Người yêu đầu tiên của bà dẫn bà đến đây khi bà còn trẻ và sau một thời gian hưởng thụ sắc đẹp lộng lẫy của bà y đã bỏ đi, phó mặc bà cho vận may rủi. Tuy nhiên bà vẫn lấy chồng hẳn hoi dù đã có một thời quá khứ dơ dáy. Về già, bà ở một mình. Hai người con trai và ba người con gái tranh nhau đem bà đi nuôi nhưng bà không thấy nơi nào đáng để sống những ngày cuối cùng của đời mình bằng cái khách sạn vui vẻ này. Căn phòng bà thuê vĩnh viễn là tổ ấm duy nhất của bà và ngay lập tức về điểm này bà giống hệt với Phlôrêntinô Arixa, người mà bà bảo rằng sẽ trở thành một nhà thông thái nổi tiếng khắp thiên hạ bởi vì cậu đủ khả năng làm phong phú tâm hồn mình bằng việc đọc sách ngay ở cái thiên đường đầy sắc dục này... Về phần mình, Phlôrêntinô Arixa càng ngày càng kính nể bà đến mức cậu đi chợ mua sắm các thức cần thiết hộ bà và có một vài buổi chiều cậu ngồi nói chuyện với bà. Cậu nghĩ rằng bà là một phụ nữ am hiểu tình yêu vì

bà từng rọi sáng cho cậu nhiều vấn đề của bản thân, mặc dù cậu không hề thổ lộ chuyện kín của lòng mình với bà.

Nếu trước khi biết đến tình yêu của Phecmina Đaxa, cậu đã không phạm tội ngủ với đàn bà dù cho có những lúc rất thuận lợi và dễ dàng, thì nay một khi tình yêu với Phecmina Đaxa đã trở thành một lời hứa hẹn chính thức thì cậu lại càng tránh phạm tội ấy. Vì thế Phlôrêntinô Arixa cùng chung sống với các cô gái, cùng chia bùi xẻ ngọt, cùng chịu đựng cảnh cùng quẫn với họ nhưng cả cậu lẫn các cô gái không một ai nghĩ đến chuyện đi xa hơn nữa. Một sự kiện bất ngờ đã chứng tỏ đầy đủ tính chất nghiêm túc trong quyết tâm của cậu. Chiều nào cũng vậy, cứ vào lúc sáu giờ, khi các cô gái diện bộ để tiếp khách đêm, người đàn bà quét dọn nhà cửa bước vào phòng cậu. Đó là một người đàn bà trẻ nhưng già trước tuổi, nước da xanh xao, tựa như một người đàn bà vận quần áo tự xám hối trong niềm vinh quang của các cô gái khoả thân. Hàng ngày cậu nhìn thấy bà ta mà không cảm thấy bà ta: bà ta qua lại các phòng tay cầm chổi, tay xách một thùng rác cùng với một cái giỏ đặc biệt để thu nhặt những túi tránh thai đã dùng rơi vãi dưới sàn nhà. Bà ta bước vào phòng riêng của Phlôrêntinô Arixa trong lúc cậu đang đọc sách như xưa nay cậu vẫn đọc, cẩn thận quét dọn phòng cố không gây tiếng

động làm cậu không tập trung tư tưởng. Bỗng bà ta đi qua giường và cậu cảm thấy một bàn tay ấm nóng và dịu dàng đang để ở ngay háng mình, cậu cảm thấy nó đang mò tìm cái của ấy, cậu thấy nó đã gặp được cái của ấy, cậu cảm thấy cái bàn tay ấy đang mở cúc quần mình trong lúc hơi thở của bà ta hổn hển như choán ngập cả căn phòng. Cậu giả vờ đang đọc sách cho tới khi cậu không thể chịu đựng hơn được nữa và cậu buộc phải né tránh sang một bên.

Bà ta giật mình, bởi điều răn dạy cốt tử mà người ta báo cho bà trước khi nhận bà vào làm việc ở đây là không được ngủ với khách hàng. Họ không cần phải giảng giải cho bà điều ấy vì bà thuộc loại đàn bà nghĩ rằng người làm nghề mãi dâm ăn nằm với đàn ông không vì tiền mà chỉ vì họ là những người lạ mặt mà thôi. Bà ta có hai đứa con, mỗi đứa có một ông bố riêng và điều này không phải vì những cú mạo hiểm trong yêu đương mà vì bà không biết làm tình nên người đàn ông nào hễ ngủ với bà tới lần thứ hai thì không muốn ngủ với bà nữa. Cho đến lúc này bà vẫn là một phụ nữ rất bình tĩnh, đang chờ đợi mà không hề thất vọng sẽ có một người đàn ông nào đó đến với mình, nhưng cuộc đời trong những khách sạn này thật là mãnh liệt hơn cả đạo đức của chính bà. Bà ta bắt đầu làm việc từ sáu giờ tối, thức trắng đêm để quét dọn các phòng, thu nhặt

những túi tránh thai và thay ga trải giường. Thật khó mà tưởng tượng nổi số lượng nhiều vô kể những thứ bọn đàn ông để lại sau khi ân ái xong. Bọn họ để lại những thứ nôn mửa và nước mắt, những thứ này đối với bà thật dễ hiểu nhưng họ còn để lại biết bao thứ mà bà không tài nào hiểu nổi: những vũng máu, những bãi phân, con mắt giả, đồng hồ mạ vàng, hàm răng giả, những hộp quý, những bức thư tình, những thư chia buồn, cả những thư thương lượng việc buôn bán, nghĩa là đủ loại thư từ. Có một số khách hàng trở lại nhận đồ bỏ quên. Nhưng phần lớn các thứ bỏ quên này sẽ ở lại đây mãi mãi và Lôtariô Tugut cho tất cả vào trong tủ rồi khoá kỹ lại mà nghĩ rằng sớm hay muộn cái dinh thự này cũng sẽ sa vào tình trạng bất hạnh với hàng nghìn đồ tư trang bị bỏ quên, nó sẽ là một bảo tàng của tình yêu.

Công việc của bà ta thật là nặng nhọc mà đồng lương chẳng đáng là bao nhưng bà ta làm rất chu đáo. Điều khiến cho bà ta không thể chịu đựng nổi là những tiếng khóc nức nở, những tiếng than vãn não nề, những tiếng kêu cọt kẹt của thang giường mà chúng sẽ đọng lại trong máu bà với biết bao khao khát và đau khổ đến mức sáng ra bà ta không thể ghìm nổi thèm khát được ngủ với gã ăn mày đầu tiên gặp trên đường đi hoặc với một gã say rượu đang lang thang ngoài đường mà chỉ cần gã làm ơn

ngủ với bà, mà không cần phải hỏi han hoặc tán tỉnh. Sự hiện diện của một người đàn ông chưa có vợ như Phlôrêntinô Arixa, đã trẻ măng lại sạch sẽ, đối với bà quả là một tặng vật của Thượng đế, bởi vì ngay từ phút đầu tiên bà ta đã nhận ra rằng cậu cũng như bà ta: một kẻ ăn mày của tình yêu. Nhưng cậu lại tỏ ra thờ ơ trước những khao khát tình yêu của bà ta. Cậu quyết giữ phẩm chất trai tân của mình cho Phecmina Đaxa và không một sức mạnh nào, không một lý lẽ nào trên thế gian này có thể làm thay đổi mục đích của cậu.

Đó chính là cuộc sống của cậu bốn tháng trước ngày dự định sẽ chính thức hoá lời hẹn ước giữa hai người. Cũng chính vào thời điểm ấy, Lôrenxô Đaxa có mặt vào lúc sáu giờ sáng tại văn phòng điện báo và ông ta hỏi cậu. Vì cậu chưa đến nên ông ta ngồi trên chiếc ghế dài đợi cho đến lúc tám giờ mười phút. Trong khi đợi, ông ta mân mê chiếc nhẫn vàng mặt ngọc hết đeo vào ngón tay này lại tháo ra đeo vào ngón khác. Khi cậu bước vào văn phòng lập tức ông ta nhận ra ngay. Ông ta đến bên cậu, cầm lấy cánh tay cậu, bảo:

- Anh bạn trẻ, anh bạn hãy đi với tôi. Anh và tôi chúng ta sẽ nói chuyện một cách nghiêm chỉnh và thẳng thắn như những người lớn với nhau trong vòng năm phút đồng hồ.

Phlôrêntinô Arixa, mặt xanh mét như mặt tử thi,

đã để cho ông ta lôi mình đi. Cậu không chuẩn bị trước cho cuộc gặp mặt này vì Phecmina Đaxa không tìm được dịp và cách thức để báo tin cho cậu. Chuyện xảy ra là thế này: thứ bảy tuần trước nữ tu sĩ Phranca đê la Lút, mẹ bề trên của Trường Đức Mẹ Đồng trinh, lặng lẽ như một con rắn bước vào lớp đang học bài Khái luận về Thuyết Nguồn gốc Vũ trụ, khẽ khàng đi ở phía sau các nữ học sinh để kiểm tra xem các cô học hành như thế nào. Qua vai Phecmina Đaxa mẹ bề trên phát hiện ra cô gái đang giả vờ ghi chép trên cuốn sổ để viết thư tình. Theo như nội quy của trường, khuyết điểm trên là nguyên nhân để cô bị đuổi học. Được mời khẩn cấp đến văn phòng ban giám hiệu nhà trường, Lôrenxô Đaxa đã phát hiện ra cái lỗ hổng qua đó chế độ cai trị tàn bạo của mình đối với gia đình đang bị rò rỉ. Phecmina Đaxa, với nghị lực vốn có từ bé, đã nhận khuyết điểm ngồi trong lớp viết thư nhưng cô không chịu để lộ gốc tích người yêu bí mật và sau đó đứng trước Hội đồng kỷ luật nhà trường cô vẫn không chịu nói về người yêu của mình và đó là lý do khiến cho Hội đồng kỷ luật phê chuẩn quyết định đuổi học cô. Tuy nhiên, người cha đã lục lọi phòng ngủ của con gái mà cho đến lúc ấy vẫn là nơi cư trú bất khả xâm phạm và ông ta bắt gặp nhiều tập thư viết trong ba năm liên tục được cất giấu cũng như chúng được viết ra với bao tình thương yêu ở dưới đáy

rương. Chữ ký dưới các bức thư là một và không thể nhầm lẫn được nhưng Lôrenxô Đaxa ngay lúc ấy và cả sau này không thể tin được rằng con gái ông chỉ biết về người yêu bí mật kia có hai điểm: nghề điện báo viên và có tài chơi viôlin.

Vì cho rằng trong một hoàn cảnh cực kỳ khó khăn ấy hai người có quan hệ yêu nhau được chỉ tại có sự đồng loã của người em gái, nên ông ta đã không hề nhân nhượng cũng không hề tha thứ mà thẳng tay tống cổ bà cô Excôlaxtica lên tàu thuỷ đuổi về Xăng Hoan đê la Xiênaga. Phecmina Đaxa không bao giờ chịu để cho hình ảnh cuối cùng của bà cô phai mờ trong ký ức mình. Đó là buổi chiều cô tiễn biệt bà ở cửa chính: bà cô gầy gò, mái tóc mầu xám tro, mặc bộ váy áo mầu nâu trong lúc người đang lên cơn sốt nóng hầm hập, và cô nhìn thấy bà khuất bóng trong cơn mưa phùn ngoài vườn hoa. Bà chỉ mang theo cái duy nhất còn lại trong đời mình: một bọc hành trang nhỏ gọn của người đàn bà không chồng và số tiền ít ỏi chỉ đủ tiêu dè xẻn trong một tháng được gói trong khăn mùi xoa nắm gọn lỏn trong lòng bàn tay. Ngay sau khi thoát khỏi quyền lực của cha mình, Phecmina Đaxa đã tìm mọi cách dò la xem cô mình hiện đang ở đâu trong các tỉnh thuộc vùng duyên hải Caribê nhưng cô không nhận được tin tức gì cho đến gần ba mươi năm sau, khi nhận được một lá thư chuyển qua tay

nhiều người trong rất nhiều thời gian và lá thư báo cho biết bà cô Excôlaxtica đã chết trong bệnh viện hủi ở Agoa đê Điôt[1]. Lôrenxô Đaxa không thể dự tính được việc cô cọn gái phản ứng quyết liệt trước hình phạt vô lý đối với bà cô Excôlaxtica, người được cô gái luôn đồng nhất với bà mẹ mà hầu như cô không còn nhớ. Cô gái đóng trái cửa buồng lại, chèn thang cẩn thận, rồi ở lỳ trong đó không ăn không uống. Lúc đầu, ông đe doạ, sau đó ông van vỉ, cuối cùng ông đã thuyết phục được cô mở cửa buồng và ông gặp một Phecmina Đaxa khác hẳn, một con báo cái bị thương. Sẽ chẳng bao giờ cô trở lại tuổi mười lăm ngây thơ nữa.

Ông cố gắng dụ dỗ con gái bằng tất cả những lời đường mật. Ông cố làm cho cô hiểu rằng ái tình vào tuổi cô chẳng qua chỉ là một ảo ảnh, cố thuyết phục cô hãy gửi trả cậu toàn bộ thư từ và hãy trở lại trường, hãy quỳ gối xin lỗi để nhà trường cho cô học tiếp và ông hứa danh dự với cô rằng ông sẽ là người đầu tiên mang lại hạnh phúc cho cô bằng việc tìm cho cô một tấm chồng danh giá. Nhưng cái việc ông nói với cô chẳng khác gì nói với một xác chết. Bị thất bại nên ông mắng nhiếc con gái ngay trong bữa cơm trưa ngày thứ hai. Trong lúc người cha hào hứng tuôn ra những lời chửi bới thậm tệ và cả

[1] Nghĩa: nước của Thượng đế.

những lời rỉa rói cay độc thì cô gái cảm thấy mình bị ngạt thở, thế là cô lấy con dao thái thịt gí lưỡi nó vào cổ họng mình, không hề đóng kịch mà thực ra cô đang ấn mạnh nó xuống cổ, với đôi mắt trợn trừng khiến ông không dám nghĩ con gái làm thế là để doạ mình. Giữa lúc ấy ông nẩy ra ý định sẽ nói chuyện một cách thẳng thắn giữa người lớn với nhau trong năm phút đồng hồ với kẻ lạ mặt tai quái nọ, người mà ông nhớ mình đã gặp mặt một lần trong cái giờ cực kỳ xúi quẩy làm đảo lộn cuộc sống của ông. Theo thói quen, ông mang theo khẩu súng lục khi ra đi nhưng ông kịp cẩn thận giấu nó dưới áo sơ mi.

Phlôrêntinô Arixa vẫn chưa hoàn hồn khi Lôrenxô Đaxa cầm cánh tay cậu dắt đi qua quảng trường Nhà Thờ lớn cho đến tận mái vòm quán cà phê Parôkia, rồi ông ta mời cậu ngồi xuống ở ngay ngoài sân hiên. Vào giờ này trong quán cà phê chưa hề có một khách hàng nào, chỉ có một bà lao công người da đen đang dùng mùn cưa và xà phòng lau sàn gạch gian hàng quá rộng. Tại gian phòng này, các ghế vẫn còn xếp chổng bốn chân lên trời trên những mặt bàn làm bằng đá hoa cương. Rất nhiều lần Phlôrêntinô Arixa nhìn thấy Lôrenxô Đaxa có mặt trong quán cà phê Parôkia này. Ông ở đây để chơi cờ và uống rượu đựng trong thùng phuy với những người vùng Axturiat đến đây để đi chợ phiên

trong khi họ gào to đánh lộn lẫn nhau vì những cuộc chiến tranh triền miên khác vốn không phải là của chúng ta. Nhiều lần, do có ý thức về nỗi bất hạnh của tình yêu, cậu đã tự hỏi cuộc gặp gỡ sớm hay muộn giữa cậu với ông sẽ ra sao và cậu tự biết rằng không một sức mạnh nhân tạo nào có thể ngăn chặn được nỗi bất hạnh đó bởi vì đã từ lâu và mãi mãi sau này nó đã in dấu lên số phận của hai người. Cậu dự tính ông như một địch thủ không tương sức không chỉ vì Phecmina Đaxa đã báo trước cho cậu biết về điều đó trong những bức thư cô nói về tính nết điên khùng của cha cô mà còn vì chính cậu từng nhận thấy rằng đôi mắt của ông giống như mắt kẻ điên ngay cả khi ông cười ha hả trong bàn bạc. Toàn bộ con người ông là một sự bổ trợ cho cái thô kệch: cái bụng phệ nom đến gớm mắt, cái giọng nói oang oang chói tai, cái bộ râu cáo, đôi bàn tay to bè thô kệch đeo chiếc nhẫn mặt ngọc đến to. Cái đặc điểm dễ thương nhất của ông, mà Phlôrêntinô Arixa nhận ra ngay từ lần đầu tiên thấy ông đi, là chính cái cách đi nhẹ nhàng như con hươu giống hệt cách đi của cô con gái. Tuy nhiên, khi ông chỉ cho cậu chiếc ghế để cậu ngồi xuống thì cậu thấy ông không khó chịu như đã tưởng, và cậu lấy lại được bình tĩnh khi ông mời cậu một cốc rượu hồi. Phlôrêntinô Arixa không bao giờ uống rượu vào lúc tám giờ sáng nhưng lần này cậu đã nhận nó với tất cả lòng

biết ơn vì cậu hiện đang cần.

Quả nhiên, Lôrenxô Đaxa không diễn giải dài dòng những lý lẽ của mình quá năm phút đồng hồ. Ông đối xử với cậu rất chân thành và cởi mở đến mức Phlôrêntinô Arixa phải lúng túng. Khi bà vợ chết ông chỉ có một mục đích duy nhất là phấn đấu để cô con gái trở thành một bà lớn. Con đường đó thực là dài dặc và mờ mịt đối với một kẻ đi buôn lừa vốn không biết đọc cũng không biết viết mà danh tiếng bợm nghịch của ông vẫn chưa được chứng nghiệm nhiều như nó từng được tuyên truyền khắp tỉnh Xăng Hoan đê la Xiênaga. Ông châm một điếu thuốc lá, thứ thuốc những người đánh xe ngựa thường hút, và ông than vãn rằng: "Điều tệ hại duy nhất là người không có sức khoẻ thì chẳng bao giờ có danh vọng". Tuy nhiên, ông nói rằng điều bí ẩn thật sự của tài sản của ông là ở chỗ ông có một quyết tâm làm giàu thực sự và ông đã làm việc cật lực tới mức không một con lừa nào của ông sánh kịp. Ông say sưa làm việc ngay cả trong thời kỳ khó khăn nhất của chiến tranh, khi các làng mạc thức dậy trong tro tàn và đồng ruộng đều bị bỏ hoang hoá. Dẫu rằng cô con gái chưa bao giờ phải suy nghĩ lao lung về số phận mình, cô ta đã ứng xử như một kẻ đồng loã đầy nhiệt tình. Cô gái thông minh và nền nếp ngay cả trong lúc dạy cha học rất nhanh như chính cô học vậy và khi lên mười hai tuổi cô đã

có khả năng làm việc rất hiệu quả đến độ không cần phải có mặt bà cô Excôlaxtica cô vẫn duy trì ngôi nhà ngăn nắp và gọn gàng. Ông ta thở dài: "Nó đúng là một con lừa vàng". Khi cô con gái học xong bậc tiểu học, tất cả các môn đều được điểm năm và được khen thưởng trong buổi lễ bế giảng. Ông hiểu rằng hoàn cảnh sinh sống ở tỉnh Xăng Hoan đê la Xiênaga là hết sức eo hẹp đối với mình và nó sẽ không cho phép ông thực hiện những mơ ước của mình. Thế là ông bán hết ruộng vườn, gia súc, cùng với nhiệt tình mới và hơn sáu mươi ngàn đồng pêxô vàng ông chuyển đến thành phố điêu tàn này, một thành phố mà vinh quang của nó đã lùi vào dĩ vãng, nhưng vẫn là nơi để một cô gái đẹp, được giáo dục theo nếp cũ vẫn có thể trở thành bà lớn nhờ một cuộc hôn nhân may mắn. Sự tấn công của Phlôrêntinô Arixa là một trở lực bất ngờ trong cái kế hoạch từng được ông suy nghĩ kỹ. "Vậy là anh bạn trẻ ạ, tôi đến đây là để van xin anh một việc", Lôrenxô Đaxa nói thế. Ông dụi mẩu thuốc lá vào trong chén rượu hồi, rồi hít một hơi không có khói thuốc, và kết thúc cuộc gặp gỡ bằng một giọng nói nặng nề đến khó chịu:

- Xin anh bạn trẻ hãy đừng có mà đi trên con đường chúng tôi đang đi.

Phlôrêntinô Arixa nghe ông nói trong lúc uống từng ngụm thứ rượu mạnh kia và cậu quá say mê

nghe chuyện cũ của Phecmina Đaxa đến mức cậu không thèm tự hỏi mình sẽ nói như thế nào khi cần phải nói. Nhưng khi thời điểm ấy đến, cậu hiểu rằng về bất cứ chuyện gì mà cậu nói thì số phận cậu đã định rồi.

- Ông đã nói điều đó với cô ấy chưa? - Cậu hỏi.

- Điều đó không bận gì đến anh, - Lôrenxô Đaxa nói.

- Tôi hỏi ông điều đó, - Phlôrêntinô Arixa nói - là vì người cần phải quyết là cô ấy chứ không phải là ai khác.

- Không phải thế đâu, anh bạn trẻ ạ, - Lôrenxô Đaxa nói. - Đây là vấn đề của những người đàn ông và chỉ được những người đàn ông giải quyết với nhau thôi.

Giọng nói của ông ta lại mang vẻ đe doạ, do đó một khách hàng ở bàn bên cạnh quay mặt lại nhìn hai người. Phlôrêntinô Arixa nói với giọng nhỏ nhẹ hơn nhưng với một tinh thần dứt khoát cho đến lúc ấy cậu có được.

- Muốn thế nào đi nữa tôi không thể trả lời được một khi không biết ý kiến của cô ấy. Nếu tôi đồng ý làm theo lời khuyên của ông thì đó sẽ là một sự phản bội.

Thế là Lôrenxô Đaxa ngả người về phía sau trên tấm tựa của chiếc ghế, đôi mi mắt của ông ta ươn ướt và đỏ ửng lên đồng thời con ngươi mắt trái đung

đưa một cách đảo điên rồi lồi hẳn ra phía trước. Ông cũng hạ thấp giọng nói:

- Anh bạn trẻ, đừng buộc tôi phải xịt cho anh một phát đạn.

Phlôrêntinô Arixa cảm thấy ớn lạnh nơi bụng mình. Nhưng giọng nói của cậu vẫn không hề run rẩy bởi vì ngay chính lúc ấy cậu cũng cảm thấy mình được Chúa Thánh thần soi sáng.

- Cứ việc bắn tôi đi, - cậu nói với một bàn tay để ngay trên lồng ngực. - Không có gì vinh quang hơn là được chết vì tình yêu.

Lôrenxô Đaxa buộc phải nghiêng mặt đi như những con vẹt để nhìn cậu bởi vì chỉ có như thế cái con mắt lác kia mới nhìn rõ gương mặt cậu. Ông ta không phát âm một mạch các từ được nói ra mà hình như đang khạc ra từng từ, từng từ một:

- Đồ - chó - đẻ!

Ngay chính tuần lễ ấy, ông mang con gái đi xa, đi vào cõi lãng quên. Không hề giải thích gì cho con gái biết mục đích chuyến đi, ông bất thình lình bước vào phòng ngủ của con gái với bộ râu bê bết đờm dãi lẫn sợi thuốc lá bị nhai, rồi ông ra lệnh cho cô chuẩn bị hành trang cho chuyến đi xa. Cô con gái hỏi cha mình sẽ đi đâu thì ông trả lời gọn lỏn: "Đến cõi chết". Hoảng hốt trước câu trả lời mà theo cô đó là câu trả lời thật lòng, cô định bụng cưỡng lại lệnh trên bằng chính lòng dũng cảm trong những

ngày trước đây của mình. Nhưng ông tháo dây lưng có khoá đồng to sụ, cuốn nó vào tay rồi đập đen đét nó xuống bàn khiến cho cả ngôi nhà rung chuyển tựa như có súng nổ ngay trong nhà. Phecmina Đaxa biết rất rõ sức mạnh của ông sẽ được dùng vào trường hợp nào và sẽ được dùng tới đâu, vậy là cô chuẩn bị hành trang gồm một bó hai chiếc chiếu, một chiếc võng và hai chiếc vali to kềnh đựng tất cả xống áo của cô mà lòng đinh ninh tin rằng đây là một chuyến du lịch không có ngày trở về. Trước khi mặc váy áo, cô vào phòng tắm ở lỳ trong đó lấy giấy vệ sinh viết một bức thư ngắn gửi Phlôrêntinô Arixa để từ biệt cậu. Sau đó cô dùng cái kéo làm vườn cắt toàn bộ mớ tóc kể từ vai trở xuống, cuốn nó lại rồi nhét vào trong một túi nỉ có viền sợi kim tuyến. Cô gửi cho cậu thư và cái túi nỉ ấy.

Đó là một chuyến đi điên rồ. Giai đoạn đầu của chuyến đi kéo dài mười một ngày liên tục. Họ đi lẫn vào đoàn người và lừa thuộc vùng núi Anđét. Ngày nào cũng như ngày nào cô đều ngồi trên lưng lừa mà len lỏi đi trên những đỉnh của dãy núi Nêvađa[1], có lúc người hầm hập lên cơn sốt dưới trời nắng như đổ lửa, có lúc người trương phình ra vì ướt sũng nước dưới màn mưa mù trời trong tháng mười, và lúc nào hơi thở cũng khô khốc vì phải hít

[1] Dãy núi dài 8.500km chạy dọc theo bờ Thái Bình Dương từ biển Caribê đến vùng Đất lửa của Chilê, trong đó có ngọn Nêvada.

thở thứ không khí ngái ngủ bốc lên từ dưới lòng vực sâu. Đến ngày thứ ba của chuyến đi ấy, một con lừa cái bị ruồi trâu đốt bỗng lồng lộn lên đã lăn xuống vực sâu kéo theo cả người cưỡi lưà cũng như toàn bộ bầy lừa bảy con buộc cùng một dây với nó, và cái tiếng kêu thất thanh đầy đau khổ của người đánh lừa và đàn lừa bị ngã xuống vực cứ lan toả vang vọng khắp các khe suối và vực núi trong vài giờ liền. Nó còn vang vọng nhiều năm và nhiều năm trong ký ức Phecmina Đaxa. Toàn bộ hành trang của cha con cô cũng rơi xuống vực sâu cùng với bầy lừa bất hạnh kia nhưng trong cái khoảnh khắc kéo dài từ lúc con lừa ngã cho đến khi tiếng kêu thảng thốt đầy đau khổ của ngươi đánh lừa tắt lịm đi, nghĩa là trong cái khoảnh khắc ngắn ngủi mà dài tưởng như hàng thế kỷ ấy, cô gái không hề nghĩ đến người đánh lừa bất hạnh mà chỉ nghĩ rằng thật đáng tiếc đã không buộc con lừa mình cưỡi vào bầy lừa bị ngã xuống vực kia để kết liễu đời mình luôn một thể.

Đó cũng là lần đầu tiên cô cưỡi trên lưng lừa nhưng nỗi sợ và muôn vàn những thiếu thốn dọc đường đi vẫn không khiến cô cảm thấy cay đắng bằng việc cô nhận thức rõ rằng sẽ chẳng bao giờ được nhìn thấy Phlôrêntinô Arixa và cũng sẽ chẳng bao giờ nhận được những lá thư âu yếm có sức an ủi tâm hồn của anh nữa. Ngay từ lúc đầu của chuyến

đi, Phecmina Đaxa lại không hề nói chuyện với cha cô và ông này đâm ra rất lúng túng đến mức chỉ nói với con gái khi không thể đừng được hoặc nhờ những người đánh lừa nói lại điều ông muốn nói. Khi nào may mắn lắm bọn họ mới gặp được những quán hàng ăn cất tạm bên lề đường hẻm. Ở đây có bán món ăn của người miền núi, một món ăn cô gái không dám ăn, và có cho thuê những chiếc giường bạt đã cáu bẩn mồ hôi lại khai mùi nước đái quỷ. Tuy nhiên, cái mà họ thường gặp hơn cả là những chiếc lán của người Anhđiêng, những phòng ngủ chung ở ngoài trời được dựng tạm bợ bên lề đường mà ai đến đây đều được quyền ngủ cho đến sáng. Phecmina Đaxa không thể ngủ trọn đêm, người đổ mồ hôi vì sợ, nằm mà cảm nhận trong bóng tối cái công việc lẹ làng của những người khách lữ hành buộc ngựa hoặc lừa của mình vào các cột và mắc võng ở bất kỳ nơi nào có thể mắc được.

Cứ chiều đến, khi những người đầu tiên đến đây, địa điểm ngủ thường quang quẻ và thanh lặng nhưng khi sáng dậy nó liền biến thành một bãi chợ ồn ĩ gồm những chiếc võng mắc chồng chéo lên nhau, cái cao cái thấp và những con vật quỳ gối mà ngủ, với tiếng kêu be be của những con dê bị trói bốn cẳng, tiếng kêu cục cục của những chú gà chọi bị nhốt trong lồng kiên cố, với sự im lặng của những con chó vùng núi được dậy dỗ cảm nhận để

không sủa ông ổng trong thời chiến tranh ngặt nghèo. Cái tình cảnh cùng khốn ấy rất thân quen với Lôrenxô Đaxa, người vốn qua lại vùng này buôn bán trong suốt nửa cuộc đời và khi thức dậy hầu như lúc nào ông cũng gặp bạn thân tại các bãi ngủ này. Nhưng đối với cô con gái, cái tình cảnh cùng khốn kia lại tựa như một cuộc vật lộn sống mái kéo dài đến vô tận. Cái mùi thối khăn khẳn của cá ướp rất giống với cảm giác không muốn ăn vì nhớ nhung người yêu nơi xa, đã làm cô mất thói quen ăn uống thường ngày. Nếu cô không nổi điên vì thất vọng ê chề là vì lúc nào cô cũng tìm được những kỷ niệm về Phlôrêntinô Arixa và chúng đã an ủi cô. Cô không nghi ngờ rằng cái vùng đất ấy chính là miền đất của sự lãng quên.

Có một nỗi sợ hãi thường xuyên khác, ấy là nỗi sợ hãi trong chiến tranh. Ngay từ những ngày đầu của chuyến đi này, người ta đã nói nhiều về nỗi nguy hiểm khi gặp các đội lính tuần tra lảng vảng đây đó và những người đánh lừa đã mách bảo cha con Lôrenxô Đaxa những đặc điểm khác nhau để qua đó nhận ra các đội lính tuần tra này thuộc phe phái nào, Bảo hoàng hay Tự do, do đó trù liệu biện pháp ứng xử cho phù hợp. Thường xuyên họ gặp một toán lính mới ngay ở giữa đường cái. Mệt mỏi trước không biết bao nhiêu nỗi sợ hãi, Phecmina Đaxa đã quên mất một sự kiện mà đối với cô có vẻ

thú vị hơn là sợ hãi. Đó là một đêm nọ có một đội lính sùng sục rất lạ đã bắt đi hai khách lữ hành rồi treo cổ hai người trên cây *campano*[1] cách lán ngủ chừng nửa dặm. Lôrenxô Đaxa đã cắt dây hạ hai tử thi xuống rồi chôn cất tử tế dưới những nấm mộ của con chiên. Ông làm như vậy là để cảm ơn họ đã chết thay mình chứ tuyệt nhiên giữa ông và họ không hề có quan hệ gì. Ông làm việc này chỉ đơn giản thế thôi. Nhưng những kẻ lùng sục đã đánh thức ông dậy, họng súng trường gí ngay vào bụng ông và một tên chỉ huy ăn mặc rách rưới, mặt bôi nhọ nồi, soi đèn vào tận mặt ông, rồi hỏi ông thuộc phái nào, Tự do hay Bảo hoàng.

- Tôi chẳng thuộc phe phái nào cả, - Lôrenxô trả lời, - tôi là thần dân của Hoàng đế Tây Ban Nha.

- May phúc cho nhà ông đấy! - Viên chỉ huy nói, rồi đưa tay lên chào theo kiểu nhà binh để từ biệt ông, - Hoàng đế muôn năm!

Hai ngày sau đó, cha con ông đi xuống một đồng bằng rực rỡ ánh sáng là nơi cư trú của làng Vadêđupa đông vui. Tại đây có chọi gà trong các sân, có âm nhạc đàn phong cầm ngay ở đầu phố, có các kị sĩ cưỡi trên lưng những chú ngựa đẹp mã, có tiếng pháo nổ và tiếng chuông rung ồn vang cả làng. Phecmina Đaxa không hề nghĩ tới cuộc vui

[1] Một loại dào hoa tàm.

đang chào đón mình. Cha con cô nghỉ lại trong nhà bác Liximacô Sanchêt, anh trai mẹ cô, người đã đi đón cha con cô ngay ở đường quan. Ông dẫn đầu một đoàn người toàn họ hàng thân thích cưỡi trên lưng những con ngựa thuộc giống tốt nhất của toàn tỉnh này và họ dẫn cha con cô đi trên những nẻo đường làng dậy vang tiếng pháo nổ. Ngôi nhà ở trong khu vực Quảng trường lớn, ngay bên cạnh nhà thờ xây từ thời thuộc địa Tây Ban Nha đã vài lần được trùng tu và ngôi nhà này có diện mạo một ngôi nhà đồ sộ trong thái ấp bởi chính những phòng của nó đã rộng lại thiếu ánh sáng, bởi chính mùi ổi thơm ngọt tràn ngập hành lang đối diện một vườn cây ăn quả.

Ngay lúc cha con họ đang xuống ngựa ở ngoài tàu ngựa thì các phòng khách đã chật ních bà con họ hàng kéo đến để chào đón Phecmina Đaxa với tất cả biểu hiện cuồng nhiệt nhưng cô lại thờ ơ vì cô cố giữ mình để không thương một ai trên thế gian này bởi cô mỏi dừ người do phải ngồi trên lưng ngựa nhiều ngày, bởi cô buồn ngủ đến chết được, bởi cái bụng đói mềm và lúc này cô chỉ ao ước có được một chỗ vắng vẻ và yên tĩnh để khóc cho thoả sức. Hinđêbranđa Sanchêt, người chị họ lớn hơn cô hai tuổi và cũng như cô, cô ta cũng có vẻ kiêu hãnh của con nhà quyền quý, là người duy nhất hiểu được tâm trạng cô ngay từ phút gặp gỡ đầu tiên bởi

vì chính cô ta cũng đang bị rang bỏng trong than hồng của một thứ tình yêu liều lĩnh. Khi đêm đến, cô ta dẫn Phecmina Đaxa về phòng ngủ được chuẩn bị sẵn để hai người ngủ chung và tại đây cô ta không thể hiểu làm sao cô em họ mình lại có thể sống được với những vết lửa chàm thành sẹo ở hai bên mông. Được sự giúp đỡ của bà mẹ, một phụ nữ hiền dịu và đôn hậu, rất giống ông chồng đến mức dễ lầm tưởng họ là hai anh em sinh đôi, cô ta chuẩn bị cho Phecmina Đaxa tắm nước nóng và lấy bông thấm cồn kim sa dịt vào những vết tấy đỏ của cô em họ trong lúc những tiếng nổ vang rền ở ngoài chòi pháo hoa làm rung chuyển cả nền móng ngôi nhà.

Nửa đêm, khách ra về hết và cuộc vui chung cũng giải tán thành nhiều đám lửa trại tổ chức ở những địa điểm khác nhau, Hinđêbranđa cho Phecmina Đaxa mượn một chiếc áo ngủ bằng phin nõn của Ấn Độ và giúp cô em họ nằm xuống chiếc giường trải nệm trắng muốt cùng với chiếc gối nhồi lông chim, những thứ này ngay lập tức khiến cho Phecmina Đaxa phải thảng thốt trước cuộc sống hạnh phúc. Khi chỉ còn lại hai người ở trong phòng ngủ, Hinđêbranđa liền đóng trái cửa buồng lại, rút từ dưới giát giường ra một chiếc bì thư màu vàng mang nhãn hiệu Điện báo Quốc gia. Chỉ cần nhìn ánh mắt rực sáng rất ranh ma của người chị họ, Phecmina Đaxa sống lại cái mùi hoa bạch trà trong

ký ức mình trước khi cô dùng răng xé bì thư và sau đó cho đến tận sáng ngày hôm sau cô lặn ngụp trong hồ nước mắt của mười một bức điện tín dài lê thê.

Vậy là Phlôrêntinô Arixa biết được địa chỉ của cô. Trước khi khởi hành, Lôrenxô Đaxa đã phạm một thiếu sót. Ấy là việc ông đã đánh điện cho người anh rể của mình là Liximacô Sanchêt, đến lượt mình, ông này lại gửi điện báo tin cho họ hàng đông đúc của mình sống rải rác ở nhiều làng bản của tỉnh này. Vậy là Phlôrêntinô Arixa không chỉ có thể nghiên cứu toàn bộ lộ trình của cha con Lôrenxô Đaxa mà còn thiết lập được cả một danh sách dài tên những người nhận điện báo để qua đó dõi theo dấu vết của Phecmina Đaxa cho đến cái lán ngủ cuối cùng tại làng Cabô đê la Vêga. Điều đó còn cho phép cậu duy trì thông tin liên lạc với cô kể từ ngày cô đến làng Vadeđupa, là nơi cô ở lại ba tháng cho đến ngày cuối cùng của chuyến đi dừng lại ở thành phố Riôacha, sau đấy một năm rưỡi.

Đó là khi Lôrenxô Đaxa cho rằng cuối cùng con gái mình đã quên hẳn chuyện yêu đương và ông quyết định trở về nhà. Có lẽ chính ông cũng không nhận thức đủ rằng mình đã buông lơi tinh thần cảnh giác đến mức độ nào để mà phấn khởi như đang phấn khởi trước những lời tán dương của những người thân thích bên nhà vợ, những người sau bao

năm tẩy chay ông nay đã bỏ hết định kiến gia tộc và đã đối xử với ông bằng tấm lòng rộng mở như họ đối xử với một trong những người anh em của mình. Chuyến viếng thăm này là một sự thắt chặt muộn mằn quan hệ thân tộc mặc dù nó không phải là mục đích ban đầu. Quả vậy gia đình Phecmina Sanchêt đã kiên quyết cự tuyệt việc bà ta lấy một kẻ ngụ cư không có gốc gác, lắm mồm và thô tục, kẻ luôn luôn đi lại khắp các miền để buôn bán những con lừa lạc đàn mà hình như đó là một nghề buôn không được trong sạch lắm. Lôrenxô Đaxa đã xoay xở rất khéo vì người yêu của ông là người đáng giá nhất của một gia đình tiêu biểu cho vùng này: một gia đình đông đúc gồm những người đàn bà táo tợn và những người đàn ông có trái tim dịu hiền nhưng lại dễ nổi cục, những kẻ dễ bị kích động đến mức điên loạn chỉ vì muốn giữ thể diện. Tuy nhiên, Phecmina Sanchêt cứ khăng khăng thực hiện bằng được ý thích mù quáng của những mối tình nhiều trắc trở và đã kết hôn với Lôrenxô Đaxa một cách vội vã và bí hiểm, bất chấp gia đình không đồng ý. Đám cưới của bà được cử hành dường như không vì tình yêu mà vì để bằng một tấm khăn được sùng kính che đậy một vài lần quá trớn trong tình yêu.

Hai mươi nhăm năm sau, Lôrenxô Đaxa vẫn chưa hiểu ra rằng thái độ cố chấp của ông đối với tình yêu của con gái là một sự lặp lại tai hại chính

chuyện yêu đương của mình và ông đau xót mà cảm nhận chính nỗi bất hạnh của mình trước những anh em vợ từng phản đối mối tình của ông cũng như những người này trong lúc ấy từng đau khổ trước tình yêu của ông. Tuy nhiên, thời gian mà ông để mất trong lúc thở than thì cô con gái đã giành được nó trong tình yêu của cô. Vậy là, trong lúc ông say sưa đi thiến bò hoặc đi vực lừa một cách thú vị trên những đồng ruộng của các ông anh vợ thì cô gái, với nụ cười tươi rói, đi dạo chơi cùng với các chị em họ do Hinđêbranđa dẫn đầu. Hinđêbranđa là cô gái đẹp và hoạt bát hơn cả trong số chị em gái. Tình yêu đắm say không tương lai của cô với một người đàn ông hơn cô những hai mươi tuổi, đã có vợ và con, khiến cô thường lén lút nhìn trộm.

Sau thời gian dài nghỉ lại ở làng Vadêđupa, cha con Lôrenxô Đaxa lại tiếp tục cuộc hành trình men theo bìa rừng, vượt qua những cánh đồng nở đầy hoa hoặc những bình nguyên mơ mộng, và ở tất cả mọi làng cha con Lôrenxô Đaxa đều được đón tiếp nồng nhiệt như ở làng Vadêđupa, nghĩa là cũng với âm nhạc và pháo hoa, và Phecmina Đaxa lại nhận được sự đối xử vồn vã và thân mật của những cô chị em họ và những bức điện đúng hạn của Phlôrêntinô Arixa. Ngay lập tức Phecmina Đaxa nhận ra rằng cái buổi chiều cô đến làng Vadêđupa không phải là một buổi chiều đặc biệt mà rằng ở cái tỉnh trù mật

này tất cả các ngày trong tuần được sống như những ngày hội. Các vị khách ngủ lại ở bất kỳ nơi nào khi đêm tối ập tới họ, và ăn ở bất kỳ nơi nào họ thấy đói, bởi các nhà đều mở rộng cửa, đều mắc sẵn một chiếc võng và trên bếp lúc nào cũng để sẵn một chảo thịt đang xôi xèo xèo phòng khi bất ngờ có ai đến mà không kịp báo trước như vẫn thường xảy ra. Hinđêbranđa Sanchêt với tất cả lòng hân hoan đi cùng cô em họ cho đến khi kết thúc cuộc hành trình. Phecmina Đaxa rất tự tin, lần đầu tiên cảm thấy mình làm chủ được bản thân, cảm thấy mình được đùm bọc và che chở, đã căng lồng ngực lên thở hít thứ không khí tự do từng trả lại cô lòng thanh thản và ý chí muốn sống. Ngay cả ở những năm tháng cuối đời, với sự minh mẫn tai quái của nỗi hoài nhớ, bà vẫn nhớ chuyến đi ấy, ngày càng thấy nó hiện về rõ nét trong tâm trí mình.

Có một đêm, sau khi đi dạo trở về cô cảm thấy xốn xang trước một sự thật hiển nhiên: người ta có thể sống hạnh phúc mà không cần đến tình yêu kể cả khi cưỡng lại tình yêu. Sự thật hiển nhiên ấy khiến cô phải ngạc nhiên bởi vì một trong số những cô chị em họ đã nghe lỏm được cuộc nói chuyện giữa cha mẹ cô ta với Lôrenxô Đaxa. Trong cuộc nói chuyện ấy, Lôrenxô Đaxa định gả con gái mình cho một thanh niên, người thừa kế cả gia sản kếch xù của gia đình Clêôphat Môxcôtê. Phecmina Đaxa

có biết chàng ta. Cô từng nhìn thấy chàng ta luyện đàn ngựa tuyệt vời trên quảng trường, chàng ta điệu bộ và điển trai, có mái tóc thơ mộng phủ xuống trước trán từng khiến đá cũng phải mủi lòng, nhưng cô đã so sánh chàng ta với hình ảnh Phlôrêntinô Arixa ngồi dưới bóng những cây hạnh đào ở vườn hoa, nghèo và rách rưới, với cuốn sách thơ để trước mặt, và cô không tìm thấy trong trái tim mình một mảy may bóng tối cũng như lòng hoài nghi trước tình yêu của hai người, cậu và cô.

Trong những ngày ấy, Hinđêbranđa Sanchêt đi lại mà người cứ ngây ngất sướng vui trước những ảo tưởng sau chuyến đến thăm một bà thầy bói mà cái tài bói toán của bà ta từng khiến cô phải ngạc nhiên. Hoảng hốt trước những mưu toan của cha mình, Phecmina Đaxa cũng đến nhờ bà ta xem hậu vận cho mình. Quân bài đã mách cho cô biết rằng trong tương lai của mình cô sẽ không gặp bất kỳ một trắc trở nào để xây dựng cuộc sống vợ chồng dài lâu và hạnh phúc và thế là cô hoàn toàn yên lòng với lời đoán số ấy, bởi vì cô vẫn không dự tính được rằng một số phận cực kỳ may mắn kia chỉ có thể có được với một người đàn ông hoàn toàn khác hẳn với người cô đang yêu tha thiết. Hân hoan trước niềm tin ấy, cô hoàn toàn sống theo sở nguyện của mình. Cô sống như vậy còn vì mối liên hệ giữa cô với Phlôrêntinô Arixa bằng điện tín đã trở thành

một bản giao hưởng những dự định và những lời ước hẹn tốt đẹp và chính điều đó đã khiến cô lại trở nên một cô gái điềm đạm và hoạt bát hơn bao giờ hết. Hai người cùng định ngày, cùng sắp đặt các hình thức, cùng lo lắng cho cuộc sống mai sau của mình với một quyết tâm chung: sẽ cưới nhau ngay sau khi họ gặp lại, mà không cần phải xin ý kiến ai, mà không cần biết ở đâu và sẽ sống như thế nào. Phecmina Đaxa rất tôn trọng lời hẹn ước ấy đến mức trong cái đêm cha cô cho phép cô đi dự một buổi khiêu vũ của nam nữ thanh niên tại làng Phônxêca thì cô ấy náy thấy mình không đứng đắn nếu như đi dự khiêu vũ mà không được sự đồng tình của người yêu. Đêm ấy, Phlôrêntinô Arixa ở khách sạn đang chơi bài cùng với Lôtariô Tugut thì được người ta báo cho biết cậu có điện tín khẩn cấp.

Đó là điện tín gọi từ bưu điện Phônxêca được nối qua bảy bưu cục chung chuyển để Phecmina Đaxa xin phép cậu được đi dự buổi khiêu vũ đầu tiên của đời cô. Nhưng khi nhận được tín hiệu của cậu rồi, cô vẫn không bằng lòng với lời đáp đồng ý một cách đơn giản mà còn yêu cầu một bằng chứng chứng tỏ rằng quả thật Phlôrêntinô Arixa là người đang ấn cần manip ở đầu dây bên kia. Với tâm trạng mừng ít mà ngạc nhiên nhiều hơn, cậu truyền đi một câu nói đích thực của mình "*Hãy nói với cô ấy rằng tôi xin thề trước nữ thiên thần được tấn*

phong". Phecmina Đaxa nhận ra ngôn ngữ của cậu và thế là đêm ấy cô dự khiêu vũ đến lúc bảy giờ sáng ngày hôm sau khi cần phải thay đổi y phục để kịp đến nhà thờ dự lễ mixa. Ở thời kỳ ấy, dưới đáy hòm của mình, cô có số thư và điện tín nhiều hơn số thư mà cha cô đã tước mất, cô cũng tự rèn tập để có được phong độ một người phụ nữ đã có chồng. Lôrenxô Đaxa giải thích những thay đổi đột biến trong cung cách ứng xử của con gái như là một bằng chứng hiển nhiên chứng tỏ rằng thời gian và sự xa cách đã khiến cô gái từ bỏ những ý nghĩ quái đản của tuổi trẻ trong tình yêu, nhưng không bao giờ ông nói cho cô biết kế hoạch của ông trong việc dựng vợ gả chồng cho cô. Trong không khí lãnh đạm mà cô tạo ra giữa hai cha con kể từ khi ông đuổi bà cô Excôlaxtica đi, quan hệ giữa hai cha con đã bớt căng thẳng và điều đó cho phép cha con cô chung sống hết sức êm đẹp đến mức không một ai có thể nghi ngờ rằng cuộc sống ấy không dựa vững chắc trên cơ sở tình thương yêu.

Đó cũng là thời kỳ trong các bức thư của mình, Phlôrêntinô Arixa quyết định sẽ kể cho cô biết việc cậu đang tìm cách vớt kho của trong chiếc tàu bị đắm để mang về. Quả là có thế thật và ý định ấy nẩy nở trong cậu như một cơn gió thoảng đầy hy vọng vào một buổi chiều rực sáng, biển óng ánh sáng bạc xác những con cá chết vì bả cây

bacbaxcô[1]. Chim trời vui sướng kéo nhau về đây bay lượn làm ồn ĩ cả khung cảnh mặt biển nổi xác cá và những ngư dân phải dùng mái chèo chiến đấu với chúng để bảo vệ thành quả của vụ đánh cá bằng bả cây bacbaxcô từng bị cấm ngặt. Việc dùng lá cây bacbaxcô thả xuống nước để đánh cá, vốn chỉ làm cho cá say rồi chết, từng bị luật cấm từ thời thuộc địa Tây Ban Nha, nhưng ở vùng Caribê vẫn được sử dụng công khai cho đến khi nó được thay bằng mìn. Trong lúc chuyến đi của cha con Phecmina Đaxa kéo dài hết ngày này sang tháng khác, một trong những thú tiêu khiển của Phlôrêntinô Arixa là đứng trên những mỏm đá bên bờ biển mà ngắm nhìn các dân chài dùng những chiếc thuyền cađucô chở những thúng lớn đựng đầy cá say bả. Cũng lúc ấy, một bầy trẻ nhỏ đang bơi lội dưới nước như những con cá mập yêu cầu những kẻ tò mò hãy ném cho chúng những đồng tiền kim loại để chúng lặn xuống đáy nước mò lên. Đó cũng chính là những đứa trẻ với tài nghệ bơi lặn bậc thầy từng bơi ra tận những con tàu vượt đại dương mà ở Mỹ và châu Âu người ta từng viết nhiều ký sự, nhiều truyện kể về các chuyến du lịch của chúng. Phlôrêntinô Arixa vốn quen chúng từ lâu, trước cả khi cậu yêu Phecmina Đaxa nhưng chưa bao giờ cậu nghĩ rằng chúng có

[1] Một thứ cây lá rất độc.

đủ khả năng vớt số của cải giàu sụ bị đắm cùng chiếc tàu nọ. Ý tưởng ấy nảy sinh ra trong cậu ngay buổi chiều đó và kể từ ngày chủ nhật sau đó cho đến ngày Phecmina Đaxa trở về, không lúc nào cậu không háo hức trong công việc tìm kiếm số của cải bị chôn sâu dưới đáy biển kia.

Êuclidêt là tên một trong những đứa trẻ biết bơi tài nghệ ấy. Nó cũng háo hức như cậu với ý tưởng khai quật dưới lòng biển, một ý tưởng có được sau cuộc nói chuyện với Phlôrêntinô Arixa không đầy mười phút đồng hồ. Phlôrêntinô Arixa không nói cho nó biết gì về sự thật của công việc mình định làm mà chỉ hỏi kỹ về khả năng bơi lặn của nó. Cậu hỏi Êuclidêt rằng liệu nó có thể lặn sâu xuống dưới nước hai mươi mét không thì nó trả lời rằng thừa sức. Cậu hỏi Êuclidêt rằng liệu nó có dám một mình một thuyền, không có phương tiện nào khác ngoài lòng tin vào khả năng của mình ở ngoài khơi đúng lúc biển nổi giông bão không thì nó trả lời cậu rằng: dám lắm. Cậu hỏi Êuclidêt rằng liệu nó có biết xác định chính xác một địa điểm cách hòn đảo lớn của quần đảo Xôtavêntô về phía tây bắc mười sáu dặm biển không thì nó trả lời cậu rằng biết. Cậu hỏi Êuclidêt rằng liệu nó có thể bơi thuyền trong đêm tối giữa biển khơi mà không bị lạc không thì nó trả lời cậu rằng có thể lắm. Cậu hỏi Êuclidêt rằng liệu nó có bằng lòng nhận đúng số tiền công

mà những ngư dân đã trả công cho nó trong lúc giúp họ đánh bắt cá không thì nó trả lời cậu rằng nó bằng lòng nhưng những ngày chủ nhật phải trả thêm năm đồng *rêan* nữa. Cậu hỏi Êuclidêt rằng liệu nó có biết chống cự lại cá mập không thì nó trả lời cậu rằng nó biết vì nó có những thủ đoạn kỳ bí để đuổi cá mập từ xa. Cậu hỏi Êuclidêt rằng liệu nó có đủ sức chịu đựng được mọi ngón tra khảo trên bàn tra tấn của toà án Pháp đình tôn giáo để mà không khai báo điều bí mật không thì nó trả lời rằng nó thừa sức chịu đựng vì nó rất gan lì để không một ngón đòn nào buộc nó nói có thành không, và nó đủ khả năng nói có cũng như nói không một cách tỉnh khô khiến không ai nghi ngờ lời nó nói ra. Cuối cùng nó tính toán cho cậu những tốn kém cần thiết để thuê thuyền *caducô*, thuê mái chèo, thuyền lưới đánh cá để không ai nghi ngờ công việc của họ. Ngoài ra còn phải mang cơm, mang thùng nước ngọt để uống, một ngọn đèn dầu, một mẩu nến và một chiếc tù và để khi gặp nguy hiểm thổi lên cầu cứu người đến giúp.

Êuclidêt lên mười hai tuổi, một cậu bé nhanh nhẹn và mưu trí, với một cơ thể mềm mại như thân lươn có thể lách qua những cửa tò vò. Nắng gió vùng biển làm cho da nó cháy xạm, khó có thể mường tượng được nước da đích thực của nó và cái màu da này càng làm cho đôi mắt màu đồng thau

của nó sáng rực lên. Phlôrêntinô Arixa quyết định ngay rằng nó là một người đồng mưu như ý của mình trong chuyến mạo hiểm đi tìm số của cải kia và bọn họ liền bắt đầu ngay vào chủ nhật sau đó.

Vào lúc trời rạng sáng, hai người đã chèo thuyền vượt qua cảng của ngư dân đúng như dự định và chuyến đi được chuẩn bị rất chu đáo. Êuclidêt gần như ở truồng vì nó chỉ đóng mỗi chiếc khố lâu nay vẫn dùng, trong khi đó Phlôrêntinô Arixa lại ăn mặc rất chỉnh tề: áo đuôi tôm, mũ tránh sương, ủng màu be, cổ thắt một dải nơ kiểu nơ nhà thơ vẫn hay dùng, tay cầm một cuốn sách thơ để giải trí lúc đi đường đến đảo Xôtavêntô. Ngay từ ngày chủ nhật đầu tiên, Phlôrêntinô Arixa nhận thấy Êuclidêt là một thuỷ thủ giỏi, là một người bơi lặn tài nghệ và rằng thằng bé có cái nhìn rất thơ trước khung cảnh thiên nhiên của biển khơi cũng như có hiểu biết tỷ mỷ về những đống thép gỉ rải rác đây đó khắp vịnh. Thằng bé có thể nói với tất cả những suy tư nhỏ nhặt của nó về chuyện của từng chiếc vỏ tàu bị ôxi hoá, nó biết rõ tuổi của từng chiếc phao, biết rõ nguồn gốc của bất kỳ một đống đổ nát nào, biết rõ con số những sợi xích sắt mà người Tây Ban Nha dùng để rào lối vào vịnh. Vì sợ rằng thằng bé cũng sẽ biết được mục đích của chuyến mạo hiểm này nên Phlôrêntinô Arixa liền giả vờ hỏi nó mấy câu hỏi bâng quơ và nhờ vậy cậu tin rằng Êuclidêt không hề biết tí gì về con tàu chở cả kho báu

bị đắm dưới đáy biển.

Ngay từ ngày đầu tiên nghe lỏm được câu chuyện về kho báu kia ở trong khách sạn, Phlôrêntinô Arixa đã tìm mọi cách để nhận diện ra từng loại thuyền từng có trong lịch sử thương thuyền. Cậu biết rằng con tàu Xăng Hôxê không nằm một mình dưới đáy biển. Đúng vậy, nó là một chiếc tàu mang cờ hiệu của Hạm đội Tiêra Phirmê[1] đến đây khoảng sau tháng năm năm 1708. Chiếc tàu này xuất phát từ hội chợ nổi tiếng Portôbêđô, thuộc Panama, và chở theo một phần của cải của nước này gồm ba trăm chiếc thùng đựng đầy bạc ròng xứ Pêru và xứ Vêracrut thuộc Mêhicô và một trăm mười thùng đựng đầy hạt quý được thu lượm ở đảo Côntađora. Trong cái tháng dài tưởng như không chấm dứt khi nó đậu lại ở đây, ngày nào cũng vậy, đều có hội mừng của dân chúng. Con tàu Xăng Hôxê còn chở nốt số của cải định cứu Vương triều Tây Ban Nha khỏi phải khánh kiệt gồm một trăm mười sáu thùng đựng đầy ngọc lục bảo khai thác ở Muxô và Xômôndêcô[2] và ba mươi triệu đồng tiền vàng.

Hạm đội Tiêra Phirmê gồm không ít hơn mười hai chiếc tàu to nhỏ khác nhau hợp thành và nó cùng nhổ neo đi khỏi hải cảng này cùng với một đội tàu chiến Pháp được vũ trang rất tốt nhưng đội tàu

[1] Nghĩa: Đất liền.

[2] Tên các địa phương ở ngoại ô Thủ đô Bôgata ngày nay.

chiến này đã không thể cứu nó thoát khỏi lưới lửa chính xác của đội tàu chiến Anh dưới sự chỉ huy của tư lệnh Caclô Vagone đang phục kích nó ở quần đảo Xôtavêntô ngay ở cửa vịnh. Vậy là tàu Xăng Hôxê không phải là chiếc tàu duy nhất bị đắm mặc dù rằng không một tài liệu chính xác nào dám khẳng định rằng có bao nhiêu chiếc tàu bị đánh đắm và bao nhiêu chiếc tàu thoát khỏi lưới lửa của đội tàu chiến Anh. Có điều chắc chắn là con tàu mang cờ hiệu hạm đội Tiêra Phirmê là con tàu bị đánh đắm đầu tiên cùng với toàn bộ thuỷ thủ và người chỉ huy chết cứng trong tháp quan sát, và nó là chiếc tàu duy nhất mang số của cải kếch xù kia.

Nhờ nghiên cứu tài liệu Phlôrêntinô Arixa từng biết rõ đường đi của những chiếc tàu thời ấy và cậu những tưởng rằng mình biết rõ địa điểm xảy ra vụ đắm tàu ấy. Bọn họ rời vịnh đi giữa hai pháo đài Bôca Chica, và sau bốn giờ bơi thuyền họ đi vào vùng biển phía trong quần đảo. Biển ở khu vực này rất nhiều tôm đến mức có thể lấy tay bắt được những con tôm đang ngủ dưới đáy biển san hô. Không khí nơi đây thực dịu nhẹ, biển hiền hoà và trong suốt như pha lê khiến Phlôrêntinô Arixa có cảm giác nó như thể là sự phản ánh của chính mình trong nước. Sau hai giờ bơi khỏi hòn đảo lớn, họ tới địa điểm tàu đắm.

Trời nóng như đổ lửa, lại mặc bộ quần áo dự đám

tang nên mặt Phlôrêntinô Arixa đỏ bừng bừng như bị sung huyết. Cậu bảo Êuclidêt lặn xuống sâu hai mươi mét và hãy mang lên cho mình bất kỳ thứ gì gặp được ở dưới đáy biển. Nước trong vắt đến mức nhìn rõ thằng bé đang bơi lặn ở dưới như một con cá mập bên những con cá mập khác nhưng những con này không hề tấn công nó. Sau đó cậu thấy thằng bé khuất bóng giữa rừng san hô và ngay đúng lúc cậu nghĩ nó sẽ không còn hơi thì nghe thấy có tiếng nói ở phía sau lưng. Êuclidêt đã nằm ngửa trên mặt nước, hai cánh tay giơ lên trời. Vậy là bọn họ cứ tiếp tục tìm kiếm ở những vùng biển sâu hơn nữa, luôn luôn đi về phía bắc, tiếp tục bơi trên những rừng rong mềm mại, bơi qua những bãi mực cho đến khi Êuclidêt nhận thấy bọn họ đang để mất thời gian.

- Nếu không nói cho tôi biết cái mà anh muốn tìm thì tôi không biết làm thế nào để tìm được nó, - Êuclidêt nói với cậu.

Nhưng Phlôrêntinô Arixa vẫn không nói. Thế là Êuclidêt bảo cậu hãy cởi quần áo ra, cùng lặn xuống với nó dù chỉ để nhìn một bầu trời khác ở dưới nước, đó là những bãi san hô. Nhưng Phlôrêntinô Arixa chỉ nói rằng Thượng đế sáng tạo ra biển là để cho người ta đứng bên cửa sổ mà ngắm nhìn và không bao giờ cậu tập bơi. Sau đó ít lâu, trời chiều đầy mây, không khí trở nên lạnh và ẩm,

đêm tối ập đến rất nhanh đến mức bọn họ phải hướng theo ngọn đèn để bơi thuyền về hải cảng. Trước khi thuyền vào vịnh, họ nhìn thấy một con tàu khách của hãng hàng hải Pháp đi ngay bên cạnh họ. Nó to hết cỡ và trắng lốp. Nó đi về phía trước để lại một vệt nước sủi bọt và gợn sóng.

Họ đã để mất ba ngày chủ nhật trôi đi mà không giành được kết quả gì và chắc chắn rằng họ sẽ để mất tất cả các ngày chủ nhật sau nếu Phlôrêntinô Arixa không nói cho Êuclidêt biết điều bí mật của mình. Thế là thằng bé bổ sung thêm cho kế hoạch tìm kiếm nhiều chi tiết quan trọng và hai người lại bơi thuyền theo đường đi cũ của các tàu thuyền trước đây, đó là vùng nước cách địa điểm Phlôrêntinô Arixa dự tính về phía đông bắc chừng hai mươi dặm biển. Khi công việc tìm kiếm gần được hai tháng, có một buổi chiều mưa ngoài khơi, Êuclidêt ở dưới đáy biển lâu hơn mọi khi rất nhiều và con thuyền *caducô* bị trôi dạt đi rất xa đến mức khi ngoi lên mặt nước thằng bé phải bơi mất nửa giờ mới tới được thuyền. Chả là vì Phlôrêntinô Arixa không biết dùng mái chèo để bơi và lái con thuyền lại gần thằng bé. Khi thằng bé bơi đến thuyền nó lấy từ trong mồm ra và đưa cho cậu hai hộp trang sức của phụ nữ, coi đó như là chiến thắng của lòng kiên nhẫn.

Điều mà thằng bé kể lại hết sức hấp dẫn đến mức

Phlôrêntinô Arixa hứa sẽ tập bơi và học lặn với tất cả sức lực để lặn tới nơi có thể lặn tới, để tận mắt chứng kiến điều thằng bé kể lại. Thằng bé kể lại rằng ở chỗ ấy, chỉ sâu mười tám mét nước thôi, có rất nhiều tàu thuyền cổ nằm giữa rừng san hô đến mức khó có thể tính được số lượng và chúng nằm rải rác trong một khoảng không gian mắt không thể nhìn thấy hết. Thằng bé kể rằng điều đáng ngạc nhiên hơn cả là không một chiếc tàu nổi trên mặt nước nào vẫn thường gặp ở vịnh có nước sơn mới như những chiếc tàu đắm sâu dưới nước. Thằng bé kể rằng có vài chiếc thuyền *carabênia*[1] vẫn còn nguyên những chiếc buồm mới, và rằng những tàu thuyền đắm có thể được nhìn rõ ở dưới đáy biển bởi dường như chúng bị đánh đắm cùng một lúc với thời gian và không gian của chúng, vì thế mà chúng vẫn được soi sáng bởi chính thứ ánh sáng rực rỡ nắng vàng vào lúc mười một giờ trưa thứ bảy mồng chín tháng sáu, ngày và giờ chúng bị đắm. Thằng bé kể bằng chính cái giọng nghẹn ngào đầy cảm động trước ấn tượng của mình rằng con tàu dễ nhận ra nhất là con tàu Xăng Hôxê mà tên của nó nổi rõ mồn một ở trước mũi với những chữ đắp nổi bằng vàng, nhưng đồng thời nó cũng là con tàu bị đạn pháo của người Anh làm hỏng nặng nhất. Thằng bé

[1] Một loại thuyền buồm thân thon nhỏ dễ đi với tốc độ nhanh.

kể rằng nó đã nhìn thấy một con bạch tuộc già tới ba thế kỷ nằm ở bên trong tàu mà những chiếc vòi của nó thò qua những lỗ thông hơi nhưng vì nó đã lớn lên kinh khủng ở trong phòng ăn của con tàu nên muốn lôi nó ra có lẽ phải phá nát thân tàu. Thằng bé kể rằng nó đã nhìn thấy xác vị chỉ huy mặc quân phục nổi nghiêng người ở bên trong phòng chỉ huy và rằng nếu như việc nó không tiếp tục lặn sâu vào những nơi có của cải là vì nó không còn đủ hơi. Đây là những bằng chứng: một chuỗi vòng hạt ngọc lục bảo, một tấm huy hiệu Thánh bà Đồng Trinh với chuỗi xà tích bị han gỉ.

Đó là tin tức đầu tiên mà Phlôrêntinô Arixa báo cho Phecmina Đaxa biết trong một trong những bức thư cậu gửi đến làng Phônxêca trước ngày cô trở về ít lâu. Đối với Phecmina Đaxa câu chuyện chiếc tàu bị đắm cùng với số của cải kếch xù kia không phải là chuyện xa lạ gì, bởi vì nhiều lần cô nghe thấy người ta kể cho Lôrenxô Đaxa nghe và ông này cũng hao tiền tốn của trong việc giao dịch với các nhóm bơi lặn người Đức để họ cùng ông ta đi vớt số của cải bị chìm ấy lên. Đáng lẽ ra họ đang tiến hành công việc nhưng họ đã không làm vì có vài vị thành viên trong Viện hàn lâm lịch sử đã thuyết phục Lôrenxô Đaxa để ông tin rằng câu chuyện về chiếc tàu đắm kia chẳng qua chỉ là một sự bịa đặt của một vài vị Phó vương nhằm chiếm đoạt của cải

của Triều đình mà thôi. Dù thế nào đi nữa, Phecmina Đaxa biết rõ rằng con tàu ấy bị đắm ở độ sâu hai trăm mét nước mà không một ai có thể lặn tới được chứ không phải ở độ sâu hai mươi mét nước như Phlôrêntinô Arixa đã nói trong thư. Nhưng vì Phecmina Đaxa đã quá quen thuộc với những tưởng tượng thái quá đầy chất thơ của cậu đến mức cô chúc mừng cú mạo hiểm tìm kiếm chiếc tàu đắm và coi đó như là một trong những thành tựu lớn nhất của cậu. Tuy nhiên, khi tiếp tục nhận được những lá thư với những tình tiết còn quái đản hơn nữa và chúng được viết với tất cả tính chất nghiêm chỉnh như những lời ước hẹn của cậu thì cô gái buộc phải thú nhận với Hinđêbranđa nỗi lo lắng của mình về việc người yêu có thể đã mất trí khôn.

Cũng vào những ngày này, Êuclidêt đã ngoi lên khỏi mặt nước với nhiều bằng chứng chứng thực sự tồn tại của con tàu đắm đến mức vấn đề của cậu không dừng lại ở việc chỉ đi lượm lặt những vòng ngọc và những chiếc nhẫn vương vãi đây đó giữa những cây san hô dưới đáy biển mà là phải tiến hành ngay công việc to lớn nhằm vớt cho được hàng chục chiếc tàu đắm mang trong chúng cả một kho báu lớn vô cùng. Thế là đã xảy ra cái điều sớm muộn rồi cũng phải xảy ra và Phlôrêntinô Arixa đã yêu cầu mẹ giúp đỡ tiền bạc để mình tiếp tục như thường lệ công việc đầy mạo hiểm của mình. Bà

Tranxitô Arixa chỉ việc dùng răng cắn vào những chiếc nhẫn vàng và dùng mắt nhìn vào mặt ngọc các hạt ngọc là bà đã biết ngay đó là của giả và có kẻ đã lợi dụng lòng say mê của con bà để làm giàu. Êuclidêt quỳ gối xuống trước mặt Phlôrêntinô Arixa mà thề rằng chẳng có gì mờ ám trong việc nó làm nhưng nó đã không để cho Phlôrêntinô Arixa gặp mặt nó ở bến cảng của ngư dân vào chủ nhật sau đó và sẽ chẳng bao giờ nó chịu để cho cậu gặp nó ở bất kỳ nơi nào.

Trong chuyện thất bại này cái duy nhất còn lại với Phlôrêntinô Arixa là việc cậu được nghỉ ngơi đầy thích thú bên ngọn hải đăng. Có một đêm cậu và Êuclidêt bị bão đuổi ngay ở ngoài khơi, cậu đã đến được ngọn đèn hải đăng bằng thuyền của Êuclidêt. Từ dạo ấy, chiều chiều cậu đều đến đấy nói chuyện với người coi đèn biển về những chuyện kỳ lạ của đất liền và nước biển mà người coi đèn biển biết được. Đó là ngọn nguồn của một tình bạn thuỷ chung son sắt bất chấp những thăng trầm của cuộc sống thế tục. Phlôrêntinô Arixa học cách nhóm lửa ngọn đèn, thoạt đầu dùng các bó củi, sau đó dùng các thùng dầu hoả trước khi chúng ta có nguồn điện. Cậu học cách điều khiển nó và cách tăng thêm ánh sáng bằng việc dùng các tấm gương và trong một vài dịp người coi đèn không thể thực thi nhiệm vụ của mình thì cậu đứng trên tháp cao

canh chừng mặt biển suốt đêm. Cậu học cách thức nhận ra các con tàu qua tiếng còi của nó, qua sức phát sáng cho các ngọn đèn pha khi chúng còn ở phía đường chân trời, để mà cảm nhận một cái gì đó từ những con tàu phát trả lại ánh sáng ngọn đèn biển chiếu vào.

Về ban ngày, đặc biệt là vào những ngày chủ nhật, niềm vui của cậu lại là chuyện khác. Ở khu phố các vị Phó vương, nơi mà giới thượng lưu của thành phố cư trú, bãi tắm biển của phụ nữ và bãi tắm biển của nam giới cách biệt hẳn nhau bởi một bức tường vôi: một cái ở bên phải và một cái ở bên trái ngọn hải đăng. Vậy là người gác đèn biển liền đặt một ống nhòm và bán vé năm xu một lần nhìn cho những ai muốn quan sát cái bãi tắm của phụ nữ. Vì không biết mình đang bị nhìn trộm, các tiểu thư giới thượng lưu chưng ra cái phần ngon mắt nhất mà có thể họ có ở bên trong bộ quần áo tắm rộng thùng thình với giày và mũ, những thứ này che kín cơ thể y như những bộ váy đi ngoài đường họ thường mặc và ngoài ra chúng còn kém phần hấp dẫn hơn. Các bà mẹ ở trên bờ, ngồi giữa trời nắng trên những chiếc ghế xíchđu, cũng mặc chính loại quần áo tắm ấy, đội chính những chiếc mũ gài lông chim và đeo những cặp kính râm vẫn thường dùng khi đi nhà thờ dự lễ mixa để trông các cô con gái cưng vì họ sợ đàn ông từ bãi tắm bên cạnh lặn sang

tán tỉnh và quyến rũ con gái mình. Sự thật là qua ống nhòm cũng không thể nhìn thấy gì hơn và rõ hơn cái mà mắt thường vẫn nhìn thấy ở ngoài đường nhưng có quá nhiều khách hàng đến đây mỗi ngày chủ nhật, tranh nhau chiếc ống nhòm chỉ để khoái cái khoái cảm đơn thuần được nếm náp thứ trái cây vô vị tuy ở gần nhưng lại rất xa.

Phlôrêntinô Arixa là một trong số những khách hàng ấy, vì buồn chán mà đến chứ không phải vì thích thú, nhưng không phải vì trò giải trí hấp dẫn kia mà cậu trở thành bạn thân của người gác đèn biển. Cái lý do đúng đắn của việc cậu thường xuyên đến đây là không địa điểm nào khác ngoài ngọn đèn biển là nơi cậu sống những giờ phút hạnh phúc nhất cũng như cậu tìm thấy lời an ủi tốt nhất cho những nỗi bất hạnh của mình sau khi bị Phecmina Đaxa cự tuyệt. Đó là địa điểm cậu yêu thích hơn cả. Cậu càng yêu thích nó hơn nữa đến mức trong nhiều năm cậu cố thuyết phục bà Tranxitô Arixa và sau đó là ông chú Lêông XII đồng ý giúp cậu tậu ngọn đèn biển này. Bởi vì lúc ấy các ngọn hải đăng thuộc vùng biển Caribê đều thuộc sở hữu tư nhân và các ông chủ của chúng đều có quyền thu tiền qua lại của các tàu thuyền tuỳ theo mức độ to nhỏ của chúng. Phlôrêntinô Arixa nghĩ rằng đó là hình thức danh dự duy nhất để vừa kinh doanh vừa làm thơ nhưng cả bà mẹ lẫn ông chú không ai nghĩ như cậu

và khi cậu có đủ điều kiện tiền nong để mua nó thì các ngọn hải đăng này đã thuộc quyền sở hữu của nhà nước.

Tuy nhiên đối với Phlôrêntinô Arixa, không một công việc hão huyền nào trong số những công việc ấy lại vô ích. Câu chuyện huyền thoại về chiếc thuyền đắm, sau đó câu chuyện mua ngọn đèn biển, đều có tác dụng giúp cậu sống qua một cách dễ chịu những ngày Phecmina Đaxa vắng mặt và khi cậu càng ít nghĩ đến sự vắng mặt của cô gái thì tin cô trở về lại đến với cậu. Quả có thế thật, sau một thời gian dài nghỉ lại ở thành phố Riôacha, Lôrenxô Đaxa quyết định trở về nhà. Đó không phải là thời kỳ biển lặng vì gió bắc đã bắt đầu thổi liên tục và chiếc tàu hai cột buồm, loại tàu duy nhất đảm bảo chuyến vượt biển của cha con họ, có thể cập bến cảng nhờ một ngọn gió ngược chiều kéo đi. Quả vậy, Phecmina Đaxa đã trải qua một đêm cực kỳ vất vả nôn ra mật xanh, bị trói chặt vào giường tầng trong lòng tàu tựa như một phòng nghỉ của quán căng-tin và cô bị nôn mửa không chỉ vì nó chật chội mà còn vì mùi khẳn và hơi nóng ngột ngạt của lòng tàu. Con tàu chao đảo rất mạnh đến mức có vài lần Phecmina Đaxa tưởng rằng các thang giường bị tuột ra. Từ trên boong tàu vọng đến tai cô những tiếng kêu thảng thốt đầy đau khổ của kẻ hình như đang chết đuối và từ giường tầng bên cạnh tiếng ngáy rền

vang như tiếng hổ gầm của người cha vọng đến càng làm tăng thêm không khí hãi hùng. Lần đầu tiên trong gần ba năm cô thức trắng đêm mà không mảy may nghĩ đến Phlôrêntinô Arixa, cũng trong lúc ấy, nằm trên chiếc võng mắc sau quầy hàng, Phlôrêntinô Arixa thức trắng đêm thầm đếm từng phút từng phút một tưởng như dài vô tận để đợi cô trở về. Khi trời rạng sáng, cơn gió mạnh bỗng ngừng thổi và biển lại trở nên hiền hoà. Phecmina Đaxa nhận ra rằng mình đã ngủ thiếp đi bất chấp những cú nôn oẹ do say sóng. Bởi vì cô chỉ thức dậy khi những tiếng va chạm của xích sắt mỏ neo hạ xuống nước làm cô giật mình. Thế là cô vội cởi dây bảo hiểm, rồi thò đầu qua cửa sổ con thuyền với hy vọng sẽ nhìn thấy Phlôrêntinô Arixa trong đám đông đứng ở trên cảng nhưng cái mắt cô nhìn thấy là những cửa hàng thuế quan lấp ló giữa những cây *panma* rực rỡ vàng trong ánh nắng ban mai và lại là chính cái cầu tàu gỗ mục của cảng Riôacha, nơi đêm qua con tàu đã nhổ neo.

Phần còn lại của ngày hôm đó tựa như một giấc mơ ngay tại ngôi nhà cô đã ở cho đến ngày hôm qua để tiếp đón chính những vị khách từng đến đây tiễn biệt cô, để lại nói về chính những điều đã nói và người ngây ngất vì chính cái cảm giác mình đang sống lại một quãng đời đã sống. Đó là một sự lập lại rất trung thành đến độ Phecmina Đaxa phải rùng

mình với chỉ một ý nghĩ rằng chuyến đi trên con tàu hai cột buồm kia cũng vẫn là sự lập lại ấy mà chỉ một ký ức về nó thôi cũng đủ khiến cô sợ đến chết khiếp. Tuy nhiên, muốn trở về nhà bằng con đường khác chỉ có một khả năng duy nhất, ấy là việc đi lừa hai tuần liền men theo các triền núi trong điều kiện còn nguy hiểm gấp bội so với lần trước vì một cuộc nội chiến mới được nhen nhóm từ vùng núi Anđét thuộc tỉnh Cauca đã lan rộng đến hầu khắp các tỉnh thuộc duyên hải Caribê. Do đó đến tám giờ tối cô lại được một đoàn người thân ồn ào tiễn ra tận cảng và tại đây người ta lại trào rơi những giọt lệ tiễn đưa, lại tặng những gói quà tặng vào giờ chót mà số lượng của nó quá nhiều đến mức chất đầy cả phòng ngủ trên tàu. Khi con tàu nhổ neo những người đứng đầu các gia đình đi tiễn liền nổ một loạt súng bắn chỉ thiên để đưa tiễn con tàu và Lôrenxô Đaxa cũng bắn năm phát súng lục để đáp lời họ. Nỗi lo lắng của Phecmina Đaxa lập tức tan biến vì cả đêm ấy thuận buồm xuôi gió và biển thơm mùi hoa giúp cô ngủ ngon giấc mà chẳng cần phải thắt dây bảo hiểm. Cô gái mơ thấy mình gặp lại Phlôrêntinô Arixa và thấy rằng cậu hạ chiếc mặt nạ mà cô vẫn thường nhìn thấy vì thực tế đó là một chiếc mặt nạ nhưng cái gương mặt đích thực của cậu lại giống hệt nó. Cô thức dậy từ rất sớm, lòng vui như hội vì điềm báo trước của giấc mơ, và cô thấy cha mình

đang uống cà phê đắng pha rượu brandy ở trong phòng ăn của thuyền trưởng. Con mắt lác của ông lác hẳn đi vì hơi men nhưng với niềm tin chắc chắn rằng mình đang trên đường trở về nhà.

Họ đang trên đường vào cảng. Con tàu hai cột buồm lẹ làng lách qua những chiếc thuyền neo đậu lộn xộn bên bến chợ mà mùi tanh của nó được ngửi thấy từ ngoài biển cách đó vài dặm và buổi bình minh rực rỡ bị dập tắt bởi một cơn mưa bụi rất dày mà chẳng mấy chốc chuyển thành một trận mưa rào nặng hạt. Dựa lưng bên lan can phòng điện báo, Phlôrêntinô Arixa nhận ra con tàu hai cột buồm khi nó đi qua vịnh Lat Animat với những cánh buồm ủ rũ vì mưa và thả neo ngay tại bến chợ. Ngày hôm trước cậu đã đợi nó cho đến tận mười một giờ trưa là khi cậu ngẫu nhiên đọc bức điện báo tin con tàu sẽ đến chậm vì ngược gió. Bốn giờ sáng ngày hôm nay cậu lại có mặt để đợi nó. Cậu chăm chú quan sát không rời mắt những chiếc thuyền đang cập bến chở số hành khách ít ỏi quyết định lên bờ bất chấp trời mưa to. Phần lớn những hành khách này phải rời con thuyền bị mắc cạn ở giữa đường do đó họ buộc phải lội qua bùn lầy để vào bờ. Vào lúc tám giờ, sau khi chờ mãi mà trời không tạnh mưa, một phu khuân vác người da đen lội nước ngang thắt lưng đón Phecmina Đaxa ở ngay mạn tàu và bế cô vào tận bờ. Nhưng vì cô bị ướt sũng nước nên

Phlôrêntinô Arixa không thể nhận ra cô.

Bản thân cô cũng không ý thức đầy đủ mình đã trưởng thành như thế nào trong chuyến du chơi cho đến khi cô bước vào ngôi nhà cửa đóng then cài và ngay lập tức bắt đầu công việc dũng cảm dọn dẹp quét tước để nó có sức sống với sự giúp đỡ của Gala Plaxiđia, người hầu da đen khi nhận được tin chủ trở về đã khẩn trương trở lại nhà sau thời kỳ đi nghỉ ở khu phố cũ của những người nô lệ. Phecmina Đaxa không chỉ là người con gái duy nhất được cha thương yêu và đối xử tàn tệ khắc nghiệt, mà còn là chủ nhân của ngôi nhà bụi bặm bị mạng nhện giăng kín mọi xó xỉnh mà nó chỉ có thể được quét dọn sạch sẽ bởi chính sức mạnh của một tình yêu không gì khuất phục nổi. Cô không hề chán nản trong công việc vì cảm thấy mình được cổ vũ bởi một sức mạnh diệu kỳ có thể giúp cô làm xoay chuyển cả thế giới. Chính cái đêm cô trở về, trong lúc cha con ngồi uống sôcôla với bánh quy phết bơ ở bàn ăn trong nhà bếp, cha cô đã giao lại toàn bộ quyền lực để cô trông nom nhà cửa và ông đã làm việc ấy với cử chỉ hết sức trang trọng:

- Cha giao lại cho con chìa khoá của đời con! - Ông ta nói .

Cô gái, với mười bảy tuổi xanh, đã thực hiện nhiệm vụ ấy với một nghị lực mạnh mẽ vì cô nhận thức rõ ràng rằng mỗi một gang tấc của tự do cô

giành được là để cho tình yêu. Ngày hôm sau, sau một đêm mất ngủ, khi mở cửa sổ ban công, lần đầu tiên cô cảm thấy nỗi chán nản của sự trở về, lại nhìn thấy mưa buồn giăng trên vườn hoa, nhìn thấy bức tượng vị anh hùng bị mất đầu, nhìn thấy chiếc ghế đá nơi Phlôrêntinô Arixa vẫn thường ngồi tay cầm quyển sách thơ. Bây giờ cô không nghĩ về cậu như một người tình không thể vươn tới mà như một người chồng hiển nhiên và cậu có thể là người duy nhất và mãi mãi. Cô cảm thấy thời gian bị phung phí kể từ ngày mình ra đi thật đáng tiếc biết bao nhiêu và cảm thấy để sống được mình phải trả giá đắt biết bao nhiêu và cảm thấy để yêu người đàn ông của mình như Thượng đế khuyên nhủ mình còn thiếu biết bao nhiêu tình cảm yêu đương. Cô ngạc nhiên thấy rằng cậu không có mặt ở ngoài vườn hoa như bao lần bất chấp trời mưa cậu đã ngồi thế, ngạc nhiên thấy mình không hề nhận được bất kỳ một dấu hiệu nào của cậu ngay cả một điềm báo về cậu và ý nghĩ cậu đã chết khiến cô rùng mình sợ hãi. Nhưng ngay tức khắc cô xoá bỏ ý nghĩ tội nghiệp đó vì trong lúc tạm ngừng việc đánh điện và trước ngày vội vã lên đường trở về, bọn họ quên không giao ước với nhau cách thức liên hệ khi cô trở về.

Sự thật là Phlôrêntinô Arixa vẫn tin chắc rằng cô chưa trở về cho đến khi bức điện tín đánh đi từ Riôacha báo cho cậu biết rằng cô đã lên tàu vào ngày

thứ sáu trên chiếc tàu hai cột buồm đã không đến đây vào ngày hôm trước vì bị ngược gió. Thế là cuối tuần ấy cậu bắt đầu để ý theo dõi bất kỳ một dấu hiệu nào của sự sống có trong nhà cô và đêm ngày thứ hai cậu nhìn thấy sau cửa sổ có ánh đèn di động và cuối cùng tắt mất ở phòng ngủ vào lúc sau chín giờ tối. Cậu lại không ngủ được vì cậu đã trở thành con mồi cho những nỗi khao khát đến nghẹn thở từng làm đảo lộn những đêm đầu tiên của tình yêu. Tranxitô Arixa thức dậy ngay từ lúc gà gáy lần đầu, thảng thốt nhận thấy con trai bỏ phòng ngủ đi ra sân và đến nửa đêm vẫn không vào nhà. Bà đã không tìm thấy cậu. Phlôrêntinô Arixa thơ thẩn đang lang thang ngoài bãi biển men theo những bãi đá vừa đi vừa ngâm thơ tình gửi theo gió, vừa đi vừa khóc vì sung sướng, và cậu ở đó cho đến khi trời sáng hẳn. Tám giờ sáng cậu đã ngồi dưới mái vòm quán cà phê Parôkia, với tâm hồn vui phơi phới trong lúc chờ đợi Phecmina Đaxa đi qua và cậu cố tìm một hình thức hợp lý nhất để chúc mừng cô đã trở về. Giữa lúc ấy, cậu cảm thấy người mình bủn rủn vì trong lục phủ ngũ tạng mình có một luồng điện đang chạy rần rật.

Đích thực là nàng rồi. Có Gala Plaxiđia mang các làn đựng hàng đi theo sau, cô gái đang đi qua Quảng trường Nhà Thờ lớn và đây là lần đầu tiên cô đi không vận váy áo đồng phục của nữ sinh. So với lúc cô ra đi bây giờ cô cao hơn, gọn gàng và lanh

lợi hơn và mang vẻ đẹp được bàn tay khéo léo của người lớn chăm chút. Mái tóc cô đã dài trở lại nhưng không buông xoã sau lưng mà lại được vấn lại bên vai phải và chính sự thay đổi giản dị kia đã tước đi của cô vẻ mặt ngây thơ trước đây. Phlôrêntinô Arixa cứ thẫn thờ cả người đứng nguyên ở chỗ mình cho đến khi người hầu gái vừa đi qua quảng trường mà mất không rời khỏi con đường cô ta đi. Nhưng chính sức mạnh vô địch từng buộc cậu phải ngồi im đã buộc cậu ngay sau đó phải lập bập bước chân đuổi theo khi cô đã rẽ vào một phố bên cạnh Nhà Thờ lớn và khuất bóng trong đám đông nhốn nháo đứng chật các lối đi chật hẹp trong chợ.

Cậu cứ theo sau cô mà không để cho cô biết và trong khi đi theo, cậu nhận ra những cử chỉ thân thương, vẻ duyên dáng, sự khôn lớn trước tuổi của người mình yêu hơn hết trên thế gian này, và lần đầu tiên nhìn thấy cô trong trạng thái tự nhiên thoải mái. Tác phong lanh lẹn của cô trong lúc rẽ lối đi giữa đám đông khiến cậu phải ngạc nhiên. Trong lúc bà hầu gái Gala Plaxiđia cứ đụng hoài phải người khác, bị các làn mua hàng cứ vướng hoài vào người khác và cản bước, bà ta phải chạy theo Phecmina Đaxa để khỏi lạc thì Phecmina Đaxa cứ thản nhiên đi giữa những đám đông hỗn độn trên đường phố với một không gian và một thời gian

khác hẳn, chẳng va vấp phải một ai, cô đi như một con dơi bay trong sương mù. Đã nhiều lần cô đi chợ với bà cô Excôlaxtica, nhưng bọn họ chỉ mua những thứ lặt vặt thôi bởi cha cô đã đích thân đứng ra nắm tay hòm chìa khoá của nhà này không chỉ ở việc mua sắm đồ dùng nội thất và đồ ăn thức uống mà còn cả việc mua sắm váy áo cho phụ nữ. Vậy là chuyến đi chợ đầu tiên ấy đối với cô là cả một cuộc thám hiểm đầy hào hứng từng được cô ao ước từ thuở còn thơ.

Cô không để ý tới những lời mời chào của những tên bịp bợm chìa ra cho cô thứ nước lá dùng cho tình yêu vĩnh viễn, không để ý đến những lời van xin của những người ăn mày người đầy mụn nhọt nằm ngổn ngang tại các hành lang, cũng không để ý tới một người giả dạng người Anhđiêng nài nỉ cô mua cho y con cá sấu đã được thuần dưỡng. Cô lượn một vòng dài khắp chợ, không theo một con đường định trước, với một sự chậm rãi không vì một lý do nào khác ngoài lý do thư thả mà nhấm nháp cái khoái cảm nhìn ngắm các đồ vật và hàng hoá. Cô bước vào các cửa hàng có thể có bán một thứ hàng nào đó và chỗ nào cô cũng bắt gặp một cái gì đó kích thích thêm lòng ham sống của cô. Cô thích thú hít thở mùi cây hương bài phả ra từ những tấm vải đựng trong hòm lớn, cô cuốn quanh mình những tấm lụa in hoa, cô cười chính nụ cười của mình khi

thấy mình đóng giả cô thôn nữ ngoại ô thành phố Madrit tay cầm một cái lược to và một cái quạt vẽ hoa đứng trước tấm gương to của hãng *Alambre đê Ôrô*[1]. Trong cửa hàng ăn bán thức ăn nhập ngoại, cô mở một hộp cá trích muối và dư vị của nó khiến cô nhớ tới những đêm ở miền tây bắc tỉnh Xang Hoan đê la Xiênaga, khi ấy cô còn rất nhỏ tuổi. Người ta mời cô nếm miếng dồi lợn xứ Alicantê[2] có vị như vị cam thảo và cô mua hai miếng cá thu và một chai trứng cá ngâm rượu. Tại cửa hàng đồ gia vị, chỉ là để ngửi cho thú vị mà thôi, cô ôm lá cây xô-thơm và cây kinh giới trong hai bàn tay, mua một nhúm bột thơm, một nhúm bột gừng, một nhúm bột hồi... rồi cô ra khỏi cửa hàng hai mắt đẫm lệ vì cười cợt thích thú trước mùi cay của gia vị xứ Cadêna. Tại cửa hàng thuốc của người Pháp, trong lúc mua xà phòng Roitơ và nước gội đầu, người ta bôi cho cô một ít nước hoa đang được ưa chuộng tại thủ đô Pari ở phía mang tai và tặng cô một vỉ thuốc tẩy mùi hôi dùng sau khi hút thuốc lá.

Hiển nhiên là cô mua hàng và việc mua hàng này đối với cô là một trò tiêu khiển. Những thứ hàng cô thật sự cần thiết thì cô đã mua một cách sòng phẳng với một sự quyết đoán rõ ràng để không cho phép ai nghĩ rằng lần đầu tiên cô đi chợ, lần đầu tiên cô

[1] Nghĩa: sợi dây vàng.
[2] Một tỉnh thuộc Tây Ban Nha.

mua hàng nên bị hớ, vì cô nhận thức rõ ràng rằng cô không chỉ mua cho riêng mình mà còn mua cho cả cậu nữa: mười hai mét vải lanh để làm khăn trải bàn ăn cho cả hai người, mua vải peccan để may ga trải giường cưới, cái giường cưới ấm hơi ấm hai người vào lúc trời sáng, mua cái tốt nhất của mỗi thứ để cùng cậu hưởng niềm hạnh phúc trong ngôi nhà đầy ắp tình yêu. Cô đòi người ta phải giảm giá và cô biết cách mà cả. Với vẻ duyên dáng và lòng tự trọng cô mà cả với họ cho đến khi đạt được giá phải chăng nhất, và cô trả họ những đồng tiền vàng mà những người bán chỉ cần thử bằng cách cho chúng nảy trên mặt đá hoa cương quầy bán hàng để nghe tiếng kêu của vàng.

Phlôrêntinô Arixa lòng ngây ngất sướng vui tránh không cho cô nhìn thấy mình. Cậu nín thở để lặng lẽ theo riết cô, vài lần va cả vào những chiếc làn của người hầu gái, người đã mỉm cười đáp lại những lời xin lỗi của cậu. Phecmina Đaxa đi cách cậu không xa lắm đến mức cậu có thể cảm nhận được mùi hương thoảng mát từ người cô phả ra và nếu như lúc ấy cô không nhìn thấy cậu không phải vì cô không thể mà vì thái độ kiêu ngạo trong cách đi đứng của cô. Cậu cảm thấy cô sao mà đẹp thế, sao mà quyến rũ thế, sao mà nổi bật thế giữa tất cả mọi người đến mức cậu không hiểu lý do vì sao không một ai như mình lại xao xuyến lòng dạ trước những

mua hàng nên bị hớ, vì cô nhận thức rõ ràng rằng cô không chỉ mua cho riêng mình mà còn mua cho cả cậu nữa: mười hai mét vải lanh để làm khăn trải bàn ăn cho cả hai người, mua vải peccan để may ga trải giường cưới, cái giường cưới ấm hơi ấm hai người vào lúc trời sáng, mua cái tốt nhất của mỗi thứ để cùng cậu hưởng niềm hạnh phúc trong ngôi nhà đầy ắp tình yêu. Cô đòi người ta phải giảm giá và cô biết cách mà cả. Với vẻ duyên dáng và lòng tự trọng cô mà cả với họ cho đến khi đạt được giá phải chăng nhất, và cô trả họ những đồng tiền vàng mà những người bán chỉ cần thử bằng cách cho chúng nảy trên mặt đá hoa cương quầy bán hàng để nghe tiếng kêu của vàng.

Phlôrêntinô Arixa lòng ngây ngất sướng vui tránh không cho cô nhìn thấy mình. Cậu nín thở để lặng lẽ theo riết cô, vài lần va cả vào những chiếc làn của người hầu gái, người đã mỉm cười đáp lại những lời xin lỗi của cậu. Phecmina Đaxa đi cách cậu không xa lắm đến mức cậu có thể cảm nhận được mùi hương thoảng mát từ người cô phả ra và nếu như lúc ấy cô không nhìn thấy cậu không phải vì cô không thể mà vì thái độ kiêu ngạo trong cách đi đứng của cô. Cậu cảm thấy cô sao mà đẹp thế, sao mà quyến rũ thế, sao mà nổi bật thế giữa tất cả mọi người đến mức cậu không hiểu lý do vì sao không một ai như mình lại xao xuyến lòng dạ trước những

tiếng gót giày cô nện trên mặt đường nhựa, vì sao không một ai như mình phải thảng thốt khiến tim đập loạn xạ trước vẻ duyên dáng của tà áo cô bay trong gió, không hiểu vì sao cả thiên hạ không một ai như mình phát điên lên vì tình trước cách vung tay của cô, trước mái tóc bay bay trong gió của cô, trước nụ cười tươi rói của cô. Cậu không để mất một cử chỉ, một tác phong của riêng cô nhưng cậu không dám đến gần cô vì sợ rằng như vậy sẽ dìm tắt niềm vui sướng đang hân hoan dâng lên trong lòng mình. Tuy nhiên khi cô gái hoà mình trong đám đông ở đường phố Lôt Excribanôt, cậu hiểu rằng mình đang để lỡ mất cơ hội từng ao ước trong nhiều năm.

Phecmina Đaxa từng chia sẻ với các bạn gái cùng trường cái ý nghĩ độc đáo cho rằng phố Lôt Excribanôt là một địa điểm truỵ lạc và dĩ nhiên đối với các cô gái con nhà tử tế nó còn là một nơi bị cấm. Nó là đoạn đường có mái vòm đối diện với một bãi để xe cho thuê và xe lừa kéo và là nơi đông đúc và ồn ào nhất chợ. Cái tên ấy có từ thời thuộc địa Tây Ban Nha bởi vì tại đây ngay từ thời ấy những tay viết thuê lầm lỳ mặc áo khoác ngoài tay lửng may bằng dạ đã ngồi nhận viết thuê đủ loại giấy tờ theo giá rẻ mạt: nào đơn khiếu tố hoặc thư cám ơn, danh thiếp chúc tụng hoặc thư chia buồn, nào thư tình cho đủ mọi lứa tuổi. Hiển nhiên cái tên

Lôt Excribanôt không phải do những người viết thuê mà là do những người bán hàng rong đặt ra cho khu chợ ồn ào ấy. Họ là những người lúc nào ở trong quầy cũng có sẵn hàng lậu được cất lại trên các tàu từ châu Âu sang: nào bưu ảnh khiêu dâm, nào cao tăng lực, cả những dụng cụ kích thích giúp cho dai sức rất nổi tiếng được sản xuất ở Catalut, thứ dụng cụ có cái mào của con kỳ đà để kích thích khi cần thiết hoặc thứ dụng cụ ở một đầu có gài một bông hoa để người sử dụng bẻ từng cánh hoa một theo ý thích. Phecmina Đaxa vào khu chợ này không để ý lắm đến nơi mình đang đi, chỉ cốt mua một chiếc mũ đội đầu tránh cơn nắng gay gắt lúc mười một giờ trưa.

Phecmina Đaxa lặn ngụp trong tiếng rao hàng sôi động của những người đánh giày và những người bán chim, của những người bán sách và những ông lang vườn, và của những người bán kẹo bánh đang bạnh cổ ra gào để đám đông nghe rõ những lời quảng cáo về mứt dứa cho trẻ em gái, mứt dừa cho những thằng điên và đường viên cho cô Nicaêla. Nhưng Phecmina Đaxa vẫn điềm nhiên thây kệ những tiếng rao hàng om xòm ấy vì lúc này cô đang để tâm đến tờ giấy to trưng bày các loại mực viết huyền bí: mực đỏ tươi như màu đỏ của máu, các loại mực có màu sẫm buồn để viết thư chia buồn, các loại mực xanh óng ánh sáng lân tinh để đọc thư

trong bóng tối, loại mực viết xong không hiện chữ dưới ánh sáng mặt trời nhưng lại hiện rõ chữ khi đọc dưới ánh sáng ngọn đèn dầu. Cô gái rất thích thú tất cả các loại mực này, cô muốn có tất cả để cùng vui chơi với Phlôrêntinô Arixa, để khiến cậu phải giật mình trước trí tuệ của cô, nhưng sau khi thử vài lần cô đi đến quyết định chỉ mua thứ mực màu vàng. Sau đó cô đến dẫy các bà bán hàng kẹo bánh ngồi ở phía sau những tấm kính lớn và cứ mỗi loại kẹo bánh cô mua sáu chiếc bằng cách dùng ngón tay chỉ đích vào từng thứ một và ra hiệu chủ hàng bán cho mình bởi vì cô không thể nào nói để chủ hàng hiểu trong khung cảnh ồn ào những tiếng gào thét: sáu chiếc bánh nặn hình con ngựa thánh, sáu chiếc kẹo sữa, sáu thanh kẹo lạc, sáu chiếc bánh ngọt làm bằng bột sắn, sáu thỏi sôcôla, sáu chiếc kẹo dồi, sáu cái của thứ này rồi sáu cái của thứ kia, sáu cái của tất cả mọi thứ hàng được bày bán và cô đem chất lên những chiếc làn của người hầu gái với vẻ duyên dáng không thể chê được. Cô cứ đi mà tâm tưởng hoàn toàn xa lạ trước những đám ruồi nhặng bay vù vù bên trên lò nấu kẹo, xa lạ trước đám đông ồn ĩ trong chợ, xa lạ trước mùi mồ hôi chua loét nồng nặc trong không khí oi nóng đến ngột thở. Cô chợt tỉnh trước một bà da đen đầu đội một chiếc khăn sặc sỡ sắc màu, người tròn lẳn nom đẹp mắt, vẻ phúc hậu, chìa cho cô một dọi dứa bổ

ba cắm trên mũi một con dao bầu. Cô cầm lấy miếng dứa rồi đưa cả vào mồm, thưởng thức dư vị của nó và trong lúc cô đang thưởng thức miếng dứa với đôi mắt mơ màng nhìn lướt đám đông thì một nỗi xúc động đã trồng đứng cô ngay tại chỗ, cô nghe thấy một giọng nói ở phía sau lưng mình, rất gần bên tai mình đến mức chỉ một mình cô có thể nghe thấy:

- Đây không phải là nơi xứng đáng cho một nữ thiên thần được tấn phong đặt chân tới.

Phecmina Đaxa quay đầu lại và cô nhìn thấy chỉ cách đôi mắt mình hai gang tay là đôi mắt cứng lạnh, gương mặt xanh xám, đôi môi cứng lại như đá vì sợ hãi, chúng y như cô từng nhìn thấy lần đầu tiên trong đám đông dự lễ mixa, cái lần cậu đứng rất gần cô. Nhưng khác hẳn lần ấy, lần này cô không cảm thấy nỗi xúc động mạnh mẽ của tình yêu mà trái lại cô cảm thấy một vực thẳm của nỗi chán chường. Chỉ trong khoảnh khắc thôi, toàn bộ sự lừa dối của chính cô đã bộc lộ ra với tất cả tính chất nghiêm trọng và cô hoảng hốt tự hỏi lòng mình rằng làm sao mình lại có thể ấp ủ nơi trái tim mối tình lừa dối ấy một cách độc ác như vậy, nó tựa như một ảo ảnh trong không biết bao nhiêu thời gian. Hầu như cô chỉ còn kịp nghĩ: "Trời ơi, một con người đáng thương". Phlôrêntinô Arixa mỉm cười định nói điều gì, định tiếp tục theo sau cô, nhưng

với một cử chỉ của bàn tay cô xoá hẳn hình ảnh cậu trong cuộc đời mình.

- Làm ơn, xin đừng theo tôi, - cô nói với cậu. - Hãy quên chuyện ấy đi!

Ngay buổi chiều ấy, trong lúc cha cô ngủ trưa, cô nhờ Gala Plaxiđia mang một bức thư chỉ vẻn vẹn hai dòng đến cho cậu: "*Hôm nay, khi nhìn thấy anh, tôi mới hiểu rằng chuyện yêu đương của chúng ta chẳng qua chỉ là một chuyện hoang đường mà thôi*"! Người hầu gái cũng mang đến cho cậu những bức điện, những bài thơ, những bông hoa trà ướp khô và xin cậu gửi trả cô những bức thư và những tặng phẩm mà cô gửi cho: cuốn sách bổn của bà cô Excôlaxtica, những bộ gân lá ướp khô, một xăngtimét vuông cắt từ bộ quần áo của Thánh Pêđrô Clave, các huy hiệu thánh, mái tóc lúc cô mười lăm tuổi cuốn trong dải lụa cắt từ bộ váy áo đồng phục nữ sinh. Trong những ngày sau, với tâm trạng điên dại, cậu viết cho cô hàng loạt bức thư chứa chan tình cảm thất vọng, van nài người hầu gái mang về nhưng người này đã chỉ mang về những thứ cô chủ căn dặn. Người hầu gái cứ khăng khăng một mực không chịu cầm thư khiến Phlôrêntinô Arixa bực mình đã gửi trả toàn bộ thư từ và kỷ vật trừ bím tóc là cái mà cậu chưa muốn trả trong lúc Phecmina Đaxa chưa gặp cậu dù chỉ một lần thôi để thảo luận với nhau. Nhưng cậu vẫn không thực hiện được

mong muốn ấy. Vì sợ con trai mình sẽ có những hành động liều lĩnh, Tranxitô Arixa đã phải hạ cố xin Phecmina Đaxa làm phúc tiếp mình trong năm phút đồng hồ và cô gái đã tiếp bà ngay ở ngoài hiên, cả hai cùng đứng. Cô không mời bà vào trong nhà và không hề tỏ thái độ nhân nhượng. Hai ngày sau, sau khi tranh luận với bà mẹ, Phlôrêntinô Arixa lấy từ trên tường phòng ngủ một chiếc hộp kính phủ đầy bụi tựa như một hộp thánh tích trong đựng mớ tóc và bà Tranxitô Arixa đã lấy mớ tóc ra cuộn lại và để nó vào túi nỉ có viền chỉ vàng rồi trả cô gái. Chẳng bao giờ Phlôrêntinô Arixa có dịp được gặp riêng Phecmina Đaxa, có dịp được nói chuyện riêng với cô trong rất nhiều lần gặp gỡ trong cuộc đời dài dặc của cả hai cho đến năm mươi mốt năm chín tháng bốn ngày sau đó, khi cả hai đã già, cụ nhắc lại lòng thuỷ chung muôn thuở và tình yêu đắng cay của mình trong đêm đầu tiên của cuộc đời goá bụa của Phecmina Đaxa.

CHO ĐẾN NĂM HAI MƯƠI TÁM TUỔI BÁC sĩ Huvênan Ucbinô vẫn là một thanh niên chưa vợ được các cô gái ngưỡng vọng. Ngài trở về tổ quốc sau một thời gian dài sống ở Pari để nâng cao trình độ học thuật về nghề thuốc và phẫu thuật và kể từ khi đặt chân lên đất liền ngài đã bộc lộ những ý tưởng đầy háo hức: sẽ không để phí hoài một phút trong cuộc đời của mình. So với lúc ra đi, ngài trở về với tư thế đĩnh đạc hơn, tự chủ hơn và không một ai trong đám các bạn cùng lứa tuổi lại sắc sảo và hiểu biết như ngài trong khoa học y học, nhưng cũng không một ai trong số họ lại biết nhẩy các bản nhạc thời thượng và ứng tác nhạc trên cây đàn pianô tuyệt hơn ngài. Các cô gái cùng giới thượng lưu với ngài bị quyến rũ bởi con người hào hoa phong nhã của ngài và bởi gia sản chắc chắn thuộc về ngài, đã lén lút rút thăm giành quyền được đi chơi riêng với ngài và về phần mình ngài cũng đi

chơi riêng với từng cô nhưng bao giờ cũng giữ được một quan hệ đúng mức vừa đủ để hai bên cùng yêu thích lẫn nhau cho đến một ngày ngài phải đầu hàng vô điều kiện trước sắc đẹp bình dân của Phecmina Đaxa.

Ngài vẫn thích thú nói rằng mối tình ấy là kết quả của sự nhầm lẫn bệnh lý. Chính ngài cũng không thể tin rằng mối tình ấy lại xảy ra và hơn nữa lại xảy ra trong quãng đời ấy của mình khi tất cả mọi nỗi lao tâm khổ tứ đầy thận trọng của mình đều tập trung vào số phận của thành phố quê hương, cái thành phố từng được ngài nói tới thường xuyên và không cần phải đắn đo rằng trên thế gian này không có thành phố nào sánh kịp. Tại Pari, vào một mùa thu về muộn, trong lúc khoác tay một cô người yêu tạm bợ đi dạo, ngài cảm thấy thật khó có thể mường tượng ra một niềm hạnh phúc nào thuần khiết hơn là niềm hạnh phúc của những buổi chiều vàng ấy với mùi thơm vẻ hoang dã của hạt dẻ rang trên các bếp, với tiếng đàn phong cầm du dương, với cảnh tượng các đôi nhân tình say đắm hôn nhau không dứt ở các sân hiên, nhưng tuy nhiên, với bàn tay đặt nơi con tim mình ngài nói rằng ngài không sẵn lòng đổi dù chỉ một khoảnh khắc của quê hương Caribê trong tháng tư để lấy tất cả những phút giây huyền ảo ở đất nước này. Lúc ấy ngài vẫn còn quá trẻ để hiểu rằng trí nhớ của con tim làm mờ đi những kỷ

niệm buồn và làm tươi sáng hơn những kỷ niệm đẹp và nhờ nghệ thuật đó chúng ta mới mãi mãi mang quá khứ trong trái tim mình. Nhưng chỉ khi từ trên hiên tàu bên hàng bao lơn của nó ngài có dịp ngắm lại khu nhà trắng ở khu phố thời thuộc địa Tây Ban Nha, ngắm nhìn những chú diều hâu im lìm đậu trên các mái nhà, ngắm nhìn quần áo người nghèo dăng ra phơi trên các ban công, chỉ lúc ấy ngài mới thấu hiểu sâu sắc biết nhường nào rằng mình từng là nạn nhân quá ngây ngô trước những cạm bẫy thích thú của nỗi niềm hoài nhớ.

Con tàu rẽ lối qua một đám xác các con vật chết nổi lềnh bềnh ở trong vịnh và phần lớn hành khách đã chui vào các phòng ngủ trên tàu để trốn chạy mùi khẳn thối. Bác sĩ trẻ mặc quần áo vải ampaca mịn màng, ngoài khoác áo măng tô san, mép để ria Paxtơ thời trẻ, đầu chải ngôi giữa, bước xuống cầu thang vẻ bình tĩnh đủ để che đậy cái nỗi sợ chứ không phải nỗi buồn đang làm nghẹn cổ ngài. Trên bến cảng hầu như vắng vẻ cô quạnh được bọn lính chân đất không mặc đồng phục canh giữ, bà mẹ, các em gái cùng các bạn bè thân hữu đang đợi đón ngài. Bác sĩ Huvênan Ucbinô thấy họ xanh xám và không có tương lai mặc dù họ có vẻ vui đùa và họ nói đến những cuộc khủng hoảng và nói về nội chiến như một sự kiện xa lạ và cổ xưa nhưng trong giọng nói của họ lại run rẩy và trong ánh mắt của

họ để lộ sự nghi ngờ phản lại ý nghĩa các từ được nói ra. Người khiến ngài cảm động hơn cả là bà mẹ, người đàn bà hãy còn trẻ nhưng đã quyết chí ở vậy với vẻ đỏm dáng và tinh thần nhập cuộc sôi nổi của mình nhưng lúc này đã héo hon đi trong bộ đồ tang nhiều đen nồng nặc mùi băng phiến. Có lẽ bà nhận ra chính mình trong cái vẻ hoảng hốt của con trai, bởi vì để tự vệ bà đã hỏi trước cậu con vì sao lại trở về với nước da trắng nhợt như pa-ra-phin thế kia.

- Đó là cuộc đời, thưa mẹ! - Ngài nói - Ở Pari, tất cả mọi người, ai ai cũng trẻ trung.

Ít phút sau, ngồi trong chiếc xe đóng kín cửa cùng bà mẹ, ngài cảm thấy ngột thở trước cái nóng và cảm thấy không thể chịu đựng nổi tính chất phũ phàng của cuộc đời thực đang từng chập từng chập qua cửa sổ lọt vào trong xe. Biển xám màu tro, những dinh thự cổ kính của các vị hầu tước đang như sắp sập đổ vì sự sinh sôi nẩy nở đông đúc của đám ăn mày và thật là khó lòng tìm thấy hương nhài thơm nồng sau cái mùi thối thum thủm bốc lên từ những cống rãnh nước đen xì. Đối với ngài, tất cả dường như nhỏ bé hơn, nghèo hèn hơn và buồn thảm hơn so với lúc ngài ra đi, và trên mặt đường có rất nhiều chuột đói lũ lượt chạy qua khiến các chú ngựa kéo xe trượt chân đầy hoảng hốt. Trên con đường dài từ cảng về đến nhà, ngay ở trung tâm khu phố Lôt Virâydêt, ngài không nhận thấy gì xứng

đáng với nỗi hoài nhớ quê hương khi ở đất khách quê người. Do hoàn toàn thất vọng, ngài quay mặt đi để bà mẹ khỏi nhìn thấy rồi lặng lẽ ngài khóc thầm.

Dinh thự cổ của Hầu tước Caxanđuêrô, nơi ở lịch sử của dòng họ Ucbinô đê la Cadê, không phải là dinh thự giữ được vẻ kiêu hãnh nhất trong khung cảnh điêu tàn chung. Bác sĩ Huvênan Ucbinô với trái tim đau đớn như bị tan vỡ từng mảnh nhận ra điều đó ngay từ khi bước qua cái cổng đáng sợ và ngài nhìn thấy chiếc cầu phủ đầy bụi nổi rõ ở vườn sau, nhìn thấy đám cây dại không hoa mọc um tùm là nơi trú ngụ của đủ loại thằn lằn và rắn mối và ngài cũng nhận ra trên chiếc cầu thang rộng có tay vịn bằng đồng dẫn tới các phòng chính ở tầng trên thiếu đi rất nhiều viên gạch đá hoa cương, một số viên khác thì đã vỡ. Cha ngài, một bác sĩ nổi tiếng vì lòng tận tuỵ hơn là vì tài năng xuất chúng, đã chết trong nạn dịch tả Á châu từng tàn hại cư dân ở đây sáu năm về trước và do đó tinh thần của gia đình này cũng chết theo ngài luôn. Đônha[1] Blăngca, bà mẹ, mệt mỏi vì cái tang từng dự kiến sẽ kéo dài vĩnh viễn, đã thay lễ tang chín ngày đêm liên tục bằng những buổi dạ hội thơ trữ tình nổi tiếng và nghe nhạc giao hưởng phát ra từ chiếc máy

[1] Từ để xưng gọi phụ nữ đã có chồng con; nghĩa là: bà.

để trên bàn thờ người chồng quá cố. Hai bà chị gái, trái lại với vẻ duyên dáng tự nhiên và thiên hướng thích hội hè của họ, đã vào nhà tu.

Ngay đêm mới về đến nhà, bác sĩ Huvênan Ucbinô không chợp mắt được lấy một phút vì ngài sợ bóng tối và không khí thanh lặng của ngôi nhà. Ngài đã đọc kinh rôsariô tới ba lần và đọc không biết bao lần những câu kinh mà ngài nhớ được để tránh mọi tai ương và nạn đắm tàu thuyền và xua đuổi mọi bất hạnh có thể xảy ra trong đêm tối, trong khi đó một chú vạc qua cánh cửa khép hờ lọt được vào phòng ngủ cứ đều đặn gáy từng giờ từng giờ một. Những tiếng kêu rú của các bà điên trong nhà thương điên Đivina Paxtôra ở bên cạnh, tiếng nước nhỏ thánh thót đều đều từ bể lọc xuống bể chứa mà tiếng vọng của chúng âm vang khắp ngôi nhà, tiếng bước chân của chú vạc lạc trong phòng ngủ, cái nỗi sợ bóng tối từ bé của bản thân ngài, sự hiện tồn vô hình của người cha quá cố lởn vởn trong ngôi nhà rộng im lìm ngủ, tất cả những thứ ấy cùng xúm đến tra tấn ngài, không để cho ngài yên. Khi chú vạc cùng với lũ gà hàng xóm gáy vào lúc đúng năm giờ sáng, bác sĩ Huvênan Ucbinô sẵn sàng hiến dâng thân xác và tâm hồn mình cho Đấng Toàn năng vì ngài không thấy hào hứng để sống thêm dù chỉ một phút trên đất nước điêu tàn của mình. Tuy nhiên, tình cảm yêu thương của mọi người trong gia

đình, những ngày chủ nhật dạo chơi trên đồng nội, những lời tán tỉnh đầy tham vọng của các cô gái cùng giới thượng lưu, tất cả những thứ ấy dần dần xoa dịu những nỗi đắng cay trong cảm giác lần đầu đặt chân lên đất quê hương. Ngày nọ qua ngày kia, dần dà ngài làm quen với cái nóng kinh hoàng của tháng mười, làm quen với các mùi tanh khẳn khó chịu, làm quen với những quan niệm già trước tuổi của các bạn mình cho đến khi ngài hoàn toàn quy hàng những tín điều của tập tục. Ngài không chậm trễ trong việc nhận ra việc ngài từ bỏ những nếp sống và nghĩ của châu Âu là hợp lý. Đây là thế giới của ngài, người ta bảo thế, cái thế giới buồn rầu và bị đè nén mà Thượng đế đã cho ngài và ngài phải chịu ơn Thượng đế.

Công việc đầu tiên mà ngài làm là thay thế cha mình ở phòng khám bệnh. Ngài giữ nguyên vị trí những đồ dùng bằng gỗ, chắc chắn và trang nghiêm được sản xuất ở Anh quốc, nhưng lại cất lên gác xép những cuốn sách giáo khoa về y học thời các vị Phó vương và đặt lên các tủ kính những cuốn sách giáo khoa của trường phái y học mới ở Pháp. Ngài hạ và cất đi những bức tranh thuốc nước đã bạc màu, trừ bức tranh hoạ một vị bác sĩ đang chiến đấu với tử thần để giành lấy một nữ bệnh nhân khoả thân, hạ và cất đi bức trướng ghi lời thề giả dối được viết theo lối chữ gôtích, rồi thay vào đó ngài

treo lên rất nhiều tấm bằng ngài giành được tại các trường đại học khác nhau với những lời phê rất khả quan. Chúng được treo ở bên cạnh tấm bằng của cha ngài.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô cố lòng du nhập vào bệnh viện Mixêricordia những quan điểm mới nhưng việc này chẳng dễ dàng như ngài nghĩ một chút nào, bởi vì những người làm việc trong bệnh viện cổ hủ này rất lấy làm mãn nguyện với những tín điều có từ ngàn đời nay của họ như tín điều cho rằng kê chân giường vào những bát nước để ngăn không cho bệnh tật trèo lên được người bệnh hoặc tín điều cho rằng phải có quần áo dạ hội và găng tay làm bằng da sơn dương trong phòng mổ vì họ cho rằng việc ăn mặc diện là một điều kiện cơ bản để đảm bảo vô trùng. Bọn họ không chịu đựng nổi khi thấy vị bác sĩ trẻ tuổi mới đến đi nếm nước giải người bệnh để xem có đường không. Ông ta vốn là người từng dẫn tên tuổi của Saccô và Truscô như là bạn cùng phòng ngủ của mình và là người ở trên lớp học đã làm các thí nghiệm đầy sức thuyết phục về những nguy hiểm chết người cuả việc tiêm chủng, nhưng cũng là người hãy còn nghi ngờ trước việc sáng chế mới những viên thuốc đạn. Ngài đụng độ với tất cả: tinh thần cách tân của ngài, tình yêu tổ quốc cuồng nhiệt của ngài, cái cảm hứng bông lơn mới có của ngài ở mảnh đất những người thích đùa, nghĩa là tất cả

những gì trên thực tế là đạo đức đáng được kính trọng của ngài đã gây nên bao nỗi ghen tị trong những người đồng nghiệp lớn tuổi và gây nên bao lời châm chọc thận trọng trong đám thanh niên.

Nỗi lo lắng lớn nhất của ngài chính là tình trạng mất vệ sinh của thành phố. Ngài đã đệ trình lên cấp trên những biện pháp khẩn cấp để buộc người ta phải lấp đi hệ thống cống rãnh có từ thời thuộc địa Tây Ban Nha vốn là một ổ chuột khổng lồ và thay vào đó xây dựng một hệ thống cống kín nhờ đó nước thải sẽ được đổ ra biển theo những cửa cống khác nhau chứ không như trước đây thường vẫn cùng đổ ra bến cảng, những ngôi nhà lộng lẫy thời thuộc địa Tây Ban Nha đã có hố xí tự hoại nhưng hai phần ba cư dân thành phố này lại dồn về sống trong những túp lều ven bờ đầm lầy và họ đều phóng uế bừa bãi ở ngoài trời. Phân người khô đi dưới ánh nắng mặt trời, biến thành bụi và được người ta thích thú thở hít cùng với làn gió mát tháng mười hai. Bác sĩ Huvênan Ucbinô quyết tâm đưa vào chương trình bổ túc văn hoá một bài giảng bắt buộc để người nghèo có thể làm lấy hố xí mà dùng. Ngài đã đấu tranh một cách vô ích để mọi người không đổ rác bừa bãi ra các bãi đước mà hàng thế kỷ nay chúng biến thành các bể ngâm rác mục. Ngài đã đấu tranh một cách vô ích để mọi người ít ra một tuần hai lần đi thu rác và đem đốt ở ngoài

đồng hoang.

Ngài còn là người có ý thức đầy đủ về sự đe doạ chết người của nguồn nước uống thành phố này. Riêng ý nghĩ xây dựng một hệ thống dẫn nước đã là một ý nghĩ rất không tưởng bởi vì những ai có đủ khả năng thực hiện ý nghĩa ấy thì đã xây nên bể ngầm chứa nước mưa cả một năm trời bên dưới váng nước xanh lè. Giữa những đồ dùng đáng kể hơn cả của thời đại là những thùng lọc nước làm bằng gỗ bào nhẵn thín mà những ống lọc của chúng làm bằng đá, nhỏ nước tí tách suốt ngày đêm xuống một cái chum. Để ngăn chặn kẻ nào dám thò mồm uống nước trong gáo múc làm bằng nhôm, người ta sẽ làm thành một hàng răng cưa bao quanh mép gáo nom nó tựa như chiếc vương miện. Nước đựng trong các chum làm bằng đất sét nung kia thật là trong và mát, nó cho ta cảm giác thích thú. Nhưng bác sĩ Huvênan Ucbinô lại không chịu để cho mình bị lừa trong việc lọc nước kia vì ngài thừa biết rằng dù người ta cẩn thận như thế nào chăng nữa thì đáy các chum nước kia là một ổ bọ gậy. Ngay từ thuở ấu thơ ngài đã bỏ hàng giờ và hàng giờ để xem chúng cung quăng bơi lội với tâm trạng ngạc nhiên thần bí, và cũng như bao người trong thời đại ấy, ngài tin rằng bọ gậy là những con vật siêu tự nhiên từ dưới đáy nước tù đọng từng ca tụng những con cá và chúng là loài vật có khả năng trả thù tình yêu rất mãnh liệt.

Ngay từ thuở bé ngài từng nhìn thấy những lỗ thủng trên nóc nhà bà Laxara Côngđê, một bà giáo dám khinh nhờn loài vật và ngài từng nhìn thấy một dòng thuỷ tinh vụn chảy trên đường cái và nhìn thấy một đống đá to ném suốt ba ngày đêm vào cửa sổ. Tóm lại đó là thời kỳ trước khi ngài được học hành để hiểu rằng bọ gậy chẳng qua là ấu trùng của muỗi, nhưng ngài học để không bao giờ quên, bởi vì từ thuở ấy ngài đã hiểu rằng không chỉ có bọ gậy mà còn có rất nhiều con vật lạ lẫm khác có thể lọt qua hệ thống lọc vào bể nước.

Bệnh sa đì mà quá nhiều người đàn ông thành phố từng chịu đựng không chỉ với lòng quả cảm mà còn với những biểu hiện kiêu hãnh nhất định của lòng ái quốc đã mang lại nhiều vinh dự cho thứ nước ăn chứa trong bể nước thời gian dài. Khi còn đi học bậc tiểu học, bác sĩ Huvênan Ucbinô không tránh khỏi những cú giật thột đầy hoảng hốt khi nhìn thấy những người đàn ông bị bệnh sa đì vào những buổi chiều oi nóng, ngồi trước cửa nhà quạt mát cho cái bìu dái sưng tấy to xụ như đứa trẻ ngủ giữa hai bẹn. Người ta đồn rằng bệnh sa đì phát ra tiếng kêu tựa như tiếng chim hót trong những đêm giông tố và khi đốt một chiếc lông quạ ở bên cạnh thì cái dái úng sẽ quăn xoắn lại trong một nỗi đau khủng khiếp, nhưng không một bệnh nhân nào dám kêu ca, bởi vì một niềm vui khác còn lớn hơn và dễ

chịu hơn, nó tựa như một niềm vinh dự của người đàn ông, đã giúp họ vượt qua mọi đau đớn thể xác. Khi bác sĩ Huvênan Ucbinô từ châu Âu trở về, với quan điểm khoa học ngài thừa biết những quan niệm mê tín này là hoàn toàn sai lầm nhưng vì chúng ăn quá sâu vào tâm tư dân địa phương đến mức nhiều người phản đối việc dùng thuốc khử trùng cho vào các bể nước ăn vì họ sợ rằng làm như vậy nước ăn sẽ mất khả năng gây ra khoái cảm đê mê khác cho người dùng nước.

Tình trạng mất vệ sinh ở ngoài chợ, một khu đất hoang rộng nằm ngay trước vịnh, nơi những chiếc thuyền buồm vùng Antidat vẫn thường cập bến, đã khiến bác sĩ Huvênan Ucbinô rất quan tâm như ngài từng quan tâm đến nước ăn thiếu vệ sinh. Một hành khách nổi tiếng của thời đại miêu tả cái chợ này như là một trong những cái chợ độc đáo khác trên thế gian này. Đúng thế, nó là một cái chợ giàu có, đông vui, ồn ĩ nhưng mặt khác nó cũng là một địa điểm mất vệ sinh cần phải được quan tâm. Chợ thành phố nằm ngay ở trên cái bãi bẩn ấy thi gan với ý muốn của cái biển thất thường nổi giận và khi biển nổi cơn thịnh nộ, từng đợt, từng đợt sóng trắng táp vào bờ, trả lại đất liền những thứ rác rưởi do cống rãnh thải ra. Đây cũng là nơi để người ta vứt bừa các của thừa trong lò mổ, những xương sỏ, những bộ lòng thối rữa, lông lá dính bê bết máu

khô. Diều hâu và quạ đến đánh nhau kịch liệt với chuột cống và chó đói để giành lấy những bộ lòng hay những xương thủ. Cái khung cảnh chiến trận ấy xảy ra bên những con hươu, những chú gà sống thiến béo ngậy được luộc hay quay chín treo cả con bên dưới mái hiên hai bên hè phố và rau tươi bày thành từng mẹt để ở sàn đất. Bác sĩ Huvênan Ucbinô muốn làm sạch khu vực này. Ngài muốn người ta làm lò mổ ở một nơi khác, ngài muốn người ta xây dựng một cái chợ có vòm kính che kín ở bên trên như cái chợ ngài nhìn thấy ở các cửa ô thành phố Bacxêlôna[1], nơi các thức ăn được bày bán vừa ngon lành vừa hấp dẫn đến mức vừa nhìn thấy đã muốn ăn. Nhưng ngay cả những bạn hữu thân nhất trong số các bạn hữu danh giá đã tỏ lòng thương hại trước những đam mê đầy ảo tưởng của ngài. Họ vốn như thế: họ sống mà để cả một đời ca vang lòng tự hào về thành phố quê hương, về những công tích lịch sử, về giá trị những thành tích, về cái đẹp và lòng dũng cảm của nó nhưng tất cả bọn họ đều là những người mù trước việc thành phố đang tàn lụi với năm tháng qua đi. Trái lại, bằng con mắt thực tế, bác sĩ Huvênan Ucbinô đã nhìn thành phố quê hương mình với tất cả tình thương:

- Cái thành phố này làm sao có thể trở nên danh

[1] Thành phố của Tây Ban Nha.

giá, - ngài nói. - Chúng ta có bốn trăm năm để xây dựng mà cho đến nay vẫn chưa làm xong.

Tuy nhiên điều đó họ đang đạt được. Dịch tả, mà những nạn nhân của nó chết ngã sõng sượt trên những vũng bùn ở ngoài chợ, chỉ trong vòng mười một tuần lễ đã gây nên nạn người chết chưa từng có trong lịch sử nước nhà. Cho đến lúc này, những nhân vật nổi tiếng chết được chôn cất bên dưới làn gạch lát trong nhà thờ ngay cạnh nơi ở của các giám mục và tu sĩ. Những người kém giàu hơn chút ít chết được chôn trong sân các nhà tu viện. Những người nghèo chết được đưa ra nghĩa địa thời thuộc địa Tây Ban Nha nằm trên một quả đồi lộng gió cách ly với thành phố bởi một con mương nước không sâu lắm mà trên cầu xây gạch nối liền hai bờ của nó khắc nổi một dòng chữ theo lệnh của một vị Thị trưởng thông tuệ: *Lasciate ogni speranza voi ch'entrate*[1]. Trong hai tuần lễ đầu tiên của nạn dịch tả, nghĩa địa đầy ứ mộ người và ở các nhà thờ cũng không còn chỗ để chôn cất tử thi mặc dù người ta đã chuyển tất cả hài cốt mục của các vị yếu nhân vô danh vào hầm mộ chung. Không khí quanh Nhà Thờ lớn lạ lắm hẳn đi vì mùi hôi xông ra từ các hầm mộ không được trét kín các khe hở và cửa của các hầm mộ này không được mở suốt ba năm ròng

[1] Tiếng Ý, nghĩa: "Hãy để lại hi vọng, hỡi những kẻ bước vào địa ngục". Câu thơ của thi hào Đăngtơ trong *Thần Khúc*.

cho đến ngày Phecmina Đaxa lần đầu tiên nhìn thấy Phlôrêntinô Arixa rất gần trong lễ mixa lúc mười hai giờ đêm. Sang tuần lễ thứ ba của nạn dịch tả, quan tài có tử thi được xếp chồng lên nhau để kín các hành lang tu viện Thánh Clara, để kín cả các lối đi dạo trong vườn cây và cái vườn của giáo khu vốn rộng gấp đôi buộc phải biến thành nghĩa địa. Tại đây, người ta đào các huyệt rất sâu đủ chôn ba tầng tử thi, chôn một cách vội vã và không có áo quan. Nhưng người ta cũng buộc phải từ bỏ ngay các huyệt này, bởi vì mặt đất yên lành bỗng thay đổi và cựa quậy như một con bọt biển, mà cứ mỗi bận đi qua, dưới chân ta lại phọt lên một thứ nước lầy nhầy màu hồng thẫm nom đến lộn mửa được. Thế là người ta lại quyết định chôn người chết ở La Manô đê Điôt[1], một đồn điền lớn dùng để chăn gia súc cách thành phố ít nhất một dặm đường và sau này nó biến thành nghĩa trang Univecxô[2].

Kể từ ngày tuyên bố có nạn dịch tả, tại pháo đài địa phương, cứ mười lăm phút bất kể ngày hay đêm, người ta bắn đại bác một lần theo đúng quan niệm mê tín của dân thành phố cho rằng thuốc đạn làm thanh sạch bầu không khí. Nạn dịch tả càng tác oai tác quái mạnh hơn ở khu dân cư da đen vì nó là nơi dân đã đông lại còn nghèo túng, nhưng trên thực tế,

[1] Nghĩa: Bàn tay Thượng đế.
[2] Nghĩa: Thế giới.

đó cũng là nơi không tồn tại cái quan niệm phân biệt màu da và đẳng cấp. Bổng dịch tả tự chấm dứt như nó tự bột phát và chẳng bao giờ có thể biết chính xác số người chết, không chỉ vì không thể thống kê được mà còn vì một trong những đức tính thường có của chúng ta là lòng nhẫn nhục trước những bất hạnh của bản thân.

Bác sĩ Maccô Aurêlianô Ucbinô, cha đẻ của bác sĩ Huvênan Ucbinô, là người anh hùng trong những ngày gian khổ ấy và sự hy sinh thân mình của cụ là một hành động cao thượng hơn cả. Theo quyết định chính thức, cụ đích thân lập ra và chỉ huy chiến dịch tổng vệ sinh nhưng cụ đã đi quá xa chức phận ban đầu của mình đến mức can dự vào hầu hết các vấn đề trật tự xã hội. Nhất là trong những ngày ác liệt của dịch tả, không một thứ quyền lực nào vượt quá quyền lực của cụ. Những năm sau này, khi xem lại quá trình diễn biến của dịch tả, bác sĩ Huvênan Ucbinô thấy rằng phương pháp của cha mình mang tính chất nhân bản nhiều hơn là tính chất khoa học và rằng dù nhìn nhận nó theo bất cứ một góc độ nào thì nó cũng trái với lý luận và vì vậy nó tạo điều kiện thuận lợi cho dịch tả hoành hành dữ dội hơn. Bác sĩ Huvênan Ucbinô nhận ra điều đó với chính sự đồng cảm của những người con mà năm tháng qua đi họ dần dần trở thành các bậc cha chú và lần đầu tiên ngài đau lòng vì đã không ở bên cạnh

người cha cô đơn trong những ngày cụ phạm nhiều sai lầm. Nhưng ngài không coi thường những chiến tích của cha mình: Lòng nhiệt thành và tinh thần tận tụy, và trước hết là lòng dũng cảm của cá nhân cụ và chính vì thế cụ xứng đáng được hưởng rất nhiều vinh hạnh mà người ta dâng tặng cụ khi thành phố bình an sau nạn dịch tả, và tên cụ được ghi một cách chính đáng bên cạnh tên tuổi của rất nhiều yếu nhân khác trong các cuộc chiến tranh kém phần danh giá so với cuộc chiến đấu của cụ.

Cụ đã không sống để tận hưởng niềm vinh quang chân chính của mình. Khi nhận ra trong chính bản thân mình cũng có những triệu chứng không thể nhầm lẫn được từng thấy ở những con bệnh, cụ không cố tâm chiến đấu một cách vô ích mà trái lại cụ tự tách mình khỏi cộng đồng xã hội để không lây bệnh cho bất kỳ ai. Tự giam mình trong phòng phục vụ tại bệnh viện Mixêricordia, giả điếc trước những lời mời gọi của đồng nghiệp và những người dưới quyền mình, cố tình làm ngơ trước nỗi kinh hoàng của những người bị bệnh tả đang ngắc ngoải ở ngoài hành lang bệnh viện, cụ ngồi viết cho vợ và các con mình một bức thư chứa chan lòng yêu thương và đầy lòng biết ơn thể hiện niềm kiêu hãnh rằng mình đã yêu cuộc đời vô cùng. Đó là một lời từ biệt dài hơn hai mươi trang chữ viết nguệch ngoạc và qua chữ viết người ta nhận ra tình trạng

sức khoẻ của cụ mỗi lúc càng suy giảm và cũng chẳng cần phải biết người viết nó là ai cũng biết rằng chữ ký đã được ký trong hơi thở cuối cùng của cuộc đời. Theo đúng lời trăng trối của cụ, cái tử thi xám màu tro của cụ được để lẫn lộn với những tử thi khác trong một cái huyệt cùng chôn nhiều người và cái tử thi của cụ cũng không được bất kỳ một ai yêu mến cụ nhìn mặt.

Tại Pari, ba ngày sau đó, trong một bữa ăn tối với các bạn, bác sĩ Huvênan Ucbinô nhận được điện báo và ngay lập tức ngài tổ chức một tiệc rượu sâm banh để tưởng niệm cha mình Ngài nói: "Ông cụ là một người tốt". Sau đó, ngài tự xỉ vả mình vì tội thiếu chín chắn: đã chạy trốn sự thực để mà không khóc thương. Nhưng ba tuần lễ sau, khi nhận được bản sao bức chúc thư, lúc ấy ngài mới chịu đầu hàng sự thực. Bỗng nhiên, hình ảnh người đàn ông mà ngài nhìn thấy trước bất kỳ một ai và là người nuôi dưỡng giáo dục ngài, đồng thời là một người đã ăn nằm với mẹ ngài suốt ba mươi hai năm trời hiện rõ trong tâm trí ngài, nhưng trước khi nhận được bức chúc thư ấy, do tính tình nhút nhát của mình, chưa bao giờ ông cụ hiện lên một cách thực rõ ràng như vậy trong tâm trí ngài. Cho đến lúc ấy, bác sĩ Hvênan Ucbinô và gia đình ngài mới cảm nhận cái chết như là một nỗi bất hạnh từng xảy ra với những người khác, với cha

những người khác, với anh em những người khác, với vợ chồng những người khác, nghĩa là chưa bao giờ họ cảm nhận cái chết như nỗi bất hạnh xảy ra với người thân của mình. Đó là đám người có cuộc sống trôi đi từ từ chậm chạp, là đám người không bao giờ cảm thấy già, cũng không ốm đau, cũng không chết mà trong quá trình hiện hữu của mình họ cứ từ từ kém trí tuệ đi, cứ ngày càng sống với kỷ niệm cũ, những quãng đời sôi động thời trước, cho đến khi sự quên lãng đồng nhất với những kỷ niệm ấy. Bức chúc thư của cha ngài còn mãnh liệt hơn cả bức điện báo đã quật ngã ngài trước sự thực không thể nghi ngờ của cái chết. Tuy nhiên, một trong những kỷ niệm xa xưa nhất có lẽ vào lúc ngài lên chín, có lẽ vào lúc ngài lên mười một tuổi, trong một hình thức nào đó, nó là dấu hiệu của cái chết thông qua chính bản thân cha ngài. Có một buổi chiều mưa, cả hai cha con cùng ngồi trong phòng làm việc tại nhà, ngài đang cầm phấn màu vẽ lên nền gạch hoa những con chim sơn ca và những bông hoa hướng dương và cha ngài ngồi đọc sách ngược sáng bên cửa sổ, mặc chiếc áo khoác không đóng cúc và trên ống tay áo sơ mi buông thõng mấy sợi cao su. Bỗng ông cụ ngừng đọc sách để gãi lưng bằng bàn chải có cán dài nạm bạc. Vì không gãi được, ông cụ bảo ngài dùng móng tay gãi lưng cho và

ngài làm theo lời cha với thái độ hết sức hờ hững. Khi gãi xong, cha ngài với nụ cười buồn nhìn qua vai ngài nói:

- Nếu bây giờ cha chết và nếu con ở tuổi cha lúc này thì có lẽ con sẽ không thể nhớ nổi cha.

Ông cụ nói bâng quơ thế thôi và thần chết vỗ cánh bay một lúc lâu trong không khí dịu mát của phòng làm việc và sau đó theo cửa sổ bay ra ngoài để lại một túm lông mà có lẽ đứa trẻ không nhìn thấy. Từ đó đến nay thế mà đã hai mươi năm có lẻ và bác sĩ Huvênan Ucbinô chẳng mấy chốc sẽ bằng tuổi ông cụ ở cái buổi chiều ấy. Ngài tự biết mình giống hệt ông cụ nên ngài ý thức đầy đủ rằng mình sẽ chết như cụ.

Đối với bác sĩ Huvênan Ucbinô, bệnh dịch đã trở thành một nỗi ám ảnh trong tâm tư ngài. Ngài vẫn chưa hiểu biết về nó ngoài những điều học được trong những chương trình ngoại khoá và hình như ngài chưa tin rằng dịch tả từng giết hại hơn một trăm bốn mươi ngàn người ở Pháp, kể cả Pari, cách đây ba mươi năm về trước. Nhưng kể từ sau cái chết của cha, ngài đã học tất cả những gì có thể học để nắm được các hình thức khác nhau của dịch tả. Việc học tập này của ngài gần như một cuộc tranh đua để làm cho ký ức đau buồn của ngài ôn hoà đi. Vì vậy ngài trở thành một môn đồ của nhà nghiên cứu bệnh dịch học nổi tiếng nhất thời đó, nhà sáng tạo ra hệ

thống hàng rào phòng dịch, đó là giáo sư Adriên Prut, cha đẻ của nhà tiểu thuyết vĩ đại[1]. Do đó khi ngài trở về quê hương và từ ngoài biển ngài đã cảm thấy cái mùi tanh khẳn bốc lên từ chợ thành phố, rồi ngài nhìn thấy những xác chuột trong các cống rãnh dẫn nước thải cũng như những đứa trẻ để truồng đầm trong các vũng bùn ngay trên đường quan thì không những ngài hiểu rằng nỗi bất hạnh quả thật đã xảy ra mà còn tin chắc rằng nó sẽ lại xảy ra vào bất cứ lúc nào.

Và điều đó chẳng cần phải đợi lâu. Chưa đầy một năm, học trò của ngài ở bệnh viện Mixêricordia yêu cầu ngài giúp họ để khám bệnh cho một người bệnh đáng thương. Đó là một người bệnh khắp người da xanh tái. Từ ngay cửa ra vào, chỉ thoáng nhìn một cái, bác sĩ Hucvênan Ucbinô đã nhận ra ngay kẻ thù của mình. Nhưng vẫn còn may, người bệnh đến thành phố trên một chiếc tàu từ Curaxao ba ngày trước đây và ông ta, bằng chính phương tiện của mình, đã đến khám ngoại khoa ở bệnh viện và hình như ông ta chưa kịp lây bệnh cho ai cả. Bằng mọi cách, bác sĩ Huvênan Ucbinô liền thông báo kịp thời cho các đồng nghiệp của mình, thuyết phục được nhà đương cục ra lệnh báo động cho các cảng

[1] Tức nhà văn Macsen Prux (1871-1922) tác giả tiểu thuyết *Đi tìm thời gian đã mất*, từng có ảnh hưởng lớn đến văn học phương Tây hiện đại.

lân cận để con tàu bị nhiễm bệnh tả được đậu lại một nơi và tiến hành tiêm phòng dịch cho toàn bộ thuỷ thủ và hành khách trên nó, đồng thời phải kịp thời ngăn chặn ngay nhà chỉ huy quân sự thành phố đang định ra lệnh thiết quân luật và áp dụng phương pháp trị bệnh tả bằng cách cứ mười lăm phút bắn một phát đại bác.

- Hãy để dành thuốc đạn chờ khi nào bọn Tự do tới, - ngài vui vẻ nói một cách hài hước. - Chúng ta không còn sống ở thời Trung cổ nữa.

Bốn ngày sau đó người bệnh chết ngạt vì cơn nôn oẹ ra một thứ nước trắng lầy nhầy. Trong các tuần sau, dù thường xuyên theo dõi tình hình bệnh tả, người ta cũng không phát hiện được một trường hợp nào nữa. Ít lâu sau, tờ Nhật báo Thương mại đăng tin nói rằng có hai đứa trẻ chết vì bệnh tả ở khu vực khác nhau trong thành phố. Tin đó được chứng thực ngay: một trong hai đứa bị bệnh lỵ thông thường nhưng đứa kia, một bé gái năm tuổi, quả nhiên là nạn nhân của bệnh tả. Cha mẹ và ba người anh em của nó liền được cách ly và được tiêm phòng tả ngay lập tức và cả khu phố gia đình ở cũng được lực lượng y tế kiểm tra kỹ lưỡng. Một trong ba đứa trẻ ấy bị bệnh tả và không lâu nó được chữa khỏi. Cả gia đình được hồi cư về nhà cũ khi không còn nguy hiểm nữa. Trong suốt ba tháng liền, mười một trường hợp mắc bệnh tả đều được phát hiện kịp thời

và chạy chữa tốt, đến tháng thứ năm lại xảy ra hiện tượng bệnh tả tái phát đáng lo ngại, nhưng đến cuối năm ấy người ta đánh giá tình hình, thấy rằng những triệu chứng của một nạn dịch đã bị đẩy lùi khá xa. Không một ai nghi ngờ rằng biện pháp phòng và chống bệnh tả của bác sĩ Huvênan Ucbinô, còn hiệu quả hơn cả những lời rao giảng của ngài, đã có thể tạo nên điều kì diệu. Kể từ đó cho đến những năm gần đây của thế kỷ này, bệnh tả đã trở thành một thứ bệnh cố hữu không chỉ ở thành phố này mà còn ở hầu khắp vùng duyên hải Caribê và đồng bằng Macgơđalêna nhưng không tái phát như một nạn dịch. Sự báo nguy được sử dụng để những lời cảnh tỉnh của bác sĩ Huvênan Ucbinô được chính quyền địa phương nghiêm chỉnh chấp hành. Tại trường Đại học Y khoa người ta thiết lập hai lớp giảng bắt buộc, đó là lớp học về bệnh tả và lớp học về bệnh sốt rét vàng da. Người ta thấy cần phải nhanh chóng xây dựng chợ ở nơi khác. Tuy nhiên, bác sĩ Huvênan Ucbinô lúc đó không hề bận tâm đến việc tuyên bố cho mọi người thấy chiến thắng của mình và cũng chẳng còn nhiệt tình để lao vào các công tác xã hội, bởi vì chính lúc ấy ngài cũng đang ở trong tình trạng con chim rã cánh, lòng dạ vừa bối rối vừa hân hoan, và ngài quyết định sẵn sàng đổi tất cả, sẵn sàng quên đi tất cả những cái khác trong cuộc đời này để giành lấy ánh chớp rực

sáng của tình yêu Phecmina Đaxa.

Quả nhiên, tình yêu của ngài đối với Phecmina Đaxa là kết quả của sự nhầm lẫn bệnh lý. Một người bạn đồng nghiệp của ngài, vốn tin rằng mình nhận ra những triệu chứng đầu tiên của bệnh tả ở một bệnh nhân nữ mười tám tuổi, đã yêu cầu bác sĩ Huvênan Ucbinô đến khám bệnh cho cô ta. Ngay buổi chiều ấy, ngài lo lắng nhận thấy khả năng bệnh tả đã lây tới tận khu thánh địa của thành phố cổ, bởi vì cho đến lúc ấy tất cả các trường hợp bị bệnh tả đều xảy ra ở các khu phố phụ cận và hầu hết là ở khu dân da đen. Ở đây ngài còn bắt gặp một số chi tiết bất ngờ không được thú vị lắm. Ngôi nhà nép dưới bóng những cây hạnh đào ở công viên Lôt Êvanhêliôt. Từ bên ngoài ngài thấy ngôi nhà điêu tàn tựa như những ngôi nhà bên rìa thành phố thời thuộc địa nhưng vào bên trong nó là nơi đẹp một cách có trật tự và được soi bởi một thứ ánh sáng rực rỡ dường như thuộc lứa tuổi khác của cõi trần thế. Cửa chính ăn thẳng vào một khu vườn vuông và trắng màu vôi mới với những cây cam đang trổ hoa và nền lát gạch hoa cùng màu xanh với bốn bức tường; đó là nơi vang lên tiếng nước chảy róc rách, nơi có những lồng chim lạ treo trong các hốc tường. Những con chim lạ hơn cả nhốt trong một cái chuồng lớn, là những con quạ mà lúc chúng vỗ cánh thì cả sân nồng nặc một mùi thơm. Vài con

chó bị xích ở những nơi khác nhau trong nhà bỗng sủa ầm lên vì thấy hơi người lạ, nhưng ngay lập tức có tiếng một người đàn bà quát to khiến chúng phải im tiếng và một bầy mèo đông đúc cùng một lúc nhẩy xổ ra từ mọi phía và ngay lập tức chúng cũng ẩn vào các khóm hoa trước tiếng quát của chủ nhà. Thế là không khí ngôi nhà lại rất im ắng, đến độ qua tiếng chim chạy loạn xạ và tiếng nước chảy róc rách vẫn có thể cảm nhận được hơi thở cô đơn của biển cả.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô rùng mình kinh sợ trước ý nghĩ sáng tỏ về sự hiện tồn của Thượng đế và ngài nghĩ rằng một ngôi nhà như ngôi nhà ấy hẳn là đã được miễn dịch rồi. Theo sau Gala Plaxiđia, ngài đi dọc hành lang có mái vòm, rồi đi qua cửa sổ phòng máy may nơi lần đầu tiên Phlôrêntinô Arixa nhìn thấy Phecmina Đaxa khi sân nhà còn ngổn ngang các thứ gạch vữa, rồi ngài bước lên cầu thang đá hoa cương mới tinh cho đến tầng thứ hai và tại đây ngài đứng đợi cho đến khi người hầu gái trở ra mời vào phòng bệnh nhân nữ. Nhưng Gala Plaxiđia quay ra với lời nhắn gửi:

- Cô tôi bảo rằng bây giờ ngài không nên vào phòng vì cha cô tôi đi vắng.

Vậy là lúc năm giờ chiều bác sĩ Huvênan Ucbinô trở lại nhà theo đúng như lời dặn của người hầu gái. Lôrenxô Đaxa đích thân mở cổng cho ngài, dẫn

ngài vào tận phòng ngủ của con gái. Ông ngồi trong xó tối, hai tay khoanh lại cố ý nhưng vẫn không ghìm được hơi thở loạn xạ trong lúc bác sĩ khám bệnh. Thật khó lòng mà biết được ai phải tự kiềm chế hơn ai: bác sĩ với cử động thận trọng đầy cao thượng hay cô bệnh nhân với vẻ e dè của gái tân mặc chiếc áo ngủ bằng lụa, nhưng không ai nhìn thẳng vào mắt ai. Bác sĩ hỏi cô gái bằng giọng vô nhân xưng, còn cô gái trả lời bằng giọng e dè. Cả hai người đều bị người đàn ông ngồi trong xó tối theo dõi chặt chẽ. Cuối cùng, bác sĩ Huvênan Ucbinô đề nghị nữ bệnh nhân ngồi dậy, rồi nhẹ nhàng và thận trọng ngài giúp cô cởi cúc chiếc áo ngủ cho nó tụt xuống thắt lưng, thế là trước mắt ngài hiện ra bộ ngực trinh tân cao dỏng lên với hai núm vú mơn mởn, nó tựa như một bếp lửa bừng sáng trong khoảnh khắc ngay tại căn buồng lờ mờ tối, trước khi cô gái kịp vắt chéo hai cánh tay che kín bộ ngực. Bác sĩ trẻ vẫn giữ được thái độ bình tĩnh, không hề nhìn cô gái, gỡ hai cánh tay cô rồi áp tai vào ngực, vào lưng cô mà nghe phổi hoạt động.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô vẫn thường xuyên kể lại rằng ngài không xúc động một chút nào khi mới tiếp xúc với người đàn bà mà ngài cùng chung sống cho đến khi chết. Ngài nhớ chiếc áo ngủ màu thanh thiên có viền đăng ten, đôi mắt rực lửa như than hồng, mái tóc dài buông xoã che kín hai vai, nhưng

vì quá bối rối lo bệnh tả tràn ngập vào khu phố thời thuộc địa Tây Ban Nha đến mức ngài chẳng hề để ý tới cái đẹp tuyệt vời của cô gái đang ở tuổi thanh xuân rực rỡ mà chỉ chú ý đến những biểu hiện rất nhỏ của bệnh tả có thể đã lây sang cô. Nhưng thái độ của cô gái lại hết sức rõ ràng: người bác sĩ trẻ mà cô từng được nghe nói tới nhiều lần trong việc trừ dịch tả đối với cô hình như là người mô phạm, chẳng có khả năng yêu ai ngoài bản thân mình. Kết quả chẩn đoán bệnh của ngài là cô gái bị rối loạn tiêu hoá, chỉ cần điều trị tại gia trong ba ngày là khỏi. Lôrenxô Đaxa cảm thấy nhẹ cả người trước kết luận của thầy thuốc: con gái ông không bị bệnh tả. Ông đưa bác sĩ Huvênan Ucbinô ra tận cửa xe ngựa, trả ngài một pêxô vàng mà tự thâm tâm ông ta vẫn cho là quá hào phóng cho dù người được nhận là một bác sĩ giàu có. Nhưng ông vẫn tiễn biệt ngài với thái độ biết ơn sâu sắc. Trước tên họ đầy vinh hạnh của người bác sĩ trẻ tuổi, Lôrenxô Đaxa cảm thấy lòng mình xốn xang và ông không những không làm cho tâm trạng phấn khích của mình lắng dịu xuống mà còn làm bất cứ việc gì ngõ hầu gặp lại ngài một lần nữa trong những hoàn cảnh không được bình thường lắm.

Trường hợp đau ốm của Phecmina Đaxa có thể được coi như đã xong. Tuy nhiên ngày thứ ba tuần sau, dù không được mời gọi và nhắn nhủ gì cả, bác

sĩ Huvênan Ucbinô đã trở lại nhà Lôrenxô Đaxa vào lúc ba giờ chiều, một giờ không được thuận lợi lắm. Phecmina Đaxa ở trong phòng máy may, cùng với hai bạn gái đang học vẽ tranh sơn dầu. Giữa lúc ấy ngài xuất hiện ở bên ngoài cửa sổ, mặc bộ lêvita trắng nguyên nếp là, đội chiếc mũ cao ống cũng màu trắng, và ngài ra hiệu cho cô gái đến gần mình. Cô gái đặt giá vẽ xuống ghế ngồi, đi đến cửa sổ, hai chân kiễng trên năm ngón chân, gấu váy vén cao đến mắt cá chân để nó không quét lê trên sàn nhà. Cô gái đội một chiếc miện có đính một viên ngọc trước trán mà màu sáng lóng lánh của viên ngọc y hệt đôi mắt cô. Toàn thân cô gái toát ra một vẻ dịu dàng tươi mát. Bác sĩ trẻ thảng thốt nhận thấy rằng cô ăn mặc để ở nhà học vẽ như để đi hội. Từ ngoài cửa sổ ngài cầm tay bắt mạch cô gái, bảo cô gái thè lưỡi ra rồi dùng cái đè lưỡi bằng nhôm sáng bóng khám họng cho cô. Ngài nhìn họng cô và mỗi lần nhìn ngài tán thưởng một lần. Lần này ngài không tự kiềm chế như lần trước. Trái lại cô gái phải tự kiềm chế nhiều hơn vì cô vẫn chưa biết lý do của việc khám bệnh không được báo trước: chính bác sĩ từng nói rằng sẽ không trở lại nếu không cho gọi ngài đến để xem xét các trường hợp đột biến của bệnh tình. Hơn thế, không bao giờ cô muốn nhìn thấy ngài nữa. Khi khám bệnh xong, bác sĩ cất cái đè lưỡi vào túi đựng dụng cụ và thuốc men rồi khoá

lại.

- Như một bông hồng mới nở, - ngài nói.

- Xin đa tạ.

- Tạm biệt nhé! - Ngài nói và sau đó dẫn lời Thánh Tôma nhưng không thật chính xác lắm. - Hãy nhớ rằng điều tốt lành đến với ta từ nơi nó đến, từ Chúa thánh thần. Cô có thích âm nhạc không?

Ngài hỏi điều đó với một nụ cười vui vẻ như chẳng có ý định gì nhưng cô gái không cười, hỏi lại:

- Ngài hỏi làm gì?

- Âm nhạc rất quan trọng đối với sức khoẻ, - ngài trả lời.

Thật tình ngài tin điều đó và cô gái nhanh chóng biết ngay rằng chủ đề âm nhạc là một hình thức mầu nhiệm mà ngài bác sĩ vẫn thường dùng để thiết lập các quan hệ bạn bè nhưng lúc ấy cô giải thích nó như một trò cười. Ngoài ra, hai người bạn gái vốn giả vờ đang vẽ trong lúc hai người nói chuyện với nhau bên cửa sổ đã cười rúc rích và vội lấy giá vẽ che mặt đi. Chính điều đó càng làm cho Phecmina Đaxa thêm bối rối. Cô gái giận điên người liền đóng sập cửa sổ lại. Bác sĩ lúng túng trước tấm rèm đăng ten che cửa sổ, cố tìm con đường ra cửa chính nhưng ngài bị lạc lối. Trong lúc hoảng loạn ngài vấp phải chuồng nhốt bầy quạ hương. Những con vật này sợ hãi kêu lên, vỗ cánh

lia lịa và thế là quần áo của vị bác sĩ vương đậm mùi thơm son phấn của phụ nữ. Tiếng nói to như sấm rền của Lôrenxô Đaxa buộc ngài phải đứng yên một chỗ:

- Bác sĩ, hãy đợi tôi.

Từ trên tầng cao, ông đã nhìn thấy hết và ông vội vã chạy xuống cầu thang, vừa chạy vừa đóng cúc áo, mặt còn nề và xanh xám, chân chạy loạng choạng vì giấc ngủ trưa bị dở chừng. Bác sĩ cố gắng chịu đựng không khí oi nóng.

- Tôi nói với con gái ông rằng cô ta như một bông hồng đấy, - ngài nói.

- Đúng thế, - Lôrenxô Đaxa nói, - nhưng là một bông hồng có quá nhiều gai.

Ông đến gần bác sĩ Huvênan Ucbinô mà không chào ngài. Ông đẩy tung hai cánh cửa sổ phòng máy may rồi với giọng oai vệ ông thét cô con gái:

- Hãy đến xin lỗi bác sĩ đi.

Bác sĩ định bụng tham gia câu chuyện để can ngăn ông, nhưng Lôrenxô Đaxa không thèm nghe lời khuyên của ngài. "Có nhanh lên không!". Cô gái nhìn các bạn mình với ý mong họ thông cảm cho và cãi lại cha rằng mình không làm điều gì thất thố để phải xin lỗi, còn việc cô khép cửa lại chẳng qua là để ánh nắng khỏi lọt vào phòng. Bác sĩ Huvênan Ucbinô bằng lòng với lời giải thích ấy và cho rằng cô gái nói rất phải nhưng Lôrenxô Đaxa cứ một

mực đòi con gái phải xin lỗi. Thế là Phecmina Đaxa đi ra phía cửa sổ, giận đến xanh cả mặt. Cô đưa chân phải lên phía trước trong lúc ngón tay cô khẽ kéo cao váy lên, làm động tác rất kịch để xin lỗi bác sĩ:

- Xin công tử xá lỗi cho.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô vui vẻ bắt chước cô, dương cao chiếc mũ lên và cúi gập người xuống để đáp lễ nhưng không nhận được nụ cười thương hại từng mong đợi ở nơi cô. Ngay sau đó Lôrenxô Đaxa mời ngài lên văn phòng uống một tách cà phê giải phiền và ngài vui lòng chấp nhận để chứng tỏ cho chủ nhân biết rằng trong tâm hồn mình không còn một chút ân hận.

Sự thật là bác sĩ Huvênan Ucbinô không uống cà phê trừ tách cà phê lúc điểm tâm. Ngài cũng không uống rượu trừ một tách nhỏ trong các bữa tiệc vào dịp trọng thể. Nhưng ngài không những đã uống tách cà phê Lôrenxô Đaxa mời mà còn uống cả một cốc rượu hồi. Sau đó ngài nhận từ tay Lôrenxô Đaxa một tách cà phê và một cốc rượu khác, sau đó lại nhận tiếp mặc dù ngài còn phải đi thăm một vài con bệnh đã hẹn trước. Thoạt đầu ngài chú ý nghe Lôrenxô Đaxa nhân danh con gái xin ngài thứ lỗi. Ông xác định con gái mình là một cô gái thông minh và chín chắn xứng đáng làm vợ một hoàng tử ở đây hay ở bất cứ nơi nào trừ khiếm khuyết duy

nhất của cô ta là cái tính cách ương bướng như lừa cái. Nhưng sau cốc rượu thứ hai, ngài tưởng mình nghe tiếng nói của Phecmina Đaxa vang lên từ cuối sân và thế là trí tưởng tượng của ngài liền theo sau cô gái, theo miết cô trong lúc cô thắp sáng các ngọn đèn dọc theo hành lang, trong lúc cô lấy bình thuốc muỗi để phun các phòng ngủ, trong lúc cô mở nắp nồi súp đang sôi trên bếp lửa, thứ súp mà đêm ấy cô sẽ cùng ăn với cha mình, ông và cô ngồi ở bàn ăn, không hề ngước mắt nhìn nhau, không hề húp súp để khỏi làm tan biến niềm vui đang trào dâng trong lòng cho đến khi ông phải đấu dịu và xin lỗi cô gái vì thái độ quá đáng của mình buổi chiều ấy.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô hiểu tương đối kỹ đám chị em phụ nữ để tự biết rằng Phecmina Đaxa sẽ không xuất hiện ở văn phòng chừng nào ngài chưa ra về nhưng bằng bất cứ giá nào ngài cũng ngồi đợi vì niềm kiêu hãnh bị tổn thương sẽ không để cho ngài được sống thanh thản sau những cú bị xúc phạm trong buổi chiều ấy. Lôrenxô Đaxa, đã say mềm rồi, không nhận ra ngài bác sĩ trẻ đang lơ đễnh không chú ý nghe mình nói, bởi vì ông bằng lòng với ngôn từ thao thao bất tuyệt của chính mình. Ông nói liến thoắng, mà miệng cứ nhai hoài mẩu xì gà đã tắt, mà cứ ho từng cơn dài đến khản cổ, mà cứ khạc nhổ hoài, mà cứ xoay người hoài trên chiếc ghế xoay vì lò xo của nó cứ rền rĩ kêu cót

két. Cứ mỗi bận rót rượu mời khách ông đã uống đến ba cốc rượu và chỉ tạm nghỉ khi thấy trời tối không nhìn rõ mặt nhau. Ông đứng dậy đi thắp đèn. Với ánh sáng ngọn đèn mới thắp, bác sĩ Huvênan Ucbinô nhìn thẳng vào mặt ông thấy mắt ông lác hẳn đi như mắt cá, thấy ngôn từ của ông không ăn nhịp với cử động của môi, và ngài nghĩ rằng có lẽ mình say rượu nên đã nhìn thấy ông như vậy. Thế là ngài đứng dậy với cảm giác cực kỳ hào hứng dường như mình không phải là mình, dường như mình đang ở trong thân xác người kác, kẻ đang ngồi trong cái chỗ ngài ngồi và ngài phải gắng gượng lắm để khỏi mất trí khôn.

Được Lôrenxô Đaxa theo chân, bác sĩ Huvênan Ucbinô bước ra khỏi văn phòng. Lúc này đã hơn bảy giờ tối. Đêm ấy trăng tròn. Cái sân dưới con mắt của kẻ ngà ngà say đang trôi nổi trong đáy sâu một nhà cá cảnh và các chuồng chim được phủ kín những mảnh vải nom tựa như những bóng ma đang im lìm ngủ trong mùi hoa mới nở thơm nồng. Cửa sổ phòng máy may vẫn mở toang, có một ngọn đèn thắp sáng đặt trên bàn làm việc, và những bức tranh chưa vẽ xong nằm trên các giá vẽ tựa như trong một cuộc triển lãm. "Em ở đâu mà không thấy nhỉ", bác sĩ Huvênan Ucbinô nói khi đi qua, nhưng Phecmina Đaxa không nghe thấy lời ngài. Cô không nghe được bởi cô đang khóc vì giận dữ trong phòng

ngủ. Cô nằm úp mặt trên giường đợi cha vào để bắt đền ông vì tội đã làm cô mất thể diện trong buổi chiều ấy. Bác sĩ trẻ vẫn chưa từ bỏ ý định chào tạm biệt cô gái nhưng Lôrenxô Đaxa lại không cố ý yêu cầu ngài. Bác sĩ trẻ nhớ mãi cái nhịp đập thơ dại của con tim cô gái, nhớ mãi cái lưỡi đỏ tươi như lưỡi mèo của cô gái, nhớ mãi cái vòm họng tươi non của cô gái nhưng cái ý nghĩ cô gái sẽ chẳng bao giờ muốn nhìn ngài và cũng chẳng bao giờ cho phép ngài nhìn mình đã làm cho ngài cụt hứng. Khi Lôrenxô Đaxa bước vào cổng chính, bầy quạ ngủ dưới những tấm vải bật thức kêu lên mấy tiếng nghe rầu rĩ. "Chúng sẽ móc mắt em mất", bác sĩ trẻ nói mà lòng vẫn nghĩ đến cô gái. Lôrenxô Đaxa liền quay đầu lại hỏi ngài nói gì.

- Không phải tôi nói đâu, - ngài bảo thế. - Rượu hồi nó nói đấy.

Lôrenxô Đaxa đưa ngài ra tận xe, cố sức thuyết phục ngài nhận một đồng pêxô vàng trả cho chuyến khám bệnh lần thứ hai này nhưng ngài đã từ chối. Ngài dặn dò cẩn thận người đánh xe ngựa để anh ta đưa ngài đến nhà hai bệnh nhân vẫn chưa đến thăm rồi ngài trèo lên xe không cần phải ai giúp đỡ. Nhưng ngài cảm thấy khó chịu khi xe bắt đầu nhẩy chồm chồm trên đường lát đá, thế là ngài bảo người xà ích cho xe rẽ sang đường khác. Ngài nhìn mình trong gương xe một lúc và thấy rằng trí tưởng tượng

của mình vẫn tiếp tục nghĩ đến Phecmina Đaxa. Ngài nhún vai. Sau cùng ngài ợ hơi, gục đầu xuống ngực rồi ngủ và trong giấc mơ ngài nghe thấy tiếng chuông cầu hồn. Thoạt đầu ngài nghe thấy tiếng chuông Nhà Thờ lớn, sau đó tiếng chuông của tất cả các nhà thờ, tiếng chuông tiếp tiếng chuông cho đến tất cả những mảnh chuông vỡ của nhà thờ Thánh Hulian cũng vang lên.

- Đồ cứt đái, - ngài nói trong lúc đang ngủ, - những người chết đang chết.

Mẹ ngài cùng các em gái đang ngồi ăn bữa tối gồm cà phê sữa và bích quy kem ngay tại bàn tiệc trong phòng ăn lớn thì thấy ngài về với bộ mặt buồn bã và toàn thân ngài phả ra mùi quạ hương, sực mùi son phấn của gái điếm. Tiếng chuông âm vang của Nhà Thờ lớn vẫn vang vọng trong không gian bao la của ngôi nhà. Bà mẹ thẳng thốt hỏi ngài chui rúc ở đâu bởi vì người ta đã tìm kiếm ngài khắp nơi mà chẳng thấy. Người ta tìm ngài để ngài đến chăm sóc tướng quân Ichgonaxiô Maria, người cháu cuối cùng của cụ Mackêt đê Harait đê la Vêra, người đã chết buổi chiều ấy vì đứt mạch máu não. Chuông nhà thờ đổ hồi liên tục là để cầu hồn cho ngài. Bác sĩ Huvênan Ucbinô nghe mẹ nói mà như không nghe, tay vịn chắc vào thành cửa, sau đó quay người nửa vòng định đi thẳng vào phòng ngủ của mình, nhưng ngài ngã sấp mặt xuống một bãi nôn mửa sực

mùi rượu hồi.

- Lạy Đức Mẹ Đồng trinh, - mẹ ngài hoảng hốt gào lên, - chắc là có chuyện kì dị lắm đã xảy ra với con rồi đến nỗi con về nhà với tình trạng thảm hại này.

Tuy nhiên chuyện dị kì hơn cả vẫn chưa xảy ra. Nhân dịp chuyến đến thăm thành phố của nghệ sĩ đàn pianô nổi tiếng, người chơi cả một sưu tập sônat của Môda, nhưng vì thành phố đang bận đám tang tướng quân Ichgonaxiô Maria nên ông ta vẫn còn nghỉ, bác sĩ Huvênan Ucbinô liền ra lệnh đưa cây đàn pianô của Trường âm nhạc lên một chiếc xe lừa kéo chở đến gần nhà Phecmina Đaxa, rồi ngài cùng nhà nghệ sĩ chơi một bản nhạc sêrênata[1] để hiến tặng cô. Phecmina Đaxa thức dậy ngay từ những nhịp nhạc đầu tiên và chẳng cần phải vén tấm rèm đăng ten để thò đầu ra ban công mới biết ai là người tổ chức ra buổi nhạc đêm kì dị này. Điều duy nhất mà cô tự than phiền là mình không có cái dũng cảm của các cô trinh nữ thông thái khác từng vãi hết phân đựng trong hố xí xách tay xuống đầu kẻ đang theo đuổi mình. Trái lại, trong khi bản nhạc sêrênata đang cử hành, Lôrenxô Đaxa đã vội vã mặc quần áo, rồi khi nó kết thúc ông đã kịp mời bác sĩ Huvênan Ucbinô và nghệ sĩ đàn pianô vào

[1] Một khúc nhạc tình mà khi tỏ tình các chàng trai hay chơi.

phòng khách và tặng mỗi người một cốc rượu brandy tuyệt ngon để cảm tạ bản nhạc sêrênata vừa được tấu lên.

Phecmina Đaxa lập tức biết ngay rằng cha cô đang cố sức làm mềm yếu trái tim cô. Ngay ngày hôm sau đêm tấu bản nhạc sêrênata ấy, cha cô nói với cô vẻ thản nhiên: "Con thử nghĩ mà xem mẹ con sẽ vui như thế nào nếu bà ấy được biết rằng con đang được một Ucbinô đê la Cadê theo đuổi". Cô gái tỉnh bơ cãi lại: "Có mà mẹ con lại chết thêm một lần nữa ở trong mồ". Các bạn gái cùng cô học vẽ kể lại cho cô biết rằng Lôrenxô Đaxa đã được bác sĩ Huvênan Ucbinô mời ăn cơm trưa tại Câu lạc bộ Xã hội và sự kiện này đã trở thành mục tiêu để giới quý tộc bình phẩm vì nó trái với nguyên tắc đạo lý thông thường. Chỉ đến lúc này cô mới biết rằng cha cô đã vài lần xin gia nhập Câu lạc bộ Xã hội và trong tất cả các lần đó ông đều bị từ chối bởi số phiếu chống tuyệt đối và kết quả ấy cho ông thấy rằng mình không có điều kiện để lần khác xin gia nhập tổ chức này. Nhưng Lôrenxô Đaxa đã phải nhẫn nhục chịu đựng như một bác phó thùng và ông tiếp tục chơi trò may rủi ngõ hầu có thể gặp được bác sĩ Huvênan Ucbinô. Trong khi đó chính ông không biết rằng bác sĩ Huvênan Ucbinô cũng là người làm hết sức mình để ông có điều kiện gặp được ngài. Có những bận cả hai người ngồi nói

chuyện hàng giờ trong phòng làm việc của Lôrenxô Đaxa và ngôi nhà dường như dừng lại ở ngoài dòng chảy của thời gian bởi vì Phecmina Đaxa muốn rằng trong lúc bác sĩ Huvênan Ucbinô còn ở trong phòng làm việc của cha cô thì không một thứ gì được tiếp tục sống cuộc sống của chính nó. Quán cà phê Parôkia là một trạm trung chuyển rất tốt. Đó chính là nơi Lôrenxô Đaxa dạy bác sĩ Huvênan Ucbinô chơi cờ đam và ngài đã trở thành một học trò rất cần cù đến mức cờ đam đã trở thành một đam mê không gì có thể chữa lành từng dày vò ngài cho đến khi chết.

Có một đêm sau cái đêm người ta độc tấu đàn pianô bản nhạc sêrênata, Lôrenxô Đaxa bắt gặp một phong thư hồng ở ngay cổng chính nhà mình gửi con gái và ở chỗ đề tên người gửi in đậm màu hồng ba chữ H.V.C[1]. Khi đi qua phòng ngủ của Phecmina Đaxa ông luồn phong thư phía dưới cánh cửa và cô gái không tài nào hiểu nổi làm sao nó lại có thể lọt được vào tận đấy, bởi vì cô không thể tin được rằng chẳng lẽ cha mình đã thay đổi quá nhiều đến mức trở thành kẻ đồng loã với người đang theo đuổi mình để mang thư của họ về cho cô. Cô đặt phong thư lên chiếc bàn ngủ mà không biết nên làm gì và trong vài ngày liền nó nằm yên ở đó cho đến

[1] Tên viết tắt của bác sĩ Huvênan Ucbinô đê la Cadê.

một chiều mưa Phecmina Đaxa mơ thấy bác sĩ Huvênan Ucbinô đến nhà tặng cô chiếc đè lưỡi mà ngài từng dùng nó để khám họng cô. Chiếc đè lưỡi trong giấc mơ không bằng nhôm trái lại bằng một thứ kim loại có thể ăn được mà cô đã từng ăn nó thích thú trong những giấc mơ khác, thế là cô bẻ nó làm hai phần không đều nhau và cô đưa cho ngài phần nhỏ hơn.

Khi thức dậy cô mở phong thư. Đó là một bức thư ngắn gọn và thú vị, và điều duy nhất mà bác sĩ Huvênan Ucbinô van nài cô hãy xin phép cha để ngài được đến thăm cô. Nội dung giản dị và nghiêm túc của bức thư khiến cô cảm động và cơn giận được vun trồng bằng tình yêu trong biết bao ngày nay bỗng nhiên tan biến. Cô để bức thư trong một cái hộp cũ rồi cất vào đáy nhưng cô kịp nghĩ ra rằng đó cũng là nơi từng cất những bức thư thơm lựng mùi nước hoa của Phlôrêntinô Arixa. Thế là cô lại lấy cái hộp ra cất vào nơi khác mà toàn thân cô run rẩy vì cảm giác xấu hổ râm ran chạy khắp người. Do đó cô cảm thấy rằng điều danh giá hơn cả là nên làm như không nhận được bức thư ấy. Vậy là cô đã đốt nó trên ngọn lửa đèn mà ngắm nhìn phẩm hồng cháy chuyển thành ngọn lửa xanh. Cô thở dài não nuột, nói: "Một con người đáng thương". Bỗng cô nhận ra rằng chưa đầy một năm, đây là lần thứ hai cô lại nói câu ấy, rồi trong khoảnh khắc cô nghĩ đến

Phlôrêntinô Arixa và chính cô cũng phải ngạc nhiên thấy anh rất xa lạ trong cuộc đời mình: một con người đáng thương.

Trong tháng mười, những ngày mưa muộn mằn, có ba bức thư nữa được gửi tới. Bức thứ nhất được gửi kèm với một hộp kẹo màu xanh do Tu viện Phlavinhi sản xuất. Hai bức kia được tay xà ích của bác sĩ Huvênan Ucbinô đưa đến tận cổng. Từ trong xe, người xà ích này chào Gala Plaxiđia với mục đích: thứ nhất là để người ta không nghi ngờ gì nữa những bức thư này là của bác sĩ Huvênan Ucbinô, thứ hai là để không ai có thể chối được rằng những bức thư đó không được nhà này nhận. Ngoài ra chúng còn được dán bằng cồn màu hồng và viết với những con chữ nguệch ngoạc mà Phecmina Đaxa từng quen biết: chữ của bác sĩ. Cả hai bức thư này đều nói lại chính những điều đã được đề cập tới trong bức thư thứ nhất, đều được viết ra bởi một tinh thần khiêm tốn nhưng đằng sau cái vẻ trang nhã lịch sự ấy đã bắt đầu để lộ một tình cảm đam mê xác thịt chưa bao giờ có trong những bức thư của Phlôrêntinô Arixa. Ngay sau khi nhận được thư, Phecmina Đaxa đọc ngay. Chỉ hai tuần sau thôi kể từ khi nhận được lá thư đầu tiên, cô đã thay đổi quan niệm: khi sắp ném thư vào bếp lửa thì cô đã giữ lại. Nhưng tuy nhiên cô chưa bao giờ nghĩ đến việc trả lời thư ngài.

Lá thư thứ ba trong tháng mười được luồn phía dưới cánh cổng và hoàn toàn khác hẳn với những bức thư trước đây. Chữ viết rất trẻ con đến mức có thể nhận ra ngay là nó được viết bằng tay trái nhưng Phecmina Đaxa lại không nghĩ thế mà cô lại cứ nghĩ nó là một bức thư nặc danh. Người viết bức thư đó cho rằng Phecmina Đaxa đã bỏ bùa mê cho bác sĩ Huvênan Ucbinô và từ sự đoán định ấy anh ta đã đi đến những kết luận nghiêm khắc. Cuối thư anh ta đe doạ nếu Phecmina Đaxa không từ bỏ ý định lập thân với người đàn ông được ngưỡng vọng nhất của thành phố thì sẽ bị bêu riếu trước công chúng.

Phecmina Đaxa cảm thấy mình là nạn nhân của một nhận định hết sức sai trái nhưng phản ứng của cô không mang tính chất trả thù mà hoàn toàn ngược lại: cô muốn tìm cho ra tác giả của bức thư nặc danh kia để bằng những lý lẽ hợp tình hợp lý mà thuyết phục anh ta từ bỏ những ý nghĩ sai lầm đó vì cô vững tin ở mình là chẳng bao giờ và không vì một lý do gì cô lại đi bỏ bùa mê cho bác sĩ Huvênan Ucbinô. Những ngày sau đó cô nhận thêm một số thư khác cũng không ký tên ở dưới. Cũng như bức thư đầu tiên, chúng rất khác lạ nhưng không một bức thư nào chứng tỏ chúng được một người duy nhất viết ra. Hoặc giả cô là nạn nhân của một âm mưu, hoặc giả sự giải thích sai lạc những tình yêu thầm kín của cô đã quá xa đều có thể được

dự đoán. Ý nghĩ cho rằng tất cả những sự kiện ấy là hậu quả của việc làm thiếu thận trọng của bác sĩ Huvênan Ucbinô làm cô lo lắng. Cô từng nghĩ rằng có lẽ trong các buổi viếng thăm, ngài đã buột miệng nói ra và khiến mọi người ngạc nhiên trước cuộc săn đuổi tình yêu tưởng tượng của mình như biết bao người đàn ông thuộc giới quý tộc đã làm. Cô nghĩ tới việc viết thư cho ngài để phản đối việc làm ảnh hưởng xấu đến danh dự cô nhưng rồi cô từ bỏ ý định ấy ngay, vì có thể đó cũng chính là điều ngài mong đợi chăng. Cô đem chuyện ấy nói với các bạn gái cùng học vẽ tại phòng máy may, hy vọng họ sẽ cung cấp cho mình những thông tin mới thì các cô này cho biết rằng điều duy nhất họ nghe được là những lời tán thưởng rất tốt đẹp về bản nhạc sêrênata được độc tấu trên đàn pianô. Cô cảm thấy tức điên người, cảm thấy mình bất lực, cảm thấy mình bị xỉ nhục. Khác hẳn với thời kỳ đầu khi cô chỉ muốn gặp mặt kẻ thù dấu mặt để nói cho anh ta biết anh ta đã nhìn nhận sai về cô thì bây giờ cô chỉ muốn lấy mũi kéo làm vườn mà đâm vào mặt anh ta thôi. Nhiều đêm cô thức trắng để phân tích tỉ mỉ những chi tiết cũng như những lời nói trong các thư nặc danh với hy vọng sẽ tìm thấy lời an ủi. Nhưng đó là một ảo tưởng: Phecmina Đaxa, theo bản tính của cô, hoàn toàn xa lạ với thế giới nội tâm của những người thuộc dòng họ Ucbinô đê la Cadê, và

cô có những vũ khí để tự vệ mình trước các ngón chơi đẹp nhưng không thể tự vệ mình trước những ngón chơi xấu của họ.

Cái ý nghĩ sáng tỏ này càng trở nên cay đắng hơn khi những ngày không nhận được thư cô lại nhận được một con búp bê. Con búp bê này khiến cô hoảng hốt nhưng cô nhận ra ngay người gửi nó cho mình: chỉ có bác sĩ Huvênan Ucbinô mới có thể làm được điều này. Nó từng được mua ở đảo Mactinich, theo như nhãn hiệu ghi rõ, vận một bộ áo váy lộng lẫy, tóc vàng xoăn tít lại, nhắm mắt khi được đặt nằm xuống. Phecmina Đaxa rất thích thú con búp bê này đến mức cô đã tự vượt lên trên những nghi ngờ của mình và suốt ngày cô đặt nó ngủ trên gối của mình. Cô đã quen ngủ với búp bê. Tuy nhiên, có một hôm sau giấc ngủ mê mệt cô thức dậy nhận thấy con búp bê đang lớn: bộ váy áo nó mặc lúc đầu khi đến nhà này đã ngắn lại để lộ hai đùi, đôi giày cũng nứt toác do hai bàn chân to ra. Phecmina Đaxa từng nghe thấy người ta nói về các thứ bùa yểm của người dân Phi châu nhưng không một thứ bùa yểm nào kinh rợn bằng thứ này. Mặt khác, cô cũng không thể nghĩ rằng một người đàn ông như bác sĩ Huvênan Ucbinô lại có đủ khả năng làm cái trò dị mọi ấy. Quả thật là cô có lý: con búp bê này không phải do người xà ích mang đến nhà mà là do một người bán tôm rong mà không một ai biết rõ tung

tích về người này. Vì đang cố gắng tìm hiểu câu chuyện bí hiểm này, bỗng Phecmina Đaxa lại nghĩ đến Phlôrêntinô Arixa mà số phận buồn thảm của anh khiến cô giật mình. Nhưng cuộc đời đã tự gánh lấy trách nhiệm làm cho cô hiểu những thiếu sót của bản thân. Đã chẳng bao giờ điều bí hiểm kia được làm sáng tỏ và sự hồi tưởng đơn giản về nó khiến Phecmina Đaxa rùng mình kinh hãi cho đến khi cô cưới chồng, có con, và tin rằng mình là một cô gái được số phận lựa chọn: người con gái hạnh phúc nhất trần gian.

Âm mưu cuối cùng của bác sĩ Huvênan Ucbinô được thể hiện ở sự dàn xếp của nữ tu sĩ Phranca đê la Lut, Mẹ bề trên của trường Đức Mẹ Đồng trinh, người đã không thể từ chối sự nhờ vả của một gia đình từng tạo điều kiện thuận lợi cho giáo đoàn kể từ khi nó được thành lập ở châu Mỹ. Vào lúc chín giờ sáng, Mẹ bề trên đến nhà cùng với một nữ tu sĩ mới tu và cả hai người đều phải tự tìm cách vui chơi với những lồng chim lạ trong lúc đợi Phecmina Đaxa tắm xong. Mẹ bề trên là một người đàn bà Đức có tướng mạo đàn ông: giọng nói sang sảng, ánh mắt nghiêm nghị quyền thế hoàn toàn xa lạ với những đam mê thơ ngây của bà. Không một thứ gì trên thế gian này lại khiến Phecmina Đaxa căm thù bằng sự căm thù Mẹ bề trên, căm thù những gì có liên quan với bà và chỉ một ký ức về sự đối xử thiếu

tình thương của bà đã khiến cô gái rừng mình sợ hãi. Từ cửa nhà tắm, chỉ cần nhận ra Mẹ bề trên ngay lập tức Phecmina Đaxa đã sống lại những kỷ niệm về sự trừng phạt ở nhà trường, về giấc ngủ khó chịu sau lễ mixa hàng ngày, về nỗi sợ hãi khi kỳ thi đến, về sự làm lụng tất bật của các nữ tu sĩ mới tu, về cuộc sống nhàm chán do thiếu trí tuệ. Trái lại nữ tu sĩ Phranca đê la Lut đã vồn vã chào cô với vẻ chân thành. Mẹ bề trên ngạc nhiên thấy cô lớn và trưởng thành nhiều quá và ca ngợi ý thức của người giữ gìn cho ngôi nhà phong quang sạch sẽ, cho cái sân có vẻ đẹp dễ mến, ca ngợi hương thơm nồng ấm của đủ loại hoa. Mẹ bề trên ra lệnh cho cô nữ tu sĩ mới tu hãy đợi mình ở ngoài sân nhưng không được đến gần chuồng quạ kẻo dễ bị chúng móc mắt. Bà đích thân tìm một chỗ kín đáo để nói chuyện riêng với Phecmina Đaxa. Cô mời Mẹ bề trên vào phòng khách.

Đây là một chuyến viếng thăm ngắn ngủi và khó chịu. Không để mất thời giờ vào những lời mào đầu, nữ tu sĩ Phranca đê la Lut đã trao cho Phecmina Đaxa tờ chứng chỉ phục hồi danh dự cho cô. Việc đuổi học cô chẳng những sẽ được xoá khỏi các hồ sơ mà còn được xoá khỏi ký ức của giáo đoàn. Việc làm này sẽ cho phép cô tiếp tục học hết tú tài toàn phần và giành tấm bằng tú tài văn chương. Phecmina Đaxa hết sức ngạc nhiên muốn

được biết lý do.

- Đó là lời đề nghị của một người xứng đáng trên mọi phương diện và nguyện vọng tha thiết duy nhất của ông ta là làm cho con được hạnh phúc, - Mẹ bề trên nói. - Con có biết là ai không?

Thế là cô gái hiểu. Cô tự hỏi lòng mình rằng người đàn bà từng vặn cong cuộc đời cô chỉ vì một bức thư dại dột lấy quyền gì để chắp nối tình yêu cho người khác. Song cô không dám nói ra. Trái lại cô nói rằng cô có biết, rằng cô có quen biết người đàn ông ấy mà cũng chính vì thế cô biết rằng ông ta chẳng có quyền gì can thiệp vào cuộc đời cô.

- Điều duy nhất mà ông ta tha thiết van xin con là con hãy cho phép ông ta được nói chuyện riêng với con trong vòng năm phút đồng hồ, - nữ tu sĩ nói. - Ta tin chắc rằng cha con sẽ đồng ý đấy.

Nỗi căm giận của Phecmina Đaxa càng gay gắt hơn bởi ý nghĩ cho rằng cha cô là kẻ đồng loã với chuyến viếng thăm này.

- Chúng con đã hai lần gặp nhau rồi vào lúc con bị ốm, - cô gái nói. - Bây giờ không có bất kỳ một lý do nào để cho ông ta đến nhà.

- Đối với bất kỳ một người con gái trán chỉ rộng hai đốt ngón tay thôi thì con người ấy là quà tặng của Đấng Toàn năng đấy, con ạ.

Mẹ bề trên tiếp tục ca ngợi những đức tính của ngài, ca ngợi lòng kính yêu Thượng đế của ngài, ca

ngợi sự hiến dâng cả đời mình cho sự nghiệp trị bệnh cứu người của ngài.Trong khi nói, Mẹ bề trên rút từ trong ống tay áo thụng ra một chuỗi hạt bằng vàng có ảnh Chúa Giêsu khắc trên bài ngà rồi vung nó quay tròn trước mắt Phecmina Đaxa. Đó là một báu vật của gia đình, cổ đến hơn một trăm năm rồi, được một người thợ kim hoàn Xiêna làm và được Giáo hoàng Clêmentê IV ban phước lành.

- Của con đấy, - Mẹ bề trên nói.

Phecmina Đaxa cảm thấy máu chảy rần rật trong huyết quản mình, thế là cô đã bạo dạn lên.

- Con không tự giải thích cho mình hiểu nổi vì sao Mẹ bề trên lại sẵn lòng làm cái việc chắp nối tình yêu này một khi Mẹ từng cho rằng ái tình là tội lỗi?

Nữ tu sĩ Phranca đê la Lut giả vờ như không để ý đến lời trách móc ấy nhưng hai mắt bà ta nẩy lửa. Mẹ bề trên vẫn tiếp tục quay tròn vòng tràng hạt bằng vàng trước mắt cô.

- Tốt hơn hết là con nên nghe theo lời ta, - Mẹ bề trên nói, - vì sau chuyến viếng thăm của ta đức giám mục có thể đến đây và với ngài mọi việc sẽ khác đấy.

- Mong rằng ngài sẽ đến, - Phecmina Đaxa nói.

Nữ tu sĩ Phranca đê la Lut giấu vòng tràng hạt vào ống tay áo. Sau đó bà lại rút từ ống tay áo khác một chiếc mùi xoa cũ, vo lại thành một quả bóng

rồi bà nắm chặt nó trong lòng bàn tay mà nhìn Phecmina Đaxa với một nụ cười đầy lòng thương cảm.

- Tội nghiệp con gái ta, - Mẹ bề trên thở dài, - con vẫn còn nghĩ đến gã ấy.

Phecmina Đaxa đành phải ngậm bồ hòn làm ngọt trước thái độ xấc xược ấy để nhìn không chớp mắt vào mắt nữ tu sĩ, không hề nói một lời, cứ thế lặng nhìn cho đến khi với niềm vui bất tận cô thấy rằng đôi mắt đàn ông của nữ tu sĩ ràn rụa nước mắt. Nữ tu sĩ Phranca đê la Lut lấy quả bóng làm bằng khăn mùi xoa lau khô lệ, rồi đứng dậy:

- Đúng như cha con nói rằng con là một con lừa cái, - Mẹ bề trên nói.

Đức giám mục không đến nhà. Dù ngài đến thì sự ô bế của bác sĩ Huvênan Ucbinô cũng phải kết thúc vào ngày ấy vì Hinđêbranđa đã đến đây để dự lễ Nôen với người em họ của cô và thế là cuộc sống của hai người đã thay đổi. Vào lúc năm giờ sáng, gia đình đón cô cháu gái từ trên tàu Riôacha đến trong khung cảnh ồn ào, các hành khách lả đi vì say sóng nhưng Hinđêbranđa bước xuống tàu với vẻ tươi tắn rạng rỡ, rất đàn bà, với tinh thần vui nhộn bất chấp một đêm vất vả đi trên tàu. Cô ta đến mang theo những bu vịt sống và các sọt đựng cơ man hoa quả do vùng đất trù phú của cô sản sinh ra, để trong lúc cô ở lại nhà Phecmina Đaxa không ai phải thiếu

ăn. Liximạcô Sanchêt, cha cô, nhờ cô hỏi hộ xem gia đình có cần nhạc công để vui chơi trong ngày lễ Paxqua không, bởi vì ông có sẵn những tay nhạc công cự phách và ông nhờ nói giùm mình sẽ gửi đến sau một thùng pháo hoa. Ngoài ra ông còn nhắn rằng ông chưa thể đến để đón cô con gái trước tháng tư. Vậy là cô con gái có đủ thời giờ để mà vui chơi ở đây.

Cả hai cô gái liền lao ngay vào cuộc sống vui chơi thoả thích. Ngay từ buổi chiều mới đến họ cùng tắm chung, khoả thân, cùng kì cọ cho nhau trong nhà tắm. Họ cùng xoa xà phòng cho nhau, cùng tuốt trứng chấy cho nhau, cùng so đọ mông vế của nhau, so đọ bộ ngực căng mọng của nhau, người nọ nhìn vào người kia tựa như nhìn vào gương để mà ngạc nhiên đến mức phát mừng rỡ khi thấy cơ thể của nhau đã đẹp lên biết nhường nào kể từ lần cuối cùng thấy nhau để truồng. Hinđêbranđa cao lớn và đẫy đà, nước da trắng ngần nhưng thứ lông mọc trên toàn thân cô lại có màu đen đen, ngắn và xoăn tít lại như phoi bào. Ngược lại Phecmina Đaxa có tấm thân chưa phát triển đầy đủ, các đường cong thẩm mỹ chưa nổi rõ, nước da trắng hơi xanh, lông mọc trên da cô mượt mà. Gala Plaxiđia đã thu xếp buồng ngủ, dọn sẵn hai giường cho họ, nhưng đôi lúc họ cùng nằm một giường rồi tắt đèn và nói chuyện với nhau cho đến sáng. Họ

cùng nhau hút thuốc lá của những tên tướng cướp mà Hinđêbranđa giấu trong hòm mang đến, rồi sau đó phải đốt giấy thơm sản xuất ở Acmêni để xông không khí hôi hám đọng lại trong phòng ngủ. Phecmina Đaxa hút thuốc lá lần đầu tiên ở làng Vadêđupa, sau đó tiếp tục hút ở Phôngxêca, ở Riôacha. Đó là những nơi có tới hàng mười chị em họ cùng ngồi trong phòng đóng trái cửa lại để nói chuyện nhảm về đàn ông và để hút thuốc lá trộm. Phecmina Đaxa đã học hút thuốc theo cách của những người đàn ông trong trận mạc: cho đầu thuốc châm lửa vào trong miệng mà hút khỏi lộ sáng trong đêm tối. Nhưng không bao giờ cô hút thuốc một mình. Với Hinđêbranđa ở nhà mình, đêm nào cũng như đêm nào, cô đều hút thuốc lá trước khi đi ngủ và, kể từ đó trở đi cô có thói quen hút thuốc lá và luôn luôn hút lén ngay cả khi đã có chồng, có con. Cô hút lén không chỉ vì là phụ nữ mà hút thuốc công khai trước đám đông thì khó coi quá mà còn vì cô thích làm chuyện bí mật.

Chuyến đến chơi của Hinđêbranđa đã được cha mẹ cô sắp đặt nhằm mục đích làm cho cô quên đi mối tình không được gia đình ưng thuận mặc dù họ vẫn làm cho cô tin rằng cô đi thăm Phecmina Đaxa để giúp cô em họ chọn người bạn trăm năm. Hinđêbranđa chấp nhận chuyện sắp đặt của cha mẹ mình với ý nghĩ rằng cha mẹ đừng mong mình sẽ

quên mối tình ấy như trong những ngày trước đây cô em họ đã không quên và cô đã thông đồng với người điện báo viên ở Phôngxêca để anh ta chuyển điện của họ một cách thận trọng nhất. Bởi thế, ảo tưởng của cô đã đổ vỡ một cách cay đắng khi cô được biết rằng Phecmina Đaxa đã cắt đứt quan hệ yêu đương với Phlôrêntinô Arixa. Ngoài ra, Hinđêbranđa lại có quan điểm tình yêu rất phổ quát và cô nghĩ rằng bất kỳ một chuyện chẳng hay nào xảy ra với một người đang yêu đều không có lợi cho tất cả các mối tình trên thế gian này. Tuy nhiên cô vẫn không từ bỏ ý định của mình. Với một tinh thần bạo dạn từng khiến Phecmina Đaxa phải kinh hãi, cô đã đến văn phòng điện báo với ý định sẽ tranh thủ được sự giúp đỡ của Phlôrêntinô Arixa.

Cô không nhận ra được anh vì anh chẳng có những đặc điểm gì giống với hình ảnh mà cô thường mường tượng về anh theo những điều mà Phecmina kể lại.

Ngay từ lúc thoạt nhìn thấy anh, cô nhận thấy thật không thể hiểu được rằng làm sao cô em họ của mình lại mê mệt gần như phát điên vì cái anh chàng làm công quá đỗi bình thường với thần thái mệt mỏi của con chó bị ốm đòn, với bộ quần áo thiểu não, với điệu bộ quá ư trịnh trọng chẳng có thể làm rung động trái tim bất kỳ ai. Nhưng ngay lập tức cô đã phải ân hận vì cảm nhận đầu tiên ấy bởi vì

Phlôrêntinô Arixa đã phục vụ cô tận tình không cần biết cô là ai: sẽ chẳng bao giờ anh biết được cô là ai. Không ai đã hiểu cô bằng anh vì rằng anh không đòi hỏi cô phải nói mình là ai và cũng không đòi phải nói rõ địa chỉ. Giải pháp của anh rất giản dị: cứ chiều thứ tư hàng tuần cô đến văn phòng điện báo để anh trao tận tay các bức điện trả lời. Chỉ có thế thôi. Mặt khác, khi anh đọc bức điện do Hinđêbranđa viết gửi người yêu anh đã hỏi cô có đồng ý cho sửa không và cô đã đồng ý. Trước tiên Phlôrêntinô chữa một số từ ở giữa các dòng chữ, xoá đi một số chữ khác, rồi viết lại các từ khác cho đến khi trang giấy không còn chỗ để viết. Cuối cùng anh xé tờ giấy đi và viết lại hoàn toàn bức điện ấy khiến Hinđêbranđa cũng phải cảm động. Khi ra khỏi văn phòng điện báo, Hinđêbranđa nước mắt lưng tròng.

- Anh ấy xấu trai và buồn, - cô nói với Phecmina Đaxa, - nhưng là cả một khối tình.

Điều khiến Hinđêbranđa phải quan tâm hơn cả chính là nỗi cô đơn của cô em họ, ở tuổi hai mươi mà cứ như một bà không chồng, cô nói với Phecmina Đaxa như vậy. Vốn đã quen với một gia đình đông người và quen với cảnh nhà đông đúc đến mức không ai biết chính xác có bao nhiêu người sống trong nhà và có bao nhiêu người sẽ ăn cơm, nên Hinđêbranđa không thể nào mường tượng nổi

một cô gái ở tuổi cô đã tự cấm cung để chỉ sống cuộc sống của mình. Quả nhiên là như vậy. Kể từ khi thức dậy vào lúc sáu giờ sáng cho đến khi phòng ngủ tắt đèn, cô em họ đã hoàn toàn hiến dâng mình cho thời gian mất đi. Cuộc đời được sắp đặt từ bên ngoài. Thoạt tiên, khi gà gáy lần thứ nhất, người cung ứng sữa cho gia đình đã nện vồ gọi cửa ở ngoài cổng đánh thức cô dậy. Sau đó những người gọi cổng là bà bán cá mang cả một thùng cá bên dưới có lót một lớp rong biển, là bà bán hàng rau quả tươi: rau tươi ở vùng Maria Hạ, hoa quả ở vùng Xan Haxintô. Cuối cùng, trong suốt cả một ngày, người đến gọi cổng nhà cô có đủ loại: những kẻ ăn mày, những cô gái bán vé xổ số, các cô tu sĩ đi quyên góp, người thợ mài dao thuê dắt chiếc sáo trúc bên hông, người mua vỏ chai, kẻ mua báo cũ, người mua đồng nát, những cô gái giả làm người digan đến xem số mệnh qua đường chỉ tay, qua những lá bài. Gala Plaxiđia cả tuần cứ phải đóng và mở cổng hoài để nói rằng không mua, rằng không cần, rằng hôm khác hãy trở lại hoặc giả từ trên ban công, với thái độ khó chịu bà ta gào toáng lên rằng xin đừng quấy rầy nữa nỡm ạ, rằng nhà này đã sắm đủ rồi. Gala Plaxiđia thay thế bà cô Excôlaxtica với tất cả nhiệt tình và ý nhị đến mức Phecmina đã nhầm bà cô mình với bà ta và thật lòng yêu quí bà ta. Bà ta sẵn có lòng lo toan của một người nô lệ.

Ngay khi có được một lúc rảnh tay, bà ta đi ngay vào phòng làm việc là quần áo trắng, gấp lại cẩn thận rồi cất vào tủ. Và không chỉ là và gấp quần áo vừa giặt xong mà bà ta còn là và gấp lại cả những bộ quần áo lâu ngày chưa dùng đến. Cũng với chính thái độ cẩn thận ấy bà ta lo gìn giữ quần áo của Phecmina Sanchêt, mẹ của Phecmina Đaxa, người chẳng may quá cố được mười bốn năm rồi. Nhưng người quyết định mọi việc trong nhà này lại là Phecmina Đaxa. Cô ra lệnh cần phải nấu nướng thứ gì, cần phải mua sắm thứ gì, cần phải làm cái gì trước cái gì sau và bằng hình thức ấy cô đã định đoạt cuộc sống của một gia đình mà trên thực tế chẳng có gì cần phải định đoạt cả. Khi đã quét dọn xong chuồng chim, thay thức ăn và nước uống cho chúng rồi, chăm tưới hoa xong rồi, cô chẳng biết làm gì nữa. Rất nhiều lần, sau khi bị đuổi học, cô đã ngủ một giấc dài từ trưa hôm trước cho đến tận sáng ngày hôm sau. Các buổi học vẽ tranh chẳng qua cũng chỉ là một hình thức để cô tiêu khiển thời gian mà thôi.

Trong quan hệ với cha, cô đã thiếu hẳn tình cảm thương mến kể từ ngày ông đuổi bà cô Excôlaxtica đi, mặc dù cả hai cha con đã tìm thấy cách thức cùng chung sống mà không làm nhau khó chịu. Khi cô thức dậy thì ông đã ra đi rồi. Bữa cơm trưa, rất ít khi không để phần cơm cho ông nhưng hầu như

chẳng mấy khi ông ăn bởi vì rượu khai vị và các món nhắm nấu theo sách của người Gadêgô[1] ở quán cà phê Parôkia đã làm ông lửng dạ. Bữa cơm tối ông cũng không ăn: Phecmina Đaxa và Gala Plaxiđia để phần cơm cho ông ở bàn ăn, tất cả đều để gọn trong một cái đĩa và lấy chiếc đĩa khác úp lên, mặc dù họ biết rõ ông không ăn và như vậy hôm sau phải đem hâm lại để ăn sáng. Mỗi tuần một lần ông đưa tiền cho con gái, số tiền này được ông tính toán rất sát và được con gái chi tiêu rất hợp lý nhưng ông cũng vui vẻ đáp ứng ngay những đề nghị chi thêm của con gái cho những món ăn chưa được dự trù trước. Không bao giờ ông bớt của cô một đồng, cũng chẳng bao giờ ông bảo cô phải thanh toán nhưng cô gái đã hành động đúng đắn: cô kết toán sòng phẳng cho ông biết. Chẳng bao giờ ông nói chuyện với con gái về công việc của mình, về tình trạng buôn bán của mình và cũng chẳng bao giờ ông dẫn con gái đến ăn tại các cửa hàng mình thường lui tới ở ngoài bến cảng, một khu vực cấm đối với các cô gái danh giá dù cho các cô có được cha dẫn đi cũng mặc. Lôrenxô Đaxa không bao giờ trở về nhà trước lúc mười giờ đêm, vốn là giờ giới nghiêm trong thời kỳ chiến tranh ít căng thẳng. Ông ở quán cà phê Parôkia cho đến tận giờ ấy để chơi

[1] Tức người Tây Ban Nha sinh sống ở tỉnh Galixia (Tây Ban Nha).

bất kỳ thứ gì bởi vì ông từng là chuyên gia của tất cả các trò chơi trong phòng xa lông, hơn nữa còn là một người thầy giàu kinh nghiệm. Bao giờ ông cũng trở về nhà trong tình trạng tinh thần sảng khoái, không hề đánh thức con gái dậy mặc dù ngay từ lúc thức dậy ông đã uống rượu hồi và tiếp tục nhai đầu mẩu thuốc lá và uống các cốc rượu đặc biệt trong suốt ngày hôm sau. Tuy nhiên có một đêm, Phecmina Đaxa cảm thấy ông bước vào nhà. Cô nghe rõ tiếng giày ông nện gót trên từng bậc cầu thang, nghe rõ tiếng thở hồng hộc của ông dọc theo hành lang tầng trên, nghe rõ tiếng nắm đấm bàn tay ông đấm thình thình vào cánh cửa phòng ngủ. Cô mở cửa cho ông và lần đầu tiên trong đời, cô giật mình trước con mắt lác của ông và lời nói lắp bắp của ông:

- Chúng ta phá sản rồi, - ông nói. - Phá sản hoàn toàn! Rồi con sẽ biết.

Đó là tất cả những gì ông nói và chẳng bao giờ ông nhắc lại điều ấy, cũng chẳng xảy ra điều gì chứng tỏ rằng lời ông nói là thực hay hư. Nhưng sau đêm ấy, Phecmina Đaxa đã có ý thức rõ ràng rằng mình sống cô đơn trên thế gian này. Cô sống trong một nhà tù giữa một xã hội ồn ào. Những người bạn gái cùng trường trước đây đang ở một chân trời khác, một thế giới khác hoàn toàn ngăn cách đối với cô nhất là từ sau vụ cô bị đuổi học, nhưng cô cũng

không phải là láng giềng của láng giềng mình vì những người này chỉ biết cô từ khi cô vận đồng phục của trường Đức Mẹ Đồng trinh và họ không hay biết gì về quá khứ của cô. Thế giới của cha cô là thế giới của những con buôn và phu bốc vác, của những kẻ tị nạn chiến tranh tụ tập trong cái hang công cộng, ấy là quán cà phê Parôkia, là thế giới của những người đàn ông sống độc thân. Trong năm cuối cùng, các lớp học vẽ có phần nào làm cho cô khuây khoả đôi chút trước tình trạng không có bạn bởi vì cô giáo dạy vẽ thích dạy lớp học công cộng hơn do đó thường dẫn đến nhà này một số nữ học sinh. Nhưng đó là những cô gái thân phận xã hội khác nhau và rất khó xác định đối với Phecmina Đaxa, họ chỉ là những người bạn chốc lát mà tình cảm thương mến của họ sẽ kết thúc khi giờ học kết thúc. Hinđêbranđa muốn mở hết các cửa, muốn làm thay đổi không khí trong nhà, muốn đem nhạc công, pháo và pháo hoa của cha cô đến đây và tổ chức một đêm nhảy cacnavan mà những vòng quay như lốc xoáy của chúng sẽ xua tan tâm hồn u uẩn của cô em họ, nhưng ngay lập tức cô nhận ra rằng ý định của cô là vô vọng, bởi chỉ một lý do đơn giản thôi: sẽ nhảy với ai?

Ngược lại, dù sao đi nữa Phecmina Đaxa mới là người đặt Hinđêbranđa vào cuộc đời thực. Các buổi chiều, sau giờ học vẽ, cô dẫn Hinđêbranđa đi dạo

để làm quen thành phố này. Phecmina Đaxa chỉ cho cô chị họ biết con đường mà cô vẫn thường qua lại hàng ngày với bà cô Excôlaxtica, chiếc ghế đá trong vườn hoa mà Phlôrêntinô Arixa vẫn giả vờ ngồi đọc sách để đợi cô đi qua, những con đường hẻm mà anh đã đi để theo cô, những hộp thư lưu động của hai người, cái dinh thự buồn thảm từng là nhà thờ Thánh Ôphixiô và sau đó được trùng tu lại và trở thành Trường Đức Mẹ Đồng trinh vốn bị cô căm thù tới tận xương tuỷ. Bọn họ cùng trèo lên quả đồi được dùng làm nghĩa địa cho những người nghèo, vốn là nơi Phlôrêntinô Arixa chơi viôlin để gửi theo gió tiếng đàn của mình đến tận tai Phecmina Đaxa đang nằm trên giường. Từ trên đỉnh đồi này, bọn họ nhìn toàn cảnh thành phố lịch sử, nhìn những mái nhà rách và những tường thành lở lói, nhìn những đống đổ nát của các pháo đài cổ giữa cây hoang, nhìn những hòn đảo quần tụ bên nhau, nhìn những khu nhà lụp sụp dựng quanh đầm lầy, nhìn biển Caribê bao la.

Đêm Chúa giáng sinh bọn họ cùng nhau đi dự lễ mixa lúc mười hai giờ đêm tại Nhà Thờ lớn. Phecmina Đaxa ngồi ngay chỗ nghe rõ nhất tiếng đàn của Phlôrêntinô Arixa và chỉ cho cô chị họ biết cái vị trí chính xác mà lần đầu tiên cô nhìn rất gần đôi mắt hoảng hốt của anh. Cả hai cô gái kéo nhau ra phố Lôt Excribanôt. Họ mua kẹo bánh và hào

hứng vui vẻ trong cửa hàng bán các thứ mực mầu nhiệm, và Phecmina Đaxa chỉ cho cô chị họ biết cái chỗ bỗng nhiên cô nhận ra tình yêu của mình với Phlôrêntinô Arixa chỉ là một ảo tưởng. Chính bản thân Phecmina Đaxa cũng không nhận ra rằng mỗi bước cô đi từ nhà đến trường, mỗi địa điểm trong cái thành phố này, mỗi khoảnh khắc quá khứ của cô hiện đang sống lại tươi mới, tất cả những thứ ấy chỉ có thể tồn tại được nhờ sự hiện hữu của Phlôrêntinô Arixa. Hinđêbranđa đã lưu ý Phecmina Đaxa điều đó nhưng cô em họ lại dứt khoát không chịu thừa nhận bởi vì chẳng bao giờ cô thừa nhận cái sự thực này: dù xấu dù tốt, Phlôrêntinô Arixa là người duy nhất đã dẫn dắt cô gia nhập cuộc đời này.

Trong những ngày ấy, có một bác thợ ảnh người Bỉ đến thành phố dựng cửa hiệu tại phố Lôt Excribanôt và những ai trả tiền đều có thể vào chụp một bức ảnh chân dung. Phecmina Đaxa và Hinđêbranđa là những người đầu tiên. Họ lục tủ quần áo của Phecmina Sanchêt, chia nhau các bộ váy áo lộng lẫy nhất, những chiếc ô, những đôi giày ngày hội, những chiếc mũ và họ đóng giả các cô gái sống hồi giữa thế kỷ XIX. Gala Plaxiđia giúp họ thắt chặt nịt vú, dạy họ cách cử động bộ mông ở bên trong cái khung sắt của chiếc váy phồng, cách đi găng tay, cách đóng khoá giày cao gót. Hinđêbranđa chọn chiếc mũ rộng rành có gài mấy

chiếc lông đà điểu buông dài tới tận thắt lưng. Phecmina Đaxa lại chọn chiếc mũ tương đối hợp mốt thời đại có vẽ hoa quả trên vành mũ. Cuối cùng họ tự chế nhạo mình khi cùng nhìn vào gương và họ thấy mình quá ư giống các cố nội của mình trong những bức ảnh *daghê*. Họ ra đi lòng hân hoan, cười ngặt nghẽo, để người ta chụp ảnh cho mình. Từ trên ban công nhà, Gala Plaxiđia nhìn họ đang đi qua vườn hoa tay dương cao tấm ô xoè rộng cánh, chân cố giữ thăng bằng trên đôi giày cao gót, vung vẩy chiếc váy phồng và bà ta làm dấu ban phước lành và cầu mong Thượng đế phù hộ cho các cô trong lúc chụp ảnh.

Trước cửa hiệu ảnh người ta xúm lại đông đúc vì họ đang chụp ảnh cho Bêni Xênhtênô, người đoạt chức vô địch đấm bốc ở Paraguay trong những ngày ấy. Anh ta vận quần áo đấu bốc, tay đeo găng, đầu đội vòng nguyệt quế và việc chụp ảnh cho anh ta không phải dễ dàng gì bởi vì anh ta phải đứng đúng tư thế nhảy bổ vào đối phương trong một phút và trong cái phút ấy anh phải nín thở; nhưng ngay khi anh giơ quả đấm lên lập tức những người hâm mộ anh liền vỗ tay hoan hô vang dội và thế là anh ta không thể không thoả mãn họ bằng cách biểu diễn thật đẹp nghệ thuật đấm bốc của mình. Khi đến lượt chị em Phecmina Đaxa vào chụp ảnh thì trời kéo đầy mây và chẳng bao lâu mưa sẽ trút xuống, nhưng

chị em họ vẫn để cho người ta thoa phấn trắng lên mặt, rồi với tư thế tự nhiên họ đứng tựa lưng vào một chiếc cột đá hoa cương và nhờ vậy họ có thể đứng im được lâu hơn thời gian cần thiết. Đó là một bức ảnh được gìn giữ mãi mãi. Khi Hinđêbranđa chết, lúc ấy đã gần trăm tuổi, ở điền trang Phlorêt đê Maria, người ta bắt gặp bức ảnh ấy trong ngăn tủ phòng ngủ, dấu giữa những tấm ga trải giường thơm phức cùng với một tờ giấy đã nhoè mực ghi lại một phần câu châm ngôn. Trong nhiều năm, Phecmina Đaxa để bức ảnh của mình ở ngay trang nhất cuốn anbom gia đình, sau đó nó biến mất mà bà không hề biết mất từ bao giờ và mất như thế nào. Qua nhiều ngẫu nhiên, nó đã đến tay Phlôrêntinô Arixa khi cả hai người đều đã lên lão bảy mươi.

Quảng trường ở phố Lôt Excribanôt đông nghịt người và người tràn lên cả ban công nhà bên hè phố khi Phecmina Đaxa và Hinđêbranđa từ trong hiệu ảnh bước ra. Cả hai người đều quên rằng mặt mình bự phấn trắng và môi mình phết son màu sôcôla, rằng quần áo mình mặc không hợp mốt thời đại. Người đứng trên đường phố liền đón họ bằng những tiếng huýt sáo giễu cợt. Hai chị em bỗng dồn vào một xó, đang định trốn chạy đám công chúng giễu cợt mình thì một chiếc xe hai con ngựa kéo rẽ đám đông tiến đến. Những tiếng huýt sáo chế nhạo bỗng ngừng bặt, đám người khiêu khích tản mát đi hết.

Hinđêbranđa sẽ chẳng bao giờ quên hình ảnh đầu tiên của người đàn ông hiện ra ở cửa xe đầu đội chiếc mũ sâu ống may bằng lụa sa tanh, chiếc áo khoác ngoài may bằng lụa dệt chỉ kim tuyến, với điệu bộ thông thái, ánh mắt ngọt ngào và vẻ quyền thế hiện rõ trong con người anh ta.

Dù chưa nhìn thấy anh ta bao giờ, Hinđêbranđa đã nhận ra ngay anh ta là ai. Trong tháng trước đây vào một buổi chiều, Phecmina Đaxa đã nói với cô về anh ta mặc dù nói với vẻ thản nhiên thôi. Đó là buổi chiều Phecmina Đaxa không muốn đi qua dinh thự Mackêt đê Caxanđuerô vì lúc đó chiếc xe ngựa đang đậu ngay trước cửa. Phecmina Đaxa kể cho cô nghe ai là chủ chiếc xe này, và cố lảng tránh không chịu giải thích lý do vì sao cô không thích anh ta mặc dù cô không nói một lời nào về ý muốn cầu hôn của anh ta. Hinđêbranđa quên khuấy chuyện ấy rồi. Nhưng khi cô nhận ra anh ta đứng ở cửa xe như một sự xuất hiện mang tính chất huyền thoại, một chân để trên mặt đất, một chân để ở cửa lên xuống chiếc xe, thì cô không làm sao hiểu nổi vì sao cô em họ lại từ chối lời cầu hôn của anh ta.

- Xin mời các cô lên xe, - bác sĩ Huvênan Ucbinô bảo họ. - Tôi sẽ chở các cô đến bất kỳ nơi nào mà các cô ra lệnh.

Phecmina Đaxa làm điệu bộ từ chối nhưng Hinđêbranđa đã nhận lời mời rồi. Bác sĩ Huvênan

Ucbinô đứng xuống đất, chỉ dùng các ngón tay, nghĩa là bàn tay hầu như không chạm vào da thịt cô gái, đã giúp Hinđêbranđa bước lên xe. Phecmina Đaxa, không thể bối rối hơn được nữa, gương mặt đỏ bừng bừng vì oi nóng cũng lên xe sau người chị họ.

Nhà chỉ cách đấy ba ô phố. Hai chị em cô gái không biết rằng bác sĩ đã thoả thuận với tay xà ích, nhưng hẳn là như thế rồi, bởi vì xe chạy thế nào mà mãi nửa giờ sau mới về đến nhà. Hai cô gái ngồi trên ghế chính, còn bác sĩ ngồi ở ghế trước lưng quay lại ngược với chiều xe chạy. Phecmina Đaxa nhìn ra cửa sổ và chìm đắm trong suy tư. Trái lại Hinđêbranđa rất vui vẻ và bác sĩ Ucbinô lại càng hớn hở hơn với chính niềm vui đang dâng trào trong tâm hồn ngài. Ngay khi xe bắt đầu chuyển bánh, Hinđêbranđa cảm nhận ngay mùi nồng ấm của da thuộc được dùng làm đệm ghế, cảm thấy không khí thân thuộc bên trong xe và nói rằng đây là nơi dễ chịu có thể dùng để ở mãi được. Ngay lập tức bọn họ, Hinđêbranđa và bác sĩ bắt đầu cười, bắt đầu nói tếu theo kiểu những người bạn thân thường đùa với nhau, cùng vui vẻ trong trò chơi nói chữ. Bác sĩ và Hinđêbranđa cùng giả vờ làm ra vẻ Phecmina Đaxa không hiểu được họ dù rằng họ biết rõ ràng cô gái không chỉ hiểu mà còn để ý theo dõi họ. Vì vậy họ vui đùa hơn để chọc tức cô. Sau khi cười cợt một

lúc lâu, Hinđêbranđa thú nhận rằng mình không thể chịu đựng hơn được nữa trước việc đôi giày cứ bóp chặt lấy chân.

- Dễ thôi, - bác sĩ Huvênan Ucbinô nói. - Nào thử thi xem ai cởi giày ra trước.

Chính ngài bắt đầu cởi giày trước và Hinđêbranđa chấp nhận lời thách thức của ngài. Việc làm này chẳng dễ dàng gì đối với cô vì cái nịt vú cứng không cho phép cô cúi gập người xuống, nhưng bác sĩ Huvênan Ucbinô lại cố ý chậm trễ đợi cho đến khi cô gái rút được đôi giày cao gót ra khỏi chiếc váy phồng với tiếng cười đắc thắng như thể cô ta vừa mò được chúng trong một bể nước. Lúc ấy cả hai người cùng nhìn Phecmina Đaxa và họ nhìn gương mặt nhìn nghiêng tuyệt đẹp của cô đang rạng rỡ trong ráng chiều. Phecmina Đaxa đang giận dữ gấp ba lần, giận vì hoàn cảnh trớ trêu mà họ đang sống, giận vì thái độ buông thả của Hinđêbranđa, giận vì biết rất rõ rằng chiếc xe cứ chạy vòng vèo hoài không chịu đưa họ về nhà sớm hơn. Nhưng Hinđêbranđa lại càng tỏ ra trơ trẽn hơn.

- Bây giờ tôi mới biết, - cô gái nói, - rằng cái làm tôi khó chịu không phải là đôi giày mà chính là cái chuồng sắt này.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô hiểu ngay rằng cô muốn đề cập tới chiếc váy phồng. Thế là ngài vớ lấy ngay cơ hội này, nói: "Chẳng có gì dễ hơn. Hãy cởi ra".

Ngài rút vội từ trong túi quần ra chiếc mùi xoa, tự bịt lấy mắt.

- Tôi không nhìn, - ngài nói.

Chiếc khăn bịt mắt càng tô đậm thêm tính chất trinh nguyên của đôi môi ngài ẩn giữa hàm râu đen tròn với hàng ria được tỉa tót rất điệu. Hinđêbranđa bỗng phát hoảng. Cô nhìn Phecmina Đaxa và lần này cô không thấy người em họ nổi cáu mà ngược lại đang hoảng sợ trước việc cô đủ khả năng cởi chiếc váy phồng. Hinđêbranđa làm bộ nghiêm sắc mặt hỏi người em họ một cách điệu bộ: "Chúng ta làm gì bây giờ?". Phecmina Đaxa trả lời bằng chính cái ngôn ngữ của người chị họ rằng nếu không cho xe chạy thẳng về nhà mình cô sẽ nhảy xuống trong lúc xe đang chạy.

- Xong chưa? Tôi đang đợi để mở mắt đây, - Bác sĩ nói.

- Ngài có thể mở mắt được rồi.

Khi tháo chiếc khăn bịt mắt ra, bác sĩ Huvênan Ucbinô thấy cô hoàn toàn khác hẳn và ngài hiểu rằng trò chơi đã kết thúc và đã kết thúc rất tồi. Ngài ra hiệu cho gã xà ích và theo lệnh ngài gã cho xe vòng một vòng tròn rồi cho xe chạy thẳng vào vườn hoa Lôt Êvanghêliôt đúng lúc người coi đèn đêm thắp sáng các ngọn đèn đường. Các nhà thờ đều rung chuông cầu kinh Đức Bà. Hinđêbranđa vội bước xuống xe, lòng hơi bối rối vì ý nghĩ mình đã

làm cho người em họ khó chịu, và từ biệt bác sĩ bằng một cái bắt tay rất chặt, chẳng cần phải giữ phép tắc gì. Phecmina Đaxa cũng bắt chước cô nhưng khi định rút tay về thì bác sĩ Huvênan Ucbinô giữ chặt lấy ngón giữa bàn tay cô.

- Anh đang chờ lời đáp của em, - Ngài nói.

Lúc ấy Phecmina Đaxa rút mạnh tay về và cái găng tay lụa tuột ra nằm lại trong tay bác sĩ Huvênan Ucbinô, nhưng cô không lấy lại. Cô lên giường đi nghỉ mà không ăn uống gì. Hinđêbranđa làm ra vẻ như chẳng có chuyện gì xảy ra, bước vào phòng ngủ sau khi ăn tối với thái độ rất tự nhiên. Cô không chịu giấu giếm tâm trạng hào hứng của mình trước bác sĩ Huvênan Ucbinô, trước vẻ đẹp và thái độ thân ái của ngài. Phecmina Đaxa không hề nói năng gì trước bất kì câu bình luận của chị họ nhưng cô sẵn sàng phản đối chúng. Có lúc Hinđêbranđa tự giãi bày tâm trạng thực của mình, rằng khi bác sĩ Huvênan Ucbinô bịt mắt và cô nhìn thấy hàng răng trắng đều đặn sáng bừng giữa làn môi hồng và cô đã cảm thấy trong mình dâng lên một nỗi thèm khát da diết được hôn ngài. Phecmina Đaxa quay mặt vào tường chấm dứt cuộc nói chuyện mà không hề muốn kháng cự lại người chị họ, đúng hơn, cô còn mỉm cười là đằng khác, nhưng đó là một thái độ dứt khoát:

- Chị có hơi đĩ đấy, - Cô nói.

Cô ngủ không được an giấc, luôn luôn giật thột. Trong khi ngủ cô mơ thấy bác sĩ Huvênan Ucbinô ở khắp nơi, nhìn thấy ngài cười, ngài hát, thấy ngài đang tung ra những lời đùa tếu qua hàm răng khi bịt mắt lại, thấy ngài đang trêu chọc mình bằng cách nói chữ không theo một quy tắc nào trong một chiếc xe khác hẳn với chiếc xe hồi chiều và nó đang trèo lên nghĩa địa dành cho những người nghèo. Cô thức dậy từ trước lúc trời sáng rất nhiều, người mệt phờ. Cứ nằm nguyên trên giường hai mắt nhắm lại, cô nghĩ về những năm tháng dài dặc nhiều vô kể mà cô cần phải sống. Sau đó, trong lúc Hinđêbranđa đang tắm, cô viết vội một bức thư, rồi vội vàng gấp nó lại, vội vàng nhét nó vào một chiếc phong bì và trước khi Hinđêbranđa từ trong nhà tắm bước ra cô đã đưa nó cho Gala Plaxiđia mang đến nhà bác sĩ Ucbinô. Đó là một trong những bức thư vốn có của cô, không thừa và không thiếu một từ, trong đó cô chỉ nói: em đồng ý, bác sĩ ạ, rằng anh hãy đến thưa chuyện với cha em đi.

Khi Phlôrêntinô Arixa biết chuyện Phecmina Đaxa sẽ kết hôn cùng một bác sĩ con nhà dòng dõi và giàu có, được du học tận bên châu Âu và ở tuổi của mình đã là người nổi tiếng thì anh phát ốm không tài nào dậy nổi. Tranxitô Arixa đã làm hết sức mình để an ủi con khi bà biết anh không ăn, không nói và cả đêm thức trắng khóc sướt mướt,

nhưng sau một tuần bà đã dỗ dành được anh ăn uống bình thường. Thế là bà nói chuyện với đôn Lêông XII Lôayxa, người duy nhất còn sống trong số ba anh em trai nhà Lôayxa, và không hề nói lý do, bà khẩn cầu ngài cho đứa cháu vào làm việc trong hãng tàu thuỷ, làm việc gì cũng được miễn là lúc nào nó cũng ở tại một cảng hẻo lánh trong vùng rừng núi thuộc tỉnh Macgơdalêna là nơi không có thùng thư bưu điện cũng không có trạm điện tín, là nơi nó sẽ không gặp một ai quen biết để họ kể cho nghe về thành phố lãng quên này. Người chú không cho anh vào làm trong hãng tàu của mình vì ngài rất khó chịu về người vợ goá không chính thức của người anh trai đến mức ngài cũng tỏ ra khó chịu trước sự hiện hữu của thằng cháu ngoài giá thú, nhưng ngài đã xin được việc làm cho anh tại trạm điện báo ở Vida đê Lâyva, một thành phố thơ mộng cách thành phố này chừng hai mươi ngày đường và ở độ cao một ngàn mét so với cốt đất đường phố Lat Vênhtanat.

Phlôrêntinô Arixa chẳng bao giờ tán thành chuyến đi xa nhằm mục đích chữa lành cơn bệnh thất tình. Lúc nào anh cũng nhớ nó, như tất cả những gì xảy ra trong những ngày ấy, theo như lăng kính bị nỗi bất hạnh làm cho lạ hẳn đi. Khi nhận được bức điện người ta báo nhận anh vào làm việc thì anh nghĩ sẽ không đón nhận nó một cách thực

hồ hởi như Lôtariô Tugut đã thuyết phục anh bằng lý lẽ kiểu người Đức rằng một tương lai sáng lạn đang chờ đón anh trong sự nghiệp phục vụ công chúng. Lôtariô Tugut bảo anh rằng: "Điện báo là một nghề tương lai". Ông cho anh một đôi găng tay trong lót da thỏ, một chiếc mũ vải gai, một chiếc áo khoác ngoài có cổ lông từng được mặc thử trong những ngày tháng giêng băng giá ở Baviera. Ông chú Lêông XII tặng anh hai bộ quần áo dạ, vài đôi ủng không bị ngấm nước vốn là của người anh để lại, và một chiếc vé giường nằm trong chuyến tàu sắp tới. Tranxitô lo việc may lại quần áo cho vừa với kích thước của con trai vốn không được vâm váp như người cha và thấp hơn rất nhiều so với ông người Đức, và bà mua cho anh tất len và quần lót để anh có thể chịu đựng được cái rét cắm căm của vùng núi thảo nguyên. Phlôrêntinô Arixa, cứng cỏi hẳn lên bởi phải chịu nhiều đau khổ, tham gia công việc chuẩn bị cho chuyến đi như thể một người chết tham dự việc chuẩn bị để làm đám tang trọng thể cho chính mình. Anh không nói với bất kỳ ai rằng mình sẽ ra đi, không từ biệt một ai, với một sự kín đáo mà chỉ riêng với bà mẹ anh đã hé cho biết điều bí mật trong tâm trạng đam mê bị dồn nén của mình, nhưng đêm trước ngày khởi hành anh đã phạm phải một sai lầm vì nó mà anh có thể phải trả giá cả cuộc đời mình. Đó là một hành động bột khởi

của con tim nhưng anh đã làm với tất cả lương tri mình. Nửa đêm rồi mà anh còn thức dậy, mặc quần áo ngày chủ nhật rõ diện, ra đi để đứng dưới ban công nhà Phecmina Đaxa độc tấu bản tình yêu do chính anh sáng tác tặng riêng cô. Đó là bản nhạc chỉ riêng hai người, anh và cô, thuộc và trong nhiều năm nó là biểu tượng của sự đồng loã của hai người. Anh chơi rành rọt từng nốt nhạc một với cây viôlin đẫm nước mắt, với một hy vọng chan chứa đến mức ngay từ những nhịp nhạc đầu tiên chó hàng xóm đã sủa ầm ĩ, tiếp đó là chó cả thành phố nhưng sau đó chúng dần dần thôi không sủa nữa trước tiếng nhạc mỏng manh rên rỉ và bản nhạc cũng kết thúc trong sự thanh vắng khủng khiếp. Ban công không bị mở cửa cũng chẳng một ai ngó ra đường, cũng chẳng có sự thận trọng của người con gái cầm ngọn đèn cố nghe như nuốt lấy từng nhịp của bản sêrênata. Đối với Phlôrêntinô Arixa, cảnh tượng ấy là một lời cầu xin được an thân, bởi vì khi nhét cây đàn vào hộp và ra đi trên những đường phố vắng như chết không hề ngoái lại nhìn, anh không cảm thấy mình sẽ ra đi vào ngày hôm sau mà đúng hơn mình đã ra đi từ rất nhiều năm trước đây với sự sắp đặt chín chắn để không bao giờ trở lại.

Con tàu, một trong ba chiếc giống hệt nhau của Hãng Tàu thuỷ Caribê, được mang tên Piô Kinhtô Lôayxa để tưởng nhớ người sáng lập ra hãng. Nó là

một toà nhà nổi có hai tầng làm bằng gỗ trên một vỏ sắt, rộng rãi và bằng phẳng, với một tầm nước sâu nhất: năm piê[1], cho phép nó đi lại dễ dàng trên dòng sông sâu nông không đều nhau. Những chiếc tàu cổ hơn cả đều được chế tạo ở Xinhxinhnati vào giữa thế kỷ XIX, theo mốt truyền thống xưa nay vẫn có của những chiếc tàu mà giới thương nhân ở Ohiô và Mitxixipi sản xuất và mỗi mạn tàu đều có một bánh đẩy chuyển động nhờ nồi hơi đun trên bếp củi. Cũng tương tự như những chiếc tàu này, những chiếc tàu của Hãng Tàu thuỷ Caribê, có sàn dưới cùng là là với mặt nước là nơi đặt nồi hơi và bếp nấu, và các bãi nhốt gà rộng để thuỷ thủ mắc võng ở những tầm cao thấp khác nhau. Tại boong thượng các tàu này có phòng chỉ huy, phòng giường nằm của thuyền trưởng và các sĩ quan, một phòng vui chơi và một phòng ăn là nơi các hành khách quý sẽ được mời ít nhất một lần đến để ăn cơm tối và đánh bài. Ở tầng giữa, có sáu phòng giường nằm loại nhất, mỗi bên ba phòng, chính giữa là lối đi nhưng đến bữa ăn được dùng làm phòng ăn công cộng cho tất cả hành khách và phía mui tàu là một phòng xa lông mở cửa ra sông có hàng chấn song gỗ bao quanh, nơi các khách loại thường vẫn mắc võng ngủ. Nhưng khác với những chiếc tàu cổ nhất,

[1] Đơn vị đo lường, mỗi piê bằng 30,5cm.

những chiếc tàu của Hãng Tàu thuỷ Caribê không có mái chèo ở hai bên mạn tàu mà lại có một bánh xe khổng lồ với những cánh gỗ nằm ngang mặt nước ở phía dưới những cầu tiêu của boong khách. Vào lúc bảy giờ sáng một ngày chủ nhật tháng bảy, ngay khi bước lên tàu, Phlôrêntinô Arixa không cảm thấy sợ như nhiều hành khách lần đầu tiên đi tàu. Khi chiều xuống, lúc ấy anh mới có ý thức đầy đủ trước thực tế của mình. Ấy là khi con tàu đang chạy qua xóm Calama và Phlôrêntinô Arixa vào cầu tiêu đi giải và qua kẽ hở cầu tiêu anh nhìn thấy chiếc bánh xe khổng lồ có những cánh gỗ đang quay ở phía dưới chân gây nên tiếng động ầm ầm, nghe chóng mặt và mặt nước xối trào tung bọt trắng.

Anh chưa hề đi tàu thuỷ bao giờ. Anh mang theo một chiếc hòm sắt đựng quần áo rét dùng cho vùng núi cao, những cuốn tiểu thuyết chạy phôdêtông hàng tháng đều kì có minh hoạ và chúng đã được anh đóng lại bằng bìa cứng hẳn hoi, cả những tập thơ tình anh thuộc lòng và nhầu nát gần bươm hết do đọc đi đọc lại nhiều lần. Anh để lại nhà cây đàn viôlin vì nó gắn bó sâu sắc với nỗi bất hạnh của mình, nhưng bà mẹ buộc anh phải mang theo một bộ giường dã chiến. Đó là một loại giường rất thực tế và thông dụng gồm một gối, một tấm vải trải giường, một chiếc màn, những thứ đó được gói

trong một tấm lưới bện bằng tơ mà trong trường hợp cần thiết có thể mắc thành võng. Phlôrêntinô Arixa không muốn mang nó theo vì anh nghĩ rằng sẽ không dùng đến nó khi ở trong một buồng ngủ có kê sẵn giường nằm nhưng ngay từ đêm đầu tiên anh phải cảm ơn mẹ mình đã dự đoán và chuẩn bị sẵn cho mình để có thể ứng phó kịp thời với những tình huống bất ngờ ập tới. Quả nhiên là như vậy: vào giờ con tàu sắp nhổ neo, một người ăn mặc sang trọng vốn đến đây từ sáng sớm trên một con tàu từ châu Âu sang, và ông ta được nhà đương cục của thành phố đích thân đi cùng, đã trèo lên tàu. Ông ta muốn tiếp tục cuộc hành trình ngay với vợ và con gái, thằng hầu và bẩy chiếc vali xếp chặt ních dưới gầm cầu thang tàu. Thuyền trưởng, một người vùng Curaxao lực lưỡng, đã thuyết phục được đồng bào mình nhường phòng có giường nằm cho vị khách bất đồ mới lên tàu. Bằng giọng thân ái, ông ta giải thích cho Phlôrêntinô Arixa biết người đàn ông ăn mặc sang trọng kia là vị Đại sứ mới bổ nhiệm của Vương quốc Anh đang trên đường đến nhận chức ở thủ đô nước nhà. Ông ta nhắc lại để anh nhớ rằng chính vương quốc kia đã từng cung cấp nhiều phương tiện và dụng cụ chiến tranh tối cần thiết cho cuộc chiến đấu giành độc lập từ tay thực dân Tây Ban Nha, vì vậy, bất kỳ một sự hy sinh nào cũng đều là không đáng kể để cho một gia đình rất quyền

quý kia cảm thấy sống trên đất nước ta còn dễ chịu hơn cả trên đất nước họ. Dĩ nhiên Phlôrêntinô Arixa đã nhường lại giường nghỉ của mình.

Thoạt đầu anh chẳng ca thán gì hết bởi vì lưu lượng trên sông vào mùa ấy khá lớn và ở những đêm đầu tiên con tàu chạy rất êm chẳng va vấp phải bãi cạn. Sau bữa ăn tối, thuỷ thủ phân phát một số giường gấp cho các hành khách và mỗi người mở giường gấp ra kê ở bất kỳ chỗ nào có thể kê và dùng các mảnh vải mang theo nhét vào những chỗ bị võng xuống và mắc lên trên một chiếc màn. Những ai mang theo võng thì mắc ngay trong phòng salông, còn những ai không có giường, không có võng thì ngủ ngay trên bàn ăn được kê sát lại với nhau và dùng khăn trải bàn làm ga trải giường. Phlôrêntinô Arixa thức gần như trọn đêm mà cứ tưởng mình nghe thấy tiếng nói của Phecmina Đaxa trong làn gió mát từ dưới sông thổi lên, mà chăn dắt nỗi cô đơn bằng chính ký ức của mình trong lúc cứ tưởng nghe rõ tiếng hát của cô lẫn trong hơi thở của con tàu đang đi lên phía trước với bước đi nặng nề của con vật khổng lồ đang dò dẫm trong sương mù, cho đến khi ở phía chân trời xuất hiện mấy vệt sáng hồng và ngày mới bỗng bừng sáng trên những đồng cỏ hoang vu và những đầm lầy ngầu bọt. Lúc ấy, chuyến đi đối với anh là một thử nghiệm nữa đối với sự hiểu biết của mẹ anh và anh cảm thấy mình

có đủ dũng cảm để sống vượt qua sự lãng quên.

Tuy nhiên, sau ba ngày đi trên luồng nước sâu, con tàu đi ngày một khó khăn hơn giữa những doi cát nổi và những bãi đá ngầm. Dòng sông ngày một chảy xiết hơn và ngày một hẹp lại luồn trong một cánh rừng già toàn những cây cao bóng cả nơi thỉnh thoảng mới thấy một túp lều bên cạnh một đống củi to phòng khi tàu thiếu củi thì ghé vào mà ăn. Tiếng vẹt kêu loạn xạ và tiếng khỉ chí choé lẩn khuất trong rừng già càng làm tăng thêm không khí nực nội lúc đang trưa. Nhưng về ban đêm cần phải neo tàu lại mà ngủ và thế là không khí trên tàu lại càng khó chịu hơn. Mùi hôi của những miếng thịt ướp phơi khô tại các hành lang tàu càng khiến cho không khí đã oi bức càng oi bức hơn và càng quyến rũ lũ muỗi sancudo đến nhiều hơn. Phần lớn hành khách, nhất là hành khách người Âu châu, liền ra khỏi các phòng giường nằm oi bức đến nhược người, và họ đi đi lại lại trên boong thượng suốt đêm, lấy khăn tắm vừa đuổi muỗi vừa lau mồ hôi cứ túa ra không ngừng và khi trời sáng, người họ mẩn đỏ nốt muỗi đốt và bơ phờ mệt mỏi.

Ngoài ra năm ấy nội chiến lại bùng nổ, lại thêm một cuộc nội chiến nữa vào số những cuộc nội chiến triền miên giữa một bên là những người Tự do và một bên là những người Bảo hoàng và vị thuyền trưởng đã phải thi hành những biện pháp an ninh

thật gắt gao để đảm bảo trật tự ở trên tàu và an toàn tính mạng cho hành khách của mình. Để tránh mọi nhầm lẫn và náo loạn đáng tiếc, ông cấm ngặt trò giải trí thú vị của hành khách thời ấy: Đó là việc dùng súng cacbin bắn chết những chú cá sấu nằm phơi nắng trên các doi cát ven sông. Sau đó, khi một số hành khách trong một cuộc tranh luận gay gắt đã chia thành hai phái đối địch, ông ra lệnh tịch thu súng với lời hứa sẽ trả lại cho chủ chúng lúc con tàu đến cảng cuối cùng trong lộ trình của nó. Lệnh thu súng rất nghiêm ngặt, ngay cả đối với vị Đại sứ Vương quốc Anh, người ngay ngày hôm sau khi con tàu nhổ neo đã thức dậy với bộ quần áo thợ săn, với một khẩu súng cacbin rất có giá và một khẩu súng hai nòng để bắn hổ. Các biện pháp an ninh được tiến hành càng gay gắt hơn khi con tàu lên đến bến Tênêriphê là nơi có con tàu mang cờ hiệu dịch tả xuôi dòng gặp nó. Vị thuyền trưởng không tài nào nhận được thông tin gì về lá cờ hiệu kia vì con tàu xuôi không chịu trả lời khi ông phát tín hiệu hỏi. Nhưng trong chính ngày hôm ấy, họ còn gặp một con tàu chở súc vật sang Hamaica và người đi trên chiếc tàu này cho ông biết rằng con tàu xuôi trước đó chở hai người bị bệnh tả và rằng dịch tả đang hoành hành dữ dội hai bên bờ sông mà con tàu đang đi tới. Vậy là vị thuyền trưởng cấm ngặt hành khách không được rời tàu không chỉ ở

những bến sắp tới mà ngay cả ở những nơi thưa dân, tàu vào bờ để lấy củi. Vì vậy phần còn lại của lộ trình cho đến cảng cuối cùng còn sáu ngày nữa và các hành khách đã làm quen với lối sống trong nhà tù trên con tàu. Một trong những thói quen ấy là việc chiêm ngưỡng tập bưu thiếp khiêu dâm sản xuất tại Hà Lan. Các hành khách chuyền tay nhau xem chúng mà không một ai biết chúng được moi ra từ đâu, dù rằng không một cụ già nào trên sông này lại quên rằng chúng là bộ sưu tập của vị thuyền trưởng. Nhưng ngay cả cái trò giải trí không tương lai ấy cũng phải kết thúc vì cảnh sống nhàm chán trên tàu ngày một nặng nề thêm.

Phlôrêntinô Arixa với tính nết điềm tĩnh vốn có từng làm bà mẹ phải lo lắng và từng khiến các bạn hữu của anh phải thất vọng, đã vượt qua những khó khăn ấy của cuộc sống thường nhật trên tàu. Anh không va chạm với bất kỳ ai. Đối với anh, ngày cứ qua đi một cách nhẹ lâng lâng trong lúc anh ngồi ở hành lang boong thượng mà ngắm nhìn những chú cá sấu nằm bất động phơi nắng trên bãi cát miệng há hốc chờ đớp lấy những con bướm bay qua, mà ngắm nhìn những đàn cò giang hoảng hốt cất cánh bay lên từ những vũng bùn, những con lợn biển đang nằm cho con bú, những bầu vú căng mọng và doạ hành khách bằng tiếng khóc như tiếng khóc của phụ nữ. Trong một ngày anh nhìn thấy ba xác chết

trôi sông, tất cả đều trương phình, xám ngoét và đã có quạ đậu ở bên trên. Trước tiên là hai xác đàn ông, trong đó có một xác cụt đầu và sau đó là xác một bé gái mà mái tóc mềm mại của nó cứ bồng bềnh trôi ở vạt nước con tàu khuấy lên. Không bao giờ anh biết, và không bao giờ người ta biết, những xác chết này là nạn nhân của chiến tranh hay nạn nhân của dịch tả, nhưng cái mùi khẳn lặm đến nôn mửa của chúng đã gieo vào tâm tưởng anh nỗi nhớ Phecmina Đaxa.

Bao giờ cũng vậy: bất kỳ một sự kiện nào, dù tốt dù xấu, đều có một mối liên hệ nào đấy với cô gái. Về ban đêm, khi người ta neo tàu lại và phần lớn hành khách bồn chồn đi đi lại lại trên boong thượng, anh ngồi nhẩm đọc gần như thuộc lòng những trang tiểu thuyết có minh hoạ bên dưới ngọn đèn trong phòng ăn vốn là ngọn đèn duy nhất thắp sáng suốt đêm và những cảnh tang thương do đọc đi đọc lại nhiều lần đã lấy lại sức hấp dẫn màu nhiệm nguyên mẫu của chúng khi anh thay những nhân vật tưởng tượng bằng những người bạn thân trong cuộc đời thực của anh và anh giành cho mình và cho Phecmina Đaxa đóng các vai trong các chuyện tình tuyệt vọng. Một số đêm khác, anh viết những bức thư đầy đau khổ mà sau đó những mẩu vụn của chúng tản mạn trong dòng nước trôi mãi, trôi mãi về phía cô gái. Bằng cách tự đóng vai một hoàng tử

nhút nhát hay e thẹn, hay một hiệp sĩ mang gươm phụng sự ái tình, hoặc bằng cách sống trong chính bộ da sởn gai ốc trước nỗi lạnh lẽo của người tình bị bỏ rơi, anh đã vượt qua được cái thời gian sống khắc khoải ở trên tàu cho đến khi những cơn gió nhẹ mát rượi đầu tiên của ngày nổi lên và anh ngủ thiếp đi trên chiếc ghế tựa ở hành lang boong tàu.

Có một đêm anh ngừng đọc sách sớm hơn lệ thường và anh vô tư đi vào nhà tiêu. Khi anh đi ngang qua cửa một phòng giường nằm cạnh phòng ăn thì cánh cửa bỗng bật mở, một bàn tay chim ưng thò ra túm lấy vạt áo lôi anh vào phòng và ngay lập tức cánh cửa được đóng lại. Hầu như ở trong bóng tối anh mới chỉ kịp nhận ra một cơ thể phụ nữ loã lồ không tuổi tác, đầm đìa thứ mồ hôi nóng nực đang thở hổn hển. Tấm thân ấy đã đè ngửa anh ra giường, tháo khoá thắt lưng và mở cúc quần cho anh rồi đè lên anh và không thương tiếc phá tân của anh. Cả hai đều ngã gục đầy mệt mỏi xuống nỗi trống trải không có đáy, sực nức mùi hôi hám tại các phòng giường nằm trên tàu thuỷ. Người đàn bà ấy nằm nghỉ trên thân xác anh một lúc mà khóc không ra hơi, chết lặng đi trong bóng tối.

- Bây giờ mời anh hãy đi đi và hãy quên chuyện này đi nhé, - người đàn bà nói. - Chuyện này chẳng bao giờ xẩy ra cả.

Cú tấn công thật bất ngờ, đã diễn ra rất nhanh

chóng và mau lẹ đến mức không thể hiểu nó như một hành động bột phát do hoàn cảnh sống nhàm chán gây nên mà phải hiểu nó như kết quả của một kế hoạch được suy nghĩ lâu dài và cẩn thận tới từng chi tiết nhỏ. Chính cái ý nghĩ sáng tỏ này đã làm tăng thêm nỗi khát khao của Phlôrêntinô Arixa, trong lúc niềm vui sướng lên tới cao trào anh đã cảm thấy một sự thực hiển nhiên không thể tin được, kể cả không thể thừa nhận được và nó là thế này: tình yêu thơ mộng đối với Phecmina Đaxa có thể thay bằng một nỗi đam mê thế tục. Vì thế anh lao vào tìm hiểu bản thể của người đàn bà cưỡng dâm mình mà trong bản năng con báo cái của người ấy anh có thể tìm ra phương thuốc hữu hiệu cho nỗi bất hạnh của mình. Nhưng anh không tìm được. Ngược lại khi anh càng lao sâu vào việc tìm hiểu anh càng ở xa sự thực nhiều hơn.

Cú tấn công ấy xảy ra tại phòng ngủ cuối cùng nhưng phòng này lại ăn thông với phòng bên bởi một cửa trung gian, vì thế hai phòng được coi như một phòng có bốn giường nằm. Tại đây có bốn hành khách: hai cô gái rất trẻ, một phụ nữ nhiều tuổi hơn hai người kia nhưng lại gọn gàng nom rất ưa mắt và một đứa trẻ còn ẵm ngửa. Bọn họ lên tàu ở Barăngcô đê Lôba, đó là bến con tàu màn vào để lấy củi và nhận thêm khách của thành phố Môngpôt kể từ khi thành phố này bị loại ra ngoài lộ trình của

tàu thuỷ do con sông thay đổi luồng chảy, và Phlôrêntinô Arixa đã chú ý quan sát họ chỉ vì họ mang theo một đứa trẻ ngủ trong một cái lồng chim lớn.

Bọn họ đi trên tàu này mà ăn vận cứ như đi trên những tàu vượt đại dương sang trọng: bên trong làn váy lụa còn đeo cả khung sắt chiếc váy phồng để làm nổi hơn bộ mông, bên trong nịt vú họ còn độn thêm vú giả cho phồng thêm bộ ngực và đội những chiếc mũ rộng vành có thêu hoa, và hai cô gái trẻ thay xống áo một ngày tới ba lần, dường như họ mang theo mình cả những mùa xuân trong khi một số hành khách khác đang chết ngột vì oi nóng. Cả ba người đàn bà này rất thận trọng trong lúc sử dụng ô và quạt lông nhưng với mục đích khó hiểu của những cô gái thành phố Môngpôt thời ấy. Phlôrêntinô Arixa không thể nhận ra mối liên hệ giữa những người đàn bà này, dù rằng họ có vẻ cùng một gia đình. Thoạt đầu anh tưởng người đàn bà lớn tuổi hơn là mẹ đẻ của hai cô gái nhưng ngay sau đó anh nhận thấy rằng bà ta chưa nhiều tuổi để có thể làm mẹ của hai cô gái kia. Ngoài ra bà ta còn mang băng tang mà hai người kia không mang. Anh không hiểu rằng một trong những người đàn bà ấy dám làm điều đã làm với anh trong lúc những người kia ngủ ở ngay giường bên cạnh và cái ý nghĩ có thể có lý duy nhất là người đàn bà ấy tranh thủ lúc chỉ

có một mình mình ở trong phòng ngủ để hành động. Anh thấy đôi lúc hai người con gái trẻ ra ngoài hóng mát cho đến rất khuya trong khi người thứ ba ở lại phòng trông nom đứa bé nhưng có một đêm trời nóng quá cả ba người đều ra ngoài hóng mát mang theo đứa trẻ ngủ trong lồng chim có che một tấm lọng.

Bất chấp tình huống khó phân biệt ấy, Phlôrêntinô Arixa nhanh chóng gạt ra ngoài khả năng người đàn bà lớn tuổi hơn cả là tác giả của vụ tấn công kia và đồng thời anh cũng loại ra ngoài khả năng ấy cả cô gái ít tuổi nhất vốn là người bạo dạn và đẹp hơn cả. Anh làm việc ấy không căn cứ vào những lý lẽ đáng tin cậy mà chỉ vì sự theo dõi đầy háo hức ba người đàn bà kia đã dẫn anh đến một ý muốn tha thiết: người yêu chốc lát kia là người mẹ của đứa trẻ bị nhốt trong lồng chim. Dự đoán ấy lôi cuốn anh rất mạnh đến nỗi buộc anh bắt đầu quan tâm đến cô ta nhiều hơn Phecmina Đaxa, bất chấp một sự thực hiển nhiên là cô ta sẽ chỉ sống cho đứa bé mà thôi. Cô ta chưa đến tuổi hai mươi nhăm, người son sẻ và bóng bẩy, đôi mày để kiểu mày của người Bồ Đào Nha càng khiến cô ta khác hẳn mấy người kia và bất kỳ một người đàn ông nào cũng chỉ thèm khát một mẩu nhỏ của tình cảm âu yếm mà cô giành cho đứa bé. Từ khi ăn sáng cho đến khi đi ngủ, cô ta luôn ở bên cạnh chăm sóc đứa bé trong khi hai

người đàn bà kia chơi cờ đam, và khi ru được đứa bé ngủ, cô ta liền treo cái lồng chim ấy ở nơi thoáng mát hơn cả ngoài hành lang. Nhưng ngay cả khi đang ngủ cô ta vẫn trông nom đứa bé, vẫn đung đưa lồng chim và khe khẽ hát những bài hát tình đầy nhớ nhung trong khi tâm tưởng cô ta bay bổng trên mọi nỗi nhọc nhằn của chuyến đi trên tàu thuỷ. Phlôrêntinô Arixa vẫn cứ bám lấy ảo tưởng cho rằng sớm hay muộn cô ta cũng sẽ bị phát giác dù chỉ để lộ một hành động nhỏ. Anh theo dõi tới cả những thay đổi của hơi thở cô ta trong nhịp phập phồng của hộp thánh tích đeo trên ngực, mà ngắm nhìn cô ta qua quyển sách anh giả vờ đọc và anh phạm sai lầm thay đổi vị trí trong nhà ăn để đứng trước mặt cô ta. Nhưng anh không tìm thấy một dấu hiệu nào chứng tỏ trên thực tế cô ta là người giữ phần nửa điều bí mật của anh. Điều duy nhất mà anh còn nhớ được về cô ta là cái tên không có họ: Rôsanba. Anh biết được tên cô ta là nhờ người con gái nhỏ tuổi nhất đã gọi cô ta như thế.

Sang ngày thứ tám, con tàu bơi đi hết sức vất vả trên một khúc sông hẹp dòng nước chảy xối trào len lỏi bên những vỉa đá hoa cương và đến quá trưa con tàu được neo lại tại cảng Narê. Tại đây những khách nào muốn tiếp tục đi sâu vào nội địa tỉnh Antiôkia, một tỉnh bị cuộc nội chiến tàn phá dữ dội nhất, sẽ ở lại trên tàu. Cảng này chỉ gồm khoảng

sáu bảy túp lều tranh lụp xụp và một cửa hàng mái lợp tôn được vài đội tuần tra gồm toàn lính đi chân đất và vũ trang kém cỏi bảo vệ vì họ được tin nói rằng những người nổi dậy có kế hoạch cướp các tàu thuỷ. Phía sau những túp lều và cửa hàng, nổi lên một dãy núi đá và một hàng rào chắn song sắt được cắm ở bờ vực bên kia. Không một ai ngủ trên tàu được yên giấc nhưng cả đêm cuộc tiến công của nghĩa quân không nổ ra và khi trời sáng cảng thức dậy trong không khí vui nhộn của một ngày chủ nhật với những người Anhđiêng bán các thứ bùa hộ mạng và các thứ thuốc nước để chài mồi người yêu, trong khung cảnh ồn ào những bày ngựa và la được chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi sáu ngày ròng rã để trèo lên tận những cánh rừng hoa phong lan trên lưng chừng đèo.

Phlôrêntinô Arixa rất thích thú ngắm nhìn cảnh tượng những phu bốc vác người da đen đang è lưng bốc hàng từ trên tàu xuống. Anh nhìn thấy người ta bốc dỡ những sọt gạch men tầu, những hộp đàn pianô dành riêng cho các cô gái chưa chồng của ngài Đại sứ. Mãi sau này anh mới phát hiện ra trong số những hành khách xuống tàu có cả nhóm của Rôsanba. Anh nhìn thấy họ khi bọn họ đang đi túm tụm lại với nhau, chân đi ủng của người cưỡi ngựa, đầu đội những chiếc ô sặc sỡ sắc màu và lúc ấy anh mạnh dạn tiến thêm một bước mà trong những ngày

trước đây không dám làm: anh tiễn biệt Rôsanba bằng những chiếc hôn gió với tình thân mật từng khiến anh đau lòng bởi sự mạnh dạn quá ư muộn mằn của mình. Anh nhìn thấy họ đi vòng ra phía sau cửa hàng và theo sau họ là những con lừa thồ rương hòm, các thùng đựng ô và chiếc lồng của thằng bé. Ít phút sau, anh nhìn thấy họ đi thành hàng một men theo bờ vực thẳm rồi khuất bóng, và mãi mãi anh mất họ.

Thế là anh cảm thấy trên thế gian này chỉ có một mình mình và ký ức về Phecmina Đaxa, vốn được nhớ tới trong những ngày gần đây, đã nện cho anh một đòn chí tử.

Anh biết rằng thứ bảy tới cô sẽ làm lễ thành hôn trong một tiệc cưới lớn rất đình đám và vì anh là kẻ yêu cô hơn ai hết và yêu cô mãi mãi nên sẽ không được quyền tự vẫn. Nhưng tình cảm ghen tuông, cho đến lúc ấy vẫn bị dìm trong tiếng khóc, bỗng sống lại làm chủ tâm hồn anh. Anh cầu khẩn Thượng đế rằng tia chớp chói chang của lẽ phải thiêng liêng sẽ giết chết Phecmina Đaxa trong lúc cô thể sẽ chung thuỷ và ngoan ngoãn phục tùng người đàn ông chỉ muốn cô làm vợ như một món trang sức xã hội và anh mừng rơn trước hình ảnh của người yêu, của anh hay của ai cũng thế, nằm thẳng cẳng, mặt ngửa lên trời trên nền lát gạch Nhà Thờ lớn trong mùi hoa cam đẫm sương đêm của

thần chết và dòng thác ngầu bọt trắng của tấm trướng phủ trên bia mộ đá hoa cương của mười bốn vị giáo chủ chôn ngay phía trước bàn thờ chính. Tuy nhiên, một khi ý muốn trả thù nguôi đi, anh lại ân hận trước thói ác của bản thân và lúc ấy anh nhìn thấy Phecmina Đaxa đứng dậy với hơi thở mới tinh khôi, xa lạ nhưng đang sống, bởi vì anh không thể mường tượng ra một thế giới không có sự hiện hữu của cô. Anh lại không ngủ, và nếu đôi lúc anh cảm thấy ngứa ngáy trước bất kỳ một vật nào là vì anh có ảo giác: Phecmina Đaxa ngồi bên bàn ăn hoặc ngược lại, cô ta từ chối lời mời ăn sáng của anh. Đôi lúc anh tự an ủi mình bằng một ý nghĩ sáng tỏ: trong giây phút cảm động của lễ thành hôn và cả trong những đêm say mê hoan lạc của tuần trăng mật, Phecmina Đaxa bỗng nhiên bị đau trong khoảnh khắc, ít ra là một khoảnh khắc nhưng dù thế nào đi nữa cũng phải đau trong khoảnh khắc và trong cái khoảnh khắc ấy một bóng hình người yêu bị chế nhạo, bị làm nhục, bị phỉ nhổ sống dậy trong lương tri cô và làm cho cô bị mất đi niềm hạnh phúc.

Đêm trước ngày đến cảng Caracôli, bến cuối cùng của lộ trình, theo truyền thống của hãng tàu, viên thuyền trưởng đãi hành khách một bữa tiễn biệt. Đó là một cuộc vui gồm có âm nhạc do các thuỷ thủ chơi đủ loại kèn sáo và pháo hoa bắn lên từ tháp chỉ

huy trên boong thượng. Vị Đại sứ Vương quốc Anh đã vượt qua một chuyến đi gian nan mà anh hùng kiểu Uylit với một sự khôn khéo điển hình, bằng cách dùng máy ảnh săn những chú cá sấu và đủ loại con vật khác mà vị thuyền trưởng cấm săn bằng súng hai nòng và không một bữa ăn nào không diện bộ sang trọng khi bước vào phòng ăn. Nhưng trong bữa tiệc tiễn biệt này, ngài mặc y phục may bằng vải sợi sọc sặc sỡ sắc màu của bộ lạc Hac Taviso, say sưa thổi tù và, lòng đầy hào hứng dậy cho tất cả những ai muốn nhảy các điệu vũ dân tộc, rồi trước khi trời rạng sáng người ta phải dìu ngài về phòng giường nằm. Phlôrêntinô Arixa, buồn rầu vì đau yếu, đã tìm đến một xó khuất nhất để lẩn trốn cuộc vui và tại đấy anh trùm lên thân mình chiếc áo rét của Lôtariô Tugut cố chống lại cơn sốt từ trong xương tuỷ. Anh thức dậy từ lúc năm giờ sáng, và suốt ngày thứ bảy ấy anh không làm gì ngoài việc từng phút, từng phút mường tượng ra buổi hôn lễ của Phecmina Đaxa với từng chi tiết diễn ra trong từng thời khắc một. Sau này, khi trở về đến nhà, anh mới vỡ nhẽ rằng mình đã nhầm lẫn các thời khắc và rằng trên thực tế đám cưới của cô diễn ra khác hẳn với những điều anh mường tượng và anh phải buồn cười tự chế nhạo những cảnh tượng được anh tưởng tượng ra.

Nhưng dù sao đi nữa đó là một ngày thứ bảy của

những xúc cảm mạnh mẽ khiến anh lại lên cơn sốt, nhất là khi anh mường tượng ra cảnh đôi tân hôn lẻn trốn đám công chúng dự tiệc để vào phòng kín tận hưởng niềm hoan lạc của đêm đầu tiên. Một ai đó nhìn thấy anh run bắn lên đã đi báo cho vị thuyền trưởng biết và vị này vội vàng bỏ dở cuộc vui, dắt theo một bác sĩ vì ông sợ anh bị bệnh tả. Viên bác sĩ cẩn thận đưa anh về phòng giường nằm rồi ra lệnh cho y tá tiêm cho anh một mũi tiêm phòng tả. Tuy nhiên, ngày hôm sau, khi nhìn thấy những mỏm núi đá nhấp nhô ở thành phố Caracôli, thì cơn sốt của anh biến mất và lòng anh lại hân hoan vui sướng, bởi vì trong lúc nằm cho cơn sốt hạ anh đã kiên quyết và dứt khoát từ bỏ nghề điện báo và trở về ngôi nhà của mình trên phố Lat Vênhtanat khi con tàu này quay xuôi.

Đối với anh chẳng khó khăn gì trong việc thuyết phục nhà tàu phải cho anh đi thế vào suất vé giường nằm mà anh đã nhường lại cho vị Đại sứ Vương quốc Anh. Vị thuyền trưởng cũng cố tình an ủi anh bằng chính luận điểm cho rằng điện báo là một khoa học của tương lai. Chính vì thế, ông nói, người ta đang tìm cách thiết lập hệ thống điện báo trên các tàu thuỷ. Nhưng anh đã phản đối mọi lý lẽ. Thế là vị thuyền trưởng phải đưa anh về xuôi, không chỉ vì nhà tàu còn nợ anh chiếc vé giường nằm mà còn vì họ biết rõ quan hệ ruột thịt của anh với Hãng Tàu

thuỷ Caribê.

Chuyến tàu xuôi đi chưa hết sáu ngày và Phlôrêntinô Arixa cảm thấy như đã ở nhà mình rồi khi con tàu đi vào hồ Mecxêdêt trong một buổi đêm về sáng, và anh nhìn thấy ánh sáng lập loè chơi vơi của những thuyền chài đang dập dềnh trên sóng nước do con tàu gây nên. Trời hãy còn tối lắm khi con tàu màn vào cảng En Ninhô Pecđiđô, bến cuối cùng của lộ trình, còn cách vịnh những chín dặm nữa, trước khi người ta nạo vét và thiết lập đường trung chuyển từ đó đến vịnh. Các hành khách cần phải đợi cho đến sáu giờ sáng để lên một đoàn thuyền nan sẽ đưa họ về thành phố. Nhưng Phlôrêntinô Arixa đang háo hức muốn về nhà sớm hơn nên từ rất sớm anh đã trèo lên chiếc thuyền của bưu điện. Những người phục vụ trên thuyền này chơi thân với anh, coi anh như người nhà và đã đồng ý cho anh đi nhờ. Trước khi rời tàu anh đã làm một hành động có tính cách tượng trưng ném xuống sông chiếc giường dã chiến, rồi anh nhìn theo nó trôi nổi bềnh bồng trong ánh đèn thắp sáng trên những chiếc thuyền đánh cá cho đến khi nó ra khỏi hồ rồi mất hút trong đại dương. Anh tin chắc rằng mình sẽ không bao giờ dùng đến nó. Không bao giờ, vì không bao giờ anh rời bỏ thành phố của Phecmina Đaxa.

Vào lúc trời rạng sáng, mặt vịnh phẳng lặng như

gương. Qua làn sương mù nổi trên mặt vịnh, Phlôrêntinô Arixa nhìn thấy tháp chuông Nhà Thờ lớn được nhuộm trong ánh bình minh, nhìn thấy những chuồng bồ câu trên sân thượng các nhà cao tầng rồi theo chúng anh đưa mắt tìm dinh thự Mackêt đê Casađuerô là nơi anh đoán rằng người đàn bà của nỗi bất hạnh của mình còn đang ngủ đầu gối bên vai người chồng như ý. Dự đoán ấy cào xé lòng anh nhưng anh chẳng làm gì để ngăn nó lại, mà ngược lại hoàn toàn: anh còn vui trong nỗi đau của chính mình. Nắng bắt đầu gay gắt khi con thuyền bưu điện rẽ lối giữa những chiếc thuyền buồm đã được neo lại, nơi đủ thứ mùi hôi hám của cái chợ thành phố hoà quyện với cái mùi thối của những thứ rữa nát dưới đáy nước để làm thành một thứ mùi duy nhất: mùi khẳn lặn. Con tàu Riôacha cũng vừa tới và các đội bốc vác ngâm người trong nước ngang thắt lưng đang đón và đưa khách từ tàu vào bờ. Phlôrêntinô Arixa là người đầu tiên từ trên thuyền bưu điện nhảy lên bờ và kể từ lúc ấy trở đi anh không cảm thấy cái mùi khẳn lặn của vịnh biển mà chỉ cảm thấy hơi hướng Phecmina Đaxa trong không khí thành phố. Trong tất cả mọi thứ anh đều ngửi ra mùi của cô gái.

Anh không trở lại làm việc ở phòng điện báo. Mối bận tâm duy nhất của anh là những cuốn chuyện tình và những tập thơ thuộc tủ sách Bình

dần do mẹ anh vẫn tiếp tục mua cho và đó là những cuốn sách anh nằm trên võng đọc đi đọc lại tới mức thuộc lòng. Anh không hề hỏi cây đàn viôlin hiện đang nằm ở đâu. Anh nối lại quan hệ với những người bạn thân nhất và thỉnh thoảng anh lại đi chơi bi-a hoặc nói chuyện với họ tại các quán cà phê ngoài trời bên dưới những mái vòm thuộc Quảng trường Nhà hát lớn, nhưng không bao giờ anh trở lại các phòng khiêu vũ ngày thứ bảy vì anh không thể khiêu vũ khi không có cô bạn gái ở bên cạnh.

Ngay chính buổi sáng về đến nhà anh được tin Phecmina Đaxa đang hưởng tuần trăng mật ở châu Âu và với trái tim đập dồn dập anh nghĩ rằng cô sẽ sống ở bên ấy nếu không phải mãi mãi thì cũng trong nhiều năm. Chính ý nghĩ này tiêm nhiễm vào tâm hồn anh những hy vọng đầu tiên về sự lãng quên. Anh nghĩ đến Rôsanba mà những ký ức về cô này ngày càng nóng bỏng hơn trong khi những ký ức khác ngày một mờ nhạt đi. Thời kỳ này anh để bộ ria mép vểnh lên hai bên và suốt đời anh không cạo đi và anh thay đổi cách thức ăn diện. Ý nghĩ cho rằng có thể lấy đam mê thế tục thay cho tình yêu thơ mộng của anh với Phecmina Đaxa đã dẫn anh đến những con đường không định trước. Hơi hướng Phecmina Đaxa trong tâm hồn anh dần dần thưa nhạt đi để cuối cùng chỉ còn đọng lại trong mùi hoa bạch trà.

Anh đang mất phương hướng không biết nên bắt đầu cuộc sống của mình từ chỗ nào thì bà quả phụ Naxarêt nổi tiếng đã đến với anh trong một đêm chiến tranh. Đó là thời tướng Ricacdô Gaităng Ôbêxô, người cầm đầu cuộc khởi nghĩa, bao vây thành phố. Nhà bà quả phụ Naxarêt bị một viên đại bác phá sập và bà hoảng hốt chạy đến nhà anh. Tranxitô Arixa là người nắm lấy cơ hội thuận lợi này và đưa bà quả phụ sang ngủ ở phòng con trai với lý do phòng ngủ của mình chật chội nhưng trên thực tế bà hy vọng rằng một tình yêu khác có thể chữa lành tình yêu nhiều nhức nhối và day dứt không để cho con bà sống bình thường. Phlôrêntinô Arixa không làm tình kể từ sau hôm anh bị Rôsanba cướp mất tân ở trong phòng giường nằm ngủ trên tàu thuỷ và anh cảm thấy rằng mình nằm ngủ trên võng còn bà quả phụ nằm trên giường trong một đêm có biến cố xảy ra là chuyện rất thường tình. Nhưng bà quả phụ đã quyết chí chung chăn gối với anh trong đêm ấy. Bà ngồi ngay ở mép giường trong lúc Phlôrêntinô Arixa đã nằm xuống võng còn chưa biết nên làm gì. Bà ta bắt đầu nói về nỗi buồn không thể an ủi của mình vì người chồng chết cách đây ba năm. Trong khi nói bà ta cởi phăng và ném đi bộ váy áo của bà goá, rồi cởi tiếp đến những thứ khác cho đến khi trên người không mang gì ngay cả chiếc nhẫn cưới. Bà cởi chiếc áo chui đầu may bằng

vải lụa và ném nó nằm gọn trên chiếc ghế dựa ở tận xó nhà, bà kéo ngược qua vai chiếc nịt vú rồi ném nó sang mép giường bên kia. Chỉ thoắt một cái, bà cởi xong chiếc váy ngắn đến tận háng và chiếc váy lót may vải đăng ten, rồi đôi tất lụa đen. Bà vất bừa bãi chúng xuống sàn nhà cho đến khi căn phòng mù mịt bay thứ bụi bám lâu năm trên người bà phả ra. Bà làm rất ồn ĩ và đôi lúc có ý ngừng nghỉ nhưng là sự ngừng nghỉ có tính toán, dường như mỗi cử động của bà đều được chúc mừng bởi từng phát đại bác của quân tấn công làm rung chuyển thành phố tới tận nền móng từng ngôi nhà. Phlôrêntinô Arixa định bụng cởi giúp bà chiếc trâm nhưng bà ta đã kịp cởi nó trước anh với thủ thuật khéo léo bởi vì trong năm năm quen với cuộc sống vợ chồng bà đã rèn luyện để tự mình làm lấy trong mọi bước đi cần thiết của tình yêu kể cả lời mời chào mà không cần một ai giúp đỡ. Cuối cùng, bà cởi đến chiếc xi-lip may vải đăng ten: bằng một động tác nhanh nhẹn của một nữ vận động viên bơi lội bà cho nó trượt theo hai đùi. Thế là bà hoàn toàn khoả thân.

Bà đã ở tuổi hai mươi tám và ba lần sinh nở nhưng tấm thân loã lồ của bà vẫn giữ nguyên vẻ kiều diễm của cơ thể gái đang thì chưa chồng từng khiến người chiêm ngưỡng phải bàng hoàng. Có lẽ Phlôrêntinô Arixa không bao giờ hiểu được làm sao một số bộ váy áo xưng tội lại có thể che giấu những

thôi thúc bên trong của con ngựa cái đang thì phóng đãng kia, người háo hức khoả thân trước mắt anh như đã không thể làm điều đó với người chồng để ông ta không nghĩ mình là kẻ trác truỵ. Anh nghĩ rằng bà ấy đang định bằng cú tấn công này sẽ thoả cơn khao khát lâu ngày phải kiêng cữ để chịu tang. Bà làm tình với vẻ hoảng hốt và ngây thơ của người sống tuyệt đối trung thành với người chồng. Trước đêm ấy và kể từ cái giờ sung sướng mẹ bà sinh ra bà, chưa bao giờ bà được nằm chung một giường với một người đàn ông nào khác ngoài người chồng đã quá cố.

Bà không cho phép mình tự ân hận để không được hưởng niềm khoái lạc. Ngược lại hoàn toàn. Bị mất ngủ vì những quả cầu lửa gầm rít bay qua nóc nhà, bà nằm miên man nghĩ về những đức tính tuyệt vời của người chồng cho đến rạng sáng ngày hôm sau mà không hề lên án ông thiếu lòng chung thuỷ: chết mà không mang theo bà, rồi bà yên lòng với ý nghĩ sáng tỏ rằng chưa bao giờ như lúc này bà hoàn toàn thuộc về ông, người đang nằm trong áo quan được mười hai chiếc đinh sắt dài ba tấc đóng chặt lại và ở sâu dưới lòng đất những hai mét.

- Em rất là hạnh phúc, - bà nói, - vì chỉ lúc này em mới biết chắc chắn rằng anh đang ở đâu khi anh vắng nhà.

Đêm ấy bà nhanh chóng cởi bỏ tang phục mà

không cần qua bước chuyển tiếp phải mặc những chiếc blu màu ghi xám và cũng từ đêm ấy trở đi cuộc đời bà chan chứa những bản tình ca và sặc sỡ những bộ váy áo nhiều màu thêu những chú vẹt đuôi dài và những con bướm, và bà bắt đầu chung chia niềm hoan lạc với bất kỳ người đàn ông nào yêu cầu bà. Quân đội của tướng Gaităng Ôbêxô bị đánh bại phải tháo chạy sau sáu mươi ba ngày bao vây thành phố. Nhờ vậy bà quả phụ Naxarêt xây dựng lại ngôi nhà bị đạn pháo bắn sập, làm cho nó một sân hiên tuyệt đẹp có tầm cao trên tầm đê biển để nhìn thẳng ra mặt biển và đó là nơi trong những ngày giông tố người ta nhìn thấy rõ biển nổi khùng trong những đợt sóng điên cuồng. Đó chính là tổ ấm tình yêu của bà, như lời bà tuyên bố, và là nơi bà tiếp người đàn ông hợp với sở thích của mình, khi bà muốn và như bà muốn, và chẳng bao giờ bà nhận của ai dù chỉ một đồng tiền mọn bởi vì bà cho rằng những người đàn ông mới là những người làm ơn cho mình. Trong những trường hợp đặc biệt lắm bà mới nhận quà tặng nhưng với điều kiện nó không phải là vàng và đó là cách làm hết sức linh hoạt đến mức không ai có thể đưa ra một bằng chứng chứng tỏ lối sống lạ lẫm của bà. Chỉ một lần duy nhất bà suýt bị vạ khi có tin nói rằng đức giám mục Đantê đê Luna không chết vì ngộ độc khi ngài ăn một đĩa nấm hái nhầm bởi vì bà đã đe doạ sẽ chặt đầu ngài

nếu ngài không bỏ các cuộc bao vây nhà bà một cách láo xược. Không một ai hỏi bà xem điều ấy có đúng thế không, cũng chẳng bao giờ bà nói về điều ấy và bà chẳng hề thay đổi gì trong cách sống của mình. Theo như lời bà nói trong lúc cười ngặt nghẽo, bà là người phụ nữ tự do duy nhất của tỉnh này.

Bà quả phụ Naxarêt chẳng bao giờ sai hẹn với Phlôrêntinô Arixa ngay cả trong những ngày bận túi bụi, và bà làm tình với anh không có ý định yêu anh cũng chẳng mong được làm người yêu của anh dù lúc nào bà cũng nuôi hy vọng sẽ gặp được một cái gì đó gần giống như tình yêu nhưng sẽ không có các vấn đề cần phải giải quyết của tình yêu. Đôi lúc anh là người đến với bà và thế là cả hai người đều thích thú ngồi ở sân hiên nhìn ra mặt biển mặc cho hơi nước thấm đẫm người để ngắm nhìn buổi bình minh rạng rỡ ở chân trời. Anh say sưa dạy bà các trò khêu gợi nhục dục mà qua khe hở vách phòng anh từng nhìn thấy những người khác làm trong buồng kín hộp đêm, cũng như những kiểu chơi có tính lý thuyết từng được Lôtariô Tugut rao giảng trong những đêm nhậu nhẹt say sưa của ông. Anh nựng để bà cho mình ngắm khi làm tình, để bà thay đổi tư thế phù hợp với các kiểu chơi đến nỗi tí nữa thì mất mạng vào lúc dây võng đứt khi cả hai người định sáng tạo ra một kiểu chơi tân kỳ hơn ngay trên

chiếc Võng ấy. Đó là những bài học không mang lại hiệu quả. Bởi vì thực ra bà ta là một học trò nhút nhát lại thiếu năng khiếu để làm tình theo ý định. Chẳng bao giờ bà hiểu được những khoái cảm đê mê ở trên giường và bà cũng chẳng có lấy một khoảnh khắc cao hứng, và niềm phấn khích của bà thường là không đúng lúc và bệnh hoạn, bà chỉ là một thứ bụi nhạt nhẽo và buồn tẻ. Phlôrêntinô Arixa sống khá lâu trong sự lừa phỉnh mình là người duy nhất của bà ta và bà ta tự lấy làm sung mãn thấy anh tin điều đó cho đến khi bà ta gặp chuyện không may: nói mơ trong khi ngủ. Dần dần, do nghe bà ta nói trong khi ngủ, anh đã khôi phục được bức thư bơi trong giấc mơ của bà và cứ thế anh len lỏi vào vô vàn những đảo nhỏ trong cả cuộc sống riêng tư của bà. Nhờ vậy mà anh biết được rằng bà không có ý định kết hôn cùng anh nhưng bà thấy mình gắn bó với cuộc đời anh bởi ân huệ lớn lao: anh đã làm chủ bà. Rất nhiều lần bà ta nói:

- Em yêu anh vì anh đã làm cho em lại biết yêu say đắm.

Nói khác đi, bà không thiếu lý do để mà nói thế đâu. Phlôrêntinô Arixa đã cướp đi của bà ta cái trinh nguyên của một đôi vợ chồng hoà thuận mà trên thực tế nó còn nguy hiểm hơn cái trinh nguyên vốn có từ khi cha mẹ sinh ra và cuộc sống chay tịnh của một người đàn bà goá bụa. Anh đã dạy cho bà

biết rằng không một việc làm với nhau nào ở trên giường lại là vô đạo đức nếu nó góp phần gợi nhớ đến tình yêu. Kể từ lúc ấy có một cái gì đó đã trở thành lẽ sống của bà: anh đã thuyết phục bà rằng một người sinh ra trên đời này với một lượng hạt bụi nhất định và kẻ nào không dùng chúng vì những lý do nào đấy, thiết thân hoặc xa lạ, tự nguyện hay bị cưỡng bức, thì mãi mãi đã để mất cuộc đời mình rồi. Chiến tích của bà là đã chăm chú nghe anh không để sót lời nào. Tuy nhiên, vì tin rằng mình hiểu bà hơn ai hết, Phlôrêntinô Arixa đã không hiểu vì sao một người đàn bà giàu những cử chỉ dễ thương của trẻ thơ nhưng khi nằm trên giường với người tình lại luôn miệng nói về người chồng quá cố, người đàn bà ấy lại có sức hấp dẫn đến như vậy. Lời giải thích duy nhất đến với anh và không một ai có thể nói ngược lại được, đó là đối với bà quả phụ Naxarêt anh là người thừa trong tình cảm âu yếm nhưng lại là người cần có trong nghệ thuật ái tình. Những lần gặp nhau của họ bắt đầu thưa nhạt dần, phần vì bà ta ngày càng mở rộng vương quốc ái tình của mình, phần vì anh tận dụng những kinh nghiệm của mình để đi tìm niềm an ủi cho những nỗi đau cũ trong trái tim rộng mở của những người đàn bà khác, vì thế họ đã quên nhau mà chẳng hề đau khổ.

Đó là mối tình giường chiếu đầu tiên của Phlôrêntinô Arixa. Nhưng đáng lẽ anh cùng bà xây

dựng cuộc sống chung bền chặt như điều bà Tranxitô Arixa mong muốn, thì cả hai người đều lợi dụng mối tình ấy để lao vào cuộc sống. Phlôrêntinô Arixa đã phát triển các phương pháp dường như vô lý ở một người đàn ông như anh, đã lầm lỳ ít nói lại gầy gò xanh xao, và hơn nữa ăn mặc thì lỗi thời y hệt một cụ già. Tuy nhiên, anh lại có hai thế mạnh, một là con mắt tinh tường nhận ra ngay người đàn bà đang cần anh, dù ngay trong giữa đám đông anh vẫn tán tỉnh cô ta một cách thận trọng vì anh cảm thấy rằng không gì đáng xấu hổ hơn và đáng nhục nhã hơn là việc mình bị từ chối. Thế mạnh thứ hai của anh là các cô nhận ra ngay anh là một kẻ cô đơn cần đến ái tình, một gã ăn mày ngoài đường với cái vẻ bẽn lẽn của một con chó bị đòn sẵn sàng phục vụ các cô không điều kiện: anh không đòi hỏi gì và họ cũng chẳng hy vọng gì ở anh ngoại trừ lòng thanh thản của lương tri là mình đã gia ơn cho anh. Đó chính là những vũ khí duy nhất của anh và bằng những vũ khí này anh đã thực hiện các trận đánh lịch sử nhưng được hoàn toàn giữ kín và được ghi lại một cách bền bỉ trong một cuốn vở mật mã được rất nhiều bạn bè biết tới dưới một cái tên đã nói lên đầy đủ: "Các cô ấy". Câu chuyện được ghi chép đầu tiên là câu chuyện về bà quả phụ Naxarêt. Năm mươi năm sau, khi Phecmina Đaxa goá chồng và được tự do ở ngoài mọi trói buộc, Phlôrêntinô Arixa

đã có khoảng hai mươi nhăm cuốn sổ ghi lại sáu trăm hai mươi cuộc tình duyên liên tục, chưa kể đến vô vàn những cuộc tình chớp nhoáng không đáng ghi lại.

Sau sáu tháng quan hệ luyến ái tự do với bà quả phụ Naxarêt, chính Phlôrêntinô Arixa đã đi đến kết luận rằng anh có thể chiến thắng cơn giông tố do Phecmina Đaxa gây ra cho anh. Không những anh tin mà anh còn bình luận với bà Tranxitô Arixa vài lần trong suốt hai năm liền khi Phecmina Đaxa cùng chồng đang du chơi ở bên châu Âu. Anh vẫn tin điều ấy cho đến một ngày chủ nhật bất hạnh anh bỗng nhìn thấy cô vịn tay chồng từ trong Nhà Thờ lớn bước ra trong sự vây bọc của đám người hiếu kỳ đang tung ra những lời tán tụng về thế giới mới của cô. Các bà thuộc giới quyền quí từng coi khinh và dè bỉu cô vì cô là một kẻ ngụ cư không danh tiếng, nay đã thay đổi thái độ đối với cô bởi vì cô cảm thấy mình là một mệnh phụ trong giới các bà mệnh phụ và chính cô đã làm cho họ cảm động trước niềm vui của cô. Cô đã làm chủ được thân phận một người vợ thế tục với bao bản lĩnh của mình đến mức Phlôrêntinô Arixa phải suy nghĩ một lúc mới nhận ra cô. Phecmina Đaxa hoàn toàn khác xưa: bộ váy áo của người lớn tuổi, đôi giày cao ống, chiếc mũ lụa có đính vài chiếc lông chim màu sắc sặc sỡ của giống chim phương Đông, tất cả những thứ trang

sức cô mang trên người hoàn toàn khác xưa và rất tự nhiên như thể cô mang chúng ngay từ khi còn bé. Anh thấy cô trẻ hơn, đẹp hơn bao giờ hết, nhưng không bao giờ cô có thể trở lại son trẻ như xưa được, anh vẫn chưa hiểu lý do vì sao lại như thế cho đến khi nhìn thấy cái bụng lùm lùm dưới áo lụa: cô đã có mang sáu tháng. Tuy nhiên điều anh cảm động hơn cả là cô và người chồng là một đôi vợ chồng đôi lứa xứng đôi đáng được khâm phục và cả hai đang điều khiển thế giới với biết bao linh hoạt đến mức dường như họ đang lướt bên trên những khó khăn của thực tế. Phlôrêntinô Arixa không thấy ghen cũng chẳng thấy giận mà chỉ cảm thấy tự khinh bỉ chính mình. Anh thấy mình nghèo, xấu trai, thấp hèn và không chỉ không xứng đôi với cô mà còn không xứng đôi với bất kỳ người đàn bà nào trên mặt đất này.

Vậy là Phecmina Đaxa đã trở về. Cô trở về không có một lý do gì để mà ân hận về sự đảo lộn mà người ta đã đem đến cho cuộc đời cô. Trái lại hoàn toàn, càng ngày cô càng ít phải ân hận, nhất là sau những năm tháng đầu tiên chung sống với chồng. Trong trường hợp của cô, điều đáng khen ngợi hơn cả là cô đến nơi tổ chức lễ thành hôn vẫn chưa hết ngỡ ngàng của tuổi ngây thơ. Trong chuyến du chơi gần như khắp tỉnh của người chị họ Hinđêbranđa cô bắt đầu để mất tuổi thơ của mình. Tại làng

Vadêđupa cô đã biết vì sao những chú gà trống cồ lại đi ghẹ các cô gà mái mơ. Cô đứng xem các lễ nghi thô bạo của các chú lừa đực với các cô lừa cái mà kết quả của những lễ nghi ấy là sự ra đời của lừa con. Cô nghe các cô chị em họ nói về những cặp vợ chồng nào của gia đình đang làm tình, nói về những cặp vợ chồng nào tuy vẫn sống với nhau nhưng đã thôi không chung chăn gối nữa từ khi nào và vì lý do nào... Đó là khi cô bắt đầu tự nhận biết trong ái tình cô đơn với cảm giác mình đang phát hiện ra một cái gì đó mà bản năng của cô đã biết từ lâu; thoạt đầu là ở trên giường cô nín thở để khỏi tự tố giác mình trong phòng ngủ chung của mười hai chị em họ và sau đó là ở trong nhà tắm, không hề ý tứ gì hết cô cứ thả hai tay xuống, tóc buông xoã mà thèm thuồng hít những điếu thuốc lá nặng đầu tiên của những tay lục lâm giang hồ. Lúc nào cô cũng làm như thế với một vài nghi ngờ của lương tâm cho rằng mình chỉ có thể hiểu biết chuyện buồng kín khi đã có chồng, và lúc nào cô cũng làm như thế trong một sự bí mật tuyệt đối trong khi đó các chị em gái lại xì xào với nhau về không chỉ số quá nhiều lần trong một ngày mà còn cả cái hình thức và tầm vóc của những cơn hứng tình của cô. Tuy nhiên, bất chấp những cú sướng đê mê ấy, cô vẫn mang theo mình niềm tin cho rằng để mất trinh là cả một sự hy sinh đẫm máu.

Vậy là tiệc cưới của cô, một trong những tiệc cưới ồn ĩ từng xảy ra hồi cuối thế kỷ trước, đã diễn ra với cô trước khi nỗi sợ hãi xảy đến. Nỗi lo lắng cho tuần trăng mật đã tác động tới cô còn mạnh hơn cả dư luận xã hội ồn ĩ bàn tán về đám cưới của cô với một người đàn ông lịch duyệt số một trong những ngày ấy. Kể từ ngày bắt đầu thông báo cuộc hôn nhân của hai người trong buổi lễ mixa trọng thể tại Nhà Thờ lớn, Phecmina Đaxa lại nhận được rất nhiều thư nặc danh, có một số thư đe doạ cô bằng cái chết, nhưng có lẽ hầu như cô thấy cái chết không đến với mình, bởi thế trong tất cả sợ hãi có khả năng xảy ra ấy cô chỉ tập trung lo đối phó với lời đe doạ sẽ cưỡng dâm cô. Đó là cách ứng xử đúng đắn đối với những kẻ viết thư nặc danh mặc dù cô không làm điều ấy với ý thức đầy đủ. Vậy là tất cả những ai cản trở cô đã dần dần đứng về phía cô bởi vì đám cưới là không thể trì hoãn được. Cô nhận ra điều đó trong những thay đổi từng bước một của đám các bà mệnh phụ da mai mái xanh, ốm yếu vì bệnh thấp khớp và vì những tình cảm ân hận, mà một ngày nào đó họ đã thắng được lòng kiêu hãnh chứa đựng nhiều mưu ma chước quỷ của mình, và không hề báo trước, họ xuất hiện ở vườn hoa Lôt Êvanghêliôt, làm như thể nó là nhà họ vậy, mang theo những thực đơn và quà tặng có ý nghĩa trong tương lai. Tranxitô Arixa quá quen thuộc cái thế

giới ấy, mặc dù chỉ có lần ấy bà đau đớn tận trong xương tuỷ và biết rằng các khách hàng của mình lại có mặt ở nhà mình vào đêm trước những lễ hội linh đình để xin bà làm ơn hãy đào các chum chĩnh lên và hãy cho họ thuê những vòng ngọc chỉ trong hai mươi tư giờ theo một giá thoả thuận. Đã lâu lắm, chưa hề xảy ra hiện tượng đông khách hàng như lần ấy đến mức các chum chĩnh của bà vốn để đầy vòng vàng, dây chuyền, vòng hạt nay rỗng không để cho các bà mệnh phụ dòng dõi trút bỏ những bộ trang phục xám xịt và xuất hiện trước công chúng thật lộng lẫy với những vòng vàng, chuỗi hạt ngọc thuê của bà trong một đám cưới linh đình và rực rỡ chưa từng thấy ở cuối thế kỷ mà vinh dự tột đỉnh của nó là sự đỡ đầu của tiến sĩ Raphaen Munhôt, ba lần đắc cử Tổng thống nước Cộng hoà, là nhà triết học, nhà thơ và là tác giả bản quốc ca, theo như người ta viết trong những cuốn từ điển được biên soạn từ những ngày ấy. Phecmina Đaxa khoác tay cha mình bước tới bàn thờ chính trong Nhà Thờ lớn. Cha cô mặc trang phục lộng lẫy mà bộ trang phục này đã mang lại cho ông vẻ ngỡ ngàng của người lần đầu được trọng thị. Cô làm lễ chỉ một lần trong cả đời mình trước bàn thờ chính tại Nhà Thờ lớn trong một buổi lễ mixa long trọng được ba đức giáo chủ làm chủ lễ, vào lúc mười một giờ trưa ngày thứ sáu vinh quang của Thánh bà Trinidat và cô không hề có dù

chỉ một ý nghĩ thương hại dành cho Phlôrêntinô Arixa, người lúc đó đang hôn mê vì sốt cao, đang sống dở chết dở vì cô trong không khí ngột ngạt ở trên con tàu mang anh vào cõi lãng quên. Trong lúc tiến hành nghi lễ và cả sau khi làm xong lễ cưới, cô cố giữ một nụ cười mỉm dường như được định hình bởi thuốc chì cacbonat, đó là một cử chỉ không hồn mà một số người giải thích nó như một nụ cười mỉa mai của kẻ chiến thắng, nhưng thực ra nó là một biện pháp đáng thương để che đi nỗi sợ hãi của cô về cái trinh tiết của gái mới cưới chồng.

Cũng may thôi, những tình huống bất ngờ cùng với sự thông cảm của người chồng đã giúp cô vượt qua ba đêm đầu tiên của tuần trăng mật không một chút đau đớn. Đó là một điều mầu nhiệm. Con tàu của Hãng Giênêran Trăngsalăngtic, với lộ trình bị đảo lộn bởi thời tiết xấu của biển Caribê, thông báo trước ba ngày nó sẽ khởi hành sớm hai mươi giờ so với giờ đã dự báo cách đây sáu tháng, vậy là nó không nhổ neo đi Rôsơn vào hôm sau ngày tổ chức đám cưới mà vào chính đêm cưới. Không một ai tin rằng sự thay đổi ấy là một bất ngờ nữa thêm vào vô số những bất ngờ tuyệt vời của đám cưới, bởi đám cưới kết thúc sau mười hai giờ đêm ngay trên con tàu vượt đại dương sáng trưng ánh đèn với sự giúp vui của dàn nhạc Viên chơi thử những bản nhạc mới nhất của Giôhan Xtrôx trên chuyến đi này. Do đó

một vài bậc cha đỡ đầu người ướt đẫm rượu sâm banh đã được những bà vợ vất vả kéo từ trên tàu xuống đất liền khi bọn họ đang đi hỏi các tay bồi phục vụ ở phòng giường nằm rằng còn sẵn giường không để họ tiếp tục cuộc vui cho đến tận Pari. Những người xuống tàu cuối cùng nhìn thấy Lôrenxô Đaxa ở trước quán căng tin tại bến cảng ngồi ngay giữa đường cái với bộ quần áo sang trọng rách bươm. Ông gào lên mà khóc như những người Ả rập khóc lóc thảm thiết trước thi hài người thân. Ông ngồi trong vũng nước tù đọng rất dễ lầm với một vũng nước mắt.

Những hành động thô bạo mà Phecmina Đaxa vốn sợ hãi đã không xảy ra trong đêm đầu tiên trên biển cồn sóng, cũng không xảy ra trong những đêm con tàu chạy êm ả, cũng không xảy ra trong cuộc đời vợ chồng dài lâu của cô. Đêm đầu tiên, dù con tàu lớn là vậy, dù phòng giường nằm sang trọng là vậy, vẫn là một sự lặp lại đáng sợ của những đêm trên con tàu Riôacha và chồng cô là một bác sĩ tận tuỵ phục vụ đã không hề ngủ lấy một phút để an ủi cô và đó là việc làm duy nhất mà một bác sĩ rất nổi tiếng biết làm để chống say sóng. Sang ngày thứ ba giông bão tan dần, và kể từ cảng Goayra trở đi, bọn họ đã ở bên nhau khá lâu và nói chuyện với nhau cũng khá nhiều đến mức họ cảm thấy quan hệ giữa họ với nhau là quan hệ giữa những người bạn thân quen từ

lâu. Sang đêm thứ tư khi bọn họ khôi phục lại những thói quen thường ngày của mình, bác sĩ Huvênan Ucbinô lấy làm ngạc nhiên trước việc người vợ trẻ của ngài không cầu kinh trước khi ngủ. Cô chân thành giải thích cho ngài biết rằng sự giả dối của các nữ tu sĩ đã khêu gợi trong cô ý thức chống lại các nghi thức nhưng lòng tin của cô đối với Chúa Trời vẫn nguyên vẹn và cô đã học để thầm lặng duy trì niềm tin ấy. Cô bảo: "Em thích mình tự trực tiếp hiểu lấy Chúa Trời". Ngài hiểu những lý do của cô nêu ra và từ đó mỗi người thực thi bổn phận tín ngưỡng theo cách thức của mình. Bọn họ từng có quan hệ yêu nhau trong thời gian rất ngắn nhưng không được bình thường lắm theo quan niệm của thời đại, bởi vì vào các buổi chiều hàng ngày bác sĩ Huvênan Ucbinô đến nhà thăm cô không có sự giám sát của người thứ ba. Cô không cho phép ngài đụng đến người mình dù chỉ là đầu ngón tay, trước khi cha cô thay mặt Chúa ban phước lành, nhưng ngay chính bản thân ngài cũng không hề có ý định ấy. Đó là đêm đầu tiên họ đi trên con tàu chạy êm ả giữa đại dương. Họ đã lên giường nằm rồi nhưng vẫn mặc quần áo chỉnh tề, và ngài bắt đầu đưa tay mơn trớn cô, ngài sờ nhẹ nhàng với bao thận trọng đến mức cô cảm thấy nếu mặc áo ngủ lúc này là chuyện tự nhiên thôi. Cô đi vào buồng tắm để thay quần áo ngủ, nhưng trước khi vào buồng cô

đã tắt đèn ở ngoài phòng giường nằm và khi ra khỏi buồng tắm cô còn lấy giẻ nhét kín các khe hở ở cánh cửa buồng tắm để trở lại giường nằm trong bóng tối tuyệt đối. Trong khi cô làm, cô nói đùa:

- Bác sĩ muốn gì cơ. Đây là lần đầu tiên em ngủ chung với một người lạ.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô cảm thấy cô như một con vật hoảng hốt đang trườn đến gần mình, cố ý giữ một khoảng cách có thể được giữa hai người trên một chiếc giường hẹp không thể tránh được việc hai người đụng phải nhau. Ngài nắm lấy tay cô, bàn tay giá lạnh và cứng đơ vì đang sợ hãi. Ngài luồn ngón tay mình trong các kẽ ngón tay cô và bằng một giọng thầm thì ngài kể cho cô nghe những chuyến vượt đại dương khác của mình. Lại một lần nữa cô hoảng hốt vì khi trở lại giường nằm cô nhận thấy ngài đã hoàn toàn trần truồng trong lúc mình ở trong buồng tắm. Chính hiện tượng này đã báo trước cho cô biết nỗi kinh hoàng của bước tiếp theo. Nhưng bước tiếp theo kéo dài hàng vài giờ bởi vì bác sĩ Huvênan Ucbinô vẫn tiếp tục nói chuyện một cách từ tốn trong lúc ngài từng bước chinh phục lòng tin của cô. Ngài nói với cô về Pari, về ái tình ở Pari, về những người yêu nhau ở Pari thường ôm hôn nhau ngay ở giữa đường phố, ngay ở trên xe ôtô buýt, ngay ở các sân hiên rực rỡ hoa tại các quán cà phê ngoài trời, bên hơi lửa ấm và bên tiếng đàn

phong cầm rên rỉ trong những đêm hè và họ đứng mà làm tình với nhau ngay ở bên bờ sông Xen mà chẳng khiến ai phải khó chịu. Trong lúc ngài nói trong bóng tối, ngài lấy năm ngón tay khẽ mơn trớn cái đường cong nơi cổ cô, vuốt ve hai cánh tay cô mặc lụa mềm, rồi khi cảm thấy cô đã bớt căng thẳng, ngài liền thực hiện ý định đầu tiên: vén chiếc váy ngủ lên thì cô gái với cú hất tay rất đặc trưng cho tính cách của mình, đã kịp ngăn ngài lại. Cô bảo: "Em biết làm lấy một mình". Cô cởi chiếc váy ngủ ra, sau đó cô nằm im phăng phắc đến mức bác sĩ Huvênan Ucbinô tưởng rằng cô không nằm ở đấy nữa.

Một lúc sau ngài lại nắm bàn tay cô và thế là ngài cảm thấy lúc này cô dịu dàng và ấm nóng trở lại nhưng vẫn ẩm một thứ hơi dịu nhẹ. Cả hai người đều nằm yên và không nói năng gì trong một lúc nữa. Ngài đang cẩn thận quan sát để chuẩn bị bước sang giai đoạn tiếp theo còn cô gái đang chờ đợi mà không biết nó sẽ bắt đầu từ đâu trong khi bóng tối cũng ngày càng trải rộng ra cùng với hơi thở của cô càng ngày càng mạnh hơn. Bỗng ngài buông bàn tay cô ra và ngài nhảy vào cõi hư không: ngài nhấp giọng một ngụm rượu ngon rồi ngài mân mê núm vú cô thế là cô gái cảm thấy mình đột ngột bị rơi hẫng xuống tựa như có một luồng điện mạnh chạm phải người mình. Cô sung sướng vì mình đang ở

trong bóng tối chứ nếu không thì ngài nhìn rõ cái màu máu đỏ lựng nóng rực đang chạy khắp người khiến cô bủn rủn đến tận các dây thần kinh. "Bình tĩnh - ngài nói với cô cũng vẻ rất bình tĩnh. - Em đừng quên rằng anh hiểu hết". Ngài cảm thấy cô mỉm cười, cảm thấy tiếng nói của cô ngọt ngào và mới mẻ trong bóng tối.

- Em nhớ rất tốt, - cô nói, - và cơn giận vẫn chưa đến với em.

Thế là ngài biết rằng niềm tin giữa hai người đã được nhân lên gấp đôi và ngài nắm lấy bàn tay to và mềm mại của cô đặt lên nó những chiếc hôn khao khát, thoạt đầu trên mu bàn tay, sau đó là các ngón tay sạch bong, các móng tay sáng bóng, và cuối cùng là lòng bàn tay chi chít những đường chỉ ghi rõ số phận cô. Cô không biết làm sao tay mình lại ở trên ngực ngài và bàn tay ấy chạm phải một vật gì đó vốn cô không hiểu. Ngài bảo cô: "Đó là dải quàng vai của con chiên đấy". Cô mân mê lông ngực ngài, sau đó cô dùng năm đầu ngón tay định nhổ cả đám lông ngực. "Nhổ mạnh vào em!". Ngài bảo thế. Cô nhổ thật mạnh cho đến khi cô biết rằng ngài không hề cảm thấy đau đớn, rồi sau đó bàn tay cô chính là kẻ đi tìm bàn tay ngài ẩn trong bóng tối. Nhưng ngài không để cho cô đan kẽ ngón tay cô với ngón tay mình mà trái lại, ngài nắm lấy cổ tay cô và với một sức mạnh vô hình nhưng được hướng đạo

rất tốt ngài ấn sâu bàn tay cô trườn theo cơ thể mình xuống dưới cho đến khi cô cảm nhận được hơi ấm nóng của con vật đang sống, một con vật không hình thù rõ rệt, nhưng đang khao khát và thượng cứng lên. Ngược lại với điều ngài tưởng và cũng ngược lại với chính điều cô nghĩ, cô không rụt bàn tay về và cũng chẳng chịu để nó yên ở nơi ngài đặt nó vào, mà ngược lại, cô đã hiến dâng toàn bộ sức lực và tâm hồn của mình cho Thánh bà Đồng trinh, nghiến răng lại chịu đựng bởi chính nỗi lo ngài sẽ cười mình quá điên loạn, và bằng xúc giác cô bắt đầu tìm hiểu cái kẻ địch đang ngỏng lên, để mà biết được độ to nhỏ của nó, biết được sức mạnh của cái thân nó, biết được bề rộng những đôi cánh nó. Cô sống trong cảm giác vừa ngỡ ngàng trước những quyết tâm của mình vừa thương hại cho nỗi cô đơn của mình mà biến cái con vật ấy thành của mình với một sự tò mò tế nhị mà một người ít kinh nghiệm hơn chồng cô sẽ nhầm lẫn nó với những cú mơn trớn. Ngài phải lấy hết bình sinh để ghìm lại cảm giác đê mê cho đến khi cô, bằng cử chỉ duyên dáng thơ ngây ném nó đi như thể vào sọt rác.

- Chưa bao giờ em hiểu được cái bộ máy này như thế nào, - cô nói.

Thế là với phương pháp tuyệt vời của mình, ngài nghiêm chỉnh giảng giải cho cô biết về bộ máy ấy trong lúc ngài cầm lấy tay cô chỉ vào những chỗ

ngài đề cập tới và cô cứ ngoan ngoãn vâng lời như một nữ sinh chăm học. Trong giây phút ấy ngài năn nỉ rằng nếu có ánh đèn thì mọi lý thuyết ngài giảng đều rất dễ hiểu. Ngài định đi thắp đèn nhưng cô nắm lấy cánh tay ngài ngăn lại mà nói rằng: "Với hai bàn tay em nhìn thấy rõ hơn". Thực tình cô cũng muốn thắp đèn nhưng cô muốn tự mình thắp lấy chứ chẳng cần một ai phải bảo mình. Trong ánh đèn mới thắp lại, ngài nhìn thấy cô trong tư thế bào thai và hơn nữa còn đắp ga trải giường. Nhưng ngài nhìn thấy cô lại một lần nữa bình tĩnh nắm lấy cái con vật mà cô thèm thuồng, rồi lật nó hết sang trái lại sang phải, nhìn ngắm nó với một sự thích thú ngày càng lộ rõ hơn là ý thức tìm hiểu khoa học, và để kết luận cô nói: "Ôi sao mà nó xấu thế, xấu hơn cả cái của phụ nữ". Ngài đồng ý với cô và ngài còn chỉ cho cô biết thêm những khuyết tật còn nghiêm trọng hơn cái hình thù xấu xí của nó. Ngài nói: "Nó tựa như thằng con cả mà những người khác cả một đời làm lụng vất vả vì nó, hy sinh tất cả cho nó nhưng khi đến giờ cần thiết phải quyết định thì nó chỉ làm cái nó thích". Cô vẫn tiếp tục xem xét con vật ấy, luôn miệng hỏi cái này để làm gì, cái kia để làm gì và khi cô thấy mình đã hiểu biết đầy đủ rồi thì cô lấy hai bàn tay nâng nâng nó lên để xem nó nặng hay nhẹ, rồi cô để nó nằm xuống trong cử chỉ khinh rẻ.

- Hơn nữa em nghĩ rằng anh có quá nhiều cái thừa, - cô nói.

Ngài đâm ra lúng túng. Dự án ban đầu làm luận văn tốt nghiệp của ngài là sự phù hợp của việc đơn giản hoá tổ chức con người. Ngài cảm thấy nó cũ rồi với rất nhiều chức năng vô bổ hoặc lắp đi lắp lại mà không thể cắt bỏ đi được đối với một số lứa tuổi khác của giống người nhưng lại có thể cắt đi đối với lứa tuổi chúng ta. Đúng thế: có thể đơn giản hơn và vì vậy có thể nhỏ đi hơn. Ngài kết luận: "Đó là cái mà chỉ có Thượng đế mới sáng tạo ra được, dĩ nhiên rồi, nhưng tốt hơn hết là hãy để chúng được thiết lập trong hệ thống các khái niệm khoa học". Cô cười thích thú, rất tự nhiên thoải mái đến mức ngài lợi dụng cơ hội ấy để ôm lấy cô và lần đầu tiên hôn lên miệng cô. Cô hào hứng đáp lại ngài và thế là ngài hôn lên má, lên mũi rồi hôn lên mi mắt cô trong lúc luồn bàn tay vào trong tấm ga cô đắp để mơn trớn bộ lông mu tròn và mượt mà: một bộ lông mu kiểu Nhật Bản. Cô không gạt tay ngài đi nhưng vẫn cảnh giác giữ nguyên bàn tay mình cạnh đó phòng khi ngài tiến thêm một bước nữa.

- Ứ ừ, chúng mình nên chấm dứt bài học y khoa ở đây thôi, - cô nói.

- Được thôi, - ngài nói. - Lần này sẽ là bài học tình yêu em ạ.

Thế là ngài lột bỏ tấm ga cô đắp và cô không

những không kháng cự mà còn lấy chân hất nó đi rõ xa khỏi giường nằm vì bản thân cô cũng không chịu được không khí nóng bức lúc ấy. Tấm thân ngọc ngà của cô uốn lượn và uyển chuyển, còn nghiêm chỉnh hơn cả khi cô mặc váy áo, nó toả ra một mùi hương của con vật hoang dã cho phép phân biệt cô với tất cả các phụ nữ khác của cõi thế tục này. Bị lột trần ra giữa ánh sáng chói loà, mặt cô đỏ bừng và việc duy nhất cần phải làm để có thể che khuất mặt đi là cứ ôm miết lấy cổ chồng mà hôn say mê, hôn rõ mạnh cho đến khi sức cô kiệt đi trong những chiếc hôn nồng nàn.

Ngài có ý thức rõ ràng mình không yêu cô. Ngài cưới cô là vì ngài thích tính kiêu hãnh của cô, thích tính nghiêm trang của cô, thích sức khoẻ của cô và đồng thời một phần nữa cũng vì tính thích khoe khoang của ngài. Nhưng trong lúc đầu tiên ngài được cô hôn những chiếc hôn nồng nàn thì ngài biết chắc chắn rằng sẽ không có một trở lực nào ngăn cản ngài tạo ra một tình yêu tốt đẹp giữa hai người. Trong cái đêm đầu tiên họ nói vô số chuyện nhưng cả hai không hề nói về tình yêu của mình và cũng chẳng bao giờ họ nói đến tình yêu. Nhưng trong suốt cuộc đời vợ chồng dài lâu của họ, không một ai trong hai người bị nhầm lẫn.

Vào lúc trời rạng sáng, khi hai người còn đang ngủ, cô vẫn là con gái trinh nhưng chẳng bao lâu

nữa cô sẽ bị mất trinh. Quả nhiên là như vậy: đêm hôm sau, sau khi ngài dạy cô nhảy những điệu van do dàn nhạc Viên đệm đàn dưới bầu trời rực rỡ sao ở biển Caribê, ngài phải vào buồng tắm và lúc trở ra phòng ngủ ngài đã thấy cô khoả thân nằm trên giường đợi mình. Lúc ấy cô là người mở đầu và hiến thân cho ngài không sợ sệt, không đau khổ, với niềm vui của một chuyến mạo hiểm đầy thú vị giữa biển khơi, với một bông hồng danh dự để lại trên tấm ga giường quý giá hơn nhiều so với những dấu ấn nghi lễ đẫm máu khác. Như một phép màu hai người làm tình với nhau đều thoả mãn và họ tiếp tục làm tình cả về ban đêm lẫn ban ngày và ngày càng thành thạo hơn trong suốt cả chuyến đi, và khi tàu đến cảng La Rôsen thì họ đã hiểu nhau như những người bạn cố tri.

Họ ở lại châu Âu mười sáu tháng. Lấy thủ đô Pari làm căn cứ, họ du chơi một thời gian ngắn ở các nước láng giềng. Trong thời gian sống ở châu Âu ngày nào họ cũng ngủ với nhau và trong những ngày chủ nhật mùa đông họ ngủ với nhau nhiều lần hơn, họ cứ nằm trên giường mơn trớn nhau không chán cho đến tận giờ ăn cơm trưa. Ngài là một người đàn ông rất hăng và lại được rèn luyện tốt và cô lại là người chẳng chịu để ai hơn mình, do đó, trên giường nằm họ là đôi địch thủ cân sức cân tài. Sau ba tháng sống trong tình yêu nồng nàn, ngài

biết rằng một trong hai người bị bệnh vô sinh và thế là cả hai cùng đi khám ở bệnh viện Xanpêtriơ và ngài phải vào nằm điều trị cũng ngay ở bệnh viện này. Đó là một sự lo lắng quá sớm mà không cần thiết. Nhưng đã xảy ra điều kỳ lạ khi mà họ ít đợi chờ nhất và không cần tới sự can dự của khoa học. Cuối năm sau, khi họ trở về nhà, Phecmina Đaxa đã có thai sáu tháng và cô cứ tưởng mình là người đàn bà hạnh phúc nhất trần gian. Đứa con trai, mà cả hai người đều háo hức chờ đón, chào đời một cách bình thường với số mạng nằm trong cung Bảo Bình, được đặt tên trong danh thơm của người ông nội chết vì dịch tả.

Thật khó lòng biết được rằng châu Âu hay tình yêu đã làm cho họ thay đổi hẳn bởi vì cả hai sự kiện này cùng xảy ra một lúc. Hai người đã thay đổi hoàn toàn, thay đổi một cách căn bản, không chỉ với riêng họ mà ngay cả với bàn dân thiên hạ như Phlôrêntinô Arixa nhận ra điều đó ngay trong ngày chủ nhật buồn của anh khi họ từ trong Nhà Thờ lớn sau buổi lễ mixa bước ra. Họ trở về mang theo một quan niệm sống khác hẳn, mang theo cả những cái mới lạ của thế giới và sẵn sàng lao vào cuộc sống. Ngài mang về những tinh hoa của văn chương, của âm nhạc và trước hết là của nghề nghiệp. Ngài mang về tờ hoá đơn đặt mua báo Lơ Phigarô để khỏi lạc hậu với cuộc sống, tờ hoá đơn đặt mua tạp

chí *Hai thế giới* để khỏi lạc hậu với tình hình thơ ca. Ngoài ra ngài còn giao kèo với một tay chủ cửa hàng sách ở Pari để ông ta gửi cho mình những tác phẩm của các tác giả được đọc nhiều nhất, trong đó có Anatôn Phrăng và Pitơrơ Lôti, các tác phẩm của các tác giả mà ngài yêu thích nhất, trong số đó có Rơmy đơ Gurmông và Pôn Bucgiơ nhưng tuyệt đối không gửi tác phẩm của Êmin Dôla mà theo ngài đó là tác giả khó chịu nhất đối với mình, dù cho ông ta đã dũng cảm đoạn tuyệt với quan điểm của Đrâyphuyt. Chính người chủ hiệu sách ấy đã hứa với ngài rằng sẽ gửi qua bưu điện cho ngài những nhạc phẩm hay nhất, quyến rũ nhất trong mục lục của Ricordi, nhất là các bản nhạc nhẹ để ngài duy trì danh hiệu "Người đầu tiên gây dựng âm nhạc giao hưởng trong thành phố" mà cha ngài giành được.

Phecmina Đaxa, vì lúc nào cũng ăn mặc trái với những mốt quần áo đang thịnh thời, đã mang về sáu hòm đựng chật căng quần áo cho mọi mùa, bởi vì cô không thích những bộ quần áo được quảng cáo ầm ĩ. Cô từng có mặt tại vườn Tuynlơri vào giữa thời kỳ mùa đông để tham dự cuộc trưng bày các kiểu quần áo của Wort, một hãng may mặc nổi tiếng nhất, nhưng cái mà cô chọn được là một trận cảm cúm phải nằm năm ngày liền trên giường. Hãng may mặc Laphơriơ đối với cô có

phẩn khiêm tốn dễ chịu hơn trong các hàng hoá được trưng bày nhưng sự hiểu biết thông tuệ của cô lại hướng tới những thứ hàng được bày bán ở các cửa hiệu bán giá hạ hơn, cho dù chồng cô kinh hãi mà thề rằng đó là thứ quần áo của người chết. Tương tự như vậy, cô tha về số lượng lớn giày Ý không có nhãn hiệu để rồi có thể thay vào đó bằng cái tên Phêry, mang về một chiếc ô của hãng Đuypuy, một chiếc ô đỏ như màu lửa nơi địa ngục, từng hiến đề tài để viết báo cho các ký giả xã hội hay sợ sệt của chúng ta. Trong khi cô chỉ mua một chiếc mũ của cửa hiệu Bà Rơbut thì trái lại cô nhét chặt cả một hòm những cành hoa anh đào nhân tạo, những cành hoa nỉ của đủ loại hoa quen thuộc với cô, chiếc mũ lông chim đà điểu, chiếc mũ lông chim công, lông đuôi gà vùng châu Á, bộ lông chim cun cút nguyên vẹn, chim ruồi, và cả một sưu tập cơ man loại chim lạ được nhồi trong các tư thế: đang bay, đang hót, đang đau khổ, những thứ này đã giúp cô rất đắc lực suốt hai mươi năm gần đây trong việc cô làm cho những chiếc mũ của mình luôn luôn lạ kiểu, luôn luôn mới, dường như là vừa mới sắm xong. Cô tha cả một bộ sưu tập các loại quạt của nhiều nước khác nhau trên thế giới, mỗi chiếc đều khác nhau về hình thức, kiểu cách và cách sử dụng trong các trường hợp khác nhau. Cô còn mang về một lọ nước hoa thơm nồng

được chọn trong số rất nhiều loại nước hoa bày bán trong cửa hàng mỹ phẩm Bada đơ la Salitê nhưng cô chỉ dùng nó độc một lần thôi vì khi thay đổi nước hoa chính cô cũng không nhận ra mình. Cô cũng mang về một đồ trang sức vốn là thứ tân kỳ nhất trong chợ bán các thứ hàng đầy hấp dẫn và cô là người phụ nữ đầu tiên mang nó đến các cuộc vui, khi mỗi cử động va phải nó trong đám đông đều bị coi là vô văn hoá.

Ngoài ra cô còn mang theo mình ba kỷ niệm không thể quên được: buổi trình diễn không tiền khoáng hậu của *Truyện ngắn Hôpman* ngay tại thủ đô Pari, đám cháy kinh người của hầu hết những chiếc thuyền đi lại trên các kênh mương ở Vênêxia ngay trước quảng trường Thánh Maccôt mà họ đứng ở cửa sổ khách sạn ngắm nhìn đám cháy với trái tim đau thắt, và hình ảnh thoáng qua của Ôxca Uyndơ[1] trong đợt bão tuyết đầu tiên của tháng giêng. Nhưng trong hoàn cảnh những kỷ niệm ấy và vô vàn những kỷ niệm khác, bác sĩ Huvênan Ucbinô vẫn giữ tươi mới một kỷ niệm mà ngài luôn luôn ca thán chưa được chia sẻ với người vợ của mình bởi vì cái kỷ niệm ấy đến từ những ngày ngài còn là một sinh viên chưa vợ đang theo học ở Pari. Đó là kỷ niệm về Victo

[1] Oscar Wilde (1854-1909), nhà văn Anh, nổi tiếng đương thời nhờ bút pháp và tư tưởng mới mẻ của ông.

Huygô người đã hưởng danh tiếng từng kích động lòng người ở đây bên cạnh những cuốn sách của mình, bởi vì có người nói rằng, mặc dù trên thực tế chưa một ai nghe thấy điều đó, nhà thơ nói: Hiến pháp của chúng ta là Hiến pháp không phải cho một đất nước những con người mà cho một đất nước các thiên thần. Kể từ dạo ấy ông được người ta tôn thờ một cách đặc biệt, và phần lớn đồng bào ngài du chơi sang nước Pháp đều náo nức muốn gặp ông tới mức mất ăn mất ngủ. Một nửa tá sinh viên, trong số đó có Huvênan Ucbinô đã đứng đợi trong một thời gian trước cửa ngôi nhà ông trên đại lộ Êvicô, và đứng đợi ông tại các quán cà phê ông sẽ phải đến theo như người ta nói nhưng ông đã không bao giờ đến, rồi cuối cùng họ cùng viết một bức thư, nhân danh các thiên thần của Hiến pháp vùng Riônêgrô, xin gặp riêng ông. Chẳng bao giờ họ nhận được thư trả lời của ông. Có một ngày nào đó, Huvênan Ucbinô đi dạo ở công viên Lucxămbua đã bỗng nhiên nhìn thấy ông khoác tay một phụ nữ trẻ từ trong Lầu Thượng nghị viện bước ra. Ngài thấy ông rất già, nặng nhọc cất bước đi với bộ tóc và hàm râu không được bảnh bao như trong bức ảnh của ông, và ông mặc một chiếc áo khoác rộng thùng thình dường như mượn của người khác. Ngài không muốn làm thương tổn ký ức đẹp của mình về ông

bằng một lời chào không đúng lúc. Ngài lấy làm bằng lòng chỉ với hình ảnh hầu như không có thực mà có lẽ ngài đã giành được cho cả cuộc đời mình. Ngài đã có vợ. Ngài trở lại Pari trong điều kiện có thể đến thăm chính thức ông nhưng Victo Huygô đã qua đời rồi.

Như một niềm an ủi, Huvênan và Phecmina cùng mang một kỷ niệm chung về một buổi chiều tuyết rơi. Đó là buổi chiều cả hai cùng tò mò không hiểu vì sao có một đám đông bất chấp trời rét dữ đang đứng trước một cửa hiệu sách ở đại lộ Capuchinô. Ôxca Uyndơ đang ở trong đó. Họ đợi cho đến khi Ôxca Uyndơ bước ra rất đỏm dáng và đám đông liền vây lấy ông xin chữ ký vào các cuốn sách. Bác sĩ Huvênan Ucbinô dừng lại chỉ để xem ông ta nhưng bà vợ hiếu động của ngài lại muốn chạy sang đường để xin ông ta ký vào vật duy nhất bà mang theo lúc ấy: chiếc tất chân. Nó dài, mịn, mềm mại, cùng màu với nước da mới cưới chồng của mình. Phecmina Đaxa rất vững tin rằng một người đàn ông lịch duyệt như chồng mình ắt hẳn sẽ tán thưởng hành động của mình. Nhưng người chồng đã kiên quyết phản đối, và khi cô định làm theo ý định bất chấp lý lẽ của chồng thì ngài cảm thấy mình không thể sống nổi trước nỗi hổ thẹn này.

- Nếu em cứ một mực vượt qua đại lộ, - ngài nói.

- Khi trở lại tới đây em sẽ thấy anh đã chết rồi.

Đó là một việc rất đỗi tự nhiên trong cô. Trước khi cưới chồng một năm, Phecmina Đaxa hoạt động khắp nơi với những tính tình hoạt bát của cô từng có từ hồi nhỏ khi sống ở tỉnh Xăng Hoan đê la Xiênaga, như thể cô sinh ra là đã biết làm điều đó rồi, với sự linh lợi trong đối xử với những người từng khiến người chồng phải ngạc nhiên và với một tài năng kỳ bí để hiểu bằng ngôn ngữ Tây ban Nha với bất kỳ ai và bất kỳ nơi nào. "Cần phải hiểu ngôn ngữ khi một người nào đó định đi bán thứ gì, - cô cười chế nhạo, nói vậy, - nhưng khi người đó đi mua, cả thiên hạ đều hiểu anh ta thế nào cũng được". Thật khó mà tưởng tượng ra một người từng hoà rất nhanh và ồn ĩ quá mức vào cuộc sống thường nhật của Pari đến độ đã học để chỉ yêu trong ký ức bất chấp những trận mưa dài lê thê của nó. Tuy nhiên, khi trở về nhà, lòng nặng trĩu những kinh nghiệm cùng chia sẻ, mệt mỏi vì du chơi nhiều, ngái ngủ vì đang mang thai trong bụng, điều đầu tiên người ta hỏi cô tại bến cảng là câu hỏi vợ chồng họ cảm thấy thế nào trước những điều kỳ diệu của Pari, và cô gói gọn mười sáu tháng hạnh phúc trong bốn từ của ngôn ngữ người vùng Caribê:

- Quá ư ồn ào.

CÁI NGÀY PHLÔRÊNTINÔ ARIXA NHÌN thấy Đaxa ngay ở cửa ra vào Nhà Thờ lớn, có thai sáu tháng, rất tự nhiên trong tư thế mới của mình: một thiếu phụ quyền thế và sang trọng, chính là ngày anh quyết chí phấn đấu bằng được để trở thành một người giàu có và nổi tiếng xứng đáng với cô. Anh không hề nghĩ đến tình thế bất lợi lúc ấy: cô đã là gái có chồng, bởi vì anh quyết định rằng bác sĩ Huvênan Ucbinô phải chết, cứ như thể việc đó hoàn toàn phụ thuộc vào bản thân anh. Dù không biết cái chết ấy sẽ xảy ra khi nào và như thế nào, nhưng anh đã dự tính nó như là một sự kiện không thể nào tránh được và do đó anh sẵn sàng chờ đợi, chờ đợi một cách thật bình tĩnh không hề nôn nóng, không hề náo nức, dẫu có phải đợi cho đến cuối thế kỉ cũng cam lòng.

Anh bắt đầu từ đầu. Không hề báo trước, anh đến văn phòng của ông chú Lêông XII, Chủ tịch Ban

lãnh đạo và Tổng giám đốc Hãng Tàu thuỷ Caribê và anh bày tỏ lòng quyết tâm phục vụ trong hãng của ông chú mình. Ông chú Lêộng XII còn đang rầu lòng về việc anh tự ý bỏ chân điện báo viên ở làng Lâyva nhưng ông đã nguôi phần nào vì nghĩ rằng con người sinh ra không phải bao giờ cũng vào đúng cái ngày cha mẹ mong muốn mà cuộc đời từng nhiều lần buộc nó phải tự sinh ra nó, phần vì *đôn* nể bà quả phụ của người anh ruột đã chết từ năm trước, chết mà vẫn còn hận và chẳng để lại của cải thừa tự gì cả. Vậy là ông chú cho thằng cháu lêu lổng vào làm việc trong hãng của mình.

Đó là quyết định độc đáo của riêng *đôn* Lêông XII Lôayxa. Bên trong cái vỏ ngoài của nhà buôn không tâm hồn, có tiềm ẩn một niềm vui độc đáo từng làm nảy sinh một dòng nước mát ở vùng hoang mạc Goahira, cái dòng suối từng nhấn chìm một đám tang long trọng trong tiếng khóc trước tiếng hát đau thương của *đôn* qua bài *In questa tomba oscura*[1]. Với mái tóc quăn xoắn tít lại và đôi môi dày bì bì của mình, *đôn* chỉ còn thiếu cây đàn *lia* và chiếc miện vòng nguyệt quế để trở thành người giống hệt Nêrông, kẻ gây nên đám cháy trong kho huyền thoại Kitô giáo. Sau khi lo việc quản lí những chiếc tàu ọp ẹp mà lúc này vẫn còn

[1] Nghĩa: Trong mồ tối.

nổi được chỉ là nhờ sự lãng quên của nỗi bất hạnh và giải quyết những vấn đề ngày càng gay cấn của việc giao thông đường thủy, *đôn* dành tất cả thời gian còn lại để làm phong phú thêm tập thơ trữ tình của mình. *Đôn* chỉ thích đi hát trong các đám tang. *Đôn* có giọng hát của một người chèo thuyền, nó tự nhiên chứ không theo các quy tắc sư phạm gì hết, nhưng lại có sức mạnh làm rung động lòng người. Có ai đó đã kể với *đôn* rằng Enhricô Caruxô, chỉ đơn thuần bằng giọng hát, đã có thể làm vỡ các lọ hoa thành từng mảnh vụn và thế là *đôn* cố bắt chước ông ta trong nhiều năm liền, định với tiếng hát sẽ làm vỡ tan kính cửa sổ. Các bạn bè của *đôn* mang về cho *đôn* những bình hoa thuỷ tinh mỏng ở khắp nơi họ đặt chân đến và tổ chức các cuộc vui đặc biệt để *đôn* thực hiện ước mơ từng ấp ủ lâu ngày. Chẳng bao giờ *đôn* làm được. Tuy nhiên, trong miền sâu thẳm của tiếng hát rền vang như sấm động của *đôn* có một thứ ánh sáng mềm mại từng làm rạn nứt trái tim những người nghe, nó cũng tựa như những bình thuỷ tinh của Carusô trứ danh, và điều này đã khiến *đôn* trở thành người rất được kính trọng trong các đám tang. Chỉ trừ một trường hợp duy nhất mà thôi, ấy là lần *đôn* bị tay giáo sĩ vốn không thể nào chịu nổi sự tuyên truyền học thuyết Luyte ngay trong nhà thờ của mình đã buộc *đôn* phải câm họng khi *đôn* có ý định tốt đẹp

sẽ hát bài *When wake up in Glory*[1], một tang khúc xứ Luisiana, một tang khúc lời hát rất hay và cảm động.

Vậy là, giữa những thú vui đặc biệt đối với nhạc kịch và nhạc giao hưởng xứ Napolit, tài năng sáng tạo và tinh thần kinh doanh bất chấp chiến thắng của *đôn* đã giúp *đôn* trở thành yếu nhân của hãng tàu thuỷ trong thời huy hoàng nhất của nó. Từ tay không mà *đôn* làm nên như hai người anh đã quá cố của *đôn* và cả ba anh em nhà này đều thành đạt như ý nguyện mặc dù họ đều là con hoang và đều chịu chung một kết cục như nhau là chẳng bao giờ được bên họ nội thừa nhận. Ba anh em họ đều là tinh hoa của cái mà lúc ấy được mệnh danh là *giới quý tộc của quầy bán hàng*, mà lễ đường của họ là Câu Lạc bộ Thương nghiệp. Tuy nhiên ngay cả khi *đôn* thu xếp phương tiện vật chất để sống như một Hoàng đế La Mã vì *đôn* rất giống ngài, ông chú Lêông XII sống tại thành phố cổ cho tiện công việc cùng với vợ và ba người con, theo một cung cách rất đúng đắn trong một ngôi nhà giản dị ấy thế mà cũng chẳng bao giờ *đôn* thoát được danh tiếng xấu về một anh giàu có mà keo kiệt. Nhưng cái vẻ lộng lẫy duy nhất của ngôi nhà vẫn là tính giản dị: một ngôi nhà của ngư dân cách nơi làm việc chừng hai dặm đường, đồ

[1] Tiếng Anh nghĩa: Khi tỉnh giấc ở Glory.

nội thất chẳng có gì ngoài sáu chiếc ghế, một cái chum nước, một chiếc võng mắc ngoài hiên để *đôn* nằm ngủ mỗi chủ nhật. Không một ai có thể định nghĩa về *đôn* chính xác bằng *đôn* khi có ai đó bảo *đôn* là một người giàu có.

- Tôi không phải là người giàu có, - *đôn* nói. - Tôi là một người nghèo nhưng có tiền. Hai loại người đó vốn không phải là một.

Cái phong cách sống lạ lẫm ấy trong một bài diễn văn từng được một số người ca ngợi, coi nó là một sự điên dại thông thái, đã cho phép *đôn* nhìn ra ngay cái mà không một ai từng nhìn thấy trước và cả sau này tiềm ẩn trong con người Phlôrêntinô Arixa. Kể từ ngày anh đến văn phòng với vẻ buồn rười rượi và một cuộc đời hai mươi tuổi vẫn chưa đâu vào đâu để xin vào làm việc trong hãng tàu thủy, ông chú Piô XII đã thử thách anh bằng một chế độ làm việc hà khắc nơi trại lính đủ sức đánh gục những kẻ ương ngạnh nhất. Nhưng *đôn* đã không thể làm cho anh phải khiếp sợ. Điều mà chẳng bao giờ ông chú Piô XII nghi ngờ là tính cách ấy của người cháu không nẩy sinh từ sự cần thiết phải tồn tại, cũng chẳng nẩy sinh từ tính cách bốc trời của người cha để lại, mà nẩy sinh từ một khát vọng tình yêu mà không một trở lực nào của cõi đời hoặc cõi thần có thể bẻ gãy được.

Những năm đầu tiên là những năm khốn khổ nhất

khi người ta giao cho anh chức thư kí của Văn phòng Tổng hợp, một chức vụ xem ra đã được cân nhắc cẩn thận để chỉ giao cho anh thôi. Lôtariô Tugut, người thày dạy nhạc cũ của ông chú Piô XII, là người đã khuyên *đôn* rằng hãy trao cho người cháu công việc viết lách nơi bàn giấy vì anh ta là một người say mê văn chương nhất trần đời đến mức đọc sách không hề biết mệt mỏi, không hề phân biệt văn hay hay văn dở. Ông chú Piô XII không nghe theo sự đánh giá về người cháu trong cách đọc sách nghiến ngấu ấy vì Lôtariô Tugut cũng đã nhận xét về *đôn* rằng *đôn* là một học trò kém cỏi, nhưng tiếng hát của *đôn* từng khiến bia mộ chí trong nghĩa địa cũng phải khóc thét lên. Dù sao chăng nữa, ông người Đức này cũng có lí ở cái phần ít nghĩ đến nhất và đó là việc Phlôrêntinô Arixa viết bất cứ đề tài gì cũng viết với tất cả nỗi đam mê của lòng mình đến mức ngay các tài liệu chính thức cũng đều nhuốm màu sắc ái tình. Các bản kê khai hàng hoá trên tàu đệ trình lên sở hải quan vẫn được viết với một lối văn chương rất vần điệu mặc dù anh đã cố gắng hết sức để tránh lối văn này; những bức thư giao dịch thương mại vì vẫn mang âm hưởng trữ tình nên thiếu hẳn tính chất nghiêm túc. Ông chú Piô XII phải đích thân đến văn phòng mang theo cả một xấp công văn dày cộp không đúng quy chuẩn nên không thể kí tên vào được trả lại cho anh và *đôn* tạo cho anh dịp

thuận lợi cuối cùng để mà hối cải:

- Nếu cháu không đủ khả năng viết một bức thư giao dịch thương mại thì cháu đi quét rác ở ngoài bến cảng - *đôn* nói với anh.

Phlôrêntinô Arixa chấp nhận lời đe doạ ấy. Anh phấn đấu hết sức mình để học cho được lối viết giản dị thiết thực của văn xuôi thương mại bằng cách mô phỏng các mẫu được lưu trữ trong kho chứng thư với một tinh thần miệt mài như trước đây anh từng bắt chước các nhà thơ thời thượng. Đó là thời kì anh đến phố Lôt Excribanôt để tiêu khiển những giờ nhàn rỗi, để giúp các tay đang yêu không biết chữ viết những lá thư tình có tẩm hương, nhờ đó anh tự làm dịu nhẹ trái tim đầy ắp những từ ngữ yêu đương chưa được dùng tới trong các bảng kê khai đệ trình lên sở hải quan. Sáu tháng sau, dù phải trăn trở nhiều, anh vẫn không thể vặn được cổ con thiên nga bướng bỉnh của mình. Vậy là khi ông chú Piô XII lần thứ hai vẫn thấy anh chứng nào tật ấy, Phlôrêntinô Arixa đành phải thú nhận sự bất lực của mình nhưng anh thú nhận với lòng kiêu hãnh:

- Thưa chú, điều duy nhất mà cháu thích là tình yêu, - anh nói.

- Cháu ạ, điều tệ hại là ở chỗ nếu không có kinh doanh tàu thủy thì không có tình yêu.

Để thực hiện lời đe doạ của mình, *đôn* Lêông XII cho anh đi quét rác ở ngoài cảng, nhưng *đôn* hứa với

anh rằng sẽ từng bước nâng bậc lương cho tới khi nào xứng đáng với năng lực của anh. *Đôn* đã thực hiện đúng như thế. Không một công việc nào, dù vất vả hay hèn kém đến đâu chăng nữa có thể khuất phục nổi anh, không một đồng lương thấp kém nào có thể làm mất đạo đức của anh và về phần mình không một phút giây nào anh không thể hiện thái độ kiêu hãnh vốn có của mình trước thái độ xấc xược của những người cai quản anh trong công việc. Nhưng cũng không lúc nào anh lại ngây ngô cả: kẻ nào dám phá ngang con đường anh đi thì sẽ phải gánh chịu mọi hậu quả của một quyết định rất tàn bạo đủ khả năng làm mọi chuyện nấp sau diện mạo thiểu não của anh. Như điều ông chú Lêông XII từng nhìn thấy trước và mong muốn anh nắm được tất cả mọi bí mật trong kinh doanh, anh đã làm được tất cả mọi việc trong suốt ba mươi năm đầy say sưa và kiên quyết. Anh đã làm mọi việc với một khả năng tuyệt vời đáng khâm phục nhờ nghiêm chỉnh nghiên cứu kĩ lưỡng mọi chi tiết trong mớ bòng bong của công việc kinh doanh, một công việc phức tạp có thể so sánh với cái phức tạp của nghề làm thơ. Nhưng không bao giờ anh giành được tấm huân chương chiến công mà ông chú hằng mong ước ở anh, đó là việc viết một bức thư thương mại được chấp nhận, chỉ một mà thôi. Không hề có ý định và cũng chẳng hề biết nữa, bằng cuộc đời mình anh đã

chứng tỏ chân lí của cha mình, người cho đến hơi thở cuối cùng vẫn thường nhắc đi nhắc lại rằng không ai có tinh thần thực tiễn hơn, không một người thợ đẽo đá nào cần mẫn hơn và cũng không một người quản lí nào lại thông minh và đáng sợ hơn các nhà thơ. Điều đó chí ít ra cũng là điều ông chú Lêông XII kể lại cho anh nghe. *Đôn* vốn là người chỉ nói về cha anh vào những lúc tâm hồn *đôn* thanh thản và là người vẫn giữ ý niệm cho rằng cha anh là một kẻ mơ mộng hão huyền hơn là một nhà kinh doanh.

Đôn kể cho anh biết rằng Piô Kinhtô Lôayxa biến các văn phòng làm việc thành nơi vui chơi hơn là nơi làm việc và bao giờ ông cũng thu xếp các công việc để vắng nhà vào ngày chủ nhật với lí do: đón hoặc tiễn một con tàu. Hơn thế nữa ông còn ra lệnh dựng một nồi hơi ngay trong sân các cửa hàng. Một nồi hơi chẳng để làm gì nhưng lại có cả một chiếc còi tàu và khi bà vợ nghi ngờ thì ông bảo một ai đó kéo cho nó kêu lên y hệt tiếng còi tàu ở ngoài cảng. Do để ý suy nghĩ, ông chú Lêông XII tin chắc rằng Phlôrêntinô Arixa được hoài thai ngay trên một chiếc bàn viết trong một văn phòng nào đó được đóng cửa kín đáo vào một buổi chiều chủ nhật oi bức giữa lúc ở nhà mình bà vợ của cha anh nghe thấy tiếng còi tiễn biệt của một chiếc tàu chẳng bao giờ rời bến cảng. Khi bà vợ biết chuyện thì đã muộn

để buộc ông phải thú tội vì ông đã chết rồi. Bà sống thêm rất nhiều năm, tàn tạ trong đau khổ vì không có con trai nối dõi, nhưng lại nguyền rủa đứa con hoang trước Thượng đế.

Hình ảnh người cha khiến Phlôrêntinô Arixa phải suy nghĩ lao lung. Mẹ anh nói về ông như một con người chứ tuyệt không có năng khiếu kinh doanh thương mại nhưng cuối cùng đã kết thúc đời mình trong các công việc kinh doanh đường sông vì người anh cả của ông từng là người cộng sự thân cận của vị thuyền trưởng kì cựu nhất người Đức tên là Hoan B.Ônbơc, người phụ trách trước của nghề hàng hải. Họ đều là con hoang của chính một bà mẹ, một người nấu bếp chuyên nghiệp, với những người đàn ông khác nhau và tất cả đều mang họ của một cha cố ngẫu nhiên gặp trong buổi xưng tội, trừ tên của ông chú Lêông XII vốn là tên của một cha cố đang ngụ ở đây trong lúc *đôn* ra đời. Cái tên Phlôrêntinô Arixa là tên của người ông ngoại của tất cả bọn họ, như vậy là cái tên ấy đã truyền tới đứa con trai của Tranxitô Arixa qua cả một thế hệ những đức giám mục.

Lúc nào Phlôrêntinô Arixa cũng giữ kè kè một cuốn vở trong đó cha anh ghi lại các bài thơ tình, có một số bài được cấu tứ bởi tình yêu của Tranxitô Arixa và các trang của cuốn vở này đều được trang trí hình ảnh những trái tim bị thương. Có hai sự việc

khiến Phlôrêntinô Arixa phải ngạc nhiên. Một là phong cách viết chữ đẹp của cha anh, giống hệt phong cách viết của anh, mặc dù anh chọn phong cách này chỉ vì nó là một trong số các phong cách được thể hiện trong cuốn sách giáo khoa mà anh yêu thích hơn cả. Sự việc thứ hai anh bắt gặp trong cuốn vở này là một câu châm ngôn mà anh cứ nghĩ là của chính mình viết ra nhưng thực ra nó đã được cha viết trong cuốn vở trước khi anh ra đời rất lâu. Đó là câu châm ngôn: *Cái duy nhất khiến ta đau khổ đến chết được là cái không thuộc về tình yêu.*

Phlôrêntinô Arixa cũng nhìn thấy hai bức ảnh chân dung duy nhất của cha anh. Một bức được chụp ở Xăngta Phe khi ông còn rất trẻ, bằng đúng tuổi của anh khi anh nhìn thấy nó lần đầu tiên, mặc một chiếc áo khoác ngoài nom ông như đang đội lốt gấu, và ông dựa lưng vào bệ đá một bức tượng chỉ còn lại những chiếc ủng mà thôi. Đứa bé đứng bên cạnh ông là ông chú LêônG XII đội chiếc mũ của thuyền trưởng. Trong một bức ảnh khác, cha anh đứng cùng với một nhóm người có vũ trang và ông là người cầm khẩu súng hỏa mai nòng dài nhất và là người có bộ ria vàng vương mùi khói thuốc súng sực nức cả bức ảnh. Ông là một nhà tam điểm và tự do cũng như các anh em ông vậy. Tuy nhiên ông lại muốn đứa con trai vào học trong trường dòng. Phlôrêntinô Arixa không cảm thấy sự giống nhau

giữa hai cha con của mình nhưng theo như lời ông chú Lêông XII nói thì cha anh cũng bị người ta mắng mỏ vì tội để cho tính chất trữ tình đậm màu trong các công văn giấy tờ giao dịch thương mại. Tóm lại Phlôrêntinô Arixa không thấy mình giống cha trong các bức ảnh, không thấy mình giống cha trong các kí ức về ông anh còn nhớ được, không đồng tình với hình ảnh do bà mẹ, vì qúa yêu, đã phác họa ra, cũng như không đồng tình với hình ảnh cha anh do *đôn* Lêông XII, với ác cảm đáng yêu, cố tình vẽ sai lạc đi. Tuy nhiên, sau nhiều năm, trong lúc đứng trước gương chải tóc, Phlôrêntinô Arixa đã phát hiện ra sự giống nhau của cha con mình và chỉ đến lúc này, anh mới hiểu rằng khi người ta bắt đầu già thì người ta cũng bắt đầu nhận ra mình giống cha mình.

Ở phố Vênhtanat anh không nhớ ông. Anh tưởng mình biết rằng có một thời gian ông ngủ ở đây vào lúc ông mới yêu Tranxitô Arixa, nhưng sau khi bà sinh nở, ông không đến thăm bà nữa. Lễ ghi tên ở nhà thờ của Phlôrêntinô Arixa xảy ra trước ngày chúng ta sử dụng thủ tục khai sinh rất nhiều năm. Tại giáo khu Xăngtô Tôribiô người ta thấy tài liệu ghi rõ về anh như sau: *Con hoang của một cô con hoang chưa chồng tên là Tranxitô Arixa*. Trong tài liệu này không thấy có ghi tên người cha, người lúc ấy vẫn cố giữ kín tên trước những đòi hỏi cần thiết

của đứa con cho đến ngày cuối cùng. Điều kiện này đã khép cánh cửa trường dòng đối với Phlôrêntinô Arixa nhưng nó cũng giúp anh thoát được việc nhập ngũ trong thời kì đẫm máu nhất của cuộc nội chiến của chúng ta, vì anh là đứa con duy nhất của một bà mẹ không chồng.

Sau giờ học, tất cả các ngày thứ sáu Phlôrêntinô Arixa đều ngồi chờ trước cửa văn phòng Hãng Tàu thủy Caribê và trong lúc ngồi chờ, cậu giở lại cuốn sách vẽ tranh con vật từng được giở nhiều lần đã nhàu nát. Người cha bước vào văn phòng không nhìn cậu. Ông mặc chiếc áo dạ dài, mà sau này Tranxiô Arixa đã chữa lại để cậu dùng, với gương mặt thánh Hoan Êvăngêlixta ở trên bàn thờ Chúa. Khi ông bước ra, sau nhiều giờ ở trong văn phòng và cẩn thận để không một ai nom thấy, kể cả người đánh xe của mình, trao cho cậu số tiền đủ chi dùng cho cả tuần. Hai cha con không nói với nhau một lời, không chỉ vì ông không muốn đã đành mà còn vì cậu cũng rất sợ ông. Có một ngày, sau khi phải chờ đợi qúa lâu so với mọi bận, người cha đưa cho con số tiền và nói:

- Đây, hãy cầm lấy và đừng có đến đây nữa.

Đó là lần cuối cùng Phlôrêntinô Arixa nhìn thấy ông. Nhưng thời gian qua đi, có lẽ anh cũng hiểu rằng ông chú Lêông XII, người ít hơn cha anh chừng mười tuổi, tiếp tục mang tiền trợ cấp đến cho

Tranxitô Arixa và là người lo lắng cho bà khi *đôn* Piô Kinhtô Lôayxa qua đời. Cha anh chết vì một cơn đau bụng không được chăm sóc cẩn thận, chết đi không để lại một chữ nào, không kịp trối trăng điều gì ngõ hầu có lợi cho đứa con trai duy nhất: một đứa con rơi vãi ở ngoài đời.

Bi kịch của Phlôrêntinô Arixa trong lúc anh làm nhân viên thư kí của Hãng Tàu thủy Caribê là ở chỗ anh không thể tránh được cảm hứng trữ tình của mình vì anh không thể không nghĩ đến Phecmina Đaxa và không bao giờ rèn tập để viết mà không nghĩ đến cô. Sau đó, khi anh chuyển sang đảm nhận một công việc khác thì anh lại có qúa nhiều tình cảm yêu đương mà không biết dùng vào đâu, thế là anh đưa tặng lại cho những người tình không biết chữ bằng cách viết hộ họ những lá thư tình ở phố Lôt Escribanôt. Sau giờ làm việc, bao giờ anh cũng đến địa điểm này, với cử chỉ duyên dáng anh cởi chiếc áo dạ khoác ngoài ra, vắt nó lên tay ghế, mặc ống tay áo giả vào để khỏi làm bẩn áo sơ mi, cởi hàng cúc trước chiếc áo vêxtông để suy nghĩ dễ dàng hơn, và đôi lúc anh ở lại cho đến tối mịt mới về, để bằng những lá thư cháy bỏng cổ vũ những kẻ buồn ủ rũ. Đôi lúc anh gặp một người đàn bà khốn khổ đang có chuyện rắc rối với một người con trai, gặp một cựu chiến binh đang cố đòi chính phủ phải cấp lương hưu cho mình, gặp một ai đó bị mất trộm

và muốn làm đơn yêu cầu nhà nước phải giải quyết, nhưng dù có cẩn thận viết đến mức nào đi nữa cũng không thể làm hài lòng bọn họ bởi vì điều duy nhất mà anh có thể chinh phục một người nào đấy là những bức thư tình. Đối với các khách hàng mới hầu như anh không phải hỏi họ nhiều bởi vì chỉ cần nhìn con mắt trắng nhợt đã đủ để anh thấu hiểu tâm trạng của họ rồi và thông qua hình thức không thể tránh khỏi: viết mà lúc nào cũng nghĩ đến Phecmina Đaxa và chỉ nghĩ đến cô mà thôi. Anh mải miết viết hết trang này đến trang khác một lá thư chan chứa tình yêu. Vừa được một tháng, anh cần phải thiết lập một kỉ luật tự tiết chế nhằm không để cho khát vọng của những người đang yêu dìm mình ngạt thở.

Một kí ức dễ chịu nhất của anh hồi đó là kí ức về một cô gái rất bẽn lẽn, cô ta hầu như còn trẻ ranh, với giọng nói run run đề nghị anh viết hộ một bức thư trả lời một lá thư không thể trì hoãn được mà cô vừa nhận, và Phlôrêntinô Arixa nhận ra bức thư đó đã được anh viết ra ngay buổi chiều hôm trước. Anh trả lời bức thư ấy bằng một bút pháp khác hẳn, một bút pháp phù hợp với lứa tuổi và tâm trạng đang cảm động khôn xiết của cô gái, với một lối chữ viết cũng từa tựa như của cô ta bởi vì anh biết cách đánh lừa kiểu chữ viết sao cho nó phù hợp với từng trường hợp, với từng tính cách của mỗi người. Anh viết bức thư ấy mà cứ nghĩ đến Phecmina Đaxa có thể đã trả

lời anh nếu như cô yêu anh say đắm như chính cái cô gái ngây thơ không nơi bám víu kia đang yêu người thanh niên cầu hôn nọ. Dĩ nhiên, hai ngày sau, anh lại phải viết một bức thư của anh người yêu với lối chữ viết, phong cách văn chương và loại tình yêu mà chính anh đã thể hiện ở bức thư đầu tiên và như vậy anh đã thực hiện trách nhiệm của mình trong một sự trao đổi thư từ sôi nổi đầy nhiệt tình với chính mình. Trước một tháng cưới nhau, anh và ả, cả hai người đều thầm lén đến cảm ơn anh vì chính anh đã tỏ tình trong bức thư của anh người yêu và cũng chính anh đã nhiệt tình chấp thuận nó trong lá thư trả lời của cô người yêu: họ sẽ cưới nhau.

Chỉ khi họ có đứa con đầu lòng, qua một cuộc nói chuyện rất vô tình, họ mới biết rằng những lá thư của cả hai người đều do chính một người viết thuê viết ra và thế là cả hai người cùng đi đến phố Lôt Escribanôt để mời anh làm cha đỡ đầu cho thằng bé. Trước sự kiện những ước mơ của anh đã có tác dụng thực tế hiển nhiên này, Phlôrêntinô Arixa cực kì phấn chấn đến mức tự anh hối hận làm sao mình không viết một cuốn sách *Bí mật của những người đang yêu*, một cuốn sách thơ mộng hơn, rộng lớn hơn cái cuốn sách cho đến lúc ấy được bán rộng rãi ở các phố với giá hai mươi xu một bản và đang được một nửa số dân thành phố thuộc lòng. Anh sắp xếp

các tình huống trong đó Phecmina Đaxa và anh có thể gặp được nhau và anh viết rất nhiều thư mẫu cho đủ mọi trường hợp được trao đổi với nhau một cách hợp lí. Cuối cùng anh viết được mấy ngàn bức thư đóng thành ba tập dày cộp như cuốn từ điển của Côvarubiat, nhưng không một nhà xuất bản nào của thành phố này dám nghĩ đến việc in chúng vì vậy chúng bị quăng quật ở ghế sôpha cùng với đống giấy lộn bởi vì Tranxitô Arixa cự tuyệt dứt khoát việc đào các chum chĩnh đựng số của cải giành dụm được để phung phí vào việc in ấn các tập thư một cách bốc đồng của cậu con trai. Những năm sau này, khi Phlôrêntinô Arixa có đủ điều kiện tiền nong để xuất bản cuốn sách ấy thì anh phải vất vả lắm mới nhận ra một thực tế hiển nhiên là các thư tình ấy đã lỗi mốt rồi.

Trong lúc anh dò dẫm những bước đi đầu tiên ở Hãng Tàu thủy Caribê và viết hộ những lá thư tình ở phố Lôt Escribanôt, những người bạn thời trẻ của Phlôrêntinô Arixa đều có ý nghĩ sáng tỏ rằng họ dần dần mất anh và anh sẽ chẳng bao giờ trở về với họ nữa. Quả đúng như thế thật. Ngay khi anh trở về sau chuyến du lịch trên sông, anh nhìn thấy một số trong bọn họ với hi vọng sẽ làm anh khuây khoả nỗi nhớ Phecmina Đaxa, anh đã đi chơi bi-a với họ, đến dự các buổi khiêu vũ cuối cùng của họ, anh sẵn sàng chơi đố giữa các bạn gái, sẵn sàng cùng họ làm mọi

việc có ích để mình lại trở thành một thanh niên đáng yêu trước đây. Sau đó, khi ông chú Lêông XII nhận anh vào làm việc trong hãng, anh chơi *đôminô* với các bạn cùng làm việc ở văn phòng trong Câu Lạc bộ Thương mại, và những người này bắt đầu thừa nhận anh như là người cùng cánh với mình khi anh chỉ nói đến công việc của hãng và không gọi trọn vẹn tên của nó mà chỉ gọi tên viết tắt H.T.C. Anh đã hoàn toàn thay đổi, thay đổi tới cả cái cách ăn uống. Dù hoàn cảnh thay đổi và bất bình thường đi nữa, kể từ dạo ấy cho đến ngày cuối cùng của đời mình, trên bàn ăn, bao giờ thực đơn của Phlôrêntinô Arixa vẫn chỉ là một, bữa điểm tâm, một tách cà phê đen; bữa trưa một khoanh cá rán và một tô cơm trắng; bữa tối trước khi đi nằm, một tách cà phê sữa và một mẩu bơ. Anh uống cà phê vào tất cả mọi giờ, ở bất cứ đâu trong bất cứ hoàn cảnh nào, mỗi ngày uống tới ba mươi tách nhỏ. Đó là thứ cà phê do anh pha lấy, giống hệt thứ dầu thô và lúc nào cũng được đựng trong một chiếc phích ngay trong tầm tay. Tật nghiện cà phê đến mức ấy là trái với những cố gắng phi thường của anh nhằm trở lại làm mình trước khi bị thất bại trong tình yêu.

Thực ra chẳng bao giờ anh lại là anh như trước đây. Chiếm lại Phecmina Đaxa là mục đích duy nhất của đời anh và anh rất tin tưởng sớm hay muộn gì mình cũng giành được mục đích ấy. Anh tin lắm đến

mức anh thuyết phục được Tranxitô Arixa đi xa hơn cả điều anh mong muốn: bà mua đứt ngôi nhà và tiến hành sửa sang toàn bộ nó. Họ làm ngay một phòng tiếp khách ở nơi trước đây là phòng ngủ và ở tầng trên xây dựng một phòng ngủ cho vợ chồng anh và một phòng ngủ nữa giành cho đám con cái của họ sẽ ra đời, cả hai buồng ngủ này đều rất rộng rãi được trang hoàng đẹp mắt, và tại khoảng không rộng rãi vốn trước đây là kho chứa thuốc lá họ làm một vườn hoa lớn trồng đủ loại hoa hồng và nó là nơi để Phlôrêntinô Arixa suy tư lúc tâm hồn thanh thản vào buổi ban mai. Địa điểm duy nhất được để nguyên, coi như một bằng chứng thú vị của thời quá khứ, là phòng được dùng làm cửa hàng. Gian sau cửa hàng nơi Phlôrêntinô Arixa ngủ vẫn được giữ nguyên trạng: chiếc võng treo ngang và chiếc bàn bừa bộn sách vở, nhưng anh lại lên ở phòng mà tương lai được giành làm phòng ngủ của vợ chồng tại tầng trên. Phòng này rộng rãi và mát mẻ hơn so với các nơi khác trong ngôi nhà và hơn nữa nó còn có một sân hiên thật dễ chịu, về ban đêm khi gió biển thổi vào mang theo hương hồng ngào ngạt nhưng đồng thời nó cũng là nơi thích hợp hơn cả đối với tinh thần kiên nghị của Phlôrêntinô Arixa. Tường phòng phẳng lì được quét vôi trắng lốp. Phòng không có đồ nội thất quý giá, gồm một chiếc giường nhà tù, một chiếc bàn ngủ với một ngọn nến

cắm trên miệng chai, một chiếc tủ quần áo cũ kĩ, một thùng nước với chậu rửa mặt của nó.

Công việc sửa sang lại ngôi nhà kéo dài gần ba năm và ba năm này là thời kì hồi phục tạm thời của thành phố nhờ sự phồn thịnh của ngành hàng hải và trao đổi thương mại, đó chính là những nhân tố từng khuếch trương oai phong của thành phố trong suốt thời kì thuộc địa và trong hai thế kỉ nay, chúng biến thành phố này thành cửa ra vào của châu Mỹ. Nhưng thời kì này cũng là thời kì Tranxitô Arixa bộc lộ những triệu chứng đầu tiên của căn bệnh không phương cứu chữa. Những khách hàng quen của bà đến cửa hàng ngày một già hơn, ngày một xanh xao hơn, ngày một còm cõi hơn và bà không nhận ra họ sau một nửa cuộc đời giao dịch với họ hoặc nhầm lẫn câu chuyện buôn bán của người này với người khác. Sự nhầm lẫn này rất nguy hiểm trong chuyện buôn bán, nhất là kiểu buôn bán của bà: không cần giấy tờ gì hết mà chỉ cần lời nói danh dự là đủ nhằm bảo đảm danh giá của chính bà hoặc cho chính khách hàng. Thoạt đầu người ta tưởng bà bị nặng tai nhưng lập tức người ta nhận ra ngay rằng bà đang bị mất trí nhớ. Vậy là bà thôi không làm nghề cầm cố nữa. Số của cải bà tích luỹ được cũng đủ để bà mua sắm đồ nội thất trang bị cho ngôi nhà và hơn thế nữa bà còn giữ được rất nhiều hạt ngọc đáng giá nhất của thành phố mà

những người chủ của chúng không cách nào có thể chuộc lại được.

Lúc này Phlôrêntinô Arixa phải đồng thời quan tâm tới quá nhiều nhiệm vụ nhưng vẫn không bao giờ chịu để cho nhiệt tình của mình bị suy giảm trong công việc của một kẻ đi săn trộm. Sau kinh nghiệm thực tế với bà quả phụ Naxarêt, kinh nghiệm từng mở cho anh con đường đi tới những mối tình ngoài đường, anh tiếp tục săn những con chim đêm cô đơn trong vài năm liền, vẫn giữ nguyên ảo tưởng sẽ tìm được niềm an ủi để xoa dịu nỗi đau do Phecmina Đaxa gây ra cho mình. Nhưng sau đó anh không thể nói được rằng cái thói quen ngủ bừa với đàn bà không một chút hi vọng gì của mình kia có phải là một đòi hỏi của lương tri hay chỉ đơn thuần là một đòi hỏi thấp hèn của xác thịt. Anh đến khách sạn ngoài cảng ngày một thưa hơn không chỉ vì những ham muốn của anh hiện đang toả ra nhiều hướng mà còn vì anh không thích để cho người ta nhìn thấy mình có mặt ở đấy giữa những khuôn mặt khác nhau thuộc số những kẻ thân quen và danh giá mà họ từng quen biết anh rất rõ. Tuy nhiên, trong ba trường hợp vội vã anh đã sử dụng thủ thuật thường thấy trong thời đại mình: anh cải trang cho những cô gái hay hoảng hốt sợ người ta nhận được mặt mình thành đàn ông rồi cùng các cô bước vào khách sạn ngoài cảng với điệu bộ của những kẻ thác loạn thức

qua đêm. Ít nhất có hai trường hợp không thiếu kẻ nhận ra anh và người cùng với mình được cải trang không đến bàn nhậu mà ngược lại đi thẳng vào phòng giường nằm và thế là danh dự vốn bị mai một ít nhiều của Phlôrêntinô Arixa liền bị một đòn chí tử. Cuối cùng anh thôi không đến khách sạn này nữa và những lần hiếm hoi anh đến đây không phải là để trác táng đến nỗi ngày hôm sau phải dậy muộn, mà ngược lại hoàn toàn, anh đến đây là để tìm một nơi nghỉ ngơi sau những trận thác loạn quá sức ở nơi khác.

Nói như thế quả không ngoa cho anh. Khoảng năm giờ chiều anh ra khỏi văn phòng làm việc và thế là anh đi trong vòng bay phấn chấn của chú diều hâu đang sức trẻ. Thoạt đầu anh bằng lòng với những gì mà đêm tối giành cho mình. Anh dựng các cô gái phục vụ ở ngoài vườn hoa dậy, các cô gái da đen ở ngay trong chợ, các cô gái mĩ miều ở ngoài bãi tắm, các cô gái Mỹ ngay trên tàu thủy từ Tân Oócleăng tới. Anh dẫn các cô ra ngoài bờ đập, nơi một nửa số dân thành phố vẫn làm chính điều đó ngay từ lúc mặt trời lặn, anh mang các cô đến nơi có thể và đôi lúc cả những nơi không thể mà hành sự, bởi vì có không ít trường hợp anh phải hành sự thật chớp nhoáng ngay tại phòng đợi tối tăm và làm điều có thể làm bằng bất kì hình thức nào ở ngay sau cánh cửa chính.

Tháp ngọn đèn hải đăng luôn luôn là một nơi ẩn náu thích hợp mà Phlôrêntinô Arixa thường nhớ đến với niềm hoài nhớ khôn nguôi khi ông bước vào tuổi già bởi vì nó là nơi ông hưởng hạnh phúc khá trọn vẹn, nhất là về ban đêm và ông nghĩ rằng có thể có cái gì đó của tình yêu của mình đã theo ánh sáng ngọn hải đăng để đến với những người đi biển. Vậy là anh tiếp tục đến chơi ngọn hải đăng, đến thường xuyên hơn so với bất kì nơi nào, trong lúc người bạn coi đèn hải đăng vui vẻ, hào hứng đón tiếp anh với bộ mặt của thằng khờ vốn là tấm màn che tốt nhất đối với những con chim đêm hay hoảng sợ. Phía bên dưới tháp có một căn nhà dựng ngay bên bờ biển nơi sóng vẫn táp vào những tảng đá lởm chởm nhô ra biển. Đó là nơi tình yêu diễn ra đắm đuối hơn cả vì nó có cái khí vị của một vụ đắm tàu. Nhưng sau đêm tình tự đầu tiên, Phlôrêntinô Arixa vẫn thích tháp có ngọn đèn hải đăng hơn vì từ đó anh có thể quan sát toàn cảnh thành phố, có thể ngắm nhìn những ánh lửa chập chờn trên những chiếc thuyền đánh cá ngoài biển và cả ánh đèn những chiếc thuyền của ngư dân trên các đầm lầy xung quanh.

Ở thời kì này anh hình thành những lí thuyết tương đối đơn giản về mối quan hệ giữa thể trạng sức khoẻ của phụ nữ và khả năng đáp ứng tình yêu của họ. Anh không thích típ người ham nhục dục, đó là những người đàn bà tưởng như có đủ khả năng

nuốt sống cả con cá sấu nhưng ở trên giường lại rất thụ động. Típ người anh thích hoàn toàn ngược lại: đó là những người đàn bà nom tựa con nhái bén, gầy gò mà nếu gặp họ ở ngoài đường chẳng một ai tốn công quay mặt lại nhìn ngắm họ, đó là những người đàn bà khi cởi hết áo xống ra thì hầu như họ chẳng có gì đáng kể và ta sẽ phải mủi lòng thương hại khi nghe thấy xương hóc họ kêu roàn roạt ở ngay cú đụng độ đầu tiên, thế nhưng họ có thể ném vào sọt rác cái chàng lắm mồm trong số những kẻ ve vãn họ. Anh ghi lại những nhận xét thiếu chín chắn ấy với ý định sẽ viết phần phụ chương cho cuốn *Bí mật của những người đang yêu*, nhưng ý định ấy cũng chịu chung một số phận với ý định trước đây sau khi anh làm quen Auxênhxia Santăngđê. Với kinh nghiệm từng trải của một con chó cái già, bà hết vẫn anh sáng trái lại vẫn anh sang phải, túm lấy đầu anh, nhấc anh lên, hạ anh xuống và thế là anh như một người mới sinh ra lần thứ hai. Bà bẻ gẫy thành từng mẩu vụn thứ lí thuyết quá ư mĩ miều của anh và bà dạy cho anh điều duy nhất cần phải học để biết yêu là không một ai nên dạy đời cả.

Auxênhxia Santăngđê đã có cuộc sống vợ chồng hoà thuận trong hai mươi năm liền, có ba người con trai và cả ba người này đều lấy vợ và có con rồi, vậy là bà có thể được trọng vọng và được coi là người bà hạnh phúc nhất trong thành phố. Có một điều chẳng

bao giờ được làm sáng tỏ, ấy là việc bà là người đã bỏ chồng, hay chính ông mới là người bỏ bà, hoặc cả hai người cùng bỏ nhau khi ông bỏ nhà đi sống mãi mãi với cô nhân tình và thế là bà cảm thấy mình hoàn toàn được tự do để ngay giữa ban ngày, đón rước Rôxênhô đê la Rôsa vào cửa chính nhà mình. Rôxênhô đê la Rôsa là thuyền trưởng của một tàu khách, vốn là người đàn ông được bà vẫn thường nhiều đêm lén lút rước vào cửa sau. Cũng chính Rôxênhô đê la Rôsa, không hề suy tính, là người dẫn Phlôrêntinô Arixa về nhà Auxênhxia Santăngđê hai lần.

Ông đưa anh về nhà ăn cơm trưa. Ông còn mang về nhà cả một hũ sành bọc trong rọ mây đựng thứ rượu tự cất lấy và các thứ thực phẩm ngon nhất cần thiết để làm món sancôchô tuyệt ngon, một món ăn chỉ có thể có được nhờ làm với thịt gà nuôi trong sân, thịt bò tơ, lợn sữa và rau tươi trồng ở ven sông. Nhưng ngay từ phút đầu tiên, Phlôrêntinô Arixa đã tỏ ra không thú vị lắm trước món ăn tuyệt vời, trước cái vẻ đẫy đà của nữ chủ nhân cũng như vẻ đẹp lộng lẫy của ngôi nhà. Anh thích chính cái ngôi nhà, lộng lẫy và thoáng mát, có bốn cửa sổ lớn nhìn ra biển, và phía sau là toàn cảnh thành phố cổ. Anh thích đồ vật đã nhiều lại đẹp lộng lẫy từng cho ta cảm giác về cái phòng khách vừa bừa bộn vừa sinh động chứa đầy các hàng thủ công mĩ nghệ mà thuyền trưởng

Rôxênhô đê la Rôsa sau mỗi chuyến đi đã tha về nhà cho đến khi phòng không thể chứa thêm được nữa mới chịu thôi. Tại hành lang nhìn ra biển có một chú vẹt mào nhốt trong lồng. Đó là con vẹt mào giống Malaxia có bộ lông trắng muốt vẻ suy tư cho ta cảm giác nó suy tư dữ lắm: một con vật tuyệt đẹp mà chưa bao giờ Phlôrêntinô Arixa được nhìn thấy.

Thuyền trưởng Rôxênhô đê la Rôsa rất hào hứng trước cái hào hứng của khách và ông kể tỉ mỉ lai lịch của từng thứ một cho anh nghe. Trong lúc ông kể, ông uống từng ngụm rượu một và uống không hề ngừng nghỉ. Cơ thể ông giống như một bức tượng xi măng đúc khổng lồ, không chỗ nào không có lông trừ cái đầu, bộ ria mép thô kệch, nhưng thái độ lại rất lịch sự đáng yêu. Cơ thể ông cường tráng là vậy nhưng không một cơ thể cường tráng nào có thể chịu đựng nổi cái lối uống rượu của ông. Trước khi ngồi xuống bàn ăn, ông đã uống cạn một nửa hũ rượu và sau đó ông còn uống tiếp, thế là ông ngã uỵch một cái, sấp mặt xuống mâm để đầy cốc tách và chai rượu. Auxênhxia Santăngđê phải nhờ Phlôrêntinô Arixa giúp một tay để lôi thân xác bất động của ông như một con cá voi đến tận giường nằm, rồi cởi xống áo cho ông ngủ yên ở đấy. Sau đó, trong một thứ lửa đồng loã mà cả hai người phải chịu ơn cuộc hội ngộ ngẫu nhiên này, cả hai người cùng cởi quần áo ở phòng bên cạnh mà không cần

phải thoả thuận, không cần phải khêu gợi trước, không cần phải đặt vấn đề trước, rồi bọn họ tiếp tục thường xuyên cởi quần áo như vậy trong suốt bảy năm nữa những khi vị thuyền trưởng này phải đi làm nhiệm vụ. Họ chung đụng với nhau mà chẳng hề có chuyện nguy hiểm xảy ra vì thuyền trưởng Rôxênhô đê la Rôsa vẫn thường có thói quen mỗi bận tàu ông vào đến cảng bao giờ ông cũng kéo còi báo tin mình đã trở về: ba hồi dài để báo tin cho bà vợ và chín người con của ông, hai hồi đứt quãng mang âm sắc nhớ thương gửi cho nhân tình.

Auxênhxia Santăngđê đã xấp xỉ năm mươi tuổi và người ta có thể dễ dàng nhận ra tuổi của bà nhưng bà có một bản năng tình yêu rất riêng biệt đến mức không một thứ lí thuyết dù là khoa học dù là giả tạo có đủ khả năng đè bẹp được nó. Qua lộ trình những con tàu rời bến, Phlôrêntinô Arixa biết chắc khi nào có thể đến với bà và anh thường xuyên đến chơi mà không hề báo trước giờ. Không một lần nào anh đến, dù ban ngày hay ban đêm mà anh không thấy bà đang trong trạng thái chờ đợi mình. Bà mở cửa cho anh trong trạng thái như mẹ đẻ ra mình, người vẫn nuôi dưỡng bà cho đến khi bà lên bảy tuổi: nghĩa là bà khỏa thân hoàn toàn, đầu chít một dải nơ. Bà không để anh tiến thêm một bước vào trong nhà trước khi cởi quần áo cho anh, bởi vì lúc nào bà cũng nghĩ rằng việc một người đàn ông ăn mặc

chỉnh tề trong nhà mình là một điều cực kì xúi quẩy. Điều này chính là nguyên nhân gây ra sự bất đồng thường xuyên giữa bà với thuyền trưởng Rôxênhô đê la Rôsa, vì ông này có quan niệm rằng trong lúc hút thuốc mà cởi truồng là một thói xấu và đôi lúc ông thích kéo dài cuộc ân ái hơn là việc phải dập tắt điếu thuốc xì gà Cuba. Trái lại, Phlôrêntinô Arixa rất thích được ở truồng, và Auxênhxia Santăngđê cởi quần áo cho anh với một thái độ thích thú ngay sau khi đóng cửa lại. Không để anh có thời gian chào bà, không để anh có thời gian bỏ mũ ra, không để anh kịp tháo cặp kính cận ra, bà cứ thế hôn anh và để cho anh hôn mình những cú hôn sôi nổi, cứ thế cởi hết cúc trước, lần lượt từ dưới lên trên, trước tiên là hàng cúc quần: cứ mỗi cái hôn một chiếc cúc quần được cởi, tiếp đó là khóa thắt lưng, cuối cùng là hàng cúc áo vêxtông và cúc áo sơ mi cho đến khi thân xác anh trần ra như một con cá sống giữa lòng mương. Sau đó bà để anh ngồi xuống trong phòng khách rồi cởi đôi ủng cho anh, rồi tuột quần cho anh qua hai xương háng để cùng một lúc tụt luôn cả xi líp của anh xuống tận hai mắt cá chân, cuối cùng bà tháo tất cho anh. Phlôrêntinô Arixa thôi không hôn bà và cũng không để cho bà hôn mình nữa, để làm cái công việc duy nhất thuộc về mình trong cái nghi thức rất chuẩn xác ấy: cởi chiếc đồng hồ qủa quýt và tháo cặp kính cận ra, sau đó nhét cả hai thứ vào

trong chiếc ủng để khỏi bỏ quên chúng. Bao giờ anh cũng có hành động thận trọng ấy, không bao giờ anh quên cái công việc ấy một khi anh khỏa thân trong nhà người khác.

Trong lúc anh chưa nhét xong đồng hồ và kính vào trong ủng thì bà đã tấn công anh, không để cho anh có thời giờ làm bất cứ việc gì. Cuộc ân ái diễn ra ngay ở trên chiếc ghế sôpha nơi bà vừa lột hết xống áo của anh và chỉ thỉnh thoảng họ mới làm tình với nhau ở trên giường. Bà nhét anh xuống dưới, bà làm chủ toàn bộ con người anh, biến anh thành của mình và cho riêng mình, hai mắt lim dim nhắm lại mà dò tìm tâm hồn mình trong bóng tối hoàn toàn, rồi tiến lên rồi dừng lại, rồi lại chạy theo con đường vô hình của mình, rồi lại đổi hướng định đi theo một con đường khác đông đặc hơn, một cách đi khác mà không bị đắm chìm trong cái bãi lầy nhầy thứ nước từ trong bụng bà chảy ra, rồi bằng thứ tiếng địa phương bà rên rỉ nói thứ tiếng nói kêu vo ve của loài muỗi mà tự hỏi và tự trả lời cho chính mình rằng cái của ấy đang ở đâu trong màn sương mù mà chỉ riêng bà biết và khao khát mong muốn cho riêng mình, cho đến khi kiệt sức không còn mong chờ ai, cho đến khi chỉ một mình bà đầu hàng trong vực thẳm của lòng mình với một tiếng nổ hân hoan trước thắng lợi hoàn toàn: một tiếng nổ làm rung chuyển thế giới. Phlôrêntinô Arixa mệt phờ

người, thấy mình bị mất mát, trôi nổi trên vũng mồ hôi của cả hai người, nhưng anh có cảm giác rõ ràng mình chỉ là một công cụ hưởng thụ của bà mà thôi. Anh bảo: "Em làm tình với anh như thể em được thêm một người nữa". Bà ta buông một tiếng cười ròn tan của con cái tự do, rồi bảo: "Trái lại hoàn toàn, em làm tình với anh như thể em bỏ bớt đi một người thì có". Vậy là anh vẫn giữ lại cái cảm giác rằng bà ta mang theo mình tất cả với một lòng thèm khát đáng thương. Anh cảm thấy tự hào rồi ra khỏi nhà với quyết tâm sẽ không trở lại. Nhưng rồi không vì một nguyên cớ nào, bỗng anh tỉnh ra. Với một tinh thần cực kì minh mẫn của nỗi cô đơn lúc đang nửa đêm và với kỉ niệm về tình yêu trầm lắng của Auxênhxia Santăngđê anh thấy rằng đó là một cạm bẫy của hạnh phúc mà anh vừa thù ghét vừa ao ước. Đó là một cạm bẫy mà anh không tài nào tránh được nó.

Có một ngày chủ nhật anh đến chơi nhà Auxênhxia Santăngđê sau hai năm họ thân quen nhau. Khi anh đến, việc đầu tiên bà ta làm, đáng lẽ lột truồng anh ra thì bà lại gỡ cặp kính cận của anh để hôn anh dễ dàng hơn và qua hình thức này Phlôrêntinô Arixa biết rằng bà bắt đầu yêu anh say đắm. Mặc dù ngay từ ngày đầu tiên anh cảm thấy dễ chịu trong ngôi nhà này và anh yêu nó như yêu ngôi nhà của mình, không bao giờ anh ở lại đây quá hai

giờ đồng hồ mỗi bận đến chơi, cũng chẳng bao giờ ngủ lại và chỉ có một lần anh ở lại ăn cơm vì Auxênhxia Santăngđê khẩn khoản mời anh. Trên thực tế anh không đi qúa điều cần phải đi: mỗi bận đến chơi anh chỉ mang theo một bông hồng đơn lẻ, một tặng phẩm duy nhất, cho bà để rồi sau đó biệt tăm cho đến lần gặp gỡ sau không được hẹn trước. Nhưng ngày chủ nhật Auxênhxia Santăngđê gỡ cặp kính cận cho anh để hôn anh, phần vì thế phần vì cả hai người ngủ đi lúc nào không hay sau khi làm tình với nhau, cả hai người đều khỏa thân nằm trên chiếc giường rộng của vị thuyền trưởng đợi cho buổi chiều trôi đi. Khi thức dậy, Phlôrêntinô Arixa vẫn nói chuyện về kí ức của mình trước tiếng kêu của con vẹt mào mà âm sắc chói tai của nó cho anh cảm giác về bản tâm con vật này khác hoàn toàn với sắc đẹp lộng lẫy của chính nó. Nhưng khung cảnh thanh tĩnh của ngôi nhà thật là trong trẻo trong hơi nóng lúc bốn giờ chiều, và qua cửa sổ phòng ngủ hiện lên khuôn mặt nhìn nghiêng của thành phố cổ với ánh chiều rực rỡ tãi ở phía sau nó, tãi trên những tháp nhà tròn vàng óng màu đồng, tãi trên mặt biển rực rỡ trải tới tận Hamaica. Auxênhxia Santăngđê chìa bàn tay mạo hiểm dò tìm *con vật* của anh đang nằm ngủ thì Phlôrêntinô Arixa gạt phắt tay bà đi, nói: "Bây giờ không, vì anh cảm thấy có cái gì là lạ. Hình như có ai đang nhìn trộm chúng mình đấy". Bà

ta quay lại trêu con vẹt mào bằng tiếng cười sung mãn của mình. Bà nói: "Không một người đàn bà nào, ngay cả bà vợ của Giônát, cũng không thể ngửi được cái cớ anh vừa nêu ra". Dĩ nhiên, bà cũng không tán thành cái cớ ấy, nhưng vẫn thừa nhận ý định tốt đẹp của người nói ra nó. Cả hai lại ân ái với nhau rõ lâu trong im lặng mà không hề nhắc đến tình yêu. Đến năm giờ chiều, mặt trời hãy còn cao lắm, bà ta bước xuống giường, vẫn khoả thân, đầu chít một sợi nơ, đi vào nhà bếp để kiếm thức ăn, nhưng bà chưa bước được một bước ra khỏi phòng ngủ thì đã kêu toáng lên đầy hoảng hốt.

Không thể tin được điều đó. Những đồ vật duy nhất còn lại trong nhà là những ngọn đèn treo. Những thứ khác, những bàn ghế có kí tên, những chiếc thảm Ấn Độ, những bức tượng, những đồ nữ trang bằng đá và bằng kim loại quý nhiều vô kể, nghĩa là tất cả những gì từng làm cho ngôi nhà trở nên lộng lẫy và dễ mến nhất thành phố, tất cả, ngay cả con vẹt mào thiêng liêng, tất cả đều đã bốc hơi. Các đồ vật ấy đều được mang đi theo hành lang nhìn ra biển, mang đi thật nhẹ nhàng không hề làm kinh động đôi tình nhân đang ân ái. Chỉ còn lại phòng khách trống rỗng với bốn cửa sổ mở toang cửa nhìn ra biển và ở bức tường hậu nổi lên hàng chữ nguệch ngoạc: *Điều này xảy ra với các người là vì chính những hành động thiếu chín chắn của các người!*

Thuyền trưởng Rôxênhô đê la Rôsa chẳng bao giờ hiểu được vì sao Auxênhxia Santăngđê không tố cáo vụ mất trộm, cũng không hề hỏi thăm những người buôn bán của ăn trộm và cũng chẳng cho phép người ta nói lại chuyện bất hạnh của mình.

Phlôrêntinô Arixa vẫn tiếp tục đến thăm bà ngay tại ngôi nhà bị cướp hết đồ đạc mà tiện nghi của nó được thu hẹp lại với ba chiếc ghế bọc da do bọn kẻ trộm bỏ sót trong nhà bếp và những thứ còn lại trong phòng ngủ lúc đó bọn họ đang có mặt. Nhưng anh đến thăm bà thưa hơn trước đây, không phải vì ngôi nhà nghèo hèn đi như bà ta đoán và nói toạc ra như thế mà vì sự tân kì của những chiếc xe khách do lừa kéo được sử dụng vào thời kì đầu của thế kỉ này. Đối với anh chúng là một cái tổ hào phóng và mới mẻ của những con chim tự do. Một ngày bốn bận anh đi xe: hai bận đến nhiệm sở, hai bận trở về nhà. Trong lúc ngồi trên xe anh đọc sách thật nhưng phần lớn anh giả vờ đọc. Chí ít ra trong lúc đi xe này anh làm quen và hẹn hò với các con chim đêm cùng đi trên xe. Về sau này, khi ông chú Lêông XII giao cho anh một chiếc xe hai lừa kéo, loại xe y hệt xe của tổng thống Raphaen Munhôt thì lòng anh nhớ không nguôi thời kì đi xe khách như là thời kì phong phú nhất của cuộc đời kẻ đi săn trộm. Thực tình, anh là người có lí đối với tình yêu vụng trộm: không có một kẻ thù nào nguy hiểm bằng một chiếc xe chờ ở

ngoài cửa. Anh có ý thức về điều này rất rõ ràng đến mức hầu như anh giấu xe ở nhà mình và trong các cuộc săn đuổi tình yêu của mình anh đi bộ để săn mồi, để xóa đi mọi vết tích của mình kể cả những vết xe lăn trên cát bụi. Vì lẽ đó Phlôrêntinô Arixa, với tâm trạng luyến tiếc, luôn luôn nhớ tới chiếc xe khách do những chú lừa đã gày nhom lại lở loét kéo và khi ngồi trong xe này chỉ một cú liếc mắt anh đã có thể biết chắc ái tình đang ở chỗ nào. Tuy nhiên, trong hàng loạt những kí ức rối bời đan chéo nhau anh đã không thể nào xóa nhòa được cái kí ức về một con bò lạc mà ngay cả tên của cô ta anh cũng không biết và đó là cô gái anh không cùng sống trọn vẹn một đêm vui náo nức, nhưng nó đã đủ làm anh phải đắng lòng trong quãng đời còn lại trước khung cảnh vui nhộn vô tư của đêm hội cacnavan.

Với tinh thần dạn dĩ dám đi một mình trong khung cảnh ngày hội nhộn nhạo, cô gái buộc anh phải để ý tới mình ngay từ khi còn đi trên xe khách. Có lẽ cô chưa quá hai mươi tuổi và đi chơi trong trạng thái không hoàn toàn hào hứng tham gia ngày hội cacnavan. Cô đóng giả một người bệnh, mái tóc vàng óng, dài và mượt mà, để nó tự nhiên buông ngang vai, mặc một chiếc áo tunica bằng vải phin thường và không thêu thùa gì hết. Cô sống trong trạng thái hoàn toàn xa lạ với tiếng nhạc ồn vang phấn khích ở ngoài đường, trước những vốc phấn

trắng tung lên, trước những dòng nước anilin phun vào các hành khách khi xe đi qua mà những con lừa kéo của chúng đi trong thân hình trắng toát màu hồ, đầu chúng đội mũ kết hoa trong suốt ba ngày hội sôi động. Nhân lúc ồn ào hỗn độn, Phlôrêntinô Arixa mời cô ta đi ăn kem, vì anh không nghĩ rằng có thể đi xa hơn được nữa. Cô gái nhìn anh mà chẳng hề ngạc nhiên. Cô nói: "Được thôi, em nhận lời, nhưng xin nói trước để anh biết: em điên đấy". Nghe vậy, anh bật cười vui vẻ và dẫn cô lên ban công hiệu bán kem để xem xe hoa diễu hành. Sau đó anh thuê một chiếc áo có mũ trùm đầu, mặc áo vào rồi cùng cô hoà lẫn trong đoàn người vừa đi vừa nhảy múa ở Quảng trường Hải quan và họ cùng nhau vui hội như đôi tình nhân vừa mới chào đời, bởi vì thái độ lơ đễnh lúc ban đầu của cô biến mất và hiện cô đang vui đến cực điểm cùng với không khí sôi nổi của đêm hội: cô nhảy hăng say và khéo léo như một vũ nữ chuyên nghiệp và qủa thật cô là người hay tưởng tượng và hoạt bát, thích ứng với cuộc vui và là người có một niềm vui thật sôi nổi.

- Anh không biết rằng anh đang lẩn thẩn khi đi chơi với em, - cô gào lên trong tiếng cười ngây ngất giữa không khí vui tràn trề của đêm hội cacnavan. - Em là một con điên trong nhà thương điên đấy.

Đối với Phlôrêntinô Arixa, đêm ấy là một đêm anh trở về với những đêm vui của tuổi vị thành niên

khi anh chưa đau cái nỗi đau thất tình. Nhưng anh biết rằng một hạnh phúc dễ dãi sẽ chẳng bền được lâu và anh biết được điều này nhờ những bài học thấm thía hơn là nhờ kinh nghiệm. Vậy là trước khi tàn đêm, như vẫn thường xảy ra sau khi người ta phát phần thưởng cho những ai cải trang khéo nhất, anh giao hẹn với cô gái rằng cả hai sẽ cùng nhau đến ngọn đèn hải đăng để ngắm buổi bình minh thức dậy trên biển. Cô gái nhận lời đầy thích thú nhưng với điều kiện là sau khi người ta phát phần thưởng xong thì mới đi.

Phlôrêntinô Arixa vẫn giữ mãi ý nghĩ sáng tỏ rằng chính sự chậm trễ ấy đã cứu sống mình. Quả nhiên thế, khi cô gái vừa ra hiệu cho anh để cả hai người cùng đi đến ngọn đèn hải đăng thì hai nhân viên bảo vệ và một y tá nhà thương điên Đivina Paxtôra xúm đến ôm lấy cô gái. Họ đã truy lùng cô ngay sau khi cô trốn thoát, tức là từ lúc ba giờ chiều, và lực lượng truy lùng cô không chỉ có ba người này mà có cả lực lượng an ninh công cộng. Cô ta đã chặt đầu một nhân viên gác cổng và làm bị thương nặng hai người khác bằng con dao dựa giằng được của người thợ làm vườn. Chả là vì cô muốn đi dự vũ hội cacnavan nhưng bị những người này cản trở. Nhưng không một ai nghĩ rằng cô ta đang nhảy ở ngoài đường phố mà chỉ nghĩ rằng cô ta đang ẩn trốn trong một ngôi nhà nào đó giữa vô khối ngôi nhà trong thành phố

mà họ từng lùng sục tới cả những bể nước ngầm của chúng.

Việc dẫn cô về nhà thương điên không phải là dễ. Cô ta tự vệ bằng chiếc kéo làm vườn giấu trong yếm ngực và người ta phải cần tới sáu người đàn ông mới mặc nổi cho cô chiếc áo của người điên, trong khi đó đám đông vui hội tại Quảng trường Hải quan vỗ tay và reo hò náo nhiệt mà tưởng rằng cái vụ bắt người đẫm máu kia là một trong những trò hề vẫn thường xảy ra trong đêm hội cacnavan. Phlôrêntinô Arixa đau đớn bần thần cả người và kể từ hôm thứ tư ngày lễ Tro trở đi, ngày nào anh cũng đi qua trên phố Đivina Paxtôra, tay mang theo một hộp sôcôla. Anh dành nó cho cô gái. Anh đứng mà nhìn những người đàn bà điên bị giam từ các cửa sổ ném cho mình những lời thô tục và anh chìa ra cho họ chiếc hộp kẹo sôcôla khiến họ xô đẩy nhau, tranh giành nhau làm ầm ĩ cả phòng giam người điên để xem may ra cô ta có thò đầu qua song sắt không. Nhưng không bao giờ anh nhìn thấy cô gái ấy. Mấy tháng sau, khi anh xuống xe lửa kéo, một em bé gái đi cùng với người cha đã chìa tay xin anh một chiếc kẹo sôcôla trong cái hộp trên tay anh. Người cha mắng em bé và vội vàng xin lỗi anh, nhưng Phlôrêntinô Arixa đưa ngay cho bé gái cả cái hộp kẹo mà nghĩ rằng hành động của nó đã giải thoát mình khỏi mọi nỗi đắng cay và anh vỗ vai người cha

để ông ta yên lòng.

- Đó là những chiếc kẹo giành cho một mối tình đã bị quỷ tha ma bắt rồi, - anh nói với ông ta.

Như một niềm an ủi của số phận, cũng ngay trên xe khách do lừa kéo ấy anh đã làm quen với Lêôna Catxiani, vốn là người vợ thật sự của đời anh, mặc dù cả anh lẫn cô không bao giờ ý thức đầy đủ về điều này và cũng chẳng bao giờ họ chung đụng xác thịt với nhau. Anh cảm thấy sự có mặt của cô gái ngay trước lúc nhìn thấy cô, khi anh đi trên chuyến xe khách năm giờ chiều để trở về nhà: đó là một cái nhìn rất vật chất đã chạm phải người anh, nó tựa như một ngón tay cốc nhẹ vào người anh. Anh ngước mắt lên và anh nhìn thấy cô gái ngồi ở đầu đối diện, nhưng rất rõ nét ngay giữa vô vàn hành khách cùng ngồi trên xe. Cô gái không chịu lảng ánh mắt sang nơi khác. Trái lại, cô cứ trân trân nhìn anh rất trơ trẽn đến mức anh chỉ có thể nghĩ rằng cô ta là người da đen, trẻ trung và khá khỉnh nhưng không nghĩ ngờ gì: cô ta là một con điếm. Anh đã bỏ qua cô ta trong cuộc đời mình bởi vì anh không thể chịu nổi cái nhục phải trả giá cho ái tình. Không bao giờ anh trả giá, hoặc phải mua ái tình.

Phlôrêntinô Arixa xuống xe ở bến cuối cùng ngay tại Quảng trường Lôt Côchêt[1], và anh vội vàng lẩn

[1] Nghĩa: những chiếc xe.

vào chợ đang đông người vì bà mẹ đang đợi anh vào lúc sáu giờ chiều. Khi vừa ló ra ở phía bên kia đám người họp chợ, anh lại nghe rõ tiếng đế giày của đàn bà nện rất vui nhộn trên mặt đường nhựa. Anh quay đầu lại, nhìn để tự thuyết phục mình về điều đã được biết rõ: chính là cô ta. Cô ta ăn mặc y hệt như những cô gái nô lệ trong các bức tranh với một chiếc váy phồng nhiều nếp gấp mà mỗi bận nhảy qua những ổ gà nó vung vẩy như đang khiêu vũ, một chiếc áo để hở cả hai vai trần, một chuỗi vòng hạt sặc sỡ màu, một chiếc khăn trắng. Những thứ trang sức này đều đã được anh quen biết trong khách sạn ngoài bến cảng. Thường vẫn xảy ra điều này: vào lúc sáu giờ chiều bọn gái điếm vẫn chưa hề ăn điểm tâm và thế là họ chỉ còn mỗi một biện pháp sử dụng tình dục như là một con dao găm của kẻ cướp đường và các cô sẽ dí ngay nó vào yết hầu người đàn ông bị họ gặp đầu tiên ở ngoài đường phố: muốn sống hay muốn chết. Để thử xem có đúng thế không, Phlôrêntinô Arixa liền đổi hướng đi, anh rẽ vào con đường Căngđilênô rất vắng và thế là cô ta cũng cố dấn thân để đuổi kịp anh. Anh dừng bước, quay mặt lại, chặn đường cô ta bằng hai cánh tay dang rộng ra. Cô ta cũng đứng lại ngay trước mặt anh.

- Nhầm to rồi cô em xinh đẹp ạ, anh nói. - Anh sẽ chẳng cho em tiền đâu.

- Dĩ nhiên là như thế, - cô gái nói. - Điều anh vừa

nói hiện rõ trên gương mặt anh rồi.

Phlôrêntinô Arixa nhớ lại câu nói của viên thầy thuốc gia đình, cha đỡ đầu của anh lúc anh còn nhỏ. Nhân đề cập tới bệnh táo bón kinh niên của anh, viên thầy thuốc nói: "Thế gian này được chia thành hai loại người: loại ị được và loại không ị được". Về thứ lí thuyết này, viên thầy thuốc đã xây dựng nó thành một thứ lí thuyết về cá tính mà ông cho rằng có lẽ còn sáng tỏ hơn cả thuật xem tử vi. Nhưng với kinh nghiệm thu được trong nhiều năm tháng của cuộc đời, Phlôrêntinô Arixa đã diễn đạt nó dưới một dạng khác: "Thế gian này được chia thành hai loại người, loại làm tình và loại không làm tình". Anh vốn không tin loại người thứ hai này: khi họ ra khỏi con đường hẹp, có một cái gì đó đối với họ hết sức lạ kì đến mức cả hai cùng hãnh diện về tình yêu và làm như thể họ vừa sáng tạo ra nó vậy. Những kẻ thường xuyên làm tình với nhau, trái lại, họ chỉ sống riêng cho cái chuyện ấy. Họ cảm thấy dễ chịu khi họ đối xử với nhau như những nấm mồ được đắp kín bởi vì họ biết rõ rằng cuộc đời mình phụ thuộc vào thái độ thận trọng biết giữ kín chuyện riêng tư của người kia. Chẳng bao giờ họ nói thêm nữa về những chiến tích của mình, chẳng tin tưởng ở bất cứ ai, họ cùng làm những động tác giả để đánh lừa người khác cho đến khi họ nổi tiếng là những người bất lực, những kẻ lạnh lùng và trước hết là những kẻ ái

nam ái nữ như là trường hợp của Phlôrêntinô Arixa. Nhưng họ rất lấy làm thích thú trước sự nhầm lẫn ấy bởi vì chính sự nhầm lẫn đến lượt nó lại che chở cho họ. Họ cùng thuộc giới những người kín đáo mà những người bạn thân thiết có thể nhận ra nhau trong thế giới này không cần đến một thứ ngôn ngữ chung. Vì thế mà Phlôrêntinô Arixa không ngạc nhiên trước câu trả lời của cô gái: cô ta là một trong số những người thuộc giới anh và vì thế anh biết rằng cô biết.

Đó là một khuyết điểm trong đời anh, một khuyết điểm không thể dễ dàng cho qua được đến mức không giây phút nào, không ngày nào trong suốt cuộc đời cho đến phút cuối cùng, lương tri anh không nhớ tới điều đó. Cái mà cô gái đòi hỏi ở anh không phải là ái tình, càng không phải là thứ ái tình phải mua bán, mà là việc làm, một việc làm bất kì nào đó với một thứ lương tháng thế nào cũng xong trong Hãng Tàu thủy Caribê. Phlôrêntinô Arixa cảm thấy ngượng đến chết được về hành động mình dẫn cô ta đến gặp người phụ trách nhân lực trong hãng và ông này nhận cô vào làm việc với cấp bậc thấp nhất trong bộ phận tổng hợp. Cô đã làm việc tại đây trong ba năm liền với thái độ nghiêm túc, khiêm tốn và tận tụy.

Các phòng làm việc của hãng Tàu thủy Caribê ngay từ hồi đầu thành lập, nhìn thẳng ra cầu cảng,

khác hẳn với cảng của những con tàu vượt đại dương ở mé bên kia vịnh, cũng khác hẳn với bến thuyền của chợ vịnh Animat. Đó là một tòa nhà gỗ mái lợp tôn, một ban công dài có hàng cột đỡ ở phía mặt tiền, vài cửa sổ có lưới sắt chắn ngang ở cả bốn mặt và qua những cửa sổ này tàu hiện nguyên hình trên cảng giống như những bức tranh treo trên tường. Khi các ông chủ hãng người Đức xây dựng ngôi nhà này, các ông cho sơn đỏ toàn bộ mái tôn, sơn màu trắng bóng toàn bộ những tấm ván thưng chung quanh nên ngôi nhà nom y hệt một chiếc tàu thủy chạy trên sông. Sau đó người ta cho sơn màu xanh nước biển và ở thời kì Phlôrêntinô Arixa vào làm việc tại hãng thì ngôi nhà này bị bụi phủ dày chẳng có màu sắc rõ ràng, và trên mái tôn đã han rỉ, bên cạnh những tấm tôn cũ có vá những tấm tôn mới. Phía sau ngôi nhà, trên một cái sân lát đá, xung quanh rào lưới sắt, có hai cửa hàng lớn mới được xây dựng gần đây, và ở phía cuối là một đoạn kênh bị bịt kín hai đầu trong đó chứa thứ nước bẩn, bốc mùi xú khí. Đây là nơi để mục ruỗng những thứ bỏ đi trong một nửa thế kỉ kinh doanh đường sông. Đó là xác những chiếc tàu được dùng làm tư liệu lịch sử: từ những chiếc tàu có một ống khói từ cổ xưa được Ximôn Bôliva cắt băng chạy thử cho đến những chiếc tàu tân tiến hơn đã sử dụng quạt điện trong các phòng giường nằm. Phần lớn những chiếc

tàu này đã bị tháo gỡ các phụ tùng để dùng vào các tàu còn đang sử dụng nhưng vẫn có rất nhiều chiếc còn tốt mà dường như chỉ cần sơn quét và cho chạy lại thì chúng vẫn chạy tốt không hề làm kinh động ngay cả những con kì đà và cũng chẳng làm bật gốc những cây hoa súng vàng từng mang lại vẻ hoài nhớ cho những chiếc tàu này.

Bộ phận quản lí của hãng ở tầng trên của ngôi nhà. Tầng này được chia thành các phòng làm việc nhỏ nhưng đầy đủ tiện nghi và được trang hoàng đẹp mắt, chúng tựa như những phòng giường nằm ở trên tàu, vì chúng được thiết kế bởi các kĩ sư đóng tàu chứ không phải do các kiến trúc sư dân dụng bình thường. Ông chú Lêông XII làm việc trong một phòng y hệt các phòng khác, chỉ khác một chi tiết thôi, ấy là việc vào tất cả các buổi sáng, trên bàn viết của *đôn* phải có hoa tươi, bất kì loại hoa có hương thơm nào cũng được, cắm trong bình hoa thủy tinh. Tầng dưới của ngôi nhà là bộ phận phục vụ khách đi tàu trong đó có một phòng đợi kê các tấm ghế băng thô và một quầy bán vé cùng một phòng thu nhận hàng gửi. Phần còn lại của tầng dưới là nơi làm việc của bộ phận tổng hợp mà chỉ riêng cái tên tổng hợp của nó cũng đủ cho ta ý niệm về một công việc không cụ thể, về một kết qủa không cụ thể mà những nhân viên ở đây đóng góp cho công việc kinh doanh của hãng, và đó cũng là nơi

những vấn đề không được giải quyết trong suốt cả qúa trình tồn tại của hãng này sẽ nhận được cái chết thảm hại. Đó chính là nơi làm việc của Lêôna Catxiani, người bị khuất đi sau chiếc bàn viết của học trò giữa những tải ngô chất đống và đống giấy tờ gồm những vấn đề không có phương hướng giải quyết. Đó cũng là ngày ông chú Lêông XII đến thăm phòng này để xem xem mình có nghĩ được điều gì bổ ích ngõ hầu giúp cho bộ phận tổng hợp làm việc tốt hơn. Sau ba giờ hỏi han, suy nghĩ và kiểm tra công việc cụ thể với những người làm công trong bộ phận này, *đôn* trở về phòng làm việc của mình lòng đau đớn vì ý tưởng sáng tỏ này: không gặp được bất kì một giải pháp nào ngõ hầu giải quyết qúa nhiều vấn đề, ngược lại hoàn toàn, *đôn* gặp những vấn đề mới, muôn hình muôn trạng mà không một giải pháp nào có thể giải quyết được.

Ngày hôm sau, khi Phlôrêntinô Arixa bước vào phòng làm việc của mình đã thấy một bản tường trình của Lêôna Catxiani cùng với lời đề nghị của cô nói rằng anh hãy nghiên cứu kĩ bản tường trình này và sau đó nếu anh thấy nó thích hợp thì hãy trình lên ông chú anh. Cô là người duy nhất không hề nói một lời trong suốt buổi chiều hôm trước khi *đôn* Lêông XII kiểm tra công việc tại đấy. Cô đã giữ đúng thái độ đúng mức của một nhân viên loại thường, nhưng trong bản tường trình này cô cũng nói rõ việc làm

này không với mục đích xấu xa mà chỉ là để tôn trọng những người phụ trách bộ phận tổng hợp. Đó là một thái độ chân thành hiếm thấy. Ông chú Lêông XII những muốn thay đổi tổ chức về căn bản bộ phận này nhưng Lêôna Catxiani nghĩ ngược lại hoàn toàn. Cô nghĩ: cứ theo lô gích đơn giản mà xét thì sẽ thấy bộ phận tổng hợp trên thực tế không tồn tại, nó chính là cái thùng rác chứa đầy những vấn đề phức tạp nhưng vô nghĩa mà những bộ phận khác thoái thác trách nhiệm đã ném chúng xuống đây. Giải pháp cho vấn đề này là giải tán bộ phận tổng hợp và trả lại các vấn đề trên cho các phòng để họ tự giải quyết lấy.

Ông chú Lêông XII không hề biết Lêôna Catxiani là ai và cũng chẳng nhớ rõ ai có thể là Lêôna Catxiani trong buổi họp chiều hôm qua nhưng khi đọc bản tường trình, *đôn* đã gọi cô lên văn phòng và hai người đóng cửa lại nói chuyện với nhau hai giờ liền. Họ nói về mọi vấn đề, vấn đề nào cũng được đề cập ngắn gọn phù hợp với phương pháp mà *đôn* sử dụng để làm quen với nhân viên. Bản tường trình thật là giản dị và đầy đủ và giải pháp đã có hiệu qủa mong muốn. Nhưng ông chú Lêông XII không quan tâm lắm đến bản tường trình, mà ngược lại quan tâm đến cô gái. Điều mà ông quan tâm đến cô là những môn học duy nhất sau khi tốt nghiệp bậc tiểu học cô được học ở trường Sombrêria. Ngoài ra cô đang học

tiếng Anh theo phương pháp cấp tốc tại gia mà không cần có thày dạy và từ ba tháng nay về ban đêm cô đang học đánh máy chữ, đó là một nghề mới mẻ đầy triển vọng như trước đây người ta từng nói đến nghề điện báo viên và từng được nói đến trước khi có máy hơi nước.

Khi kết thúc cuộc nói chuyện, ông chú Lêông XII bắt đầu gọi cô chỉ bằng tên Lêôna, một tên trùng của mình, một cách rất thân mật và từ đó trở đi *đôn* chuyên gọi cô theo cách ấy. *Đôn* đã quyết định kí văn bản để giải quyết, đúng như ý kiến của Lêôna Catxiani và *đôn* đặt ra một chức vụ không có tên gọi, cũng không có những công việc đặc biệt và giao cho cô chức vụ ấy. Trên thực tế cô là thư kí riêng của *đôn*. Buổi chiều ấy, sau khi chôn vùi một cách lặng lẽ bộ phận tổng hợp, ông chú Lêông XII hỏi Phlôrêntinô Arixa rằng anh đã lôi được Lêôna Catxiani từ xó xỉnh nào về và anh đã trả lời chú mình rất thật thà.

- Vậy cháu hãy trở lại xe khách và hãy mang về đây cho chú tất cả các cô gái như cô này mà cháu gặp được, - *đôn* nói với anh. - Với hai hoặc ba cô như cô Lêôna, chúng ta sẽ vớt được chiếc tàu chở của bị chìm của cháu đấy.

Phlôrêntinô Arixa hiểu điều đó là một trò đùa tếu đặc trưng cho tính cách của ông chú Lêông XII, nhưng ngày hôm sau anh không thấy chiếc xe mà

trước đây sáu tháng hãng giành cho anh đi và anh hiểu rằng người ta lấy lại xe để anh đi xe khách công cộng mà tìm kiếm các nhân tài còn mai danh ẩn tích. Về phần mình, Lêôna Catxiani liền được hãng chấm dứt mọi nghi ngờ trước đây và được tin cẩn hoàn toàn. Trong ba năm tiếp theo cô đảm nhiệm công việc theo dõi chung và bốn năm sau đó cô bước tới ngưỡng cửa của văn phòng tổng thư kí nhưng cô từ chối ngay chức vụ này bởi vì hiện nay cô chỉ thấp hơn Phlôrêntinô Arixa có một bậc mà thôi. Cho đến thời điểm này cô đang làm việc dưới quyền của anh và cô chỉ muốn được như vậy thôi mặc dù trên thực tế sự việc diễn ra ngược lại hoàn toàn: chính Phlôrêntinô Arixa cũng không biết rằng anh mới là người đang làm việc dưới sự điều khiển của cô. Quả thật là như vậy: anh chỉ làm mỗi việc thực hành những điều cô nghĩ ra và đề xuất trong Ban lãnh đạo chung để giúp anh leo lên cấp bậc ngày càng cao nhằm chống lại những kẻ thù giấu mặt của anh.

Lêôna Catxiani có một biệt tài ranh ma trong việc điều hành các chuyện kín và bao giờ cô cũng biết cần phải dừng đúng lúc. Cô là người có năng lực, tính tình thầm lặng và một trí thông minh ngọt ngào. Nhưng khi cần thiết, nhất là khi tâm hồn đau khổ, thì cô rũ bỏ hết mọi ràng buộc để trở thành một người có cá tính thô bạo. Nhưng chưa bao giờ cô nổi

giận vì mình và cho mình. Mục đích duy nhất của đời cô là bằng bất cứ giá nào cũng phải quét cho sạch những cản trở trên cái thang danh vọng, kể cả máu nếu không có biện pháp nào khác tốt hơn, để cho Phlôrêntinô Arixa bước lên địa vị từng dự định mà anh không hề tính toán kĩ đến sức mạnh của chính mình. Dĩ nhiên Lêôna Catxiani đã làm điều đó bằng tất cả mọi hình thức với một khát vọng quyền lực không gì có thể đè bẹp nổi của cô nhưng thực ra cô làm với một ý thức rõ ràng rằng mình làm cho anh mà thôi. Quyết tâm của cô là thế, đến mức chính anh chàng Phlôrêntinô Arixa cũng bị mất phương hướng hành động và trong một thời điểm bất hạnh anh định cản bước cô gái mà cứ nghĩ rằng cô gái đang cản bước mình. Lêôna Catxiani đã đặt anh vào đúng vị trí của mình.

- Xin anh đừng tưởng nhầm, - cô nói với anh. - Em sẽ từ bỏ mọi thứ này nếu anh muốn, nhưng xin anh hãy nghĩ cho kỹ đã.

Phlôrêntinô Arixa - quả thật vẫn chưa hề nghĩ tới - lúc này đã phải suy nghĩ cho thật chín chắn những khả năng của mình cho phép và đã trao cho cô vũ khí của anh. Sự thật là trong hoàn cảnh những cuộc tranh giành nội bộ diễn ra một cách thầm lặng trong hãng kinh doanh thường xuyên có khủng hoảng, trong hoàn cảnh những thất bại nặng nề diễn ra trong việc săn lùng tình yêu không mệt mỏi của anh

và trong hoàn cảnh hình ảnh của Phecmina Đaxa ngày càng mờ nhạt đi, chính anh chàng Phlôrêntinô Arixa lại không có lấy một phút giây bình yên trong tâm hồn mình trước hình ảnh rực rỡ của người phụ nữ da đen dữ dằn đội lốt con vật thân hình bê bết bùn cứt và tình yêu. Đến mức nhiều lần trong thâm tâm, anh từng đau khổ lấy làm tiếc rằng cô gái lại không phải là cái điều trên thực tế anh đã nghĩ ở buổi chiều làm quen với cô để với nguyên tắc ứng xử của mình xóa sạch vết tích và có thể ngủ với cô cho dù có phải trả giá bằng những hạt vàng cốm cũng vui lòng, bởi Lêôna Catxiani vẫn cứ là cô gái anh gặp trên xe khách buổi chiều ấy, cô vẫn mặc những bộ váy áo kêu sột soạt, vẫn đội những chiếc khăn đầy sắc màu, vẫn đeo những vòng tay làm bằng xương, những vòng cổ và nhẫn đeo tay làm bằng đá giả ngọc, vẫn là một cô gái dạn dĩ ở ngoài đường. Sự thay đổi rất ít ỏi mà năm tháng qua đi để lại dấu ấn trên diện mạo của cô đó là hậu quả những công việc cô làm vì lợi ích của anh. Cô đi trong lứa tuổi chín chắn nhất, rực rỡ nhất. Những niềm vui hân hoan của đàn bà trong cô càng sôi động hơn và cơ thể người Phi hăng say của cô ngày càng săn chắc hơn. Phlôrêntinô Arixa không tự quay trở lại thời kì mười năm trước đây để bằng cách ấy chuộc lại khuyết điểm ban đầu của mình. Cô gái làm tất cả để giúp anh trên mọi phương diện nhưng đã không

hề giúp anh trong phương diện tình yêu này.

Có một đêm ở lại làm việc cho đến khuya, như lâu nay vẫn như thế kể từ sau khi bà Tranxitô Arixa qua đời, Phlôrêntinô Arixa lúc ra về nhìn thấy trong phòng làm việc của Lêôna Catxiani đèn vẫn thắp sáng. Anh mở cửa mà không hề gõ cửa để xin phép và anh thấy cô gái vẫn còn ở trong phòng: một mình ngồi trên bàn viết, vẻ nghiêm nghị, trầm tư, mắt đeo cặp kính mới cho cô diện mạo của một viện sĩ Hàn lâm. Với một cú giật mình đầy thú vị, Phlôrêntinô Arixa nhận ra rằng chỉ có hai người, anh và cô gái ở trong nhà, còn ở bên ngoài: bến cảng vắng bóng người, thành phố im lìm như đang ngủ, đêm vĩnh hằng trùm lên mặt biển sợ sệt, tiếng còi buồn rú lên ở ngoài khơi của một chiếc tầu cập bến chậm hơn một giờ. Anh đứng hai tay chống háng, như điệu bộ anh từng làm trước đây trên con đường hẹp Canđilênô để chặn bước cô gái. Bây giờ Phlôrêntinô Arixa làm lại điệu bộ ấy chỉ là để cô gái không nhận ra đầu gối anh không được săn chắc như xưa nữa.

- Lêôna của lòng anh, em hãy nói đi, nói cho anh biết, - anh nói. - Đến bao giờ chúng ta thoát ra khỏi tình trạng hiện nay !

Cô gái bình tĩnh gỡ cặp kính cận ra, vẫn tự chủ tuyệt đối và với nụ cười rạng rỡ chiếu sáng tâm hồn anh. Chưa bao giờ cô xưng hô sàm sỡ với anh.

- Ôi, Phlôrêntinô Arixa thân mến, - cô nói, - đã

mười năm nay em ngồi ở đây để đợi anh hỏi điều đó đấy.

Đã chậm mất rồi, thời cơ đã đi qua rồi cùng với cô gái ngồi trên xe khách do lừa kéo. Thời cơ ấy luôn luôn ở bên cạnh cô gái trên chính chiếc ghế cô ngồi, nhưng bây giờ nó đã vĩnh viễn qua đi. Sự thật là sau biết bao trò ranh ma kín đáo cô từng làm vì anh, sau bao việc nhơ nhuốc cô từng chịu đựng thay cho anh, bây giờ cô đi xa hơn anh rất nhiều trong cuộc đời và hiện đang ở một thời điểm còn xa hơn rất nhiều so với cuộc đời của anh. Cô yêu anh qúa tha thiết đến mức đáng lẽ để đánh lừa anh cô lại muốn tiếp tục làm ra vẻ yêu anh nhiều hơn dù có phải làm cho anh biết qua một hình thức bất ngờ nhất, đau khổ nhất.

- Đừng ! - Cô bảo anh - Em có cảm tưởng em nằm bên anh như đang nằm cạnh đứa con trai mà chẳng bao giờ em có được.

Phlôrêntinô Arixa cảm thấy ớn xương sống trước câu trả lời ấy. Anh nhận ra rằng câu nói cuối cùng kia chưa chắc đã là của cô gái. Anh nghĩ rằng khi một người đàn bà nói rằng không thì họ đang đợi anh phải van nài trước khi họ có quyết định cuối cùng; nhưng với cô thì lại khác: *Không thể chơi trò mạo hiểm để nhầm lẫn đến lần thứ hai*. Anh rút lui một cách vui vẻ, thậm chí còn cảm thấy thú vị, vì đối với cô chuyện này thật chẳng dễ dàng. Từ đêm ấy trở đi, bất cứ lúc nào bọn họ có dịp đứng trong

bóng tối, dục vọng xác thịt trong con người Phlôrêntinô Arixa cũng tan biến đi mà anh không hề cảm thấy cay đắng và anh hiểu rằng người ta có thể là bạn của một người đàn bà mà không cần phải ăn nằm với họ.

Lêôna Catxiani là người duy nhất mà Phlôrêntinô Arixa có thể nói cho biết chuyện thầm kín giữa anh với Phecmina Đaxa. Số rất ít những người biết chuyện này đã bắt đầu quên rồi, họ quên vì những lí do có sức mạnh lớn nhất. Không còn nghi ngờ gì nữa ba người trong số ít ỏi ấy đã mang điều bí mật kia xuống mồ rồi: bà mẹ anh là một người từ lúc trước khi chết đã xoá câu chuyện này khỏi trí nhớ của mình, Gala Plaxidia là hai, vốn là người phục vụ Phecmina Đaxa như hầu hạ con gái mình, bà Escôlaxtica Đaxa không thể quên được là ba, người đã mang đến cho anh bức thư tình đựng trong ví da mà anh nhận được lần đầu tiên trong đời và là người đã không thể tiếp tục sống thêm rất nhiều năm sau. Lôrenxô Đaxa, người mà lúc này anh không biết đích xác còn sống hay đã chết, có thể lộ chuyện này ra với mẹ bề trên Phrăngca đê la Lut với hi vọng bà ta sẽ không đuổi học con gái mình, nhưng có rất ít khả năng ông ta đi tuyên truyền nó. Chỉ còn lại mười một nhân viên điện báo ở cái tỉnh xa xôi của Hinđêbranđa Sanchêt, những người nhận những bức điện có ghi rõ họ tên và địa chỉ chính xác của anh và

sau hết là Hinđêbranđa Sanchêt và bày chị họ ương bướng của cô ta.

Phlôrêntinô Arixa quên mất rằng bác sĩ Huvênan Ucbinô có thể cùng ở trong số những người biết chuyện thầm kín giữa anh và Phecmina Đaxa. Hinđêbranđa Sanchêt đã làm cho bác sĩ biết chuyện thầm kín của hai người trong chuyến đến thăm thành phố lần đầu tiên. Nhưng cô đã để lộ chuyện dưới hình thức hết sức ngẫu nhiên và trong thời điểm bất ngờ nhất đến mức bác sĩ Huvênan Ucbinô có thể nghe tai này liền để lọt ra tai kia, như cô ta nghĩ, mà đúng hơn bác sĩ chẳng thèm để ý. Đúng vậy, Hinđêbranđa Sanchêt từng nhắc đến Phlôrêntinô Arixa như là một trong những nhà thơ đang mai danh ẩn tích mà theo cô họ đủ khả năng giật giải trong các Dạ hội thơ ca. Bác sĩ Huvênan Ucbinô vắt vả lắm vẫn không nhớ ra Phlôrêntinô Arixa là ai và cô nói với bác sĩ với thái độ chẳng vô tình chút nào nhưng cũng không có manh tâm rằng đó là người yêu duy nhất của Phecmina Đaxa trước khi cô lấy chồng. Cộ nói với bác sĩ rằng đó là một tình yêu hết sức ngây thơ và nhất thời đến mức chỉ là một kí ức để làm mủi lòng người mà thôi. Bác sĩ Huvênan Ucbinô cãi lại mà chẳng hề nhìn cô: "Tôi không hề biết cái anh chàng ấy lại là nhà thơ kia đấy". Nói xong ngài quên luôn cũng như ngài từng quên biết bao chuyện khác bởi vì nghề nghiệp của ngài buộc ngài phải nhanh chóng quên

những gì cần phải quên.

Phlôrêntinô Arixa nhận thấy rằng những người biết chuyện thầm kín giữa mình và Phecmina Đaxa, trừ mẹ anh ra đều thuộc về phía Phecmina Đaxa. Về phía anh chỉ có mỗi một mình anh, một mình anh với sự bức bối cần phải được chia xẻ với một người nào đó nhưng cho đến lúc này chưa một ai đáng mặt để anh tin cẩn. Lêôna Catxiani là người duy nhất có thể tin tưởng được và anh chỉ chờ dịp và đang tìm cách thức hợp lí nhất để mà thổ lộ chuyện riêng tư với cô. Anh đang suy nghĩ để tìm dịp thì có một buổi chiều mùa hè oi nóng bác sĩ Huvênan Ucbinô trèo lên cầu thang dốc của Hãng Tàu thủy Caribê, cứ mỗi bậc ngài lại dừng một lát cố chịu cái nóng như thiêu đốt lúc ba giờ chiều, rồi ngài thở dốc xuất hiện ở phòng làm việc của Phlôrêntinô Arixa, người ướt đẫm mồ hôi tới tận ống quần, và nói như đứt hơi: "Tôi nghĩ rằng có lẽ trời sắp nổi bão mất". Rất nhiều lần Phlôrêntinô Arixa nhìn thấy ngài có mặt ở đây tìm ông chú Lêông XII. Nhưng chưa bao giờ anh thấy mình có cảm giác đến lạ rằng việc có mặt của bác sĩ lần này dứt khoát có liên quan tới một chuyện gì đó của cuộc đời anh.

Đó cũng là thời kì bác sĩ Huvênan Ucbinô đã vượt qua được những chặng đường hiểm hóc trong nghề nghiệp để khẳng định vị trí của mình và hiện đang như một gã ăn mày tay cầm mũ đi gõ hết cửa này đến cửa khác để quyên góp sự ủng hộ cho các viện nghệ thuật

của mình. Một trong số những người hào hiệp đóng góp của cha ngài bao giờ cũng là ông chú Lêông XII, người vào đúng lúc này vừa mới chợp mắt để ngủ trưa trong vòng mười phút đồng hồ ngay trên chiếc ghế lò xo đặt cạnh bàn viết. Phlôrêntinô Arixa đề nghị bác sĩ Huvênan Ucbinô hãy làm ơn đợi một lát ngay tại phòng làm việc của anh, một phòng ăn thông với phòng làm việc của ông chú Lêông XII và về một khía cạnh nào đó nó còn là phòng chờ của khách trước khi vào tiếp kiến vị chủ hãng tàu thủy.

Họ đã từng gặp nhau trong nhiều dịp, nhưng chưa bao giờ họ lại giáp mặt nhau như vậy, có thể nói là mặt đối mặt và Phlôrêntinô Arixa có cảm giác thầm lặng rằng mình như đang muốn buồn nôn. Cuộc gặp gỡ kéo dài mười phút nhưng đó là mười phút dài đằng đẵng tưởng như không bao giờ kết thúc trong đó Phlôrêntinô Arixa đã ba lần hi vọng ông chú mình thức dậy sớm hơn thường lệ và cũng đã nhiều lần anh nhấc chiếc phích đựng cà phê đen lên. Bác sĩ Huvênan Ucbinô không nhận uống một tách nào. Ngài bảo: "Cà phê là của độc hại". Rồi ngài vẫn tiếp tục nói về một đề tài mà không nghĩ rằng người nghe có nghe không. Phlôrêntinô Arixa không tài nào chịu nổi cái phong cách khác người rất tự nhiên của ngài, cách nói lưu loát và dùng chữ chọn lựa của ngài, cái cách tu từ của ngài rất khéo léo đến mức những từ nhạt nhẽo nhất qua miệng ngài cũng có ý nghĩa bản chất, dường như

chỉ vì chúng được ngài nói ra. Bỗng nhiên, bác sĩ thay đổi để lái câu chuyện một cách thật bất ngờ:

- Ông có thích âm nhạc không ?

Phlôrêntinô Arixa bị hỏi bất ngờ. Thực tình anh đã tham dự biết bao buổi hoà nhạc và các lần trình diễn nhạc kịch từng được tổ chức ở thành phố này, nhưng anh cảm thấy mình không đủ khả năng tiếp tục một cuộc nói chuyện về âm nhạc có tính chất phê bình hoặc trao đổi nhận xét của cá nhân. Anh thích và tiếp thu âm nhạc hiện đại rất nhạy bén, nhất là nhạc van trữ tình, vốn có một nét tương đồng nào đấy với những bản nhạc do chính anh sáng tác từ hồi còn trẻ hoặc với những vần thơ cho riêng mình, đó là điều không thể nào từ chối được. Anh chỉ cần nghe qua một lần thôi và ngay sau đó không một sức mạnh nào của Thượng đế có thể dập tắt dòng âm nhạc ấy cứ vang lên trong tâm tưởng anh nhiều đêm trường. Nhưng đó không phải là một câu trả lời nghiêm chỉnh cho một câu hỏi nghiêm chỉnh của một nhà chuyên môn.

- Tôi thích Gacđen, - anh trả lời.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô hiểu anh. "À, tôi đã nghe rồi - ngài nói - Đúng là nhạc mốt đấy". Và thế là ngài từ bỏ việc kể lại một cách chi tiết những kế hoạch mới của mình mà như lâu nay ngài sẽ thực hiện bằng được không cần tới sự bảo trợ chính thức của chính quyền. Ngài nói để anh nhận ra tính chất kém cỏi đến mủi lòng của những vở kịch cho đến giờ có thể vẫn được

duy trì và ngài nói về những vở diễn tuyệt vời của thế kỉ trước. Quả có như vậy: một năm nay ngài bán cổ phiếu để vời gánh hát bộ ba Corto-Casan-Tibô đến Nhà hát kịch và không một vị nào trong chính quyền thành phố biết họ là ai trong khi chính tháng ấy chỗ ngồi đã được bán hết nhẵn cho khán giả đi xem gánh hát kịch trinh thám của Ramôn, xem đoàn hài kịch của *đôn* Manôlô đê la Prexa, xem nhóm Santanêrat, những nghệ sĩ thay đổi hóa trang nhanh không thể tưởng được đã thay y phục ngay trên sân khấu vào lúc ánh chớp xanh lè lóe sáng, xem nghệ sĩ Đanisơ Đantanh mà người ta quảng cáo là vũ nữ cổ của Polies Bergère, xem đến cả anh chàng Ursux đáng sợ, một người khoẻ mạnh xứ Baxcơ từng đánh nhau tay không với con bò tót hung dữ, loại bò quen chọi nhau. Tuy nhiên cũng chẳng nên tự ca thán làm gì một khi chính những người Âu đang làm gương trong việc dấn thêm một bước nữa vào các cuộc chiến dã man trong khi chúng ta bắt đầu bước vào thời kì hòa bình sau chín cuộc nội chiến liên miên trong một nửa thế kỉ mà nếu nhìn nhận cho kĩ thì chúng chỉ có thể là một mà thôi: bao giờ cũng chỉ là một cuộc chiến tranh duy nhất mà thôi. Sự kiện duy nhất trong cái bài diễn văn hào hứng kia khiến Phlôrêntinô Arixa phải để ý là khả năng làm sống lại những Dạ hội Thơ ca, một trong những chiến tích vang dội nhất và bền lâu nhất trong số những công việc bác sĩ Huvênan Ucbinô từng trù liệu trong

qúa khứ. Anh phải cắn lưỡi thật đau để khỏi buột miệng kể cho ngài biết rằng chính anh đã là một người tham gia đầy nhiệt tình của cuộc thi hàng năm từng hấp dẫn và lôi kéo những nhà thơ lừng danh nhất, không chỉ các nhà thơ trong nước mà còn có cả những nhà thơ thuộc khu vực Caribê.

Hầu như câu chuyện vừa mới bắt đầu thì hơi nóng trong không khí bỗng trở lạnh ngay tức khắc, một cơn gió lốc xô ập các cánh cửa và cửa sổ khiến chúng đập thình thình và phòng làm việc rung chuyển chao đảo đến tận nền móng tựa như cây đèn nến đang lung lay. Bác sĩ Huvênan Ucbinô dường như không nhận ra cơn gió ập đến bất thình lình. Ngài nói để phân biệt nó với những cơn bão hồi tháng bảy, rồi bỗng nhiên ngài nói về bà vợ mình. Ngài không chỉ ca ngợi Phecmina Đaxa như một người cộng sự nhiệt tình mà còn là linh hồn của các công việc của mình. Ngài bảo: "Nếu không có bà nhà tôi thì tôi sẽ chẳng phải là ai trong cõi đời này". Phlôrêntinô Arixa nghe ngài nói trong lúc cố giữ vẻ bình thản, và thỉnh thoảng anh gật gật đầu tỏ ý tán thưởng, không dám ho he nói lấy một lời vì anh sợ giọng nói của mình sẽ phản lại mình. Tuy nhiên, chỉ thêm hai hoặc ba câu nói nữa cũng đủ để cho anh hiểu rằng trong hoàn cảnh bận nhiều việc bác sĩ Huvênan Ucbinô vẫn còn đủ thời gian để chăm sóc đến người vợ rất chu đáo như chính sự chu đáo của anh, và sự thật này khiến tâm hồn anh nhức nhối.

Nhưng anh không thể phản ứng như ý muốn của mình, bởi vì lúc này trái tim mách bảo anh biết một trong những hành động tội lỗi của bọn gái điếm từng tác động trực tiếp đến trái tim: nó cho anh thấy rõ rằng anh và người đàn ông kia vốn lúc nào cũng có kẻ thù riêng, rằng anh và người đàn ông kia là những nạn nhân của chính một số phận và họ cùng chia sẻ cái ngẫu nhiên của một nỗi đam mê chung: hai con bò mộng cùng bị buộc dưới chính một cái ách. Lần đầu tiên trong hai mươi năm liên tục chờ đợi, Phlôrêntinô Arixa không thể chịu nổi cái đau nhoi nhói trong tim mình: người đàn ông đáng kính kia cần phải chết để anh là người được hưởng hạnh phúc.

Cơn bão đã đi xa nhưng chỉ trong vòng mười lăm phút đồng hồ nó đã làm tốc mái những ngôi nhà ở các xóm thợ quanh đầm lầy và phá sập nhà của một nửa thành phố. Lại một lần nữa bác sĩ Huvênan Ucbinô hài lòng trước tấm lòng hào hiệp của ông chú Lêông XII và ngài ra về ngay không đợi mưa tạnh hẳn và mang đi luôn cả chiếc ô của cá nhân Phlôrêntinô Arixa cho mượn để ngài ra tới chỗ xe đợi. Nhưng anh không hề quan tâm để đòi lại nó, ngược lại anh lấy làm vui lòng nghĩ rằng Phecmina Đaxa sẽ phải nghĩ ngợi khi biết ai là chủ của chiếc ô. Trong lúc lòng anh đang bàng hoàng trước cuộc nói chuyện đầy cảm kích thì Lêôna Catxiani đi qua phòng làm việc và anh cảm thấy đây là dịp duy nhất để mình thổ lộ chuyện thầm kín mà

không cần phải băn khoăn thêm nữa, và việc này giống như thể việc khạc ra được một vật nghẹn nơi cổ không để cho mình sống thêm nữa: bây giờ hay chẳng bao giờ thổ lộ chuyện riêng tư với Lêôna Catxiani. Anh bắt đầu hỏi cô nghĩ gì về con người bác sĩ Huvênan Ucbinô. Cô gái không cần phải suy nghĩ đã trả lời anh: "Đó là một người làm rất nhiều việc, có lẽ còn qúa nhiều việc, nhưng em nghĩ rằng không một ai biết bụng dạ ông ta ra làm sao". Sau đó, cô đăm chiêu suy tư mà lấy hàm răng đều đặn của người đàn bà da đen cắn nát chiếc tẩy và cuối cùng cô nhún vai để xua đi một vấn đề cô vô tình gây nên.

- Có lẽ chính vì thế mà ông ta làm biết bao nhiêu việc. - cô nói - Làm để khỏi phải nghĩ mà.

Phlôrêntinô Arixa định bụng lưu ý cô:

- Điều khiến anh đau lòng là ông ta cần phải chết, - anh nói.

- Trên thế gian này ai mà chẳng phải chết, - cô nói.

- Đành vậy, - anh nói. - Nhưng lão này cần phải chết trước tất cả mọi người.

Cô gái chẳng hiểu gì cả: cô lại nhún vai chẳng nói chẳng rằng rồi bỏ đi. Thế là lúc này Phlôrêntinô Arixa biết chắc rằng trong một đêm tương lai nào đó trên chiếc giường hạnh phúc cùng Phecmina Đaxa, anh sẽ kể cho người yêu biết rằng anh không hề thổ lộ chuyện kín giữa hai người cho bất kì ai ngay cả người duy nhất giành được quyền được biết chuyện này.

Không, không bao giờ anh kể chuyện riêng tư này cho bất kì ai, kể cả Lêôna Catxiani, không chỉ vì anh không muốn mở cho cô ta xem chiếc hòm trong đó đựng vật báu này từng được gìn giữ cẩn thận suốt nửa cuộc đời mà còn vì chỉ đến lúc này anh mới hiểu rằng mình đã để mất chìa khoá của nó rồi.

Tuy nhiên, điều khiến lòng anh cảm động hơn cả trong buổi chiều hôm ấy không phải chuyện vừa rồi. Vẫn còn lại trong anh nỗi hoài nhớ những năm tháng tuổi trẻ, cái kí ức sống động về các cuộc Dạ hội Thơ ca, mà tiếng vang của nó cứ ầm vang cả khung cảnh vùng Antidat vào ngày mười lăm tháng tư hàng năm. Bao giờ anh cũng là một trong những người tham gia cuộc thi nhưng bao giờ cũng vậy, anh là một người dự giải bí mật. Hai mươi tư năm trước đây, ngay từ khi người ta mở cuộc thi đầu tiên, anh đã vài lần dự thi nhưng cũng chẳng bao giờ anh được giải, ngay cả giải khuyến khích cũng không được. Nhưng anh không coi trọng điều đó bởi anh làm thơ, thi thơ không vì ham muốn giành được giải mà trái lại vì đối với anh cuộc thi thơ này có một sức hấp dẫn mê hồn: Phecmina Đaxa là người được giao cho việc bóc những phong bì niêm phong cẩn thận và đọc tên những người trúng giải trong buổi lễ công bố giải thưởng, rồi kể từ đó trở đi anh quyết định làm thơ để dự giải trong các năm sau đó.

Lẩn mình trong bóng tối kề hàng ghế đầu tiên, với

một bông hoa trà tươi rói bị sức rung động của con tim khao khát làm cho lay động rung rinh trên ve áo, Phlôrêntinô Arixa ngắm nhìn Phecmina Đaxa mở ba bì thư được niêm phong cẩn thận ngay trên sân khấu Nhà hát quốc gia vào đêm đầu tiên của cuộc thi thơ. Anh tự hỏi trong trái tim cô sẽ xảy ra điều gì khi cô phát hiện ra anh là người giành được giải Bông Lan vàng. Anh tin chắc rằng cô nhận ra ngay chữ viết, rồi ngay lập tức cô nhớ lại những buổi chiều ngồi thêu dưới bóng những cây hạnh đào ở ngoài vườn, nhớ mùi hoa dành dành ướp thơm những phong thư, nhớ khúc nhạc van *Nữ thiên thần được tấn phong* lẫn trong gió những đêm khuya thanh vắng. Nhưng điều đó đã không xảy ra: Bông Lan vàng giải thưởng vinh quang nhất của nền thơ ca quốc gia, lại được trao cho một người Hoa ngụ cư. Thái độ phản đối ầm ĩ chung mà sự quyết định trao giải kia gây nên đã khiến mọi người nghi ngờ tính chất nghiêm túc của cuộc thi thơ. Nhưng sự quyết định trao giải nhất cho một người Hoa ngụ cư là hoàn toàn đúng đắn và sự thống nhất tuyệt đối của ban giám khảo đã có được sự bình giá xác đáng đối với nghệ thuật làm thơ xônê rất tuyệt vời của nhà thơ này.

Không một ai nghĩ rằng người trúng giải lại là một người Hoa. Anh ta đến đây vào thời gian cuối thế kỉ trước nhằm chạy trốn dịch sốt rét vàng da từng tàn phá đất nước Panama đang trong lúc xây dựng con đường

sắt nối liền hai bờ đại dương. Anh ta đến đây cùng với những người Hoa khác và họ đã ở lại đây cho đến khi chết, họ sống trong phong tục tập quán của người Trung Hoa, sinh con đẻ cái và đông đúc lên, họ giống nhau như đúc đến mức không một ai trong chúng ta có thể phân biệt người này với người khác trong bọn họ. Thoạt đầu, người ta cứ tưởng nhầm họ chưa quá mười tuổi đầu, thế mà trong số họ lại có những người đã có vợ có con và cả chó giữ nhà. Nhưng chỉ trong ít năm, người Hoa tràn ngập cả bốn phố ngoại vi thành phố cùng với những người Hoa mới đã lẻn vào đất nước này không để lại dấu tích lai lịch ở sở hải quan. Một trong số những người Hoa trẻ trung kia bỗng chốc trở thành các vị trưởng lão già nua với những nếp nhăn đầy mặt đến mức không ai có thể giải thích nổi làm sao họ già đi nhanh thế. Nhân dân, với cảm nhận của mình, đã phân họ thành hai loại người: Những người Hoa xấu và những người Hoa tốt. Những người xấu là như những chú Ba Tầu mở các cửa hàng buôn tẻ ở ngoài bến cảng, là nơi họ ăn như một vị hoàng đế và chết bất đắc kì tử ngay bên bàn, bên cạnh một đĩa ếch rán tẩm bột hướng dương mà về những cửa hàng này người ta vẫn nghĩ rằng chúng chỉ là những bức màn che cho các vụ buôn bán thịt sống và đủ loại buôn gian bán lậu khác. Những người tốt là những người Hoa làm việc ở các cửa hiệu giặt là, những người kế tục được cả một khoa học được sùng phục, những

người trả lại cho khách hàng những chiếc áo sạch bong như mới, cổ và tay áo phẳng lì như bánh thánh vừa được cán xong. Người đánh bại bảy mươi hai địch thủ từng được rèn luyện tốt nhất trong cuộc thi thơ là một trong những chú khách tốt bụng ấy.

Khi Phecmina Đaxa đọc không một ai hiểu nổi tên của người được giải. Người ta không hiểu không chỉ vì đó là một cái tên lạ lẫm mà còn vì bằng bất kì hình thức nào không một ai biết rõ những người Hoa được gọi tên như thế nào. Nhưng người ta chẳng phải suy nghĩ nhiều bởi vì anh người Hoa được giải từ dưới đã bước lên sân khấu miệng nở một nụ cười tươi tắn mà những người Hoa thường có mỗi khi về đến nhà sớm hơn thường lệ. Anh ta đến đây với niềm tin chắc thắng đến mức đã mặc sẵn cả chiếc áo lụa vàng thường dùng trong những lễ hội mùa xuân để nhận những giải thưởng. Anh ta nhận Bông Lan vàng mười tám cara và thích thú hôn lên nó trong khung cảnh ồn vang tiếng reo cười mỉa mai của những kẻ không tin. Anh ta vẫn điềm tĩnh, đứng đợi ngay ở giữa sân khấu. Anh ta cứ đứng im vẻ rất bình tĩnh như một vị thánh tông đồ của một Đấng Toàn năng khác kém phần bi thương hơn Đấng toàn năng của chúng ta và khi công chúng vừa trở lại im lặng anh ta đọc bài thơ được giải của mình. Không ai hiểu bài thơ. Nhưng khi tiếng hò reo vừa chấm dứt, Phecmina Đaxa thong thả đọc lại bài thơ đó với giọng trong trẻo của cô và công chúng liền chú ý

nghe và thấy đều ngạc nhiên ngay từ dòng thơ đầu tiên. Đó là một bài xônê thuộc trường phái Thi Sơn thuần khiết, đúng vận luật mang một ý tưởng hài hước kín đáo mà chỉ có bàn tay bậc thầy mới xen nổi vào trong bài thơ. Sự giải thích duy nhất có thể có là cái ý tưởng hài hước nhằm chế nhạo các cuộc Dạ hội Thơ ca kia đã được một nhà thơ thuộc loại bậc thầy cấu tứ và anh chàng người Hoa này đã vay mượn nó với một cam kết giữ kín điều bí mật cho đến khi xuống mồ. Nhật báo Thương mại, tờ báo truyền thống của chúng ta, định dựng dậy vinh dự dân tộc với một bài nghiên cứu bác học và hơi có vẻ mông lung khó hiểu về tính chất cổ kính và sự ảnh hưởng văn hoá của người Hoa ở vùng Caribê và quyền chính đáng của họ được tham gia các Dạ hội Thơ ca. Người viết bài nghiên cứu này không hề nghi ngờ rằng tác giả của bài xônê được giải kia chính là người đã cấu tứ nên bài thơ và ông ta đã nói rõ điều đó ngay trên nhan đề của bài viết: *Tất cả mọi người Hoa đều là nhà thơ.* Những người khởi xướng ra cái ý thơ hài hước kia, nếu quả thật là như vậy, đã mục ruỗng trong mồ cùng với điều bí mật được giữ kín. Về phía mình, anh chàng người Hoa được giải nhất cuộc thi thơ đã chết vào đúng cái tuổi của người phương Đông mà không được xưng tội, và được chôn cùng với Bông Lan vàng trong chiếc quan tài, nhưng vẫn mang nỗi đắng cay không giành được cái điều hằng mong ước trong đời, đó là

danh tiếng một nhà thơ. Nhân cái chết của anh ta, trên báo chí người ta nhắc lại cái vụ rắc rối từng được lãng quên trong các Dạ hội Thơ ca, người ta đăng lại bài thơ xônê với những họa tiết các cô trinh nữ phô trương những chiếc sừng dê vàng và nhân dịp này các vị thần thơ ca liền xếp đặt lại các sự vật: đối với thế hệ mới bài xônê rất tồi tệ đến mức không một ai không nghi ngờ rằng trên thực tế bài thơ đã được một anh người Hoa chết làm ra.

Phlôrêntinô Arixa luôn luôn nhớ vụ rắc rối ấy bên cạnh kỉ niệm về một người đàn bà đẫy đà không quen biết ngồi bên cạnh mình. Thoạt đầu buổi lễ công bố giải thưởng, anh đã phải để ý đến bà vì cái nước da trắng ngà của bà ta, vì mùi thơm toát ra từ cái khổ người to béo hạnh phúc của bà ta, vì bộ ngực đồ sộ mà trên ve áo có gài một bông hoa ngọc lan giả của bà ta. Mái tóc bà ta đen nhánh ôm lấy vai được giữ chặt bởi chiếc lược của người digan. Bà ta đeo vòng tay, một vòng cổ và vài chiếc nhẫn cùng một loại, tất cả đều bóng lộn. Bà ta còn kẻ một nốt ruồi ở má phải. Trong tiếng hoan hô lần cuối, với vẻ mặt ái ngại chân thành bà nhìn Phlôrêntinô Arixa.

- Hãy tin rằng tự đáy lòng em rất buồn cho anh, - bà nói với anh.

Phlôrêntinô Arixa cảm động thực sự không chỉ vì lòng thông cảm xứng đáng đối với anh mà còn vì anh ngạc nhiên rằng ai đó cũng đã biết chuyện riêng tư

của mình. Bà ta nói rõ: "Em biết được điều đó vì em thấy bông hoa trà cứ rung rinh lay động trên ve áo anh trong lúc cô ta xé bì thư". Bà chìa cho anh xem bông hoa ngọc lan làm bằng nỉ đang ở trong tay mình và bà ta tự mở lòng mình đối với anh:

- Vì thế, em cởi bông hoa của em, - bà ta nói.

Bà ta suýt khóc vì thất bại nhưng Phlôrêntinô Arixa, bằng sự nhậy cảm của kẻ săn đêm, liền cổ vũ bà:

- Chúng ta hãy đi tới một nơi nào đấy để cùng khóc với nhau.

Anh cùng đi với bà về nhà. Bây giờ họ đã đứng trước cửa nhà. Lúc này đã nửa đêm rồi, ngoài đường không một bóng người qua lại. Anh liền thuyết phục bà rằng hãy mời anh uống một cốc rượu *brandy* trong lúc cùng nhau lần giở cuốn anbom để xem những bức ảnh ghi lại những sự kiện xã hội trong mười năm mà bà ta nói rằng bà ta vẫn giữ được. Mánh khoé đó đã lỗi thời nhưng lần ấy bất thình lình anh sử dụng, bởi vì bà ta là người đã nói về những tập anbom ảnh trong lúc họ đi bộ từ Nhà hát Quốc gia về nhà. Họ cùng nhau bước vào nhà. Điều đầu tiên Phlôrêntinô Arixa nhìn thấy ngay từ ngoài phòng khách là cánh cửa phòng ngủ duy nhất đang mở cho thấy một chiếc giường có dát những cành lá bằng đồng, một chiếc khăn thêu kim tuyến. Chính hình ảnh phòng ngủ ấy khiến anh lúng túng. Có lẽ bà ta cũng nhận ra tâm trạng anh bởi vì bà ta đi vội đến đóng cửa phòng ngủ lại. Sau đó bà

mời anh ngồi xuống ghế xôpha có con mèo đang ngủ, rồi bà đặt bộ sưu tập anbom của mình xuống bàn. Phlôrêntinô Arixa thong thả lần giở các trang anbom mà nghĩ nhiều hơn đến những bước sắp tới của câu chuyện giữa hai người rồi bỗng nhiên anh ngước mắt lên và nhìn thấy mắt bà ta ngấn lệ. Anh khuyên bà hãy khóc cho thỏa, không ngần ngại gì cả, bởi vì tiếng khóc có tác dụng làm dịu nhẹ tâm hồn ta. Nhưng bà ta lại yêu cầu anh cởi bộ cúc chiếc nịt vú để mình khóc được dễ dàng hơn. Anh vội vàng giúp đỡ bà, bởi vì chiếc nịt vú được đóng rất chắc chắn nhờ có hàng cúc ở phía sau lưng. Nhưng anh cũng chẳng phải cởi cúc, bởi vì chiếc nịt vú vừa mở ra nhờ sức đẩy của chính bà và thế là toàn bộ bộ ngực đồ sồ của bà ta lộ ra thở căng lên.

Phlôrêntinô Arixa, vốn không bao giờ để mất cú thảng thốt ban đầu ngay cả trong những trường hợp dễ dãi nhất, đã thong thả cho tâm hồn mình thám hiểm trên làn da bà ta bằng cách lấy ngón tay mơn trớn trên cổ bà, và bà ta rên rỉ trong tiếng rên của bé thơ đang khóc. Thế là anh hôn lên cổ bà, hôn nhẹ nhàng thôi, như đã lấy tay mơn trớn lên chỗ đó và anh không thể hôn lần thứ hai được vì bà ta lập tức quay ngoắt người lại, đối diện với anh là một thân xác nần nẫn đẫy đà, nóng hôi hổi của bà ta. Hai người ôm lấy nhau lăn lộn vài vòng trên sàn nhà. Con mèo đang ngủ trên sôpha thức dậy, kêu ư ử rồi nhẩy chồm qua thân xác hai

người. Bọn họ dò tìm lẫn nhau và đã gặp được nhau bất kể hình thức nào, đang ôm nhau lăn lộn trên đống anbom rách gáy, trên đống quần áo, người đầm đìa mồ hôi, và họ cũng chẳng thèm tránh những cú cào đầy giận dữ của con mèo vốn bị họ vô ý chọc tức. Từ đêm sau trở đi, bất chấp những vết xứt còn rỉ máu do mèo cào trên người, họ tiếp tục làm tình với nhau, cứ như vậy trong vài năm liền.

Khi anh nhận ra rằng mình bắt đầu yêu bà thì bà đã ở thời kì hồi xuân của tuổi tứ tuần, còn anh gần tròn ba mươi tuổi. Bà ta tên là Xara Nôriêga, người từng có mười lăm phút được chúc mừng vì đã giật giải nhất với cuốn thơ nói về tình yêu của những người nghèo nhưng nó chẳng bao giờ được xuất bản. Bà là giáo viên dạy môn *Nếp sống văn minh* và môn *Khái luận về Luật hình sự* tại các trường công và sống bằng đồng lương của mình trong một căn nhà thuê ở khu phố cổ Hêtxêmani. Bà từng có vài ba người yêu nhưng không một ai bà nghĩ rằng mình sẽ cưới làm chồng, vì thật là khó mà tìm được một người đàn ông cùng hoàn cảnh và cùng lứa tuổi với bà chịu cưới làm vợ một người phụ nữ mà anh ta đã ăn nằm trước khi cưới xin. Ngay chính bà cũng không nghĩ đến chuyện nuôi ảo tưởng ấy sau mối tình chính thức đầu tiên. Lần ấy bà yêu một thanh niên mười tám tuổi, người từng yêu bà say đắm đến mức có thể làm bất cứ điều gì nhưng chính anh ta đã chạy trốn trách nhiệm của mình một tuần

trước ngày làm lễ thành hôn đã được ấn định để bà mất mặt với thiên hạ vì tai tiếng về cô người yêu bị sỏ mũi, hay đúng hơn tai tiếng về một cô gái chưa chồng mà con ong đã tỏ đường đi lối về, như cách nói của thời ấy. Tuy nhiên, cái kinh nghiệm đầu tiên ấy, vừa phũ phàng vừa nhất thời, không hề để lại trong bà một mảy may ý nghĩ hờn tủi mà chỉ để lại một ý nghĩ sáng tỏ rằng có chồng hay không có chồng, có Thượng đế hoặc không có luật lệ, sống chỉ đáng sống khi ở trên giường lúc nào cũng có một người đàn ông. Điều mà Phlôrêntinô Arixa thích thú bà ta hơn cả là khi làm tình với nhau bà ta phải mút các đầu vú giả của trẻ con để đạt tới đỉnh cao của sự khoái cảm giữa hai người. Họ đã có cả một xâu đủ mọi cỡ to nhỏ, đủ mọi hình hài, đủ mọi màu sắc những cái vú giả mà họ thấy ở ngoài chợ và Xara Nôriêga treo ngay ở đầu giường để có thể lần tìm được trong những lúc khẩn thiết.

Mặc dù bà ta cũng như anh không bị ràng buộc gì và hơn nữa có thể bà ta không phản đối việc công khai hoá những quan hệ giữa hai người, nhưng ngay từ lúc đầu Phlôrêntinô Arixa đã ra điều kiện: hai người chỉ quan hệ với nhau thật kín đáo và coi mối quan hệ này như một cuộc mạo hiểm thầm kín. Anh khẽ khàng lách mình vào cửa sau, bao giờ cũng vào lúc đêm rất khuya và lẻn ra về trước khi trời hửng sáng một lúc. Anh cũng như bà đều biết rõ rằng trong một ngôi nhà chung đụng và đông người như nhà của bà ta, sớm

muộn gì hàng xóm cũng biết rõ chuyện của hai người mặc dù họ cố tình che giấu để đánh lừa hàng xóm. Dù chỉ là một hình thức đơn giản, Phlôrêntinô Arixa luôn luôn là như vậy, như anh vẫn thường đối xử với những cô gái khác trong suốt cuộc đời anh. Không bao giờ anh phạm một khuyết điểm không những với bà mà cả với những người đàn bà khác, cũng không bao giờ phạm tội phản bội. Nói như thế hoàn toàn không hề cường điệu một tí nào cả. Chỉ có một lần anh để lại dấu ấn của sự cam kết và suýt nữa cả hai phải trả giá bằng cả cuộc đời. Trên thực tế anh ứng xử như là người chồng vĩnh viễn của Phecmina Đaxa, một người chồng chung thuỷ nhưng kiên trì, một người chồng chiến đấu không ngừng nghỉ để giải thoát mình khỏi chính sự tự trói buộc của bản thân nhưng không làm cho Phecmina Daxa phải khó chịu vì nhận thấy anh phản bội mình.

Sự kín đáo tương tự như thế không thể tiếp tục mà không bị nhầm lẫn. Chính bà Tranxitô Arixa khi chết vẫn tin rằng đứa con được hoài thai nhờ tình yêu và được nuôi dưỡng cho tình yêu đã được miễn dịch trước mọi hình thức của tình yêu nhờ ở chính sự thất vọng đầu tiên trong tuổi thanh niên của nó. Tuy nhiên, rất nhiều người tốt gần gũi anh hơn cả, những người biết rõ cá tính bí hiểm và sở thích những bộ quần áo thần bí và các loại nước hoa lạ lẫm của anh đều cùng có chung một mối hồ nghi rằng anh chỉ được miễn

dịch trước tình yếu. Phlôrêntinô Arixa biết rõ điều đó nhưng không bao giờ chịu cải chính. Xara Nôriêga cũng chẳng thèm bận tâm đến điều đó. Cũng như vô số các cô gái khác anh yêu, và ngay cả những người đàn bà làm cho anh sung sướng và cùng sung sướng với anh, bà ta chấp nhận điều đó như là điều hiển nhiên: anh chỉ là một người đàn ông tạm bợ mà thôi. Anh đã tiến đến chỗ có mặt ở nhà bà vào bất kỳ thời gian nào, nhất là vào các buổi sáng ngày chủ nhật, vốn là những giờ thanh thản hơn cả. Bà ta liền bỏ dở công việc đang làm, dù việc gì cũng mặc lòng, rồi toàn tâm toàn sức hiến thân cho anh ngõ hầu làm cho anh hạnh phúc ngay trên chiếc giường rộng lúc nào cũng được chuẩn bị sẵn cho anh và nó cũng là chiếc giường mà chẳng bao giờ bà ta cho phép anh có những hành động mang tính chất lễ nghi. Phlôrêntinô Arixa không hiểu nổi người đàn bà chưa hề có chồng làm sao lại có thể hiểu được kĩ lưỡng người đàn ông đến như vậy và cũng không hiểu làm sao bà ta điều khiển thân thể ngọt ngào của mình rất lẹ làng và dịu hiền đến mức như một con cá heo đang bơi ở dưới nước. Bà ta tự bào chữa bằng cách nói rằng: "Trước hết, tình yêu là một tài nghệ bẩm sinh". Bà ta bảo: "Hoặc con người sinh ra đã biết rồi hoặc chẳng bao giờ biết". Phlôrêntinô Arixa đau thắt lòng nghĩ rằng bà ta phóng đãng hơn là điều bà ta giả vờ nhưng ngay lập tức anh buộc phải nuốt giận làm lành bởi vì anh cũng nói với bà ta, như

anh từng nói với tất cả các cô gái khác, rằng bà ta là nhân tình duy nhất của mình. Giữa những việc anh ít thích thú, có việc anh cần phải bằng lòng với việc để con mèo cùng nằm trên giường. Đó là con mèo hay ghen nên Xara Nôriêga đã bọc móng nó lại để trong khi bọn họ ân ái với nhau nó không thể cào vào người họ.

Tuy nhiên, trong lúc bọn họ hầu như đạt tới đỉnh cao của lạc thú nhờ vần nhau trên giường cho đến khi mệt lử, bà ta vẫn thích giành những phút giây mệt mỏi sau khi làm tình cho thơ ca vốn được bà sùng kính. Không những bà có một trí nhớ đáng phục đối với những bài thơ trữ tình của thời đại mình, những bài thơ mới lạ của loại thơ ca này được in thành sách mỏng với giá hai hào được bán rong ngoài đường, mà bà ta còn lấy kim găm những bài thơ bà thích thú nhất lên tường để có thể với giọng rung ngân nhất bà đọc vào bất cứ lúc nào. Bà ta cũng đã từng lấy các bài học *Nếp sống văn minh* và *Khái luận về Luật hình sự* vận thành thơ mười hai chân như kiểu người ta vẫn đặt thơ để nhớ mặt chữ mà viết cho đúng chính tả, nhưng những bài thơ này không được dư luận công chúng tán thưởng.

Đó là niềm hứng khởi đến cao độ của bà ta từng được tuyên bố mà đôi lúc trong khi ân ái với nhau bà vẫn ngâm vang những vần thơ, và Phlôrêntinô Arixa phải lấy cái vú giả của trẻ em nhét thật lực vào miệng

bà gần như thể bà ta vẫn nhét nó vào miệng đứa bé đang khóc để nó nín đi.

Lúc quan hệ yêu đương của họ nở rộ nhất, Phlôrêntinô Arixa đã hỏi bà ta rằng một trong hai trạng thái: trạng thái nằm trên chiếc giường kêu cọt kẹt và trạng thái ngồi trong những buổi chiều thanh bình ngày chủ nhật, đối với bà trạng thái nào là tình yêu thì Xara Nôriêga đã an ủi anh bằng một luận cứ rất đơn giản rằng khi nào cả hai đều khoả thân thì khi ấy là tình yêu. Bà ta bảo: "Tình yêu tâm hồn được kể từ thắt lưng trở lên còn tình yêu xác thịt được kể từ thắt lưng trở xuống". Đối với Xara Nôriêga cái định nghĩa này rất hay để cấu tứ một bài thơ về tình yêu được phân định, một bài thơ mà cả hai người cùng viết bằng bốn tay và là một bài thơ bà ta gửi đi tham dự Dạ hội Thơ ca vì bà nghĩ rằng không một ai cho đến lúc ấy đã sáng tác được một bài thơ mới lạ như vậy. Nhưng nó đã không trúng giải.

Xara Nôriêga cứ hậm hực trong lòng hoài trong lúc Phlôrêntinô Arixa đưa bà về nhà. Bởi có một điều bà không giải thích được nên bà cứ nghĩ rằng việc không tặng giải cho bài thơ của mình là một thủ đoạn của Phecmina Đaxa nhằm chống lại bà. Phlôrêntinô Arixa trong lúc cùng đi, không để ý đến bà. Anh đang buồn rầu kể từ lúc trao giải thưởng bởi từ lâu nay anh không nhìn thấy Phecmina Đaxa đã là một bà mẹ rồi. Điều đó chẳng có gì lạ đối với anh vì anh biết rằng thằng

con trai của Phecmina Đaxa đã đi học. Tuy nhiên, nếu cái tuổi làm mẹ của Phecmina Đaxa trước đây vẫn chưa hiện rõ nét thì đêm ấy, trước anh nó đã được bộc lộ rõ phần vì eo lưng xổ ra đôi chút và cách đi đứng có thư thái hơn, phần vì giọng nói cũng không được trong trẻo như xưa khi bà đọc danh sách những bài thơ được giải thưởng.

Anh định nhớ lại những kí ức của mình nên lần giở những trang anbom phản ánh các Dạ hội Thơ ca trong lúc Xara Nôriêga đi chuẩn bị cái ăn. Anh thấy tờ bìa những tờ tạp chí, những tấm bưu thiếp ngả màu vàng thuộc loại vẫn được bày bán và cứ thế anh trở về với quá khứ, nó như một sự ôn lại đầy huyền ảo cái sự trớ trêu của cuộc đời mình. Cho đến lúc này anh vẫn duy trì quan niệm viển vông cho rằng thế giới là cái đang biến đổi mà theo nó phong tục, mốt thời trang cũng thay đổi, tất cả đều thay đổi trừ Phecmina Đaxa. Nhưng đêm ấy, lần đầu tiên trong đời, bằng một hình thức sáng tỏ anh đã thấy cuộc đời đang làm thay đổi Phecmina Đaxa như thế nào, thấy cuộc đời của chính anh cũng thay đổi như thế nào trong khi anh không làm gì ngoài việc chờ đợi. Chẳng bao giờ anh nói chuyện với ai về Phecmina Đaxa bởi vì anh tự biết rằng mình không đủ khả năng nói đến tên bà mà làn môi mình không tái nhợt đi. Nhưng đêm ấy, trong lúc anh giở các trang anbom như biết bao đêm thức trắng buồn tẻ trong ngày chủ nhật anh từng làm, Xara

Nôriêga đã có được một trong những cảm nhận sáng rõ bất chợt đến từng làm lạnh bầu máu nóng trong người bà.

- Một con đĩ, - bà nói.

Bà ta nói vậy khi đi qua chỗ anh nhìn thấy bức ảnh chụp Phecmina Đaxa đóng giả con báo đen trong vũ hội giả trang và bà chẳng cần phải nói rõ tên để Phlôrêntinô Arixa biết rằng bà nói đến ai. Vì sợ một mối quan hệ nào đấy có thể làm đảo lộn cuộc đời mình, anh vội vàng tự vệ một cách thận trọng. Anh bảo rằng anh chỉ quen biết Phecmina Đaxa từ xa, rằng chưa bao giờ hai người chào hỏi nhau, rằng anh không hề biết một tí gì về đời tư bà ta, nhưng anh thú nhận bà ta là một người phụ nữ đáng kính, một người phụ nữ làm nên sự nghiệp của mình từ tay không và trở nên nổi tiếng nhờ chính những công tích của mình.

- Không phải thế đâu. Bà ta được như ngày nay là nhờ có một cuộc hôn nhân vụ lợi với một người đàn ông mà bà ta không yêu, - Xara Nôriêga ngắt lời anh. - đó là cái cách hèn mạt nhất để làm điếm đấy anh ạ.

Bà Tranxitô Arixa cũng đã nói như thế với Phlôrêntinô Arixa để an ủi anh trong những ngày anh thất tình nhưng bà nói không gay gắt như thế mà vẫn giữ được tính chất nghiêm khắc trong cách nhìn đạo đức. Bị ớn lạnh tới tận tuỷ nhưng anh không tìm thấy một câu trả lời nào cho thật đúng lúc để đáp lại lời thóa mạ của Xara Nôriêga và do vậy anh cố tình lảng tránh. Nhưng

Xara Nôriêga không cho phép chừng nào anh chưa chịu đứng về phía mình để cùng công kích Phecmina Đaxa. Chỉ bằng một nhận thức cảm tính không thể giải thích được, Xara Nôriêga cứ khăng khăng cho rằng Phecmina Đaxa là tác giả của cái mưu toan không trao giải cho bài thơ của mình. Thực ra, không có lấy một lí do nào để có thể tin được điều đó: họ không quen biết nhau, không nhìn thấy nhau bao giờ và Phecmina Đaxa hoàn toàn không có liên quan gì với việc tổ chức cuộc thi thơ, nếu như chuyện riêng tư của Phlôrêntinô Arixa với Phecmina Đaxa trước đây vẫn giữ được kín. Bằng một hình thức dứt khoát, Xara Nôriêga nói: "Đàn bà chúng tôi đều là thầy bói cả đấy, anh ạ". Và thế là bà ta chấm dứt cuộc tranh luận giữa hai người.

Từ lúc đó trở đi, Phlôrêntinô Arixa bắt đầu nhìn Xara Nôriêga bằng một con mắt khác. Đối với bà ta năm tháng cũng qua đi. Tính tình sôi động trẻ trung của bà ta cũng héo tàn đi không phương cứu vãn, tình yêu của bà ta cũng chỉ đọng lại trong lúc khóc lóc sùi sụt, và hai quầng mắt bà cũng bắt đầu thâm quầng, biểu hiện không thể chối cãi được của những người đàn bà già nua đang chịu đắng cay. Bà ta là một bông hoa của hôm qua rồi. Mặt khác, trong lúc lòng hậm hực vì bài thơ không được trao giải, bà ta không để ý đến những cốc rượu brandy của mình. Bà ta không sống với đêm của riêng mình: trong lúc bọn họ ăn cơm trộn dừa được hâm nóng lại, bà ta cân nhắc xem

ai đóng góp ít ai đóng góp nhiều vào việc sáng tác bài thơ không trúng giải rồi trên cơ sở đó mà biết mỗi người đáng được bao nhiêu cánh hoa của cái Bông Lan vàng kia. Không phải là lần đầu tiên bọn họ giải trí trong các cuộc hội thi của người Bixăngty nhưng anh lại nhân cơ hội này để nhấm nháp cái đau của vết thương vừa mới mở miệng và cả hai người lại lao vào cuộc cãi lộn vô ích từng trả lại họ những nỗi niềm ân hận của năm năm yêu đương.

Khi chỉ còn mười phút nữa thì đúng mười hai giờ đêm, Xara Nôriêga trèo lên một chiếc ghế để lên dây cót chiếc đồng hồ qủa lắc và bằng cách này bà nhắc anh nhớ đến giờ giấc, có lẽ bà muốn nói mà không cần phải nói ra miệng rằng đã đến giờ anh nên ra về. Lúc ấy Phlôrêntinô Arixa cảm thấy cần phải nhanh chóng cắt đứt tận gốc mối quan hệ xác thịt không có tình yêu giữa hai người và anh tìm cơ hội để mình là người giữ phần chủ động như lâu nay anh vẫn làm như vậy. Anh thầm cầu mong Thượng đế rằng Xara Nôriêga sẽ cho phép mình nằm lại trên giường bà để anh còn nói với bà rằng không, rằng giữa họ với nhau bây giờ chẳng còn gì nữa. Anh mời bà ngồi bên cạnh mình khi bà ta lên xong dây cót đồng hồ. Nhưng bà ta cố ý giữ một khoảng cách nhất định nên đã ngồi xuống chiếc ghế xa lông của khách. Phlôrêntinô Arixa chìa cho bà ta ngón tay ướt rượu *brandy* để bà ta mút nó như bà ta vẫn thích làm động tác này trước khi hai

người ân ái với nhau. Bà ta liền tránh ngón tay:

- Bây giờ thì không, - bà ta nói. - Tôi đang đợi chờ một người khác.

Kể từ khi bị Phecmina Đaxa ruồng bỏ, Phlôrêntinô Arixa đã học để biết cách giữ cho mình là người có những quyết định cuối cùng. Trong những hoàn cảnh khác ít cay đắng hơn có lẽ anh đã đứng vững trước thái độ tẩy chay của Xara Nôriêga và chắc chắn hai người sẽ lại vần nhau ở trên giường cho đến khi tàn đêm bởi vì anh tin rằng một người đàn bà đã ăn nằm với một người đàn ông một lần thì sẽ tiếp tục ăn nằm với anh ta mỗi khi anh ta muốn miễn là lúc nào cũng phải biết cách làm mủi lòng cô ta. Bởi niềm tin ấy anh đã ngấy tất cả, anh đã vượt lên tất cả, kể cả những cuộc mặc cả bẩn thỉu của ái tình, với mục đích không để cho bất kể người đàn bà nào có điều kiện nắm lấy quyền quyết định cuối cùng. Nhưng đêm ấy, anh cảm thấy nhục nhã quá lắm đến mức anh cầm cả cốc rượu *brandy* uống ực luôn một ngụm, và làm tất cả để bà ta nhận ra thái độ căm phẫn của mình rồi bỏ ra về không hề chào tiễn biệt. Chẳng bao giờ họ gặp lại nhau nữa.

Quan hệ với Xara Nôriêga là một quan hệ trong những quan hệ dài lâu và ổn định nhất của Phlôrêntinô Arixa, mặc dù nó không phải là mối quan hệ duy nhất mà anh duy trì trong năm năm ấy. Khi anh biết rằng mình cảm thấy hạnh phúc lúc ở bên cạnh bà, nhất là khi cả hai cùng ở trên giường, nhưng không bao giờ

anh có thể lấy bà thay cho Phecmina Đaxa, thì các đêm của kẻ đi săn cô đơn của anh liền trở nên sôi nổi hơn, do đó anh phải tổ chức các đêm ấy một cách hợp lí để có thể tận dụng thời gian và sức lực của mình đến mức cao nhất. Tuy nhiên Xara Nôriêga giành được phép mầu để an ủi anh trong một thời gian. Chí ít ra anh cũng có thể sống mà không nhìn thấy Phecmina Đaxa, vẫn trong xa cách như trước đây, khi vào bất kì giờ nào anh ngừng làm cái việc cần phải làm để có thể tìm cô gái trên con đường không rõ ràng do những điềm báo mách bảo anh, trên những con đường ít nghĩ tới nhất, trong những địa điểm không có thực vốn là nơi cô gái không thể có mặt, cứ thế anh lang thang không phương hướng với nỗi khát khao trong lồng ngực vốn không để cho anh yên lấy một lúc khi chưa nhìn thấy cô gái. Trái lại, việc cắt đứt quan hệ với Xara Nôriêga lại một lần nữa khiến anh náo nức sống lại những nỗi niềm hoài nhớ từng ngủ yên, lại một lần nữa anh cảm nhận rõ nét những kỉ niệm xưa: những buổi chiều ngoài vườn hoa và những lần tập đọc không dứt của cô cháu người mình yêu, nhưng lần này càng sống động hơn, càng tươi rói hơn bởi một niềm mong muốn bức thiết rằng bác sĩ Huvênan Ucbinô cần phải chết ngay.

Đã từ lâu anh biết rằng mình quyết chí đem lại hạnh phúc cho một bà góa và đến lượt người đàn bà góa ấy cũng mang lại khoái lạc cho anh, và điều đó không hề

làm anh phải bận tâm. Ngược lại, anh đang chuẩn bị. Nhờ biết họ qúa rõ trong những cuộc săn đuổi của kẻ đi săn cô đơn, Phlôrêntinô Arixa đã đi đến kết luận rằng thế gian có nhiều bà góa hạnh phúc. Anh từng nhìn thấy họ khóc lóc thảm thiết bên tử thi người chồng mà van lạy người ta hãy chôn sống mình trong cùng một chiếc quan tài để khỏi phải một mình đương diện với những may rủi trong tương lai nhưng khi họ làm quen với thực tại của cuộc đời mới của mình rồi thì người ta thấy họ đang vươn lên từ tro tàn với sức sống vừa hồi sinh còn non tươi. Họ bắt đầu sống như những cây tầm gửi trong những ngôi nhà hiu quạnh, lại trở thành người tin cậy của các cô hầu gái, thành người yêu thương của chính những chiếc gối êm của mình, chẳng có gì để mà làm sau nhiều năm chịu tang buồn tẻ. Họ tiêu xài thì giờ rảnh rỗi vào việc đơm lại những chiếc cúc trên chiếc áo sơ mi của người chồng đã qúa cố mà trước đây không có thời gian làm, họ là đi là lại những chiếc áo hồ bột ở tay và cổ áo để cho chúng lúc nào cũng sạch bong và phẳng phiu. Họ vẫn để xà phòng cho người qúa cố trong buồng tắm, vẫn đặt những chiếc gối có thêu tên của người quá cố ở trên giường nằm, vẫn để bát đĩa của họ ngay trên mâm cơm, để phòng khi từ trong cõi chết những người chồng đã chết bỗng tự nhiên trở về, như thể họ lại tắm, lại ngủ, lại ăn như lúc còn đang sống. Nhưng trong những công việc lễ nghi cô đơn ấy, họ đã dần dần

nhận thức được rằng lại một lần nữa họ là chủ nhân của những khao khát của chính mình, sau khi đã từ bỏ không chỉ tên riêng của chính mình mà còn cả bản thể đích thực của chính mình, tất cả những cái đó nhằm đổi lấy một sự yên ổn mà thực ra chỉ là một trong những ảo tưởng của những cô gái đang thì yêu đương mà thôi. Chỉ có các bà góa mới biết người đàn ông yêu mình như điên như dại như thế nào, và có lẽ đó là những kẻ yêu các bà, còn đối với người đàn ông mà các bà góa phải nuôi dưỡng cho đến hơi thở cuối cùng, bú mớm cho y, thay tã lót cho y, đùa vui với y như một người mẹ để xoa dịu nỗi sợ trong lòng y mỗi sáng mai y ra đường để đối mặt với thực tại đời sống, khi các bà nhìn thấy y, vốn đã được mình cổ vũ, ra đường để nuốt chửng thiên hạ thì lúc ấy bọn họ mới là những người lo sợ rằng y sẽ không bao giờ trở lại với mình. Đó chính là cuộc đời. Tình yêu, nếu có thật, là một sự việc khác hẳn: một cuộc đời khác.

Trái lại, trong niềm vui thanh thản của cuộc sống đơn lẻ, các bà qủa phụ phát hiện ra rằng cách sống đáng giá hơn cả là cách sống thỏa mãn mọi yêu cầu của cơ thể, ăn khi thấy đói, yêu không cần phải giấu giếm, ngủ không cần phải giả vờ để trốn chạy các cuộc làm tình với người chồng chính thức, cuối cùng họ là chủ nhân của quyền được sử dụng cả một chiếc giường rộng rãi cho bản thân mà không một ai tranh giành với họ một nửa chiếc ga trải giường, một nửa

bầu không khí để thở, một nửa cái đêm để ngủ, cho đến khi thân xác họ thỏa thuê trong giấc mơ của chính mình và đơn lẻ thức dậy một mình. Trong những buổi sáng của kẻ đi săn trộm của mình, Phlôrêntinô Arixa bắt gặp họ vừa ra khỏi nhà thờ sau lễ mixa năm giờ sáng, mặt trùm kín vải đen và trên vai mang một con quạ của số phận mình. Kể từ lúc nhìn thấy anh trong ánh sáng của buổi bình minh, các bà góa vội vã vượt qua đường, rẽ lối để khuất mình sau các khu nhà với bước chân gấp gáp, những bước chân của con chim non, bởi chỉ việc đi gần một người đàn ông thôi đã có thể làm vấy bẩn đạo đức chính chuyên của họ. Tuy nhiên, anh lại chắc tin rằng một người đàn bà góa buồn thương, hơn bất cứ một người đàn bà góa nào khác, có thể mang trong mình một hạt giống của hạnh phúc.

Nhờ có biết bao đàn bà góa của đời mình, kể từ bà quả phụ Naxarêt, Phlôrêntinô Arixa dần dần đi đến một cái nhìn sáng tỏ rằng những người đàn bà đã cưới chồng sẽ hạnh phúc biết bao sau cái chết của chồng mình. Điều mà cho đến lúc này đối với anh chỉ là một ảo tưởng đơn thuần, nhờ có các bà góa đã trở thành một khả năng có thể cầm nắm được. Nhưng anh chỉ bắt gặp những lí do thích đáng để cho Phecmina Đaxa phải là một bà góa như những bà góa anh từng quen biết, được chuẩn bị sẵn sàng về mặt đời sống để đón tiếp anh như cần phải thế mà không hề băn khoăn ân

hận gì về tội lỗi gây ra cái chết của người chồng, cởi mở tâm hồn để cùng anh phát hiện ra một niềm hạnh phúc khác hạnh phúc gấp hai lần, với một tình yêu được sử dụng hàng ngày đã trở thành phép mầu để sống, và một tình yêu khác đối với bà ta từng được gìn giữ cẩn thận có sức miễn dịch trước cái chết.

Có lẽ anh sẽ không háo hức như vậy nếu anh nghi ngờ rằng làm sao Phecmina Đaxa còn xa đến như vậy đối với những tính toán viển vông kia, khi hầu như anh mới chỉ nhìn thấy chân trời của một thế giới trong đó có điều đã hiển nhiên, trừ phần ngược lại. Trong thời đại ấy nếu giàu có thì sẽ có nhiều thuận lợi nhưng đồng thời cũng có nhiều cái bất lợi, điều đó là hiển nhiên, nhưng một nửa thiên hạ đều háo hức mong được giàu có coi như đó là một điều kiện để có thể trở thành bất tử. Phecmina Đaxa đã từ chối Phlôrêntinô Arixa trong một ánh chớp trí tuệ của tuổi trưởng thành từng vụt tắt ngay với một cuộc khủng hoảng đáng thương, nhưng chưa bao giờ bà nghi ngờ rằng cái quyết định ấy của mình là không được đúng đắn.

Trong thời kì có hành động ấy bà không thể tự giải thích được về những lí do nào ẩn sau lẽ phải đã đem lại cho bà cái ý nghĩ sáng rõ kia, nhưng nhiều năm sau này, trước khi bước vào tuổi già, trong một cuộc nói chuyện ngẫu nhiên về Phlôrêntinô Arixa bỗng nhiên và không hiểu vì sao bà đã phát hiện ra những lí do ấy. Tất cả những người tham gia cuộc nói chuyện đều biết

rõ địa vị hoàng thái tử của anh trong Hãng Tàu thủy Caribê ngay trong thời thịnh vượng nhất của hãng này, tất cả đều nói chắc như đinh đóng cột rằng đã nhìn thấy anh nhiều lần, kể cả những dịp giao dịch trực tiếp với anh, nhưng không một ai có thể bằng trí nhớ miêu tả đúng con người anh. Đó chính là lúc Phecmina Đaxa nhận ra những nguyên nhân bất chợt từng ngăn không cho mình yêu anh. Bà nói: "Chao ôi, ông ấy cứ như thể một cái bóng!". Đúng thế: cái bóng của một người nào đó mà không một ai có thể nhận ra và quen biết. Nhưng trong lúc bà phải chịu đựng sự cai quản của bác sĩ Huvênan Ucbinô, vốn là một người đàn ông khác hẳn, bà cảm thấy đau khổ mà bà không đủ khả năng chịu đựng nổi. Khi cảm thấy mình đang bị ám ảnh bởi ý nghĩ về tội lỗi kia thì ngay lập tức trong người bà rộn lên một nỗi lo sợ đặc biệt mà chỉ có thể kìm chế được nó khi có ai an ủi trong lương tri bà. Ngay từ thuở bé, khi đánh vỡ một chiếc đĩa trong nhà bếp, khi có ai ngã, khi bị kẹp tay ở cánh cửa thì ngay lập tức cô bé quay về phía người lớn tuổi đứng cạnh mình nhất để đổ tội cho họ: "Tại bà đấy!". Thực ra, điều quan trọng ở đây không phải là việc đổ tội cho ai hoặc cô tự phải thừa nhận tính ngây thơ của mình mà là: hãy để cho cô yên.

Đó là một nỗi ám ảnh rất dễ thấy đến mức bác sĩ Huvênan Ucbinô nhận ra ngay tính chất đe dọa của nó đối với tổ ấm gia đình của ngài và ngay lập tức ngài

vội vàng nói với vợ mình: "Em đừng lo ngại, em yêu dấu của anh, tất cả là tại anh hết". Bởi vì không có gì khiến ngài lo lắng bằng những quyết định bất thường và dứt khoát của vợ mình, và ngài tự nhận thấy rằng những quyết định ấy đều có nguồn gốc từ một nỗi ân hận về tội lỗi đã phạm phải. Tuy nhiên, nếu chỉ bằng một câu nói an ủi thôi sẽ không dẹp tan được tâm trạng hoang mang của Phecmina Đaxa trước việc cô ruồng bỏ Phlôrêntinô Arixa. Phecmina Đaxa vẫn tiếp tục mở cửa sổ phía ban công vào tất cả các buổi sáng trong vài tháng liền, vẫn nhớ nhung cái bóng cô đơn, từ ngoài vườn hoa vắng vẻ, chăm chú theo dõi mình, vẫn nhìn cái cây vốn gắn chặt với con người anh, chiếc ghế đá tương đối khuất là nơi anh vẫn ngồi đọc sách để nghĩ về cô, để đau khổ vì cô và thế là Phecmina Đaxa buộc phải đóng cửa lại mà thở dài não nuột: "Ôi con người đáng thương". Ngay cả hiện tượng đáng buồn này: anh không bền gan lắm như cô từng nghĩ về anh, cũng khiến cô đau khổ. Khi đã quá muộn để có thể tự làm sống lại qúa khứ, có đôi lúc cô vẫn cảm thấy nỗi khao khát muốn nhận một bức thư không bao giờ được gửi và chính điều đó càng làm cho cô đau khổ hơn. Nhưng khi buộc phải có quyết định sẽ kết hôn cùng bác sĩ Huvênan Ucbinô thì cô liền bị chìm ngập trong một cuộc khủng hoảng còn lớn hơn nhiều khiến vào ngay lúc cô biết rằng chẳng có một lí do chính đáng nào để mình ngả hẳn lòng về

phía bác sĩ ngay sau khi vừa ruồng bỏ Phlôrêntinô Arixa xong và cái việc ruồng bỏ này cũng chẳng có một lí do xác đáng nào. Thực ra so với Phlôrêntinô Arixa, cô cũng yêu bác sĩ ít thôi, ngoài ra cô biết về ngài ít hơn, và những lá thư ngài viết cho cô không có ngọn lửa nhiệt tình cháy bỏng như những bức thư của người điện báo viên, và hơn nữa giữa ngài và cô chưa hề có những cú thử thách nhau rất đáng nhớ. Sự thật là những bức thư tỏ tình của bác sĩ Huvênan Ucbinô chưa bao giờ được đặt ra trên cơ sở tình yêu và ít ra trường hợp tỏ tình của ngài cũng rất kì lạ: một con chiên của đạo Thiên chúa như ngài mà lại chỉ hứa đem lại cho cô những quyền lợi rất thế tục: sự bình yên, kỉ cương, hạnh phúc và những lời dẫn giải rất sát sườn mà cô hiểu chúng giống như tình yêu: gần như tình yêu. Nhưng chúng không phải là tình yêu và những nghi ngờ ấy ngày càng tăng thêm cùng với tâm trạng hoang mang của cô, bởi vì cô cũng không tin rằng trên thực tế tình yêu không phải là cái mà vì thiếu nó người ta không thể sống được.

Trên mọi phương diện, yếu tố cơ bản không có lợi cho bác sĩ Huvênan Ucbinô là cái mẽ bề ngoài của ngài giống hệt con người lí tưởng mà Lôrenxô Đaxa từng tha thiết mong muốn cho con gái ông. Thật khó lòng Phecmina Đaxa không nhìn ngài như là đứa con của sự tán phét của cha mình, mặc dù trên thực tế ngài không phải là vậy. Phecmina Đaxa đã tin rằng ngài

chính là đứa con của sự tán phét của cha mình ngay từ khi cô nhìn thấy ngài đến nhà mình lần thứ hai để khám bệnh dù không được mời đến. Những buổi nói chuyện với người chị họ Hinđêbranđa càng làm cho cô thêm hoang mang hơn. Cứ theo thân phận nạn nhân của Hinđêbranđa mà xét thì cô phải ủng hộ Phlôrêntinô Arixa hơn bằng cách phải quên đi ngay cả điều mà Lôrenxô Đaxa cho mời cô đến đây là để ủng hộ bác sĩ Huvênan Ucbinô. Thượng đế biết rõ Phecmina Đaxa đã cố gắng như thế nào để không cùng đi với Hinđêbranđa khi cô này đến phòng điện báo để làm quen với Phlôrêntinô Arixa. Phecmina Đaxa cũng muốn nhìn thấy anh một lần nữa để đứng trước anh xem lại những nghi ngờ của mình, cũng muốn nói chuyện riêng với anh, cũng muốn hiểu sâu anh hơn để khẳng định rằng sự quyết định bất ngờ của mình sẽ không đẩy mình đi tới một quyết định khác còn nghiêm trọng hơn, tức là việc phải dàn hòa với cha mình trong những vụ tranh chấp cá nhân. Nhưng cô đã làm điều đó, trong cái phút sang trang mới của cuộc đời cô. Cô làm điều đó mà không hề đếm xỉa đến vinh quang sớm có của anh ta, không hề đếm xỉa đến một trong những công tích hiển hách của anh ta. Cô làm điều đó chỉ vì cô lo sợ thời cơ sẽ qua đi và sự đe dọa của tuổi hai mươi mốt của một người con gái chưa chồng: đó là giới hạn cuối cùng để cô trao mình cho số phận định đoạt. Cái giây phút duy nhất ấy đã đủ để

cho cô đi đến quyết định như cô từng thấy trước trong luật lệ của Thượng đế và của con người: cho đến khi nhắm mắt xuôi tay. Lúc ấy tất cả mọi nỗi nghi ngờ đều được xóa sạch, và cô có thể làm mà không hề ăn năn hối tiếc về cái điều mà chân lí đã chỉ cho cô như là điều đúng đắn nhất, hãy quên đi những kỉ niệm về Phlôrêntinô Arixa mà không cần phải rơi lệ, cô xóa sạch hình bóng anh, và hãy để cho đám cây thuốc phiện trổ hoa ngay tại khoảng không mà hình ảnh anh ngự chiếm trước đây. Điều duy nhất mà cô tự cho phép mình là tiếng thở dài cuối cùng: "Ôi, một con người đáng thương".

Tuy nhiên, ngay khi vợ chồng họ từ châu Âu trở về sau chuyến du chơi tuần trăng mật, trong cô lại bắt đầu nẩy sinh những hoài nghi còn nguy hiểm hơn. Trong lúc bọn họ chưa mở xong những rương hòm mang về, tháo gỡ hết các kiện hàng, chưa lấy hết các thứ để trong mười một cái thùng, những đồ vật cô chuẩn bị để mình sẽ sắm vai bà chủ và mệnh phụ ở ngôi nhà cổ kính của Hầu tước Casanđuêrô, thì chính lúc ấy cô đã nhận ra những hoài nghi mới của mình cùng với cái mùi chết chóc tù đọng ngay trong ngôi nhà cô chọn nhầm này, và còn tồi hơn thế nữa, cùng với một người đàn ông vốn không được như cô mong muốn. Cô phải chịu đựng mất sáu năm liền mới thoát ra khỏi tình trạng ấy. Những con người làm cô khó chịu nhất, làm cô thất vọng nhất là *đônha* Blăngca,

một bà mẹ chồng cay nghiệt và các cô chị em dâu qúa đần độn, mà họ chưa mục ruỗng khi còn sống trong một phòng giam kín là chính vì họ đã mang sẵn cái phòng giam ấy ngay trong tâm hồn họ.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô, vốn đã từ bỏ trách nhiệm đối với dòng họ, làm ngơ trước những lời van nài của mẹ và các chị em gái mà tin rằng sự hiểu biết của Thượng đế và khả năng thích nghi không lường hết của người vợ có thể sẽ sắp đặt các sự kiện đâu vào đấy. Ngài đau khổ trước sự tàn tạ của mẹ mình mà niềm vui sống của cụ trong thời kì trước đã khẳng định nguyện vọng dòng họ sẽ trường tồn ngay cả ở những người không tin tưởng nhất. Đúng thế, người đàn bà đẹp, thông minh, có sự cảm thụ rất độc đáo trong giới quý tộc của mình, trong gần bốn mươi năm đã là cả tâm hồn lẫn thể xác của thiên đường xã hội mình. Cảnh góa bụa làm cho cụ đau khổ đến mức cụ không tin rằng mình chính là mình nữa, nó từng làm cho cụ tay yếu chân mềm và ngoa ngoắt, và trở nên hay hờn giận đối với mọi người. Lời giải thích duy nhất có thể có được về sự khó chịu của cụ là nỗi hận trong lòng cho rằng người chồng đã hi sinh thân mình vì đám người da đen một cách có ý thức, theo như lời cụ nói, nhưng thực ra sự hi sinh thân mình duy nhất chính đáng của ông cụ lại là sự hi sinh để cho chính bà cụ được sống sót qua nạn dịch tả. Trong mọi trường hợp, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc của Phecmina

Đaxa chỉ thực sự có được trong suốt chuyến du chơi tuần trăng mật ở châu Âu của họ, và nó là cái duy nhất có thể giúp cô ngăn cản sự đắm chìm cuối cùng đang dừng lại vì sợ hãi trước quyền lực của bà mẹ chồng. Ngài, chứ không phải các chị em dâu, cũng không phải bà mẹ chồng, là người mà Phecmina Đaxa quy cho tội đã đặt cạm bẫy của thần chết trong đó cô đang vướng phải. Mãi sau này cô mới nghi ngờ rằng đằng sau quyền lực chuyên môn và danh tiếng lẫy lừng của ngài, cái con người mà cô lấy làm chồng kia là một kẻ yếu hèn không cách nào cứu vớt nổi: một kẻ bất hạnh đáng thương nhưng đang khoe mẽ nhờ uy tín xã hội của dòng họ mình.

Cô chạy trốn mọi thứ để chỉ sống với đứa con trai mới sinh. Cô từng cảm thấy nó ra khỏi con người mình với sự nhẹ nhõm được giải thoát khỏi một cái gì đó vốn không phải của mình và cô từng đau khổ trước cảm giác về mình không phải là mình khi nhận thấy bản thân chẳng hề có lấy một mảy may tình yêu thương đối với đứa hài nhi vừa lọt lòng mẹ mà bà đỡ chìa cho cô xem: nó còn đỏ hon hỏn, người đầy nhớt và máu tươi, với cái tràng hoa cuốn nơi cổ. Nhưng rồi trong cái dinh thự cô đơn cô học để làm quen với thằng bé và hai mẹ con cô dần dần quen nhau, chính ở đây với niềm vui rộn ràng cô phát hiện ra rằng những đứa bé không chỉ muốn là con mà còn muốn được nuôi dưỡng bằng tình thương mến. Trong ngôi nhà bất

hạnh của mình, cô chỉ sống cho thằng bé và do đó không một thứ gì, không một ai khiến cô phải khó chịu. Nỗi cô đơn, cái vườn hoa nơi nghĩa trang, cuộc sống nhàn tản trong những căn hộ phòng rộng thênh thang không cửa sổ, tất cả đều hùn sức lại nhấn chìm cô. Cô cảm thấy bứt rứt khó chịu trong những đêm mất ngủ trước những tiếng gào thét của các bà điên trong nhà thương điên ngay cạnh nhà. Cái tập quán ngày nào cũng bày bàn tiệc với những chiếc khăn trải bàn được thêu ren cầu kì, với những cốc chén thìa nĩa đều bằng bạc và những ngọn đèn đám ma chỉ để cho năm bóng ma ngồi ăn tối với cà phê sữa và bánh rán bơ, cái tập quán ấy làm cô ngượng ngùng đến chín cả người. Cô nguyền rủa những buổi chiều cầu kinh rôxariô, những cử chỉ âu yếm lẫn nhau ngay tại bàn ăn, cô nguyền rủa những lời bình phẩm cố ý thường xuyên dè bỉu các cách thức cô thu dọn bàn ăn, cái cách đi đứng hấp tấp của đàn bà con gái thuộc giới hạ lưu, cái lối ăn vận như hề xiếc của cô, cô nguyền rủa những lời dè bỉu trước cách thức dân dã trong việc âu yếm chồng và cho con bú mà không dùng khăn che kín vú lại của cô. Khi nhà này có thói quen mời bạn bè tới nhà vào lúc năm giờ chiều để uống cà phê, ăn bích quy ngon với mứt hoa quả theo đúng như mốt mới có ở nước Anh, thì cụ bà Blăngca phản đối cái lối uống thuốc cho ra mồ hôi để trị bệnh sốt mà lại không chịu ăn sôcôla với những lát sắn rán bơ. Ngay cả

những giấc mơ của mình, Phecmina Đaxa cũng không thể tránh được những lời phê phán nghiệt ngã của bà mẹ chồng. Có một buổi sáng, Phecmina Đaxa kể lại rằng cô mơ thấy một gã lạ mặt mình trần như nhộng đi khắp các hành lang trong dinh thự để ăn xin những vốc tro, thì bà cụ Blăngca liền cắt ngang lời cô, nói:

- Một người đàn bà đứng đắn không thể có những giấc mơ kiểu ấy.

Hai nỗi bất hạnh lớn nhất của cô nằm trong cảm giác lúc nào cũng ở trong ngôi nhà xa lạ. Một là món cà ăn hầu như hàng ngày được nấu dưới mọi hình thức mà cụ bà Blăngca không chịu thay đổi để tôn trọng người chồng đã quá cố và ngược lại Phecmina Đaxa không muốn ăn. Ngay từ thuở nhỏ cô đã nguyền rủa các loại cà, vì trước khi nếm thử bao giờ cô cũng có cảm giác chúng mang mùi thuốc độc. Chỉ có lần ấy, bằng mọi cách cô phải thừa nhận rằng có một cái gì đó đã thay đổi có lợi cho cuộc đời mình, bởi vì cô đã nói như vậy ngay tại bàn ăn vào lúc cô năm tuổi, và cha cô buộc cô phải ăn hết cả một xanh cà đủ cho sáu người ăn. Cô cứ tưởng mình sẽ chết, trước hết vì thứ nôn ra toàn những cà là cà và sau đó vì thìa mỡ con hải lí mà người ta dùng sức mạnh bắt cô uống để cứu cô khỏi đòn trừng phạt. Cả hai thứ đó đọng lại trong kí ức cô như một sự tẩy rửa đường ruột, phần vì mùi vị, phần vì nỗi sợ thuốc độc và rồi trong những bữa ăn trưa đáng nguyền rủa tại dinh thự của Hầu tước

Casanđuêrô, cô phải nhìn đi nơi khác để khỏi phải khó chịu trước cái mùi lợm mửa của mùi dầu con hải li.

Nỗi bất hạnh thứ hai của cô là cây thụ cầm. Có một ngày rất có ý thức về điều muốn nói, cụ bà Blăngca nói:

- "Ta không tin các cô gái đứng đắn mà lại không biết chơi đàn pianô". Đó là một mệnh lệnh mà ngay con trai cụ cũng định cãi lại bởi vì những năm tháng đẹp nhất của tuổi thơ ngài đã trôi đi trong các lớp học đàn pianô và ngay cả khi trưởng thành ngài vẫn hài lòng về điều đó. Ngài không thể giải thích để vợ mình cũng phải làm theo mệnh lệnh trói buộc kia bởi vì lúc ấy Phecmina Đaxa đã hai mươi lăm tuổi đầu và cũng có cá tính như ngài. Nhưng điều duy nhất mà ngài có thể thuyết phục được mẹ mình hãy thay đàn pianô bằng thụ cầm với một lí lẽ chắc chắn rằng thụ cầm là nhạc cụ của các thiên thần. Đó là lí do vì sao người ta mang từ thành phố Viên về đây cây thụ cầm tuyệt đẹp, nó tựa như vàng, nó vang lên những âm thanh du dương như nó vốn có và nó trở thành một trong những báu vật đáng giá nhất của bảo tàng thành phố, cho đến khi những ngọn lửa đã thiêu cháy nó cùng với tất cả những gì nó có ở bên trong. Để vượt qua cái bản luận tội ấy, Phecmina Đaxa liền học với tất cả sức mình. Thoạt đầu cô học một người thầy của tất cả những người thầy được người ta đưa từ thành phố Môngpôt về đây và người thầy này đã chết đột tử sau mười lăm

ngày dạy học, sau đó cô tiếp tục học vài năm dưới sự dạy dỗ của một nhạc sĩ lớn nhất của trường dòng, mà hơi thở của kẻ đào huyệt của ông ta làm đảo lộn mọi âm thanh hài hòa của cây đàn thiêng liêng.

Ngay chính cô cũng phải ngạc nhiên trước thái độ phục tùng của mình. Bởi mặc dù không thừa nhận nó trong thâm tâm mình cũng chẳng thừa nhận nó trong những cuộc cãi vã thầm lặng với chồng vào những giờ mà trước đây họ hiến dâng cho thần ái tình, Phecmina Đaxa đã nhanh chóng tham dự vào tấm mạng nhện phức tạp gồm những định kiến và những thỏa thuận của thế giới mới của mình. Thoạt tiên cô thường nói một câu có tính chất lễ nghi để khẳng định quan điểm tự do tư tưởng của mình: "Hãy ném vào đống cứt chiếc quạt vốn là thứ thời gian thoáng qua". Nhưng sau đó, do náo nức trước những vinh dự đã giành được, nhưng lại sợ sệt trước nỗi xấu hổ và lời báng bổ, cô tự thể hiện là người sẵn sàng chịu đựng hết mọi thứ, ngay cả đến sự xỉ nhục với niềm hi vọng rằng cuối cùng Thượng đế sẽ mủi lòng mà thương hại cụ bà Blăngca, người mà trong những lúc cầu khẩn bao giờ cũng thành tâm xin Thượng đế hãy gửi mình về cõi chết.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô tự đánh giá sự hèn yếu của con người mình bằng những luận cứ đã lỗi thời mà không hề tự hỏi lòng xem chúng có trái với tôn giáo của mình không. Ngài không thừa nhận rằng những

mâu thuẫn với vợ mình có nguồn gốc từ không khí lạ lẫm trong ngôi nhà mình mà lại cho rằng chúng có nguồn gốc từ chính bản chất của hôn nhân: hôn nhân chẳng qua là một sự bày đặt khó hiểu mà chỉ có thể có được bởi Thượng đế qúa ư vô công rồi nghề. Hôn nhân hoàn toàn ngược lại với mọi lí lẽ khoa học: hai người vốn không quen biết nhau, chẳng có dây mơ rễ má gì với nhau, với những cá tính khác hẳn nhau, với trình độ văn hoá khác nhau, và ngay cả các bộ phận sinh dục cũng khác nhau, thế rồi bỗng nhiên người ta thấy họ cam kết sống với nhau, ngủ chung với nhau trên cùng một chiếc giường, cùng chia sẻ hai số phận mà có lẽ đã được định hướng khác nhau. Ngài bảo rằng: "Vấn đề của hôn nhân là tất cả các đêm sẽ được kết thúc sau khi làm tình với nhau và rồi cần phải làm lại nó vào tất cả các buổi sáng trước khi ăn điểm tâm". Còn tồi tệ hơn thế nữa là trường hợp hôn nhân của bọn họ, ngài nói, vì nó nẩy sinh từ hai giai tầng xã hội đối nghịch nhau trong một thành phố vẫn còn mơ các vị Phó vương trở lại nắm quyền. Thứ vôi vữa duy nhất có thể gắn chặt các mối quan hệ hôn nhân là một cái gì đó không thể kiểm nghiệm được và rất dễ thay đổi, đó là tình yêu, nếu như nó có thật và trong trường hợp hôn nhân của bọn họ, khi họ cưới nhau họ chưa có tình yêu và số phận chỉ việc đặt họ đối diện với thực tế khi họ suýt nữa sáng tạo ra tình yêu.

Đó là tình trạng cuộc sống vợ chồng họ ở vào thời

kì nhà có cây thụ cầm. Họ vui với nhau nhờ những ngẫu nhiên thú vị, tỉ như khi cô bước vào nhà tắm trong lúc ngài đang tắm và thế là bất chấp những cuộc cãi vã, bất chấp món cà độc, bất chấp những người chị em chồng lẩn thẩn và bà mẹ đẻ ra họ, ngài vẫn còn tương đối yêu cô để bảo cô hãy xoa xà phòng cho mình. Cô cũng bắt đầu xoa xà phòng cho ngài bằng những mẩu vụn của tình yêu còn lại sau chuyến du chơi ở châu Âu, và thế là cả hai người đều để cho kí ức cũ lôi cuốn, rồi làm lành với nhau mà thực lòng không muốn, rồi yêu nhau mà không nói ra lời, và kết thúc việc làm lành khi người mệt phờ vì tình yêu được thỏa mãn ngay ở trên sàn nhà tắm, người đầy bọt xà phòng, trong lúc đó vẳng đến tai họ lời bàn tán của các cô người ở từ ngoài nhà giặt: "Ông bà không có con nữa chẳng qua là vì ông bà không ăn nằm với nhau mà thôi". Thỉnh thoảng thôi, sau khi từ một cuộc vui náo nhiệt trở về, nỗi hoài nhớ ẩn sau cánh cửa liền đánh họ ngã gục và thế là lại xảy ra một cuộc bùng nổ kì diệu trong đó tất cả lại một lần nữa như trước đây và trong vòng năm phút đồng hồ bọn họ lại là những người yêu nhau sôi nổi trong tuần trăng mật.

Nhưng ngoài những dịp hiếm có ấy ra, một trong hai người lúc nào cũng tỏ ra mệt mỏi, cũng tỏ ra uể oải hơn người kia vào giờ đi ngủ. Cô cố kéo dài thời gian ở trong buồng tắm để cuộn điếu thuốc lá trong giấy thơm, rồi hút một mình, và trong khi hút cô sống

lại những tình cảm yêu đương được an ủi khi cô còn trẻ và được tự do ngay trong nhà của mình, khi cô còn là chủ nhân duy nhất của thân xác mình. Bao giờ cô cũng kêu nhức đầu, kêu trời oi nóng, lúc nào cũng vậy, hoặc cô giả vờ đang ngủ, hoặc bảo rằng mình đang thời kì kinh nguyệt, kinh nguyệt, lúc nào cũng kinh nguyệt. Cô cứ nói mãi như vậy đến mức bác sĩ Huvênan Ucbinô không chịu được và có lần ở ngay trên lớp học ngài nói rằng sau mười năm lấy chồng bọn đàn bà có kinh nguyệt tới ba lần trong một tuần. Ngài nói thế chẳng qua là để làm dịu nhẹ đi cái cảm giác hậm hực ở trong lòng mình mà không thể tự thú được.

Bất hạnh chồng lên bất hạnh, trong năm khốn quẫn nhất của cuộc đời mình Phecmina Đaxa buộc phải đối chọi với điều sớm hay muộn tất phải xảy ra: đó là sự thật về những chuyện buôn bán ma quái của cha mình mà chẳng bao giờ cô được biết. Nhà chức trách tỉnh này đã cho mời bác sĩ Huvênan Ucbinô đến văn phòng của mình để báo cho ngài biết chuyện chẳng lành đã xảy ra với ông bố vợ ngài, rồi quan tỉnh trưởng kết thúc gọn lỏn trong một câu: "Không có một luật lệ thiêng liêng và nhân hậu nào mà con người ấy không nắm vững". Một số trong số những vụ việc nghiêm trọng nhất mà Lôrênxô Đaxa làm được là do ông ta đã nấp sau cái bóng quyền lực của người con rể và do đó thật khó mà tin rằng bác sĩ Huvênan Ucbinô và vợ

không hay biết gì. Vì biết chắc rằng danh tiếng duy nhất có thể bảo vệ được ông bố vợ là danh tiếng của bản thân ngài, và nó là cái duy nhất đủ sức đứng vững được, ngài đã dùng toàn bộ sức nặng của quyền lực mình để tham gia vào việc bênh vực bố vợ và chỉ bằng lời nói danh dự ngài đã giành được việc bưng bít cái vụ om xòm này. Vậy là Lôrênxô Đaxa đã đi khỏi thành phố ngay trên chiếc tàu thủy đầu tiên để không bao giờ trở lại. Ông trở về quê hương bản quán như một trong những hành khách từng thỉnh thoảng làm như vậy để đánh lừa tình cảm nhớ nhung quê hương và đằng sau cái hành động lừa dối kia có một cái gì đó thuộc về bản chất sự thật này: từ lâu nay ông vẫn thường trèo lên một chiếc tàu của quê hương để chỉ uống một cốc nước mát được lấy từ những suối nguồn của làng quê mình. Ông ra đi mà không ngoắt tay lại, mà tự bào chữa rằng mình là kẻ vô tội, và vẫn cố thuyết phục chàng rể kia rằng ông chỉ là nạn nhân của một âm mưu chính trị mà thôi. Ông ra đi mà nước mắt lã chã rơi vì con bé, như lâu nay ông vẫn gọi Phecmina Đaxa như vậy kể từ sau khi cô cưới chồng, ông ra đi mà nước mắt lã chã rơi vì thằng cháu, vì mảnh đất này vốn là nơi giúp ông trở nên giàu có và tự do, là nơi ông giành được chiến tích biến con gái thành một mệnh phụ nổi tiếng trên cơ sở những cuộc thương lượng bẩn thỉu. Ông ra đi trong tình trạng già nua và bệnh hoạn nhưng ông còn sống dai hơn nhiều

so với điều không một nạn nhân nào của ông dám mong ước. Phecmina Đaxa không thể ghìm được một tiếng thở dài nhẹ nhõm khi cái tin ông chết đến tai cô và cô cũng không để tang ông để khỏi phải trả lời người khác hỏi thăm. Nhưng trong vài tháng ròng cô khóc lóc với một nỗi giận dữ thầm lặng mà không biết vì sao. Khi cô đóng cửa buồng tắm lại để hút thuốc lá là lúc cô khóc thương cha mình.

Điều vô lí trong mối quan hệ của hai người vào những năm bất hạnh ấy là việc chưa bao giờ họ xuất hiện trước công chúng hạnh phúc đến như thế. Bởi vì trên thực tế đó là những năm họ giành được những thắng lợi to lớn nhất đối với thói ganh ghét ngầm của xã hội thượng lưu vốn không chịu thừa nhận họ như thế: những con người trôi nổi và yêu thích cái mới lạ và do đó là những kẻ đã vi phạm lề thói cổ truyền. Tuy nhiên, cái cuộc sống ấy đối với Phecmina Đaxa lại là phần dễ dàng hơn cả. Cái cuộc sống trần tục của giới qúy tộc, từng gây bao ngỡ ngàng khi cô chưa quen với nó, chẳng qua chỉ là một hệ thống những luật lệ trói buộc, những nghi thức nhạt nhẽo, những lời nói sáo cũ và với hệ thống ấy mọi người trong giới qúy tộc của mình làm vui lòng nhau để khỏi phải tự vấn. Đặc trưng nổi bật của cái thiên đường phù phiếm mang tính chất tỉnh lẻ ấy là nỗi sợ những gì chưa được biết tới. Bằng một hình thức giản dị hơn cả, Phecmina Đaxa từng định nghĩa lối sống ấy như sau: "Vấn đề

của cuộc sống xã hội là hãy rèn tập để tự chủ trước nỗi sợ sệt; vấn đề của cuộc sống vợ chồng là hãy rèn luyện để tự chủ trước nỗi buồn chán". Cô phát hiện ra điều đó ngay lập tức kể từ khi cô bước vào phòng khánh tiết của Câu Lạc bộ Xã hội, kéo theo sau mình một cái đuôi dài của cô dâu. Phòng khánh tiết hôm ấy lạ hẳn đi trong hương sắc của đủ loài hoa, trong tiếng nhạc vang bừng sáng, và chật ních đám đàn ông đang vã mồ hôi hột và đám đàn bà run rẩy cho đến lúc ấy vẫn chưa biết vì sao bọn họ đã chiến thắng cái trò đe doạ mờ ám kia. Cô mới vừa tròn hai mươi tuổi đời và hầu như chỉ ra khỏi nhà khi phải đến trường, thế mà chỉ cần đưa mắt nhìn khắp một lượt cô đã đủ hiểu rằng kẻ thù của mình không vì căm giận mà phải so vai rụt cổ lại mà chính vì sợ hãi mà phải đứng dần mặt ra. Đáng lẽ làm cho họ phải sợ hãi hơn, như cô đang ở trong trạng thái ấy, thì cô đã ban ân cho họ, giúp họ làm quen mình. Không một ai khác biệt đối với điều cô từng nghĩ phải như thế, như chính điều cô cảm thấy khi mình đứng trước các thành phố khác nhau, nghĩa là cô không thấy chúng đẹp hay là xấu mà cô chỉ việc ghi khắc hình ảnh chúng vào trong trái tim mình. Đối với Pari, bất chấp những cơn mưa dai dẳng dầm dề, bất chấp những người bán hàng lôi thôi lếch thếch, bất chấp tính tình thô lỗ của những người lái xe của thành phố này, Pari buộc cô thường xuyên nhớ đến nó như là một thành phố đẹp tuyệt trần, không chỉ vì trên thực tế

nó có phải hay không phải là thế mà còn vì nó luôn luôn gắn bó với nỗi hoài nhớ những năm tháng hạnh phúc nhất của đời cô. Về phần mình, bác sĩ Huvênan Ucbinô đối chọi lại bằng những vũ khí được sử dụng thông minh hơn và với thái độ nghiêm chỉnh có tính toán kĩ. Không có gì xảy ra mà vắng mặt bọn họ: những cuộc diễu hành của dân chúng, các Dạ hội Thơ ca, những hoạt động nghệ thuật, các cuộc xổ số, các cuộc mít tinh ái quốc, chuyến du lịch đầu tiên trên bóng thám không. Bọn họ tham dự tất cả các hoạt động xã hội ấy và hầu như bao giờ cũng có mặt ngay từ lúc người ta có ý định tổ chức và cho đến khi chúng được thực hiện. Không một ai có thể nghĩ rằng trong những năm bất hạnh của họ lại có một người nào đó hạnh phúc hơn bọn họ, lại có một cặp vợ chồng nào đó hòa thuận như vợ chồng họ.

Ngôi nhà người cha để lại đã cho Phecmina Đaxa một chỗ chạy trốn không khí ngột ngạt đến khó thở của toà dinh thự nhà chồng. Ngay sau khi khuất được con mắt của đám đông, cô lẩn ngay vào công viên Lốt Êvăngheliốt và ngay tại đây cô tiếp đón những người bạn gái mới cũng như cũ hồi đi học hay hồi ở nhà học vẽ tranh, đó là một nơi thay thế vô tư cho lòng bội tín. Cô sống những giờ dễ chịu của người mẹ son rỗi với tất cả những gì còn lại của tuổi ấu thơ. Cô lại mua những chú qụa hương, thu nhặt những con mèo hoang, và để cho Gala Plaxidia chăm nom. Gala Plaxidia là

người mà lúc này đã già nua và chậm chạp bởi bệnh hen xuyễn, nhưng vẫn còn giàu nhiệt tình để sửa sang lại ngôi nhà. Cô lại mở cửa sổ phòng máy may là nơi Phlôrêntinô Arixa lần đầu tiên nhìn thấy cô và là nơi bác sĩ Huvênan Ucbinô bảo cô thè lưỡi ra để tìm hiểu trái tim cô và cô biến phòng này thành đền thờ của qúa khứ mình. Có một chiều đông, cô đi đóng cửa ban công, trước khi cái ban công này bị bão tố đánh sập, cô đã nhìn thấy Phlôrêntinô Arixa ngồi trên ghế đá dưới bóng cây hạnh đào ngoài công viên, mặc bộ quần áo của người cha được may lại và tay cầm quyển sách mở trang để phía trước mặt, nhưng cô không sợ rằng cái hình ảnh kia là điềm báo trước của cái chết. Cô dám mạnh dạn tự nói với lòng mình rằng có lẽ với anh mình sẽ có hạnh phúc, và chỉ hạnh phúc với anh thôi trong ngôi nhà kia mà với cô bao tình yêu thương từng sửa sang lại cho anh cũng như anh đã sửa sang lại ngôi nhà mình để cho cô, và chính với lời phỏng đoán vô tư ấy khiến cô phải giật thột bởi vì cô tự cho phép mình hiểu lấy những điểm tận cùng của nỗi bất hạnh mà cô đã đi tới. Thế là cô lấy hết sức bình sinh và buộc người chồng phải tranh luận trực tiếp với mình chứ không được quanh co, phải cùng khóc với cô vì đã để mất thiên đường của ái tình, cho đến khi cả hai người cùng nghe tiếng gà gáy sáng cuối cùng, cùng nhìn thấy ánh sáng làm nổi rõ những đường viền của dinh thự, cùng nhìn thấy mặt trời lên. Lúc ấy người

chồng mặt nề ra vì nói nhiều qúa, người phạc phờ vì mất ngủ, với trái tim kiên cường hơn nhờ khóc lóc nhiều, đã buộc lại dây giầy, thắt chiếc dây lưng, nghĩa là ngài thắt lại tất cả những gì thuộc về người đàn ông cần phải làm trước khi ra khỏi nhà, và ngài nói rằng "anh đồng ý, em thân yêu ạ, rằng chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm lại ái tình bị mất ở châu Âu: ngay ngày mai và mãi mãi chúng ta phải tìm cho được cái tình yêu ấy". Đó là một quyết định hết sức sáng tỏ đến mức ngài đi gặp ngay và thỏa thuận với nhà băng En Têxôrô về việc bán đứt toàn bộ bất động sản của gia đình nhưng đã bị thất tán ngay từ những nguồn gốc của nó trong các văn tự, mà về thực chất giá trị của bất động sản này chỉ có ngài mới biết đích xác rằng nó không phải là kho của cải không thể tính xuể như người ta từng đồn đại mà thực ra nó chẳng đáng là bao để phải nghĩ nhiều. Số của cải ấy, từng được chuyển thành vàng và có lẽ đã được chuyển dần cho các nhà băng ở nước ngoài để đến mức hiện nay họ, ngài và vợ ngài, chẳng còn gì ngay cả ba thước đất chôn người chết cũng không có nốt.

Vậy là quả thật Phlôrêntinô Arixa vẫn tồn tại ngược hẳn với điều cô phỏng đoán. Anh đang đứng ở bến cảng có con tàu vượt đại dương của Pháp đậu khi cô cùng chồng và đứa con trai đi trên chiếc xe do những chú ngựa vàng kéo đến đây và anh nhìn thấy bọn họ xuống xe như bao lần anh từng nhìn thấy họ trong các

hoạt động xã hội: nghĩa là rất đàng hoàng. Họ đi cùng đứa con trai được giáo dưỡng theo kiểu mà qua đó cho phép ta nhận ra nó sẽ như thế nào khi ở tuổi trưởng thành: nghĩa là nó sẽ phải như thế. Bác sĩ Huvênan Ucbinô vui vẻ vẫy mũ chào Phlôrêntinô Arixa và nói: "Chúng tôi đi Phần Lan đây". Phecmina Đaxa gật đầu chào anh. Phlôrêntinô Arixa nhận ra cô chào mình và anh cũng khẽ ra hiệu chào cô. Phecmina Đaxa để ý tới anh mà không hề động lòng trắc ẩn trước những biểu hiện qúa sớm của việc anh sẽ hói đầu. Đúng là anh rồi, y hệt như điều cô từng nhận ra anh: một cái bóng của một người nào đó mà cô chưa bao giờ quen biết cả.

Phlôrêntinô Arixa cũng đang ở trong thời kì vất vả. Hiện nay anh đạt tới sự bình lặng hoàn toàn của người có tuổi, đã chán ngấy công việc của kẻ đi săn trộm, đã phải làm việc ngày càng căng thẳng hơn và hơn thế nữa anh phải lo sức khỏe của Tranxitô Arixa đang suy sụp nghiêm trọng: bà cụ hầu như không còn nhớ được gì nữa, trí nhớ của bà đã bị xóa nhòa hoàn toàn. Ngay cả khi đôi lúc bà cụ quay về phía anh ngồi trên ghế xích đu đang đọc sách và bà cụ ngạc nhiên hỏi anh: "Anh là con ai vậy?". Anh bao giờ cũng trả lời rất thật thà nhưng bà cụ lại cắt ngang câu trả lời của anh và hỏi ngay:

- Con yêu, con hãy nói cho mẹ biết, - bà cụ nói. - Ta là ai vậy?

Bà cụ béo phì ra rất nhiều đến mức không thể đi lại được và cả ngày ngồi ở cửa hàng mà giờ đây chẳng còn gì để bán, cứ việc trang điểm cho bản thân suốt từ lúc gà gáy sáng lần đầu cho đến tận khuya ngày hôm sau, vì trên thực tế cụ ngủ được rất ít. Bà cụ tự đội lên đầu mình chiếc miện có gài hoa giấy, rồi tô môi son, thoa phấn lên mặt và hai cánh tay, và cuối cùng bà cụ sẽ hỏi bất cứ người nào ở gần mình rằng thấy mình thế nào. Những người hàng xóm biết rằng bà cụ đang đợi chỉ một câu trả lời thường xuyên: "Cụ là Cucarachita Mactinêt". Sự đồng nhất này, lấy tích từ một nhân vật trong một truyện thiếu nhi, là cái duy nhất khiến bà cụ hài lòng. Cụ ngồi trên ghế xích đu mà đung đưa, lấy chiếc quạt lông hồng mà quạt cho chính mình cứ thế cho đến khi bà cụ lại làm công việc thường ngày của mình: lại đội lên đầu chiếc miện gài hoa giấy, lại tô môi, kẻ mày, thoa phấn trên mặt. Lại một lần nữa bà cụ hỏi người đứng bên cạnh: "Thấy tôi thế nào hả?". Khi bà cụ biến thành mụ hoàng hậu gây cười cho hàng xóm, trong một đêm Phlôrêntinô Arixa cho phá đi quầy bán hàng, tủ trưng bày hàng hoá ở cửa hàng cũ, bịt kín cửa ăn thông ra đường phố, và sửa sang nó theo đúng như phòng ngủ của Cucarachita Mactinêt mà anh đã nghe thấy bà cụ thường miêu tả, rồi từ độ ấy trở đi không bao giờ nghe thấy cụ hỏi mình là ai nữa.

Theo yêu cầu của ông chú Lêông XII, Phlôrêntinô Arixa đã thuê một người đàn bà có tuổi chăm nom bà

cụ, nhưng cụ già đáng thương thường ngủ nhiều hơn thức và đôi lúc còn cho ta cảm giác chính cụ đã quên mình là ai. Do đó Phlôrêntinô Arixa ở nhà kể từ lúc đi làm về cho đến khi dỗ được bà cụ ngủ. Anh không đến Câu lạc bộ Thương mại để chơi đôminô và bẵng đi một thời gian khá lâu anh cũng chẳng đi thăm những người bạn gái quen biết trước đây anh vẫn thường đến với họ, bởi vì trong trái tim anh đã có một cái gì đó thay đổi sâu sắc kể từ cuộc gặp gỡ đáng sợ với Ôlimpia Xulêta.

Đó là cuộc gặp gỡ nguy hiểm. Phlôrêntinô Arixa vừa đưa ông chú Lêông XII về nhà trong lúc một trong số những cơn giông tháng mười thường buộc chúng ta phải nghỉ việc đang thổi rất mạnh, và từ trên xe anh nhìn thấy một cô gái nhỏ nhắn, mảnh mai, mặc một bộ váy áo diện như váy áo của cô dâu. Anh nhìn thấy cô lảo đảo chạy bên này sang bên kia vì gió mạnh đang thổi phồng chiếc ô trên tay cô như đang định cuốn cô ra biển. Anh đưa cô lên xe và cho xe chạy về thẳng nhà cô, một ngôi nhà cũ được sửa sang chắc chắn có thể sống trong nó, mặt đối mặt với biển. Trong sân nhà đầy những chuồng chim bồ câu có thể được nhìn thấy rõ ngay từ ngoài đường cái. Ở trên xe cô ta kể cho anh biết rằng cô ta đã lấy chồng được gần một năm nay. Chồng cô là một anh nông dân chuyên đi buôn chuyến mà Phlôrêntinô Arixa vẫn thường thấy nhiều lần trên các tàu thủy của hãng mình, người vẫn

bốc lên bờ những chiếc hòm đựng đủ loại hàng hoá và cả một thế giới chim bồ câu nhốt trong một cái lồng có lưới vây kín chung quanh như loại lồng mà các bà mẹ vẫn nhốt trẻ sơ sinh mỗi bận phải đi lại trên tàu thủy. Dường như Ôlimpia Xulêta là con gái một gia đình nuôi ong. Nhận xét đó không chỉ bắt nguồn từ bộ mông vồng và eo lưng thắt đáy của cô mà còn bởi toàn bộ con người cô: bộ tóc quăn màu đồng hun, nước da rám nắng, đôi mắt tròn và tươi tắn hơi khác thường một chút, một giọng nói trong trẻo dường như chỉ được dùng để nói những điều thông minh, ý nhị và vui vẻ. Phlôrêntinô Arixa cảm thấy cô là một người con gái ý nhị hơn là người con gái hiếu động và anh quên ngay cô sau khi đã đưa cô về đến nhà, là nơi cô chung sống với người chồng, ông bố chồng và một số thành viên khác của gia đình.

Mấy ngày sau, Phlôrêntinô Arixa gặp người chồng ở bến cảng đang bốc hàng lên tàu, và khi con tàu nhổ neo, anh nghe rõ trong tai mình có tiếng nói của quỷ dữ. Chiều ấy, sau khi đưa ông chú Lêông XII về nhà, anh giả tảng như là mình ngẫu nhiên cho xe chạy qua nhà Ôlimpia Xulêta và anh nhìn thấy cô đang cho bồ câu ăn ở phía trong hàng rào. Từ trên xe anh gào lên gọi cô gái: "Bao nhiêu tiền một con bồ câu đấy?". Cô ta nhận ra anh và trả lời bằng giọng nói vui vẻ: "Không bán đâu". Anh hỏi tiếp: "Làm thế nào để có một con bây giờ?". Vẫn không ngừng tay cho chim

ăn, cô trả lời anh: "Đưa cô gái nuôi bồ câu đi trên xe khi cô ta gặp mưa giữa đường!". Vậy là đêm ấy anh trở về với tặng vật của Ôlimpia Xulêta: một con bồ câu đưa thư trong nách cánh có sẵn một chiếc vòng kim loại.

Chiều hôm sau, vào đúng giờ cho chim ăn, cô gái xinh đẹp nuôi bồ câu ấy lại nhận thấy con bồ câu đã làm qùa tặng anh mà hiện nay đang có mặt ở chuồng và cô nghĩ rằng chắc là nó trốn về đây. Nhưng khi cô bắt lấy nó khám kĩ thì thấy nó mang theo một mẩu giấy cuốn quanh vòng kim loại: một lá thư tỏ tình. Đó là lần đầu tiên Phlôrêntinô Arixa đã để lại chứng tích trên thư từ và đây chẳng phải là lần cuối cùng, mặc dù trong trường hợp này anh thận trọng không kí tên. Buổi chiều hôm sau, ngày thứ tư, đang lúc bước vào trong nhà mình thì một kẻ không quen đưa cho anh chính con bồ câu ấy nhốt trong một cái lồng và nói lời nhắn mà nó đã thuộc lòng: "cô nuôi chim bồ câu gửi cho ông cái lồng chim này đây và cô ấy nhờ cháu nói lại với ông rằng ông hãy làm ơn đóng kín cửa chiếc lồng lại kẻo con bồ câu này lại bay mất và đây là lần chót mà cô ấy gửi trả cho ông đấy". Anh thật không biết giải thích như thế nào về hiện tượng này: hoặc giả là con chim bồ câu ấy đã đánh rơi mất thư trên đường bay về nhà, hoặc giả cô gái nuôi chim bồ câu lại làm ra vẻ ngây thơ, hoặc giả chính cô ta gửi cho anh con bồ câu này để anh lại gửi thư cho cô. Tuy nhiên, trong

trường hợp sau cùng này lẽ tự nhiên cô ta có thể gửi trả con bồ câu cùng với bức thư trả lời.

Buổi sáng ngày thứ bảy, sau khi suy nghĩ lao lung, Phlôrêntinô Arixa lại cho con bồ câu mang bức thư không kí tên bay về nhà chủ. Lần ấy anh chẳng phải đợi sang ngày hôm sau. Buổi chiều, chính thằng bé ấy mang đúng con bồ câu ấy nhốt trong lồng khác mang đến cho anh cùng với lời nhắn nhủ của cô nuôi chim bồ câu rằng đây cô ấy trả lại ông con bồ câu đã xổng chuồng bay về, rằng lần trước cô gửi trả vì cô là người được giáo huấn tử tế, lần này gửi trả là vì cô thương hại ông, nhưng nếu ông lại để nó xổng, cô sẽ không trả lại nữa đâu, thật đấy. Tranxitô Arixa vui chơi với con bồ câu mãi đến khuya, bà cụ bắt nó ra khỏi chuồng, bế nó trong hai cánh tay và cố lòng ru nó ngủ bằng những bài hát ru con và bỗng nhiên bà cụ phát hiện ra trên vòng đeo ở cổ chân con vật có một mẩu giấy ghi đúng một dòng chữ: *Em không nhận những bức thư nặc danh*. Phlôrêntinô Arixa đọc bức thư ấy mà tim anh đập rộn ràng như thể đó là đỉnh cao của cuộc mạo hiểm đầu tiên của mình và đêm ấy hầu như anh không thể ngủ được, nằm trên giường mà người cứ trăn trở đầy xao xuyến. Sáng tinh mơ ngày hôm sau, trước khi đi làm, anh thả con bồ câu mang theo một phong thư tình có kí rõ tên anh và ngoài ra, trên vòng chân con vật anh còn đeo thêm một bông hồng tươi nhất, đỏ thắm nhất, thơm nhất trong vườn nhà.

Cuộc săn đuổi ái tình này cũng chẳng dễ dàng gì. Sau ba tháng bị săn đuổi ráo riết, cô gái xinh đẹp nuôi chim bồ câu vẫn chỉ nói một điều duy nhất: "Em không thuộc số những cô gái ấy". Nhưng không bao giờ cô không nhận thư tình của anh cũng chẳng bao giờ để lỡ những cuộc hẹn hò mà Phlôrêntinô Arixa sắp đặt như những cuộc gặp gỡ vô tình giữa hai người. Lúc nào anh cũng đóng vai người xa lạ: người yêu chẳng bao giờ ra mặt, người rất nhiệt tình đối với tình yêu nhưng đồng thời cũng là người tầm thường nhất, người không cho phép bất kì ai để lại trong trái tim anh một dấu ấn của mối tình giữa hai người, kẻ đi săn lén lao ra đường chơi hết mình với sự lôi cuốn của những phong thư tình có kí tên rõ ràng, với những tặng vật lộng lẫy, với những cú mạo hiểm thiếu thận trọng để mò tới nhà người đàn bà nuôi chim bồ câu, ngay cả trong hai trường hợp người chồng không đi chợ và cũng chẳng đi xa. Kể từ những ngày đầu tiên của kẻ đi săn lén, đây là lần duy nhất anh cảm thấy mình bị mũi tên của thần ái tình xuyên qua trái tim mình.

Sáu tháng sau cuộc gặp gỡ đầu tiên, bọn họ lại gặp nhau trong một buồng giường nằm của một chiếc tàu thủy đậu tại cảng đang trong quá trình sơn lại. Đó là một buổi chiều kì diệu. Ôlimpia Xulêta có một tình yêu rất vui vẻ, nó tựa như tình yêu của một con bồ câu mái đang gù trống, và cô thích được khỏa thân hoàn

toàn vài giờ trong một sự nghỉ ngơi kéo dài mà đối với cô nó cũng nồng say như tình yêu vậy. Phòng giường nằm đang được sửa lại, đang sơn dở, và cái mùi sơn kia thật tuyệt để cô gái mãi mãi khắc họa buổi chiều hạnh phúc này trong kí ức của mình. Bỗng nhiên thể theo những đòi hỏi của một ý nghĩ bất chợt đến với mình, Phlôrêntinô Arixa mở nắp một hộp sơn đỏ ở ngay trong tầm tay, rồi anh lấy ngón tay trỏ quẹt sơn vẽ trên bụng của người đàn bà nuôi chim bồ câu một mũi tên màu máu chỉ về phía dưới và viết một dòng chữ: *Cái con ngài này là của anh*. Ngay chính đêm ấy, Ôlimpia Xulêta khỏa thân trước mắt người chồng mà không nhớ hàng chữ ấy, còn anh chồng chẳng nói một lời, cũng chẳng thay đổi thái độ, anh ta chẳng thể hiện sự khó chịu gì hết, mà chỉ lẳng lặng đi vào nhà tắm tìm con dao cạo râu trong lúc cô mặc chiếc áo ngủ và thế là anh ta dùng con dao ấy cứa một nhát vào cổ người đàn bà đẹp nuôi chim bồ câu.

Phlôrêntinô Arixa không biết chuyện ấy mãi đến những ngày sau khi người chồng chạy trốn bị bắt lại và y đã nói rõ lí do cũng như hình thức gây tội ác của y trước các nhà báo. Trong rất nhiều năm, Phlôrêntinô Arixa vẫn còn sợ hãi khi nghĩ đến những bức thư tình có kí tên rõ ràng, anh tính từng năm người chồng phải ngồi tù, người mà anh biết rõ ràng qua những chuyến đi buôn trên tàu thủy của hãng mình. Nhưng thực lòng anh không sợ con dao cạo cứa vào cổ cũng như vụ tai

tiếng vừa rồi bằng việc anh sợ cái sự kiện không may này: Phecmina Đaxa biết chuyện anh không chung thủy với mình. Trong những năm chờ đợi, người đàn bà có tuổi chăm nom Tranxitô Arixa phải ở lại chợ quá lâu so với giờ định trước do bị một cơn mưa rào không đúng mùa bất thình lình trút nước xuống và khi về đến nhà thì đã thấy cụ Tranxitô Arixa chết rồi. Cụ ngồi trên ghế xích đu, đầu đội chiếc vương miện cài hoa giấy, mặt được tô điểm son phấn, như lâu nay cụ vẫn làm thế, với đôi mắt rất sống động và một nụ cười rất ranh mãnh đến mức người đàn bà trông nom cụ không nhận ra rằng cụ đã chết vừa được hai giờ đồng hồ. Trước đó ít lâu cụ đã chia cho đám trẻ con hàng xóm kho của cải của mình gồm vàng và đá quý được chôn cất dưới gầm giường. Cụ bảo chúng rằng đây là những thứ có thể ăn như kẹo và do đó Phlôrêntinô Arixa không thể thu hồi lại được một thứ gì trong số những thứ quý giá nhất. Phlôrêntinô Arixa chôn cụ tại điền trang cũ La Manô đê Điôt mà cho đến lúc ấy vẫn không được mệnh danh là Nghĩa trang Thổ tả và anh trồng trên mộ cụ một khóm hồng.

Ngay từ những chuyến viếng thăm nghĩa trang đầu tiên, Phlôrêntinô Arixa phát hiện ra rằng cạnh mộ mẹ mình là mộ Ôlimpia Xulêta, không có bia mộ, nhưng tên và ngày chết của cô được ai đó dùng ngón tay viết trên thành mộ khi xi măng còn ướt và anh ghê rợn mà nghĩ rằng đó là một sự cười cợt đẫm máu của người

chồng. Khi cây hồng trên mộ mẹ trổ hoa, anh hái một bông để lên mộ cô, trong trường hợp anh không thấy có ai ở bên cạnh, rồi sau đó anh tỉa một nhánh hồng ở mộ mẹ mang sang trồng ở mộ cô. Cả hai khóm hồng này sinh sôi nảy nở rất nhanh đến mức Phlôrêntinô Arixa phải mang kéo và một số cọc sắt ở vườn nhà đến để tỉa cành và chống đỡ cho cây mọc ngay thẳng. Nhưng hai khóm hồng này phát triển nhanh và mạnh vượt ra ngoài sức lực của anh: chỉ mấy năm sau khi anh trở lại thăm, hai khóm hồng này đã mọc lan ra tựa như cây cỏ hoang dại trùm kín cả hai ngôi mộ. Và cái nghĩa trang chuyên dùng để chôn người chết trong nạn dịch tả, kể từ dạo ấy trở đi, được gọi tên là nghĩa trang Hoa Hồng, cho đến khi có một vị thị trưởng nào đó, người kém phần thực tế hơn là sự thông thái của nhân dân, chỉ trong một đêm đã cho trồng hoa hồng trên khắp nghĩa trang này, và ở ngay cổng vào ngài cho treo cho một tấm biển: Nghĩa trang Đại đồng.

Cái chết của bà mẹ lại để cho Phlôrêntinô Arixa một lần nữa lao vào những công việc đầy hứng thú của mình: công việc ở văn phòng, những cuộc gặp gỡ theo thứ tự chặt chẽ với các cô nhân tình thường ngày của mình, những ván cờ *đôminô* ở Câu lạc bộ Thương mại, những cuốn sách tình, những chuyến viếng thăm nghĩa trang ngày chủ nhật. Đó là sự ôxy hoá của thói quen, rất buồn tẻ và rất đáng sợ, nhưng nó lại che chở anh khỏi nỗi lo lắng về tuổi tác của mình. Tuy nhiên,

có một ngày chủ nhật trong tháng chạp, khi những khóm hồng trồng trên hai ngôi mộ mọc um tùm giao cành sang nhau, anh nhìn thấy những con chim họa mi đậu trên hàng dây điện đèn vừa được mắc xong, và bỗng anh nhận ra rằng biết bao thời gian đã qua đi kể từ ngày bà mẹ mất, biết bao thời gian qua đi kể từ cái buổi chiều tháng chạp mà Phecmina Đaxa gửi cho anh một bức thư nói rằng vâng, rằng cô yêu anh mãi mãi. Cho đến tận lúc ấy anh đã hoạt động như thể thời gian không qua đi với bản thân mình mà chỉ qua đi với những người khác. Ngay như cái tuần trước đây, anh gặp lại một trong những cặp vợ chồng lấy nhau nhờ có những bức thư tình anh viết hộ và anh đã không nhận ra đứa con lớn, vốn là con đỡ đầu của anh. Thế là anh tự che giấu nỗi ngượng ngùng của bản thân bằng một câu nói tỏ ý đầy thán phục: "Chao ôi, lớn qúa nhỉ, người lớn rồi còn gì nữa !" Anh luôn luôn như vậy mặc dù cơ thể anh đã để lộ những dấu hiệu của tuổi già đáng phải lo ngại, bởi vì lúc nào anh cũng có cái sức khoẻ bền như lim của những người không hay ốm. Tranxitô Arixa vẫn thường bảo: "Cái bệnh duy nhất mà con trai tôi mắc phải ấy là bệnh thổ tả". Dĩ nhiên bà cụ đã nhầm lẫn giữa bệnh thổ tả với tình yêu ngay từ trước khi trí nhớ của bà cụ bị giảm sút. Nhưng dù sao đi nữa, bà cụ vẫn cứ nhầm to, vì con trai cụ đã sáu lần bị bệnh lậu rồi, nếu như viên thầy thuốc nói rằng không phải là sáu mà đúng hơn chỉ là một bệnh ấy

thôi và cái bệnh này xuất hiện lại sau mỗi khi anh bị thất bại. Ngoài ra anh đã một lần bị bệnh sưng bạch hạch, lần đầu bị bệnh sa đì, và sáu lần bị bệnh hác lào, nhưng cả anh và cả những người khác đều không xem chúng như là bệnh tật mà lại coi chúng như là những chiến công.

Vừa tròn bốn mươi tuổi mà anh đã phải đến thầy thuốc nhờ ông ta khám bệnh vì anh thấy người mình cứ mỏi nhừ. Sau khi khám xét kĩ càng, người thầy thuốc bảo anh: "Chẳng có bệnh gì cả. Những thứ đau này chẳng qua do tuổi tác mà thôi". Anh trở về nhà mà chẳng bao giờ tự hỏi xem lời phán định của thầy thuốc có liên quan gì tới mình không. Bởi điều duy nhất đáng phải lưu ý của quá khứ đời anh là những năm đẹp đẽ sống trong tình yêu thuở ban đầu với Phecmina Đaxa và chỉ những gì có liên quan đến cuộc đời anh. Do vậy mà cái buổi chiều anh nhìn họa mi đậu trên dây điện đèn, anh đã điểm duyệt lại qúa khứ của mình kể từ kí ức xa xưa nhất, điểm duyệt lại vô vàn những mối nguy hiểm mà anh phải vượt qua để đạt tới địa vị lãnh đạo hiện nay trong hãng tàu thủy, điểm duyệt lại những sự kiện không thể đếm được từng xui khiến anh đi đến cái quyết tâm mạnh mẽ: bất chấp tất cả, anh sẽ làm hết sức mình để Phecmina Đaxa là của anh và anh là của cô, và chỉ đến lúc này anh mới nhận ra rằng anh đã để cho cuộc đời của mình trôi đi. Một cơn rùng mình lạnh buốt xương

sống làm tối sầm mắt anh lại và anh buộc phải buông chiếc cưa của người làm vườn ra và vội bám vào tường thành nghĩa trang để cho cú đạp đầu tiên của tuổi già không quật ngã mình.

- Của khỉ, - anh hoảng hốt kêu lên, - thế mà đã ba mươi năm rồi!

Quả thế thật. Dĩ nhiên đó cũng là ba mươi năm đã qua đi đối với Phecmina Đaxa, nhưng đối với cô, chúng là những năm tháng êm đẹp của đời mình. Những ngày kinh sợ trong dinh thự Casanđuêrô đã chìm sâu xuống đáy sọt rác của kí ức rồi. Cô sống trong ngôi nhà mới của mình ở La Măngga, hoàn toàn làm chủ số phận mình, với một ông chồng mà cô lại yêu thích hơn trong số những người đàn ông thuộc cõi đời này nếu cô phải chọn lựa lần nữa, với một đứa con trai đang theo học trường y tế để tiếp nối truyền thống của gia đình và một cô con gái giống hệt cô khi cô ở tuổi nó, đến mức đôi lần cô nao núng bởi cảm giác mình đang được lặp lại ở chính cô con gái này. Kể từ sau chuyến du lịch bất hạnh từng được dự tính trước để không bao giờ trở lại sống trong nỗi hoảng loạn thường xuyên, đã ba lần cô du chơi sang châu Âu rồi.

Cuối cùng có lẽ Thượng đế đã nghe thấy trong lời cầu nguyện của một người nào đó: Phecmina Đaxa và bác sĩ Huvênan Ucbinô sống ở Pari được hai năm, khi mà bọn họ vừa mới bắt đầu tìm kiếm cái còn sót lại của tình yêu trong đống đổ vỡ thì có một bức điện

khẩn đến vào nửa đêm đã đánh thức họ dậy. Bức điện báo cho họ biết tin rằng bà cụ Blăngca đang bị ốm nặng và ngay sau đó họ lại nhận tiếp bức điện nữa báo tin cụ đã tạ thế. Bọn họ trở về ngay tức khắc. Phecmina Đaxa bước xuống cầu tầu trong chiếc *tunica* rộng thùng thình đượm màu tang tóc mà độ rộng của nó vẫn không đủ che kín cái bụng lùm lùm của cô. Quả nhiên, lại một lần nữa cô có thai, và cái tin cô có thai lại là khởi hứng cho một bài hát dân gian hàm ý đùa cợt hơn là chế giễu mà điệp khúc của nó trở thành mốt được cả thành phố hát trong suốt năm đó: *Điều gì đã xảy ta với người đẹp ở Pari mà sao cứ mỗi bận trở về đều mang thai sắp đẻ*. Bất chấp tính chất suồng sã của lời văn, bác sĩ Huvênan Ucbinô vẫn ra lệnh cho người ta hát nó trong các buổi dạ hội tại Câu Lạc bộ Xã hội mãi cho đến những năm sau này, coi đó như là một bằng chứng về tinh thần vui vẻ của ngài.

Dinh thự qúy báu của Hầu tước Casanđuêrô, mà về tầm rộng lớn và vinh quang của nó không bao giờ có được tin tức chính xác, được bán lần đầu với giá phải chăng cho Ngân quỹ Thành phố và sau này được bán lại cho chính phủ trung ương với một giá cực lãi, khi một nhà nghiên cứu người Hà Lan đang đào bới để chứng minh rằng dưới dinh thự này là ngôi mộ đích thực của Crixtôp Côlông: ngôi mộ thứ năm của Đại đô đốc. Những chị em gái của bác sĩ Huvênan Ucbinô đã vào sống trong tu viện của các nữ tu dòng Phranxixcô

đê Salê, họ bị buộc phải tu kín và Phecmina Đaxa ở lại nhà cũ của cha đẻ cho đến khi nhà số năm ở phố La Măngga được mua bán xong. Bà dõng dạc bước vào ngôi nhà mới, bước vào để sai phái, và dọn về đây những bàn ghế giường tủ sản xuất tại Anh quốc được mua về từ chuyến du lịch đầu tiên sang châu Âu, chuyến đi thưởng ngoạn tuần trăng mật, và các đồ nội thất cần phải bổ sung được mang về sau chuyến du chơi ở châu Âu để củng cố tình yêu của hai người, rồi ngay từ ngày đầu bà đã bắt đầu để ở khắp nơi trong khu nhà những con vật lạ mà bà từng trèo lên các con tàu thuộc vùng Caribê để mua. Bà bước vào ngôi nhà với người chồng vừa giành lại được, với thằng con trai được nuôi dưỡng chu đáo và với đứa con gái sinh nở sau bốn tháng vợ chồng họ từ châu Âu trở về và nó được đặt tên là Ôphêlia. Về phần mình, bác sĩ Huvênan Ucbinô hiểu rằng thật là khó lòng giành lại người vợ hoàn hảo như người vợ trong chuyến du chơi sang châu Âu để hưởng tuần trăng mật bởi vì phần tình yêu mà ngài muốn được tận hưởng lại là cái phần bà giành cho các con, nhưng bà đã rèn luyện để sống và hạnh phúc với những gì còn lại. Sự hòa thuận bấy lâu từng ao ước rất nhiều nay bỗng nhiên đạt được ở ngay nơi không ai nghĩ tới: ở ngay bữa cơm thịnh soạn có một bát canh ngon mà Phecmina Đaxa không biết là thứ gì. Bà bắt đầu ăn rất ngon miệng, bà rất thích đến mức người ta bưng lên hầu bà bát thứ hai và bà

lấy làm phiền lòng vì theo phép lịch sự không thể ăn tới bát thứ ba khi bà biết rằng mình vừa ăn hết hai bát canh cà đầy với tất cả niềm thích thú. Bà không còn sợ cà nữa và từ độ ấy trở đi, tại ngôi nhà số năm phố Măngga, người ta lại ăn cà dưới mọi hình thức chế biến và hầu như ăn thường xuyên như hồi còn sống tại dinh thự Casanđuêrô, và cà là món ăn được mọi người rất ưa thích đến mức trong những giờ rảnh rỗi của tuổi già bác sĩ Huvênan Ucbinô vẫn thường nhắc đi nhắc lại rằng ngài muốn có thêm một đứa con gái nữa để đặt cho nó cái tên mà cả nhà yêu thích: Bêrênhêna Ucbinô[1].

Lúc ấy Phecmina Đaxa hiểu rằng, ngược lại với cuộc sống xã hội, cuộc sống gia đình rất quanh co và không thể nhìn rõ được. Đối với bà thật khó mà thiết lập được những sự khác nhau thực tế giữa trẻ em và người lớn, nhưng trong những phân tích cuối cùng bà vẫn thích trẻ em hơn bởi vì chúng có quan điểm rõ ràng hơn. Hầu như vừa bước sang tuổi trưởng thành, bị tước hết mọi ảo tưởng, bà bắt đầu nhìn rõ cái nhàm chán của cuộc đời vốn không chỉ là những niềm mơ ước trong tuổi thanh xuân, cái thời ở công viên Lốt Êvănghêliôt, chẳng bao giờ được thực hiện mà nó còn là một cái gì đó chẳng bao giờ dám nói ngay với chính mình: bà chỉ là một người hầu gái sang trọng. Ở ngoài

[1] Nghĩa: Cô Cà nhà Ucbinô.

xã hội bà đã trở thành một mệnh phụ được yêu quý, được kính trọng nhất, đồng thời cũng là một mệnh phụ đáng sợ hơn cả, nhưng trong gia đình bà chẳng là gì hết ngoại trừ điều người ta đòi hỏi bà nhiều hơn và không tha thứ cho bà trong công việc nội trợ nếu như có sơ suất. Lúc nào bà cũng cảm thấy mình sống một cuộc đời phụ thuộc vào người chồng: là người có quyền tuyệt đối của một vương quốc rộng lớn của niềm hạnh phúc được ngài xây dựng lên và cái niềm hạnh phúc ấy bao giờ cũng dành riêng cho ngài. Bà biết rõ rằng ngài yêu mình sâu sắc nhất, yêu mình hơn bất kì ai trên cõi đời này nhưng bà chỉ là của riêng ngài mà thôi: yêu bà để bà tận tụy hầu hạ ngài.

Nếu có sự kiện nào đó khiến bà khổ sở thì đó là các bữa ăn hàng ngày, một cái án khổ sai chung thân. Bởi vì không những chúng lúc nào cũng phải được dọn đúng giờ mà còn phải tinh tươm, còn phải đúng như sở thích của ngài mà khi làm món ăn không phải hỏi ngài xem thích món ăn nào và nấu như thế nào. Nếu như đôi lần bà hỏi ngài, như một trong vô số những lễ nghi vô tích sự của tập quán gia đình này, thì ngài vẫn dán mắt vào tờ báo mà trả lời gọn lỏn: "Ăn gì cũng xong". Ngài nói thật bụng, với điệu bộ thật đáng yêu, bởi vì ngài không thể nào hiểu nổi một người chồng độc đoán. Nhưng khi ngồi ăn thì không thể món ăn bất kì nào cũng được, mà phải đúng là cái món ngài thích và phải rất tinh tươm: nghĩa là thịt khi ăn phải để người

ăn không nhận ra là thịt; nghĩa là món cá khi ăn phải không để người ăn nhận ra là cá, nghĩa là thịt gà khi ăn phải để người ăn không thấy có lông. Ngay cả trong mùa không có măng tây cũng phải bằng bất kì giá nào kiếm được măng tây để cho ngài có thể thích thú ngay trong cái mùi nước giải thơm lựng của mình. Chỉ cần ngài thoáng có ý nghi ngờ là lập tức ngài gạt món ăn trên bàn sang một bên rồi nói: "Cơm canh gì mà nhạt tèo, dường như nó được nấu ra không phải bằng tình thương". Trong câu nói này ngài đã buộc những người khác phải suy nghĩ lao lung. Có một lần ngài nếm rượu táo, ngài trả lại ngay cốc rượu và nói: "Cái của nợ này có mùi cửa sổ". Từ Phecmina Đaxa đến các cô hầu gái đều lấy làm ngạc nhiên vì không ai biết một người nào đó đã uống thứ rượu để xem xem nó như thế nào thì bọn họ đã hiểu ra: "đúng là nó có mùi cửa sổ thật".

Ngài là một người chồng hoàn hảo. Không bao giờ ngài cúi xuống nhặt một thứ nào đó rơi ở dưới sàn nhà, cũng không hề đóng cửa, không hề tắt đèn. Trong bóng tối buổi ban mai, khi quần áo ngài thiếu một chiếc cúc, Phecmina Đaxa nghe thấy ngài nói rằng: "Người ta phải cần tới hai người vợ, một cô để ân ái và một cô để đơm cúc quần áo khi nó bị khuyết". Tất cả các buổi sáng, ngay từ ngụm cà phê đầu tiên uống trong ngày và ngay từ thìa canh nghi ngút khói nóng, ngài thốt ra tiếng kêu đau đớn chẳng khiến ai giật

thột, và tiếp một câu nói cho thỏa cơn bực lòng: "Ngày mà tôi đi khỏi cái nhà này hẳn các người sẽ biết rằng cần phải như vậy vì tôi ngấy đến tận cổ cái việc cứ ngồi vào bàn ăn là miệng bị bỏng phồng ra". Ngài bảo rằng chẳng bao giờ các bữa cơm trưa được nấu cho ngon lành và độc đáo như những bữa trưa trong ngày ngài không thể ngồi ăn vì đã uống thuốc tẩy ruột, và ngài cứ đinh ninh tin rằng đó là sự bội phản của người vợ đến mức ngài đi đến quyết định sẽ không uống thuốc tẩy ruột nếu bà vợ không cùng tẩy ruột với mình.

Bực mình trước thái độ làm thinh không chịu hiểu biết của chồng, bà yêu cầu ngài tặng cho mình một tặng phẩm độc đáo nhân ngày sinh của bà. Đó là việc ngài thay mình đảm đương công việc nội trợ trong một ngày thôi. Ngài vui vẻ chấp thuận ngay, và từ sáng sớm ngài bắt tay vào công việc. Ngài dọn một bữa điểm tâm thật thịnh soạn nhưng ngài lại quên mất rằng bà không thích ăn trứng tráng và cà phê sữa. Sau đó ngài ra lệnh chuẩn bị bữa trưa mừng sinh nhật có mời tám khách ăn và ngài cố gắng hết sức để làm tròn bổn phận người cai quản gia đình còn tốt hơn cả bà đến mức gần mười hai giờ trưa ngài phải đầu hàng công việc mà không có lấy một động tác hổ thẹn. Ngay từ phút đầu tiên ngài nhận ra rằng mình hoàn toàn không quen biết công việc đến mức không biết các dụng cụ để ở đâu, nhất là trong nhà bếp, và những

người hầu cứ để mặc cho ngài chạy đi chạy lại tìm kiếm chúng, tìm kiếm từng cái một bởi vì các cô cũng về hùa với bà chủ để trêu chọc ngài. Đến mười giờ trưa người ta vẫn chưa thể quyết định sắp bữa tiệc vì nhà cửa chưa lau quét, phòng ngủ vẫn chưa dọn dẹp xong, phòng vệ sinh vẫn chưa được cọ rửa, ngài quên không thay giấy vệ sinh, không thay ga trải giường nhưng ngài đã vội bảo tay đánh xe đi tìm lũ trẻ, và ngài nhầm lẫn chức phận của các cô người hầu: sai người đầu bếp đi dọn phòng ngủ và sai bọn hầu phòng đi nấu ăn. Đến mười một giờ trưa, sắp tới giờ khách đến dùng cơm, nhà cửa vẫn cứ bề bộn đến mức Phecmina Đaxa không chịu nổi đành phải ra tay dọn dẹp và chỉ huy công việc. Bà làm trong lúc cười ngặt nghẽo nhưng không phải bà cười với thái độ của người chiến thắng mà đúng hơn bà cười vì mủi lòng thương hại đối với người chồng qúa ư vụng về trong công việc nội trợ. Ngài cảm thấy đau đớn trước thất bại của mình nhưng lại khéo chống chế bằng luận điệu quen thuộc: "Chí ít ra, nó cũng không tồi tệ hơn như cái việc anh đi tìm hiểu em mà cứ giả vờ đi chữa bệnh hồi ấy". Nhưng bài học lại rất bổ ích, không chỉ đối với ngài. Trong những tháng sau đó, bằng những con đường khác nhau, bọn họ, bác sĩ Huvênan Ucbinô và Phecmina Đaxa, cùng đi tới một kết luận thông minh rằng qủa là không thể chung sống với nhau dưới một hình thức nào khác cũng như không thể yêu nhau dưới

một hình thức nào khác: trên cõi đời này không gì khó hơn là tình yêu.

Ngay trong giai đoạn lộng lẫy nhất của cuộc đời mới, Phecmina Đaxa đã nhìn thấy Phlôrêntinô Arixa trong nhiều dịp khác nhau và ngày càng gặp ông nhiều hơn khi ông càng leo nhanh lên địa vị lãnh đạo Hãng Tàu thủy Caribê và bà tự rèn luyện để gặp ông mà vẫn giữ được thái độ tự nhiên đến mức nhiều lần bà quên không chào ông. Bà nghe nói đến ông nhiều hơn, thường xuyên hơn, vì bậc thang danh vọng mà ông đi trên nó với tinh thần thận trọng nhưng không thể giấu kín được của ông trong Hãng Tàu thủy Caribê là một đề tài thường xuyên được đề cập tới. Bà thấy hình thức của ông ngày một khá hơn, thấy ông bớt rụt rè hơn, thấy ông người dẫy đà hơn trước, thấy ông đàng hoàng thư thái hơn, thấy ông biết cách khéo léo hạn chế bớt tốc độ hói tóc. Điều duy nhất khiến bà mãi mãi nhớ tới thời gian và kiểu cách ăn mặc là những bộ quần áo tối màu của ông, những chiếc áo lêvita cổ lỗ của ông, chiếc mũ duy nhất, những chiếc cà vạt của nhà thơ mà cửa hàng tạp hóa trước đây của mẹ ông vẫn bán, chiếc ô buôn tẻ của ông. Phecmina Đaxa đã quen nhìn ông với một hình thức khác và đã kết thúc ở việc thôi không liên hệ ông với Phlôrêntinô Arixa thời mới lớn đã say đắm bà vẫn ngồi dưới làn lá vàng rơi ở công viên Lôt Êvăngêliôt. Tóm lại, lúc nào bà cũng thấy ông như vậy, và lúc nào bà cũng vui

lòng trước những tin tốt đẹp về ông mà người ta nói đến tai bà, bởi vì dần dần những tin tức ấy đã an ủi bà trước mặc cảm về tội lỗi của mình.

Tuy nhiên, khi bà tưởng rằng mình đã hoàn toàn xóa nhòa hình bóng ông trong kí ức thì ông lại xuất hiện một cách bất ngờ và trở thành một bóng ma ám ảnh trong những nỗi hoài nhớ của bà. Đó là những làn gió dịu nhẹ đầu tiên của tuổi già khi bà bắt đầu cảm thấy rằng có một cái gì đó đã xảy ra trong cuộc đời, nó gắn với việc bà thường vẫn nghe thấy sấm nổ trước khi trời mưa. Đó là vết thương không thể chữa lành của tiếng sấm cô đơn, khô khốc và đúng hẹn, thường vẫn rền vang vào lúc ba giờ chiều trong tất cả các ngày của tháng mười tại vùng núi Vidanuêva mà kí ức về nó cùng với năm tháng qua đi càng ngày càng trở nên tươi rói. Trong lúc những hồi ức mới chỉ ít ngày đã chìm đi trong kí ức sâu thẳm thì những hồi ức về chuyến đi hào hùng đến tỉnh của người chị họ Hinđêbranđa ngày một trở nên sống động hơn đến mức tưởng như chúng vừa xảy ra ngày hôm qua. Bà nhớ tới làng Manaurê, cái làng miền núi, nhớ đường phố duy nhất của nó, nhớ ngôi nhà đầy hoảng sợ nơi bà thức dậy với chiếc áo sơ mi ướt đẫm nước mắt thương cho Pêtra Moralêt, người đàn bà chết vì tình rất nhiều năm trước ngay trên chính chiếc giường bà nằm. Bà nhớ tới cái mùi qủa ổi lúc ấy mà chẳng bao giờ bà gặp lại, bà nhớ tới những điềm báo trước hết

sức rõ nét đến mức tiếng động đều đều nhỏ nhẹ của chúng bị nhầm lẫn với tiếng động của mưa rơi, bà nhớ tới những buổi chiều rực rỡ màu đá tôpa của làng Xăng Hoan đến Xêsa, khi bà đi chơi cùng bầy chị em họ vui vẻ ồn ĩ và bà cứ phải nghiến chặt hai hàm răng lại kẻo tim bay ra khỏi miệng mỗi khi bọn họ đến gần trạm điện báo. Bà bán tống bán tháng ngôi nhà của cha mình bởi vì bà không thể chịu đựng nổi nỗi đau thương của thời tuổi trẻ, không chịu nổi quang cảnh công viên Lôt Êvăngêliôt cô quạnh được nhìn từ ban công nhà mình, không chịu nổi cái mùi thơm khó hiểu của những bông hoa dành dành trong những đêm oi nóng, không thể chịu nổi cái hoảng hốt trước những hình ảnh bà mệnh phụ cổ kính đến nhà vào một buổi chiều tháng hai đã quyết định số phận bà, và nói chung bà không thể chịu đựng nổi những gì khiến kí ức bà trở về thời kì gợi nhớ Phlôrêntinô Arixa. Tuy nhiên, bao giờ bà cũng có đủ bình tĩnh để mà hiểu rằng những thứ ấy không phải là những kí ức của tình yêu, cũng chẳng phải là nỗi niềm hối hận, mà đúng ra chúng chỉ là hình ảnh của một nỗi bực mình từng để lại trong bà dấu ấn của những dòng nước mắt. Vì không biết điều đó, bà đang bị đe dọa bởi chính cái cạm bẫy của lòng thương hại rằng mình đã làm mất tương lai của Phlôrêntinô Arixa.

Bà bám chắc lấy người chồng. Và việc này xảy ra đúng vào lúc ngài cần đến bà hơn cả, bởi vì ngài già

hơn bà mười tuổi đang lúc một mình loạng choạng mò mẫm trong đám sương mù của tuổi già và hơn nữa ngài lại là một người đàn ông và già yếu hơn bà. Cuối cùng họ đã hiểu nhau rất sâu sắc chứ không như trước đây khi cuộc sống vợ chồng của họ chưa được ba mươi năm. Khi ấy họ như một người bị phân làm hai, phải khó chịu với nhau bởi sự thường xuyên phải dò đoán ý nghĩ của nhau mà không chịu nói thẳng nó ra cho nhau biết hoặc bởi sự tình cờ nực cười này: trước công chúng người này thọc vào chuyện mà người kia sẽ nói đến. Giờ đây họ chung sống rất hòa thuận bên nhau, cùng chịu đựng những hiểu lầm hàng ngày, những nỗi bực mình tức thời và thoáng qua, những chuyện lẩm cẩm mà cả hai cùng gây ra cho nhau, cả những ý nghĩ tinh nghịch rực rỡ của sự đồng lõa giữa hai vợ chồng. Đây là thời kì họ yêu nhau say đắm nhất, không vội vã cũng chẳng thái qúa và cả hai người đều là những người có lương tâm tốt đẹp và biết ơn những chiến thắng vẻ vang của họ đối với thế lực chống đối mình. Tuy nhiên, cuộc đời vẫn đặt họ trước những thử thách chết người khác, đúng thế, nhưng không quan trọng nữa: bọn họ đã ở một bến bờ khác rồi.

ĐỂ CHÀO ĐÓN THẾ KỈ MỚI, ĐÃ CÓ MỘT chương trình sôi nổi cho các hoạt động công cộng trong đó nổi bật lên một sự kiện đáng nhớ nhất, đó là chuyến du lịch đầu tiên trên bóng thám không, kết qủa của sáng kiến không mệt mỏi của bác sĩ Huvênan Ucbinô. Một nửa thành phố đã tề tựu tại bãi biển Acsênan để chào mừng quả bóng bay khổng lồ làm bằng vải mỏng sơn màu cờ tổ quốc cất cánh. Quả bóng này sẽ mang chuyến thư hàng không đầu tiên đến Xăng Hoan đê la Xiênaga, cách thành phố khoảng ba chục dặm tính theo đường chim bay về phía Tây-Bắc. Bác sĩ Huvênan Ucbinô và bà vợ của ngài, những người từng nếm trải cảm giác rùng mình khi được ngồi trên quả bóng bay tại Triển lãm quốc tế ở thủ đô Pari, là những người trèo lên khoang bụng của quả bóng bay trước tiên cùng với viên kĩ sư lái và sáu vị khách mời sang trọng khác. Họ mang theo một bức thư của quan tỉnh trưởng gửi các chức sắc ở huyện

Xăng Hoan đê la Xiênaga trong đó ngài nói rằng đây là chuyến thư hàng không đầu tiên trong lịch sử tỉnh nhà. Một phóng viên tờ Nhật báo Thương mại đã phỏng vấn bác sĩ Huvênan Ucbinô, yêu cầu ngài cho biết ý kiến của mình khi tham gia chuyến bay mạo hiểm này và bác sĩ đã không phải suy nghĩ nhiều khi nói ý kiến mình và cái ý kiến này khiến ngài phải chịu bao lời báng bổ.

- Theo tôi, - ngài nói, - thế kỉ XIX đã thay đổi có lợi cho toàn thiên hạ, trừ chúng tôi ra.

Lọt thỏm giữa đám đông náo nhiệt đang hát quốc ca trong lúc qủa bóng thám không bay lên cao, Phlôrêntinô Arixa cảm thấy mình đồng tình với một người nào đó đã bình luận trong khung cảnh huyên náo rằng chuyến bay này là một cú mạo hiểm không thích hợp đối với phụ nữ, nhất là phụ nữ ở lứa tuổi của Phecmina Đaxa. Nhưng chuyến bay này không quá ư mạo hiểm như người ta tưởng trong khi quả bóng bay lên cao. Hoặc ít ra nó cũng không nguy hiểm như người ta từng gièm pha. Quả bóng thám không đã tới nơi an toàn không hề gặp một trắc trở nào trong lộ trình của nó trên bầu trời xanh thẳm không một gợn mây. Nó bay thấp, bay rất êm ả trong gió nhẹ và xuôi chiều. Trước tiên nó bay qua vùng núi non lởm chởm, những đỉnh núi tuyết phủ rồi sau đó bay trên một trùng khơi mênh mông của Xiênaga Grăngđê[1].

---

[1] Nghĩa: Đầm lầy bao la.

Từ trên trời cao, như Thượng đế bọn họ nhìn những đống đổ nát của thành phố Cactahêna cổ kính và anh hùng của những người Anhđiêng, thành phố đẹp nhất trần gian, bị bỏ hoang bởi dân cư của nó trong cơn hoảng hốt trước nạn dịch tả đã li tán hết, sau khi họ đã kháng chiến anh dũng chống lại các cuộc vây quét của người Anh và các vụ cướp bóc của bọn cướp biển trong suốt ba thế kỉ. Bọn họ nhìn những tường thành còn nguyên vẹn, cây cỏ mọc trên các đường phố, những pháo đài bị loài hoa bướm trùm kín, những toà dinh thự bằng đá hoa cương và những bàn thờ vàng của các vị Phó vương đã ruỗng mục vì bệnh dịch ngay trong bộ xương của họ.

Họ bay trên những căn nhà dựng trên mặt nước ở làng Trôhat đê Cataca, được sơn quét bằng những màu dậy sắc, có những chuồng nuôi kì đà và những bụi hoa cây bóng nước và cây *axtrômêlia* trên các vườn bên hồ. Hàng trăm đứa trẻ tồng ngồng nhảy ào xuống nước, ồn ĩ bơi lội theo tiếng gào của mọi người. Chúng nhảy xuống nước từ các cửa sổ, từ các mái nhà, từ trên các con thuyền mà chúng bơi lái rất nhanh nhẹn và hoạt bát. Chúng bơi lội như những chú cá trích để lượm lấy những gói quần áo, những chai thuốc ho, những gói bánh và thức ăn, đó là những thứ hàng của lòng từ thiện mà người đàn bà đẹp đội mũ lông từ trên khoang bụng của qủa bóng bay ném xuống cho chúng.

Họ bay trên những đại dương ngút ngàn đồng chuối mà sự thanh lặng của nó bay lên đến tận chỗ họ như thể một làn hơi lạnh lẽo của người chết. Phecmina Đaxa nhớ lại chính mình hồi mới ba hoặc bốn tuổi đang đi dạo chơi dưới bóng râm của đồng chuối, tay cứ vịn vào tay mẹ, người lúc ấy rất trẻ gần như một cô gái giữa đám các bà ăn vận vải mỏng như váy áo của bà hiện tại, che những chiếc ô trắng muốt và đội những chiếc mũ may bằng vải sa mượt mà. Viên kĩ sư lái bóng thám không, đang dùng ống nhòm của mình quan sát nhân gian, nói: "Giống như những người chết". Ông ta đưa chiếc ống nhòm cho bác sĩ Huvênan Ucbinô và ngài nhìn những chiếc xe bò nằm giữa những cánh đồng, nhìn những cột thu lôi dọc đường sắt, nhìn những kênh mương nước băng giá và ở chỗ nào mà ngài đưa mắt tới ngài đều thấy những xác người nằm rải rác. Có ai đó từng bảo rằng bệnh thổ tả thành nạn dịch đã tàn phá nhiều làng ở xung quanh Xiênaga Grăngđê. Bác sĩ Huvênan Ucbinô, trong khi nói vẫn không rời mắt khỏi ống nhòm:

- Vậy có thể đó là một phương thức đặc biệt của bệnh thổ tả, - ngài nói, - bởi vì mỗi người chết đều có một phát đạn nhân đạo vào ngay giữa gáy.

Sau đó ít lâu, bọn họ bay trên biển ngầu bọt và hạ cánh an toàn xuống một bãi bằng nóng hầm hập, với sàn đất diêm sinh nứt nẻ rát như lửa cháy. Tại đây đã có mặt các quan chức đang đứng dưới bóng râm

những chiếc ô thường dùng, vật tránh nắng duy nhất, đã có mặt học sinh các trường tiểu học đang vẫy cờ theo nhịp bài quốc ca, đã có mặt những hoa hậu trong các vũ hội cacnavan tay cầm hoa giấy, đầu đội mũ cac-tông thếp vàng với bộ vú căng mọng như trái đu đủ của làng Gayra trù mật, làng giàu có nhất trong vùng duyên hải Caribê thời ấy. Điều duy nhất mà Phecmina Đaxa mong muốn là một lần nữa được nhìn lại làng quê mình để cùng với những kí ức xa xưa nhất đương diện với nó, nhưng người ta không cho phép bất kì ai đi thăm các làng ấy vì sợ những nguy hiểm của bệnh dịch. Bác sĩ Huvênan Ucbinô trao bức thư lịch sử mà sau đó nó lẫn vào đống giấy tờ khác và không bao giờ người ta biết được gì về bức thư này. Cả đoàn khách suýt nữa ngất xỉu trong không khí ngái ngủ của các bài diễn từ và đáp từ. Cuối cùng bọn họ được đưa lên lừa để đi đến bến tàu thủy ở làng Viêhô[1] là nơi đầm lầy ăn thông với biển cả, vì viên kĩ sư lái không thể nào khiến cho qủa bóng thám không lại cất cánh được. Phecmina Đaxa tin chắc rằng hồi còn rất nhỏ cùng với mẹ mình bà đã đi qua đây trên một chiếc xe hai bò kéo. Khi đã lớn lên rồi, bà kể lại sự kiện ấy với cha mình và ông cụ chết mà vẫn đinh ninh rằng bà không thể nào nhớ được chuyện ấy.

- Cha nhớ rất rõ chuyến đi ấy và điều con kể lại rất

[1] Nghĩa: làng cổ.

chính xác, - ông cụ nói với con gái, - nhưng chuyện ấy xảy ra ít nhất năm năm trước khi con ra đời.

Các thành viên của đoàn thám hiểm trên bóng thám không đã trở về cảng thành phố sau ba ngày đi tàu thủy, người phờ phạc vì một đêm bão tố giữa biển khơi và họ được đón tiếp trọng thể như đón tiếp các anh hùng. Dĩ nhiên, Phlôrêntinô Arixa lọt thỏm trong đám đông và ông là người nhận ra trên gương mặt của Phecmina Đaxa những dấu ấn của nỗi hoảng sợ. Tuy nhiên, ngay buổi chiều ấy ông lại thấy bà có mặt trong cuộc biểu diễn đi xe đạp, cũng do chồng bà bảo trợ, và ông đã không thấy một dấu hiệu nhỏ của sự mệt mỏi trên gương mặt bà. Bà đi một chiếc xe đạp ấy chân giống như một bộ đồ làm xiếc, với bánh trước rất to, cao và yên xe lại ở về phía đó và bánh sau lại nhỏ bé dường như chỉ làm chỗ tựa thôi. Trong lúc biểu diễn bà mặc một chiếc quần ống rộng thùng thình có các tua dải màu sắc sặc sỡ từng gây nên những lời bàn tán ầm ĩ của các bà lớn tuổi và đồng thời gây nên trạng thái thảng thốt của các công tử nhưng không ai làm ngơ trước tài nghệ của bà.

Lần ấy và bao lần khác nữa trong nhiều năm sau này, bà là hình ảnh rực rỡ bỗng nhiên xuất hiện trước Phlôrêntinô Arixa, để rồi lại đột nhiên biến mất khi ông mong muốn cho sự kiện ngẫu nhiên xảy ra. Chúng đã khắc sâu trong trái tim ông một con đường mòn khao khát. Nhưng những hình ảnh rực rỡ ấy đã

đánh dấu sự diễn tiến của cuộc đời ông vì ông biết rõ tính tàn bạo của thời gian không chỉ trên chính da thịt mình mà ngay cả trong những thay đổi không thể tránh được mà ông nhận thấy trên con người Phecmina Đaxa mỗi lần gặp lại bà.

Có một đêm ông bước vào tiệm ăn của *đôn* Sanchô, một tiệm ăn thời thuộc địa Tây Ban Nha, và ông ngồi ở một xó biệt lập hơn cả, như vẫn thường làm thế khi ông một mình ngồi vào bàn ăn bữa lót dạ của mình. Bỗng ông nhìn thấy Phecmina Đaxa trong tấm gương lớn ở cuối phòng, ngồi bên cạnh chồng và hai cặp vợ chồng khác và ở một góc độ trong đó ông nhìn rõ toàn bộ vẻ lộng lẫy của bà. Trong tư thế hết sức thoải mái bà đang hướng đạo cuộc nói chuyện với một vẻ duyên dáng và một nụ cười bừng nở rạng rỡ như pháo hoa và vẻ đẹp của bà càng rực rỡ hơn dưới làn nước mắt của ông.

Với hơi thở dồn dập ông thhích thú chiêm ngưỡng Phecmina Đaxa. Ông nhìn bà ăn, nhìn bà nhấm nháp rượu, nhìn bà đùa bỡn với *đôn* Sanchô người thuộc thế hệ của dòng họ ấy. Từ cái bàn ăn đơn chiếc này ông sống với bà trong khoảnh khắc của đời mình và trong hơn một giờ ông cứ quanh quẩn dạo chơi trong thế giới tâm hồn mình. Sau đó ông uống thêm bốn tách cà phê để có thời gian ngồi ở đây, cho đến khi ông nhìn thấy bà đi ra lẫn trong nhóm bạn bè. Họ đi rất gần đến mức ông nhận ra hơi hướng của Phecmina Đaxa giữa

làn nước hoa thơm nức của những người cùng đi.

Từ đêm ấy trở đi, và hầu như cả một năm sau đó, ông duy trì cuộc săn đuổi ráo riết chủ nhân tiệm ăn, ông đòi trả cho chủ nhân cái mà ông ta thích, hoặc là tiền hoặc là ân nghĩa, hoặc là bất cứ một thứ gì mà ông ta mong muốn nhất trong đời để ông ta bán cho mình chiếc gương. Nhưng việc làm ấy không dễ dàng một chút nào bởi vì *đón* Sanchô, cụ già Sanchô, lại tin vào câu chuyện huyền thoại nói rằng cái khung gương qúy giá được những người thợ mộc thành Viên làm là chị em sinh đôi với khung gương của Maria Antôniêta và rằng cái khung gương ấy đã biến mất không để lại dấu ấn nào: trừ hai hạt ngọc duy nhất còn lại. Khi chủ nhân đồng ý nhượng lại rồi, Phlôrêntinô Arixa liền đem chiếc gương treo ngay trong nhà mình không vì giá trị đặc biệt của cái khung gương mà vì cái khoảng không bên trong của tấm gương vốn là nơi người yêu của ông đã ngồi trong hai giờ đồng hồ.

Hầu như lúc nào ông cũng nhìn thấy Phecmina Đaxa, người vẫn đi bên chồng trong không khí hoàn toàn hoà thuận, và cả hai cùng hoạt động trong khung cảnh của chính mình, với một thái độ dịu dàng kín đáo của người Xiêm thường chỉ khó chịu khi cả hai cùng chào ông. Quả thật, bác sĩ Huvênan Ucbinô bắt chặt tay ông và đôi lần còn tự cho phép mình vỗ vai ông. Ngược lại, bà luôn luôn giữ thái độ thờ ơ lãnh đạm và không bao giờ có một cử chỉ nhỏ cho phép ông hiểu

rằng mình nhớ ra ông từ cái thuở còn con gái chưa chồng. Hai người, ông và bà, sống ở hai thế giới khác nhau, nhưng trong lúc ông làm hết sức mình để rút ngắn khoảng cách thì bà lại càng cố tránh xa hơn. Cứ thế họ để cho thời gian trôi đi rất nhiều trước khi ông dám mạnh dạn nghĩ rằng cái thái độ thờ ơ lãnh đạm kia chẳng qua chỉ là một cái vỏ bọc để chống lại nỗi sợ hãi mà thôi. Bỗng nhiên ông nảy ra ý nghĩ phải tổ chức thật trọng thể lễ đặt tên cho con tàu thủy chạy đường sông được xưởng đóng tàu địa phương đóng lấy và buổi lễ này cũng là dịp đầu tiên để ông, Phlôrêntinô Arixa, đứng ra giới thiệu ông chú Lêông XII là Phó chủ tịch thứ nhất của Hãng Tàu thủy Caribê. Sự trùng hợp này đòi hỏi một buổi lễ đặc biệt trọng thể và sẽ mời tất cả những ai có địa vị và danh tiếng trong đời sống chung của thành phố này.

Phlôrêntinô Arixa đang săn sóc các tân khách của mình trong phòng khách chính của con tàu vẫn thơm mùi sơn mới và mùi nhựa đường thì bỗng nhiên vang lên những tràng vỗ tay và tiếng reo hò chào mừng khách qúy tại các cầu cảng. Ban nhạc cử các bản nhạc hành khúc. Ông phải cố ghìm lại cảm xúc bủn rủn rất quen thuộc trong mình khi nhìn thấy người đàn bà đẹp, mà mình hằng mong ước, khoát tay chồng, rất lộng lẫy trong tuổi trưởng thành, đi như một nữ hoàng điệu qua trước hàng quân danh dự mặc đồng phục, dưới làn mưa hoa mà người ta đứng trên các tầng cao

ném qua cửa sổ chào mừng bà. Hai vợ chồng vẫy tay đáp lại những tràng vỗ tay sôi nổi. Riêng bà lại quá ngây ngất đến mức người ta tưởng bà là người duy nhất trong đám đông mặc toàn một màu vàng của hoàng gia: vàng trên đôi giày cao gót, vàng trên cái đuôi chồn khoác quanh cổ, vàng trên chiếc mũ hình quả chuông.

Phlôrêntinô Arixa, cùng với các vị chức sắc địa phương, đón họ ở cầu tầu trong khung cảnh ồn vang tiếng nhạc hành khúc, tiếng pháo nổ giòn và ba hồi còi đinh tai kéo dài của con tàu khiến cầu cảng đẫm hơi nước. Bác sĩ Huvênan Ucbinô chào hàng người đứng đón mình với vẻ tự nhiên rất đặc trưng của ngài từng khiến mỗi người đều tưởng rằng mình được ngài yêu qúy đặc biệt: trước hết là viên thuyền trưởng mặc đại lễ, là đức giám mục, sau đó là quan tỉnh trưởng và phu nhân, ngài thị trưởng thành phố với phu nhân, và sau cùng là viên đồn trưởng vốn là người vùng núi Anđét vừa mới tới nhận chức. Sau hàng quan chức địa phương đến Phlôrêntinô Arixa, người mặc áo dạ sẫm màu, gần như bị chìm đi trong đám quan khách sang trọng. Sau khi chào viên đồn trưởng, Phecmina Đaxa dường như đang lưỡng lự trước bàn tay chìa ra của Phlôrêntinô Arixa. Vị sĩ quan này, đang định giới thiệu hai người với nhau, đã hỏi bà có quen biết ông không. Bà không nói rằng có cũng không nói rằng không mà chìa bàn tay mình ra cho Phlôrêntinô Arixa

với nụ cười rất xã giao. Điều đó trong qúa khứ đã xảy ra hai lần và có lẽ còn xảy ra nhiều lần nữa và Phlôrêntinô Arixa luôn luôn đồng nhất nó với cách cư xử rất đặc trưng cho cá tính Phecmina Đaxa. Nhưng chiều ấy với khả năng tưởng tượng vô tận, Phlôrêntinô Arixa tự hỏi lòng mình rằng một sự lãnh đạm thờ ơ được duy trì quá mức lẽ nào lại chẳng phải là một sự lảng tránh để làm địu nhẹ cơn bão lòng đang vần vụ trong tâm hồn bà.

Chỉ một ý nghĩ ấy thôi đã khiến lòng dạ Phlôrêntinô Arixa rộn ràng những tình cảm yêu đương tha thiết. Ông lại dạo quanh khu phố của Phecmina Đaxa với chính những nỗi niềm khao khát từng có trong những năm xa xưa ở vườn hoa Lôt Êvănghêliôt, nhưng không với ý định được dự tính trước cốt để bà nhìn thấy mình, mà chỉ với ý định duy nhất nhìn thấy bà để biết rằng bà vẫn còn sống trên thế gian này. Đối với công việc qua lại nơi đây bây giờ thật khó lòng mà tránh được con mắt thiên hạ. Khu phố của Phecmina Đaxa ở trên một cù lao gần như là hoang vắng, biệt lập với thành phố cổ kính bởi một con mương nước xanh lè, và nó được một rừng dừa hoang che kín vốn là những cái ổ lí thú cho các đôi nhân tình vui thú vào các ngày chủ nhật suốt trong thời kì Thuộc địa Tây Ban Nha. Trong những năm gần đây, người ta phá đi chiếc cầu đá và thay vào đó người ta xây một chiếc cầu bê tông kiên cố có mắc những ngọn đèn điện tạo điều kiện

thuận lợi cho việc đi lại của những chiếc xe khách do lừa kéo. Thoạt đầu, dân chúng thuộc khu phố La Măngga phải chịu đựng một sự tra tấn vốn không được thấy trong kế hoạch xây dựng, đó là việc họ ngủ ngay bên cạnh nhà máy điện thành phố mà tiếng động của nó tựa như một trận động đất không ngừng nghỉ. Ngay đến cả bác sĩ Huvênan Ucbinô với tất cả quyền lực và uy tín của mình cũng không thể làm thế nào để người ta chuyển nhà máy điện đi nơi khác cho đến khi Đấng Toàn năng phải ra tay ủng hộ ngài. Có một đêm, nồi hơi nhà máy điện nổ với một tiếng nổ long trời chuyển đất và nó bay qua các nhà mới, bay qua một nửa thành phố rồi rơi xuống phá sập cái phòng lớn của tu viện Thánh Hulian Người Từ thiện, một tu viện cổ lắm rồi. Tòa nhà đổ nát này đã bị bỏ hoang ngay từ đầu năm ấy nhưng nồi hơi nhà máy điện rơi xuống gây ra cái chết của bốn người tù trốn trại đang ẩn nấp tại đây.

Cái khu phố ngoại ô thanh bình kia, cùng với biết bao vẻ đẹp truyền thống của tình yêu, ngược lại khi trở thành một khu phố sang trọng, nó không phải là nơi thích hợp cho những mối tình nhiều trắc trở. Các đường phố của nó lầm bụi vào mùa hè, vẩn bùn vào mùa đông và cả năm lúc nào cũng vắng bóng người. Các ngôi nhà của nó lẩn mình trong những vườn rợp bóng cây và thay cho những ban công đua ra trước đây, các ngôi nhà này đều làm những sân hiên khảm

nhiều loại đá màu sắc khác nhau như thể chúng được làm ra để làm giảm đi nhiệt tình cháy bỏng của những mối tình vụng trộm. Nhưng cũng còn may là trong thời kì ấy đang thịnh hành cái mốt đi dạo chơi buổi chiều trên những chiếc xe một ngựa kéo mới được tân trang và chuyến đi sẽ kết thúc vào những phút huy hoàng nhất của buổi hoàng hôn tháng mười (còn thích hơn là đứng trên tháp ngọn hải đăng) khi biển nổi rõ những chú cá mập khôn ngoan tung tăng bơi ngay ở bãi tắm của trẻ nhỏ, và con tàu viễn dương, khổng lồ và trắng bong, hầu như có thể với tay tới khi chúng đi qua kênh để vào bến cảng trong những ngày thứ năm hàng tuần. Sau một ngày làm việc căng thẳng trong văn phòng, Phlôrêntinô Arixa thường thuê một chiếc xe một ngựa kéo, nhưng ông không cho che mui như thói quen vốn có vào những ngày oi nóng người ta vẫn làm vậy mà tự mình ngồi thụp xuống dưới lòng xe để không ai nhìn thấy mình và bao giờ ông cũng đi một mình, liên tục ra lệnh buộc người xà ích cho xe chạy theo ý mình để gã không nghĩ ngợi lung tung. Thực tình cái duy nhất khiến ông thích thú là ngôi nhà *pactênông* bằng đá hoa cương màu hồng lấp ló giữa những cây chuối và cây xoài rợp tán, nó là một sự mô phỏng cố ý những ngôi nhà điền viên trên những cánh đồng bông ở Luxiana. Đàn con của Phecmina Đaxa trở về nhà trước lúc năm giờ. Phlôrêntinô Arixa nhìn thấy chúng đi xe nhà về, sau đó ông lại thấy bác sĩ

Huvênan Ucbinô lên chiếc xe ấy để đi thăm bệnh nhân của mình, nhưng trong gần một năm ròng đi dạo quanh như vậy ông vẫn không nhìn thấy bóng dáng người yêu dấu của mình.

Có một chiều, ông vẫn cố tình thực hiện chuyến dạo chơi một mình bất chấp trận mưa rào tháng sáu có sức tàn phá ghê gớm, do đó chú ngựa bị trượt chân, ngã vập mặt xuống bùn. Phlôrêntinô Arixa bồng lo hết hồn nhận thấy mình đang ở ngay trước khu phố của Phecmina Đaxa và thế là ông van nài người đánh xe mà không nghĩ rằng sự hoảng hốt của mình sẽ khiến cho người kia phải để ý.

- Làm ơn, đừng để tôi phải xuống xe ở đây, - ông van lạy, - Bất kì chỗ nào cũng được trừ chỗ này.

Luýnh quýnh vì vội vã, người xà ích định vực con ngựa dậy mà không cần phải tháo dây cương cho nó và thế là trục xe gẫy. Phlôrêntinô Arixa buộc phải xuống xe, ngượng chín người, cứ thế lội bộ dưới trời mưa tầm tã đợi cho đến khi có ai đó cho ông lên xe đi nhờ về tận nhà. Trong lúc chờ đợi, một người hầu nhà Ucbinô nhìn thấy ông người ướt sũng, bì bõm lội trong bùn nước ngập tới tận gối và bà ta mang cho ông mượn chiếc ô để ông có thể đứng đợi ở hành lang cho đến khi trời tạnh mưa. Phlôrêntinô Arixa không dám mơ được hưởng biết bao may mắn trong cái dịp rủi ro nhất này nhưng buổi chiều ấy ông nghĩ thà chết còn hơn để cho Phecmina Đaxa nhìn thấy mình trong tình

trạng sống dở chết dở này.

Khi còn sống ở thành phố cổ, bác sĩ Huvênan Ucbinô và gia đình ngài vẫn thường đi bộ đến Nhà Thờ lớn vào các ngày chủ nhật để dự lễ mixa lúc tám giờ, vốn là một buổi lễ tôn giáo. Về sau này, khi thay đổi chỗ ở, trong vài năm họ vẫn đi xe đến Nhà Thờ lớn và đôi lúc họ nấn ná ở lại chuyện trò với các bạn hữu ở dưới bóng các cây *panma* ngoài vườn hoa. Nhưng khi người ta xây dựng nhà thờ họ đạo ngay ở khu phố La Măngga với quảng trường riêng và nghĩa địa riêng của khu phố này, thì vợ chồng nhà Ucbinô không đến Nhà Thờ lớn nữa mà chỉ đến đó vào những ngày lễ trọng thể mà thôi. Vì không biết những thay đổi ấy, Phlôrêntinô Arixa trong vài ngày chủ nhật liền, ngồi đợi họ ở sân hiên quán cà phê Parôkia canh chừng cả ba buổi lễ mixa để xem họ có trong số những người từ trong nhà thờ đi ra không. Sau đó, ông nhận ra sai lầm của mình và ông đi đến nhà thờ mới được xây dựng xong mà cho đến những năm gần đây vẫn giữ được mốt. Tại đây ông bắt gặp bác sĩ Huvênan Ucbinô cùng với đám con cái, luôn có mặt vào lúc đúng tám giờ như thường lệ trong cả bốn ngày chủ nhật thuộc tháng tám ấy, nhưng ông không thấy Phecmina Đaxa đâu cả. Một trong những ngày chủ nhật đó, ông đi tham quan nghĩa địa ngay cạnh nhà thờ mới được xây dựng xong, là nơi các dân cư khu phố La Măngga tự xây dựng lấy các khu mộ gia đình

của mình và trái tim ông đập thon thót khi ông thấy ở bên dưới bóng cây gạo cổ thụ có một nhà mồ lộng lẫy, đã làm xong, với bia mộ cho cả gia đình được viết bằng chữ mạ vàng, một nhà mồ được trang trí bằng hoa văn gôtích và các vị thiên thần tạc bằng đá hoa cương. Giữa những bia mộ ấy có bia mộ của Phecmina Đaxa đê Ucbinô đê la Cadê và tiếp sau đó là bia mộ của người chồng với một hàng chữ chung: *Vẫn ở bên nhau trong sự thanh bình của Thượng đế.*

Từ độ ấy cho đến cuối năm, Phecmina Đaxa không tham gia bất cứ một hoạt động xã hội nào, ngay cả lễ Chúa Giáng sinh, trong đó bà và chồng mình bao giờ cũng là những nhân vật quan trọng. Nhưng nơi mà ta nhận ra sự vắng mặt của bà hơn cả chính là buổi khai mạc mùa nhạc kịch. Trong giờ giải lao, Phlôrêntinô Arixa bắt gặp một nhóm người đang nhỏ to bàn tán về bà mà không nói đến tên bà. Họ bảo rằng có ai đó nhìn thấy bà vào ngay lúc nửa đêm một ngày tháng sáu đã trèo lên một chiếc tàu viễn dương của hãng Cunac trên đường đi Panama và người ấy bảo rằng bà trùm một chiếc khăn đen để không một ai nhận ra cái căn bệnh nguy hiểm đang giết dần giết mòn bà. Có ai đó nói rằng không sợ sao mà dám gây chuyện với một người đàn bà đầy quyền lực và câu trả lời mà ông ta nhận được mới đáng buồn:

- Một mệnh phụ danh giá như vậy chỉ có thể bị ho lao mà thôi !

Phlôrêntinô Arixa biết rõ rằng ở miền đất quê ông những người giàu có không bao giờ bị bệnh thông thường cả. Hoặc là bọn họ chết đột tử, gần như là ngay trong đêm trước một tiệc vui lớn nhất để lập tức nó sẽ trở thành đám tang, hoặc là sẽ chết từ từ, chết dần chết mòn trong những căn bệnh hiểm nghèo và dai dẳng mà những điều bí mật của chúng đã kết thúc để trở thành những tin tức công khai. Sự cách li ở Panama gần như là một sự kiêng cữ bắt buộc trong cuộc đời những người giàu có. Bọn họ vâng theo điều Thượng đế muốn có ở trong bệnh viện Lôt Atvênhtixtat, một ngôi nhà rộng quét vôi trắng chìm đi trong những cơn mưa rào thời tiền sử ở cảng Đariên, vốn là nơi những người bệnh không còn nhận ra cuộc đời ngắn ngủi còn lại của mình và trong những căn phòng cô quạnh của nó với những cửa sổ buông mành không một ai nhận ra được cái mùi *phênôn* kia là mùi của sức khoẻ hay là mùi của tử thần. Những người lành bệnh, trở về mang theo những tặng phẩm tuyệt đẹp mà bằng đôi bàn tay đầy đặn họ đem biếu chúng với niềm sung sướng bởi ý thức đúng đắn về việc mình vẫn tiếp tục sống. Một số trở về với cái bụng hằn những đường chỉ khâu rất thô dường như chúng được may bằng sợi gai của thợ khâu giày, rồi tốc ngược áo sơ mi lên họ chiềng cho khách đến chơi xem chúng, họ so đọ chúng với những đường chỉ khâu của người khác đã chết ngạt bởi những cú hạnh phúc đến cao độ và rồi

trong những ngày còn lại của đời mình bọn họ kể đi rồi kể lại hình ảnh các vị thánh thần mà họ từng nhìn thấy dưới tác dụng của thuốc gây mê. Ngược lại, chẳng một ai biết được cái nhìn của những người không trở về và trong số những người bất hạnh này là những người buồn hơn cả: những người chết được chôn trong nghĩa trang những người bị bệnh ho lao, buồn hơn cả là vì mưa chứ không phải vì sự khó chịu của bệnh tật.

Cần phải lựa chọn, nhưng Phlôrêntinô Arixa không biết lựa chọn cái gì cho Phecmina Đaxa. Nhưng trước hết là phải tìm cho ra sự thật và chính điều này làm ông khó chịu lắm bởi vì ông càng cố công tìm kiếm càng không thể biết được sự thật. Ông không thể nào hiểu được rằng không một ai có thể cung cấp cho mình chí ít một dấu hiệu để khẳng định lời giải thích ấy đúng hay sai. Trong thế giới những con tàu thủy của hãng ông thường xuyên qua lại không một điều bí mật nào, một lời tự thú nào dù kín đáo đến đâu mà không bị tiết lộ. Tuy nhiên, không một ai nghe nói về một người đàn bà quàng tấm khăn đen. Trong một thành phố chuyện gì người ta cũng biết, đặc biệt là chuyện của giới nhà giàu, ngay đến cả những chuyện sắp xảy ra người ta cũng tỏ tường thế mà không một ai biết gì. Nhưng cũng không một ai có thể có một lời giải thích tạm được về việc Phecmina Đaxa mất tích. Phlôrêntinô Arixa vẫn tiếp tục đi nghe các buổi giảng

kinh mixa ở nhà thờ xứ đạo, vẫn tiếp tục tham gia đầy đủ các hoạt động xã hội và văn hóa mà trước đây ông không hề thích thú, nhưng thời gian qua đi chỉ làm tăng thêm lòng tin vào tin đồn kia mà thôi. Tất cả dường như đều rất bình thường trong nhà Ucbinô trừ việc bà mẹ vắng nhà từ lâu.

Trong lúc háo hức tìm kiếm tin tức ông bắt gặp những tin tức khác chưa từng được nghe, hoặc đúng hơn những tin tức ông không tìm kiếm và một trong những tin tức ấy là tin về cái chết của Lôrenxô Đaxa ở ngay làng ông ta sinh ra, một làng quê bên bờ vịnh Căngtabricô[1]. Ông nhớ rằng mình đã nhìn thấy ông cụ nhiều năm trong các cuộc đánh cờ đam rất sôi nổi tại quán cà phê Parôkia, với giọng ồm ồm vì nói nhiều, người nom già hơn, chán nản hơn vì đang chết dần chết mòn trong tuổi già không được chăm nom chu đáo. Hai người, ông và Lôrenxô, không thèm nói chuyện với nhau kể từ cái buổi họ gặp nhau trong bữa điểm tâm uống rượu hồi từ thế kỉ trước và Phlôrêntinô Arixa tin chắc rằng ông cụ vẫn tiếp tục nhớ đến mình với bao niềm tức giận cũng như ông uất hận mà nhớ đến Lôrenxô Đaxa, ngay cả sau khi ông cụ đã tìm cho Phecmina Đaxa một cuộc hôn nhân may mắn vốn là cái mục đích duy nhất của cả cuộc đời mình. Nhưng vì ông vẫn kiên trì tìm cho được một lời giải thích thật

[1] Vịnh thuộc Tây Ban Nha.

sáng tỏ về sức khoẻ của Phecmina Đaxa đến mức ông lại la cà đến quán cà phê Parôkia, do đó ông nhận được tin về cái chết của cha bà. Đó là lúc tại quán cà phê này người ta tổ chức cuộc thi đấu cờ đam có tính chất lịch sử: một mình Giêrêmia đê Xanh Amua chiến đấu với bốn mươi hai đối thủ. Chính trong khung cảnh ấy ông biết được rằng Lôrenxô đã qua đời, và thật lòng ông vui sướng biết bao mặc dù ông biết rằng cái giá của niềm vui kia có thể là việc ông sống mà chẳng bao giờ biết tin đích xác về Phecmina Đaxa. Cuối cùng ông chấp nhận lời giải thích của bệnh viện về những người ốm mất hi vọng được cứu chữa là sáng tỏ, nhưng cũng không hi vọng hơn một câu tục ngữ quen biết: *Người đàn bà bị bệnh, người đàn bà bất tử.* Trong những ngày chán nản, ông tự bằng lòng với một ý nghĩ cho rằng tin tức về cái chết của Phecmina Đaxa, nếu quả đúng bà đã chết rồi, thế nào cũng phải đến với ông mà chẳng cần phải tìm kiếm.

Nhưng cái tin ấy sẽ chẳng bao giờ đến với ông. Bởi Phecmina Đaxa sống khoẻ mạnh ở điền trang cách xa làng Phlôrêt đê Maria chừng nửa dặm đường, nơi Hinđêbrangđa Săngchêt, người chị họ của bà, đang sống ẩn dật và bị thế giới lãng quên. Theo như đã thỏa thuận với chồng, bà ra đi không hề gây ồn ào sau khi cả hai người đều cáu tiết như cái hồi còn trẻ trước một vụ bất đồng gay gắt duy nhất từng khiến cả hai đều đau khổ trong suốt hai mươi nhăm năm vợ chồng

chung sống hoà thuận. Hai người bất đồng gay gắt với nhau ngay trong cuộc sống êm đềm của tuổi già khi mà cả hai đều cảm thấy đã thoát khỏi mọi cạm bẫy của lực lượng chống đối mình, khi đàn con đã trưởng thành nhờ được giáo dưỡng chu đáo, và khi trước mắt họ là một tương lai rộng mở để họ rèn tập trở thành những cụ già hạnh phúc, sống mà chẳng phải tủi hờn. Đối với hai người đó là một sự kiện không hề ngờ tới đến mức cả hai đều không muốn giải quyết nó bằng những cuộc cãi cọ ồn ĩ, bằng nước mắt hay những cuộc hòa giải của người trung gian, như là cách xử sự thường có ở vùng Caribê mà lại giải quyết nó theo sự hiểu biết thông thái của các dân tộc châu Âu và vì cách giải quyết ấy, vốn chẳng theo tập tục ở đây cũng chẳng theo tập tục bên kia, đã buộc cả hai cùng phải bì bõm lội trong một hoàn cảnh tầm thường. Cuối cùng bà quyết chí ra đi, không hề biết việc mình bỏ đi là vì sao và để làm gì, chỉ đơn giản vì nỗi giận dữ mà thôi, còn ngài lại không đủ khả năng khuyên giải bà bởi ý nghĩ về tội lội của mình đã ngăn cản ngài.

Đúng thế, bà trùm kín một chiếc khăn đen, và kín đáo lên tàu vào ngay nửa đêm nhưng không phải lên con tàu viễn dương của hãng Cunac đi Panama mà lên một chiếc tàu thủy bình thường đi Xăng Hoan đê la Xiênaga, là nơi bà sinh ra và sống tuổi thơ ấu cho đến tuổi dậy thì và khi năm tháng qua đi càng khiến bà nhớ đến thành phố quê hương. Ngược lại với nguyện

vọng của chồng và tập quán của thời đại mình, bà chỉ mang theo một cô con nuôi mười lăm tuổi mà bà nuôi để nó giúp việc trong nhà, nhưng bà và chồng mình đã thông báo chuyến du lịch của bà cho các thuyền trưởng và các chức sắc ở các bến cảng con tàu dừng lại. Khi đã quyết định dứt khoát về chuyến đi của mình, Phecmina Đaxa báo cho các con mình biết rằng bà đi thăm bà bác Hinđêbranđa trong khoảng ba tháng nhưng trong thâm tâm bà định sẽ không bao giờ trở về. Bác sĩ Huvênan Ucbinô biết rất rõ nghị lực phi thường của vợ mình và ngài rầu lòng lắm đến mức phải chấp nhận chuyến đi của bà vợ như là một đòn trừng phạt đối với những tội lỗi nghiêm trọng của chính mình. Nhưng cả hai người, bác sĩ Huvênan Ucbinô và Phecmina Đaxa đều không lúc nào không nhận ra những ngọn đèn thắp sáng ngoài bến cảng khi cả hai đều ân hận về nhưng sự yếu đuối của lòng mình.

Dẫu rằng Phecmina Đaxa và bác sĩ Huvênan Ucbinô vẫn viết thư đều đặn cho nhau, vẫn thông báo đầy đủ và tỉ mỉ tình hình sức khoẻ và học tập của con cái và các vấn đề khác của gia đình, hai năm đã qua đi rồi nhưng không một ai tìm được con đường trở về mà không làm thương tổn đến lòng kiêu hãnh của nhau. Đám con cái, trong dịp nghỉ hè năm thứ hai, đã đến làng Phlôrêt đê Maria thăm Phecmina Đaxa và bà đã tỏ rõ mình không muốn trở về nhà vì hình như bà đã

quen với cuộc sống mới của mình. Chí ít điều đó cũng là một kết luận mà bác sĩ Huvênan Ucbinô đã rút ra từ những lá thư của đứa con trai gửi về cho ngài. Hơn nữa, trong những ngày ấy, Đức Giám mục tỉnh Riôacha lại đến thăm làng này. Ngài cưỡi trên lưng một con lừa trắng nổi tiếng với bộ yên thêu kim tuyến vàng óng ánh và phía trên đầu là một chiếc lọng. Theo sau ngài là đám người hành hương đến những địa phương cổ kính, là đám nhạc công chơi đàn phong cầm, là đám người bán cơm rong và bùa yểm, bùa hộ mệnh, và trong suốt ba ngày trang trại này chật ních đám người tàn tật và ốm đau đã hết hi vọng được cứu chữa. Trên thực tế, họ lũ lượt kéo nhau tới đây không với mục đích để nghe các bài thuyết giảng thông tuệ của Đức Giám mục và sự xá tội hoàn toàn mà vì những ân huệ tốt lành của con lừa cái vốn được người ta bảo rằng nó sẽ làm phép mầu không để cho chủ biết. Ngay từ khi còn là một linh mục bình thường, Đức Giám mục là người bạn thân quen của gia đình Ucbinô đê la Cadê, và một buổi trưa nọ ngài đã trốn hội chợ đông vui của mình, lẻn đến trang trại của Hinđêbranđa để dùng cơm trưa với gia đình. Trong bữa cơm này ngài chỉ toàn nói chuyện thế tục và sau đấy ngài nói chuyện riêng với Phecmina Đaxa hi vọng bà sẽ xưng tội. Nhưng bà đã khéo léo từ chối bằng một luận điểm rõ ràng rằng bà chẳng có gì phải ân hận. Mặc dù việc này không phải là mục đích của

mình nhưng bà vẫn tin rằng câu trả lời của mình sẽ đến tai người cần nghe nó.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô vẫn thường nói rằng hai năm cay đắng của đời ngài không phải tại ngài gây ra mà tại cái thói xấu của người vợ: vẫn thường ngửi quần áo mà ngài cởi để ở nhà và ngửi cả chính quần áo bà, để xem chúng đã phải giặt chưa mặc dù chỉ thoáng nhìn đã biết ngay là chúng còn sạch sẽ. Ngay từ tấm bé bà đã có thói quen này, và chẳng bao giờ bà nghĩ rằng người khác sẽ để ý đến nó cho đến khi chồng bà bắt gặp bà ngửi quần áo trong đêm tân hôn. Ngài còn biết rằng bà hút thuốc lá một ngày đến ba lần trong buồng đóng kín cửa nhưng cái thói xấu này không khiến ngài phải bận tâm bởi vì những người đàn bà thuộc giới quý tộc của ngài thường đóng kín cửa buồng, tụ tập với nhau để nói chuyện về bọn đàn ông, để hút thuốc lá và uống rượu mạnh có khi cả nửa chai cho tới lúc say nằm lăn ra sàn nhà y hệt những người thợ nề. Nhưng cái thói ngửi quần áo khi người khác thay ra đối với ngài không chỉ là một thói quen lạ lẫm chưa hề thấy ai làm thế bao giờ mà theo ngài nó còn rất nguy hiểm cho sức khoẻ. Bà lại cười khẩy và không tin ngài, như lâu nay bà vẫn làm thế trước những điều bà thấy chẳng cần phải tranh cãi và bà bảo rằng cái mũi thính của con chim vàng anh kia chẳng phải là một thứ trang trí đơn thuần mà Thượng đế đã nặn lên trên gương mặt bà. Có một buổi sáng, trong

lúc bà đi chợ mua sắm, bọn các cô người hầu làm ồn ĩ cả hàng xóm để tìm đứa trẻ ba tuổi mà họ không tìm thấy ở bất cứ xó xỉnh nào trong nhà. Bà trở về nhà trong khung cảnh vừa huyên náo vừa sợ sệt ấy, bà chỉ việc đảo đi đảo lại vài lần với cách lùng sục của con chó săn thì đã thấy đứa trẻ ngủ ngay trong một tủ đựng quần áo, là nơi không một ai nghĩ rằng nó có thể ẩn ở trong đó. Khi người chồng ngạc nhiên hỏi làm thế nào bà tìm được thằng bé, bà trả lời:

- Cứ lần theo cái mùi cứt của nó mà tìm.

Sự thật là khứu giác không chỉ giúp Phecmina Đaxa trong việc giặt quần áo hay trong việc tìm trẻ lạc mà nó còn giúp bà đắc lực trong cuộc đời: đối với bà nó như một cần ăngten giăng ra để đón nhận mọi chuyện trong cuộc sống, nhất là trong đời sống xã hội . Trong suốt thời kì vợ chồng chung sống bên nhau, bác sĩ Huvênan Ucbinô đã quan sát khứu giác ấy của vợ mình nhất là ngay từ khi họ mới làm bạn trăm năm với nhau, ngay từ khi bà còn là người xa lạ trước hoàn cảnh sống hoàn toàn khác biệt với hoàn cảnh sống cố hữu của mình từ ba trăm năm, tuy nhiên bà vẫn bơi lội thật khéo léo tựa như con cá bơi lội bên những cành san hô rậm rạp um tùm để không va chạm với bất kì ai. Bà hành động với một sự tự chủ vốn chỉ có thể là một bản năng siêu việt mà thôi. Cái khả năng đáng sợ ấy, vốn chính là cái có nguồn gốc từ sự hiểu biết lâu đời hàng ngàn năm hơn là có nguồn gốc từ một trái

tim sắt đá, lại gặp phải cái giờ bất hạnh của mình vào một ngày chủ nhật không tốt lành trước lễ mixa, Phecmina Đaxa theo lệ thường ngửi quần áo của chồng mặc từ chiều hôm trước được thay ra và bà rùng mình trước cảm giác khó chịu rằng hơi người ủ trong quần áo ấy khác hẳn với hơi người đàn ông vẫn cùng ngủ chung một giường với mình.

Thoạt đầu bà ngửi chiếc áo vextông và chiếc áo gilê trong lúc tháo chiếc đồng hồ quả quýt ra khỏi khuy áo và rút chiếc bút chì và ví tiền cùng một số đồng tiền lẻ trong các túi, rồi bà để tất cả những thứ đó lên trên mặt bàn ngủ. Sau đó bà ngửi đến chiếc áo sơmi trong lúc tháo chiếc ghim cài ca-vát, bộ xéc-măng tay áo và chiếc cúc vàng dùng để đeo cổ giả. Sau đó, bà lại ngửi đến chiếc quần trong lúc lấy ra chùm chìa khóa mười một chiếc, con dao gọt bút chì có chiếc cán đồi mồi. Sau cùng bà ngửi đến chiếc quần đùi, đôi tất và chiếc khăn tay do bà thêu rất tỉ mỉ. Không còn nghi ngờ gì nữa: trong mỗi thứ mặc trên người kia có một mùi mà trong nhiều năm cùng chung sống bà chưa hề gặp, một mùi không thể xác định được vì nó chẳng phải là mùi hoa hay mùi nước hoa, mà nó chính là hơi người. Bà không nói gì cả và trong suốt ngày hôm đó bà không gặp lại cái mùi ấy. Nhưng từ hôm đó trở đi bà không ngửi quần áo của chồng với sự tò mò để xem chúng đã phải giặt chưa mà với một sự bứt rứt không tài nào chịu nổi từng làm nẫu ruột nẫu gan bà.

Phecmina Đaxa không biết xác định cái mùi lạ ấy ở đâu trong bộ quần áo thường dùng của chồng mình. Nó không thể có được trong khoảng từ giờ học buổi sáng cho đến giờ cơm trưa vì bà đoán rằng cứ theo ý nghĩ lành mạnh của mình thì không một người đàn bà nào lại làm chuyện ân ái chớp nhoáng vào những giờ như thế này, lại càng không thể xảy ra trong mấy phút khám bệnh, trong khi đó họ còn bận phải quét nhà, dọn dẹp giường chiếu, đi chợ, chuẩn bị bữa cơm trưa và có lẽ còn phải lo sợ rằng một trong những đứa trẻ vì bị đá ném vỡ đầu chảy máu được nhà trường cho về trước giờ bắt gặp mình đang trần như nhộng ở trong buồng vào lúc mười một giờ sáng với một ông bác sĩ trên bụng thì xấu hổ không biết để đâu cho hết. Mặt khác bà còn biết rằng bác sĩ Huvênan Ucbinô thường chỉ làm chuyện mây mưa về ban đêm, và càng thích thú hơn khi được làm tình trong bóng tối hoàn toàn và làm lần cuối cùng trước lúc ăn sáng khi chim chóc bắt đầu cất tiếng hót líu lo. Sau những giờ ấy, theo như lời bác sĩ nói, việc cởi và mặc quần áo còn vất vả hơn cái khoái cảm chốc lát của cú làm tình theo kiểu gà phủ nhau. Vậy là cái mùi lạ còn vương lại trên quần áo của chồng mình chỉ có thể xảy ra vào các giờ đi thăm con bệnh tại nhà riêng hoặc bất cứ giờ phút nào mà người chồng lẻn trốn được trong những đêm chơi cờ đam hoặc những đêm xem phim. Trường hợp cuối cùng

này thật khó tin vì trái lại với tính cách các bạn gái của mình, Phecmina Đaxa rất kiêu hãnh trong việc theo dõi sát sao từng bước của chồng mình hoặc khéo léo nhờ một ai đó theo dõi ngài giúp mình. Giờ đi thăm con bệnh, mà có lẽ là cái giờ dễ xảy ra điều bất hạnh của bà, lại là cái giờ rất thuận lợi cho việc theo dõi của bà, bởi vì bác sĩ Huvênan Ucbinô bao giờ cũng ghi lại rất tỉ mỉ các quan hệ đối với con bệnh của mình, kể cả tiền công xá được tính toán đến mức rất chi li, kể từ lần đầu tiên ngài đến thăm con bệnh cho đến khi ngài vĩnh biệt họ bằng cây thánh giá và lời nói an ủi tâm hồn họ.

Sau ba tuần, Phecmina Đaxa không bắt gặp cái mùi lạ ấy trong quần áo của chồng nữa. Bỗng bà lại bắt gặp nó khi không đợi chờ nó, và bà bắt gặp cái mùi này rõ ràng nhất trong mấy ngày liền, mặc dù một trong những ngày ấy là một ngày chủ nhật gia đình có tiệc và trong suốt ngày hôm ấy, bà và ngài bác sĩ không hề rời nhau lấy một phút. Có một buổi chiều, ngược lại hoàn toàn với thói quen và ý thích của mình, bà bước vào phòng làm việc của chồng như thể bà không phải là bà mà là một người khác đang làm cái việc sẽ chẳng bao giờ bà làm: đó là việc dùng chiếc kính lúp Bengala để đọc cuốn sổ ghi chép tỉ mỉ những chuyến đi thăm con bệnh mấy tháng gần đây của ngài. Đây là lần đầu tiên một mình bà bước vào phòng làm việc sực nức mùi

crôôzôt, xếp đầy những cuốn sách bìa cứng bọc da thú, tường treo những tấm da thuộc, kính thiên văn và các đồ vật lạ lẫm được sưu tập trong nhiều năm. Một nơi ở thiêng liêng và bất khả xâm phạm của người chồng mà bà không quan tâm vì nó không liên quan đến tình yêu của bà. Vậy là có rất ít lần bà ở trong phòng này với ngài và thường là để giải quyết các vấn đề cấp thiết. Bà cảm thấy mình không có quyền một mình bước vào phòng này, và càng không có quyền để lục lọi vốn là những hành động thấp hèn, theo bà nghĩ. Nhưng bà hiện đang có mặt trong phòng làm việc của bác sĩ Huvênan Ucbinô. Bà muốn tìm cho ra sự thật và bà đang tìm cái sự thật đó với những nỗi khát khao cháy bỏng hầu như có thể sánh chúng với nỗi hãi hùng khủng khiếp khi tìm ra nó. Bà làm việc này vì bị xúi giục bởi một cơn bão lòng không thể ghìm lại được, nó còn kiêu hãnh hơn cả niềm kiêu hãnh của chính bà, còn kiêu hãnh hơn cả danh dự của chính bà: một sự tự trừng phạt.

Bà không tìm được một điều gì rõ ràng bởi vì những bệnh nhân của chồng bà, trừ những người bạn quen thuộc của hai người ra, đều là những người xa lạ với thế giới của bà. Đó là những người không có chứng minh thư để qua đó có thể nhận ra được khuôn mặt mà chỉ có những giấy tờ qua đó có thể biết thêm được những cơn đau đớn của họ. Đó là

những người không có đặc điểm nhận dạng để có thể biết được màu mắt của họ hoặc sự thương tổn của trái tim họ mà chỉ có những đặc điểm bệnh lý qua đó có thể biết độ to nhỏ của buồng gan, muối urat đọng lại trên mặt lưỡi, nước tiểu đục, những ảo ảnh họ thấy trong những đêm sốt cao. Đó là những người tin tưởng chồng bà, tin rằng mình sống được nhờ chồng bà khi mà trên thực tế họ sống cho chồng bà, và được rút gọn lại trong một câu ngài viết ở cuốn sổ tay: *Hãy yên tâm. Thượng đế đang đợi người ở ngoài cửa.* Sau hai giờ tìm kiếm vô ích, Phecmina Đaxa ra khỏi phòng làm việc của chồng với cảm giác buồn tủi vì mình đã để cho thói xấu dắt dẫn.

Do giận dữ trước những ám ảnh của mình, Phecmina Đaxa bắt đầu phát hiện ra những thay đổi của chồng mình. Bà thấy ngài hay lảng tránh, thiếu nhiệt tình ở bàn ăn và trên giường nằm, bà thấy ngài thích cãi vặt và thường hay thở dài chán nản. Khi ngài về nhà thì ngài không phải là người đàn ông điềm tĩnh trước đây mà là một con sư tử bị nhốt trong chuồng. Kể từ khi họ làm lễ thành hôn đến nay, đây là lần đầu tiên bà theo dõi những bận về muộn giờ của ngài, bà tính chi li từng phút một, và bà nói lảng sang chuyện khác để qua đó tìm ra sự thật nhưng ngay lập tức bà cảm thấy những mâu thuẫn của bà đang đánh đòn tử thương vào chính bà.

Có một đêm bà bỗng hoảng hốt thức dậy trước nỗi ám ảnh của mình: và đó là chồng bà từ trong bóng tối nhìn bà với đôi mắt căm giận, theo như nhận biết lúc ấy của bà. Bà cảm thấy người mình gai rợn y hệt như cái thời thanh xuân rực rỡ của mình khi bà thấy Phlôrêntinô Arixa đứng ở cuối giường, khác nhau chỉ ở chỗ lúc ấy hình bóng của Phlôrêntinô Arixa không phải là sự căm giận mà trái lại là tình yêu thương. Ngoài ra, lần này không phải là ảo ảnh trong giấc mơ của bà mà đó chính là chồng bà thức dậy lúc hai giờ sáng và ngài nhỏm người dậy nhìn bà đang ngủ, nhưng khi bà hỏi ngài vì sao lại thức dậy đang lúc nửa đêm để nhìn bà ngủ thì ngài đã chối phắt đi. Ngài lại gối đầu lên chiếc gối, nằm xuống và nói:

- Có lẽ em đang nằm mơ.

Kể từ đêm ấy, và qua nhiều chuyện tương tự khác của thời kỳ ấy, Phecmina Đaxa không biết đích xác đâu là chỗ sự thật kết thúc, đâu là chỗ những ám ảnh trong lòng mình bắt đầu, bà có cảm nhận rõ ràng rằng mình lại điên mất. Sau cùng bà biết rằng chồng mình không làm lễ Kiên tin ngày thứ năm, không làm lễ Ban Thánh thể và sau đấy cũng chẳng thấy chồng dự lễ Kiên tin một ngày chủ nhật nào trong những tuần gần đây và không thấy ngài dành ra vài ngày để ăn chay cầu kinh trong năm ấy. Khi bà hỏi ngài vì sao trong đời sống tinh thần lành mạnh của

ngài lại có những thay đổi kỳ dị ấy thì ngài chỉ ừm ờ trả lời cho qua chuyện. Câu trả lời ấy là chìa khoá quyết định bởi vì ngài chưa hề bỏ việc làm lễ Kiên tin trong một ngày lễ trọng kể từ khi chịu lễ Kiên tin lúc lên tám tuổi. Cứ theo cách ấy mà suy bà còn biết rằng chồng mình không những đã phạm tội trọng mà còn sẵn sàng dấn sâu thêm vào tội lỗi bởi vì ngài không hề nghĩ đến việc xưng tội để được rửa tội. Chưa bao giờ bà nghĩ rằng mình có thể chịu đựng bao đau khổ chỉ vì một chuyện nào đó không phải là chuyện tình yêu, nhưng trên thực tế bà đang đau khổ vì những chuyện ngoài phạm vi tình yêu và bà quyết định biện pháp duy nhất để khỏi phải chết là việc châm lửa đốt cháy cái tổ rắn hổ mang đang làm thương tổn lòng mình. Đúng thế, bà đã làm như vậy. Có một buổi chiều nọ, bà ngồi ở hành lang mạng lại gót tất trong khi chồng bà cũng vừa kết thúc buổi đọc sách hàng ngày sau giấc ngủ trưa. Bỗng, bà ngừng tay, hất cặp kính ngược lên phía trán, với giọng không lấy gì gắt gỏng lắm, bà gọi ngài:

- Bác sĩ ơi.

Ngài còn đang đăm chiêu với việc đọc cuốn *Đảo chim cánh cụt*, cuốn tiểu thuyết mà trong những ngày ấy cả thế gian lao vào đọc, và ngài không ngừng đọc nhưng vẫn trả lời bà: Oui[1]. Bà vẫn kiên

[1] Tiếng Pháp, nghĩa: ừ.

quyết đòi ngài phải chú ý đến mình:

- Hãy nhìn vào mặt tôi đây.

Ngài làm theo bà. Qua làn hơi mờ cặp kính đọc sách ngài nhìn bà mà không nhìn bà, nhưng ngài cũng chẳng cần phải gỡ kính ra đã cảm thấy mắt mình như bị thiêu đốt bởi than lửa đỏ rực trong cái nhìn của bà.

- Mình làm sao vậy? - Ngài hỏi.

- Ông, ông biết rõ điều đó hơn tôi mà. - Bà bảo vậy.

Bà chẳng nói gì hơn nữa. Hạ cặp kính xuống vị trí cũ, bà lại tiếp tục mạng tất. Thế là bác sĩ Huvênan Ucbinô biết rằng những giờ phút dài đằng đẵng mang đầy lo lắng nay đã kết thúc. Ngược lại hoàn toàn với hình thức ngài dự đoán trước cho cái khoảnh khắc này: khi câu chuyện xảy ra trái tim ngài không hề nhảy nhót lên mà ngược lại nó đập rất bình thản. Đó là một khoảnh khắc rất thanh thản đã đến sớm hơn của cái điều sớm muộn cũng phải xảy ra: bóng ma ám ảnh của Bacbara Lin cuối cùng đã lọt vào trong nhà ngài.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô quen nàng bốn tháng trước đây khi nàng đợi đến lượt vào khám ngoại khoa ở bệnh viện Mixêricordia và ngay lúc ấy ngài nhận ra có một cái gì đó không thể dừng được đã xảy ra trong số phận mình. Bacbara Lin là một phụ nữ lai đen, thân hình cao to, lịch thiệp, nước da nâu

màu bánh mật, nhưng dịu dàng uyển chuyển. Buổi sáng ấy nàng vận bộ váy áo hoa nền đỏ tươi có điểm xuyết những vòng tròn mầu trắng, đội chiếc mũ đồng mầu với váy áo có vành rộng trùm kín mi mắt. Thân hình nàng có sức khêu gợi mãnh liệt hơn hẳn những người khác. Bác sĩ Huvênan Ucbinô không làm nhiệm vụ khám bệnh ở phòng khám ngoại nhưng thường xuyên ngài vẫn qua đây để nhắc nhở những học trò lớn tuổi của mình rằng không có thuốc nào công hiệu bằng việc chuẩn đoán cho đúng căn bệnh. Và thế là ngài chuẩn bị khám luôn cho người đàn bà lai đen, thận trọng từng cử chỉ một để các học trò của mình không nhận thấy chúng là những hành động cố ý và hầu như ngài không để ý tới nàng nhưng ngài cố nhớ kỹ địa chỉ của nàng. Chiều ấy, sau chuyến đi thăm con bệnh cuối cùng trong ngày, ngài bảo gã xà ích đi theo địa chỉ mà người đàn bà lai đen để lại ở phòng khám và quả nhiên nàng đang ở nhà, ngồi ngoài hiên hóng mát.

Đó là một ngôi nhà vùng Antidat độc đáo, được quét vôi mầu vàng tuyền lên tận mái tôn, có cửa sổ che mành, với những giò cắm chướng và dương xỉ treo ở mái hiên. Toàn bộ ngôi nhà được những chiếc cột gỗ đỡ lấy và nâng lên trên vùng ruộng nước Mala Criăngxa. Một con chim *tucpian*[1] đang hót

[1] Một giống chim phổ biến ở Mỹ.

trong chiếc lồng treo ở đầu hồi. Trên bãi cao ráo ở phía trước nhà là trường tiểu học, và bọn trẻ lũ lượt ồn ĩ từ trong trường bước ra khiến gã xà ích phải ghìm chặt cương ngựa để nó khỏi lồng. Đó là một may mắn lớn vì nhờ thế mà Bacbara Lin có thời gian để nhận ra bác sĩ. Bằng điệu bộ thân quen nàng chào bác sĩ và mời ngài vào nhà uống cà phê trong lúc chờ cho đám trẻ đi qua. Ngài vui vẻ nhận lời, và khác hẳn với thói quen của mình, ngài chăm chú nghe Bacbara Lin kể về mình, vốn là điều duy nhất ngài thích thú ngay từ buổi sáng hôm ấy và cũng là điều duy nhất sẽ gây hào hứng cho ngài, sẽ không để ngài được yên lấy một phút trong những tháng sau này. Trong một vài trường hợp trước đây, khi ấy ngài mới cưới vợ xong, có một người bạn thân đã nói với bác sĩ ngay trước mặt cô vợ rằng sớm hoặc muộn ngài cũng phải đương đầu với một nỗi đam mê điên dại, đủ sức đe doạ sự ổn định của cuộc sống vợ chồng ngài. Bác sĩ Huvênan Ucbinô, vốn rất tự tin ở chính mình, vốn biết rõ tính bền vững của những cội rễ đạo đức của gia đình mình, đã cười mỉa lời phỏng đoán kia. Vậy là lời phỏng đoán đã hiển nhiên và ngài đang phải đương đầu với một cơn đam mê điên dại.

Bacbara Lin, nữ tiến sĩ thần học, là con gái một vị mục sư tên là Giônathan B. Lin, một người chăn dắt con chiên có tinh thần phản kháng, một người da

đen gầy gò, cưỡi trên lưng một con lừa cái đi đến các xóm hẻo lánh toàn người nghèo khổ ở vùng đầm lầy để rao giảng lời của một trong số các thánh thần mà bác sĩ Huvênan Ucbinô đã viết tên không viết hoa để phân biệt họ với tên của mình. Nàng nói tiếng Tây Ban Nha khá thạo, chỉ có điều hơi ngắc ngứ một chút nhưng chính sự ngắc ngứ này lại càng làm tăng thêm vẻ duyên dáng của nàng. Tháng chạp tới nàng sẽ vừa đúng hai mươi tám tuổi, vừa mới li dị chồng cách đây ít lâu. Chồng nàng là một mục sư, đồ đệ của cha nàng. Hai người chung sống một thời gian sau đó họ xích mích với nhau trong hai năm liền và nàng cũng không muốn nối lại quan hệ vợ chồng nữa. Nàng nói: "Tôi chỉ yêu có mỗi con chim *tucpian* này mà thôi". Nhưng bác sĩ Huvênan Ucbinô lại rất nghiêm túc nghĩ rằng nàng nói có dụng ý khác. Ngược lại: ngài tự hỏi nếu như cùng một lúc gặp biết bao điều dễ dàng thế này ắt phải là một cạm bẫy của Thượng đế để sau đó Ngài sẽ đòi lại nhiều hơn, nhưng ngay lập tức ngài lại gạt phắt nó đi khỏi ý nghĩ của mình, coi ý nghĩ ấy như một trò mê tín lẩn thẩn khởi sự từ tâm trạng hoảng loạn của mình.

Đã đến lúc phải ra về, bác sĩ Huvênan Ucbinô bình luận bâng quơ về lần khám bệnh buổi sáng nay vì biết chắc chắn rằng người bệnh chỉ thích nói về bệnh tật của mình và thế là nàng hồ hởi nói về nó

đến mức ngài bác sĩ hứa ngày hôm sau trở lại vào lúc bốn giờ đúng để khám lại cho nàng cẩn thận hơn. Nàng giật mình: nàng biết rằng một bác sĩ thuộc loại này cao giá lắm, vượt quá khả năng trả tiền công của mình. Nhưng ngài đã kịp thời an ủi nàng: "Trong nghề này chúng tôi chủ trương lấy của người giàu để trả cho người nghèo". Sau đó ngài ghi lại trong cuốn sổ công tác của mình: *Cô Bacbara Lin, đầm lầy Mala Criăngxa, 4 giờ chiều.* Những tháng sau này, có lẽ Phecmina Đaxa đã đọc tập tài liệu ngày một nhiều thêm những chi tiết chẩn đoán lâm sàng, phương pháp chữa cùng với quá trình của căn bệnh tiến triển. Cái tên của nàng khiến bà phải để ý và ngay lập tức bà nghĩ rằng nàng là một trong số những nghệ nhân từng bị những con tàu chở hoa quả của Tân Oóclêăng bỏ rơi, nhưng địa chỉ của nàng lại khiến bà nghĩ rằng có lẽ nàng là người Hamaica, là người da đen và thế là bà huỷ bỏ tập tài liệu ấy mà không hề đếm xỉa tới những sở thích của chồng.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô thực hiện lời hứa đến thăm nàng sớm hơn mười phút vào buổi chiều ngày thứ bảy khi Bacbara Lin vẫn chưa mặc xong váy áo để đón tiếp ngài. Kể từ hồi còn ở Pari, chưa bao giờ ngài cảm thấy hồi hộp như lần này. Nằm trên giường đệm, Bacbara Lin thuộc loại đàn bà đẹp không thể đừng được. Tất cả các bộ phận trên người

nàng đều to và săn chắc, nước da nâu bóng mịn của nàng, bộ vú đầy đặn của nàng khiến người ta phải thắng thốt, hàm răng trắng muốt và đều đặn. Toàn bộ cơ thể nàng dâng lên hương sắc của một người có sức khoẻ tuyệt vời vốn là thứ hơi người mà Phecmina Đaxa đã bắt gặp trong quần áo của chồng. Nàng đến khám tại phòng khám bệnh viện bởi vì nàng bị đau bụng mà theo như nàng gọi tên thì đó là bệnh đau bụng quặn, nhưng bác sĩ Huvênan Ucbinô nghĩ rằng đó là triệu chứng của việc đi lại không được nhẹ nhàng. Thế là ngài sờ nắn các bộ phận bên trong của nàng không phải với thái độ chăm chú mà lại với thái độ thích thú, rồi dần dần ngài quên phéng mất tri thức thầy thuốc của chính mình và ngạc nhiên phát hiện ra rằng người đàn bà kỳ diệu này đẹp từ bên trong ra bên ngoài và thế là ngài cũng từ bỏ luôn những động tác nhẹ nhàng khi khám. Ngài không còn là vị bác sĩ trứ danh nhất của cả vùng duyên hải mà chỉ là một người đàn ông tội nghiệp do Thượng đế nặn ra đang có những cơn sóng lòng ghê gớm trước sắc đẹp khêu gợi của người đàn bà. Chỉ có một lần, trong cuộc đời nghề nghiệp lành mạnh của ngài, đã xảy ra một sự kiện và cái ngày hôm đó là ngày nhục nhã nhất của ngài, vì người bệnh, gạt phắt tay ngài ra, ngồi lại trên giường và bảo: "Cái điều mà ngài thích có thể xảy ra, nhưng như thế này thì không thể". Ngược lại

hoàn toàn, Bacbara Lin trườn thân mình khỏi tay ngài và khi không hề ngờ rằng người thày thuốc này đã hoàn toàn không nghĩ đến nghề nghiệp của mình rồi, nàng nói:

- Em nghĩ rằng điều này trái với luân thường đạo lý đấy!

Ngài ướt đầm đìa mồ hôi, cứ như thể vừa từ trong bể kín bước ra, lấy khăn tắm lau tay và mặt.

- Luân thường đạo lý! - Ngài nói. - Người ta tưởng rằng bọn bác sĩ chúng tôi đều là thứ gỗ đá mà thôi.

Nàng chìa bàn tay cho ngài để biểu lộ lòng biết ơn.

- Câu chuyện là thế này: em tin rằng điều em vừa nhắc ngài không có ý nói rằng không được làm thế, - Bacbara Lin nói. - Ngài hãy thử nghĩ mà xem điều gì sẽ xảy ra đối với một phụ nữ da đen khốn khổ như em lại được một người đàn ông quá nổi tiếng để ý.

- Thật lòng mà nói: không phút giây nào anh không nghĩ đến em, - ngài nói.

Đó là một lời tự thú mà người nói ra run run đáng được người nghe phải mủi lòng thương. Nhưng với tiếng cười khanh khách làm bừng sáng cả phòng ngủ, Bacbara Lin đã giải thoát ngài khỏi một điều tai hại.

- Bác sĩ ạ, em biết ngay từ khi em nhìn thấy anh ở bệnh viện cơ, - nàng nói. - Em là người da đen

nhưng em không ngốc đâu.

Nhưng, chẳng dễ dàng một chút nào, Bacbara Lin quý trọng đức hạnh trong sạch của mình, quý trọng cuộc đời ổn định và tình yêu của mình và trong kỷ cương ấy nàng nghĩ rằng mình xứng đáng được hưởng chúng. Nàng tạo điều kiện để bác sĩ Huvênan Ucbinô quyến rũ mình nhưng ngài sẽ không được bước vào phòng cho dù chỉ có một mình nàng ở nhà. Hành động quá đáng mà nàng bước tới là việc nàng để cho ngài thả sức lặp đi lặp lại mãi cái việc nghe tim phổi và sờ nắn với thái độ cố ý vi phạm những răn cấm của đạo đức nhưng không được phép lột truồng nàng. Về phần mình, ngài không thể bỏ con mồi mới một lần cắn câu và ngài cứ giữ nó trong những cuộc săn lùng hàng ngày của mình. Cứ theo những lý lẽ thực tế mà nói thì mối quan hệ vẫn được duy trì với Bacbara Lin là hầu như không thể kéo dài được nữa, nhưng ngài lại quá yếu đuối để dừng lại đúng lúc, cũng như sau đó ngài đã hèn nhát không dám tiến xa hơn. Đó chính là giới hạn của ngài.

Vị mục sư Lin không sống một cách ổn định: mục sư ra đi vào bất cứ lúc nào, cưỡi trên lưng con lừa của mình, con lừa luôn luôn thồ *Kinh Thánh* và các tài liệu tuyên truyền một bên, một bên thồ thức ăn, và sẽ trở về lúc ít ngờ tới nhất. Đó là một điều kiện bất lợi. Điều kiện bất lợi thứ hai là trường tiểu học

đối diện, bởi vì bọn trẻ vừa đọc bài vừa nhìn ra ngoài đường và cái mà chúng nhìn rõ hơn cả là ngôi nhà đối diện có cửa và cửa sổ mở toang ngay từ lúc sáu giờ sáng, và chúng nhìn thấy Bacbara Lin treo cái lồng chim ở đầu hồi để con chim *tucpian* học thuộc lòng các bài tập đọc của chúng, nhìn hấy nàng quàng quanh cổ chiếc khăn màu sặc sỡ cũng đang đọc theo bài học của chúng với một giọng rất hay của người vùng Caribê trong lúc thu dọn nhà cửa, và sau đó nhìn thấy nàng ngồi ở ngoài hàng hiên ngâm các bài Nhã ca buổi chiều bằng tiếng Anh.

Hai người phải chọn một giờ nào đó không có bọn trẻ và muốn vậy chỉ có hai khả năng: giờ nghỉ trưa từ mười hai giờ trưa đến hai giờ chiều, đó cũng là thời gian bác sĩ Huvênan Ucbinô ăn cơm trưa, hoặc là giờ cuối buổi chiều là khi bọn trẻ đã về nhà. Giờ này bao giờ cũng là giờ tốt nhất nhưng cũng vào giờ này bác sĩ Huvênan Ucbinô đã đi thăm xong các con bệnh và chỉ còn một ít phút nữa phải trở về nhà để ăn cơm cùng gia đình. Điều bất lợi thứ ba, và là điều nghiêm trọng nhất đối với ngài, đó chính là địa vị xã hội của ngài. Ngài không thể đến nhà Bacbara Lin mà không dùng đến xe, vốn rất quen thuộc đối với dân chúng và lúc nào cũng đậu ngay trước cửa nhà. Ngài cũng có thể mua chuộc gã xà ích, như hầu hết các bạn trong Câu lạc bộ Xã hội của ngài thường làm, nhưng cách làm này lại ở ngoài thói quen của

ngài. Đến mức, khi những chuyến đến thăm Bacbara Lin đã trở nên quá lộ liễu, gã xà ích phải hỏi ngài rằng nên chăng sẽ đến đón ngài sau để xe khỏi phải đỗ lại lâu ở trước cửa nhà Bacbara Lin. Bác sĩ Huvênan Ucbinô, trong cái cách phản ứng khá khác thường so với tính cách ngài, đã chặn đứng lời anh ta.

- Kể từ khi ta quen anh, đây là lần đầu tiên ta nghe thấy anh nói điều không nên nói, - ngài bảo thế. - Được thôi, ta tha lỗi cho anh, coi như anh không nói.

Hoàn toàn không tìm ra giải pháp. Ở một thành phố như cái thành phố này thật khó mà giấu được một căn bệnh khi chiếc xe của bác sĩ Huvênan Ucbinô đậu ở trước cửa. Để tránh những lời dị nghị quá sớm và những điều phỏng đoán chẳng hay ho gì, đôi lúc bác sĩ Huvênan Ucbinô đã đi bộ nếu khoảng cách cho phép hoặc đi trên xe công cộng đến nhà Bacbara Lin. Tuy nhiên, những hành động có tính chất nguỵ trang tương tự đều không thể kéo dài được bởi vì những đơn thuốc do bác sĩ kê được giữ lại ở hiệu thuốc sẽ cho phép người ta phát hiện ra sự thật và để tránh điều đó, bác sĩ Huvênan Ucbinô đã kê rất nhiều đơn giả lẫn với đơn thật, nhằm mục đích bảo vệ quyền thiêng liêng của những người ốm được chết yên lành với điều bí mật về bệnh tật của họ. Mặt khác, sự có mặt của chiếc xe đậu trước nhà

Bacbara Lin cũng có thể đánh giá theo những hình thức khác, nhưng điều đó cũng không thể kéo dài được quá nhiều thời gian, hơn nữa càng không thể kéo dài như ý muốn của ngài: nghĩa là suốt đời.

Đối với ngài thế gian lúc này đã trở thành một địa ngục. Bởi sau lần háo hức đầu tiên, cả hai người, ngài và nàng, đều có ý thức rõ ràng về những mối nguy hiểm và bác sĩ Huvênan Ucbinô chẳng bao giờ có được quyết tâm dứt khoát sẵn sàng đương đầu với những chuyện ồn ĩ sẽ xảy ra. Trong những lúc cả hai cùng đê mê say đắm, ngài hứa làm tất cả nhưng sau khi tất cả đã qua đi thì tất cả lại vẫn như ban đầu để sau đó hãy hay. Ngược lại, khi mà những khao khát được ở bên nàng càng tăng lên thì nỗi sợ mất nàng cũng tăng thêm và vì thế những cuộc gặp gỡ của hai người ngày một trở nên khẩn thiết và khó khăn hơn. Ngài chẳng còn nghĩ đến những chuyện khác. Với nỗi khao khát cháy bỏng trong lòng, ngài đợi các buổi chiều đến với mình, ngài quên khuấy những lời hẹn hò khác, ngài quên tất cả, trừ nàng. Nhưng khi chiếc xe ngày càng tiến đến gần đồng lầy Mala Criăngxa thì ngài lại khẩn cầu Thượng đế rằng vào giờ chót sẽ xảy ra một điều không thuận lợi nào đó và nó sẽ buộc ngài phải đi thẳng. Ngài cứ đi trong tâm thế đau khổ vì bị giằng xé mà đôi lúc ngài rất vui khi từ ngoài đầu phố nhìn thấy mái đầu trắng tựa bông của mục sư Lin ngồi đọc sách ở ngoài sân

hiên, thấy cô con gái ở trong phòng khách đang dậy bọn trẻ xóm phố ca vang những bài kinh trong *Phúc âm*. Thế là ngài đi thẳng về nhà mình lòng thanh thản tràn đầy hạnh phúc nhưng sau đó ngài lại cảm thấy lòng mình đang dâng lên một nỗi khát khao cháy bỏng khiến phải bồn chồn, do vậy lúc nào trong ngày cũng sẽ là lúc năm giờ chiều của tất cả mọi ngày đối với ngài.

Vậy là chuyện ái ân giữa hai người lại trở nên không thể có được khi mà chiếc xe của ngài thường xuyên lù lù đậu trước cửa nhà và đã ba tháng nay, nó trở thành một trò cười. Không kịp nói với ngài một lời, nàng Lin ngay lập tức đi vào phòng ngủ khi vừa nhìn thấy người yêu hoảng hốt đến thăm mình. Nàng, trong lúc đợi ngài, đã cẩn thận mặc một chiếc váy rộng, kiểu váy phồng với những dải màu sặc sỡ của người Hamaica, nhưng không mặc đồ lót, hoàn toàn không một thứ đồ lót nào cả, mà cứ đinh ninh tin rằng với sự thuận lợi này mình sẽ giúp ngài đỡ sợ hơn. Nhưng ngài đã tiêu hao sức lực của mình quá nhanh khi nàng làm mọi cách để ngài được hạnh phúc. Ngài theo sau nàng vào tận buồng ngủ, vừa đi vừa thở hí hóp, người ướt đầm mồ hôi và khi vừa bước vào phòng trong thì phòng đã vang lên tiếng ồn vì ngài ném xuống sàn nhà tất cả, nào cây gậy ba toong, cái túi thuốc, chiếc mũ Panama, và rồi ngài vội vã làm tình trong tâm trạng hoảng loạn: quần tụt

xuống dưới khoeo chân, chiếc áo vextông phanh hàng cúc trước để đỡ bị nghẹt thở, chiếc đồng hồ quả quít vẫn móc trong áo gi-lê, giày tất vẫn buộc nguyên nút, nghĩa là ngài chẳng cởi áo xống gì hết, và hơn nữa trong đầu ngài luôn luôn thắp sáng ý nghĩ làm sao ra khỏi phòng càng sớm càng tốt ngay sau khi đã được thoả mãn dục vọng. Nàng không hiểu gì, vì rằng vừa mới chỉ bước vào nỗi cô đơn, thì ngài đã vội đóng cúc áo, người mệt phờ, cứ như thể ngài đã ân ái hoàn toàn mãn nguyện ở ngay đường phân ranh giới giữa cái chết và sự sống, khi mà trên thực tế ngài chưa hề làm được gì cho đúng với ý nghĩa của một cuộc làm tình có sức mạnh cơ bắp. Nhưng ngài đã thực hiện đúng quy luật của mình: thời gian vừa đủ để tiêm một mũi tiêm bình thường. Thế là ngài trở về nhà mà lòng dạ vô cùng hổ thẹn cho chính sự yếu đuối của mình, mà thèm được chết ngay, mà tự nguyền rủa mình đã không đủ dũng cảm để bảo Phecmina Đaxa cởi quần cho mình và cho mình ngồi lên lòng bà. Ngài không ăn cơm tối, chỉ cầu kinh lấy lệ, nằm trên giường giả vờ đọc tiếp đoạn vừa đọc sau buổi ngủ trưa trong lúc bà vợ tất bật đi lại khắp nơi để dọn dẹp nhà cửa cho gọn gàng trước khi đi nằm. Khi ngài vừa gối đầu lên cuốn sách lập tức ngài đã để cho tâm tưởng mình dần dần lẩn vào cái rừng đước vô hình của nàng Lin, lẩn vào mùi hoa trên cái giường nằm của nàng, và thế là

ngài chẳng còn nghĩ gì hơn là việc nghĩ tới năm giờ kém năm phút buổi chiều mai và nàng Lin nằm trên giường đợi ngài với chỉ một thứ thôi: cái đống bùi nhùi đen xì quăn tít ở bên trong làn váy Hamaica. Đó chính là cái vòng địa ngục.

Đã vài năm ngài bắt đầu nhận ra sức ỳ của chính cơ thể mình. Ngài biết rõ những triệu chứng. Ngài đọc được chúng trong các sách báo, nhìn thấy chúng phù hợp trong cuộc đời thực tiễn, trong những người bệnh lớn tuổi trước đó không hề ốm nặng bỗng nhiên lại miêu tả những triệu chứng đúng đắn tưởng như được lấy ra từ trong các sách thuốc, tuy nhiên chúng đều là những triệu chứng do họ tưởng tượng ra. Vị thầy học giảng bộ môn nhi khoa của trường Xanpêtriê từng bảo ngài rằng nhi khoa là một chuyên môn đáng trọng hơn cả bởi vì trẻ em chỉ ốm khi trên thực tế nó ốm và nó không thể giao tiếp với thày thuốc bằng những từ ngữ thích hợp mà chỉ giao tiếp với thày thuốc bằng những triệu chứng cụ thể của những căn bệnh thực tế đã xảy ra với nó. Ngược lại, người lớn, ở một độ tuổi nào đó, thì hoặc giả họ thấy mình có những triệu chứng của bệnh tật mà trên thực tế họ không mắc bệnh, hoặc giả tồi tệ hơn: họ bị ốm nặng với những triệu chứng bình thường. Ngài giấu giếm họ điều đó để cùng vui với họ, và cứ thế kéo dài thêm thời gian cho đến khi họ làm quen với bệnh tật để không cảm thấy bệnh tật của mình,

không cảm thấy khổ sở khi phải sống với bệnh tật trong cái bãi rác của tuổi già. Điều mà bác sĩ Huvênan Ucbinô không bao giờ nghĩ tới là một bác sĩ ở tuổi ngài, người từng nhìn thấy hết, lại không thể vượt qua được nỗi lo lắng khi cảm thấy mình bị bệnh mà trên thực tế không hề bị bệnh. Hoặc tồi tệ hơn vì tin vào một định kiến khoa học đơn thuần lại không tin mình ốm khi trên thực tế đang bị bệnh. Vào tuổi bốn mươi, đứng trên bục giảng, ngài nói nửa đùa nửa thật: "Điều duy nhất mà tôi cần trong cuộc đời là có một ai đó hiểu được mình". Nhưng khi ngài bị lạc lối trong cái mê cung của nàng Lin thì lúc ấy ngài nghĩ về điều này một cách thật nghiêm túc.

Tất cả các triệu chứng có thực hoặc tưởng tượng của những người bệnh lớn tuổi đều tập trung trong cơ thể ngài. Với tâm trạng thanh thản ngài cảm thấy rõ hình thù của buồng gan tới mức có thể nói độ to nhỏ của nó mà chẳng cần phải sờ nắn. Ngài cảm thấy rõ tiếng kêu gừ gừ như con mèo ngủ của hai quả thận mình, cảm thấy rõ cái màu óng ánh của bọng đái mình, cảm thấy rõ tiếng sôi trào của máu chảy trong huyết quản mình. Đôi lúc ngài thức dậy như một con cá thiếu không khí để thở hít. Ngài cảm thấy trong tim mình có nước. Ngài cảm thấy mình bị hụt bước trong một khoảnh khắc, ngài cảm thấy mình chậm đi một nhịp tim đập như một vài lần

ngài thấy vậy trong lúc đi đều bước hồi còn đi học và sau đó ngài cảm thấy mình được bình phục vì Thượng đế vĩ đại. Đáng lẽ ngài phải vận dụng ngay các phương thuốc giải phiền để vui vẻ như ngài đã từng áp dụng đối với những bệnh nhân của mình thì ngài lại rất lấy làm lo lắng. Quả nhiên điều duy nhất ngài cần trong cuộc đời này, ngay ở tuổi năm mươi tám này, là có một ai đó hiểu ngài. Vậy là ngài phải tìm đến Phecmina Đaxa, người yêu ngài nhất đồng thời cũng là người ngài yêu nhất trần gian và cùng với người ấy ngài vừa làm cho lương tri mình được yên ổn.

Bởi điều này xảy ra sau khi Phecmina Đaxa làm ngài phải ngừng đọc sách trong buổi chiều hôm ấy để yêu cầu ngài nhìn thẳng vào mắt mình mà ngài nhận ra dấu hiệu đầu tiên chứng tỏ rằng cái vòng địa ngục của mình đã bị phát hiện. Tuy nhiên, ngài không hiểu vì sao ngài không đủ khả năng nghĩ rằng chỉ đơn giản bằng khứu giác bà vợ mình đã phát hiện ra sự thật. Dù thế nào đi nữa và đã từ lâu lắm rồi, thành phố này không phải là nơi giấu kín những điều bí mật. Ngay sau khi mạng lưới điện thoại gia đình được thiết lập, vài cặp vợ chồng vốn sống rất hoà thuận bỗng sinh ra to tiếng, cãi lộn nhau chỉ vì những câu đùa tếu được một kẻ nặc danh gọi điện thoại đến nhà và do đó trong nhiều năm rất nhiều gia đình không dùng điện thoại hoặc trả lại máy.

Bác sĩ Huvênan Ucbinô biết rằng vợ mình vốn rất tự trọng và không bao giờ cho phép bất kỳ một kẻ nào có ý xấu gọi điện thoại để gây chuyện không vui cho gia đình, và ngài không thể tưởng tượng rằng sẽ có một ai đó dám xưng danh ngài để báo tin cho bà vợ biết chuyện. Ngược lại, ngài chỉ sợ phương pháp cũ trước đây: một tờ giấy được luồn dưới cửa bởi một bàn tay xa lạ, chỉ có cái phương pháp ấy mới thực sự có hiệu quả mà thôi, không chỉ vì nó đảm bảo việc giữ kín tên người gửi và tên người nhận mà còn vì cái dòng họ lâu đời của ngài cho phép ngài có một vài quan hệ chặt chẽ với ý nguyện của Đấng Toàn Năng.

Tình cảnh ghen tuông hoàn toàn xa lạ với gia đình ngài; trong hơn ba mươi năm vợ chồng chung sống êm đềm, bác sĩ Huvênen Ucbinô nhiều lần đứng trước công chúng đã tự đánh giá tình cảm vợ chồng mình, coi nó như là thứ điêm của Thuỵ Sĩ chỉ cháy khi còn ở trong hộp của nó. Nhưng ngài quên mất rằng phản ứng của một người đàn bà rất kiêu hãnh, rất danh giá, một người có cá tính mạnh mẽ như bà vợ ngài, trước một sự phản bội đã được chứng nghiệm thì sẽ ghê gớm lắm. Do đó, sau khi nhìn thẳng vào mắt bà như bà yêu cầu, ngài chỉ còn biết cúi mặt xuống để giấu đi nỗi lòng đang rối bời của mình trong lúc cố tìm cách chống chế. Về phần mình, Phecmina Đaxa không nói một lời nào. Khi

mạng xong tất, bà thu vén tất cả mọi thứ rồi nhét bừa vào hộp đựng đồ khâu, bảo bọn đầu bếp nấu ăn bữa chiều, rồi đi về phòng ngủ.

Thế là lúc ấy ngài có được một quyết tâm cao: năm giờ chiều hôm ấy ngài không đến nhà nàng Lin nữa. Những lời ước hẹn về một tình yêu vĩnh viễn, viễn ảnh về một ngôi nhà kín đáo chỉ dành riêng cho một mình nàng và nó là nơi ngài có thể đến thăm nàng một cách đàng hoàng, niềm hạnh phúc không vội vã cho đến khi chết, không biết bao nhiêu lời hứa hẹn được nói ra trong ngọn lửa của ái tình sẽ chẳng bao giờ được thực hiện. Vật phẩm cuối cùng mà nàng Lin có được do ngài tặng là một chiếc vòng ngọc lục bảo do gã xà ích trao cho nàng, không một lời bình luận, không một lời nhắn nhủ, không một mẩu giấy có ghi chữ, nằm trong một cái hộp gói giấy của hiệu thuốc để chính gã xà ích tin rằng đó là một gói thuốc cần phải đưa ngay. Trong phần đời còn lại, ngài không gặp lại nàng ngay cả những dịp ngẫu nhiên, và chỉ có Thượng đế mới biết được rằng cái giải pháp anh hùng này đã làm ngài đau khổ đến nhường nào, mới biết rằng trong phòng nghỉ đóng kín cửa ngài đã phải đổ bao nước mắt đắng cay để sống qua nỗi đau bất hạnh âm thầm này. Vào lúc năm giờ chiều, đáng lẽ đi đến với nàng, ngài đã thành khẩn hối cải một cách thật sâu sắc trước cha linh hồn của mình và ngày chủ nhật tiếp đó ngài đã

làm lễ Kiên tin với trái tim tan nát nhưng tâm hồn thanh thản.

Ngay chính đêm ấy, trong lúc cởi quần áo để đi ngủ, bằng giọng trầm buồn của kẻ cầu kinh, ngài kể cho Phecmina Đaxa nghe về những cơn mất ngủ vào lúc nửa đêm về sáng của mình, về những cú đau bất chợt, về những cảm giác buồn đến muốn khóc khi chiều buông, về những triệu chứng được giải mã của mối tình vụng trộm mà lúc này ngài kể cho bà nghe cứ như thể là những tình cảnh khổ sở của tuổi già. Cần phải làm điều đó với một người nào đó để khỏi chết, để khỏi phải nói ra sự thật, tóm lại những giờ phút thoải mái ấy đều đã được hiến dâng cho nghi thức thông thường của ái tình. Bà chăm chú nghe ngài nói nhưng không nhìn ngài, không hề nói năng chi, trong lúc bà nhận quần áo từ tay ngài đưa cho. Bà ngửi từng thứ một mà không hề lộ một cử chỉ chứng tỏ mình đã nguôi cơn giận, và cứ thế cuộn tròn lại rồi ném chúng vào chiếc sọt đựng quần áo bẩn. Bà không ngửi thấy cái mùi ấy nhưng bà vẫn làm thinh và nghĩ rằng ngày mai sẽ là ngày khác hẳn. Trước khi quỳ gối xuống để cầu kinh trước bàn thờ Chúa đặt trong phòng ngủ, ngài kết thúc câu chuyện đáng buồn của mình bằng một tiếng thở dài thật não nề và chân thành, ngài còn nói: "Anh nghĩ rằng mình sẽ chết". Bà không hề chớp mắt để phản đối ngài.

- Như thế càng tốt, - bà nói. - Như thế cả hai chúng mình đều được thanh thản.

Những năm trước đây, trong lúc đang bị bệnh nguy kịch, ngài đã nói với bà về khả năng mình có thể chết và bà đã trả lời ngài bằng chính câu trả lời phũ phàng trên. Bác sĩ Huvênan Ucbinô lại cứ nghĩ câu trả lời ấy là một biểu hiện rõ nét của tính cách kiên định của phụ nữ và nhờ nó mà trái đất vẫn cứ xoay xung quanh mặt trời, bởi vì lúc ấy ngài không biết rằng bao giờ bà cũng đặt một vật có tác dụng che chắn kín đáo cho cơn giận dữ để không một ai nhận ra nỗi sợ hãi của lòng bà. Và trong trường hợp ấy, nỗi sợ đáng sợ hơn tất cả những nỗi sợ khác của bà là sợ sống mà không có ngài ở bên cạnh mình.

Ngược lại, trong cái đêm ấy, bà đã thật lòng mong mỏi ngài chết đi với sức mạnh của con tim mình và tính chất sáng tỏ của câu trả lời ấy khiến ngài ngạc nhiên. Sau đó ngài cảm thấy bà sụt sùi khóc trong bóng tối, bà khóc rất khẽ khàng, miệng cắn vào gối để ngài không nhận ra. Điều này càng khiến cho ngài hoảng hốt thêm bởi vì ngài biết rõ rằng vợ mình không khóc một cách quá dễ dàng trước bất kỳ một nỗi đau đớn nào, kể cả thể xác lẫn tinh thần. Bà chỉ khóc vì quá giận và hơn nữa nếu nỗi giận ấy có nguồn gốc từ một hình thức nào đó trong sự lo lắng cho khuyết điểm của mình thì bà càng giận dữ hơn và càng khóc nhiều hơn bởi bà không tìm được cách

tự tha thứ cho mình đã yếu đuối mà khóc. Ngài không dám an ủi bà vì biết rằng nếu an ủi bà lúc này thì chẳng khác gì an ủi một con hổ cái bị mũi lao đâm trúng và cũng không đủ dũng cảm để nói cho bà biết rằng những nguyên nhân gây nên tiếng khóc của bà buổi chiều ấy đã biến mất rồi và chúng bị nhổ tận gốc rễ rồi, kể cả trong ký ức ngài.

Vì mệt mỏi ngài ngủ thiếp đi trong mấy phút. Khi tỉnh dậy, ngài thấy bà đã thắp sáng ngọn đèn ngủ và hai mắt mở to nhìn vào ngọn đèn. Bà thôi không khóc nữa. Có một cái gì đó được khẳng định chắc chắn đã xảy ra với bà trong lúc ngài ngủ: những trầm tích qua bao năm tháng lắng đọng dưới đáy sâu sức khoẻ bà nay bị tình cảm ghen tuông thức dậy, chúng sục sôi rồi dâng trào lên và chỉ trong khoảnh khắc khiến bà già hẳn đi. Vì mủi lòng thương trước những nếp nhăn vừa xuất hiện, trước làn môi nhợt nhạt, trước màu cước mái tóc bà, ngài bạo phổi khuyên bà hãy ngủ đi vì mới hai giờ sáng thôi. Bà nói chuyện với ngài mà mắt không nhìn ngài, nhưng trong giọng nói không hề vương một chút giận dữ, mà ngược lại gần như âu yếm.

- Tôi có quyền được biết người đó là ai vậy, - bà nói.

Thế là ngài kể lại hết cho bà nghe và trong khi kể ngài cảm thấy mình như được cất đi cả một gánh nặng bằng trọng lượng quả đất trên vai mình, vì ngài

vẫn đinh ninh rằng bà đã biết chuyện này rồi và bà chỉ còn thiếu việc khẳng định các chi tiết mà thôi. Nhưng không phải thế, dĩ nhiên rồi, do đó khi ngài kể bà khóc, nhưng không khóc với tiếng khóc tấm tức như lúc đầu mà khóc với những giọt nước mắt to, mặn mòi lăn trên gò má xuống chiếc áo ngủ, chúng làm bà bị bỏng trên làn da ở phía trong áo, và bà bị bỏng trong cả cuộc đời, bởi vì ngài không làm điều mà với tất cả tấm lòng bà chờ đợi, ngược lại đã làm điều mà bà phản đối cho đến khi chết. Đó là điều khiến bà phải nổi cáu vì bị thoá mạ, khiến bà muốn gào thét trong xã hội này, một xã hội tồi tệ không hề biết gì trong việc nó chà đạp lên danh dự con người và khiến bà phải giữ cho được bình tĩnh trước những bằng chứng hủ lậu của lòng thiếu chung thuỷ của ngài: như một con người. Sau đó, khi ngài kể cho bà biết rằng buổi chiều ấy ngài đã xưng tội trước cha linh hồn của mình thì bà sợ mình sẽ giận dữ quá mức đến độ mù quáng. Ngay từ hồi còn đi học bà đã có ý niệm rằng bọn người đi nhà thờ đều đã để mất những đức tính tốt đẹp mà Thượng đế phú cho họ. Điều này chính là sự khác nhau cơ bản trong sự hoà thuận của gia đình mà cả hai người cùng biết cách né tránh để khỏi va chạm với nhau. Nhưng chồng bà đã cho phép cha linh hồn đi quá sâu vào chuyện riêng của gia đình vốn không chỉ là chuyện riêng tư của ngài mà còn là chuyện riêng tư của

chính bà. Đó chính là điều tệ hại hơn cả.

- Ôi, ông ơi, ông làm như vậy có khác nào ông đi kể tất cả chuyện nhà cho một gã lêu lổng ngoài đường nghe, - bà nói.

Đối với bà thế là câu chuyện đã đến ngõ cụt. Bà tin rằng danh giá của mình đang được tuyên truyền từ miệng kẻ này sang miệng kẻ khác trước khi ngài hoàn thành công việc hối hận và cảm giác mình bị làm nhục so với nỗi xấu hổ, nỗi giận hờn và cả sự phản bội vô lý của ngài đối với bà còn khó chịu hơn rất nhiều. Và điều tệ hại hơn cả, của khỉ, chính lại là ngài có quan hệ bất chính với một mụ da đen. Ngài đính chính ngay: "Một cô gái lai đen đấy". Nhưng ngay lúc ấy tất cả sức nín nhịn bỗng xổ tung ra: bà đã kết thúc.

- Vẫn chỉ là một thứ cứt đái ấy, - bà bảo, - và chỉ đến lúc này tôi mới biết: đó là mùi của người da đen.

Chuyện ấy xảy ra vào một ngày thứ hai. Bảy giờ tối ngày thứ sáu, Phecmina Đaxa lên một chiếc tàu thường đi Xăng Hoan đê la Xiênaga, có cô con gái nuôi đi theo cùng một chiếc hòm, mặt trùm kín một chiếc khăn để tránh người ta hỏi mình và hỏi về chồng mình. Bác sĩ Huvênan Ucbinô không có mặt tại bến cảng, theo đúng sự thoả thuận giữa hai người sau một cuộc thảo luận kéo dài ba ngày liền, trong đó họ quyết định rằng Phecmina Đaxa sẽ đến thăm

trang trại của người chị họ Hinđêbranđa Săngchêt, ở làng Phlôrêt đê Maria với một thời gian tương đối dài đủ để suy nghĩ trước khi có một quyết định cuối cùng. Vì không biết nguyên nhân, các con bà hiểu chuyến đi như một chuyến du chơi từng nhiều lần được vạch ra mà bọn họ ao ước và chờ đợi từ lâu nay. Bác sĩ Huvênan Ucbinô đã giải quyết mọi chuyện thật chu đáo để không một ai trong giới của mình có thể bịa chuyện này chuyện nọ và ngài đã thực hiện nhiệm vụ ấy rất kín nhẽ đến độ nếu Phlôrêntinô Arixa không tìm được bất kỳ một dấu vết nào về sự vắng mặt của Phecmina Đaxa là vì trên thực tế không có một dấu vết nào và không vì ông thiếu phương tiện để điều tra cho ra nhẽ. Người chồng xin rằng Phecmina Đaxa sẽ trở về nhà ngay sau khi nguôi cơn giận. Nhưng bà ra đi mà bụng vẫn đinh ninh rằng cơn giận sẽ chẳng bao giờ nguôi trong lòng mình.

Tuy nhiên, ngay lập tức bà đã học để hiểu rằng cái quyết định nóng vội ấy chẳng phải là kết quả của sự ân hận cũng chẳng phải kết quả của niềm hoài nhớ. Sau chuyến sang châu Âu chơi tuần trăng mật, đã vài lần bà trở lại bên ấy, bất chấp mười ngày ròng rã lênh đênh trên mặt biển, bao giờ bà cũng có thừa thời gian để khiến chuyến du chơi của mình lý thú và hạnh phúc. Bà biết được thế giới, học được cách sống và cách suy nghĩ theo một phương thức khác

nhưng sau cú thất bại của chuyến bay trong bóng thám không chưa bao giờ bà trở về Xăng Hoan đê la Xiênaga. Cuộc du lịch trở lại tỉnh của người chị họ Hinđêbranđa đối với bà là cái gì đó gần giống như sự giải thoát, như vậy dù có muộn đi nữa. Bà không nghĩ về điều đó nhân có sự chẳng lành trong cuộc sống vợ chồng của mình. Bà vẫn nghĩ sẽ trở về tỉnh Xăng Hoan đê la Xiênaga trước đó rất nhiều. Vậy là chỉ một ý nghĩ sống lại những tình cảm yêu thương thời đầu xanh tuổi trẻ đã an ủi bà nhiều lắm trước nỗi bất hạnh của mình.

Khi cùng với đứa con gái nuôi bước xuống tàu ở Xăng Hoan đê la Xiênaga, bà vội vàng vận dụng ngay sự kín đáo của cá tính mình và nhận ra thành phố ngược hẳn lại với những dự đoán trước đây. Thị trưởng thành phố, người toàn quyền cai quản các vấn đề dân sự lẫn quân sự, người sẽ bảo vệ bà, đã mời bà lên chiếc xe ngựa lộng lẫy, thứ vẫn thường dùng của các quan chức, trong lúc đợi tàu hoả đi khỏi thành phố để đến làng Xăng Pêđrô Alêhanđrinô, là nơi bà cũng muốn đến để tận mắt nhìn cái mà người ta từng nói với bà, tức là cái giường của Nhà Giải phóng[1] được phục chế nhỏ như chiếc giường của một đứa bé. Thế là Phecmina Đaxa trở lại thăm cái làng rộng lớn của mình trong

[1] Tức Ximôn Bôliva.

tình cảnh hoang vắng vào lúc hai giờ chiều. Bà lại được ngắm nhìn những con đường tựa như những bãi đất vắng, có những vũng nước đóng vàng xanh lè, lại ngắm nhìn những ngôi nhà rộng lớn của người Thổ Nhĩ Kỳ có gia huy tạc ngoài cổng, và cửa sổ có mái hắt bằng đồng mà những phòng rộng hơi tối của chúng vẫn vang vọng những buổi tập đàn pianô, vừa buồn vừa chệch choạc do bà mẹ mới cưới của bà dậy cho đám con gái nhà giàu. Bà nhìn quảng trường hiu quạnh không một bóng cây đang bị rang nóng lên vì đá nóng như than đỏ, nhìn hàng xe che tấm vải đen tựa như xe tang với những chú ngựa kéo đang đứng ngủ im lìm, nhìn con tàu màu vàng đang đi về phía Xăng Pêđrô Alêhăngđrinô và ở khu phố Nhà Thờ lớn bà nhìn thấy ngôi nhà rộng nhất, đẹp nhất nơi Avanrô sẽ chào đời những năm sau này khi bà không còn đủ minh mẫn để nhận ra nó. Bà nghĩ tới bà cô Excôlaxtica, người được bà tìm kiếm khắp nơi mà vẫn không có hy vọng tìm được, và do nghĩ đến bà cô mà bà đã gặp được hình ảnh Phlôrêntinô Arixa, người mặc y phục nhà thờ, tay cầm sách thơ ngồi dưới bóng những cây hạnh đào nơi công viên, như rất ít lần xảy ra với bà khi bà nhớ lại những năm thơ mộng của những ngày cắp sách đến trường. Sau rất nhiều lần dạo đi dạo lại bà vẫn không nhận ra được ngôi nhà của gia đình trước đây, bởi ở nơi bà dự đoán có ngôi nhà ấy thì chỉ có một chuồng nuôi

lợn và bà trở lại đường phố có những nhà thổ là nơi những con điếm đang ngủ trưa ở ngoài hành lang để chờ xe thư tới xem nó có mang gì cho họ không. Làng này không phải là làng quê của bà.

Ngay từ lúc mới thoạt đi dạo chơi, Phecmina Đaxa đã phải dùng mạng che kín một nửa mặt, không phải vì bà sợ có ai nhận ra mình ở ngay nơi không một ai quen biết bà mà chủ yếu vì hình ảnh những người chết trương phình dưới nắng ở khắp mọi nơi mọi chỗ trong thành phố kể từ nhà ga xe lửa đến nghĩa địa. Thị trưởng, người toàn quyền chỉ huy các vấn đề dân sự và quân sự bảo bà rằng: "Đó là những người chết vì bệnh thổ tả đấy". Bà đã biết chuyện đó rồi vì bà nhìn thấy ở những tử thi đang rữa thối trên miệng họ xùi bọt trắng, nhưng bà cũng kịp nhận ra rằng không tử thi nào có vết đạn nhân đạo bắn trúng ngay vào gáy như trong thời kỳ bà bay trên bóng thám không.

- Đúng thế đấy, - viên sĩ quan nói. - Thượng đế cũng biết cải tiến các phương pháp của mình, thưa bà.

Khoảng cách từ Xăng Hoan đê la Xiênaga đến nhà máy đường ở Xăng Pêđrô Alêhanđrinô chỉ có chín dặm đường nhưng con tàu chậm cả một ngày, vì người lái tàu vốn là bạn hữu của các hành khách nên bọn người này cứ việc yêu cầu ông ta làm ơn đỗ tàu lại để họ được duỗi chân duỗi cẳng cho giãn gân cốt nhờ những cú dạo quanh các sân bóng của công ty

chuối, và những người đàn ông trần như nhộng lội xuống suối tắm trong nước trong veo và mát lạnh chảy từ rừng ra và khi họ cảm thấy đói bụng liền đi vắt sữa những con bò cái đang tha thẩn gặm cỏ ngoài đồng. Phecmina Đaxa đến nơi trong tâm trạng sợ hãi, hầu như không đủ thời gian để khâm phục những cây me huyền thoại mà Nhà Giải phóng khi đã hấp hối mắc chiếc võng của mình vào chúng và Ngài không có đủ thời gian để chứng thực chiếc giường nơi Ngài mất, như người ta từng nói cho bà biết điều đó, không chỉ vì nó quá ư nhỏ bé đối với một con người có quá nhiều vinh quang mà nó còn nhỏ ngay cả đối với những đứa trẻ sinh thiếu tháng. Tuy nhiên, một vị khách khác, người hình như biết rất kỹ, đã nói với bà rằng cái giường này chẳng qua là một vật phục chế dởm bởi sự thật là người ta đã để cho vị cha đẻ của Tổ quốc chết nằm sõng soài dưới sàn nhà. Phecmina Đaxa quá ư chán nản trước những gì mắt được nhìn thấy và những gì tai được nghe thấy ngay từ khi bà ra khỏi nhà mình đến độ trong phần còn lại của chuyến đi bà không hề phấn chấn trước những kỉ niệm về chuyến đi trước đây như bà từng ao ước mà ngược lại bà tránh đi qua những làng từng gây trong mình bao niềm hoài nhớ. Bà bảo vệ những ý niệm cũ và bà tự bảo vệ mình trước nỗi thất vọng như thế đấy. Men theo những con đường mòn bà nghe rõ tiếng đàn phong cầm,

nghe rõ tiếng kêu quang quác của bầy gà, đó là những con gà thoát khỏi đạn chì dù là trong chiến tranh hay là trong các bữa đình đám cũng thế thôi, chúng đều bị người ta dùng súng bắn chết. Và khi không còn cách nào tránh được bà buộc phải đi qua làng, mặt trùm kín mạng để tiếp tục mường tượng nó đẹp như trước đây.

Một đêm nọ, sau khi cố tình lảng tránh quá khứ của mình còn đọng lại ở các làng, bà đã đến trang trại của người chị họ Hinđebranđa và khi nhìn thấy người chị họ đang đợi mình ở cửa thì suýt nữa bà ngất xỉu, cứ như là bà nhìn thấy chính mình trong tấm gương chân thật. Bà ta già, người béo phì, vây quanh mình là những đứa con nghịch ngợm vốn không phải là của người đàn ông bà vẫn yêu một cách vô vọng, mà là của một quân nhân về hưu, là người bà miễn cưỡng phải lấy và là người yêu bà như điên. Nhưng bên trong cái cơ thể tàn tạ kia vẫn tiềm ẩn chính con người ấy. Sau ít ngày nghỉ ngơi ở miền thôn dã và sống lại những kỷ niệm êm đẹp, Phecmina Đaxa lấy lại được cảm hứng nhưng bà chỉ ra khỏi trang trại khi đi làm lễ mixa ở nhà thờ hội truyền giáo tận cuối thung lũng. Bà đi cùng với các cháu vốn là con của những người chị em họ trước đây cùng vui đùa với bà. Đó là những thanh niên vui vẻ cưỡi trên lưng những con ngựa tuyệt vời và những cô gái xinh đẹp ăn mặc gọn gàng lịch sự, y hệt mẹ

chúng khi ở độ tuổi này, ngồi trên những chiếc xe bò kéo, thong thả đi đến nhà thờ. Bà thường đi đến làng Phlôrêt đê Maria, nơi chưa bao giờ bà có mặt trong chuyến du chơi trước đây bởi vì bà không nghĩ rằng mình sẽ thích làng này. Bác sĩ Huvênan Ucbinô quyết định đi đón bà sau khi ngài nhận được thông báo của đức giám mục địa phận Riôacha. Kết luận của ngài là sự trở về chậm trễ của vợ mình không phải là ở chỗ bà không muốn trở về mà chính ở chỗ bà chưa tìm được cách thức thích đáng để khi trở về mà lòng kiêu hãnh của mình không bị thương tổn. Vậy là ngài đến đón bà mà không hề báo trước, sau khi trao đổi thư từ với Hinđêbranđa và qua những lá thư này ngài biết chắc rằng: bà đang sống trong tâm trạng nhớ nhung, chỉ nghĩ đến nhà mình mà thôi. Vào lúc mười một giờ sáng, Phecmina Đaxa đang ở trong nhà bếp chuẩn bị món cà nhồi thịt thì nghe tiếng gào thét của bọn gia nhân, tiếng ngựa hí vang, tiếng súng bắn chỉ thiên, và sau đó tiếng chân người nện ngoài hành lang và tiếng nói của ngài:

- Thà đến đúng lúc còn hơn là được mời.

Bà tưởng rằng mình sẽ chết vì mừng quá. Không kịp nghĩ về điều đó, bà lau vội hai bàn tay mà rên rỉ: "Ôi Thượng đế, cảm ơn Người, sao Người tốt thế", mà nghĩ rằng mình vẫn chưa kịp tắm cho hết cái mùi cà chết tiệt do Hinđêbranđa bảo bà nấu mà chẳng hề cho biết ai là người sẽ đến ăn bữa cơm trưa hôm đó,

và nghĩ rằng mình thật là già và xấu xí, với gương mặt xạm nắng gió sẽ khiến ngài ân hận vì đã đến đây, ôi thật là tai hại quá. Nhưng bà lau vội tay vào chiếc tạp dề, sửa sang tạm bợ hình hài của mình, rồi lấy lại niềm kiêu hãnh mà bà mẹ đã ném bà vào cuộc sống để từ đây làm chủ nhịp đập của con tim đang hân hoan đập thình thình, rồi bà đi đến đón người chồng với bước đi dịu ngọt của con nai, mái đầu ngẩng cao, ánh mắt rực sáng, sống mũi kiêu hãnh, và bà đến với ngài trong tâm trạng hàm ơn số phận mình trước niềm vui bao la lại được trở về nhà, dù không được quá dễ dãi như ngài nghĩ, dĩ nhiên rồi, bởi vì bà đi với ngài thật hạnh phúc, dĩ nhiên rồi, nhưng cũng sẽ phải âm thầm chịu đựng chính những khổ đau khiến đời bà bị héo hắt.

Gần hai năm sau khi Phecmina Đaxa biến mất, đã xảy ra một sự kiện thuộc số những sự kiện ngẫu nhiên từng được bà Tranxitô Arixa lúc sinh thời liệt nó vào loại một trò cười của Thượng đế. Phlôrêntinô Arixa vẫn chưa hết hào hứng trước sự sáng chế ra *xinê* và Lêôna Catxiani đã dễ dàng kéo ông đi xem buổi chiếu thử bộ phim *Cabiria*, mà kịch bản của nó dựa trên những cuộc đối thoại do nhà thơ Gabiên Đanungdiô[1] viết ra. Cái bãi rộng của *đôn* Galilêô Đacôngtê, vốn là nơi trong một đêm người xem

[1] Nhà thơ Ý.

thích thú thưởng thức bầu trời sao chi chít hơn là thưởng thức những mối tình câm trên màn bạc, hôm ấy chật ních đám khán giả được chọn lọc. Lêôna Catxiani mải mê theo dõi câu chuyện của bộ phim. Phlôrêntinô Arixa đang ngủ gà ngủ gật vì bộ phim quá nặng nề. Phía sau ông, bỗng vang lên tiếng nói của một người đàn bà dường như đoán được tâm trạng ông:

- Trời ơi, điều này còn dài hơn cả một nỗi đau thương.

Đó là điều duy nhất mà người ấy nói và bị dừng lại có lẽ bởi sức vang vọng của tiếng nói ở trong bãi thanh lặng, vì ở đây vào thời ấy người ta chưa có thói quen dùng đàn pianô đệm cho các cảnh của phim câm đang được chiếu trên màn bạc và do đó người ta chỉ nghe thấy tiếng kêu vo vo từ chỗ buồng máy chiếu phát ra tựa như tiếng mưa rơi đều đều. Phlôrêntinô Arixa không nhớ tới Thượng đế trong những hoàn cảnh khó khăn nhất, nhưng lần này với tất cả tấm lòng mình ông cảm ơn Người. Bởi vì dù có ở sâu dưới lòng đất tới hai mươi sải tay đi nữa ông vẫn cứ nhận ra ngay lập tức cái giọng nói sang sảng kia, đó là cái giọng nói mà ông từng mang trong tâm khảm mình từ cái buổi chiều ông nghe người ấy nói khi đứng trên đống lá vàng rơi tại một công viên hiu quạnh: "Bây giờ anh hãy đi đi. Và xin đừng trở lại cho đến khi nào em nhắn anh tới". Ông

biết rõ bà đang ngồi ở phía sau mình, bên cạnh người chồng không thể tránh được. Ông cảm nhận hơi thở nóng hổi và đều đặn của bà, và ông hít thở không khí trong lành được thanh lọc bởi chính làn hơi thở. Ông không cảm thấy bà bị con dán của thần chết đang đục khoét như ông vẫn thường tưởng tượng ra trong lúc buồn chán vào những tháng gần đây mà ông lại một lần nữa tưởng tượng ra bà trong tuổi tươi sáng nhất và hạnh phúc nhất với cái bụng lùm lùm mang hạt giống đứa con đầu lòng bên dưới chiếc áo *tunica* mà nữ thần Minecva thường mặc. Ông tưởng tượng ra bà như thể nhìn bà mà không nhìn lại phía sau, hoàn toàn xa lạ với những bất hạnh trong câu chuyện đang được kể trên màn ảnh. Ông ngây ngất với mùi thơm quen thuộc của hạnh đào vương theo mình sau mỗi bận ngồi ở vườn hoa Lôt Êvăngêliôt trở về nhà. Ông khao khát muốn biết bà nghĩ gì về việc những người đàn bà trong phim ảnh nên yêu nhau như thế nào để cho tình yêu của họ ít đau khổ hơn những mối tình của đời thực. Trước khi buổi chiếu phim kết thúc ít phút, với niềm vui đột khởi, ông nhận ra rằng chưa bao giờ mình được ở bên cạnh người đàn bà mình yêu lâu như lần này.

Khi đèn bật sáng, ông ngồi đợi cho đến khi những người khác đứng dậy hết mới từ từ đứng dậy và uể oải đóng lại hàng cúc áo gi-lê mà trong buổi chiếu

phim ông đã mở ra. Bốn người chạm trán nhau đến mức họ buộc phải chào hỏi mặc dù trong số họ có người thực tâm không muốn một chút nào. Bác sĩ Huvênan Ucbinô trước tiên chào Lêôna Catxiani, người mà ngài biết rất kỹ và sau đó ngài xiết chặt tay Phlôrêntinô Arixa một cách lịch sự. Phecmina Đaxa mỉm một nụ cười với cả hai, một nụ cười xã giao nhưng dù sao chăng nữa nó vẫn chỉ là một nụ cười của một người từng nhìn thấy họ nhiều lần, từng biết họ là ai và vì vậy họ không cần phải tự giới thiệu mình. Lêôna Catxiani cũng đáp lễ lại bà bằng điệu bộ duyên dáng của một người phụ nữ lai đen. Ngược lại, Phlôrêntinô Arixa chẳng biết làm gì vì ông cứ đứng thần người ra mà nhìn bà.

Bà là một người khác hẳn trước đây. Trên gương mặt không hề có một dấu hiệu nào của bệnh tật, thân hình bà vẫn giữ được độ săn chắc và vòng eo lưng thon thả của thời kỳ đẹp nhất trong cuộc đời bà nhưng cũng thật rõ ràng rằng hai năm gần đây đã qua đi trong đời bà với tất cả sự khắc nghiệt của mười năm sống vất vả cộng lại. Mái tóc cắt ngắn ôm lấy gương mặt bà nom rất đẹp nhưng nó không còn là màu mật mà đã ngả màu bạc của nhôm, và đôi mắt sáng như mũi lao đã mất đi nửa cuộc đời ánh sáng sau cặp kính lão. Phlôrêntinô Arixa nhìn thấy bà tay khoác cánh tay chồng mỗi lúc một đi xa trong đám đông đang lũ lượt kéo nhau ra khỏi rạp

chiếu bóng, và ông lấy làm ngạc nhiên thấy ngay giữa đám đông bà lại che một chiếc mạng xoàng xĩnh và đi đôi giầy vải chỉ dùng để đi trong nhà. Nhưng điều khiến ông cảm động hơn cả là người chồng cứ phải vịn chắc lấy cánh tay bà để dò dẫm đi cho vững ở cửa rạp chiếu bóng. Mặc dù cẩn thận như vậy nhưng vì dự tính sai độ cao bậc lên xuống nên ngài đã hụt chân suýt nữa bị ngã.

Phlôrêntinô Arixa rất dễ động lòng trắc ẩn trước những cú va vấp kiểu ấy của tuổi già. Vì vẫn còn trẻ, trong các buổi ngồi ở công viên ông ngừng đọc thơ để quan sát các đôi vợ chồng già giúp nhau vượt qua đường phố và đó là những bài học thực tế giúp ông rất nhiều trong việc tự rút ra những quy tắc sống cho chính tuổi già của mình. Ở độ tuổi của bác sĩ Huvênan Ucbinô trong cái đêm ấy ở rạp chiếu bóng, đàn ông bao giờ cũng bừng lên một sức sống mãnh liệt hơn trong tuổi hồi xuân, họ trở nên hoạt bát và dễ quyến rũ hơn, trước hết đối với cặp mắt những người đàn bà trẻ, trong khi đó những bà vợ héo úa của họ lại phải vịn cho chắc vào cánh tay họ để khỏi va vấp ngay cả với cái bóng của chính mình. Nhưng ít năm sau, bỗng nhiên họ suy sụp cả về thể xác lẫn tinh thần, rơi tõm xuống vực sâu của tuổi già đáng nguyền rủa và thế là các bà vợ còn khoẻ mạnh lúc ấy chính là những người cần phải nắm lấy cánh tay chồng để dắt họ đi dường như dắt những người mù

loà, vừa đi vừa rủ rỉ nói vào tai họ để khỏi làm thương tổn đến lòng kiêu hãnh của cánh đàn ông rằng *ông ơi cẩn thận đấy: ba bậc thềm chứ không phải hai đâu, rằng ở giữa đường có vũng nước, rằng cái đống lù lù nằm ở mé đường bên kia là tử thi thằng ăn mày đấy*, và họ vất vả dìu nhau ra đường như thể dìu nhau qua chỗ rộng duy nhất trên dòng sông cuối cùng của cuộc đời. Trong tấm gương ấy, đã nhiều lần ông nhìn thấy hình bóng của chính mình đến mức ông không bao giờ sợ hãi cái chết cũng như cái tuổi già đáng nguyền rủa mà ở tuổi ấy ông cần có một người đàn bà dìu dắt. Ông biết rằng ngày ấy và chỉ ngày ấy ông sẽ phải từ bỏ hy vọng có Phecmina Đaxa ở bên cạnh mình.

Cuộc gặp gỡ ấy làm kinh hoàng giấc ngủ của ông. Đáng lẽ đưa Lêôna Catxiani đi xe về nhà, ông lại đưa bà đi bộ qua thành phố cổ, là nơi những bước chân ông vang lên như thể tiếng vó ngựa đạp trên đường nhựa. Đôi lúc, từ các ban công, từ trong buồng kín, vọng đến tai ông những tiếng nói thì thào, những tiếng khóc nức nở đầy vui sướng của tình yêu tuyệt vời và từ những ngõ phố im lìm ngủ bay đến với ông làn hương nhài thơm nồng. Lại một lần nữa, Phlôrêntinô Arixa phải lấy hết sức bình sinh cố giấu kín mối tình đầy đau khổ của mình đối với Phecmina Đaxa để Lêôna Catxiani không thể nhận ra. Họ cùng đi bên nhau, với những bước chân

thong thả và đều đặn. Họ thong thả yêu nhau như những tình nhân già. Bà nghĩ đến vẻ duyên dáng của Cabiria, còn ông nghĩ đến nỗi bất hạnh của chính mình. Có một người đàn ông đứng trên ban công ở Quảng trường Hải Quan hát và tiếng hát của anh ta vang vọng khắp khu quảng trường: *Khi anh băng qua những con sóng lớn giữa biển khơi*. Tại phố Santôt đê Piêđra, đúng vào lúc cần phải tạm biệt Lêôna Catxiani ngay ở trước cửa nhà bà, Phlôrêntinô Arixa đã yêu cầu bà mời mình uống một cốc rượu *brandy*. Đây là lần thứ hai ông xin được uống rượu trong những hoàn cảnh tương tự. Lần thứ nhất, cách đây mười năm, bà từng trả lời ông khi ông đòi uống rượu: "Nếu anh lên nhà em vào giờ này anh sẽ phải ở lại đó vĩnh viễn". Ông không lên nhà nhưng giờ đây dù thế nào chăng nữa ông cũng trèo lên nhà dẫu rằng sau đó ông buộc phải vi phạm lời nói của mình. Tuy nhiên, Lêôna Catxiani đã mời ông mà không đòi hỏi một sự hứa hẹn nào.

Đó là lúc ông đã bất chợt nhận ra chính mình trong cái thánh đường của một tình yêu tàn héo trước khi nó kịp nở. Bố mẹ của bà đã qua đời, người em trai duy nhất của bà đã trở nên giàu có ở Curaxao và một mình bà sống trong ngôi nhà cũ của gia đình. Những năm trước đây, khi ông chưa từ bỏ hy vọng tán bà làm người yêu của mình, ông vẫn đến thăm bà vào các ngày chủ nhật trong tình yêu

thương của bố mẹ bà và đôi lúc ông còn đến thăm bà vào những giờ rất khuya, và ông từng góp nhiều công sức vào việc sửa sang ngôi nhà đến mức ông thuộc nó như nhà mình. Tuy nhiên, trong cái đêm sau khi xem phim về ấy, nhờ chính những kỷ niệm của mình ông có cảm giác rõ ràng rằng phòng khách ấy đã được sắp đặt lại gọn gàng, sạch đẹp hơn. Giường ghế bàn tủ được kê lại ở những vị trí khác với trước đây, trên các bức tường lại treo những bức tranh mới, và do đó ông nghĩ rằng có biết bao thay đổi và những thay đổi này được thực hiện hẳn là để kéo dài cái ý nghĩ sáng tỏ rằng chưa bao giờ ông có mặt ở nhà này. Con mèo không nhận ra ông. Giật mình trước cơn giận con mèo đã quên mình, ông nói: "Mày không còn nhớ tao rồi". Nhưng trong lúc quay lưng lại để chuẩn bị rượu *brandy*, bà ta đáp lại ông rằng nếu ông bận lòng về việc này thì ông có thể yên tâm ngủ ngon giấc, bởi vì loài mèo chẳng nhớ gì hết.

Trên ghế *xôpha*, họ ngồi rất gần nhau, cùng nói chuyện về nhau, về thời kỳ họ quen biết nhau trong một buổi chiều trên chiếc xe khách do lừa kéo mà không ai nhớ rõ năm nào. Cuộc đời họ trôi đi trong những phòng làm việc liền kề nhau và cho đến lúc ấy chưa bao giờ họ nói với nhau về bất kỳ điều gì ngoài công việc. Trong lúc nói chuyện Phlôrêntinô Arixa đặt tay mình lên đùi bà; bằng những động tác

thật nhẹ nhàng êm ái ông bắt đầu mơn trớn và bà cứ để cho ông tự nhiên nhưng không hề để lộ một mảy may xúc động. Chỉ khi ông đi xa hơn, lúc ấy bà cầm lấy cái bàn tay đang dò tìm kia và đặt lên đó một chiếc hôn.

- Hãy ngoan nào anh, - bà nói. - Đã từ lâu em biết rằng anh chẳng phải là người đàn ông em tìm kiếm.

Ngay từ hồi còn rất trẻ, một người đàn ông khoẻ mạnh và liều lĩnh, người mà bà chưa hề nhìn rõ mặt đã bỗng dưng vật bà ngã xuống đê biển, lột truồng bà ra rồi ân ái với bà thật nhanh chóng nhưng cũng thật hăng say. Nằm trên nền đất sỏi, người hằn những vết sỏi găm lên mình, bà mong muốn người đàn ông ấy sẽ ở lại đấy mãi mãi để chết vì tình trong cánh tay anh. Chưa nhìn rõ mặt anh, chưa nghe giọng anh nói nhưng bà tin chắc rằng mình sẽ nhận ra anh giữa muôn nghìn người khác nhờ hình dáng và cung cách làm tình của anh. Kể từ dạo ấy bà đều nói với tất cả những ai muốn nghe: "Nếu một lần nào đó chị có quen biết một người đàn ông lực lưỡng từng cưỡng hiếp một cô bé da đen tội nghiệp vào ngày mười lăm tháng mười, lúc mười một giờ rưỡi đêm thì hãy bảo cho anh ấy tìm gặp em". Bà nói thế chỉ đơn thuần vì thói quen và bà nói đi nói lại với không biết bao nhiêu người đến mức tự bà cũng mất luôn hy vọng. Đã nhiều lần Phlôrêntinô Arixa nghe chuyện này như nghe những tiếng còi

tạm biệt của một con tàu giữa đêm khuya. Khi đồng hồ điểm hai giờ sáng cả hai người đều đã uống được ba cốc rượu *brandy* và ông biết rằng, đúng thế, mình không phải là người đàn ông mà bà từng tìm kiếm và ông lấy thế làm vui.

- Hoan hô Lêôna, - ông nói khi ra về. - Chúng ta vừa giết chết con hổ.

Đó không phải là điều duy nhất mà đêm ấy kết thúc. Câu chuyện huyễn hoặc về trại lao khiến ông từng mất ngủ, vì ông luôn luôn sợ rằng Phecmina Đaxa đang bị bệnh hiểm nghèo và bởi thế có thể chết trước chồng bà. Nhưng khi nhìn thấy ngài bị vấp ngay ở cửa ra vào rạp chiếu bóng, theo sự hiểu biết của chính mình, ông đã dấn thêm một bước nữa về phía vực thẳm với ý nghĩ sáng tỏ bất ngờ ập tới rằng ngài chứ không phải là bà sẽ là người chết trước. Đó là một điềm báo thuộc số những điềm báo đáng sợ hơn cả, bởi vì cái điềm báo ấy hiện ra rõ mồn một trong thực tế. Phía sau ông là những năm tháng ngồi yên chờ đợi, những năm tháng hy vọng náo nức, nhưng ở phía đường chân trời trước mặt kia, chỉ thấy rõ đại dương mênh mông những bệnh tưởng, những lần đi đái dắt trong đêm mất ngủ, cái chết hàng ngày khi chiều xuống. Ông nghĩ rằng mỗi một khoảnh khắc trong ngày, vốn trước đây chúng là đồng minh của mình, là kẻ đồng loã của mình, giờ đây bắt đầu phản thùng mình. Mấy năm gần

đây, theo một lời hẹn hò mạo hiểm ông ra đi trong lúc tim mình đập như thắt lại vì sợ nhỡ có chuyện chẳng lành xảy ra, ông thấy cánh cửa không khoá trái, các bản lề được tra dầu để ông vào nhà mà không gây tiếng động, nhưng đến phút chót ông lại ân hận và quay trở về vì ông sợ rằng nhỡ mình chết đột tử trên giường người đàn bà ấy hẳn sẽ gây tiếng xấu cho bà ta, một người đàn bà không quen biết và tận tuỵ. Do đó thật là có lý khi ông nghĩ rằng người đàn bà được ông yêu nhất trần đời, người mà ông đã chờ đợi từ thế kỷ trước sang thế kỷ này với tinh thần bền bỉ không một lúc than vãn thở dài, hầu như sẽ có lúc được khoác cánh tay ông để vượt qua một con đường gồ ghề những đống đất và luống cây *amapôla* bị gió đánh tả tơi, để giúp ông đi một cách bình yên và khoẻ mạnh sang bờ bên kia của cuộc đời, đó là cõi chết.

Sự thật là đối với những quan điểm của thời đại mình, Phlôrêntinô Arixa đã vượt quá xa giới hạn của tuổi già. Ông đã năm mươi sáu tuổi đời, sống rất trọn vẹn và đầy đủ, và ông nghĩ rằng đó cũng là những năm đã được sống tốt nhất vì chúng là những năm tháng của tình yêu. Nhưng không một người đàn ông nào của thời đại ấy đã có thể đương đầu với sự giễu cợt này. ở tuổi năm mươi sáu ông lại trẻ trung như một thanh niên, cho dù đúng là trẻ thực hoặc tưởng là trẻ đi nữa, và không một ai trong đám

đàn ông ở tuổi ông đã dám tự thú mà không biết ngượng rằng mình vẫn thường khóc thầm cho nỗi thất vọng từ thế kỷ trước. Đó là một thời đại bất hạnh đối với tuổi thanh niên: một thời đại mà mỗi lứa tuổi đều có một kiểu ăn vận thích hợp, nhưng kiểu ăn vận cho tuổi già lại bắt đầu ngay từ lúc người con trai còn ở tuổi thành niên và kéo dài cho đến khi xuống mồ. Nó không chỉ là biểu tượng cho mỗi lứa tuổi mà còn là biểu tượng cho danh dự xã hội. Thanh niên nam ăn mặc như những ông nội mình, càng được tôn kính hơn khi họ đeo một cặp kính trắng trước tuổi cần phải dùng và càng dễ ưa mắt hơn khi họ chống một cây ba toong vào lúc vừa tròn ba mươi tuổi. Đối với phụ nữ chỉ có hai lứa tuổi mà thôi: tuổi lấy chồng, tuổi này không thể quá tuổi hai mươi mốt, và lứa tuổi mãi mãi là con gái chưa chồng, tức là những người đàn bà ở vậy suốt đời. Những người đàn bà khác, những người lấy chồng, những bà mẹ, những bà goá, đó là những người đàn bà thuộc một lứa tuổi khác, lứa tuổi không bao giờ tính tuổi của mình trong mối quan hệ với những năm tháng đã được sống mà tính tuổi của mình trong mối quan hệ với thời gian họ còn thiếu để được đi hầu Chúa.

Ngược lại Phlôrêntinô Arixa đã liều lĩnh đương đầu với những cạm bẫy của tuổi già, mặc dù ông biết rằng mình có thuận lợi đặc biệt: ngay từ bé

mình đã giống cụ già. Thoạt đầu, đó là một sự cần thiết. Tranxitô Arixa tháo ra và may lại những bộ quần áo mà cha ông định ném vào sọt rác, do đó ông đến trường tiểu học với những chiếc áo *lêvita* mà khi ngồi xuống ghế chúng trùm kín mặt đất, với những chiếc mũ bộ trưởng rộng thùng thình trùm kín cả mắt mặc dù bên trong đã được lót bằng cả một cái vành đai bông. Hơn nữa ông còn đeo cặp kính cận ngay từ lúc năm tuổi và có mái tóc người Anhđiêng như mái tóc của bà mẹ, một thứ tóc rễ tre xoắn tít do đó diện mạo thời trẻ của ông chẳng rõ ràng gì hết. May thay sau biết bao thay đổi trong chính phủ do không biết bao cuộc nội chiến kế tục gây nên, các quan điểm về nhà trường cũng đỡ ngặt nghèo hơn trước đấy, và tại các trường quốc lập đã có một đám học sinh thuộc đủ mọi giai tầng xã hội và mọi nguồn gốc. Những đứa trẻ miệng còn hơi sữa mẹ đến lớp học đã nhiễm phải thói say mùi thuốc đạn, mang huy chương và mặc quân phục sĩ quan quân khởi nghĩa lấy được nhờ phải dùng đến súng đạn trong những cuộc chiến đấu và trên thắt lưng họ nổi gồ những vũ khí thông dụng. Chúng sẵn sàng đấu súng với nhau vì bất cứ một cuộc tranh chấp nhỏ nào trong lúc vui chơi, đe doạ những ông thày nào cho chúng điểm kém trong các bài thi. Một trong số những đứa trẻ này, vốn là học sinh năm thứ ba trường La Sadê và là con một vị đại tá về hưu, đã

xịt một phát đạn giết chết tu sĩ Hoan Êrêmita, trưởng giáo đoàn, vì trong giờ học thần học ông ta đã nói rằng Thượng đế là thành viên danh dự của đảng Bảo hoàng.

Mặt khác, những đứa trẻ con nhà quyền thế và giàu có trước đây nay đã phá sản ăn vận theo mốt các ông hoàng cổ lỗ và có một số đứa con nhà quá nghèo còn phải đi chân đất. Giữa khung cảnh ăn mặc lạ lẫm từ mọi miền dồn về ấy, dù sao chăng nữa, cách ăn vận của Phlôrêntinô Arixa vẫn nổi bật hơn cả, vẫn lạ hơn cả nhưng không đến mức buộc người đời phải để ý nhiều. Điều đau đớn hơn cả mà ông nghe thấy ở ngoài đường phố người ta gào vào mặt mình: "Đối với bọn nghèo khổ và xấu xí, cái gì chúng cũng thèm khát". Dù thế nào đi nữa, cái bộ quần áo được may vì sự cần thiết đã trở thành cái mốt ăn vận phù hợp với tư chất khó hiểu và tính cách ủ dột của ông ngay từ thời kỳ ấy và nó theo suốt cuộc đời ông. Khi được giao phó chức vụ quan trọng nhất trong Hãng Tàu thuỷ Caribê, ông đã nhờ người ta may quần áo cho mình theo số đo và kiểu cách những bộ quần áo trước đây của cha mình, người vẫn được ông nhớ tới như một cụ già chết vào đúng cái tuổi bất diệt của Chúa Crixtô: ba mươi ba tuổi đời. Vì thế trông Phlôrêntinô Arixa bao giờ cũng già trước tuổi, đến mức bà Brihiđa Xulêta trơ trẽn, một nhân tình tạm bợ từng giúp ông nhận ra

bao sự thật, ngay từ ngày đầu tiên đã nói với ông rằng bà ta thích thú hơn khi ông không mặc quần áo vì thân thể trần truồng của ông khiến bà ta có cảm giác ông chưa đến hại mươi tuổi. Tuy nhiên, chưa bao giờ ông biết cách tránh lối ăn vận ấy phần vì sở thích cá nhân không cho phép ông ăn mặc khác đi phần vì chẳng một ai biết cách ăn mặc như thế nào cho trẻ hơn hai mươi tuổi trừ việc lại một lần nữa rút từ trong tủ áo ra chiếc quần chẽn và chiếc mũ hải quân. Mặt khác, ngay chính bản thân ông cũng không thể lẩn tránh được cảm giác rõ ràng về tuổi già thời đại mình, vì vậy thật là hiển nhiên khi nhìn thấy Phecmina Đaxa vấp váp ở cửa ra vào rạp chiếu bóng, ông đã rùng mình trước tia chớp rùng rợn nói rằng thần chết thế nào cũng chiến thắng ông trong cuộc chiến tranh tình yêu đầy say đắm của mình.

Cho đến tận lúc ấy, cuộc chiến đấu chống bệnh hói đầu là cuộc chiến đấu lớn nhất của ông. Đó là cuộc chiến đấu chỉ với hai bàn tay không và bị thất bại hoàn toàn. Kể từ khi ông thấy tóc mình vương lại trên lược mỗi bận chải đầu, ông hiểu ngay rằng mình đã bị đẩy xuống địa ngục mà sự hành hạ của nó là không thể tưởng tượng nổi đối với những ai không mắc bệnh rụng tóc. Ông cố chống lại bệnh rụng tóc trong nhiều năm, không một thứ thuốc chống rụng tóc nào mà ông không thử uống, không một niềm mê tín nào ông không cố chịu đựng để

bảo vệ từng sợi tóc trên đầu mình. Ông học thuộc lòng những lời chỉ dẫn trong cuốn lịch nông nghiệp của hãng Erixtôn vì ông nghe một người nào đó nói rằng sự mọc tóc có liên quan trực tiếp với sự luân chuyển của mùa màng. Ông thôi không đến cửa hàng cắt tóc quen thuộc mà người chủ của nó cũng là một người hói đầu. Ông chuyển việc cắt tóc tháng của mình sang cho một bác phó cạo khác, người vừa mới tới thành phố này và chỉ cắt tóc vào những ngày trăng thượng tuần mà thôi. Gã thợ cạo mới đến chỉ vừa chứng tỏ rằng mình là người mát tay thì đã bị phát hiện là kẻ chuyên cưỡng hiếp các cô nữ tu, hiện đang bị cảnh sát vùng Antidat truy lùng và gã đã bị tóm. Rồi chân mang xích sắt gã bị giải đi.

Phlôrêntinô Arixa lúc ấy đã cắt và giữ lại những bài quảng cáo về thuốc chống rụng tóc đăng trên các báo lưu hành ở vùng duyên hải Caribê, trong đó họ đăng hai bức ảnh cạnh nhau của một người đàn ông. Bức thứ nhất: một người đầu trọc còn trọc hơn cả quả dưa hấu. Đó là ảnh của ông ta trước và sau khi dùng thứ thuốc không thể không dùng. Sau sáu năm ông dùng thử tới một trăm bảy mươi hai chai thuốc, ngoài ra còn dùng một số phương pháp hoàn chỉnh được ghi rõ trên các nhãn chai và điều duy nhất ông giành được từ các phương thuốc ấy là một mảng đầu mang bệnh da liễu, vừa ngứa ngáy vừa hôi hám, được gọi là bệnh chàm phương bắc, theo ngôn ngữ

của các thầy tu ở Mactinich, bởi vì trong bóng tối từ chỗ bị bệnh cứ phát ra những tia sáng xanh lân tinh. Cuối cùng ông đã sử dụng đến vô số thứ thuốc lá được những người Anhđiêng quảng cáo trong các chợ phiên, vô số những thứ thuốc đặc biệt và thuốc cao của người phương Đông được bán ở phố Lôt Excribanôt, nhưng khi ông nhận ra tính chất lừa lọc của các bài thuốc này thì đầu ông đã trọc lốc như đầu ông sư mất rồi. Năm số không[1] trong lúc cuộc nội chiến nghìn ngày làm chảy máu đất nước, có một người ý chuyên làm tóc giả từ tóc người, giống tóc tự nhiên y hệt, đến thành phố. Giá mỗi bộ tóc đắt bằng cả một gia tài nhưng người bán lại không chịu bảo hành sau ba tháng bộ tóc được sử dụng. Mặc dầu vậy, không ít người hói đầu lại không chịu từ bỏ ý định mua một bộ để dùng. Phlôrêntinô Arixa là một trong những người mua đầu tiên. Ông đội thử một bộ tóc rất giống với tóc của mình đến mức ông sợ rằng nó sẽ xù ra như lông nhím trước những lời đùa tếu. Nhưng bản thân ông cũng không trấn an được lòng mình trước ý nghĩ mình mang tóc của một người chết trên đầu. Sự an ủi duy nhất của ông là tính tham lam của bệnh hói đầu đã không cho ông thời gian để kịp nhận ra màu sắc những chiếc tóc bạc của mình. Một ngày nọ, có một gã say rượu rất

[1] Tức là năm 1900.

vui tính ở cảng tàu thuỷ đã ôm hôn ông quá say sưa hơn thường lệ khi thấy ông từ trong văn phòng bước ra. Rồi trước mặt những người phu bốc vác đang cười đùa, gã lột chiếc mũ trên đầu ông ra, hôn lên cái đầu hói nhẵn thín một chiếc hôn đến là kêu.

- Ôi, cái đầu hói tuyệt vời! - Gã nói.

Đêm ấy, đúng lúc ông chẵn bốn mươi tám tuổi, ông bảo người ta cạo nốt những mớ tóc ít ỏi còn lại ở chung quanh và sau gáy cho mình và thế là ông trở thành người hói đầu hoàn toàn. Cứ theo cung cách ấy, mỗi buổi sáng dậy, trước khi vào buồng tắm, ông bôi xà phòng không chỉ ở cằm mà cả ở trên đầu nơi mà tóc bắt đầu mọc lại và dùng con dao cạo ông cạo cho nó nhẵn thín như đít con nít. Cho đến lúc ấy, ông không bỏ mũ ra ngay cả khi ở trong văn phòng vì cái đầu hói cho ông cảm giác khó chịu về một sự để truồng mà ông thấy bất nhã trước mặt người khác. Nhưng khi đã làm quen với cái đầu hói rồi thì chính nó lại đem đến cho ông những đức tính đàn ông mà ông từng được nghe người ta bàn tán nhiều nhưng ông vẫn xem thường chúng, coi chúng như những ám ảnh đơn thuần của người bị hói đầu. Về sau này, ông lại có thói quen hất những sợi tóc dài ở mé phải ngược lên đỉnh đầu sang mé trái để che đi cái đầu hói và từ đó trở đi không bao giờ ông bỏ thói quen này. Nhưng dù đã cẩn thận đến như vậy ông vẫn dùng chiếc mũ, bao giờ cũng là chiếc

mũ đám tang cho dù sau này kiểu mũ *tacta*, đó là tên gọi địa phương của kiểu mũ *canôtiê*[1], đã trở thành thông dụng.

Ngược lại, việc ông bị rụng hết răng lại không do tai hoạ trời giáng mà là do sự làm ẩu của một viên thầy thuốc nha khoa, người đã quyết định trị tận gốc bệnh đau răng hàng ngày cho ông. Vì sợ máy mài răng nên Phlôrêntinô Arixa không dám đến hiệu trồng răng mặc dù cơn đau không bao giờ dứt, cho đến khi ông hoàn toàn không thể chịu đựng thêm được nữa. Bà mẹ ông giật mình khi nghe thấy cả đêm con trai mình kêu rên thảm thiết ở buồng bên cạnh, bởi vì bà cụ có cảm giác những tiếng kêu rên này giống y hệt những tiếng kêu rên trước đây mà nay hầu như chúng đã hoà tan trong đám sương mù của kí ức cụ. Nhưng khi buộc con trai há miệng ra để xem nỗi đau vì tình nó ở chỗ nào thì cụ thấy cả hàm răng đã lung lay trong cái lợi tấy mủ.

Ông chú Lêông XII gửi ông đến bác sĩ Phrăngxit Adônay, một người da đen lực lưỡng đi ủng và mặc quần cao bồi, vẫn thường đi trên chiếc tàu thuỷ của hãng mang theo cả một phòng trồng răng hoàn chỉnh đựng trong mấy chiếc ba lô của đốc công. Và nom ông ta có vẻ là người gây ra bao nỗi sợ ở các làng ven sông thì đúng hơn. Chỉ thoáng nhìn thẳng

[1] Một kiểu mũ bện bằng rơm.

vào miệng người bệnh, ông ta đã khẳng định ngay rằng cần phải nhổ hết răng kể cả những chiếc răng lành của Phlôrêntinô Arixa để cứu ông thoát khỏi hoàn toàn những cơn đau răng này. Ngược lại với bệnh hói đầu, câu chuyện chữa đau răng một cách nhọc nhằn này không hề khiến ông phải băn khoăn lo lắng, trừ nỗi lo trong khi nhổ răng không có thuốc gây tê mà thôi. Hàm răng giả cũng không hề khiến ông phải khó chịu trước hết vì một trong những nỗi luyến nhớ thời thơ ấu của ông là ký ức về một thầy pháp hay làm phép màu trong các chợ phiên đã móc hàm răng giả ra khỏi miệng, đặt chúng lên bàn mà vẫn nói chuyện bình thường; phần vì chính hàm răng giả này sẽ kết thúc mọi đau đớn nhức nhối ở lợi từng hành hạ ông từ khi còn nhỏ. Nó là nỗi đau đớn chẳng khác gì nỗi đau đớn vì tình của ông. Không như sự kiện bị hói đầu, sự kiện bị móm răng không đem lại cho ông cái cảm giác tức như mình bị một cú đá bất thần của tuổi già, bởi vì ông đã mãn nguyện mà nghĩ rằng không kể cái mùi cao su khó chịu của hàm răng giả, trái lại nhờ có nó diện mạo của ông trông sáng sủa hơn cùng với một nụ cười gượng. Vậy là, ông dễ dàng chịu đựng cái kìm nung đỏ của bác sĩ Adônay với sự kiên trì của một con lừa kéo và ông vẫn giữ được bình thản.

Ông chú Lêông XII theo dõi các chi tiết của ca nhổ răng như thể mình đang bị nhổ răng vậy. Cụ già

này vốn có một hứng thú đặc biệt đối với các hàm răng giả và cái hứng thú này cụ nhiễm phải ngay từ một trong những chuyến đi đầu tiên trên sông Macgơđalêna vì lúc ấy cụ muốn mình sẽ là một người hát hay. Có một đêm trăng tròn, với tầm cao của bến cảng Gamara, cụ từng thách đố với một nhân viên trắc địa người Đức vốn đủ sức đánh thức những sinh vật trong rừng già bằng cách từ trên phòng thuyền trưởng hát một bài dân ca xứ Napôlit. Suýt nữa cụ thắng cuộc. Trong sương mù phủ kín dòng sông nghe rõ tiếng đuôi quẫy của những chú cá sấu, nghe rõ sự hoảng hốt của những chú cá trích muốn nhẩy lên cạn, nhưng ở nốt nhạc mạnh nhất, khi cụ sợ rằng sức mạnh của tiếng hát sẽ làm vỡ mạch máu của mình, kẻ đang hát, thì hàm răng giả văng ra khỏi miệng và chìm ngay xuống dưới nước.

Con tàu phải chậm lại ba ngày ở bến cảng Tênêriphê để người ta làm vội cho cụ một hàm răng giả khác. Hàm răng rất vừa, nhưng trong lúc con tàu xuôi trở về thành phố, định bụng giải thích cho vị thuyền trưởng hiểu vì sao mình đánh rơi mất hàm răng giả, ông chú Lêông XII căng lồng ngực ra hít rõ sâu làn không khí nóng hầm hập của núi rừng rồi cao giọng hát và cố giữ trường độ và cao độ của tiếng hát để doạ những chú cá sấu phơi nắng trên bãi cát đang bình thản quan sát con tàu xuôi dòng. Lần này, cụ lại đánh rơi hàm răng giả và nó lại chìm

xuống dưới nước. Kể từ dạo ấy trở đi, cụ để hàm răng giả của mình ở khắp nơi: các nơi khác nhau trong nhà cụ, trong ngăn kéo văn phòng cụ, trong mỗi chiếc tàu của hãng. Ngoài ra mỗi bận đi ăn cơm khách cụ còn mang theo một hàm răng giả nữa đựng trong cái hộp thuốc ho đút trong túi áo, phòng khi ho nó văng ra mất, bởi vì đã có lần cụ bị gẫy một hàm răng giả khi gắng ăn một món thịt nạc rán trong một bữa tiệc ở nhà quê. Vì sợ rằng thằng cháu cũng sẽ là nạn nhân của những cú bất ngờ tương tự, cụ bảo bác sĩ Ađônay làm luôn hai hàm răng giả, một hàm bằng chất liệu rẻ tiền để dùng thường xuyên khi ở văn phòng, một hàm bằng chất liệu đắt tiền hơn, có cấy cả một chiếc răng vàng để dùng trong những ngày chủ nhật hay trong những ngày hội chợ. Cuối cùng, một ngày chủ nhật âm vang những hồi chuông rung ngân nọ, Phlôrêntinô Arixa ra đường phố với một tư chất mới mà nụ cười của ông đã mang lại cho ông một cảm giác vui vui rằng có một người nào đó khác hẳn ông đã thay thế ông trên thế gian này.

Đó chính là thời kỳ bà mẹ qua đời và chỉ có một mình Phlôrêntinô Arixa sống trong ngôi nhà. Căn nhà là một địa điểm thích hợp cho cung cách yêu đương của ông bởi vì nếu ở ngoài đường thì cần phải thận trọng, mặc dù linh tính mách bảo ông phải để ý tới những con mắt ở phía sau mình. Nhưng tất cả

những hành động ấy được thực hiện cốt là để Phecmina Đaxa hạnh phúc và chỉ duy có bà mới hưởng hạnh phúc ấy thôi, do đó Phlôrêntinô Arixa sẵn sàng để mất những dịp thuận lợi hiếm có ấy trong những năm tháng giàu nghị lực nhất của mình, trước khi ngôi nhà bị vấy bẩn bởi những mối tình khác. Cũng may mà, mỗi một bậc trên cái thang danh vọng của Hãng Tàu thuỷ Caribê đều có mang theo những đặc quyền mới, trước hết là những đặc quyền giữ bí mật và đối với ông một trong những đặc quyền có lợi nhất là quyền được có mặt ở các văn phòng hãng vào các ngày chủ nhật, ngày lễ, ngày có hội chợ, ban đêm và các ngày làm việc khác với sự đồng loã của các người gác cổng. Có một lần, vì lúc ấy ông đã là phó chủ tịch thứ nhất của hãng, ông đang hú hí với một trong những cô gái phục vụ tại văn phòng, ông ngồi trên ghế, cô ta ngồi trên đùi ông thì bỗng cánh cửa phòng bật mở. Ông chú Lêông XII thò đầu vào làm như thể cụ bị nhầm phòng và cụ đứng thần người ra nhìn thằng cháu đang hoảng hồn. "Của khỉ, - cụ nói không một biểu hiện ngạc nhiên nào. - Rõ thật là cha nào con ấy". Trước khi khép cánh cửa lại, với cái nhìn chìm vào chốn hư không, cụ bảo:

- Còn cô gái, xin cô cứ tiếp tục, đừng xấu hổ. Tôi xin lấy danh dự mà thề với cô rằng: tôi không hề nhìn thấy mặt cô.

Cụ không nói về chuyện ấy nữa nhưng ở phòng làm việc của Phlôrêntinô Arixa trong suốt cả tuần sau đó không thể làm việc được. Ngày thứ hai, bọn thợ điện ập đến để mắc một chiếc quạt trần. Không hề báo trước bọn thợ khoá cũng kéo đến và bọn họ làm ồn ĩ một hồi để tra một ổ khoá vào cánh cửa mà nhờ nó có thể khoá trái cửa lại. Bọn thợ mộc đến đo đạc mà chẳng hề nói đo để làm gì. Những người thợ dệt thảm mang theo mẫu thảm để xem chúng có đồng màu với tường phòng không. Sang tuần sau, một chiếc ghế sôpha rộng khảm những bông hoa sặc sỡ được mang đến và người ta buộc phải đưa nó qua cửa sổ vào phòng. Họ làm việc vào những giờ ít ngờ nhất với một thái độ tò mò cố ý, nhưng trước bất cứ một lời phản kháng nào họ cũng chỉ nói độc một câu: "Đó là lệnh của Ban lãnh đạo". Chẳng bao giờ Phlôrêntinô Arixa biết được rằng cái lối trang bị lại phòng làm việc của mình kia là một hành động khả ái của ông chú do tận mắt chứng kiến cung cách làm tình quá lộ liễu của thằng cháu hay đó là một việc làm rất đặc trưng cho cá tính của cụ để nhắc nhở thằng cháu rằng nó đã lạm dụng chức quyền rồi. Không bao giờ Phlôrêntinô Arixa biết được sự thật của hành động trên nhưng thực lòng mà nói, ông chú Lêông XII đang cổ vũ ông bởi vì chính tai cụ nghe thấy lời đồn đại nói rằng thằng cháu cụ có những thói quen khác hẳn với phần lớn bọn đàn ông

và chính lời đồn đại này đã giày vò cụ và cụ coi nó như một trở lực lớn trong việc mình làm cố vấn cho nó.

Ngược lại với người anh mình, Lêông XII Lôayxa có một cuộc sống vợ chồng bền chặt suốt sáu mươi năm liền và bao giờ cũng vậy, ông cụ đánh giá rất cao việc mình nghỉ ngày chủ nhật để ở nhà với vợ con. Cụ có bốn người con trai và một cô con gái và cụ đều mong muốn họ là những người kế nghiệp vương quốc của mình, nhưng cuộc đời đã chặn đứng cụ lại ở một trong những ngẫu nhiên thường vẫn được sử dụng trong các tiểu thuyết thời đại cụ, thế mà không một ai tin rằng chúng có thực trong cuộc đời này: cả bốn người con trai đều bị chết, người nọ kế tiếp người kia ngay sau khi họ leo lên địa vị chỉ huy của hãng, còn cô con gái hoàn toàn không có khả năng về quản lý tàu thuỷ và cô ta muốn được chết trong lúc từ một cửa sổ ở tầm cao năm mươi mét ngắm nhìn những chiếc tàu của hãng Hutsôn. Chính vì thế không thiếu người đã mách thẳng với cụ rằng Phlôrêntinô Arixa, với diện mạo lỳ lợm và chiếc ô cánh dơi của mình đã làm một thủ đoạn nào đó để cho các sự kiện ngẫu nhiên kia cùng xảy ra một lúc.

Khi ông chú miễn cưỡng phải nghỉ hưu, theo lệnh của thày thuốc, Phlôrêntinô Arixa bắt đầu hy sinh những cuộc ân ái ngày chủ nhật của mình. Ông cùng

đi với cụ đến khu nhà nghỉ ở nơi thôn dã, trên một trong những chiếc xe ôtô đầu tiên xuất hiện ở thành phố này. Đó là những chiếc ôtô mà cần quay maniven của nó rất nặng có sức phản lực mạnh mẽ từng làm gẫy cánh tay người lái xe đầu tiên. Họ nói chuyện với nhau trong nhiều giờ. Ông già nằm trên chiếc võng có thêu tên mình bằng chỉ lụa, quay lưng lại phía biển và giữ mình trong tâm trạng xa rời với bao chuyện khác ngay ở một điền trang cổ của những người nô lệ mà từ sân hiên trồng hoa *axtrômêlia* của nó có thể nhìn rõ những đỉnh tuyết phủ của dãy núi xa xanh. Bao giờ cũng vậy, Phlôrêntinô Arixa và ông chú Lêông XII không nói chuyện gì khác ngoài chuyện về công việc kinh doanh tàu chạy trên sông và trong những buổi chiều rỗi rãi ấy họ vẫn chỉ nói một chuyện ấy thôi. Đó là những buổi chiều mà thần chết luôn luôn là vị khách mời không thể nhìn thấy. Một trong những lo lắng thường xuyên ấy của ông chú Lêông XII là làm sao để Hãng Tàu thuỷ Caribê không lọt vào tay các công ty nội địa vốn có quan hệ mật thiết với các công ty tư bản châu Âu. "Cái này bao giờ cũng là một cuộc thương lượng rất hóc búa, - cụ nói. - Nếu cảnh sát tóm được thì bọn kia lập tức biếu không nó cho người Đức". Nỗi lo ngại của cụ là rất thường xuyên với một nhận thức chính trị rõ ràng đến mức cụ thích nhắc lại nó ngay cả khi không dính dáng gì

đến chuyện ấy.

- Ta sẽ tròn một trăm tuổi và ta từng nhìn thấy biết bao thay đổi ngay cả vị trí của các vì tinh tú trong vũ trụ bao la, nhưng ta chưa hề thấy ở cái đất nước này có gì thay đổi cả, - cụ nói. - Ở đây, hiến pháp mới, luật lệ mới đã được ban hành, ở đây cứ ba tháng lại nổ ra một cuộc chiến mới, nhưng chúng ta vẫn cứ là chúng ta trong thời Thuộc địa Tây Ban Nha.

Đối với những người anh em trong hội Tam điểm của mình từng đóng góp nhiều vào sự thất bại của đảng Tự do, cụ vẫn nói với họ rằng: "Cuộc chiến tranh nghìn ngày đã thất bại từ hai mươi ba năm trước, ngay từ cuộc chiến tranh năm bảy mươi sáu". Phlôrêntinô Arixa, vốn có thái độ thờ ơ trước các vấn đề chính trị, đã ngày càng thường xuyên hơn nghe những lý lẽ khó hiểu ấy tựa như một ai đó nghe tiếng sóng biển ì ầm. Nhưng đối với chính sách của hãng tàu thuỷ thì ông lại là người trái quan điểm với cụ. Trái với quan điểm của ông chú mình, Phlôrêntinô Arixa nghĩ rằng sự lạc hậu của hãng tàu thuỷ, mà lúc này hình như nó cũng ở bên bờ vực của tai hoạ, chỉ có thể suy nghĩ về nó trong mối liên hệ với việc từ chối ngay tức khắc quyền được độc quyền sử dụng những chiếc tàu chạy bằng máy hơi nước được Quốc hội thông qua và giao cho Hãng Tàu thuỷ Caribê trong chín mươi chín năm một

ngày. Ông chú Lêông XII cãi lại rằng: "Chính là Lêôna, người trùng tên với ta, với những lý lẽ nhàm chán của kẻ vô chính phủ, đã nhồi nhét vào đầu mi những quan điểm ấy đấy". Nhưng điều đó chỉ đúng có một nửa thôi. Phlôrêntinô Arixa đã xây dựng những lý lẽ của mình trên kinh nghiệm của đô đốc hải quân người Đức Gioan Onbớt, mà trí thông minh của ông ta từng bị thất bại trước những tham vọng cá nhân quá đáng. Ngược lại, ông chú Lêông XII lại nghĩ rằng sự thất bại của Onbớt không tại bởi những đặc quyền của ông ta mà bởi những cam kết không thực tế mà ông ta giành được cùng một lúc, và những lời cam kết này hầu như đã vượt quá trách nhiệm về lãnh thổ quốc gia: ông ta nhận bảo đảm duy trì khả năng đi lại của tàu bè trên sông, các công trình xây dựng bến cảng, các con đường bộ ăn thông với cảng, các phương tiện giao thông. Ngoài ra cụ còn nói rằng sự phản đối của Chủ tịch Ximôn Bôliva không phải là một trở ngại để mà cười cợt được.

Phần lớn các thành viên của hãng đều coi những cuộc tranh luận ấy như là sự cãi vã vợ chồng mà thôi, trong đó bên nào cũng có lý cả. Mọi người đều nhận thấy tính ương gàn của cụ già là hợp lý không chỉ vì tuổi già đã làm cho cụ kém nhạy bén hơn trước đây, mà còn vì sự từ chối quyền được độc quyền có lẽ đối với cụ chẳng khác gì việc ném vào

sọt rác tất cả những gì mà cụ và anh em cụ đã làm được trong những ngày anh hùng chống lại hết thảy mọi thế lực hùng hậu của cả thế giới. Vì vậy mà không một ai dám vi phạm chúng trước khi cụ từ giã cõi đời này. Nhưng bỗng nhiên trong những buổi chiều suy nghĩ ở điền trang ấy, khi Phlôrêntinô Arixa hạ vũ khí đầu hàng, ông chú Lêông XII đã đồng ý từ chối quyền được độc quyền một trăm năm với điều kiện danh dự duy nhất là không được từ chối nó khi cụ chưa qua đời.

Đó là hành động cuối cùng của cụ. Cụ không bàn đến chuyện kinh doanh nữa, cũng chẳng để cho ai được đến khám bệnh cho mình, không chịu để mất một sợi tóc trên mái tóc tuyệt vời của mình, không để mất một tia chớp minh mẫn, nhưng cụ đã làm những gì có thể vì không thấy một ai có thể yêu thương mình. Ngày cứ qua đi trong lúc cụ ngồi ở sân hiên mà ngắm tuyết rơi trắng xoá trên đỉnh núi cao mà tự đung đưa nhẹ nhàng trên chiếc ghế xích đu, ở ngay cạnh một chiếc bàn con trên đó các cô hầu phòng lúc nào cũng giữ cho cụ một bình cà phê nóng và một chiếc cốc có hàm răng giả ngâm trong dung dịch bicabônich, và giờ đây cụ chỉ đeo chúng khi phải tiếp khách mà thôi. Cụ gặp gỡ rất ít bạn bè và chỉ nói về thời đĩ vãng rất xa xưa, xa xưa hơn cả những ngày thành lập hãng tàu thuỷ. Tuy vậy, cụ lại còn một đề tài mới: ý muốn Phlôrêntinô Arixa lấy

vợ. Cụ đã bầy tỏ vài lần và bao giờ cũng chỉ với chính hình thức ấy mà thôi.

- Nếu ta chỉ mới năm mươi tuổi, - cụ nói với ông, - ta sẽ cưới Lêôna, cô gái trùng tên với ta. Ta không thể mơ tưởng một người vợ tốt hơn.

Phlôrêntinô Arixa run bắn người với ý nghĩ rằng công lao trong bao năm trời của mình sẽ đổ ra bể vào cái giờ chót chỉ vì điều kiện bất ngờ này. Ông nghĩ mình có thể chết, mình có thể từ chối hết thảy trước khi mình phản bội Phecmina Đaxa. Cũng may mà ông chú Lêông XII không kiên quyết buộc ông phải làm theo ý mình. Khi cụ chín mươi hai tuổi cụ thừa nhận người cháu sẽ là người kế nghiệp của mình và cụ rút khỏi Hãng Tàu thuỷ Caribê do mình sáng lập nên.

Sáu tháng sau, theo sự thống nhất tuyệt đối của các thành viên trong hãng, Phlôrêntinô Arixa được phong là Chủ tịch Ban lãnh đạo và là Tổng giám đốc. Ngày Phlôrêntinô Arixa lên nắm quyền lãnh đạo, sau cốc sâm banh đầu tiên, cụ già Lêông xin được phép phát biểu mà vẫn ngồi nguyên trên chiếc ghế xích đu của mình, rồi cụ tuyên đọc một bài diễn văn ngắn tựa như khúc bi ca. Cụ bảo rằng cuộc đời của mình bắt đầu và kết thúc với hai sự kiện được thấy trước. Sự kiện thứ nhất là việc Nhà Giải phóng đã bế cụ trên hai tay tại làng Tucbacô khi Người đi trong chuyến du hành bất hạnh đến cõi chết. Sự kiện

thứ hai là việc cụ đã tìm được người thừa kế xứng đáng cho hãng tàu thuỷ của mình sau khi vượt qua được tất cả những trở ngại mà số phận đặt ra để cản ngăn cụ. Cuối cùng, cụ kết thúc nhằm làm dịu đi tấn bi kịch của mình. Cụ bảo:

- Tâm trạng thất vọng duy nhất mà tôi mang trong cuộc đời này là việc tôi hát quá nhiều trong các đám tang trừ đám tang của chính mình.

Để kết thúc bài nói của mình cụ hát một bài đơn ca nhan đề *Vĩnh biệt cuộc sống*, sáng tác của Tôxca. Cụ hát nó như cụ vẫn thích hát như vậy và hát với giọng vẫn rất khoẻ. Phlôrêntinô Arixa nghe rất cảm kích nhưng ông đã kịp trấn tĩnh để trong khi cảm ơn không một ai nhận ra tiếng nói của mình run run. Đúng như ông đã làm và đã nghĩ, tất cả những gì từng làm và nghĩ trong cuộc đời, ông đi đến đỉnh cao với một quyết tâm nóng bỏng là sẽ sống và sống rất khoẻ mạnh trong thời điểm số phận mình được hoá thân trong bóng hình của Phecmina Đaxa.

Tuy nhiên, ký ức về bà không chỉ là ký ức duy nhất sống lại với ông trong đêm Lêôna Catxiani làm tiệc mừng ông. Theo ông suốt bữa tiệc ấy là ký ức về tất cả các cô, các bà: từ những bà đã ngủ ở ngoài nghĩa địa, nằm nghĩ đến ông thông qua những cây hồng ông trồng trên chốc mộ. Bởi ngay cả trong những thời kỳ khó khăn cũng như trong những đoạn mạt vận nhất của cuộc đời ông, bao giờ ông cũng

duy trì được một mối liên hệ nào đó, dù là mỏng manh đi nữa, với không biết cơ man nhân tình trong rất nhiều năm: bao giờ ông cũng theo dõi sợi chỉ cuộc đời họ.

Vậy là đêm ấy ông nhớ đến Rôsanba, người đàn bà được ông quen biết sớm nhất so với những người khác, người từng phá tân của ông, mà ký ức về bà vẫn khiến ông nhức nhối y như ngày mới quen biết. Chỉ cần nhắm mắt lại ông đã mường tượng rõ ràng ra bà ta với bộ váy áo bằng vải muxilin và chiếc mũ buông dài những dải lụa, đang ngồi đung đưa chiếc nôi trẻ nhỏ trên boong tàu. Khi ông khá nhiều tuổi có vài năm liền ông đã sẵn sàng đi tìm bà dù không biết tìm bà ở đâu, dù không hề biết họ của bà, dù không biết đích xác có phải bà là người ông đang cần gặp không, nhưng lại tin chắc rằng mình sẽ tìm được bà ở bất cứ nơi nào miễn là nơi ấy ở giữa những rừng có nhiều hoa phong lan. Đã bao lần, vì một sự cản trở thực tế nào đó vào phút chót hay vì bỗng nhiên ông thiếu ý chí, chuyến đi liền bị huỷ bỏ khi mà con tàu đã sẵn sàng nhổ neo: bao giờ cũng vậy, luôn luôn có một nguyên cớ ít nhiều liên quan đến Phecmina Đaxa.

Ông nhớ tới bà quả phụ Naxarêt, người đàn bà duy nhất mà cùng với bà ông làm uế tạp ngôi nhà của mẹ mình ở đường Vênhtanat, dù rằng không phải là ông mà là cụ Tranxitô Arixa đã dẫn bà về

nhà. So với những người đàn bà khác bà được ông thông cảm hơn cả vì bà là người duy nhất đã truyền cho ông những khoái cảm đê mê như là để bà thay thế Phecmina Đaxa, cho dù ở trên giường, bà là người vụng về. Nhưng thiên hướng mèo cái lang thang ở bà, mãnh liệt hơn chính sức mạnh của trái tim bà, đã giữ cho cả hai mãi mãi bị đẩy vào cuộc sống không chung thuỷ. Tuy nhiên, bọn họ vẫn giữ được quan hệ tình nhân trong gần ba mươi năm nhờ lời đề từ của bà ghi trên chiếc màn giường nằm: bội tín mà thuỷ chung. Ngoài ra bà còn là người duy nhất mà Phlôrêntinô Arixa nhìn mặt: khi người ta báo cho ông biết rằng bà chết và rằng người ta sẽ làm phúc chôn cất cho bà, thì ông đã bỏ tiền ra lo liệu việc chôn cất và chỉ có một mình ông dự lễ an táng bà.

Ông nhớ tới những bà goá khác được ông yêu. Ông nhớ tới Prudênhxia Pitrê, người tình xa xưa hơn cả so với những nhân tình còn sống, được mọi người biết đến với cái tên Bà Goá của Thượng đế, bởi vì quả thật bà chẳng phải của riêng ai. Ông nhớ đến một Phuđênhxia khác, bà quả phụ của Arêdanô, người đàn bà có mối tình nồng say từng dứt đứt hết cúc áo của ông để buộc ông phải ở lại nhà lâu hơn trong lúc bà ngồi đơm lại toàn bộ cúc trên chiếc áo. Ông nhớ tới Hôsêpha, bà quả phụ của Xunhiga, người đàn bà yêu ông như điên, đến mức trong lúc

mơ suýt nữa dùng chiếc kéo làm vườn cắt mất "con quay" của ông để ông không thuộc về ai, dẫu rằng ông cũng sẽ không thuộc về bà.

Ông nhớ tới Ănghêlêt Anpharô, người được ông yêu say đắm hơn những người khác, người đến thành phố này trong thời gian sáu tháng để dậy đàn tại Trường Nhạc và cùng ông bà thức qua những đêm trăng trên sân thượng nhà ông, bà để truồng như lúc bà chào đời vậy. Với cây đàn viôlôngsen giữa hai đùi nõn nà ngà trắng bà chơi những nhạc phẩm hay và giọng hát của bà khàn khàn như giọng đàn ông. Ngay từ đêm trăng đầu tiên, với một tình yêu cuồng say, cả hai người làm tình với nhau như đang nghiền nát vụn trái tim mình. Nhưng Ănghêlêt Anpharô đã ra đi thanh thản như bà đã thanh thản tới đây, mang theo tính dịu hiền và cây đàn viôlôngsen tội lỗi của mình, trên một chiếc tàu viễn dương trương lá cờ của cõi lãng quên và cái duy nhất của bà còn lại ở sân thượng trong những đêm trăng sáng là cú vẫy tay vĩnh biệt bằng chiếc khăn tay trắng nom nó giống hệt một con bồ câu đang vẫy cánh ở phía chân trời, cô đơn và buồn tẻ, như trong những bài thơ của Dạ hội Thơ ca. Với bà, Phlôrêntinô Arixa đã học được cái điều mà nhiều lần ông từng cảm thấy cho dù chưa nhận thức đầy đủ về nó: tức là việc cùng một lúc ông có thể yêu nhiều người với một nỗi đau khổ như nhau mà

không phản bội một ai cả. Một mình ông cô đơn giữa đám đông ngoài bến cảng, với một cú đấm tay đầy giận dữ, ông nói: "Trái tim còn có nhiều buồng hơn cả hộp đêm". Ông tắm mình trong nước mắt trước nỗi đau phải ly biệt. Tuy nhiên, hình ảnh con tàu viễn dương chỉ biến mất ở đường chân trời khi ký ức về Phecmina Đaxa hiện về trọn vẹn xâm chiếm toàn bộ tâm hồn ông.

Ông nhớ tới Anđrêa Varông. Tuần trước đây ông đi qua trước cửa nhà bà nhưng ánh sáng màu vàng da cam ở cửa buồng tắm đã mách trước ông đừng vào: người nào đó đã đến trước ông rồi. Ai vậy, đàn ông hay đàn bà? Nhưng Anđrêa Varông không tự dừng lại ở những chuyện vặt vãnh kiểu ấy trong những sự lộn xộn của ái tình. Trong số những nhân tình của ông, Anđrêa Varông là người duy nhất sống nhờ sắc đẹp của mình nhưng bà ta biết cách quản lý nó theo đúng ham muốn của bản thân chứ không theo một dự tính trước nào. Trong những năm tháng lộng lẫy nhất của đời mình, Anđrêa Varông đã hành nghề một con điếm thượng lưu rất trứ danh đến mức được người đời gọi là Đức bà của chúng ta, Đức bà của tất cả. Bà làm cho các quan tỉnh trưởng và các đô đốc phải phát điên lên vì mình, bà đã nhìn thấy một số bậc yếu nhân trong quân đội và cả trong làng văn nữa vốn chẳng lừng danh lắm như họ tưởng hoặc giả cũng có người lừng danh thực, từng gục

đầu khóc lóc thở than trên vai mình. Ngược lại, quả đúng là Tổng thống Raphaen Rêdêt, chỉ trong nửa giờ vội vã trong hai chuyến đến thăm thành phố này rất cập rập, đã cấp cho bà khoản lương hưu suốt đời vì đã có công lớn trong lúc làm việc ở Bộ Tài chính mà thực ra bà không hề làm việc lấy một ngày tại cơ quan nhà nước này. Bà ban phát những ân huệ khoái lạc của mình cho đến mức cơ thể mình còn chịu đựng được, và dẫu rằng đạo đức kỳ quặc của bà lại thuộc quyền phán xử của nhân dân, ấy thế mà không một ai có thể đưa ra một bằng chứng cụ thể để chống lại bà vì những người đồng loã trứ danh của bà đã bảo vệ bà như bảo vệ cuộc đời mình với ý thức sáng tỏ rằng không phải là bà mà chính họ sẽ bị mất mát trước những vụ tai tiếng. Phlôrêntinô Arixa đã vì bà mà phải tự vi phạm nguyên tắc của mình về việc không trả tiền và bà cũng vì ông mà đã tự vi phạm nguyên tắc của mình về việc nhất thiết không biếu không cho đám đàn ông, kể cả chồng mình. Hai người liền thống nhất với nhau một giá tượng trưng: cứ mỗi lần làm tình với nhau ông phải trả một đồng *pêxô* nhưng bà không nhận đồng tiền ấy và ông cũng không trao tay cho bà mà cả hai người cùng nhét nó vào con lợn - ống đựng tiền tiết kiệm cho đến khi được một số tiền lớn đủ sức mua bất kỳ một thứ hàng nhập ngoại nào ở phố Lôt Excribanôt. Bà chính là người từng góp phần làm cho thứ thuốc

thụt mà ông vẫn dùng để giải quyết những cơn đau quắn bụng do bệnh kiết lỵ gây ra có một cảm giác lạ lùng và bà thuyết phục được ông cùng chia xẻ với mình, cùng dùng chung với mình trong những buổi chiều thác loạn của họ với hy vọng sẽ tạo ra thêm một thứ ái tình trong ái tình.

Trong hàng loạt cuộc hội ngộ hạnh phúc, ông coi cuộc hội ngộ với Xara Nôriêga là quý như vàng. Chỉ có Xara Nôriêga là người duy nhất đã khiến ông phải nếm một giọt mật đắng. Bà đã kết thúc những ngày còn lại của mình ở trong nhà thương điên Đivina Paxtôra, chuyên ngâm những bài thơ của tuổi già mang đậm tính chất khiêu dâm đến mức cần phải nhốt riêng bà kẻo những vần thơ ngâm sẽ khiến cho những người đàn bà điên khác lại điên lên vì tình. Tuy nhiên, khi ông nhận hoàn toàn trọng trách trước Hãng Tàu thuỷ Caribê, ông không còn quá nhiều thời gian rảnh rỗi cũng như nhiệt tình để bắt tình với những người đàn bà khác để qua họ mà tạm lãng quên Phecmina Đaxa. Ông biết không thể lấy người khác thay cho bà được. Dần dần ông rơi vào thói quen thường xuyên đi thăm những nhân tình cũ của mình để hú hí với họ cho đến khi họ còn sức chiều ông, cho đến khi nào ông còn đủ sức để chiều họ, cho đến khi bọn họ vẫn còn cuộc sống. Ngày chủ nhật lễ Hạ Trần, khi Huvênan Ucbinô tạ thế, lúc ấy ông chỉ còn lại một người đàn bà, chỉ một mà thôi,

mới mười bốn tuổi đầu, nhưng là người có tất cả những gì mà không một người đàn bà nào khác cho đến lúc ấy có để khiến ông lại phát điên lên vì tình.

Người đó là Amêrica Vicunha. Hai năm trước, từ một miền biển ở cảng Padrê cô ta đến đây theo sự gửi gắm của gia đình cho Phlôrêntinô Arixa, người cha đỡ đầu của cô, và là người có quan hệ huyết thống từng được thừa nhận. Cô gái được gửi tới với một học bổng được chính phủ cấp trong lúc học sư phạm cao đẳng, với hành lý và một hòm làm bằng sắt tựa như cái hộp đựng búp bê, và từ khi cô ta bước xuống tàu cùng với đôi ủng màu trắng và bím tóc hung, ông đã có ngay một dự cảm tàn bạo rằng mình sẽ cùng ngủ trưa với cô ta trong rất nhiều ngày chủ nhật. Cô gái hãy còn nhãi ranh, theo đúng nghĩa của từ này, răng đầy bợ và đầu gối đầy vết sẹo do đùa nghịch trong những ngày học trường tiểu học nhưng ngay tức khắc ông đã nhận ra loại đàn bà sẽ trưởng thành nhanh chóng ở trong cô gái và ông vun trồng người đàn bà ấy trong một năm ròng với những ngày thứ bảy đi xem xiếc, với những ngày chủ nhật đi chơi công viên để ăn kem, với những buổi chiều thơ mộng và nhờ những buổi vui chơi này ông chinh phục được niềm tin của cô bé, giành được tình cảm yêu mến cô bé, rồi như một người ông đón hậu với một mưu mẹo ông cầm tay dẫn cô tới lò sát sinh bí mật của mình. Cánh cửa thiên đường được mở ngay

cho cô. Cô gái bừng nở trong một mùa hoa rộ nở từng để cô trôi nổi bềnh bồng trong niềm hạnh phúc ngây ngất và nó chính là sự cổ vũ mãnh liệt đối với cô, vì cô phải cố gắng học tập, luôn luôn đứng nhất lớp để ngày chủ nhật được ra khỏi nội trú mà đi chơi. Đối với ông, mối tình này là một xó xỉnh thú vị hơn cả trong tuổi già buồn tẻ. Sau hàng bao năm theo đuổi những mối tình được tính toán chi li, cái sở thích khó chịu của cô gái ngây thơ đem lại niềm vui cho ông khi sự hư hỏng ở trong ông được phục hồi lại.

Họ hành động rất ăn ý. Cô gái cư xử đúng với tư cách của mình: một bé gái sẵn sàng khám phá cuộc đời dưới sự hướng dẫn của một người đàn ông có tuổi không hề biết sợ là gì, còn ông xử sự với một ý thức sáng tỏ mình là người tình già và rằng tình yêu này là điều đáng sợ hơn cả trong cuộc đời của ông. Không bao giờ ông đồng nhất cô bé với Phecmina Đaxa, mặc dù giữa hai người có một sự giống nhau rất dễ dàng nhận thấy: không chỉ vì tuổi tác, vì bộ đồng phục của học sinh và bím tóc, vì cái cách đi như hươu của cô bé mà còn vì ngay cả cái tính cách kiêu hãnh của cô bé. Hơn thế nữa: ý niệm về sự thay thế cũng đã bị xoá bỏ hoàn toàn. Ông thích cô bé vì cô bé là cô bé và ông yêu cô bé vì cô bé có những cơn sốt khoái cảm vào lúc hoàng hôn. Cô bé là người đàn bà duy nhất ông đã hành động thận trọng

tới mức tối đa để ngừa thai. Sau sáu lần gặp nhau, cả hai người không có ước ao nào hơn là sự hội ngộ vào những buổi chiều chủ nhật.

Vì là người duy nhất được uỷ thác đón cô bé ra khỏi nội trú, ông đi trên chiếc xe Hutsông sáu xylanh của Hãng Tàu thuỷ Caribê đến trường đón cô bé về nhà. Trong những buổi chiều râm mát, thỉnh thoảng họ còn hạ mui xe để ra bãi biển dạo chơi. Ông đội chiếc mũ buồn thảm của mình. Cô bé cười ngạo nghễ đưa hai tay lên cố giữ chắc chiếc mũ hải quân của bộ đồng phục học sinh để gió khỏi cuốn nó đi. Có người từng khuyên cô bé rằng không nên đi quá xa trong quan hệ với người cha đỡ đầu, rằng không nên ăn bất cứ thứ gì mà ông ta không nếm trước, rằng không nên ở quá gần mà quen hơi hướng của ông, vì tuổi già rất đáng sợ: nó dễ lây thói xấu cho mình. Nhưng cô gái phớt lờ mọi lời khuyên nhủ ấy. Cả hai người đều làm ngơ, đều không giữ gìn ý tứ để tránh những điều thiên hạ nghĩ về họ, vì quan hệ ruột thịt của họ rất rõ ràng, ai cũng biết, ngoài ra sự chênh lệch tuổi tác giữa hai người quá xa cũng giúp họ thoát được mọi ý nghĩ xấu xa có thể có đối với họ.

Vào lúc bốn giờ chiều, sau khi bọn họ vừa ân ái với nhau xong thì tiếng chuông cầu hồn vang lên. Phlôrêntinô Arixa cố trấn tĩnh trước những cú tim đập thon thót. ở thời thanh niên của mình, nghi thức

kéo chuông cầu hồn nằm ngay trong chi phí cho đám tang và chỉ có những người quá nghèo khổ mới bị từ chối không được kéo chuông cầu hồn mà thôi. Nhưng sau cuộc nội chiến cuối cùng ở đất nước chúng ta trong thời gian giao thời giữa hai thế kỷ, chế độ Bảo hoàng củng cố các tập tục thời thuộc địa Tây Ban Nha của mình, do đó những tiếng chuông cầu hồn rất đắt giá, đến mức chỉ những người cự phú mới đủ khả năng trả tiền. Khi Đức Giám mục Đăngtê đê Luna quá cố, các nhà thờ trong toàn tỉnh đều rền rĩ đổ hồi suốt chín ngày đêm liên tục và hiện tượng ấy trở thành một nỗi đau chung của tất cả mọi người đến mức Đức Giám mục kế nghiệp ngài đã loại bỏ nghi thức kéo chuông cầu hồn ra khỏi nghi thức của đám tang và ngài chỉ giành chúng cho những người chết nổi tiếng và có thế lực. Bởi vậy, khi Phlôrêntinô Arixa nghe thấy tiếng chuông Nhà Thờ lớn đổ những hồi chuông rên rỉ cầu hồn cho người chết vào lúc bốn giờ chiều ngày chủ nhật lễ Hạ Trần ông liền cảm thấy có một bóng ma ám ảnh mình từ thời trai trẻ đến thăm mình. Chưa bao giờ ông nghĩ rằng đó là tiếng chuông cầu hồn mình từng mong đợi trong rất nhiều năm kể từ ngày chủ nhật ông nhìn thấy Phecmina Đaxa có thai sáu tháng từ trong nhà thờ bước ra sau khi dự lễ mixa.

- Của khỉ, - ông nói. - Phải là một con cá mập to lắm để đến nỗi Nhà Thờ lớn nhất phải kéo chuông

cầu hồn.

Amêrica Vicunha, hoàn toàn khoả thân, vừa bừng tỉnh dậy.

- Có lẽ người ta kéo chuông vì lễ Hạ Trần đấy! - Cô nói.

Phlôrêntinô Arixa không phải là người giàu kinh nghiệm trong các hoạt động của nhà thờ. Ông cũng không đi dự lễ mixa kể từ sau khi ông không chơi viôlin trong đội đồng ca của một người Đức, người dạy ông nghề điện báo, và về số phận của ông ta như thế nào ông cũng không được biết tin tức xác thực. Nhưng ông biết chắc chắn rằng không bao giờ nhà thờ kéo chuông để làm lễ Hạ Trần. Trong thành phố hẳn là có đám tang, ông biết rõ điều đó. Một nhóm bạn hữu trong số những người tị nạn vùng Caribê, sáng hôm nay đã có mặt ở nhà ông báo cho ông biết rằng Giêrêmia đê Xanh Amua đã chết lúc sáng sớm trong phòng làm ảnh của ông ta. Dẫu rằng Phlôrêntinô Arixa không phải là bạn thân cận của ông ta nhưng ông là bạn của rất nhiều người tị nạn vùng Caribê vốn thường mời ông cùng tham gia các hoạt động chung, nhất là tham dự các đám tang của bọn họ. Nhưng Phlôrêntinô Arixa cũng tin chắc rằng những tiếng chuông rên rỉ kia cũng không đổ hồi để cầu hồn cho Giêrêmia đê Xanh Amua vì ông ta là một nhà vô thần, là một người vô chính phủ tàn bạo và hơn nữa ông ta đã chết bằng chính bàn tay mình.

- Không đúng thế đâu, - ông nói. - Những hồi chuông cầu hồn như thế chỉ có thể rung lên một cách rên rỉ để an ủi những người chết có chức vụ từ tỉnh trưởng trở lên mà thôi.

Amêrica Vicunha, với cơ thể xanh tái vẫn vèo những đốm sáng lọc qua tấm rèm cửa không kín, chưa đến tuổi để nghĩ về cái chết. Bọn họ ân ái với nhau sau bữa cơm trưa và sau lúc ngủ trưa còn đang nằm trên giường đợi tỉnh ngủ hẳn. Cả hai người đang khoả thân nằm bên dưới quạt trần mà tiếng kêu vo vo của nó vẫn không che lấp nổi tiếng lạo sạo của bước chân những chú quạ đen đi trên mái nhà lợp tôn còn nóng bỏng dưới ánh nắng lúc giữa trưa. Phlôrêntinô Arixa yêu cô bé như ông từng yêu bao người đàn bà khác trong cuộc đời dài lâu của mình. Nhưng so với những người khác, ông yêu cô gái này với nỗi đau day dứt hơn nhiều vì ông biết chắc rằng mình sẽ chết vì già lão trước khi cô học xong trường sư phạm cao đẳng.

Phòng họ nằm giống như một phòng giường nằm trên tàu thuỷ, với những bức vách ghép ván được sơn đi sơn lại nhiều lần y như con tàu được sơn đi sơn lại, nhưng hơi nóng ở đây khủng khiếp hơn nhiều so với hơi nóng trong các phòng giường nằm của những con tàu chạy trên sông vào lúc bốn giờ chiều bởi chính hơi nóng từ trên mái kim loại hắt xuống mặc dù nó đã được mắc một chiếc quạt điện

ngay trên đầu giường. Đây không phải là một phòng ngủ bình thường mà đúng hơn nó là một giường nằm của một chiếc tàu thuỷ nhưng lại được dựng ở trên đất liền theo lệnh của Phlôrêntinô Arixa. Nó được làm ngay ở phía sau văn phòng của Hãng Tàu thuỷ Caribê chỉ với một mục đích duy nhất: ông có một tổ ấm cho những mối tình ở tuổi già của mình. Trong những ngày làm việc, thật khó mà ngủ được ở đây vì lúc nào cũng ồn vang tiếng gào thét của bọn phu khuân vác, tiếng cần cẩu làm việc ở ngoài cảng. Tuy nhiên, đối với cô gái nó là một thiên đường ngày chủ nhật.

Ngày lễ Hạ Trần họ nghĩ sẽ cùng ở bên nhau cho đến khi cô gái phải trở về ký túc xá, năm phút trước khi chuông cầu kinh Đức Bà đổ hồi, nhưng chuông cầu hồn lại nhắc Phlôrêntinô Arixa nhớ đến lời hứa sẽ tham dự đám tang của Giêrêmia đê Xanh Amua và thế là ông mặc quần áo nhanh hơn thường lệ. Như thói quen lâu nay, trước khi ra đi ông tết lại cho cô gái bím tóc mà ông đã xổ tung nó ra trước khi hành lạc, rồi đặt cô gái lên bàn, ông buộc lại dây giày của bộ đồng phục nữ sinh mà cô gái thường vẫn thắt không được đẹp. Ông giúp cô thật lòng chứ không hề với ý thức lợi dụng và cô để yên cho ông làm coi đó như là nhiệm vụ của ông mà thôi. Cả hai người đã đánh mất ý thức về tuổi tác của mình ngay từ những cuộc hội ngộ đầu tiên và họ cư xử với nhau

như vợ như chồng mà quên khuấy đi bao nhiêu chuyện khác đến độ họ chẳng còn gì để mà nói với nhau.

Ngày chủ nhật và ngày hội, các văn phòng làm việc đều đóng cửa và đều tối om, và ngoài cảng vắng vẻ chỉ có độc một con tàu đã tắt máy. Không khí oi nóng báo hiệu sẽ có mưa, đó là những cơn mưa đầu năm, nhưng không khí trong trẻo ở bến cảng và khung cảnh yên tĩnh ngày chủ nhật lại như đang nói rằng họ sống trong một tháng trời đẹp tuyệt vời. Ở đấy, cảnh trời đất có vẻ ngái ngủ hơn là khung cảnh tranh tối tranh sáng ở trong phòng giường nằm của họ và tiếng chuông nghe rầu lòng hơn dù không biết chúng vang lên là để cầu hôn cho ai. Phlôrêntinô Arixa và cô gái bước xuống sân diêm sinh mà trước đây từng là bến cảng buôn bán nô lệ phục vụ cho người Tây Ban Nha, và là nơi hiện đang còn những quả cân và sắt vụn hoen rỉ, dấu vết của một cái chợ buôn bán nô lệ. Xe ôtô đã đợi họ ngay dưới bóng râm của các cửa hàng, và bọn họ chưa đánh thức người tài xế đang ngủ sau vô lăng chừng nào họ chưa ngồi yên chỗ trên xe. Chiếc xe vòng ra phía sau cửa hàng ngay cạnh có hàng rào lưới sắt, chạy qua khoảng không rộng lớn mà trước đây là chợ cũ của vịnh Anima, là nơi bọn trẻ choai choai đang chơi bóng đá, rồi ra khỏi khu vực cảng giành cho tàu thuỷ chạy trên sông kéo theo sau nó những

đám bụi nóng hầm hập. Phlôrêntinô Arixa vẫn tin chắc rằng nghi thức lễ tang trang trọng này không giành cho Giêrêmia đê Xanh Amua nhưng những hồi chuông vẫn được người ta bền bỉ rung mãi kia khiến ông sinh bụng nghi. Ông đặt tay lên vai người tài xế rồi ghé sát tận tai y gào lên để hỏi rằng chuông nguyện hồn cho ai vậy.

- Chuông ấy là để cầu hồn cho viên bác sĩ, - người tài xế nói. - Ông ta tên là gì nhỉ, thưa ông?

Phlôrêntinô Arixa không cần phải nghĩ cũng biết y đang nói đến ai. Tuy nhiên khi người tài xế kể cho ông nghe việc bác sĩ chết như thế nào thì hình ảnh thoáng qua bỗng tan biến ngay vì ông không thấy nó xác thực. Không có gì giống với một người bằng chính cái chết này đối với con người ông mường tượng ra. Nhưng chúng là một, dẫu rằng chúng rất mơ hồ: người bác sĩ già hơn cả và được coi trọng nhất và là một trong số những con người nổi tiếng hơn cả của thành phố bởi chính những công trạng của ngài, đã chết với cái xương sống bị gãy ở tuổi tám mươi mốt vào lúc ngã từ một cành xoài rơi xuống đất khi định bắt con vẹt.

Tất cả những gì mà Phlôrêntinô Arixa làm kể từ ngày Phecmina Đaxa cưới chồng đến nay đều dựa trên hy vọng của cái tin này. Tuy nhiên, khi giờ ấy đến, ông lại không cảm thấy phấn khích trước thắng lợi mà bao lần ông dự cảm trong những đêm mất

ngủ. Trái lại, ông lại cảm thấy xao xuyến trong lòng trước cú đấm của nỗi sợ: trí thông minh đã ám ảnh ông rằng chính điều này cũng có thể xảy đến với ông vì ông đã ở vào tuổi gần đất xa trời. Ngồi bên cạnh ông trong một chiếc xe nhẩy chồm chồm trên đường lổn nhổn đá, Amêrica Vicunha giật thột trước gương mặt xám ngoét của ông và hỏi ông làm sao vậy. Phlôrêntinô Arixa cầm lấy tay cô bé trong bàn tay giá lạnh của mình, nói:

- Ôi, cô bé đáng yêu của ta, để kể cho cô em nghe chuyện này phải cần đến thời gian năm mươi năm mới đủ.

Ông quên khuấy lễ an táng của Giêrêmia đê Xanh Amua. Ông để Amêrica Vicunha xuống xe vào ký túc xá với lời hứa vội vàng rằng ông sẽ trở lại đón cô vào thứ bảy tới, rồi ra lệnh cho người tài xế đánh xe đưa mình về thẳng nhà bác sĩ Huvênan Ucbinô. Ông bắt gặp rất nhiều xe ôtô và xe thuê đậu ở các đường phố lân cận, và đám đông tò mò đang đứng chật ở trước cửa nhà. Tân khách của bác sĩ Laxidêt Ôlivêda, những người được tin dữ trong lúc cuộc vui đang lên đến cao điểm, đã ồn ĩ kéo đến đây. Do đám đông lộn xộn nên việc đi lại trong nhà chẳng dễ dàng chút nào, nhưng Phlôrêntinô Arixa đã len lỏi vào tận buồng ngủ chính của ngôi nhà. Ông lách qua đám người vây lấy cửa và nhìn thấy bác sĩ Huvênan Ucbinô nằm trên chiếc giường vợ chồng,

người xám ngoét trong sự hành hạ của thần chết như ông từng muốn nhìn thấy ngài kể từ lần đầu ông nghe nói đến ngài. Bác phó mộc đang đo kích thước ngài để đóng áo quan. Bên cạnh ngài, vẫn vận bộ váy áo của người bà nội vừa mới cưới chồng mà bà đã mặc để dự tiệc, Phecmina Đaxa đứng trong tư thái đăm chiêu và im lặng.

Phlôrêntinô Arixa từng mường tượng ra cái khoảnh khắc ấy với những chi tiết nhỏ nhặt của nó ngay từ những ngày trai trẻ của mình, trong đó ông đã hiến thân cho sự nghiệp của mối tình táo bạo này. Vì bà ông đã giành được địa vị và của cải mà không cần phải tráo trở nhiều trong phương pháp của mình, vì bà ông đã giữ gìn sức khoẻ và diện mạo của mình với một nghị lực phi thường mà đối với những người đồng thời với ông họ đều cảm thấy khó hiểu thế nào ấy, và ông đã đợi cái ngày ấy mà không một ai có thể đợi chờ một cái gì, mà không một người nào như ông đã làm: không một khoảnh khắc nản chí trong suốt một nửa thế kỷ. Điều được nghiệm thấy rằng ngay cả cái chết cũng đứng về phía mình đã đem lại cho ông lòng can đảm mà ông đang cần đến để nhắc lại với Phecmina Đaxa lời thề thuỷ chung son sắt và tình yêu mãi mãi của ông dành cho bà ngay trong đêm đầu tiên của cuộc sống goá bụa của bà.

Với ý thức đầy đủ ông không phủ nhận đó là một

hành động thiếu chín chắn, chưa nhận thức đúng mức sự cần thiết về thời gian và hình thức thích hợp để bộc lộ tình cảm yêu đương của mình, nhưng nỗi sợ thời cơ có một không hai này sẽ không trở lại với mình nữa đã buộc ông phải vội vã hành động, ông từng mong muốn có cái hành động này kể cả việc đã nhiều lần ông mường tượng ra nó trong những hình thức dữ thô bạo hơn, nhưng vận may theo ông nghĩ, sẽ không đến với ông nữa. Ông đã bước ra khỏi ngôi nhà có tang với nỗi đau day dứt trong lòng về việc mình để chọ bà đang ở tình trạng đau thương đến mủi lòng mà chính ông cũng đang ở trong nó, nhưng ông không thể làm gì hơn để ngăn chặn nó, bởi vì ông cảm thấy rằng cái đêm đau thương ấy mãi mãi đã được viết lên số phận của hai người.

Những tuần lễ tiếp theo ông không ngủ được lấy một đêm cho trọn giấc. Ông đau lòng tự hỏi Phecmina Đaxa cô đơn không có ông hiện đang ở đâu, bà đang nghĩ gì, bà sẽ làm gì trong những năm tháng còn lại với sức nặng của nỗi hoảng sợ đang ở trong tay bà. Ông lại bị đi lỵ và bệnh lỵ khiến bụng dạ ông sôi lên ùng ục tựa như có ai đang gõ trống ở bên trong, buộc ông phải dùng thuốc giảm đau. Những cơn đau của tuổi già ở trong ông, mà ông vốn chịu đựng rất giỏi so với những người cùng tuổi với mình, vì ông quen chịu từ hồi trẻ, đã cùng một lúc tấn công ông. Sau một tuần vắng mặt, ngày thứ tư ông đến văn phòng và Lêôna

Catxiani phải giật mình khi nhìn thấy ông phờ phạc và xanh tái. Nhưng ông đã kịp trấn an bà: lại một lần nữa ông bị mất ngủ, như lâu nay vẫn thế, và ông kịp cắn lưỡi lại thật đau để khỏi phun ra sự thật đang rỏ từng giọt mật đắng trong trái tim ông. Mưa tầm tã suốt không hửng lên một chút để ông suy tư. Ông lại sống qua một tuần khác thường: không thể tập trung được tư tưởng do đó chẳng nghĩ được gì, ăn không ngon, ngủ không yên giấc, cố lòng cảm nhận những dấu hiệu rõ ràng sẽ chỉ cho ông con đường thoát ra khỏi tình trạng này. Nhưng kể từ thứ sáu trở đi, một sự thanh thản lạ lùng lại xâm chiếm toàn bộ tâm hồn ông và ông coi nó như một lời tuyên bố rằng sẽ chẳng có cái gì mới xảy ra, rằng tất cả những gì ông đã làm trong cuộc đời thảy đều trở nên vô ích và chẳng có việc để mà làm: nghĩa là nó là cái kết cục rồi. Ngày thứ hai, khi về đến ngôi nhà của bà mẹ ở phố Vênhtanat, ông bắt gặp một phong thư nổi lềnh bềnh trên một vũng nước ngầu bùn đỏ, ngay ở lối vào nhà, và ngay lập tức ông nhận ra trên mặt bì thư một lối chữ viết rất đẹp mà dù trải qua bao thăng trầm trong cuộc đời nó vẫn nguyên như trước khi họ còn trẻ và kể cả việc ông tưởng rằng mình cảm thấy cái mùi thơm ban đêm của những bông hoa dành dành đã héo, bởi vì trái tim đã mách cho ông ngay từ cú thảng thốt đầu tiên: đó là bức thư ông hằng mong đợi không một phút ngừng nghỉ trong hơn một nửa thế kỷ nay.

PHECMINA ĐAXA KHÔNG THỂ TƯỞNG tượng rằng bức thư của mình, được thai nghén bởi nỗi giận dữ mù quáng, lại được Phlôrêntinô giải thích như một bức thư tình. Bà đã viết trong lá thư tất cả nỗi căm giận lớn nhất, những từ ngữ đáo để nhất, những lời sỉ nhục và cả những lời thoá mạ, thế mà bà vẫn cảm thấy chúng còn quá nhẹ so với sự xúc phạm của ông đối với bà. Bức thư ấy là hành động cuối cùng của một lời nguyền rủa cay đắng trong hai tuần và qua nó bà cố tình giành lấy một cú giao kèo nhằm làm quen với tình hình mới của cuộc đời bà. Bà muốn một lần nữa mình lại là mình, muốn khôi phục lại tất cả những gì bà phải nhân nhượng trong một nửa thế kỷ của một cuộc đời nô lệ từng mang lại hạnh phúc cho bà, điều này đúng quá rồi, nhưng mà khi chết, người chồng đã không để lại chút xíu danh dự cho bản thể con người bà. Bà là một bóng ma trong một ngôi nhà xa lạ mà ngày nọ qua ngày kia nó càng bao la và hiu quạnh hơn, và

trong ngôi nhà này càng ngày bà càng đi tới miệng vực thẳm, lòng tự hỏi lòng một cách đầy đau khổ rằng ai đã chết nhiều hơn: Người đàn ông đã quá cố hay là người đàn bà hiện đang còn sống.

Bà không tài nào tránh nổi cái ý nghĩ giận hờn thầm kín đối với người chồng vì lẽ ngài đã bỏ mặc bà một mình ngay giữa biển khơi mênh mông. Những gì của ngài còn lại đều khiến bà phải khóc: bộ quần áo pigiama để ở dưới gối, đôi dép lê đi trong nhà mà lúc nào cũng khiến bà tưởng rằng chúng là của người ốm, cái ký ức về hình ảnh ngài thay quần áo ở trong gương khi bà chải tóc để đi ngủ, cái hơi hướng trên làn da ngài từng thấm đẫm trên làn da bà, bất cứ một việc gì đang làm bà cũng phải dừng lại giữa chừng rồi đưa bàn tay lên vỗ trán bởi vì ngay lập tức bà nhớ có chuyện gì đó mình quên chưa nói với ngài. Lúc một, lúc một, có biết bao câu hỏi mà chỉ một mình ngài mới có thể trả lời bà lại đến trong tâm trí bà.

Có đôi lần ngài từng nói với bà về một điều mà ngay lúc ấy bà không hiểu nổi, ấy là việc những người bị cưa chân vẫn cảm thấy đau đớn, cảm thấy bị chuột rút, cảm thấy buồn ngay ở chính cái chỗ đùi đã bị cưa mất rồi. Bây giờ không còn ngài, bà đã cảm thấy đúng như thế, bà vẫn cảm thấy ngài đang có mặt ở nơi ngài không có mặt.

Khi thức dậy trong buổi sáng đầu tiên của cuộc

đời goá bụa, bà trằn trọc trên giường, mắt vẫn nhắm, định tìm một tư thế dễ chịu hơn để ngủ tiếp, và trong khoảnh khắc ấy đối với bà ngài mới là người đã chết rồi. Bởi chỉ lúc ấy bà mới ý thức được rõ ràng rằng lần đầu tiên ngài không ngủ ở nhà. ấn tượng thứ hai về việc ngài không có nhà là ấn tượng xảy ra ở bàn ăn không chỉ vì bà cảm thấy một mình đơn độc, đúng là bà đang đơn độc thật, mà còn vì ý nghĩ sáng tỏ rất lạ lùng rằng mình đang ngồi ăn với một người không còn tồn tại nữa. Bà đợi cho đến khi Ôphêlia, con gái bà, cùng với người chồng và ba đứa con gái từ Oóclêăng đến để một lần nữa cùng họ ngồi ăn ở bàn, nhưng không phải là chiếc bàn trước đây mà là chiếc bàn làm vội, nhỏ hơn, được kê ngay ở ngoài hành lang. Cho đến tận lúc ấy bà không hề ăn một bữa ăn bình thường nào. Bà vào nhà bếp bất cứ lúc nào khi đói bụng và cứ việc vục thìa vào chảo nấu thức ăn và ăn mỗi thứ một tí không cần phải bầy chúng lên đĩa. Bà đứng quay mặt vào bếp mà ăn, mà nói chuyện với những người đàn bà phục vụ trong nhà, vốn là những người bà cảm thấy dễ chịu và cảm thấy mình hiểu họ hơn cả. Tuy nhiên, dù có cố quên đi nữa bà vẫn không thể trốn tránh được sự hiện diện của người chồng đã quá cố ở bất cứ chỗ nào bà muốn đi qua, ở bất cứ đâu bà muốn ở cho thời gian trôi đi, ở bất cứ đồ vật nào bà nhìn thấy, tất thảy đều gợi bà nhớ đến ngài. Bởi nếu bà thấy mình đau khổ

vì ngài là danh giá và đúng đắn thì bà cũng muốn làm tất cả những gì bà có thể làm được để khỏi tự an ủi trong nỗi đau thương. Vậy là bà đi đến quyết định sẽ tống khứ khỏi ngôi nhà tất cả những gì gợi bà nhớ tới người chồng quá cố, coi đó là ý nghĩ cuối cùng bà đã nghĩ ra để tiếp tục sống mà không có ngài ở bên cạnh.

Đó là một nghi lễ để tự huỷ diệt bản thân mình. Người con trai nhận mang đi toàn bộ thư viện để bà đặt chiếc máy khâu vốn bà không hề may vá từ ngày về nhà chồng vào trong phòng làm việc của ngài. Về phần mình, người con gái nhận mang đi một số đồ nội thất và một số đồ vật khác mà bà ta biết chúng sẽ được giá tại các cuộc bán đấu giá ở Tân Oóclêăng. Tất cả những việc làm ấy đã cất cho Phecmina một gánh nặng trong tâm hồn, mặc dù chúng không đem lại cho bà một mảy may hứng thú trong việc bà tự nghiệm thấy rằng tất cả các đồ vật ấy, vốn được mình mua sắm trong chuyến đi du lịch tuần trăng mật ở châu Âu, là những di vật của người sưu tầm đồ cổ. Bất chấp thái độ thảng thốt của những người hầu gái, của những người hàng xóm, của những người bạn gái thân cận mà trong những ngày ấy đến nhà chơi với bà, bà ra lệnh nhóm một đống lửa trên bãi đất bỏ không ở sau ngôi nhà, và tại đây bà đốt tất cả những gì gợi bà nhớ tới người chồng đã quá cố: những bộ quần áo diện nhất và đắt

tiền nhất mà người ta từng thấy ngài mặc từ thế kỷ trước, những đôi giày quý giá nhất, những chiếc mũ gợi nhớ đến ngài nhiều hơn cả chính những bức chân dung của ngài, chiếc ghế xích đu để nghỉ trưa mà ngài đã từ đây đứng dậy đi bắt lại con vẹt xổng chuồng và đó là lần cuối cùng ngài sử dụng nó, và biết bao đồ dùng khác vốn gắn bó rất chặt chẽ với cuộc đời ngài, đến mức chúng đã trở thành một phần bản thể con người ngài. Bà làm việc đó với một ý thức sáng tỏ rằng chồng bà hoàn toàn tán thành việc làm của mình, không chỉ vì phép vệ sinh. Rất nhiều lần từng bộc lộ mong ước của mình rằng khi nào chết thì thi hài của mình được thiêu chứ không liệm trong một cỗ áo quan gỗ tuyết tùng kín bưng không một khe hở cho ánh sáng lọt vào. Dĩ nhiên tôn giáo của ngài đã ngăn cản ước mong ấy, ngài đã dám bạo phổi thăm dò ý kiến đức giám mục và đức giám mục đã hoàn toàn bác bỏ ý kiến của ngài. Đó chỉ là một ảo tưởng đơn thuần vì Nhà thờ không cho phép sự tồn tại của các lò thiêu xác chết ở trong các nghĩa địa của chúng ta, cũng như không cho phép việc sử dụng nghi thức tôn giáo khác với đạo Thiên chúa, và chẳng một ai đã nghĩ đến việc xây dựng các lò thiêu người, ngoài bác sĩ Huvênan Ucbinô. Phecmina Đaxa không bao giờ quên cái ý nghĩ ghê rợn này của chồng mình, và ngay trong lúc tâm thần hoảng loạn ở những giờ đầu tấn bi kịch bà vẫn nhớ để bảo

bác phó mộc chừa một khe hở cho ánh sáng lọt vào quan tài, và như vậy sẽ an ủi ngài.

Dù sao đi nữa đó cũng chỉ là sự hy sinh vô ích. Ngay lập tức Phecmina Đaxa nhận thấy rằng ký ức về người chồng đã chết là rất dai dẳng, nó không chịu tan biến trong ngọn lửa đã đành, cũng không chịu biến theo thời gian qua đi. Còn tồi tệ hơn thế nữa. Sau khi đốt xong quần áo của ngài, bà không chỉ tiếp tục nhớ cái đáng yêu nhất của ngài mà còn nhớ cái đáng ghét nhất của ngài từng khiến mình khó chịu, những tiếng động sột soạt ngài gây nên khi thức dậy lúc sáng sớm. Những ký ức ấy giúp bà thoát khỏi những rừng đước rậm rạp của tang lễ. Vượt lên tất thảy, bà đã có một quyết tâm kiên cường để tiếp tục sống mà nhớ ngài như thể ngài chưa chết. Bà biết rằng việc thức dậy mỗi buổi sáng sẽ rất khó khăn nhưng rồi dần dần sẽ quen đi thôi.

Đúng vậy, hết tuần thứ ba, bà thức dậy với những tia sáng đầu tiên của bình minh. Nhưng khi ánh sáng ban ngày càng mạnh hơn, càng sáng hơn thì bà càng có ý thức rõ ràng hơn về một bóng ma khác không để cho mình có lấy một chút được yên tĩnh trong tâm hồn. Nó không phải là cái bóng ma đáng thương từng theo dõi bà ở công viên Lốt Êvăngheliôt và nó buộc bà, khi đã bước vào tuổi già, nhớ đến nó với một lòng thương cảm dịu dàng, mà lại là cái bóng ma đáng ghét vận áo lêvita của tên đồ

tế, chiếc mũ úp trên ngực và nỗi những lời lẽ đường đột ngốc nghếch từng làm bà lộn ruột tới mức thật khó lòng không thể không nghĩ về nó. Kể từ khi bà ruồng bỏ ông vào lúc mười tám tuổi, lúc nào bà cũng nghĩ rằng với việc ấy mình đã gieo vào lòng ông một nỗi hờn căm mà cùng với thời gian qua đi nó càng ngày càng lớn hơn. Lúc nào bà cũng tính đến nỗi căm hờn ấy, bà cảm thấy nó trong không khí khi bóng ma ấy ở gần kề. Chỉ hình ảnh của nó thôi đã khiến bà hoảng loạn, khiến bà giật thột đến mức chẳng bao giờ bà tìm được một hình thức tự nhiên để đối xử thoải mái với ông. Cái đêm ông nhắc lại với bà tình yêu của mình, khi mà hoa viếng người chồng quá cố vẫn còn tươi và toả hương thơm ngát ở trong nhà, bà không thể hiểu rằng hành động trơ trẽn kia lại không phải là bước đầu tiên của người biết rõ mục đích thâm độc của hành động trả thù.

Ký ức dai dẳng của bà đã làm tăng thêm nỗi lòng giận dữ của bà. Khi thức bà nghĩ đến ông, ngày thứ hai sau lễ an táng người chồng, chỉ với điệu bộ đơn giản của ý chí bà đã xoá được hình ảnh ông trong ký ức của mình. Nhưng nỗi giận dữ thường xuyên trở lại với bà và thế là ngay tức khắc bà hiểu rằng càng cố gắng quên ông thì bà càng nhớ ông nhiều hơn. Thế là do đã phải đầu hàng nỗi nhớ nhung, lần đầu tiên bà dám gợi lại những ngày huy hoàng của tình

yêu mang đầy tính chất ảo tưởng kia. Bà cố xác định lại xem công viên lúc ấy với những cây hạnh đào xơ xác, với cái ghế đá lúc ấy ông ngồi *yêu* bà như thế nào vì hiện nay khung cảnh ấy không còn như xưa nữa. Tất cả đều đã thay đổi, cây cối với thảm lá vàng rơi đã bị mang đi nơi khác và ở địa điểm của bức tượng người anh hùng bị gãy đầu người ta đã dựng thế vào đó một bức tượng khác với đồng phục oai vệ hơn, một bức tượng không tên tuổi, không ngày tháng, không công trạng để người đời chẳng biết tới là ai, và bên trong bệ đá lộng lẫy người ta còn dựng cả một trạm biến thế điện cho khu vực này. Ngôi nhà của bà, từ rất nhiều năm trước, từng được bán đi đã bị tan nát trong bàn tay của chính quyền địa phương. Đối với bà việc tưởng tượng ra Phlôrêntinô Arixa lúc ấy như thế nào thật chẳng dễ dàng gì và lại càng khó lòng nhận ra rằng anh thanh niên lầm lì, rất tiều tuỵ đứng dưới mưa kia lại chính là cái ông yếu đuối đang đứng trước mặt bà, không hề tôn trọng tình cảnh của bà, không hề tôn trọng nỗi đau thương của bà và đã đốt cháy ruột gan của bà bằng chính sự xúc phạm nóng như lửa đang cháy, khiến bà bối rối không tài nào thở được bình thường.

Người chị họ Hinđêbranđa Săngchêt đã đến thăm bà sau ít ngày bà sống ở điền trang của bà ta tại làng Phlorêt đê Maria để cho qua đi cái giờ xúi quẩy do

nàng Lin gây nên cho vợ chồng bà. Hinđêbranđa Săngchêt lúc này đã là một bà già béo phục phịch, nhưng rất hạnh phúc, được người con trai cả cùng đi với. Y đã từng là đại tá trong quân đội, giống như cha mình, nhưng chính y đã từ chức ngay sau hành động tội ác của y trong vụ thảm sát những người công nhân trồng chuối ở Xăng Hoan đê la Xiênaga. Hai chị em vốn gặp nhau nhiều lần và bao giờ cũng vậy họ đều giành ra nhiều giờ trong lúc chuyện trò để nhớ lại thời kỳ họ làm quen với nhau. Trong chuyến thăm viếng cuối cùng Hinđêbranđa Săngchêt lại càng nhớ quá khứ hơn bao giờ hết, rất hay mủi lòng vì sức nặng của tuổi già. Để trong lúc hoài nhớ thời quá vãng được vui thú nhất, bà mang đến một bức ảnh đóng giả mệnh phụ thời xưa mà bác thợ ảnh người Bỉ chụp cho hai người vào buổi chiều anh thanh niên Huvênan Ucbinô đã trêu chọc một cách thích thú đối với cô Phecmina Đaxa cố tình làm ngơ. Bức ảnh của Phecmina Đaxa đã bị mất, còn bức ảnh của Hinđêbranđa Săngchêt hầu như không thể nhìn rõ hình. Nhưng cả hai người đều nhận ra mình qua nỗi buồn thảng thốt: họ trẻ và đẹp như sẽ chẳng bao giờ họ được như thế nữa.

Đối với Hinđêbranđa Săngchêt, thật khó lòng mà không nói đến Phlôrêntinô Arixa, bởi vì bà luôn luôn đồng nhất số phận của ông với số phận của bà. Bà nhớ tới ông như ngày bà đi đánh bức điện đầu

tiên và từ đó trở đi chẳng bao giờ bà rũ bỏ khỏi con tim mình ký ức về một con chim buồn bị đẩy ải vào cõi lãng quên. Về phần mình, Phecmina Đaxa từng nhiều lần nhìn thấy ông, không nói chuyện với ông, hiển nhiên rồi, và bà không tài nào chấp nhận ông chính là người tình đầu tiên của mình. Tin tức của ông luôn luôn đến tai bà, cũng như tất cả những tin tức của kẻ có địa vị trong thành phố này đã đến với bà. Người ta đồn rằng ông không lấy vợ vì ông có thói quen lạ lùng lắm nhưng ngay cả với điều này bà cũng không hề để ý, phần vì bà không tin lời đồn đại, phần vì dù sao đi nữa có biết bao chuyện tương tự về những người đàn ông không thể hồ nghi đã được mọi người đồn đại. Ngược lại, hình như bà lại ngạc nhiên rằng ngay sau khi đã khởi nghiệp trong cuộc đời bằng một hình thức độc đáo và danh giá, Phlôrêntinô Arixa vẫn giữ nếp ăn vận những bộ quần áo kỳ quái, vẫn dùng các loại nước hoa khác thường và hơn nữa vẫn đăm chiêu khó hiểu. Bà không thể nghĩ rằng cái con người ấy vẫn chỉ là một, vẫn chỉ là ông, và bà luôn luôn thắng thốt khi Hinđêbranđa Săngchêt thở dài não nuột nói: "Ôi, con người đáng thương, ông ta đã chịu bao đau thương". Bởi từ rất nhiều năm bà nhìn ông với con mắt không mủi lòng thương: ông cứ như một chiếc bóng đã phai mờ.

Tuy vậy, cái đêm bà gặp ông ở rạp chiếu bóng,

những ngày vừa từ làng Phlorêt đê Maria trở về, trong trái tim bà đã xảy ra một chuyện rất lạ lùng. Bà không ngạc nhiên trước việc ông cùng đi với một người đàn bà, hơn nữa lại là một người đàn bà da đen. Bà chỉ ngạc nhiên thấy rằng ông giữ gìn sức khoẻ rất tốt, rằng ông xử sự rất nhanh nhẹn, nhưng bà không nghĩ rằng có thể bà chứ không phải ông là người đã thay đổi sau vụ nàng Lin xâm phạm cuộc đời riêng của bà. Kể từ dạo ấy trở đi, và trong hơn hai mươi năm, bà đã nhìn ông với con mắt thương cảm hơn. Cái đêm đầu tiên viếng người chồng quá cố chẳng những bà thông cảm với việc ông có mặt mà còn hiểu đó là kết cục tất nhiên của lòng hiềm thù: một hành động tha thứ và cho qua mọi chuyện. Nhưng việc ông nhắc lại với bà về một tình yêu mà đối với bà chẳng hề có và hơn nữa ở lứa tuổi trong đó cả bà lẫn ông chỉ chờ ngày Chúa gọi đi hầu, đúng việc ấy đối với bà là rất bất ngờ.

Sau khi hoả thiêu tượng trưng thi hài người chồng, nỗi giận ghê gớm do cú đụng độ đầu tiên với ông vẫn nguyên vẹn và bà cảm thấy nó ngày càng lớn thêm, càng ngày càng mọc thêm ra nhiều cành nhánh khi khả năng làm chủ nỗi giận của mình càng giảm đi. Tình trạng còn tồi tệ hơn nữa: những khoảng không trống rỗng trong ký ức bà do đã dập tắt được những ký ức về người chồng quá cố lại bị bãi cây hoa thuốc phiện nơi bà chôn vùi những ký

ức về Phlôrêntinô Arixa từng bước chiếm chỗ. Do đó, bà đã nghĩ về ông mà lòng không hề muốn, và càng nghĩ đến ông bà càng nổi giận, và khi càng nổi giận bà lại càng nghĩ về ông, đến độ có một cái gì đó không thể chịu hơn được nữa đã làm bà quẫn trí. Lúc ấy, bà ngồi vào bàn viết của người chồng quá cố, viết cho Phlôrêntinô Arixa một bức thư dài ba trang kín đặc những lời thoá mạ và nguyền rủa và chúng đã có tác dụng làm nguôi cơn giận của bà với ý thức rõ ràng bà đã phạm một hành động bỉ ổi hơn cả trong cuộc đời dài lâu của mình.

Đối với Phlôrêntinô Arixa, ba tuần lễ ấy cũng là những ngày đầy đau khổ. Cái đêm ông nhắc lại với Phecmina Đaxa tình yêu thuỷ chung son sắt của mình, ông đã lang thang trên những phố xá bị trận mưa rào ghê gớm lúc buổi chiều tàn phá mà vừa lo sợ vừa tự hỏi lòng mình sẽ phải làm gì với chiếc da hổ vừa giết xong sau khi đã dũng cảm kháng cự trong vòng vây của nó suốt hơn một nửa thế kỷ. Cả thành phố còn đang trong tình trạng ngập lụt. Trong một vài ngôi nhà, có những người đàn ông và đàn bà để trần đang cố vớt vát những gì Thượng đế mong muốn khỏi nạn lụt lội, và Phlôrêntinô Arixa bỗng có ngay cảm tưởng rằng nỗi bất hạnh của tất cả mọi người đều liên quan dù ít dù nhiều với nỗi bất hạnh của chính ông. Nhưng gió lại hiền hoà và sao trời vùng Caribê vẫn lấp lánh sáng ở đúng vị trí của

chúng. Bỗng nhiên, trong khung cảnh thanh tĩnh, Phlôrêntinô Arixa nhận ra ngay giọng hát của người đàn ông mà Lêôna Catxiani và ông đã từng nghe hát trong rất nhiều năm trước đây, vào đúng giờ này và ở chính ô phố ấy: *Từ cầu anh trở về đẫm nước mắt*. Một bài hát mà đứng ở một góc độ nào đó để xét, trong một đêm như đêm ấy và chỉ dành cho ông nghe thôi, nhất định có ám chỉ đến cái chết.

Chưa bao giờ như lúc ấy ông cảm thấy mình cần có Tranxitô Arixa, cần đến những lời thông thái của cụ, cần đến cái đầu hoàng hậu gài những bông hoa giấy nom đến tức cười của cụ đến như thế. Không thể nào tránh được cảm giác ấy: bao giờ cũng vậy, khi ông đứng bên miệng vực của tai hoạ, ông cần có sự che chở của một người đàn bà. Vậy là ông đi về phía Trường Sư phạm để tìm lối vào và ông nhìn thấy ánh sáng một ngọn đèn trong dẫy dài cửa sổ phòng ngủ của Amêrica Vicunha. Ông phải cố gắng đấu tranh tư tưởng để khỏi sa vào cơn điên của người ông vào dẫn cô ta đi lúc hai giờ sáng, người vẫn ấm hơi nóng chăn đệm, vẫn thơm mùi nôi.

Ở đầu bên kia thành phố là Lêôna Catxiani, cô đơn và tự do, sẵn sàng tiếp đón ông vào lúc hai giờ sáng, ba giờ sáng hay vào bất kỳ giờ nào và trong bất kỳ hoàn cảnh nào mà lòng thương hại cần đến bà. Không phải lần đầu tiên ông gõ cửa gọi bà trong nỗi hoang vắng mỏi bận mất ngủ nhưng ông hiểu

rằng bà quá ư thông minh, và họ, ông và bà, quá say đắm nhau để đến mức ông đến khóc trên ngực bà mà không cần phải nói rõ lý do. Sau khi suy nghĩ lao lung, lang thang đi như một kẻ mộng du trong thành phố hoang vắng, ông thấy rằng tốt hơn hết là hãy đến với Prudênhxia Pitrê: "Bà goá của Thượng đế". Bà ít hơn ông chừng mười tuổi. Bọn họ quen biết nhau từ thế kỷ trước và lâu nay họ không gặp nhau chính là vì bà quyết chí không để cho bất kỳ ai nhìn thấy mình trong tình trạng đáng thương: sắp mù hẳn và hiện đang ở bên lề của tuổi già lão. Ngay sau khi nhớ đến bà, Phlôrêntinô Arixa đi ngay về phố Vênhtanat, nhét hai chai rượu và một chai nước ngọt vào chiếc túi đi chợ, rồi vội vã đi thăm bà mà không hề biết bà có ở một mình hay không, mà không hề biết bà còn sống hay không.

Prudênhxia Pitrê không quên để chìa khoá móc nơi cánh cửa, và với chiếc chìa khoá này ông tự nhận định lấy hoàn cảnh khi mà họ cứ tưởng mình vẫn còn trẻ dẫu rằng họ chẳng còn trẻ trung, và bà mở cửa cho ông mà không cần hỏi han gì. Đường phố tối đen và với bộ quần áo nỉ sẫm mầu ông cũng lẫn trong bóng tối. Ông mang theo chiếc mũ cứng và chiếc ô cánh dơi khoác nơi cánh tay. Bà không còn mắt để nhìn thấy ông trong ánh sáng rõ ràng, nhưng bà nhận ngay ra ông nhờ ánh sáng trên gọng sắt cặp kính. Ông giống như một tên giết người hai tay vẫn

còn đẫm máu.

- Một chỗ trú ngụ cho một kẻ mồ côi đáng thương! - Ông nói.

Đó là điều duy nhất ông dám nói và nói là để mà nói thôi. Ông ngạc nhiên biết chừng nào khi thấy bà già đi quá nhiều kể từ lần cuối cùng ông nhìn thấy bà và ông cũng biết rằng bà sẽ nghĩ về ông tương tự. Nhưng ông tự an ủi lòng mình bằng cách nghĩ rằng một lát sau, khi cả hai cùng hoàn hồn, họ sẽ ít nhận thấy tính chất tàn phá của thời gian trên hình hài mỗi người, và họ lại sẽ thấy nhau rất trẻ y như hồi họ mới quen nhau: bốn mươi năm trước đây.

- Nom ông cứ như người đi dự một đám tang ấy, - bà bảo ông.

Quả đúng như vậy. Ngay từ lúc mười một giờ trưa bà đã đứng ở cửa sổ nhà mình, cũng như hầu hết dân thành phố này, để xem đám tang đông và sang trọng nhất đang diễu qua kể từ sau đám tang của đức giám mục Đê Luna đến nay. Những tiếng đại bác gầm rung trời chuyển đất, những tiếng la hét chói tai của các đơn vị quân đội, sự lộn xộn của những bài kinh được tụng trong đám tang vang lên lấn át tiếng chuông rên rỉ của tất cả các nhà thờ đổ hồi không ngừng nghỉ suốt từ ngày hôm trước đã đánh thức bà dậy ngay từ lúc ngủ trưa. Từ trên ban công, bà nhìn thấy đám quân nhân ăn vận sang trọng cưỡi trên lưng ngựa, những giáo đoàn, học sinh các trường

học, đám chức sắc vận đồ đen, cỗ xe do những chú ngựa đầu đội mũ mào gà tết lông chim và lưng thắng bộ yên màu vàng kéo chiếc quan tài màu vàng có phủ một lá cờ, và cuối cùng là hàng dài những chiếc xe ngựa cổ lỗ mui trần chở các vòng hoa viếng. Đám tang hầu như chưa đi qua trước ban công nhà Prudênhxia Pitrê, sau giờ ngọ một chút, thì một trận mưa rào như trút nước đổ xuống, và đám tang lúc ấy như chợ vỡ, người ta vội bỏ về.

- Ôi sao cái chết lại có một hình thức ngớ ngẩn đến như thế, - bà nói.

- Cái chết không có ý nghĩa tức cười, - ông nói, và ông đau khổ nhấn mạnh thêm, - trước hết là đối với tuổi của chúng ta.

Họ ngồi ở sân hiên, đối diện với biển bao la, ngắm vầng trăng với tán to che gần hết nửa bầu trời, thưởng ngoạn cơn gió mát dịu nhẹ và thơm hương sau trận mưa. Họ uống từng ngụm rượu và ăn bánh mà Prudênhxia Pitrê lấy từ trong lò ra. Họ từng sống bên nhau rất nhiều đêm như cái đêm ấy sau khi bà goá chồng ở tuổi ba mươi lăm không con cái. Phlôrêntinô gặp bà ở thời kỳ bà sẵn sàng tiếp bất cứ người đàn ông nào muốn theo bà, dẫu rằng họ phải chia giờ đến với bà. Phlôrêntinô Arixa và Prudênhxia Pitrê đã thiết lập được một quan hệ nghiêm chỉnh và lâu dài hơn là điều có thể có được.

Dẫu rằng chưa bao giờ bà để lộ ý định của mình,

Prudênhxia Pitrê sẽ bán linh hồn của mình cho quỷ dữ để đi bước nữa cưới ông làm chồng. Bà biết rằng mình không dễ gì vâng theo tính nết keo kiệt của ông, không dễ gì chiều nổi những yêu cầu của người già trước tuổi của ông, không dễ gì thoả mãn cái ham muốn đòi hỏi tất cả mà chẳng trả gì cả, nhưng ngược lại với tất cả những thứ đó, thì không có người đàn ông nào cần cho bà hơn là ông, bởi trên thế gian này không có một người đàn ông nào lại khao khát ái tình đến như ông. Nhưng cũng không có một người đàn ông nào lại khó cầm giữ chân như ông vì rằng tình yêu không đi quá cái mức ông ta cần, nghĩa là nó chỉ đến chỗ không gây trở ngại cho quyết tâm của ông muốn mình được tự do để đợi chờ Phecmina Đaxa. Tuy nhiên, ái tình của hai người đã kéo dài được rất nhiều năm, ngay cả sau khi ông thu xếp để Prudênhxia Pitrê đi bước nữa cưới một người lái buôn từng đến thành phố này trong ba tháng và sau đó lại trở lại đây du lịch trong ba tháng nữa. Với người này, Prudênhxia Pitrê có một người con gái và bốn người con trai, trong đó, theo đúng như lời thề của bà, có một người là con của Phlôrêntinô Arixa.

Họ nói chuyện mà chẳng hề quan tâm đến giờ giấc bởi vì hai người đã quen thức trắng đêm trong thời trẻ, vì vậy hiện nay họ lại càng không quan tâm đến việc thức trắng đêm trong tuổi già. Dẫu rằng

hầu như chưa bao giờ họ uống đến chén thứ hai, thế mà lần này họ đã uống đến chén thứ ba và Phlôrêntinô Arixa mệt lử hầu như không lấy lại được tinh thần. Ông đổ mồ hôi hột, chúng chảy thành dòng. Bà goá của Thượng đế liền bảo ông rằng hãy cởi áo vextông ra, cởi áo gilê ra, cởi quần ra, rằng hãy cởi tất cả nếu như ông thích, của khỉ, vì đã từ lâu bọn họ quen biết nhau nhiều trong lúc khoả thân hơn là trong lúc mặc quần áo. Ông bảo rằng ông sẽ khoả thân nếu bà khoả thân trước nhưng bà lại không muốn thế. Có thời kỳ bà nhìn mình trong chiếc gương tủ quần áo và ngay lập tức bà hiểu rằng mình chẳng đáng giá nữa khi khoả thân trước con mắt của bất kỳ ai, kể cả ông.

Phlôrêntinô Arixa, trong tâm trạng cao hứng đến mức bốn chén rượu cũng chưa làm ông thoả, tiếp tục nói về quá khứ, nói về những kỷ niệm trong quá khứ vốn là đề tài duy nhất của ông từ lâu nay, nhưng ông lại đang háo hức muốn tìm thấy một con đường bí mật để khỏi bị nghẹt thở vì quá khứ. Bởi đó chính là cái mà hiện nay ông đang cần: nói hết tâm trạng của mình. Khi cảm thấy cái ánh hồng đầu tiên ló rạng ở đường chân trời, ông thử dò đoán ý nghĩ của Prudênhxia Pitrê. Làm bộ vô tình ông hỏi bà: "Trong tình trạng hiện nay của mình: goá bụa lại già nua, mình sẽ làm gì nếu có người đặt vấn đề cưới mình làm vợ". Bà cười, và với nụ cười nhăn nheo

của tuổi già, bà cũng hỏi ông:

- Mình nói điều đó là vì bà quả phụ Ucbinô chứ gì!

Phlôrêntinô Arixa luôn luôn quên khi không nên quên rằng đàn bà bao giờ cũng nghĩ đến ý nghĩ kín đáo của các câu hỏi hơn là chính bản thân các câu hỏi, và rằng Prudênhxia Pitrê lại cáo hơn bất kỳ người đàn bà nào. Câu hỏi lạnh gáy của bà khiến Phlôrêntinô Arixa bị bất ngờ sinh ra hoảng hốt và lúng túng. Ông đành phải lảng sang chuyện không thật lòng của mình: "Tôi hỏi thế là vì mình đấy". Bà lại cười: "Thôi, mình hãy đi mà phỉnh bà mẹ đàng điếm của mình, người đang yên nghỉ giấc ngàn thu". Ngay lập tức bà đòi ông phải nói thật điều ông muốn nói, vì bà biết rằng không một người đàn ông nào, kể cả ông, đã đến đánh thức mình dậy lúc ba giờ sáng, và sau bao nhiêu năm không gặp lại nhau, chỉ để uống rượu và ăn bánh không thôi. Bà bảo: "Điều ấy chỉ xảy ra khi một người cần tìm một người để khóc lóc và thở than". Phlôrêntinô Arixa cố chống chế trong lúc phải nhượng bộ.

- Lại một lần nữa mình nhầm rồi, - ông nói với bà. - Lý do đến thăm mình đêm nay của tôi chỉ là để cùng hát với mình.

- Thế thì chúng mình cùng hát nào, - bà nói.

Với giọng hát tốt ông lấy điệu để hát bài hát đang là mốt thời thượng: *Rêmôna, không có em anh không*

thể sống được. Đó là lúc tàn đêm, bởi ông không dám chơi trò mạo hiểm với một người đàn bà từng chứng tỏ cho ông biết rằng bà ta hiểu ông rất thấu đáo. Ông đứng dậy ra về. Ông đi trong một thành phố khác hẳn, một thành phố lạ hẳn đi bởi những đoá thược dược cuối cùng trong tháng sáu và đi trên đường phố thời thanh xuân của ông, nơi những bà goá đang lũ lượt đi trong hơi sương lúc năm giờ sáng để kịp làm lễ mixa. Nhưng lúc ấy chính ông chứ không phải các bà goá là người phải tránh đường để người khác không nhìn thấy đôi mắt ngấn lệ của mình mà lúc ấy ông không thể ghìm chúng lại được nữa, không phải từ lúc nửa đêm như ông tưởng, bởi vì rằng những giọt nước mắt này là những giọt nước mắt khác với những giọt nước mắt ông cố kìm nén cách đây năm mươi mốt năm chín tháng bốn ngày.

Ông không còn ý thức về thời gian khi thức dậy mà không biết mình đang ở đâu trước một cửa sổ chói chang ánh sáng. Tiếng nói của Amêrica Vicunha đang chơi bóng cùng với các cô hầu phòng ở ngoài vườn hoa đã đưa ông trở về thực tế: ông đang nằm trên giường của mẹ mình, trong cái phòng ngủ của cụ vẫn được giữ như cũ, và là nơi ông chỉ ngủ để cảm thấy bớt cô đơn hơn trong những trường hợp hiếm hoi bị nỗi cô đơn dày vò. Đối diện với giường nằm là chiếc gương mang từ tiệm ăn của *đôn*

Săngchô về đây, và ông chỉ cần nhìn nó khi thức dậy là đã nhìn thấy hình bóng Phecmina Đaxa trong đáy gương rồi. Ông biết hôm nay là ngày thứ bảy, bởi vì nó là ngày người tài xế đánh xe vào trường nội trú đón Amêrica Vicunha và đưa cô về nhà ông. Ông nhận ra rằng mình đã ngủ thiếp đi từ lúc nào mà không hay, mà trong khi ngủ mơ ấy thấy mình không thể ngủ được, với một giấc ngủ không ngon giấc bị ám ảnh bởi gương mặt cau có đầy giận dữ của Phecmina Đaxa. Trong lúc tắm ông nghĩ bước tiếp theo của đời mình sẽ như thế nào, rồi ông thư thả mặc bộ đồ diện nhất, xức nước hoa và vuốt lại cho chỉnh hàng ria vểnh đã bạc như cước. Khi ra khỏi phòng ngủ và từ hành lang tầng hai ông nhìn thấy cô gái đẹp mặc đồng phục nữ sinh, người đang chơi quả bóng bay trong không trung với vẻ kiều diễm từng khiến ông sướng run lên trong không biết bao nhiêu ngày thứ bảy nhưng buổi sáng này cô không hề khiến ông mảy may động lòng. Ông ra hiệu cho cô gái đi theo mình và trước khi lên ôtô ông nói vẻ hững hờ: "Hôm nay chúng ta sẽ không làm cái trò ấy". Ông đưa cô đến Hiệu kem Amêricana mà giờ ấy chật ních các ông bố bà mẹ cùng ăn kem với con mình ở bên dưới những chiếc quạt trần cánh dài mắc trên trần nhà. Amêrica Vicunha mua một cốc kem có nhiều tầng, mỗi tầng một màu. Đó là món kem ngon và bán chạy nhất

của cửa hiệu vì khi ăn, thứ kem này toả ra một mùi hương diệu huyền. Phlôrêntinô Arixa mua một cốc cà phê đen. Ông nhìn cô bé ăn kem mà không nói năng gì, trong lúc cô gái dùng chiếc thìa có cán dài để ăn kem. Không ngừng nhìn cô bé, bỗng ông bảo cô:

- Ta sẽ cưới vợ đấy.

Với ánh mắt lưỡng lự cô gái nhìn ông trong lúc tay giơ cao chiếc thìa, nhưng ngay sau đó cô bình tĩnh lại và nở một nụ cười.

- Điêu nào! - Cô nói. - Các cụ già không cưới nhau mà.

Chiều ấy dưới trời mưa rào tầm tã ông đưa cô gái về đến trường nội trú đúng lúc chuông cầu kinh Đức mẹ vừa đổ hồi, sau khi họ cùng nhau xem xiếc múa rối ở công viên, sau khi cùng ăn trưa tại các quán bán cá rán, sau khi cùng xem những con thú dữ bị nhốt trong chuồng của một gánh xiếc vừa mới đến thành phố, sau khi vừa mua đủ loại kẹo bánh ở các phố để mang về trường nội trú, sau khi ngồi trên xe mui trần vài lần lượn quanh thành phố để cho cô gái quen dần với ý thức ông chỉ là cha đỡ đầu chứ không phải là người tình của cô. Ngày chủ nhật ông cho ôtô vào đón cô phòng khi cô muốn đi dạo chơi cùng với bạn gái của mình nhưng ông không muốn nhìn thấy cô gái nữa, bởi vì kể từ tuần lễ trước ông đã có ý thức đầy đủ về khoảng cách quá lớn trong

tuổi tác của hai người. Đêm ấy ông đã có quyết tâm ngồi viết cho Phecmina Đaxa một bức thư xin thứ lỗi, chứ không phải để nhân nhượng bà, nhưng rồi ông lại để sang ngày hôm sau. Thứ hai, đúng ba tuần sống trong đam mê, ông bước vào nhà mình người ướt đẫm nước mưa, và nhặt được phong thư của bà.

Đó là lúc tám giờ tối. Hai người hầu gái đã đi nằm và họ để ngọn đèn duy nhất thường xuyên thắp sáng trên lối đi soi đường cho Phlôrêntinô Arixa vào phòng ngủ của ông. Ông biết rằng bữa cơm tối của mình được để phần ở bàn ăn nay đã nguội lạnh, nhưng sau bao ngày gặp gì ăn nấy ông quen ít thấy đói do đó niềm vui như cờ mở khi nhận được bức thư lại càng khiến ông không cảm thấy đói. Vì tay run rẩy, ông vất vả lắm mới bật được công tắc ngọn đèn phòng ngủ. Ông để phong thư ướt nước mưa lên giường, bật công tắc ngọn đèn ngủ đặt trên chiếc bàn con kê ngay cạnh đầu giường, rồi với vẻ bình tĩnh giả tạo vốn là một thủ thuật rất đặc trưng cho tính cách của ông để tĩnh tâm lại, ông cởi chiếc áo khoác ngoài và vắt nó lên chiếc ghế tựa, rồi cởi đến chiếc áo gilê và gấp nó lại thật cẩn thận rồi xếp nó lên trên chiếc áo vextông. Ông cởi chiếc nơ lụa đen và chiếc cổ giả đã quá mốt từ lâu rồi, cởi cúc áo đến tận bụng và cởi dây lưng để thở hít được dễ dàng hơn. Cuối cùng ông cởi chiếc mũ ra để ở cạnh cửa

sổ cho nó mau khô. Bỗng nhiên ông rùng mình sợ hãi vì không biết lá thư ở đâu và có lẽ đó cũng là cung cách để ông mừng rơn khi ông nhìn thấy nó, bởi ông không nhớ rằng mình đã để nó ở trên giường. Trước khi mở phong thư, ông lấy khăn mùi xoa lau khô nước trên bì, chú ý không để mực trên chữ viết tên ông bị nhoè, và trong lúc thận trọng làm việc ấy ông nhận ra rằng cái sự kiện bí mật này không chỉ có hai người biết riêng với nhau thôi, mà ngược lại, ít nhất có ba người cùng biết; bởi vì bất cứ người nào mang phong thư đến đây hẳn phải để ý mà thấy rằng bà quả phụ Ucbinô ba tuần lễ sau khi người chồng quá cố đã viết thư cho một người nào đó không thuộc giới quý tộc của mình, bà viết với biết bao vội vã và đến mức không gửi nó qua bưu điện, với biết bao thận trọng đến mức không cho phép trao nó tận tay cho người nhận mà phải luồn nó xuống phía dưới cửa làm như thể nó là một đồng tiền không phải của ai cả. Ông không cần phải xé bì thư vì hồ dán đã bong ra cùng với nước mưa thấm ướt ngoài bì, nhưng thư vẫn ráo nguyên; nó gồm ba tờ giấy, không có phần bắt đầu và được ký bằng những chữ đầu của họ tên một người đàn bà có chồng.

Ông ngồi trên giường đọc lướt bức thư, chú ý đến giọng điệu hơn là nội dung của nó. Trước khi đọc sang tờ thứ hai ông biết rằng nó đúng là một bức thư

quở mắng mà ông đang chờ đợi. Ông đặt lá thư xuống dưới ánh sáng ngọn đèn ngủ, cởi giày và tất ướt, rồi tắt ngọn đèn thắp sáng trưng cả phòng ngủ, cuối cùng ông đeo túi bọc hàm râu rồi lên giường nằm mà không cởi quần và áo sơ mi, đầu gối trên tấm gối rộng và to thường vẫn dùng khi nằm đọc sách báo. Ông nằm trong tư thế ấy đọc lại bức thư. Lần này ông đọc kỹ lưỡng đắn đo suy nghĩ từng chữ để không một ẩn ý nào mà ông không phát hiện ra. Sau đó ông còn đọc lại bốn lần nữa cho đến khi ông hoàn toàn mãn nguyện đến độ các chữ viết trong bức thư ấy bắt đầu mất đi ý nghĩa của chúng. Cuối cùng ông cất lá thư không có bì vào ngăn kéo chiếc bàn con kê ngay đầu giường, rồi ông nằm ngửa, đầu gối trên hai bàn tay chắp lại đặt sau gáy và ông nằm yên trong bốn giờ liền mắt nhìn vào khoảng không trong tấm gương nơi trước đây thường phản chiếu hình ảnh bà, mũi thở hít rất nhẹ nhàng đến độ tưởng như không thở, ông nằm trong tư thế chết lặng còn hơn cả một tử thi. Đúng nửa đêm ông đi vào nhà bếp. Ông pha cà phê rồi mang ra một phích cà phê đặc sánh như dầu thô về phòng ngủ. Tháo hàm răng giả, thả nó vào ca nước ngâm lúc nào cũng sẵn sàng để ở chiếc bàn con, ông lại lên giường nằm trong chính tư thế một bức tượng đá hoa cương. Ông nằm như vậy và chỉ khi người hầu gái bước vào phòng lúc sáu giờ sáng mang theo một phích khác đầy cà

phê.

Đến giờ ấy, Phlôrêntinô Arixa biết rõ mỗi bước đi sau này của mình sẽ như thế nào rồi. Thực ra những lời lăng nhục trong bức thư không làm ông đau lòng. Ông cũng chẳng bận tâm đến việc thanh minh đối với những lời buộc tội vô lý của Phecmina Đaxa, mà những lời lẽ ấy trong bức thư có thể còn bị hiểu nhầm hơn thế nữa nếu như không hiểu biết tính cách của Phecmina Đaxa cùng tính chất nghiêm trọng của sự kiện. Điều duy nhất khiến ông thú vị là bản thân bức thư này đã tạo ra cho ông điều kiện và thừa nhận ông có quyền được trả lời bà. Hơn thế nữa: bà đòi hỏi ông điều đó. Vậy là cuộc sống bây giờ đã đi tới giới hạn do ông muốn. Những việc khác đều phụ thuộc ở ông và ông nhận thức rõ ràng rằng cái địa ngục riêng của mình trong hơn một nửa thế kỷ đã đặt ông trước những thử thách sống mái vì chúng là những thử thách cuối cùng. Ông đã sẵn sàng đối diện với chúng bằng nhiệt tình cao hơn, bằng nỗi đau khổ lớn hơn, bằng tình yêu sâu sắc và nồng nàn hơn so với tất cả những thử thách trước đây.

Năm ngày sau khi nhận được bức thư của Phecmina Đaxa ông đến văn phòng Hãng Tàu thuỷ Caribê và cảm thấy mình trôi nổi trong khung cảnh trống trải khác thường do những chiếc máy chữ ngừng việc, làm câm bặt tiếng nổ đều đều như mưa rơi của chúng. Khi tiếng máy chữ lại đổ nghe rào

rào, Phlôrêntinô Arixa bước vào phòng làm việc của Lêôna Catxiani và ông ngắm nhìn bà ngồi sau chiếc máy chữ cá nhân đang tuân theo sự điều khiển của những ngón tay bà. Bà ta biết mình đang được ông chiêm ngưỡng. Với nụ cười rạng rỡ như ánh mặt trời bà nhìn ra cửa, nhưng vẫn tiếp tục đánh máy cho đến khi hết đoạn văn.

- Lêôna của lòng tôi, làm ơn hãy cho tôi biết điều này, - ông hỏi bà. - Cô cảm nghĩ thế nào nếu cô nhận được một bức thư tình được đánh máy?

Điệu bộ của bà, người vốn không hề ngạc nhiên trước bất cứ một sự kiện nào, là một điệu bộ ngạc nhiên chính đáng.

- Ôi, ông ơi! - Bà thảng thốt kêulên. - Xin ông hãy nhớ cho rằng chưa bao giờ em nghĩ đến điều đó.

Cũng chính vì thế mà chẳng có câu trả lời nào khác. Cho đến lúc ấy chính Phlôrêntinô Arixa cũng chưa hề nghĩ tới và vì thế ông quyết dấn theo nguy hiểm đến cùng. Trong khung cảnh bọn dưới quyền đùa rỡn một cách phải phép, nói "vẹt già thì không thể học nói được", ông mang về nhà mình một trong những chiếc máy chữ ở văn phòng. Lêôna Catxiani thường hào hứng trước bất cứ một chuyện lạ nào, tự nguyện giúp ông học đánh máy chữ đúng phương pháp. Nhưng ông rất khó chịu đối với việc phải rèn luyện theo đúng phương pháp ngay từ thời Lôtariô Tugut muốn dạy ông học viôlin theo đúng nốt nhạc

với lời đe doạ rằng ông sẽ phải mất một năm để tập chơi đàn, năm năm để rèn luyện chuyên cần mới hòng được nhận vào dàn nhạc chuyên nghiệp và ngày nào cũng phải dành ra sáu giờ rèn luyện trong cả cuộc đời mới hòng trở thành một nhạc công cự phách, ông đã không tán thành. Ông đòi mẹ mua cho một cây đàn viôlin của người mù. Với kiến thức về năm nốt nhạc cơ bản mà Lôtariô Tugut dạy, ông đã dám chơi cây đàn viôlin trong đội đồng ca của Nhà Thờ lớn trước một năm, và từ nghĩa trang của những người nghèo theo hướng gió thổi, ông gửi những bản nhạc tình chơi bạn đêm cho Phecmina Đaxa. Nếu điều đó ông đã làm được vào lúc hai mươi tuổi với việc khó như việc sử dụng cây đàn viôlin thì ông không thấy vì sao mình lại không thể làm được ở tuổi bảy mươi sáu với một công cụ cần dùng độc một ngón tay như chiếc máy chữ.

Quả nhiên là như vậy. Ông cần ba ngày để học thuộc vị trí các chữ trên bảng các tút chữ, sáu ngày nữa để học cách vừa nghĩ vừa viết, và thêm ba ngày nữa để hoàn thành một bức thư không có lỗi, sau khi xé bỏ nửa ram giấy. Trên đầu bức thư ông viết rất trịnh trọng: *Thưa bà* và cuối thư ông ký tên họ viết tắt của mình, như ông vẫn làm như vậy trong các bức thư tẩm hương thời trẻ của mình. Ông gửi bức này qua đường bưu điện trong một bì thư có đường viền tang tóc như sự bắt buộc đối với thư từ gửi cho

một bà mới goá chồng, và ở chỗ tên người gửi bị bỏ trống.

Đó là một bức thư sáu trang giấy hoàn toàn khác với những bức thư ông từng viết. Nó không có giọng điệu, không có phong cách và cũng chẳng có hơi hướng văn chương kiểu cách của những bức thư ông viết trong thời yêu say đắm, và chủ đề của bức thư này là rất trí tuệ và được suy nghĩ chín chắn đến độ chỉ hương thơm bông hoa dành dành cũng đã có thể là một sự thái quá. Về một phương diện cụ thể nào đó mà xét, bức thư này gần giống với những bức thư giao dịch thương mại mà chẳng bao giờ ông có thể viết được. Những năm sau này, một bức thư riêng được viết bằng phương tiện máy móc sẽ bị coi là một hành vi xúc phạm, nhưng lúc ấy máy chữ là một công cụ hết sức đắc dụng ở văn phòng cũng như gia súc đắc dụng ở ngoài đồng, và sự sử dụng máy chữ riêng ở gia đình vẫn chưa thấy được đề cập trong các sách giáo khoa về phép lịch sự. Lúc ấy máy chữ tựa như một cái mốt mới đầy hấp dẫn và vì vậy Phecmina Đaxa đã có thể hiểu được ông trong việc dùng máy chữ để viết thư cho bà, bởi trong bức thư thứ hai bà viết cho Phlôrêntinô Arixa, sau khi đã nhận hơn một trăm bốn mươi bức thư của ông, bà bắt đầu xin lỗi ông vì chữ viết của mình quá xấu do việc bà chưa sử dụng phương tiện viết lách tiến bộ nào hơn là một chiếc bút sắt.

Phlôrêntinô Arixa không quan tâm lắm đến bức thư cực kỳ tốt đẹp mà bà gửi cho ông, trái lại ông đang cố sức tìm ra một phương pháp quyến rũ khác hẳn ngay từ đầu mà không hề đề cập đến những mối tình trong quá khứ, cũng không nói đến thời quá ngây thơ: có mới nới cũ. Đúng ra nó là một sự suy nghĩ lao lung về cuộc đời. Căn cứ vào chính đời sống của họ, căn cứ vào chính kinh nghiệm sống về các mối quan hệ giữa đàn ông và đàn bà như đã có vài lần ông từng nghĩ đến để viết một cuốn sách hoàn chỉnh với nhan đề là *Bí mật của những người đang yêu*. Chỉ có điều lúc ấy ông gói bức thư trong một phong cách của bậc trưởng lão, chỉ nói về một ký ức của cụ già để người ta không nhận ra một cách quá rõ ràng trên thực tế nó là một tư liệu về tình yêu. Trước đây ông viết thử rất nhiều bức thư mà khá lâu sau này khi chúng được đọc lại với cái đầu tỉnh táo thì chúng đều bị ném vào lò lửa. Ông biết rằng bất cứ một sự vô tình nào, tỉ như chỉ thoáng một nỗi hoài nhớ thôi, cũng có thể làm sống lại những thói xấu của quá khứ trong trái tim ông. Dẫu đã nhìn thấy trước rằng bà sẽ gửi trả lại ông trăm bức thư trước khi bóc lá thư thứ nhất ra đọc, ông vẫn mong muốn rằng đừng bao giờ xảy ra chuyện ấy. Vậy là như trong một cuộc chiến đấu cuối cùng ông đã suy nghĩ cặn kẽ đến từng chi tiết nhỏ nhất: tất cả đều phải khác hẳn để đưa những

điều mới lạ, những hy vọng mới vào tâm hồn một người phụ nữ đã sống trọn cuộc đời mình trong hoàn cảnh đầy đủ nhất. Nó phải là một niềm hy vọng sôi nổi đủ sức đem lại cho bà một lòng dũng cảm, một thái độ quả cảm cần phải có để ném vào sọt rác những định kiến của một giai cấp vốn không phải là giai cấp xuất thân của bà nhưng nó đã thấm vào xương tuỷ để trở thành của bà. Ông cần phải chỉ cho bà nghĩ về tình yêu như một tình thế sung mãn của cuộc đời chứ không phải là một phương tiện để đạt tới một cái gì trong cuộc đời: tình yêu có cội nguồn và cứu cánh ở trong chính bản thân nó.

Ông có được một thái độ chủ động để không nôn nóng chờ đón bức thư phúc đáp đến với mình ngay lập tức, bởi chỉ việc bà không gửi trả lại bức thư ấy đã khiến ông bằng lòng rồi. Bà đã không trả lại bức thư ấy cũng như bà không gửi trả những bức thư sau đó, và khi ngày cứ qua đi thì nỗi khao khát trong lòng ông càng tăng lên, bởi những ngày không có thư bị trả lại càng nhiều lên thì hy vọng sẽ nhận được lá thư phúc đáp ở trong ông ngày càng mãnh liệt hơn. Mức độ thường xuyên của những bức thư được ông gửi đi phụ thuộc vào tốc độ các ngón tay mổ xuống các tút trên máy chữ: lúc đầu mỗi lá thư một tuần, tiếp đó là hai lá thư một tuần và cuối cùng mỗi lá thư một ngày. Ông rất hài lòng trước sự tiến bộ của bưu điện so với những ngày ông còn làm

công ở đấy, bởi vì không còn mối nguy hiểm bị người khác nhìn thấy hàng ngày mình đến Sở Bưu điện gửi thư chỉ cho một người, cũng không cần phải nhờ người mang thư đến bưu điện. Ngược lại, ông có thể sai một người lao công đi mua tem và bì thư dùng trong cả một tháng rồi sau đó cứ việc bỏ thư vào một trong ba thùng thư đặt ở khu phố cổ. Ngay lập tức ông biến thông lệ đó thành thói quen của mình: tranh thủ lúc mất ngủ ông ngồi viết thư. Ngày hôm sau, trên đường đến văn phòng, ông bảo người tài xế cho xe dừng lại chừng một phút ngay trước thùng thư ở góc phố. Chính ông xuống xe, bước tới thùng rồi bỏ thư vào thùng. Không bao giờ ông để người tài xế làm hộ mình. Đôi lúc ông thận trọng tới mức cùng một lúc mang vài lá thư đi bỏ vào thùng để cho hành vi của mình có vẻ tự nhiên hơn. Dĩ nhiên, người tài xế không biết rằng các bức thư phụ kia chỉ là những tờ giấy trắng mà ông gửi cho chính mình bởi vì không bao giờ Phlôrêntinô Arixa có quan hệ thư từ riêng với ai, ngoại trừ những thư thông báo của người cha nuôi mà cứ đến cuối mỗi tháng ông phải gửi cho cha mẹ América Vicunha trong đó ghi lại những nhận xét của ông về đạo đức, tinh thần, sức khoẻ và cả những tiến bộ đáng mừng trong học tập của cô.

Kể từ tháng thứ nhất trở đi, như các tờ báo đánh số ông bắt đầu đánh số các bức thư để Phecmina

Đaxa có ý niệm rằng chúng được viết liên tục bức nọ tiếp bức kia. Ngoài ra, khi các bức thư này được viết đều đặn hàng ngày, ông đổi các bì thư có viền băng tang sang các bì thư trắng, dài hơn và nhờ chính sự thay đổi này ta có cảm giác chúng giống với những bức thư giao dịch thương mại. Khi làm việc thay đổi bì thư này, ông đã sẵn sàng sử dụng tinh thần bình tĩnh của mình vào một thử thách lớn nhất, ít ra cũng đã để ông không có cảm giác rõ rệt về việc mình đang để mất thời gian do chỉ sử dụng một phương pháp duy nhất. Quả nhiên là ông đã chờ đợi, chờ đợi mà không hề có những tai biến trong tinh thần như trong thời trẻ của mình, chờ đợi với tinh thần bền bỉ của một cụ già trơ lì như xi măng không có việc gì làm hơn là suy tư. Hơn thế nữa, ông còn tự tin rằng mình đang sống và đang làm chủ những giác quan của một người đàn ông đang hướng về một ngày mai mà dù sớm dù muộn Phecmina Đaxa sẽ phải nhận thấy rằng muốn thoả mãn những khao khát của cuộc đời goá bụa cô đơn của mình thì không có cách nào khác hơn là phải hạ cầu thành cho ông bước vào.

Trong khi đó, ông vẫn tiếp tục cuộc sống bình thường của mình. Vì thấy trước bức thư trả lời của Phecmina Đaxa sẽ có lợi cho mình, ông tiến hành công việc tu sửa lần thứ hai ngôi nhà để nó xứng đáng với người đàn bà sẽ là chủ của nó ngay từ ngày

mới mua. Ông lại đến thăm Prudênhxia Pitrê vài lần nữa như đã hứa trước với bà, để chứng tỏ cho bà biết rằng ông vẫn yêu bà bất kể sự suy sụp của tuổi tác, yêu bà một cách đàng hoàng, giữa ban ngày ban mặt và cửa mở toang, và không chỉ yêu bà trong lúc ông cô đơn không nơi nương tựa. Ông vẫn đi qua nhà Anđrê Varông cho đến khi thấy ngọn đèn buồng tắm tắt, và ông định bụng đến chơi cho đến khi mụ người với những cơn thác loạn như điên trên giường bà ta dẫu ông vẫn giữ sức để không để mất khả năng bình thường của sự ân ái, phù hợp với niềm tin của ông, vốn không bao giờ bị bóc trần cho đến khi đó, rằng cơ thể vẫn tiếp tục hoạt động khi người ta vẫn sống năng động.

Cái khúc mắc duy nhất hiện nay là quan hệ của ông với Amêrica Vicunha. Ông vẫn bảo người tài xế đến trường nội trú đón cô từ lúc mười giờ sáng ngày thứ bảy hàng tuần, nhưng ông lúng túng không biết nên đối xử với cô như thế nào trong ngày cuối tuần. Lần đầu tiên ông không quan tâm chăm sóc cô và cô đã nhận ra ngay sự thay đổi trong tình cảm của ông. Ông đã giao cô gái cho các cô hầu để họ đưa cô đi xem phim buổi chiều, đưa cô đi chơi công viên thiếu nhi, đưa cô đi xem xổ số hoặc họ phải đặt ra một chương trình vui chơi giải trí ngày chủ nhật cùng với các bạn học để ông khỏi phải dẫn cô đến cái thiên đường bí mật của mình ở phía sau văn phòng hãng

tàu thuỷ mà lúc nào cô gái cũng muốn được trở lại đấy kể từ lần đầu tiên được ông dẫn tới. Trong đám mây mù được toả ra bởi ảo tưởng của mình, ông không biết rằng chỉ trong ba ngày các cô gái bỗng trở thành người lớn, và kể từ ngày ông đón cô từ trên chiếc thuyền máy ở cảng Padrê đến nay đã ba năm trôi qua rồi. Dù ông đã cố gắng rất nhiều, sự thay đổi trong cách đối xử của ông vẫn rất đường đột đối với các cô gái nhưng cô gái không nhận ra được nguyên nhân. Cái ngày trong hiệu kem ông nói với cô gái rằng mình sẽ cưới vợ, như vậy ông đã hé cho cô biết sự thật rồi. Cô gái giật thột đầy hoảng hốt, nhưng vì nghĩ rằng đó là một khả năng không thể xảy ra được nên cô đã quên luôn. Nhưng bỗng nhiên cô gái nhận thấy rằng ông đối xử với mình khác hẳn với những nguyên cớ không thể giải thích được, cứ như thể ông là người trẻ hơn cô sáu mươi tuổi chứ không như trên thực tế ông già hơn cô sáu mươi tuổi.

Có một buổi chiều thứ bảy nọ, Phlôrêntinô Arixa bước vào phòng ngủ của mình bắt gặp cô gái đang đánh máy chữ và cô đánh máy khá tốt vì cô đã học sử dụng máy chữ ở trong trường. Cô đánh được một nửa trang nhưng ở một vài dòng nào đó người ta dễ dàng nhận ra tâm trạng thực của cô. Phlôrêntinô Arixa cúi xuống trên vai cô để đọc điều cô viết ra. Cô cảm thấy bối rối trước làn hơi ấm của ông, trước

hơi thở không đều của ông, trước mùi thơm của quần áo ông, vốn giống hệt mùi gối ông nằm. Cô không còn là cô bé vừa mới đến đây mà để cởi quần áo của cô ông phải phỉnh rằng trước tiên là đôi giày nhỏ xíu này hãy cởi cho con gấu bé tẹo kia, sau đó chiếc áo sơ mi hãy cởi cho con chó này, sau rốt là chiếc xilíp hoa hãy cởi cho con thỏ con này, và bây giờ hãy để một nụ hôn của cha em lên con bướm ngây ngậy. Cô không còn là nhãi ranh nữa, trái lại cô đã là một phụ nữ thực thụ, người mà ông vẫn thích chủ động rủ rê đến thiên đường bí mật ở sau văn phòng của hãng tàu thuỷ. Cô vẫn đánh máy mổ cò bằng một ngón trỏ bàn tay phải. Bằng tay trái, cô dò tìm trên bẹn ông. Cô tìm kiếm cái của ấy và đã tìm được nó, thấy nó sống lại từ từ, từ từ to ra. Cô cảm thấy hơi thở háo hức của ông và cái hơi thở già nua của ông bỗng trở nên khò khè và khó khăn hơn. Cô biết rất rõ điều đó: kể từ phút ấy trở đi ông bắt đầu thiếu tự chủ, lý trí cũng tan biến, hoàn toàn dâng hiến cho niềm hoan lạc của cô, và ông sẽ không tìm được đường trở về chừng nào chưa đi đến điểm tận cùng của trò chơi. Ông bị cô cầm tay dắt đi như thể dắt một người mù tội nghiệp qua đường. Rồi với điệu bộ nhẹ nhàng và duyên dáng cô cởi quần áo cho ông, cởi từng thứ một, rồi cô kích thích ông như thể người đầu bếp dấm muối cho món thịt xào: một ít tiêu cay, một nhánh tỏi, một lát hành, một lá

nguyệt quế, nước chanh cho đến khi nó vừa mắm vừa muối và bếp dầu vừa nóng đủ độ. Nhà không có ai. Các cô hầu đã ra đi, bọn thợ nề và thợ mộc đang sửa chữa ngôi nhà không đến làm vào ngày thứ bảy. Họ có cả một thế giới riêng cho hai người. Ông thoát khỏi cơn hứng khởi ngay ở bờ miệng vực thẳm. Ông gạt tay cô ra, ngồi dậy và nói giọng thều thào:

- Coi chừng kẻo chúng ta không có túi ngừa thai.

Cô gái nằm ngửa trên giường mà suy tư khá lâu và khi trở về trường nội trú sớm hơn thường lệ một giờ, cô đau khổ khủng khiếp đến mức không muốn khóc. Cô rèn luyện cho khứu giác của mình thính nhạy hơn và mài móng vuốt của mình sắc nhọn hơn để tìm gặp diện mạo con thỏ rừng từng gây xáo trộn cuộc đời cô. Trái lại, Phlôrêntinô Arixa lại một lần nữa phạm phải khuyết điểm của bọn mày râu: ông nghĩ rằng cô đã phải đầu hàng trước những mục đích vô ích của cô và cô sẵn sàng quên ông đi rồi.

Ông đang sống trong những suy tư của chính mình. Sau sáu tháng không hề có lấy một dấu hiệu nhỏ nào từ phía Phecmina Đaxa, ông lại trằn trọc trên giường cho đến tận sáng, trôi nổi trong cảnh hoang vu của một thứ bệnh mất ngủ khác hẳn trước đây. Ông nghĩ rằng Phecmina Đaxa bóc lá thư thứ nhất, đã nhìn thấy đoạn mào đầu giống hệt như những bức thư trước đây khi họ còn trẻ và thế là bà

ném nó vào ngay ngọn lửa lò đốt rác mà chẳng cần mất sức đọc cho hết lá thư. Bà chỉ cần nhìn bì những bức sau là đã quẳng chúng vào bếp mà chẳng hoài hơi bóc chúng ra xem. Sự việc cứ diễn ra như vậy cho đến ngày tận thế mất trong lúc ông đã đi tới điểm mút của những suy tưởng được viết ra. Ông không tin rằng có một người phụ nữ đủ sức chống chọi với tính tò mò của bản thân trong cả một năm đối với những bức thư được viết đều đặn, và đều đặn hàng ngày đến tay mình mà không thèm biết đến ngay cả màu mực dùng để viết thư. Nhưng nếu quả là có một người đàn bà như vậy thì người đó là Phecmina Đaxa.

Phlôrêntinô Arixa cảm thấy rằng thời gian của tuổi già không phải là một thác nước cuộn chảy mà là một bể nước không đáy khiến cho tâm lực phải cạn kiệt. Mưu mẹo của ông cũng cạn kiệt. Sau khi đi quanh khu phố La Mängga trong vài ngày, ông hiểu rằng thủ đoạn thời trẻ của mình sẽ không thể chọc thủng những cánh cửa được đóng kín để chịu tang. Có một buổi sáng nọ, đo tìm một số điện thoại trong danh bạ điện thoại ông bỗng bắt gặp số điện thoại nhà Ucbinô. Ông gọi điện thoại cho bà. Ông nghe thấy chuông đổ vài lần và cuối cùng ông nhận ra giọng nói của bà, một giọng nói nghiêm trang và vang vọng "Ai gọi đấy!". Ông dập máy mà không nói nhưng quãng cách vô tận của giọng nói ấy khiến

ông ân hận về mặt đạo đức.

Cũng vào thời kỳ ấy, Lêôna Catxiani tổ chức lễ mừng sinh nhật của bà và bà mời một số bạn bè thân đến nhà. Ông vô ý đã ngã đè lên trên đĩa súp gà. Lêôna Catxiani dùng một góc khăn trải bàn thấm nước lau ve áo vextông cho ông rồi sau đó bà lấy khăn ăn đeo trước ngực cho ông để phòng khi lại rớt nước canh lần nữa, thế là ông giống như một đứa trẻ già như ông lão. Bà nhận thấy trong lúc ăn, đã vài lần ông gỡ kính ra rồi dùng khăn tay lau mắt kính, vì hai mắt ông đẫm lệ. Đến lúc uống cà phê, ông ngủ trong lúc tay còn bưng tách cà phê. Lêôna Catxiani nhẹ nhàng định lấy tách cà phê ra khỏi tay mà không làm ông thức dậy, nhưng ông đã ngượng ngùng chống chế: "Tôi chợp mắt chẳng qua là để mắt đỡ mỏi thôi". Lêôna Catxiani nằm mà ngạc nhiên thấy rằng ông già đi nhiều quá.

Trong ngày giỗ đầu bác sĩ Huvênan Ucbinô, gia đình gửi thiếp mời bạn hữu đến dự lễ mixa tưởng niệm ngài tại Nhà Thờ lớn. Chính lúc ấy, Phlôrêntinô Arixa đã gửi cho bà lá thư số một trăm ba mươi hai mà vẫn chưa hề có dấu hiệu trả lời. Sự kiện đó càng làm cho ông có quyết tâm cao sẽ đi dự lễ mixa dù không được mời. Đó là một sự kiện xã hội mang màu sắc hãnh diện hơn là để tưởng nhớ người quá cố. Những chiếc ghế ở hàng đầu, được giữ gìn cẩn thận với đặc điểm cha truyền con nối,

đều có một tấm biển đồng ghi rõ tên họ của chủ nó ở phía sau tấm tựa. Phlôrêntinô Arixa đến nhà thờ cùng với số khách mời đầu tiên để ngồi ở vị trí mà Phecmina Đaxa đi qua không thể không nhìn thấy ông. Ông nghĩ rằng những chỗ ngồi tốt nhất có lẽ là những hàng ghế ở gian chính giữa nhưng vì người đến dự quá đông nên ông đã không tìm được một chỗ trống, và vì vậy ông buộc phải ngồi ở hàng ghế bên dành cho những người thân nghèo khó. Từ chỗ ấy ông nhìn thấy Phecmina Đaxa khoác cánh tay người con trai, mặc bộ đồ nỉ đen trùm kín tận gót chân với một hàng cúc dài suốt từ cổ xuống tận bàn chân nom tựa như chiếc áo thụng hành lễ của Đức Giáo chủ và thay cho chiếc mũ bà quàng một chiếc khăn đăngten của Tây Ban Nha có đính dải băng tang như những bà goá khác. Gương mặt của bà bừng sáng thứ ánh sáng của thạch cao tuyết hoa, đôi mắt lá răm sống sức sống của chính mình bên dưới ngọn đèn chùm treo ở gian giữa, và bà đi rất ngay ngắn, rất kiêu hãnh, rất tự chủ đến độ người ta có cảm tưởng bà chẳng già hơn người con trai là bao nhiêu. Phlôrêntinô Arixa đứng, ngón tay tì lên tấm tựa của chiếc ghế phía trước, và cứ đứng như thế cho đến khi mình qua cơn choáng váng bởi vì ông cảm thấy rằng ông và bà không chỉ cách nhau một khoảng cách bảy bước chân mà còn cách nhau một khoảng cách của hai ngày khác nhau.

Phecmina Đaxa đứng ngay ở ghế danh dự của gia đình trước bàn thờ lớn mà hành lễ, hầu như bà đứng gần hết buổi lễ với chính sự chăm chú khi đi dự một buổi nhạc kịch. Nhưng đến cuối buổi lễ, bà đã phá bỏ mọi lề luật của nghi thức tế lễ, và bà không đứng nguyên ở chỗ đứng của mình để lại một lần nữa nhận những lời chia buồn thống thiết được bạn bè thân hữu nhắc lại, theo đúng như quy định hiện hành, mà trái lại bà bước đi đến từng vị khách một để bày tỏ lòng biết ơn của mình đối với họ: đó là một hành động đổi mới phù hợp với cách sống của bà. Bà chào hết người này đến người khác cho đến khi bà đi đến hàng ghế của những người bà con nghèo, rồi cuối cùng bà đứng lại, quay người nhìn khắp lượt để tự tin rằng mình không bỏ sót một ai quen biết mà không chào hỏi. Chính lúc ấy Phlôrêntinô Arixa cảm thấy có một ngọn gió kinh dị khác thường đã lôi bật ông ra khỏi tâm hồn mình: bà đã nhìn thấy ông rồi. Quả nhiên, Phecmina Đaxa đã tách ra khỏi đám người cùng đi với bà trong điệu bộ nhanh nhẹn hoạt bát mà bà thường có trong hoạt động xã hội, bà chìa tay ra cho ông, rồi với một nụ cười ngọt ngào, bà nói:

- Xin đa tạ sự có mặt của ông.

Vậy là bà không những nhận được thư mà còn đọc chúng với một niềm thích thú không bờ bến và trong những bức thư ấy bà đã tìm thấy rất nhiều điều cần

phải suy nghĩ để tiếp tục sống. Bà đang ngồi ăn ở bàn, ăn sáng với người con gái, thì bức thư đầu tiên đến với bà. Vì tò mò thấy lá thư được đánh máy bà mở ra và khi nhận ra chữ ký tên tắt bà liền đỏ bừng mặt. Nhưng ngay tức khắc bà trấn tĩnh được và cất thư vào túi áo tạp dề. Bà bảo: "Thư chia buồn của chính phủ". Người con gái ngạc nhiên, nói: "Thư chia buồn chẳng đã đến nhà hết rồi sao". Bà vẫn khăng khăng giữ ý kiến của mình: "Nhưng đây là một bức thư chia buồn khác". ý định của bà là sau này sẽ đốt bức thư đi (bà đốt đi không chỉ vì những lời nói của người con gái) nhưng bà không thể đốt nó đi mà chưa đọc trước một lần. Bà những tưởng đây chỉ là một bức thư trả lời lại những điều bà sỉ nhục và nguyền rủa ông, nhưng khi đọc qua phần mở đầu của lá thư thì bà hiểu có một cái gì đó đang thay đổi trong cuộc đời. Bà hết sức thán phục và thú vị đến mức bà vào phòng khoá trái cửa lại để bình tĩnh đọc lại nó trước khi đem đốt đi và bà đã đọc tới ba lần không hề nghỉ lấy hơi.

Đó là những suy nghĩ về cuộc đời, về tình yêu, về tuổi già, về cái chết: những tư tưởng nhiều lần như những chú chim đêm vỗ cánh bay lượn trên đầu bà nhưng khi bà định túm lấy thì chúng đã biến đi trong một luồng lông bay. Những tư tưởng ấy đang hiện hữu ngay bên bà, hiện hữu một cách thật trong sáng, thật giản dị, như bà thích nói đến chúng, và

hơn một lần nữa bà đau lòng thấy rằng chồng mình không còn sống để cùng bà bàn luận về chúng như họ bàn luận về một số sự kiện xảy ra trong ngày trước khi đi ngủ. Bằng hình thức đó, trước mặt bà hiển hiện một Phlôrêntinô Arixa chưa hề được quen biết, với một sự sáng tỏ rằng ông không giống với những bức thư đầy nhiệt tình hồi còn trẻ của ông, cũng chẳng hề liên quan gì tới thái độ trầm ngâm rầu rĩ cả một đời ông. Đúng hơn, chúng là những lời dường như được nhận trực tiếp từ Tinh Thần Thần Thánh của người đàn ông, theo như bà cô Escôlaxtica nói và chính ý nghĩ này đã lại làm bà hoảng hốt như lần đầu tiên. Tóm lại, cái góp phần làm cho tâm hồn bà thanh thản chính là cái ý nghĩ sáng tỏ này: bức thư ấy của ông già thông thái không có ý định lắp lại hành động xấc xược trong đêm tang lễ, mà đúng hơn nó là một hình thức rất cao cả để xoá bỏ quá khứ.

Những bức thư của ông đã làm cho bà thực sự an lòng. Bằng mọi giá, sau khi đọc xong chúng với một niềm thích thú ngày càng tăng, bà đều đốt hết dẫu rằng khi đốt xong trong lòng bà đọng lại nỗi ân hận vì sao mình không kịp thời ngừng việc đốt thư lại. Vì vậy, khi bà nhận được những bức thư được đánh số thứ tự ngay lập tức bà tìm thấy một lời biện hộ có tính đạo lý cho mình rằng thực lòng bà không muốn những bức thư này bị tiêu huỷ. Trong mọi trường

hợp, ý nghĩ ban đầu của bà không phải là việc giữ lại những bức thư này cho bản thân mình mà chờ dịp để trả lại cho Phlôrêntinô Arixa để ông khỏi bị mất đi một cái gì đó mà theo bà nó rất có ích cho nhân loại. Điều tệ hại là ở chỗ thời gian cứ trôi đi và thư cứ tiếp tục đến với bà, cứ độ ba hay bốn ngày lại có một lá thư đến trong suốt cả một năm ròng, và thế là bà không biết làm thế nào để trả lại ông những bức thư này mà bà không khỏi nghĩ đó là một hành động khiếm nhã mình không muốn làm, và tuy không trả lại thư nhưng bà không phải giải thích trong một lá thư mà vì lòng kiêu hãnh bà không muốn viết.

Thời gian một năm ấy đủ để bà làm quen với cuộc sống goá bụa của mình. Ký ức về người chồng được thanh lọc không còn là một trở ngại trong các hoạt động xã hội của bà, trong những suy tư thầm kín của bà, và nó trở thành một sự hiện diện có tính chất thường xuyên để dắt dẫn bà mà không làm bà hoảng sợ. Đôi lúc bà bắt gặp ngài, nhưng ngài không chỉ là một cái bóng mà trái lại ngài là sự hiện diện bằng xương bằng thịt, ở ngay chỗ thực tình bà đang cần đến ngài. Bà khích lệ ý nghĩ sáng tỏ rằng ngài vẫn ở đấy, vẫn đang sống mà không có những thích thú đàn ông, không có những đòi hỏi quá quắt của bậc trưởng lão, không có sự đòi hỏi dai dẳng rằng bà hãy yêu ngài với chính nghi thức của những nụ hôn không đúng lúc và những lời lẽ dịu dàng mà ngài

từng yêu bà. Bởi lúc ấy bà hiểu ngài hơn cả khi ngài còn sống, hiểu được nỗi khát khao tình yêu của ngài, hiểu được ý muốn sẽ tìm thấy ở bà sự yên bình mà đối với ngài nó là chỗ dựa của cuộc đời hoạt động xã hội mà trên thực tế không bao giờ ngài có được. Có một ngày, khi quá đau khổ, bà đã gào vào mặt ngài rằng: "Ông không thấy điều bất hạnh mà tôi đang phải chịu đựng hay sao". Bằng điệu bộ rất đặc trưng cho con người mình, ngài gỡ cặp kính ra, vẫn điềm nhiên như không, với đôi mắt giàn giụa lệ ngài nhìn bà, nói: "Xin em hãy luôn luôn nhớ cho rằng điều quan trọng nhất trong cuộc sống của một cặp vợ chồng hoà thuận là sự ổn định chứ không phải là hạnh phúc". Kể từ những ngày cô đơn đầu tiên của cuộc đời goá bụa, bà đã hiểu rằng câu nói ấy không giấu trong nó một lời đe doạ nào cả như đã có lúc bà nghĩ mà nó là hòn đá tảng từng đem lại cho cả hai biết bao giờ hạnh phúc.

Trong những lần đi ra nước ngoài, Phecmina Đaxa đã mua tất cả những gì mà tính chất mới lạ của chúng từng khiến bà chú ý. Bà thích thú chúng bởi sự thôi thúc trước tiên mà người chồng hài lòng với lý lẽ của bà, và đó là những đồ vật đẹp và hữu ích trong khi chúng còn ở khung cảnh sinh ra của chúng: trong những tủ kính ở Rôma, ở Pari, ở Luân Đôn, hoặc ở những tủ kính thành phố Nữu Ước nghe ồn ào đến nhức óc bởi tiếng nhạc nhảy của điệu

xanxtơn và đó là nơi những toà nhà chọc trời đang mọc lên, những thành phố này lại không chịu nổi sự thử thách của những bản nhạc của Xtrau, với tiếng trống tiếng kèn nghe sôi động, nóng đến bốn mươi nhăm độ C trong bóng râm. Vậy là bà trở về với nửa tá hòm cao lênh khênh, to đùng, bằng sắt tây bóng loáng có khoá và đai đồng, nom tựa như những chiếc quan tài quái dị, và thế là bà là chủ nhân và là vương hậu của những đồ dùng kỳ diệu, mới nhất của thế giới, nhưng chúng lại không có giá trị của vàng vào khoảnh khắc thoáng qua mà một người nào đó trong số những đồng bào của mình nhìn thấy chúng một lần. Bởi chính vì lẽ đó chúng được mua về: để cho những người khác một lần được nhìn ngắm chúng. Ngay từ trước khi bước sang tuổi già, bà đã có ý thức về tính chất hư danh phù phiếm của con người xã hội của bản thân mình và ở trong nhà thường xuyên được nghe thấy bà nói: "Cần phải thoát ra khỏi bao thứ vô dụng này bởi chúng không để chỗ cho ta sống". Bác sĩ Huvênan Ucbinô giễu cợt những mục đích vô ích của bà, bởi ngài biết rằng những chỗ trống vừa được giải phóng ở trong nhà rồi lại bị kê chặt những đồ đạc mới mà thôi. Nhưng bà khăng khăng cãi lại, vì trên thực tế nhà không còn chỗ để chứa thêm đồ nữa, và không một chỗ nào có lấy một vật hữu ích cả, tỷ như những chiếc áo sơ mi mắc trên áo treo sau cánh cửa, hay những chiếc

mắc áo khoác ngoài dùng trong mùa đông ở châu Âu được gấp lại để trên gác xép nơi nhà bếp. Vì vậy, có một buổi sáng thức dậy với tinh thần quật khởi bà đã úp ngược các ngăn đựng quần áo trong tủ, lôi hết các đồ vô dụng trong hòm ra, lôi hết đồ đạc cất trên tầng trần xuống và do đó khiến cho sàn nhà như một bãi chiến trường ngổn ngang sau trận đánh: những đống quần áo đã được mặc nhiều lần, những chiếc mũ không bao giờ đội bởi không có dịp dùng khi chúng còn mốt thời trang, những đôi giày do các nghệ nhân Âu châu đóng theo mốt giày các vương hậu dùng trong dịp được tấn phong nhưng ở đây lại bị các cô tiểu thư con nhà quyền quý coi khinh bởi chính vì chúng quá giống những đôi giày mà bọn gái da đen mua ở ngoài chợ để dùng đi trong nhà. Suốt buổi sáng ấy, hành lang trong luôn luôn ở trong tình trạng tấp nập người qua kẻ lại để dọn dẹp, và trong nhà rất khó thở trước mùi băng phiến nồng nặc. Nhưng chỉ ít giờ đồng hồ sau bà đã lấy lại được bình tĩnh bởi vì bà hài lòng trước không biết bao nhiêu lụa quý trải dài trên sàn nhà, trước không biết bao nhiêu tấm vải thêu chỉ kim tuyến còn thừa và mẩu thừa đồ ren kim tuyến, trước không biết bao những đuôi chồn màu xanh đã bị kết án đưa vào lò lửa.

- Nếu đốt chúng đi thì đây là một tội lỗi, - bà nói, - vì còn biết bao người ngay cả đến miếng ăn cũng

không có.

Vậy là việc hoả thiêu đồ vô dụng bị dừng ngay lại và chúng luôn luôn bị dừng lại, và các đồ vật chỉ bị thay đổi vị trí mà thôi: từ vị trí danh giá chúng bị đưa xuống những tàu ngựa cũ đã được cải tạo lại thành các kho chứa đồ vặt vãnh của gia đình, trong khi đó những chỗ trống vừa được giải phóng, như ngài đã nói, lại được để các đồ vật mới, những thứ chỉ sống trong một lần rồi chết trong các tủ quần áo, chúng lại đợi đến kỳ hoả thiêu sau. Bà bảo: "Có lẽ phải sáng tạo ra một cái gì đó để mà làm đối với những đồ vật bỏ thì thương vương thì tội này". Đúng như thế: tính tham lam muốn có các đồ vật đến mức chúng ngày càng ngốn mất khoảng không để con người sống, ngày càng lấn át con người, dồn con người vào chân tường đã khiến Phecmina Đaxa lo sợ, vì thế bà đã xếp chúng vào nơi kín đáo. Bởi vì thực ra bà không gọn gàng ngăn nắp như bà tưởng mà chẳng qua bà có một phương pháp của chính mình. Bà sợ mình giống với tình trạng lộn xộn trong nhà nên đã cất giấu tình trạng lộn xộn ấy đi mà thôi. Ngày bác sĩ Huvênan Ucbinô tạ thế, người ta phải khuân vợi một nửa đồ đạc trong phòng làm việc của ngài và phải chồng đống các đồ vật lên nhau trong phòng ngủ để lấy chỗ làm lễ viếng ngài.

Thần chết khi đi qua ngôi nhà này đã để lại một giải pháp. Cùng một lúc với việc thiêu đốt quần áo

của người chồng quá cố, Phecmina Đaxa nhận ra rằng cảm xúc hãi hùng về tội lỗi không làm bà run tay và cũng với chính nỗi thôi thúc ấy bà lại nhóm lửa vào những thời gian nhất định, ném tất cả vào lửa, đồ cũ cũng như đồ mới, mà lòng không mảy may bận tâm đến nỗi ghen tị của những người giàu có, không bận tâm đến lòng thèm muốn của những kẻ nghèo không có cái ăn. Cuối cùng, để không còn lại một vết tích gì của nỗi bất hạnh, bà cho người ta đào tận gốc rễ cây xoài đi và tặng con vẹt ấy cho Bảo tàng Thành phố mới được khánh thành. Chỉ đến khi ấy bà mới thở hít theo sở thích của mình trong một ngôi nhà từng ao ước có: rộng rãi, thoáng đãng và của bà.

Ôphêlia, người con gái, ở với bà trong ba tháng rồi trở về Tân Ooclêăng. Người con trai lôi kéo bạn bè của mình đến ăn cơm trưa tại nhà bố mẹ vào các ngày chủ nhật và vào những dịp có thể trong một tuần. Những người bạn gái thân cận nhất của Phecmina Đaxa, sau khi đám tang qua đi rồi, đã thường xuyên đến chơi với bà. Họ cùng nhau chơi bài tây ở ngoài hiên đối diện với sân cỏ được cắt tỉa gọn gàng, cùng làm thử món ăn mới, nghĩa là họ đặt bà vào cuộc đời bí mật của thế giới khao khát sống vẫn tồn tại dù không có bà. Một trong những bạn gái thường hay đến thăm bà nhất là Lucrêxia đên Rêan đên Ôbixpô, một bà quý tộc theo nếp sống cũ, là

người bao giờ bà cũng giữ được một quan hệ bạn hữu tốt đẹp và kể từ sau ngày Huvênan Ucbinô chết đến nay đã gần gũi với bà hơn cả. Lucrêxia đên Rêan đi lại chậm chạp vì bệnh viêm khớp và rầu rĩ vì cuộc sống khó khăn của mình, đã mang đến cho Phecmina Đaxa không phải chỉ những giờ vui vẻ sống bên nhau mà còn mang cả những tin tức về việc thành phố đang có những dự định xây những công trình lớn và chính điều đó đã khiến cho Phecmina Đaxa cảm thấy mình có ích ở chính bản thân chứ không ở bóng ma phù hộ của người chồng. Tuy nhiên, không bao giờ như lúc ấy bà cảm thấy mình giống ngài đến như vậy bởi vì người đời đã tước đi của bà cái tên thường gọi của mình và họ bắt đầu gọi bà bằng cái tên bà quả phụ Ucbinô.

Bà cảm thấy đó là điều không thể chấp nhận được, nhưng trong lúc ngày giỗ đầu của người chồng ngày càng đến gần, bà cảm thấy như mình đang bước vào một khung cảnh râm mát, thoáng đãng, thanh lặng: một cánh rừng yên ả của điều không thể tránh được. Lúc này và trong vài tháng sau đó bà vẫn chưa ý thức được đầy đủ lắm việc những suy tư được viết ra giấy của Phlôrêntinô Arixa đã giúp bà biết bao nhiêu trong việc khôi phục lại tinh thần thanh thản của bản thân. Những suy tư ấy được vận dụng vào kinh nghiệm sống của bản thân bà chính là điều đã cho phép bà hiểu được cuộc đời mình và với một

tinh thần nghiêm túc bà đang đón chờ những khó khăn vất vả của tuổi già sẽ tới. Cuộc hội ngộ trong lễ mixa tổ chức để tưởng niệm người chồng quá cố được một năm là một dịp may mắn để báo cho Phlôrêntinô Arixa hiểu rằng nhờ những bức thư đầy khích lệ của ông bà đã sẵn sàng xoá bỏ quá khứ.

Hai ngày sau bà lại nhận của ông một bức thư khác hẳn: thư viết tay trên giấy kẻ dòng và tên họ rõ ràng đàng hoàng ở chỗ người gửi trên bì thư. Đó là một bức thư được viết với cùng một lối chữ rất đẹp của những lá thư đầu tiên, cùng một tình cảm trữ tình, nhưng được áp dụng vào một đoạn văn giản dị nói lên lòng biết ơn vì đã được bà chào hỏi trịnh trọng trong Nhà Thờ lớn. Sau khi đọc xong lá thư, Phecmina Đaxa còn vẩn vơ lưu luyến nghĩ về nó với lương tri rất trong sáng đến độ ngày thứ tư bà đã hỏi Lucrêxia đên Rêan, mà không biết có đúng lúc không, rằng ngộ như bà ta có quen biết Phlôrêntinô Arixa, ông chủ của những chiếc tàu thuỷ chạy trên sông. Lurênxia trả lời rằng có: "Nom ông ta cứ như một con yêu tinh mất hồn ấy". Bà ta nhắc lại lời đồn đại nói rằng chẳng bao giờ ông biết tới đàn bà, mặc dù ông là người rất tốt, rất biết chiều chuộng đàn bà, rằng ông có hẳn một văn phòng bí mật thường vẫn mang bọn trẻ nhỏ mà ông tìm thấy ở các bến cảng về đấy. Phecmina Đaxa từng nghe chuyện huyền thoại ấy ngay từ khi bà có trí nhớ nhưng chẳng bao

giờ bà tin và không cho điều ấy là quan trọng. Nhưng khi nghe chuyện huyền thoại ấy được Lurêxia đên Rêan nhắc lại với tất cả lòng tin thì bà đã không thể cưỡng lại được cái sức ép buộc phải để các sự vật vào đúng chỗ của chúng. Bà kể rằng bà quen Phlôrêntinô Arixa từ thuở bé. Bà lưu ý Lucrêxia nhớ rằng bà mẹ ông có một cửa hàng tạp hoá ở phố Vênhtanat và rằng bà cụ mua lại áo và vải trải giường cũ, rồi tháo sợi ra rũ thành bông cứu thương để bán trong thời kỳ nội chiến liên miên. Với niềm tin vững chắc, bà kết luận: "Họ là người đứng đắn, chỉ hành động theo nhịp đập của trái tim mình". Đó là một kết luận hết sức đúng mức đến độ Lucrêxia cũng phải nhắc lại điều bà đã nói: "Tóm lại, họ cũng nói về tôi như vậy đấy". Phecmina Đaxa không tò mò tự hỏi lòng mình rằng vì sao bà đã bảo vệ một cách nhiệt thành cho một người đàn ông vốn chỉ là một cái bóng trong cuộc đời mình. Bà vẫn tiếp tục suy nghĩ về ông, nhất là khi người đưa thư đến mà không có thư mới của ông. Hai tuần lặng lẽ trôi qua, khi ấy có một cô hầu đã đánh thức bà đang lúc ngủ trưa với một câu nói thầm thì đầy thảng thốt:

- Thưa bà, *đôn* Phlôrêntinô đến đấy.

Ông đã đến thật. Phản ứng đầu tiên của Phecmina Đaxa là sự bối rối. Bà kịp nghĩ rằng không, rằng hãy trở lại một ngày khác vào giờ thích hợp hơn, rằng bà chưa có điều kiện để tiếp khách, rằng chẳng có gì

cần phải nói. Nhưng bà đã ngồi dậy, và bảo rằng hãy đưa ông vào phòng khách và mang cho ông cà phê trong lúc bà sửa soạn để ra tiếp ông. Phlôrêntinô Arixa đang đứng đợi ở ngoài cửa chính dưới trời nắng như đổ lửa lúc ba giờ chiều, nhưng trong tư thế chuẩn bị làm nước mã hồi. Ông đã chuẩn bị sẵn để khi không được tiếp, như vậy dù chỉ một lời xin lỗi đáng yêu cũng được và chính lòng tin chắc ấy đã giúp ông bình tĩnh đợi chờ. Nhưng việc người hầu gái mở cửa mời ông vào đã khiến ông rung động tới tận tuỷ sống và khi bước vào phòng khách rất mát ông vẫn không có thời gian để mà nghĩ tới phép mầu nhiệm mình đang sống trong nó, bởi vì bỗng nhiên bụng ông sôi réo quặn thắt lại. Ông nín thở để chịu đựng cơn đau thắt bụng, để sống lại cái kỷ niệm xúi quẩy về bãi cứt chim rơi đúng vào lá thư tình đầu tiên của mình, và cứ như thế ông đứng im trong khung cảnh râm mát của phòng khách và trong lúc chờ cho cơn đau qua đi, sẵn sàng chấp nhận bất cứ một nỗi bất hạnh nào trong khoảnh khắc ấy, trừ cơn đau vô lý này.

Ông tự biết mình rất rõ: không kể tới cơn rùng mình ghê gớm ấy, trong rất nhiều năm bụng dạ ông đã ba hay bốn lần phản ông ngay trước công chúng và cũng đã ba hoặc bốn lần gì đó ông buộc phải chịu thua nó. Chỉ trong những trường hợp ấy, và trong một số trường hợp khẩn thiết khác, ông đã nhận ra

sự thật của một câu nói mà ông vẫn bông đùa nhắc lại: "Không tin Thượng đế, nhưng có sợ Thượng đế". Ông không có thời giờ để nghị ngờ câu nói ấy vì thế ông định cầu nguyện bằng bất cứ một câu cầu nguyện nào nhưng ông không nhớ ra. Khi còn nhỏ, có một đứa trẻ dạy ông một câu cầu nguyện có phép mầu, để chỉ bằng một hòn đá bắn trúng một con chim: "Ẩn đi, ẩn đi kẻo tao bắn mày chết". Ông đã thử dùng câu cầu nguyện ấy khi lần đầu tiên ông lên núi và với chiếc ná cao su mới ông đã bắn trúng một con chim. Với nỗi hoảng loạn ông nghĩ rằng mỗi vật đều có mối liên hệ nhất định với vật khác, ông đã nhắc lại câu cầu nguyện ấy nhưng không đem lại kết quả gì. Một cơn quặn ruột dữ dội khiến ông phải đứng dậy, bụng ông đầy hơi đến cứng lại buộc ông phải rên khe khẽ, và khắp người ông mồ hôi lạnh túa ra. Cô hầu phòng mang cho ông cà phê bỗng giật thột trước gương mặt nhợt nhạt như mặt tử thi của ông. Ông nói: "Tại trời oi nóng quá đấy". Cô ta mở cửa sổ mà tin rằng sẽ làm ông hài lòng, nhưng ánh nắng buổi chiều rọi ngay trên mặt và thế là cô ta lại phải đóng cửa lại. Ông hiểu rằng mình không thể chịu đựng thêm một phút nữa thì cũng vừa hay Phecmina Đaxa xuất hiện gần như không thể nhìn rõ ở trong khung cảnh buồng khách hơi tối tối và bà giật thột khi thấy ông đang ở trong tình trạng ấy.

- Ông có thể cởi áo vextông ra, - bà nói với ông.

Đối với ông còn đau đớn hơn cả cơn đau quặn chết người nếu bà nghe rõ tiếng sôi réo trong bụng ông. Nhưng ông đã cố kìm nỗi đau lại hầu như chỉ trong khoảnh khắc để nói rằng không, rằng ông qua đây chỉ là để hỏi xem khi nào bà có thể tiếp chuyện ông một buổi. Bà đứng, vẫn còn thẳng thốt, nói: "Vậy ông chẳng đã đến đây rồi sao". Và bà mời ông theo mình vào tận hiên trong nhìn ra sân là nơi mát mẻ hơn. Ông từ chối bằng một giọng mà bà cảm thấy tựa như một hơi thở dài đáng thương.

- Xin bà để cho đến ngày mai, - ông nói.

Bà nhớ rằng mai là ngày thứ năm, ngày đến chơi đúng hẹn của Lucrêxia đến Rêan, nhưng bà đã kịp nghĩ ra một giải pháp tức thời: "Ngày kia vào lúc năm giờ chiều". Phlôrêntinô Arixa cảm tạ bà. Cầm lấy mũ, ông vội vàng từ biệt bà, không uống cà phê. Bà đứng yên ngay chính giữa phòng khách, còn đang ngơ ngác chưa hiểu có điều gì xảy ra với ông, cho đến khi ông khuất bóng ở cuối phố nơi ôtô đậu. Lúc ấy Phlôrêntinô Arixa đang tìm một tư thế dễ chịu hơn trên ghế sau của chiếc ôtô nhà. Ông nhắm mắt lại, duỗi gân cốt, hoàn toàn thuận theo ý muốn của cơ thể mình, như thể ông lại được sinh ra một lần nữa. Người tài xế, sau nhiều năm phục vụ ông không hề ngạc nhiên trước bất cứ điều gì xảy ra với ông, bồng lo lắng trong lòng. Nhưng khi mở cánh cửa xe cho ông lúc xe đậu lại ở trước hiên nhà,

người tài xế đã nói với ông:

- Thưa *đôn* Phlorêntinô, xin ngài cẩn thận, triệu chứng này giống như ngài bị bệnh thổ tả.

Nhưng đó là những triệu chứng đã quen thuộc với ông từ lâu nay. Phlôrêntino Arixa phải cảm tạ Thượng đế vì năm giờ chiều ngày thứ sáu cô hầu dẫn ông đi qua phòng khách lờ mờ tối đến hiên trong nhìn ra sân, rồi tại đây ông thấy Phecmina Đaxa đứng bên cạnh một chiếc bàn nhỏ cho hai người ngồi nói chuyện. Mời ông dùng trà, sôcôla, hay cà phê? Phlôrêntinô Arixa xin cà phê, thật nóng và thật đậm. Bà bảo người hầu gái: "Còn ta, hãy mang thứ uống hàng ngày". Thức uống hàng ngày của bà là thứ nước trà hỗn hợp gồm nhiều loại chè búp thường dùng bên phương Đông khiến tâm hồn bà phấn chấn sau lúc ngủ trưa. Khi bà uống hết chén trà của mình và ông vừa cạn xong tách cà phê thì cả hai người đã gợi mở và kết thúc vài câu chuyện, đó là những chuyện không hoàn toàn thú vị đối với cả hai nhưng cần thiết để cả ông lẫn bà không đề cập đến những đề tài mà cả hai đều muốn lẩn tránh. Cả hai người đều sợ hãi mà chẳng biết làm gì khi họ ở quá xa thời xuân trẻ của mình trong một sân hiên lát gạch men đen trắng tạo thành bàn cờ đam, của một ngôi nhà chẳng phải của riêng ai vẫn còn thơm lựng mùi hoa nghĩa trang. Lần đầu tiên họ đối diện với nhau trong một khoảng cách rất gần và tương đối

lâu để nghiêm trang nhìn nhau sau một nửa thế kỷ và hai người đã thấy nhau như lâu nay vẫn thấy: hai cụ già đang bị thần chết vây bọc. Chẳng có gì giống nhau ngoài ký ức về một thời quá khứ tươi đẹp mà giờ đây không thuộc về họ, đúng hơn nó thuộc về hai thanh niên có lẽ chỉ đáng là cháu họ. Bà nghĩ rằng ông sẽ nói về tính chất ảo tưởng trong mơ ước của mình và chính điều đó sẽ giúp ông tránh được hành động xấc xược của bản thân.

Để tránh không khí yên lặng, gượng gạo về những vấn đề không nên đề cập tới, bà hỏi ông những câu hỏi rõ ràng về những chiếc tàu thuỷ chạy trên sông. Dường như là phi lí điều ông nói rằng tuy là chủ hãng ông chỉ đi tàu thuỷ có độc một lần khi ông chẳng có liên quan gì với hãng. Bà không biết nguyên nhân và ông thành thật kể lại cho bà nghe hết. Bà cũng chẳng hiểu biết gì về sông nước. Chồng bà đồng tình với thành kiến đối với khí hậu vùng núi Anđét và đã an ủi bà bằng những lý lẽ khác nhau: nỗi nguy hiểm của độ cao đối với bệnh tim, nỗi nguy hiểm của bệnh phổi, đạo đức giả dối của dân chúng ở đấy và tính chất bất công của chế độ chuyên chế còn tồn tại ở vùng ấy. Vậy là cả hai người đều quen biết cả một nửa thế giới nhưng lại không quen biết hết đất nước mình. Hiện lúc ấy có một chiếc thuỷ phi cơ Junkera bay từ làng này sang làng kia dọc theo vịnh Macgơdalêna, nom nó tựa

như một chú châu chấu nhôm, có hai người lái, sáu hành khách cùng các túi bưu kiện. Phlôrêntinô Arixa bình luận: "Nó tựa như một chiếc quan tài bay trên không ấy". Bà đã từng đi trên bóng thám không trong chuyến bay đầu tiên của nó và bà không hề phải chịu những cú xóc trên không nào nhưng hầu như bà không thể nghĩ rằng việc đi trên thuỷ phi cơ sẽ giống như việc đi trên bóng thám không. Bà nói: "Khác nhau đấy". Nói thế có nghĩa là bà muốn nói rằng bà là người đã thay đổi, không chỉ ở các cách thức du lịch.

Đôi lúc tiếng động cơ máy bay làm bà giật mình. Bà nhìn thấy chúng bay rất thấp, làm những động tác nhào lộn trong ngày kỷ niệm một trăm năm ngày mất của Nhà Giải phóng. Một trong những chiếc máy bay ấy, đen trũi như một con quạ khổng lồ, bay sát các nóc nhà khu phố La Măngga, vì vậy đã để lại một chiếc cánh mắc trên cây bên cạnh và bản thân nó bị treo lủng lẳng dưới hàng dây điện. Nhưng dù có thế đi nữa, Phecmina Đaxa vẫn không biết đến sự tồn tại đích thực của máy bay. Trong những năm gần đây bà cũng không tò mò đi đến vịnh Mangxanidô, là nơi những chiếc thuỷ phi cơ đỗ xuống sau khi những chiếc ca nô hộ vệ đợi các thuyền đánh cá và những chiếc thuyền đua đến ngày càng nhiều. Thế mà sau khi bà đã già rồi người ta vẫn chọn bà cầm một bó hoa hồng đi đón Sáclơ

Linbaê khi ông đã đến trong chuyến bay tình nguyện của mình, và bà đã không hiểu nổi làm sao một người đàn ông to cao lực lưỡng, mái tóc vàng mượt mà, rất điển trai lại có thể bay lên được trong một cỗ máy giống như một tấm sắt tây nhăn nheo, phải cần tới hai người thợ cơ khí túm lấy đuôi nâng lên để giúp nó cất cánh. Trong đầu bà không chứa nổi ý nghĩ về một chiếc máy bay không to hơn là bao lại có thể chở được những tám hành khách. Trái lại bà từng nghe người ta nói với mình rằng những chiếc tàu thuỷ chạy trên sông là một phương tiện du lịch lý thú lắm vì chúng không tròng trành như những chiếc tàu biển nhưng lại có nhiều nguy hiểm hơn, tỷ như dễ bị mắc cạn bởi những doi cát ngầm hoặc bị bọn cướp tấn công. Phlôrêntinô Arixa giải thích cho bà biết rằng tất cả những chuyện ấy là huyền thoại của thời trước: Hiện nay các tàu thuỷ đều có một phòng nhảy rộng rãi và sang trọng như phòng ngủ trong khách sạn, có phòng vệ sinh riêng biệt và quạt điện và kể từ cuộc nội chiến cuối cùng đến nay chúng không hề bị bọn cướp có vũ khí tấn công nữa. Ngoài ra với sự hài lòng về thắng lợi của cá nhân mình, ông còn giải thích rằng những tiến bộ trên là nhờ ở sự giải phóng giao thông đường thuỷ được ông ủng hộ, đó là việc làm bao gồm việc cổ vũ sự cạnh tranh: đáng lẽ chỉ có một hãng duy nhất như trước đây, nay có tới ba hãng, tất cả đều năng động

và giàu có. Tuy nhiên sự phát triển nhanh chóng của máy bay hiện nay lại là một mối nguy hiểm cho cả ba hãng tàu. Bà cố sức an ủi ông bằng cách nói rằng tàu thuỷ bao giờ cũng phải có bởi vì rằng không có quá nhiều kẻ điên rồ sẵn sàng chui vào một thứ máy móc phản tự nhiên. Cuối cùng Phlôrêntinô Arixa nói đến sự tiến bộ của bưu điện cả trong lĩnh vực vận chuyển và phân phát thư từ, bưu kiện. Ông hy vọng nhân đây Phecmina Đaxa sẽ đề cập tới những thư từ của ông. Nhưng ông đã không thực hiện được mục đích của mình.

Tuy nhiên, sau đó một lúc, dịp may tự nó đến. Cả hai người đã bỏ qua đề tài này khá lâu rồi, bỗng người hầu gái đưa cho Phecmina Đaxa một bức thư vừa nhận từ tay người đưa thư đặc nhiệm trong thành phố, một chức phận vừa được lập ra sử dụng chính phương pháp chuyển điện tín. Bà không thể tìm được cặp kính để đọc lá thư, như lâu nay vẫn thường xảy ra chuyện này. Phlôrêntinô Arixa vẫn giữ được bình tĩnh và thái độ nghiêm chỉnh.

- Xin bà chẳng cần phải đọc nó, - ông nói. - Bức thư ấy là của tôi đấy.

Đúng thế thật. Ngày hôm trước ông đã viết lá thư này trong tình trạng đau khổ khủng khiếp vì đã không thể quên được cảm giác xấu hổ trong chuyến đến thăm bà lần đầu tiên bị thất bại. Trong lá thư này ông xin lỗi bà vì hành động thiếu thận trọng:

đến thăm bà mà không xin phép trước và ông xin bày tỏ ý định trở lại thăm bà lần sau. Ông bỏ thư vào thùng mà chưa kịp nghĩ kỹ nhưng khi hối thì đã muộn, không thể nào lấy lại được lá thư ấy nữa. Tuy nhiên, ông thấy không cần phải giải thích dài dòng mà chỉ yêu cầu Phecmina Đaxa không nên đọc nó nữa.

- Dĩ nhiên, - bà nói. - Cuối cùng, thư từ là của người viết ra chúng. Đúng thế không nào!

Ông tiến thêm một bước vững mạnh hơn.

- Đúng thế, - ông nói. - Bởi lẽ đó thư từ được trả lại khi giữa hai người không còn quan hệ với nhau nữa.

Bà làm thinh trước ý định của ông và trả lại ông bức thư ấy, nói rằng: "Thật đáng tiếc là tôi không thể đọc được nó, vì những lá thư trước giúp ích cho tôi rất nhiều". Ông thở phào nhẹ nhõm, ngạc nhiên thấy rằng bằng một hình thức rất gọn gàng bà đã nói nhiều hơn cả điều ông mong đợi và ông nói: "Bà không thể mường tượng rằng tôi sung sướng biết bao khi được biết điều đó". Nhưng bà đã thay đổi đề tài và ông cũng không cố ý tìm cách để bà trở lại đề tài trong phần còn lại của buổi gặp gỡ.

Ông đứng dậy cáo từ ra về thì đã quá sáu giờ khi trong nhà đã thắp đèn sáng trưng. Ông cảm thấy vững tin hơn, nhưng không có quá nhiều ảo tưởng bởi vì ông không quên cá tính dễ thay đổi và những

phản ứng bất thường của Phecmina Đaxa vào tuổi hai mươi, và cũng không phải không có nhiều lý do để ông nghĩ rằng bà đã thay đổi. Vì lẽ đó, bằng giọng chân thành nhưng vẫn e dè, ông dám mạnh dạn hỏi bà rằng liệu hôm khác ông có thể đến thăm bà được không, và câu trả lời của bà lại càng khiến ông ngạc nhiên hơn.

- Hãy đến bất cứ lúc nào, - bà nói. - Hầu như luôn luôn chỉ có một mình tôi ở nhà.

Bốn ngày sau, ngày thứ tư, ông trở lại nhà mà không hề báo trước và bà cũng chẳng phải đợi bọn người nhà pha trà cho mình để đủ hào hứng nói với ông về những bức thư của ông đã giúp ích bà biết bao nhiêu. Ông bảo rằng đó không phải là những bức thư theo ý nghĩa chặt chẽ của từ này, mà là những trang sách rời mà ông rất muốn viết ra. Bà cũng từng nghĩ như vậy. Bà nghĩ nhiều lắm đến độ bà định trả lại những bức thư ấy nếu như ông không coi đó là một nỗi bất hạnh, để ông cho chúng một số phận tốt đẹp hơn. Bà tiếp tục nói về những điều tốt đẹp mà những bức thư ấy mang đến cho mình trong giai đoạn khó khăn bà đang sống. Và bà đã nói với bao nhiệt huyết, bao lòng biết ơn, và có lẽ với bao lòng tôn trọng và âu yếm đến mức Phlôrêntinô Arixa dám làm một cái gì đó còn hơn cả một bước tiến vững mạnh: một cú nhảy liều mạng.

- Trước đây chúng mình xưng hô rất thân mật với

nhau, - ông nói.

Đó là một từ cấm: trước đây. Bà cảm thấy vị thần tưởng tượng của quá khứ trở lại và bà định né tránh nó. Nhưng ông lại dấn thêm một bước sâu hơn, nói: "Tôi muốn nói tới những bức thư trước của chúng mình". Bà khó chịu và cố nén để ông không nhận ra. Nhưng ông đã nhận ra và hiểu rằng cần phải khôn khéo tiến sâu thêm. Những cú va vấp vừa rồi dạy ông rằng bà vẫn khó gần như khi còn trẻ nhưng bà đã học được cách ứng xử để làm cho nó mang vẻ dịu dàng hơn.

- Tôi muốn nói rằng những bức thư hiện nay là một cái gì đó khác hẳn, - ông nói.

- Trên cõi đời này, tất cả đều thay đổi, - bà nói.

- Nhưng mà tôi không thay đổi, - ông nói. - Còn bà thì sao?

Bà dừng lại với chén trà thứ hai đang uống dở và với đôi mắt mở to bà khiển trách ông.

- Cũng thế thôi,- bà nói. - Tôi vừa tròn bảy mươi hai tuổi.

Phlôrêntinô Arixa cảm nhận một cú đấm ngay ở chính giữa trái tim mình. Ông những mong tìm thấy một lời đối đáp nhanh chóng và sắc nhạy như một mũi tên, nhưng ông đã bị sức nặng của tuổi già đè bẹp. Chưa bao giờ ông cảm thấy mệt mỏi quá sức trong một cuộc nói chuyện quá ngắn ngủi. Trái tim ông đau nhói nhói và mỗi tiếng đập của nó vang

nhau, - ông nói.

Đó là một từ cấm: trước đây. Bà cảm thấy vị thần tưởng tượng của quá khứ trở lại và bà định né tránh nó. Nhưng ông lại dấn thêm một bước sâu hơn, nói: "Tôi muốn nói tới những bức thư trước của chúng mình". Bà khó chịu và cố nén để ông không nhận ra. Nhưng ông đã nhận ra và hiểu rằng cần phải khôn khéo tiến sâu thêm. Những cú va vấp vừa rồi dạy ông rằng bà vẫn khó gần như khi còn trẻ nhưng bà đã học được cách ứng xử để làm cho nó mang vẻ dịu dàng hơn.

- Tôi muốn nói rằng những bức thư hiện nay là một cái gì đó khác hẳn, - ông nói.

- Trên cõi đời này, tất cả đều thay đổi, - bà nói.

- Nhưng mà tôi không thay đổi, - ông nói. - Còn bà thì sao?

Bà dừng lại với chén trà thứ hai đang uống dở và với đôi mắt mở to bà khiển trách ông.

- Cũng thế thôi,- bà nói. - Tôi vừa tròn bảy mươi hai tuổi.

Phlôrêntinô Arixa cảm nhận một cú đấm ngay ở chính giữa trái tim mình. Ông những mong tìm thấy một lời đối đáp nhanh chóng và sắc nhạy như một mũi tên, nhưng ông đã bị sức nặng của tuổi già đè bẹp. Chưa bao giờ ông cảm thấy mệt mỏi quá sức trong một cuộc nói chuyện quá ngắn ngủi. Trái tim ông đau nhói nhói và mỗi tiếng đập của nó vang

vọng thình thình ngay trong tâm thất. Ông cảm thấy mình già nua, buồn tủi, vô dụng và muốn khóc ngay đến mức ông không thể nói được. Họ uống hết chén trà thứ hai trong không khí thanh lặng phảng phất những điềm báo, ấy là khi bà bảo một trong số những cô hầu gái mang cho mình chiếc cặp đựng thư từ. Ông suýt nữa yêu cầu bà hãy giữ những bức thư ấy cho chính bà vì ông còn các bản sao ở nhà rồi nhưng ông lại nghĩ rằng sự thận trọng này sẽ làm ông không được cao thượng lắm. Chẳng còn gì cần phải nói thêm nữa. Trước khi ra về ông lại nêu vấn đề mình sẽ trở lại vào ngày thứ ba tới, đúng giờ này. Bà tự hỏi nếu như thế mình có hạ cố nhiều quá không.

- Tuỳ ông. Về phần mình tôi hoàn toàn vô tư trong chuyện ông đến thăm tôi quá nhiều.

- Đúng thế. Tôi cũng hoàn toàn vô tư trong chuyện tôi đến thăm bà quá nhiều.

Vậy là ngày thứ ba sau, đúng năm giờ chiều, ông trở lại, cũng như tất cả các ngày thứ ba tiếp đó ông đã trở lại nhà bà mà không cần phải báo trước. Vì các buổi đến chơi hàng tuần đã trở nên thường lệ kể từ cuối tháng thứ hai, Phlôrêntinô Arixa mang đến nhà bà nào bánh bích qui sản xuất tại Anh, hạt dẻ đã rang sẵn, quả ôliu Hy Lạp, và các thứ ngon dùng trong phòng xa lông mà ông mua trên các tàu viễn dương. Có một ngày thứ ba ông mang tới một bức

ảnh do người thợ ảnh thành Viên chụp cho bà và Hinđêbranđa Săngchêt từ một nửa thế kỷ nay. Ông mua nó với giá mười lăm xu ở một cửa hàng bán bưu thiếp tại phố Excribanôt. Phecmina Đaxa không hiểu làm sao bức ảnh này lại lọt ra tận đấy, và Phlôrêntinô Arixa hiểu rằng điều đó xảy ra chỉ có thể do phép mầu của tình yêu mà thôi. Có một buổi sáng, trong lúc chăm tỉa vườn hồng của mình, Phlôrêntinô Arixa không thể chống lại ý định sẽ mang cho bà một bông hồng trong chuyến đến thăm bà sắp tới. Nhưng đó là một vấn đề hóc búa trong ngôn từ tặng hoa cho một quả phụ vừa mới goá chồng. Một bông hồng thắm đỏ, biểu tượng của lòng đam mê cao độ, có thể sẽ là một sự khiêu khích đối với tấm băng tang của bà. Những bông hồng vàng, mà trong ngôn ngữ khác là hoa của vận may, nhưng trong ngôn ngữ chung chúng là biểu tượng của lòng ghen tuông. Có một vài lần người ta nói với ông về thứ hoa hồng đen của Thổ Nhĩ Kỳ, mà có lẽ chúng là loại hoa thích hợp nhất trong trường hợp này, nhưng ông không thể nào tìm được giống để trồng trong vườn nhà. Sau khi suy nghĩ lao lung ông tạm bằng lòng với những bông hồng bạch, vốn là thứ hoa ông không thích bằng các thứ kia, phần vì chúng không được tươi sắc lắm, phần vì chúng là loài hoa câm: chúng chẳng nói lên điều gì. Vào giờ chót, để đề phòng Phecmina Đaxa nghĩ xấu về chúng, ông đã

cạo hết gai trên cuống các bông hồng bạch.

Ông được bà đón tiếp chu đáo và coi bó hoa hồng bạch như một món quà vô tư, và do đó các buổi gặp gỡ hàng tuần của họ ngày càng phong phú thêm đến mức khi ông đến nhà với bó hồng bạch thì bà đã chuẩn bị sẵn lọ hoa có nước để ở chính giữa bàn trà. Một thứ ba bất kỳ nào đó, khi cắm hoa vào lọ, với vẻ vô tư ông nói:

- Vào thời của chúng mình người ta không mang hoa hồng mà chỉ mang hoa bạch trà.

- Đúng thế đấy, - bà nói, - nhưng ý tứ thì khác hẳn, và ông đã biết rõ.

Vẫn thường xảy ra như vậy: ông định tiến thêm nhưng bà tìm cách chặn bước ông lại. Nhưng trong trường hợp này, dù bà trả lời rất kịp thời, Phlôrêntinô Arixa nhận thấy rằng bà đã để trống, vì bà đã phải quay mặt đi để ông không nhận ra sắc mặt bỗng nhiên đỏ bừng. Đó là sắc mặt nóng ran, rất trẻ trung, rất cuộc đời, mà tính chất không đúng lúc của nó khiến bà khó chịu ngay với chính bản thân mình. Phlôrêntinô Arixa ý nhị lái sang chuyện khác ít khó chịu hơn nhưng hành động khéo léo ấy của ông lại quá ư lộ liễu đến độ tự bà cũng biết rằng mình đã bị phát hiện và chính điều đó càng làm tăng thêm nỗi giận trong lòng bà. Đó là một ngày thứ ba không được vui lắm. Suýt nữa bà yêu cầu ông không đến nhà mình nữa, nhưng ý nghĩ về một cuộc tranh

chấp chẳng đâu vào với đâu của những kẻ đang yêu nhau là rất đáng cười vào lứa tuổi và hoàn cảnh của hai người lúc này, khiến bà cười ngây ngất. Ngày thứ ba sau đó, khi Phlôrêntinô Arixa cắm hoa vào lọ thì bà tự vấn lương tâm mình rất dữ và cuối cùng bà vui vẻ thấy rằng trong mình không còn lại một biểu hiện nhỏ của nỗi ân hận tuần trước.

Các buổi chiều đến thăm bà của ông nhanh chóng khiến cho cả nhà khó chịu vì bác sĩ Ucbinô Đaxa và vợ ông đôi lúc làm như vô tình đến chơi thôi và họ ở lại cùng chơi bài tây. Phlôrêntinô Arixa không biết chơi nhưng Phecmina Đaxa đã dạy ông chỉ trong một buổi đến chơi và cả hai cùng gửi cho vợ chồng bác sĩ Ucbinô Đaxa một bức thư thách đấu vào thứ ba tuần tới. Đó là những buổi gặp gỡ rất dễ chịu đối với tất cả đến độ chúng nhanh chóng trở thành chính thức như các buổi ông đến thăm bà, và các thể thức đã được xác định để mỗi người ứng xử đúng phận sự của mình. Bác sĩ Ucbinô Đaxa và vợ, vốn là một người bán giải khát tuyệt vời thường mang bánh ngọt mới ra lò đến góp phần, mỗi lần một thứ bánh khác nhau. Phlôrêntinô Arixa vẫn mang đến những thức ngon vật lạ ông tìm mua được trên những con tàu viễn dương từ châu Âu sang và Phecmina Đaxa thích thú tiếp nhận những thứ đó để khích lệ ông mỗi tuần mang đến một thứ mới khiến ngạc nhiên hơn. Các cuộc thi này được tổ chức vào ngày thứ ba

trong tuần lễ thứ ba của mỗi tháng và họ không chơi ăn tiền, nhưng ai thua, trong cuộc thi tới người ấy phải chịu trách nhiệm đóng góp thức ăn đặc biệt.

Bác sĩ Ucbinô Đaxa thuộc loại người trông mặt mà bắt hình dong. Ông là người không có thủ đoạn vặt, hơi chậm chạp và thường hay lúng túng, dù đó là lúc ông vui hay đó là lúc ông khó chịu, và mỗi bận như vậy mặt ông đỏ lựng không đúng lúc khiến người ta sợ chúng ảnh hưởng đến sức khoẻ tinh thần của ông. Nhưng không còn nghi ngờ gì nữa và mới chỉ thoạt nhìn thấy chúng, người ta nhận ra ngay ông là một con người hiền lành, đó là điều mà Phlôrêntinô Arixa sợ hơn cả. Ngược lại với ông ta hoàn toàn, bà vợ bác sĩ Ucbinô Đaxa lại là người lanh lợi và thường có lối nói hài hước kiểu bình dân, đúng lúc và sáng rõ, vốn là người đã cho Phlôrêntinô Arixa một cảm giác dễ chịu, rất con người, trước sắc đẹp của bà ta. Không thể mong một đôi vợ chồng nào hơn để chơi bài và thế là những đòi hỏi tình yêu day dứt của Phlôrêntinô Arixa được thoả mãn với ảo tưởng mình được cả gia đình đùm bọc.

Có một đêm, khi bọn họ cùng ra về, bác sĩ Ucbinô Đaxa mời Phlôrêntinô Arixa cùng ăn trưa với ông ta: "Ngày mai, vào lúc mười hai giờ rưỡi tại Câu lạc bộ Xã hội". Đó là một nơi ăn ngon và là một nơi có thứ rượu đắng lòng: Câu lạc bộ Xã hội vẫn giữ

quyền không tiếp khách khác ngoài giới quý tộc, và một trong những khách họ kiên quyết không tiếp là những người con hoang. Ông chú Lêông XII vẫn giữ nguyên kinh nghiệm sống nóng hổi trong ý nghĩa này và chính Phlôrêntinô Arixa phải chịu nỗi nhục bị họ đuổi ra khi đã ngồi vào bàn ăn theo lời mời của một người bạn thân vốn là người sáng lập ra câu lạc bộ này. Người bạn này vốn là người phải chịu ơn Phlôrêntinô Arixa nhiều trong việc kinh doanh đường thuỷ, không còn cách nào hơn là dẫn ông đi ăn ở nơi khác.

- Chúng tôi, những người đặt ra luật lệ, phải là những người gương mẫu thực hiện chúng hơn ai hết, - ông ta nói với Phlôrêntinô Arixa.

Tuy nhiên, Phlôrêntinô Arixa đi ăn với bác sĩ Ucbinô Đaxa lần này không gặp trở ngại gì, ngược lại, còn được tiếp đón với thái độ đặc biệt, mặc dù họ không mời ông ký tên vào sổ vàng của các khách quý. Bữa cơm trưa chỉ có hai người với nhau, diễn ra ngắn ngủi trong khi cả hai người cùng khẽ khàng nói chuyện. Những lo ngại từng khiến Phlôrêntinô Arixa không yên lòng từ chiều hôm trước liền tan biến với cốc rượu đầy lý thú. Bác sĩ Ucbinô Đaxa muốn được nghe ông nói chuyện về bà mẹ của bác sĩ. Cứ theo điều bác sĩ nói, Phlôrêntinô Arixa biết rằng Phecmina Đaxa nói về ông với con trai bà. Và còn quan trọng hơn thế: bà đã nói dối con trai về

những điều có lợi cho ông. Bà kể cho con trai biết rằng ông và bà là bạn cũ với nhau từ hồi còn nhỏ, cùng chơi với nhau từ hồi bà mới từ Xăng Hoan đê la Xiênagga đến đây, rằng ông là người đã mở đầu các bài học đầu tiên của bà, bởi lẽ ấy bà vẫn giữ được một tình bạn dễ chịu từ xa xưa. Ngoài ra bà còn kể cho ông ta biết rằng khi bà thôi học, bà thường xuyên ở bên cạnh bà cụ Tranxitô Arixa ở cửa hàng tạp hoá để tập thêu, bởi bà cụ là một bà giáo tuyệt vời, và rằng nếu bà không thường xuyên gặp lại Phlôrêntinô Arixa không phải vì bà không thích mà vì do sự khác nhau về thân phận của hai người.

Trước khi thực hiện triệt để mục đích của mình trong cuộc gặp gỡ này, bác sĩ Ucbinô Đaxa đã bộc lộ một số suy tư của mình về tuổi già. Ông nghĩ rằng cuộc đời sẽ đi nhanh hơn nếu không có những trở ngại của các cụ già. Ông ta nói: "Loài người, như binh lính đã đứng thành hàng khối, đang tiến lên vùn vụt". Ông ta mường tượng tới một tương lai nhân đạo hơn, trong đó các cụ già được cư trú trong những thành phố vệ tinh mà từ đó các cụ không thể tự đánh giá về mình, để tránh cho các cụ nỗi tủi hổ, những đau khổ, nỗi cô đơn của tuổi già bỗng ập tới. Từ góc độ nhìn nhận của người thầy thuốc, theo như ông nghĩ, cái giới hạn ấy của tình thương, giải pháp duy nhất là chỗ cư trú, vốn là nơi các cụ già an ủi lẫn nhau, chăm sóc lẫn nhau, các cụ thấy mình

giống nhau trong sở thích, trong nỗi hoài nhớ và cả trong nỗi buồn, ngoại trừ sự khác biệt tự nhiên với các thế hệ sau. Ông ta bảo: "Các cụ già, giữa các cụ già, đỡ già hơn". Bởi vì bác sĩ Ucbinô Đaxa muốn cảm tạ Phlôrêntinô Arixa về tình thân mật mà ông giành cho mẹ mình trong cảnh goá bụa cô đơn, ông ta khẩn khoản đề nghị ông hãy tiếp tục hành động như vậy vì lợi ích của cả hai bên là sự yên bình của tất cả mọi người và mong ông hãy bình tĩnh trước những thói trái tính trái nết của tuổi già. Phlôrêntinô Arixa cảm thấy nhẹ nhõm trước giải pháp của cuộc nói chuyện. "Mong cậu hãy yên tâm, - ông nói. - Ta lớn hơn bà ấy bốn tuổi, không phải là bây giờ, mà từ trước đây, trước khi cậu ra đời rất lâu kia". Sau đó bằng một ý hóm hỉnh, ông vui vẻ nói:

- Trong một xã hội tương lai ngay từ bây giờ cậu sẽ phải đến nghĩa địa để mang cho bà ấy và ta một cành anturiô cho bữa ăn trưa.

Cho đến tận lúc ấy, bác sĩ Ucbinô Đaxa vẫn chưa dừng lại ở dự cảm không đúng của mình và do đó ông ta bị lạc nẻo vào những hẽm núi khó hiểu đến mức sinh ra lúng túng. Phlôrêntinô Arixa đã giúp ông ta thoát khỏi tình trạng ấy. Ông rất phấn khởi vì ông biết rằng sớm hay muộn mình sẽ có một cuộc gặp gỡ thân mật như cái cuộc gặp gỡ với bác sĩ Ucbinô Đaxa này để thực hiện một nghĩa vụ xã hội không thể lẩn tránh được lời cầu hôn chính thức với

bà mẹ bác sĩ. Bữa cơm trưa rất vui, vui không chỉ vì chính đề tài của nó mà còn vì nó chứng tỏ cho ông biết sự đòi hỏi kiên quyết kia đã được chấp nhận nhanh chóng đến thế. Nếu như có tính đến sự đồng tình của Phecmina Đaxa thì không một dịp nào thuận lợi như dịp này. Hơn thế nữa, sau điều hai người nói chuyện với nhau trong bữa cơm trưa lịch sử đó, tính chất hình thức chủ nghĩa của sự đòi hỏi đâm ra thừa.

Phlôrêntinô Arixa lên xuống cầu thang với một thái độ thận trọng đặc biệt, ngay cả khi ông còn trẻ, bởi ông luôn luôn nghĩ rằng tuổi già bắt đầu bằng cú ngã đầu tiên, một cú ngã chẳng nguy hiểm gì nhưng rồi thần chết sẽ đến với mình khi ngã lần thứ hai. Cầu thang văn phòng ông, đã cao lại hẹp, đối với ông là cầu thang nguy hiểm nhất trong số những cầu thang ông biết tới, do đó đã từ lâu ông cố gắng hết sức để khỏi bị trượt chân. Trong lúc lên cầu thang, mắt ông nhìn cho thật rõ các bậc thang của nó và hai tay ông vịn chắc vào tay vịn. Đã nhiều lần ông nẩy ra ý định cần phải thay cầu thang khác để bớt nguy hiểm hơn, nhưng ý định ấy luôn bị trì hoãn tháng này sang tháng tới, vì đối với ông đó là một sự nhượng bộ của tuổi già. Trong lúc năm tháng cứ trôi đi, việc lên xuống cầu thang của ông ngày một tốn thời gian hơn. Bởi không phải vì nhọc sức hơn như là điều ông vội vã giải thích mà vì mỗi lần lên

xuống cầu thang ông phải thận trọng hơn. Tuy nhiên ở cái buổi chiều sau khi dùng cơm trưa với bác sĩ Ucbinô Đaxa trở về, sau cốc rượu ôportô đầy thích thú và tiếp đó một nửa ly rượu màu uống lúc ăn, và nhất là sau cuộc nói chuyện thành công viên mãn, Phlôrêntinô Arixa, với bước đi mạnh mẽ định vượt liền ba bậc một lúc và chính vì thế ông bị trẹo chân trái và bị ngã ngửa. May mà ông không chết. Trong lúc ngã ông còn khá minh mẫn để nghĩ rằng mình sẽ không chết bởi cú ngã này vì trong cái lẽ hợp lôgíc của cuộc đời không thể nào có chuyện hai người cùng yêu say đắm một người đàn bà trong nhiều năm lại cùng chết dưới chính một hình thức và chỉ cách nhau có một năm. Ông có lý khi nghĩ vậy. Người ta bó bột cho ông từ chân lên đến thắt lưng và buộc ông phải nằm yên ở trên giường, nhưng ông vẫn khoẻ mạnh hơn ngay cả trước khi bị ngã. Khi thầy thuốc ra lệnh cho ông phải bất động trong sáu mươi ngày, Phlôrêntinô Arixa không thể tin được rằng mình lại bất hạnh đến như thế.

- Bác sĩ ơi, xin ngài làm ơn đừng bắt tội tôi như thế, - ông van nài. - Hai tháng trời của tôi bằng cả mười năm của ngài đấy.

Đã vài lần Phlôrêntinô Arixa định vùng dậy khỏi giường lê theo cái chân bị bó bột cứng đơ như chân tượng thạch cao, nhưng bao giờ ông cũng bị thực tế đánh gục. Khi đã có thể đi lại được với mắt cá chân

còn đau nhoi nhói và cái lưng tấy đỏ ông vẫn có thừa lý do để mà nghĩ rằng số phận đã thưởng cho tinh thần kiên cường của mình một cú ngã may mắn.

Ngày đau khổ nhất của ông lại là ngày thứ hai đầu tiên. Cái đau đớn nhức nhối đã thuyên giảm và lời chẩn đoán của thày thuốc có sức động viên rất ghê gớm đối với ông, nhưng ông không chịu chấp nhận nỗi bất hạnh không được nhìn thấy Phecmina Đaxa buổi chiều ngày hôm sau. Đó là lần đầu tiên ông sẽ không gặp bà kể từ bốn tháng nay. Nhưng, sau một giấc ngủ trưa, ông hiểu rõ tình trạng thực tế của sức khoẻ mình và thế là ông viết cho bà một bức thư xin lỗi. Lần này ông dùng bút viết trên một thứ giấy thơm bằng một thứ mực óng ánh chất lân tinh để có thể đọc nó trong bóng tối, và không hề xấu hổ ông đã bi thương hoá tính chất ác liệt của cú ngã hòng làm cho bà thương cảm mình hơn. Hai ngày sau, bà có thư trả lời ông với những lời lẽ rất cảm kích, rất đáng yêu, nhưng chỉ có thế thôi, y như trong những ngày vĩ đại của tình yêu. Được lời như cởi tấm lòng, ông bấm chắc lấy thời cơ này và ông lại viết thư cho bà. Khi bà trả lời ông lần thứ hai, ông bèn quyết chí đi xa hơn các cuộc nói chuyện được hẹn hò ngày thứ ba hàng tuần, và ông yêu cầu mắc điện thoại cho mình ngay cạnh giường với lý do là để theo dõi công việc hàng ngày ở hãng tàu thuỷ. Ông bảo cô gái trông máy ở trạm trung tâm nối đường dây để ông nói chuyên với máy điện

thoại ba chữ số ông từng thuộc lòng ngay từ lần gọi đầu tiên. Tiếng chuông reo ở máy bên kia vừa dừng, tiếng nói của người yêu trả lời, nhận ra giọng nói đầy quen thuộc, và sau bạ câu chào hỏi qua loa, nó lại biến mất. Phlôrêntinô Arixa đau khổ trước thái độ hờ hững của người nói ở đầu dây bên kia: một lần nữa hai người trở lại điểm xuất phát ban đầu.

Tuy nhiên, sau đó hai ngày, ông nhận được một bức thư của Phecmina Đaxa trong đó bà yêu cầu ông không nên gọi điện thoại nữa. Những lý do bà đưa ra là rất xác đáng. Ở thành phố này có rất ít điện thoại đến độ việc giao dịch bằng máy điện thoại đều phải qua máy trung tâm chỉ do một người điều khiển do đó người này biết rất rõ từng chủ máy, từ cuộc đời riêng đến những chuyện huyền thoại khác của họ và nếu họ gọi mà không có ở nhà thì chính cô ta sẽ tìm thấy họ ở những máy khác. Dù người nói điện thoại cẩn thận giữ ý giữ tứ, cô ta vẫn biết họ nói chuyện gì, vẫn phát hiện được bao điều bí mật, bao tấn bi kịch được giữ gìn kín đáo nhất, và không có gì đáng phải ngạc nhiên khi thấy cô ta tham dự cuộc đàm thoại để dắt dẫn một quan điểm hay để làm dịu nhẹ những lo âu trong tâm hồn những người nói điện thoại. Mặt khác, trong năm ấy, tờ báo La Huxtixia[1] được thành lập tại thành phố. Đó là một tờ báo hàng

[1] Nghĩa: Công lý.

ngày phát hành vào buổi chiều mà cứu cánh duy nhất của nó là công kích các gia đình quý tộc có tên họ dài dòng, nêu đích tên họ và thẳng tay thoá mạ họ, đó là sự trả đũa của giới chủ vì con cái họ không được Câu lạc bộ Xã hội thừa nhận. Dù đã cố gắng giữ cho cuộc sống của mình thanh sạch, hơn bao giờ hết Phecmina Đaxa vẫn phải giữ gìn khi nói hoặc khi hành động, ngay cả với những người bạn thân tình nhất của bà. Vậy là bằng việc trao đổi thư từ, bà gắn bó với Phlôrêntinô Arixa. Thư từ giữa hai người được trao đổi với nhau rất thường xuyên, và rất khẩn trương đến độ Phlôrêntinô Arixa quên hẳn cái đau nơi chân mình, quên hẳn việc phải nằm bất động ở trên giường, quên tất cả và ông dốc toàn thân toàn sức cho việc ngồi viết thư bên chiếc bàn nhỏ có thể xê dịch thường dùng làm bàn ăn cho bệnh nhân trong các bệnh viện.

Họ lại xưng hô thân mật với nhau, lại trao đổi với nhau những bình luận về cuộc đời mình như trong các bức thư trước đây, nhưng Phlôrêntinô Arixa lại một lần nữa muốn nhanh chóng hơn: ông lấy mũi kim châm tên bà lên đài một bông hoa trà rồi để nó trong thư gửi cho bà. Hai ngày sau, ông thấy nó được trả lại mà không một lời bình. Phecmina Đaxa không tránh được điều đó: bà cảm thấy nó là trò trẻ con. Bà càng cảm thấy như vậy khi Phlôrêntinô Arixa vẫn kiên nhẫn nhắc lại những buổi chiều buồn

ông ngồi đọc thơ ở vườn hoa Lốt Êvăngêliốt, những hộp thư lưu động của bọn họ đặt trên đường từ nhà đến trường, những buổi học thêu dưới những bóng cây hạnh đào. Với nỗi đau đớn trong tâm hồn bà đã nêu nó ra trong một câu hỏi có vẻ vô tình ngay giữa những lời bình luận quen thuộc khác trong bức thư của mình "Vì sao anh vẫn cố tình nói đến cái không tồn tại?". Sau này, bà còn chê trách cái thói bướng bỉnh không chịu để cho mình già đi cùng với tuổi tác một cách tự nhiên. Theo bà, thói ương bướng ấy là nguyên nhân của những sự hấp dẫn và những thất bại của ông trong quá khứ. Bà không hiểu vì sao một người đàn ông đủ khả năng đưa ra những ý nghĩ từng góp phần đắc lực giúp bà chiến thắng tình cảnh goá bụa lại lúng túng khi định áp dụng chúng vào cuộc đời của mình. Giấy má được dùng viết thư hết khá nhiều.

Lúc ấy bà là người định đem đến cho ông những nhiệt tình mới mẻ để ông nhìn thấy tương lai khi bà viết một câu mà ngay ông, trong sự nôn nóng của mình, đã không thể giải thích được: "Hãy để cho thời gian qua đi và lúc ấy chúng ta sẽ thấy cái mà nó đưa đến". Bởi chẳng bao giờ ông là một học trò ngoan như Phecmina Đaxa. Cuộc sống bị buộc phải bất động đến khó chịu, cái ý thức ngày càng sáng rõ về thời gian trôi đi tựa vó câu qua cửa sổ, những mong mỏi sôi nổi được gặp bà, tất cả những thứ đó

đã chứng tỏ cho ông thấy rằng những lo sợ của ông về cú ngã vừa rồi là quá mức so với tình hình thực tế. Ông bắt đầu nghĩ đến thực tế của cái chết dưới một hình thức duy lý hơn.

Cứ hai ngày một lần Lêôna Catxiani giúp ông tắm và thay quần áo pigiama, thụt cho ông, thay chậu nước cho ông, xoa bóp cho ông theo lời chỉ dẫn của thầy thuốc để tránh những bệnh tật khác do việc nằm bất động gây nên. Ngày thứ bảy và chủ nhật hàng tuần, người thay bà lo chăm sóc ông là Amêrica Vicunha, người đến tháng mười hai năm ấy sẽ nhận bằng cô giáo. Ông đã hứa sẽ gửi Amêrica Vicunha đi học ở Alabama mà mọi tốn kém sẽ do hãng tàu thuỷ chịu, phần để lương tâm mình khỏi phải day dứt, phần để khỏi phải đối diện với những lời dị nghị mà cô ta không biết cư xử như thế nào, cũng như đối với những lời giải thích mà ông còn nợ cô. Chẳng bao giờ ông hiểu được cô ta khổ sở biết bao nhiêu trong những đêm mất ngủ ở trường nội trú, trong những ngày cuối tuần không có ông bên cạnh, bởi vì chẳng bao giờ ông hiểu cô đã yêu ông biết nhường nào. Theo công văn của nhà trường, ông biết rằng từ chỗ là người luôn luôn đứng nhất lớp bây giờ cô chuyển xuống đứng bét lớp và trong kì thi cuối cùng suýt nữa cô phải thi lại. Nhưng ông đã chạy trốn trách nhiệm người đỡ đầu của mình: Ông không thông báo gì cho cha mẹ Amêrica Vicunha,

do ý nghĩ về tội lỗi đã ngăn cản ông, và ông cũng không bình luận gì đối với Amêrica Vicunha, vì ông sợ cô gái buộc ông phải chịu trách nhiệm về sự thất bại của cô. Vậy là ông cứ để nguyên mọi chuyện, mặc cho chúng muốn thế nào cũng được. Ông không hề biết rằng mình đã bắt đầu để cho vụ việc của mình cứ dây dưa với hy vọng rằng cái chết sẽ giải quyết tất cả cùng một lúc.

Không chỉ hai người đàn bà lo lắng cho ông, ngay cả chính Phlôrêntinô Arixa nữa, đều phải ngạc nhiên thấy rằng ông đã thay đổi biết bao nhiêu. Chưa đầy mười năm trước đây, ông đã từng cưỡng hiếp một trong những cô phục vụ ngay ở đằng sau cầu thang chính nhà ông, cô ta vẫn đứng và mặc nguyên váy áo đàng hoàng, và với một thời gian ngắn ngủi hơn cả thời gian con gà trống phủ gà mái ông đã làm cô ta thụ thai. Ông buộc phải tặng cô ta một căn nhà đầy đủ tiện nghi để cô ta thề sống thề chết với gia đình rằng tác giả vụ làm cô ta thất tiết này là một chàng trai cô ta mới yêu, người thậm chí chưa hề hôn cô ta lấy một lần, và thế là cha và các ông chú cô ta, vốn là những tay chặt mía cự phách, đã buộc họ phải cưới nhau. Dường như không thể nào hiểu được người đàn ông ấy lại chính là ông mà giờ đây không mảy may xúc động, không mảy may hào hứng trước việc hai người đàn bà từng khiến ông phải run bắn lên vì tình tha hồ vần xấp vần ngửa

ông, tha hồ xoa xà phòng ở bên trên cũng như ở bên dưới người ông, tha hồ dùng khăn bông Hy Lạp lau khô và sau đó xoa bóp khắp người ông. Trước thái độ tỉnh khô của ông, mỗi người đàn bà ấy đều có cách giải thích riêng của mình. Lêôna Catxiani thì nghĩ đó là những triệu chứng báo trước của cái chết. Amêrica Vicunha lại nghĩ đến một nguyên nhân thầm kín mà cô không dám bộc lộ ngay. Chỉ có ông biết rõ sự thật và cái sự thật này có tên gọi hẳn hoi. Dù sao chăng nữa đây cũng là chuyện vô lý: các bà càng đau khổ bao nhiêu trong lúc hầu hạ ông thì ông càng được chăm sóc chu đáo bấy nhiêu.

Chỉ ba ngày thứ ba thôi đã đủ để Phecmina Đaxa nhận ra nỗi trống vắng mà vì thiếu những buổi đến thăm của Phlôrêntinô Arixa đã gây nên cho bà. Bà từng sống khá êm đẹp những giây phút ấy cùng với những người bạn gái thân cận vẫn thường đến thăm bà đúng hẹn, và càng tốt hơn nữa khi mà thời gian ngày càng trôi đi càng khiến bà quên dần những thói quen của người chồng đã quá cố. Lucrêxia đên Rêan đên Obixpô đã đi Panama để khám bệnh đau tai mà không một thứ thuốc nào chữa lành, và sau một tháng bà ta trở về lòng thanh thản hơn nhưng tai nghe không được thính như trước mặc dù đã đeo một ống nghe nhỏ tựa một con quay ở mang tai. Phecmina Đaxa là người bạn gái chịu đựng tốt hơn cả những nhầm lẫn khi nghe hỏi và khi trả lời của

Lucrêxia và chính điều đó đã khích lệ bà ta rất nhiều đến mức không ngày nào là không thấy bà ta xuất hiện ở nhà Phecmina Đaxa vào bất cứ lúc nào. Nhưng Phecmina Đaxa đã không thể lấy bất kỳ ai để thay cho Phlôrêntinô Arixa trong các buổi chiều nao nao lòng buồn nhớ.

Ký ức về quá khứ đã không thoát khỏi tương lai như ông cố tình tin như vậy. Ngược lại: nó củng cố niềm tin vốn có trong Phecmina Đaxa, cái niềm tin khẳng định rằng tình cảm sôi nổi trong lứa tuổi hai mươi kia là một cái gì đó rất cao đẹp nhưng không phải là tình yêu. Bất chấp đức tính chân thành của mình, bà không có ý định bộc lộ cho ông biết, dù dưới hình thức trực tiếp hay dưới hình thức thư từ, và trái tim cũng không đủ giúp bà nói cho ông biết rằng những tình cảm chan chứa dấy lên trong lòng bà sau khi nhận thấy rõ cái sức mạnh cổ vũ to lớn của những suy tư của ông được viết ra trong những bức thư là những tình cảm giả tạo, rằng những trò đùa giỡn nặng chất thơ của ông đã làm giảm giá trị con người ông, rằng thói cố chấp cứ bám lấy quá khứ của ông đã làm hại sự nghiệp của ông. Không: không một dòng trong các bức thư của ông, cũng không một khoảnh khắc nào của tuổi thanh xuân đã mờ phai của ông không khiến bà cảm thấy rằng những buổi chiều thứ ba hàng tuần không có ông lại quá ư dài lê thê như trên thực tế những buổi chiều

không có mặt ông đối với bà là quá ư cô đơn, quá ư ê chề đến độ không thể chịu đựng nổi.

Trong một buổi dọn dẹp ngôi nhà, bà bảo gia nhân đưa chiếc máy thu thanh xuống tàu ngựa đã được cải tạo thành kho chứa đồ cũ. Đó là chiếc máy thu thanh người chồng tặng bà nhân một ngày sinh của bà và vợ chồng bà từng nghĩ sẽ tặng lại nó cho bảo tàng vì lẽ nó là cái đầu tiên có trong thành phố này.

Trong những ngày chịu tang u ám bà đã quyết định không dùng nó, bởi một bà goá mang tên họ ngài không thể nghe bất cứ thứ âm nhạc nào mà lại không làm thương tổn ký ức của người chồng, dù là chỉ nghe thầm thôi cũng vậy. Nhưng ba lần ngày thứ ba qua đi không dùng máy thu thanh, bà lại bảo gia nhân mang nó lên đặt ở phòng khách, và như vậy không phải là để thưởng thức những bài hát trữ tình được truyền đi trên làn sóng của hãng Riôbamba như trước đây vợ chồng bà vẫn thường cùng thưởng thức, mà là để lấp đầy những giờ chết bằng việc nghe đọc những cuốn tiểu thuyết cảm động đến rơi lệ truyền đi từ Săngtiagô đê Cuba. Đó là một việc làm hợp lý vì khi sinh người con gái bà bắt đầu để mất thói quen đọc sách mà người chồng ngay từ chuyến du chơi tuần trăng mật đã nhẫn nại rèn luyện cho bà và khi thị giác giảm sút đi thì bà bỏ hẳn việc đọc sách, nhất là trong mấy tháng liền bà không tìm thấy cặp kính lão.

Bằng hình thức này, bà mê say những cuốn tiểu thuyết được phát trên đài phát thanh Săngtiagô đê Cuba đến mức ngày nào cũng vậy bà khao khát chờ nghe những chương tiếp theo của chúng. Đôi lúc bà nghe tin tức để biết chuyện gì đã xảy ra trên thế giới, và trong những dịp hiếm hoi chỉ có một mình ở nhà bà nghe những điệu nhạc nhảy *Mêrênghê* của Săngtô Đôminhgô hoặc điệu nhạc nhảy *Plêna* của Puêrtô Ricô trong âm thanh nhỏ nhẹ, xa vời và trong trẻo. Có một đêm, trong làn sóng một đài phát thanh chưa được biết bỗng vang lên rõ ràng như ở nhà bên cạnh, bà nghe một tin buồn: một cặp vợ chồng già vui lại tuần trăng mật của mình ở ngay nơi từng diễn ra cách đây bốn mươi năm, đã bị một người lái đò chở họ đi chơi dùng mái chèo đập chết để lấy tiền của các cụ: Mười bốn đồng đôla. Lòng thương hại của bà càng lên đến cao độ khi Lucrêxia đến Rêan đến Obixpô kể cho bà nghe toàn bộ câu chuyện được đăng tải trên một tờ báo địa phương. Cảnh sát tìm thấy hai cụ già đã bị đánh chết, cụ bà bảy mươi tám tuổi, cụ ông tám mươi tư tuổi, vốn là hai người tình từ bốn mươi năm nay vẫn cùng lén lút đi nghỉ hè bên nhau, nhưng cả hai người này đều có cuộc sống vợ chồng êm ấm và hạnh phúc, đều đông đàn dài lũ. Phecmina Đaxa, vốn chẳng bao giờ khóc trước những câu chuyện được truyền thanh, đã phải ngậm ngùi nuốt nước mắt rơi xuống cổ họng bà.

Trong bức thư tiếp theo của mình, Phlôrêntinô Arixa đã gửi trả lại bà mẩu báo có cái tin ấy mà không hề kèm theo một lời bình phẩm nào.

Đó chẳng phải là những dòng nước mắt cuối cùng mà Phecmina Đaxa sẽ phải kìm lại. Phlôrêninô Arixa chưa qua hết thời kỳ an dưỡng sáu mươi ngày thì tờ La Huxtixia, ở ngay trang nhất có kèm theo ảnh của các nhân vật, đã đăng chuyện yêu đương lén lút của bác sĩ Huvênan Ucbinô và Lucrêxia đên Rêan đên Obixpô. Bà suy nghĩ về quan hệ, về sự thường xuyên có mặt, về cách thức xử sự của Lucrêxia, và về trò tiêu khiển mà người chồng của bà ta từng buông thả trong chuyện luyến ái đồng tính với những người da đen ở nhà máy đường của họ. Câu chuyện được in đậm với màu mực đỏ như màu máu đã như một tiếng sét giáng xuống đầu giai cấp quý tộc địa phương. Tuy nhiên, trong bài viết này không hề có lấy một lời cụ thể, sáng tỏ nào nhằm vào bác sĩ Huvênan Ucbinô vì hai người từng là bạn thân của nhau khi đã có chồng có vợ rồi, nhưng chẳng bao giờ họ là người tình của nhau cả. Tóm lại, hình như bài báo không chĩa mũi nhọn vào Huvênan Ucbinô để bôi nhọ danh dự của ngài, người vẫn được đại đa số tôn kính, mà nhằm làm mất thể diện của người chồng Lucrêxia đên Rêan, người vừa được bầu làm chủ tịch Câu lạc bộ Xã hội tuần trước. Câu chuyện tai tiếng này cũng chỉ ồn lên

trong ít giờ mà thôi. Nhưng Lucrêxia đến Rêan không trở lại thăm Phecmina Đaxa và bà này đã giải thích hiện tượng đó như là một lời tự thú.

Tuy nhiên, ngay lập tức người ta hiểu rằng Phecmina Đaxa cũng không thể thoát khỏi những nguy hiểm bị công kích của giai cấp bà. La Huxtixia đã tự để lộ ý đồ công kích bà ngay ở phía yếu nhất của bà: chuyện buôn bán của người cha. Khi ông cụ bị người ta dùng vũ lực trục xuất khỏi thành phố này, bà chỉ được biết một trong những chuyện buôn bán bẩn thỉu của người cha, như là bà Gala Plaxiđia đã nói cho bà biết. Về sau này, khi bác sĩ Huvênan Ucbinô khẳng định điều đó với bà sau cuộc tiếp xúc với quan tỉnh trưởng, thì bà tin rằng cha mình đã là nạn nhân của một vụ vu cáo. Sự việc là thế này: có hai chức sắc của chính quyền mang trát khám nhà đến ngôi nhà ở công viên Lôt Êvãnghêliôt. Bọn họ lục khắp nhà mà chẳng tìm thấy cái cần phải tìm thấy, rồi cuối cùng họ cũng ra lệnh mở cái tủ quần áo có cửa gương trong phòng ngủ cũ của Phecmina Đaxa. Gala Plaxiđia, chỉ có một mình mà chẳng biết phải cầu cứu ai, với lý do không có chìa khoá xin không được mở. Thế là một người trong bọn họ dùng báng súng lục đập vỡ gương và họ phát hiện giữa lớp kính và gỗ là một khoảng trống đựng đầy tiền đôla một trăm đồng. Điều đó là đỉnh điểm của mọi con đường dẫn người ta đến việc đổ cho

Lôrenxô Đaxa là mắt xích cuối cùng của một tội ác có tầm quốc tế rộng lớn. Đó là một vụ đại bịp; bởi vì các tờ bạc này đều có nước in nguyên uỷ của chúng, nhưng chúng đã bị người ta dùng chất hoá học tẩy chữ một đồng và in thay vào một trăm đồng. Lôrenxô Đaxa cố cãi rằng chiếc tủ đựng quần áo ấy được mua sau khi con gái mình lấy chồng và rằng có lẽ chiếc tủ được đưa về nhà cùng với số tiền đã giấu sẵn trong nó rồi, nhưng cảnh sát khẳng định nó được mua ngay từ hồi Phecmina Đaxa còn đi học. Không một ai như ông ta đã biết cách giấu tài sản giả mạo ở phía sau những tấm gương. Đó chính là điều bác sĩ Huvênan Ucbinô kể lại cho vợ mình nghe sau khi đã hứa với quan tỉnh trưởng rằng sẽ đưa ông bố vợ mình về quê để che đậy câu chuyện ồn ĩ này. Nhưng tờ báo còn kể ra nhiều sự kiện hơn.

Tờ báo cho biết rằng trong một trong những cuộc nội chiến ở thế kỉ trước, Lôrenxô Đaxa từng là người liên lạc giữa chính phủ của tổng thống phe Tự do tên là Akilêô Para với một người Ba Lan tên là Giôdep K.Kôrđêniôpxki nào đó, người dừng lại vài tháng trên con tàu Xanh Ăngtoan treo cờ Pháp đậu ở đây, đang định bán cho xong số hàng vũ khí của mình. Kôrđêniôpxki, người sau này nổi tiếng thế giới với cái tên Giôdep Cônrát, không hiểu làm sao đã bắt được liên lạc với Lôrenxô Đaxa, kẻ đã mua số vũ khí ấy bằng tiền của chính phủ, có văn bản đầy

đủ và trả bằng bản vị vàng. Theo sự giải thích của tờ báo, Lôrenxô Đaxa đã làm mất số vũ khí ấy trong một cuộc tấn công bất ngờ và sau đó bán lại với giá gấp đôi cho phe Bảo hoàng đang chống lại chính phủ của phái Tự do.

Tờ La Huxtixia cũng kể rằng Lôrenxô Đaxa mua một chuyến hàng hoàn toàn ủng thừa của quân đội Anh với một giá cực kỳ rẻ mạt vào thời kỳ của tướng Raphaen Rêdêt thành lập Hải quân, và chỉ bằng một vụ làm ăn này trong sáu tháng ông ta đã tăng gấp đôi số vốn của mình. Theo tờ báo, khi hàng cập bến thành phố này, Lôrenxô Đaxa từ chối không nhận vì toàn là ủng một chân bên phải, nhưng nó là một hành động thống nhất khi sở hải quan buộc ông ta phải đồng ý với luật lệ hiện hành, và thế là ông ta mua chúng với giá tượng trưng: một trăm đồng pêxô cả thảy. Cũng chính vào những ngày này, một người đồng loã của ông ta lại mua với những điều kiện ấy toàn bộ số ủng chân trái của một chiếc tầu từ Riôacha đến đây. Sau đó họ xếp ủng thành đôi, Lôrenxô ỷ thế mình là thông gia với những người thuộc dòng họ Ucbinô đê la Cadê, đã bán toàn bộ số ủng ấy cho Hải quân với số lãi gấp hai ngàn phần trăm.

Bài báo đăng trên tờ La Huxtixia khi kết thúc còn nói rằng Lôrenxô Đaxa từ bỏ Xăng Hoan đê la Xiênaga từ thế kỉ trước không vì để đi tìm một không

khí tốt đẹp nhất cho tương lai của cô con gái mình, theo như lời ông ta vẫn thường nói vậy, mà là vì ông ta đã bị người ta phát giác trong việc làm thuốc lá giả rất phát tài bằng cách trộn lẫn sợi thuốc nhập ngoại với sợi giấy được nhuộm nhựa thuốc lá rất khéo mà ngay cả những tay sành sỏi nhất cũng không thể phát hiện được chúng là thuốc rởm. Đồng thời những mối liên hệ với một tổ chức quốc tế bí mật mà hoạt động có hiệu quả nhất ở cuối thế kỉ trước là việc đưa người Tàu từ Panama vào nước ta một cách bất hợp pháp cũng bị phát giác. Ngược lại, chuyện buôn lừa của ông, một việc làm đáng nghi ngờ nhất, lại được coi là hành động cao thượng duy nhất mà ông chưa bao giờ có được.

Khi Phlôrêntinô Arixa rời khỏi giường bất động, lưng vẫn còn bó bột, và lần đầu tiên ông chống cây gậy ba toong thay cho chiếc ô cánh dơi, thì chuyến đi chơi đầu tiên của ông là chuyến đến thăm Phecmina Đaxa. Ông thấy bà lạ hẳn đi, với sự tàn phế của tuổi tác bày ra trên làn da, với nỗi buồn khủng khiếp khiến bà chẳng muốn sống thêm nữa. Bác sĩ Ucbinô Đaxa, trong hai lần đến thăm Phlôrêntinô Arixa trong lúc ông còn bất động, đã nói với ông về nỗi lo lắng mà hai bài báo đăng trên tờ La Huxtixia đã gây cho mẹ mình. Bài thứ nhất gây cho bà một cơn giận dữ kỳ quái trước tình cảm bạc bẽo của người chồng và sự phản bội của người

bạn gái, đến độ bà bỏ thói quen mỗi tháng một ngày chủ nhật đi thăm mộ chồng, bởi vì bài báo đã khiến bà phải hận lòng mà nghĩ rằng ngài nằm trong quan tài không thể nghe được những lời rủa xả mà bà muốn gào thẳng vào mặt ngài: người ta còn muốn gây sự với cả một người chết đấy. Đối với Lucrêxia đen Rêan, bà đã nhắn người, ai cũng được, nói với bà ta rằng bà ta hãy mãn nguyện với việc từng có ít nhất một người đàn ông giữa bao người khác cùng chung chăn gối trên giường bà ta. Về bài báo nói đến Lôrenxô Đaxa thì thật khó mà biết cái gì đã làm cho bà đau khổ hơn: chính bài báo hay là việc phát hiện muộn mằn về bản chất đích thực của người cha. Nhưng một trong hai sự kiện ấy, hoặc cả hai, đã đánh quỵ bà. Mái tóc sáng màu nhôm, từng tôn vẻ mặt cao thượng của bà, nay chỉ là những sợi râu ngô vàng hoe hoe, và đôi mắt đẹp rực sáng như mắt báo cái của bà nay đã mất đi ánh sáng tươi trẻ hoặc tia sáng giận dữ trước đây. Trong mỗi cử chỉ của bà người ta đều nhận rõ ý nguyện không muốn sống thêm của bà. Lâu lắm rồi bà đã bỏ thói quen hút thuốc lá, dù là hút vụng trong phòng tắm được đóng kín cửa hoặc dưới bất cứ hình thức nào, nhưng lần đầu tiên khi bà hút lại thì bà hút trước công chúng với một sự thích thú không thể kìm được. Thoạt đầu bà còn hút thuốc do tay mình cuốn như bà vẫn thích như vậy, sau đó bà hút thứ thuốc thông dụng nhất

được bán ở ngoài chợ, vì bây giờ bà không có thời gian và đủ bình tĩnh để cuộn chúng. Một người đàn ông mà không phải là Phlôrêntinô Arixa sẽ hỏi cái gì đã đặt một tương lai buồn đau trước họ: một cụ già như ông, đã què chân rồi mà lưng còn bị bó bột và một bà già đang đợi chờ không một hạnh phúc nào hơn là hạnh phúc được chết. Nhưng ông đã không hỏi như vậy. Ông nhóm lại một đốm sáng của niềm tin le lói giữa đống đổ vỡ của thảm hoạ, bởi ông cảm thấy rằng nỗi bất hạnh của Phecmina Đaxa càng làm cho bà đẹp hơn, và lòng căm hờn đối với thế giới chung quanh càng sôi sục trong bà đã trả lại cho bà tính cách quật khởi tuổi hai mươi.

Bà lại được dịp để cảm ơn Phlôrêntinô Arixa, vì ngay sau khi các bài báo nhằm mục đích bôi nhọ kia được đăng trên tờ La Huxtixia, ông đã gửi cho toà soạn một bức thư mẫu mực nói về trách nhiệm đạo đức của báo chí và thái độ tôn trọng đối với danh dự người khác. Bài báo này không được đăng nhưng tác giả của nó đã gửi bản sao cho tờ báo *Thương nghiệp*, một tờ báo lâu đời và nghiêm chỉnh hơn cả trong toàn vùng Caribê, và tờ báo này đã trang trọng đăng bức thư của ông ở trang nhất. Ông ký dưới bức thư với bút danh Giuypite. Đó là một bức thư rất có lý, sắc sảo và viết hay đến mức nó được phân phát cho một số nhà văn nổi tiếng của tỉnh nhà. Đó là một lời thầm tình đoàn kết ngay ở giữa trùng khơi nhưng nó

được vang vọng tới thật là sâu sắc và xa vời. Phecmina Đaxa biết ngay là ai là tác giả mặc dù không ai nói cho bà biết bởi vì bà nhận ra một số suy tư và ngay cả một câu nói về đạo đức của Phlôrêntinô Arixa vẫn thường nói hoặc viết cho bà. Vậy là bà đón ông với tất cả niềm vui vừa xanh tươi lại trong khung cảnh bừa bộn của ngôi nhà không được thường xuyên dọn dẹp. Đó cũng là thời kỳ Amêrica Vicunha cảm thấy mình cô đơn trong phòng ngủ ở ngôi nhà trên phố Vênhtanat. Đó là một buổi chiều thứ bảy. Trong lúc cô không có ý lục tìm thư từ và hoàn toàn ngẫu nhiên thôi, cô phát hiện ra những bức thư đánh máy ghi lại những suy tư của Phlôrêntinô Arixa và cả những bức thư viết tay của Phecmina Đaxa để ở trong ngăn kéo không có khoá.

Bác sĩ Ucbinô Đaxa rất hởi lòng hởi dạ trước việc những chuyến đến thăm từng cổ vũ tinh thần người mẹ mình lại được nối lại. Thái độ ấy của bác sĩ hoàn toàn ngược lại với thái độ của Ôphêlia, em gái bác sĩ, người đã từ Tân Oóclêăng trở về trên chuyến tàu chở hoa quả ngay sau khi biết rằng Phecmina Đaxa có quan hệ thân mật với một người đàn ông mà tiếng tăm về đạo đức của người ấy không thuộc loại tốt đẹp nhất. Ngay từ tuần đầu tiên, nỗi lo lắng của Ôphêlia bị khủng hoảng khi bà ta biết mức độ thân mật kiểu gia đình và thái độ đàng hoàng tự chủ mỗi

bận ông đến chơi nhà, khi bà ta biết những trò chòng ghẹo và hờn dỗi của những người đang yêu nhau xảy ra trong suốt buổi đến chơi nhiều khi kéo dài tới tận tối mịt. Điều mà đối với bác sĩ Ucbinô Đaxa là một tình thân mật lành mạnh của hai cụ già cô đơn thì đối với Ôphêlia Ucbinô là một hình thức dơ dáy của sự chung đụng vụng trộm. Ôphêlia Ucbinô bao giờ cũng vậy. Bà ta giống *đônha* Blăngca, bà nội của mình, đến mức bà ta phải là con gái của bà cụ mới đúng. Cũng như bà nội mình, bà ta là người kiêu ngạo và sống theo những định kiến. Bà ta không đủ khả năng thông cảm với tính chất thiện chân trong sáng của một tình bạn giữa một người đàn ông với một người đàn bà ngay cả khi họ mới năm tuổi, và càng không thể hiểu được tình bạn ấy khi họ đã ngoài tám mươi tuổi. Trong một cuộc tranh cãi nảy lửa với người anh trai của mình, bà ta bảo rằng cái duy nhất còn thiếu để cho Phlôrêntinô Arixa an ủi mẹ mình là ông cùng ngủ với bà cụ trên chiếc giường cô đơn. Bác sĩ Ucbinô Đaxa không đủ sức trơ trẽn để đấu khẩu với cô em gái, bao giờ ông cũng thế, nhưng bà vợ ông với một nhận thức phóng khoáng về tình yêu ở bất cứ lứa tuổi nào đã tham gia câu chuyện giữa hai người. Ôphêlia không giữ nổi bình tĩnh, phát khùng lên:

- Tình yêu ở lứa tuổi chúng ta đã nực cười rồi, - bà ta gào lên với người chị dâu, - nhưng ở lứa tuổi các

cụ, tình yêu là một cái gì đó dơ dáy, dơ dáy như những con lợn ấy.

Bà ta quyết chí đuổi cổ Phlôrêntinô Arixa ra khỏi nhà. Điều đó đã đến tai Phecmina Đaxa. Bà cho gọi Ôphêlia lên phòng ngủ, như lâu nay bà vẫn làm thế, để các cô hầu không nghe được câu chuyện giữa hai mẹ con, và bà yêu cầu con gái nhắc lại những lời phỉ báng của mình. Ôphêlia không chịu làm cho không khí bớt căng thẳng đi: bà ta tin rằng Phlôrêntinô Arixa, mà về tiếng tăm rất xấu xa của ông không ai là không biết, đang theo đuổi một quan hệ mờ ám, một quan hệ phương hại đến danh dự gia đình còn hơn cả những hành động tội ác của Lôrenxô Đaxa, và những chuyện mạo hiểm thơ mộng của bác sĩ Huvênan Ucbinô. Phecmina Đaxa chăm chú nghe con gái mà không nói một lời, mà không hề chớp mắt, nhưng khi nghe xong thì bà là một người khác hẳn; bà đã trở về với cuộc đời thực.

- Điều duy nhất mà ta đau lòng là ta không còn sức lực để nện cho cô mấy roi da vì tội dám hỗn láo, - bà nói với con gái, - nhưng ngay bây giờ cô hãy cút khỏi nhà này và ta thề trước hài cốt mẹ ta rằng trong lúc ta còn sống không bao giờ cô được bước chân tới nhà này.

Không gì có thể làm dịu nhẹ cơn giận đang bốc cháy trong lòng bà. Trong khi đó, Ôphêlia sang ở bên nhà ông anh trai, rồi từ đây qua các sứ giả danh

dự bà ta chuyển đến Phecmina Đaxa đủ mọi điều để xin lỗi bà mẹ. Nhưng thảy đều vô ích. Những suy nghĩ chín chắn của con trai, cả sự khuyên giải của các bà bạn thân nhất cũng không làm cho bà phải nao núng ý chí của mình. Phecmina Đaxa đã giãi bày tâm sự của mình bằng một thứ ngôn từ cầu kỳ giàu màu sắc của những năm tháng đẹp nhất của đời bà với người con dâu, người mà bà vẫn giữ được nỗi thông cảm kiểu bình dân: "Một thế kỉ nay người ta đã làm thất bại cuộc đời của ta với người đàn ông đáng thương kia vì lúc ấy chúng ta còn quá trẻ, và giờ đây họ muốn làm lại điều đó đối với chúng ta vì chúng ta đã quá già rồi mà". Bà châm điếu thuốc mới từ đầu mẩu điếu thuốc còn đỏ lửa và bà tự tẩy rửa chất độc từng ngậm nhấm tâm hồn mình.

- Bọn họ hãy cút đi, - bà nói. - Nếu chúng ta, những bà goá, có một thế mạnh nào đó thì đó là việc chẳng còn một ai ra lệnh cho chúng ta nữa.

Chẳng còn gì để làm, Ôphêlia Ucbinô trở về Tân Oócleăng khi bà ta biết rằng chẳng còn cách nào để có thể xin mẹ thứ lỗi cho. Điều duy nhất mà bà ta đạt được trong sự nhân nhượng của bà mẹ là Phecmina Đaxa cho con gái đến chào tạm biệt mình. Phecmina Đaxa chấp nhận lời thỉnh cầu này nhưng không cho bà ta bước chân vào nhà: bà đã thề trước hài cốt của mẫu thân mình, mà đối với bà nó là thứ duy nhất trong sạch trong những ngày u buồn ấy.

Trong một buổi đến chơi, lần đầu tiên, nhân nói đến những con tàu chạy trên sông của mình, Phlôrêntinô Arixa đã mời Phecmina Đaxa làm một chuyến du chơi trên sông để nghỉ ngơi cho lại sức. Thêm một ngày đi tàu hoả có thể đến được thủ đô, mà họ, như phần lớn những người sinh trưởng ở miền duyên hải Caribê, vẫn tiếp tục gọi nó bằng một cái tên được duy trì từ thế kỷ trước: Santa Phe. Nhưng Phecmina Đaxa vẫn còn giữ nguyên những ác cảm của chồng mình và không muốn làm quen với một thành phố giá buốt và âm u, nơi các bà các cô chỉ ra khỏi nhà để đi dự lễ mixa lúc năm giờ, và họ chẳng thể vào hiệu kem và các nơi công cộng vì nó là nơi trên các đường phố lúc nào cũng bị cấm đường bởi có đám tang đi qua, và kể từ những năm có con lừa cái chết cóng thành phố bao giờ cũng có mưa phùn. Quả thật, thành phố thủ đô ấy còn tồi tệ hơn cả Pari. Ngược lại, Phecmina Đaxa cảm thấy mình rất thích sông nước, thích được ngắm những chú cá sấu nằm phơi nắng trên những doi cát bồi ven sông, thích bị đánh thức dậy ngay giữa đêm khuya bởi tiếng khóc giọng đàn bà của những con lợn biển, nhưng ý nghĩ về một chuyến đi chơi cực kỳ gian khổ đối với tuổi của bà, hơn nữa bà lại goá bụa và cô đơn, đã khiến bà nghĩ rằng chuyện du chơi trên sông là chuyện không thực tế.

Khi Phlôrêntinô Arixa lại nhắc lại lời mời, và khi

bà quyết chí sống mà không cần có người chồng, thì lúc ấy bà cảm thấy có thể nhận lời được. Nhưng sau cuộc cãi nhau với người con gái, còn đang phiền lòng về những lời thoá mạ mà thiên hạ dùng để nói về cha mình, còn hờn căm người chồng, còn đang giận dữ đối với những hành động giả nhân giả nghĩa của Lucrêxia đên Rêan, người từng được bà đối xử như người bạn tốt nhất, Phecmina Đaxa cảm thấy mình quá thừa trong chính ngôi nhà của mình. Có một buổi chiều, trong khi uống nước trà, Phecmina Đaxa nhìn ra vũng bùn ở ngoài sân, nơi cái cây gây ra nỗi bất hạnh của bà vẫn chưa đâm chồi lại.

- Điều mà tôi ao ước muốn làm bây giờ là đi khỏi ngôi nhà này, chẳng thà là đi bộ, đi thẳng, đi thẳng, đi thẳng một mạch, và chẳng bao giờ trở lại nữa, - bà nói.

- Vậy thì mời bà hãy đi trên một chiếc tàu thuỷ, - Phlôrêntinô Arixa nói.

- Xin ông hãy nhớ cho rằng điều đó có thể lắm.

Một phút trước đây bà chưa hề nghĩ đến điều đó nhưng bà đã thấy rõ khả năng thực tế để coi nó như việc đã rồi. Người con trai và người con dâu lòng hân hoan hiểu bà. Phlôrêntinô Arixa nhanh chóng nhận thấy rằng Phecmina Đaxa sẽ là một vị khách danh dự trên những chiếc tàu thuỷ của mình, sẽ phải dành riêng cho bà một phòng giường nằm được chuẩn bị chu đáo như chính nhà của bà vậy. Có tiện

nghi sinh hoạt đầy đủ, và một vị thuyền trưởng đích thân lo bảo vệ an toàn và sức khoẻ của bà. Ông mang đến nhà cho bà xem những tấm bản đồ vẽ lộ trình của con tàu để khích lệ bà, những tấm bưu thiếp để xem trong các buổi chiều tàn, những bài thơ do các vị khách trứ danh viết ca ngợi thiên đường nguyên thuỷ của con sông Macgơđalêna. Bà chỉ giở chúng xem qua một lần trong lúc tâm hồn đang lâng lâng vui sướng.

- Ông chẳng nên phỉnh tôi như phỉnh một đứa bé, - bà nói với ông. - Nếu tôi đi là vì tôi đã quyết định, chứ đâu vì những thích thú của cảnh vật.

Khi người con trai khẩn khoản xin bà cho vợ mình cùng đi để chăm sóc mẹ, thì bà gạt phắt đi, nói: "Ta đã quá lớn để chẳng cần ai phải chăm nom cho". Chính bà tự lo liệu cho chuyến đi của mình. Bà cảm thấy thanh thản trong lòng trước ý nghĩ về việc mình được sống tám ngày tàu ngược và năm ngày tàu xuôi với những tư trang không thể thiếu được: một nửa tá váy áo bằng vải bông, những đồ dùng để trang điểm và vệ sinh, một đôi giày dùng khi lên xuống tàu và đôi dép đi trong phòng và không gì hơn: giấc mơ của cuộc đời bà.

Hồi tháng giêng năm 1824 vị thuyền trưởng kỳ cựu nhất, Hoan Becnacđô Onbơc, người sáng lập ra hãng tàu thuỷ, đã treo cờ cho chiếc tàu thuỷ đầu tiên chạy trên sông Macgơđalêna, một chiếc tàu bốn

mươi lăm sức ngựa được gọi là tàu Phiđêliđát[1]. Hơn một nửa thế kỷ sau, vào lúc sáu giờ chiều ngày mồng bảy tháng bảy, bác sĩ Ucbinô Đaxa và bà vợ ngài đã cùng đi với Phecmina Đaxa để lên chiếc tàu thuỷ sẽ đưa bà đi trong chuyến du lịch đầu tiên trên sông của bà. Nó là chiếc tầu đầu tiên được đóng tại các xưởng đóng tàu của địa phương, và Phlôrêntino Arixa đã đặt tên cho nó là Nuvêa Phiđêliđat[2] để kỷ niệm chiếc tàu quang vinh đầu tiên. Không bao giờ Phecmina Đaxa có thể tin được rằng cái tên kia đối với họ, bà và Phlôrêntinô Arixa, rất có ý nghĩa lại chỉ là một sự ngẫu nhiên lịch sử mà thôi, và nó chẳng phải là một ngẫu hứng nữa thêm vào chủ nghĩa lãng mạn hàng ngày của Phlôrêntinô Arixa hay sao.

Vậy là, khác hẳn với những chiếc tàu thuỷ khác, cả cũ lẫn mới, con tàu Nuvêa Phiđêliđat có một phòng phụ ngay bên cạnh phòng của thuyền trưởng. Đó là một phòng khách, rộng rãi và vững chắc, bày đặt đồ nội thất bằng tre đằng ngà, một phòng ngủ của vợ chồng được trang trí bằng những bức tranh hoạ tích Trung Quốc, một phòng tắm có bể tắm và vòi hoa sen, một đài quan sát rất rộng rãi, được che kín có treo những dò dương xỉ, cho người ta một cái nhìn bao quát về phía trước và hai bên mạn tàu, có

[1] Nghĩa: Thuỷ chung.
[2] Nghĩa: Thuỷ chung mới.

hệ thống giảm âm với tác dụng duy trì khung cảnh chung thanh lặng bất chấp cả những tiếng nổ bên ngoài. Cái phòng sang trọng này từng được gọi là Phòng Tổng thống, bởi vì cho đến lúc ấy đã có vị Tổng thống nước Cộng hoà đi trên con tàu này. Phòng này không được sử dụng với mục đích kinh doanh mà ngược lại chỉ được sử dụng với mục đích ưu đãi các quan chức cao cấp và khách quý. Phlôrêntinô Arixa ra lệnh xây dựng nó với mục đích trên ngay từ khi ông được bầu làm chủ tịch Hãng Tàu thuỷ Caribê trong niềm tin thầm kín rằng sớm hay muộn nó sẽ là nơi ẩn trốn đầy hạnh phúc trong chuyến du chơi tuần trăng mật của ông với Phecmina Đaxa.

Ngày lên đường đã đến. Quả nhiên, Phecmina Đaxa ở trong phòng Thống thống với tư thế bà chủ. Viên thuyền trưởng của chiếc tàu, với rượu sâm banh và cá hồi nướng, đã mở tiệc khoản đãi bác sĩ Ucbinô Đaxa và phu nhân, khoản đãi Phlôrêntinô Arixa. Ông ta tên là Điêgô Samaritanô. Thuyền trưởng mặc bộ đồng phục bằng vải lanh trắng. Ông ăn vận chỉnh tề và rất đúng mốt kể từ đôi ủng đến chiếc mũ có gắn huy hiệu của Hãng Tàu thuỷ Caribê thêu chỉ vàng. Cũng như những viên thuyền trưởng chạy tàu trên sông, ông có thân hình vâm váp, có giọng nói sang sảng.

Đúng bảy giờ tối, lệnh xuất phát được ban hành và

Phecmina Đaxa cảm thấy tiếng còi tàu vang vọng kinh khủng đến mức nó làm ù tai trái mình. Đêm qua bà nằm mộng hoài với những điềm gở rợn người đến mức bà chẳng thiết đoán xem chúng nói gì. Ngay sáng tinh mơ hôm ấy bà cho người dẫn mình đến điện Pantêông của trường dòng mà thời ấy có tên là Nghĩa trang La Mangga và bà làm lành với người chồng quá cố. Bà đứng trước phần mộ của ngài và bằng cuộc độc thoại nội tâm bà đã xổ tung hết những lời công kích chính đáng mà bà từng phải nín nhịn. Sau đó bà kể cho ngài biết chuyến du chơi của mình thật tỉ mỉ và cuối cùng bà tạm biệt ngài. Như lâu nay vẫn thường làm trong các chuyến sang châu Âu, bà không muốn cho ai nữa biết để tránh những cuộc tiễn đưa đầy mỏi mệt. Dù đã nhiều lần du chơi xa, lần này bà vẫn cảm thấy như đây là lần đầu mình đi xa. Trong khi ngày càng trôi đi, bà càng cảm thấy mình đơn độc hơn, buồn tủi hơn và bà thèm được đứng một mình để khóc.

Khi tiếng còi tàu vang lên báo đã hết giờ tiễn khách, bác sĩ Ucbinô Đaxa và phu nhân tạm biệt bà mà không hề bi luỵ. Phlôrêntinô Arixa cùng đi với họ đến tận cầu tàu. Bác sĩ Ucbinô Đaxa định nhường bước cho ông đi trước và chỉ đến lúc ấy bác sĩ mới biết rằng Phlôrêntinô Arixa cũng cùng đi trên chuyến tàu của bà mẹ. Bác sĩ không thể giấu nổi tâm trạng bối rối của mình.

- Nhưng, chúng ta vẫn chưa hề thảo luận về chuyện này! - Bác sĩ nói.

Phlôrêntinô Arixa chìa cho ông ta xem chiếc chìa khoá phòng giường nằm của mình với một ý nghĩa rõ ràng rằng nó là một phòng giường nằm trong khu vực chung cho tất cả mọi người. Nhưng bác sĩ Ucbinô Đaxa lại không thấy đấy là một bằng chứng về tinh thần vô tư của Phlôrêntinô Arixa. Bác sĩ đưa mắt sang phía vợ tỏ ý cầu cứu nhưng chỉ được bà vợ đáp lại bằng ánh mắt lạnh lùng. Người vợ, bằng giọng thầm thì, hỏi ông: "Anh mà cũng thế sao?". Đúng, ông ta cũng thế. Cũng như em gái mình ông ta nghĩ rằng tình yêu có thời của nó thôi, nghĩa là, khi về già mà còn yêu nhau thì nó không còn là tình yêu nữa. Nhưng ông ta đã biết phản ứng đúng lúc và bắt tay tạm biệt Phlôrêntinô Arixa với lòng nhẫn nhục chứ không phải với lòng biết ơn như trước đây.

Từ cầu thang phòng khách trên tàu, Phlôrêntinô Arixa nhìn vợ chồng bác sĩ Ucbinô Đaxa xuống tàu. Như điều mong đợi ông nhìn thấy bác sĩ Ucbinô Đaxa cùng phu nhân đã quay lại chào mình trước khi chui vào ôtô. Phlôrêntinô Arixa giơ tay lên vẫy vẫy chào tạm biệt bọn họ. Hai người cũng giơ tay lên vẫy chào ông. Phlôrêntinô Arixa vẫn đứng đấy đợi cho đến khi chiếc ôtô khuất bóng trong đám bụi bốc lên trên sân bốc dỡ. Sau đó ông trở về phòng giường nằm của mình để mặc bộ quần áo khác phù

hợp với bữa cơm tối đầu tiên trên tàu trong phòng ăn riêng của thuyền trưởng.

Đó là một đêm lộng lẫy mà thuyền trưởng Điêgô Samaritanô đã chuẩn bị kỹ với những chuyện vui về cuộc đời bốn mươi năm lái tàu trên sông của ông ta, nhưng Phecmina Đaxa phải gắng gượng lắm để làm ra vẻ mình đang vui thích. Mặc dù còi báo hết giờ tiễn khách đã vang lên từ lúc tám giờ và mặc dù cũng vào giờ ấy những người đi tiễn đã xuống tàu rồi và người ta kéo cầu tầu lên, con tầu vẫn chưa nhổ neo ra đi một khi mà thuyền trưởng chưa ăn xong và chưa trèo lên vị trí chỉ huy để điều khiển toàn bộ thuỷ thủ dưới quyền cho tàu ra khỏi bến cảng. Phecmina Đaxa và Phlôrêntinô Arixa vẫn cứ đứng nguyên ở bao lơn phòng khách, lẫn giữa những hành khách đang ồn ĩ thi nhau nhận diện các ngọn đèn trong thành phố, cho đến khi con tàu ra khỏi vịnh, rồi đi vào con kênh lờ mờ tối sau đó đi trên vùng nước ngầu bùn chơi vơi những ngọn đèn trên thuyền đánh cá, rồi cuối cùng hành khách hít thở không khí thoáng đãng của con sông cả Macgơđalêna. Cũng khi ấy, ban nhạc chơi một bản nhạc dân gian rất thời thượng, và đám hành khách cùng reo vui, rồi đêm khiêu vũ bắt đầu.

Phecmina Đaxa muốn được trốn về phòng giường nằm của mình. Cả đêm ấy bà không nói lấy một lời, và Phlôrêntinô Arixa cứ để mặc cho bà đắm chìm

trong những suy tư của mình. Ông chỉ làm bà phải ngừng suy tư khi ông định chào tạm biệt. Lúc ấy họ đứng trước cửa phòng giường nằm, nhưng bà không buồn ngủ, chỉ hơi rét thôi và bà khẩn khoản đề nghị ông vào phòng của mình một lát để cùng nhau ngồi trên đài quan sát ngắm nhìn dòng sông. Phlôrêntinô Arixa kéo hai chiếc ghế đến cạnh bao lơn, tắt đèn, quàng lên vai bà một chiếc khăn lanh, rồi ngồi xuống bên cạnh bà. Bà cuộn một điếu thuốc lấy sợi từ trong hộp thuốc ông tặng. Bà cuộn rất nhanh đến mức phải ngạc nhiên, rồi bà hút nó bằng cách quay đầu đỏ lửa vào phía trong mồm mà không hề nói năng gì, rồi sau đó bà lại cuộn tiếp một điếu thuốc và hút chúng liên tục. Phlôrêntinô Arixa uống từng ngụm từng ngụm liền hai phích cà phê, cũng không hề nói gì.

Ở phía chân trời ánh sáng thành phố đã tắt lịm. Dòng sông phẳng lặng, những đồng cỏ hai bên bờ thầm lặng phơi dưới ánh trăng, tất cả những thứ ấy được nhìn từ đài quan sát chìm trong bóng tối, đã biến thành một bình nguyên rực sáng ánh lân tinh. Thi thoảng, nổi lên một túp lều lá cọ bên cạnh những đống lửa rực cháy, dấu hiệu cho thấy ở đấy có bán củi cho tàu thuỷ. Phlôrêntinô Arixa vẫn giữ nguyên những ký ức xa mờ của chuyến đi tàu từ thời xuân trẻ của mình, và quang cảnh dòng sông lúc này đã khiến chúng sống dậy trong ánh hào quang rực rỡ

tựa như vừa xảy ra ngay hôm qua. Ông kể lại cho Phecmina Đaxa nghe một vài kỉ niệm cũ những tưởng rằng chúng có thể làm bà vui lên, nhưng bà vẫn trầm tư hút thuốc như đang sống trong một thế giới khác. Phlôrêntinô Arixa không nhắc tới những kỉ niệm cũ của mình và để cho bà sống với thế giới của riêng bà và lúc ấy bà cuộn thuốc và cứ tiếp tục hút thuốc cho đến khi hết cả hộp thuốc sợi. Âm nhạc ngừng từ lúc sau nửa đêm, tiếng ồn ào của hành khách cũng lặng dần và lặng dần cho đến khi chìm đi trong tiếng ngáy ngủ đều đều, và chỉ còn lại hai trái tim trong đài quan sát chìm trong bóng tối, sống theo nhịp tiếng máy nổ phành phạch của con tàu.

Sau một lúc lâu, qua ánh sáng phản chiếu từ lòng sông lên, Phlôrêntinô Arixa nhìn Phecmina Đaxa. Ông thấy bà có vẻ ma quái trong ánh sáng xanh lét đã làm dịu đi nét mặt nhìn nghiêng đăm chiêu của một pho tượng. Thế là ông hiểu rằng bà đang khóc thầm. Đáng lẽ ông phải an ủi bà hoặc đợi cho đến khi bà cạn nước mắt thì ông lại định để bà một mình cô đơn trong nỗi sợ hãi.

- Bà có muốn được ngồi một mình không? - Ông hỏi.

- Nếu muốn vậy thì tôi đã chẳng bảo ông vào đây, - bà nói.

Lập tức ông xoè những ngón tay cóng lạnh trong

bóng tối, lần mò dò tìm một bàn tay khác trong bóng tối và ông đã tìm thấy nó cũng đang trong lúc chờ đợi bàn tay ông. Trong chính khoảnh khắc ấy, cả hai đều khá minh mẫn để nhận ra rằng không một bàn tay nào trong hai bàn tay là cái bàn tay nọ từng mường tượng ra trước khi chúng chạm phải nhau, chúng chỉ là những bàn tay già nua xương xẩu. Nhưng trong khoảnh khắc sau đấy, chúng đã là những bàn tay họ từng mường tượng ra. Bà bắt đầu nói về người chồng đã quá cố, như thể ngài đang sống trong lúc này. Và trong chính cái khoảnh khắc ấy, Phlôrêntinô Arixa biết rằng cũng đã đến lúc với lòng tự trọng, niềm kiêu hãnh, ước vọng sống da diết, bà đang tự hỏi mình sẽ làm gì đây với tình yêu không có người làm chủ nó.

Để khỏi phải rút bàn tay mình ra khỏi bàn tay ông, Phecmina Đaxa không hút thuốc nữa. Bà đang chìm đi trong niềm khát khao được người khác hiểu và thông cảm với mình. Bà không thể cảm thấy một người chồng nào tốt hơn người chồng của bà, tuy nhiên bà lại bắt gặp những nỗi bực lòng nhiều hơn so với những niềm vui của đời mình, một cuộc đời có quá nhiều những sự hiểu lầm nhau, có quá nhiều những cuộc cãi vã vô tích sự, có quá nhiều những trận hờn dỗi không được giải quyết thoả đáng. Bỗng bà thở dài, nói: "Thật khó mà có thể tin được làm thế nào để có biết bao hạnh phúc trong rất nhiều

năm cùng với bao cuộc cãi vã, với bao nhiêu việc làm vô ích mà không biết thực ra nó có phải là tình yêu hay không". Khi bà vừa trút được tâm trạng u buồn của mình thì ai đó đã tắt ánh trăng rồi. Con tàu như một con vật khổng lồ được quan sát cứ chậm rãi tiến bước: chân nọ bước lên chân kia.

- Bây giờ ông hãy về phòng mình đi, - bà nói.

Phlôrêntinô Arixa xiết chặt tay bà, nhướn người về phía bà định hôn lên má bà. Nhưng bà đã kịp né tránh bằng một giọng nói khàn khàn nhưng dịu dàng:

- Đừng, - bà nói, - tôi già rồi.

Bà nghe thấy ông đi ra trong bóng tối, nghe thấy tiếng chân ông trên bậc cầu thang, nghe thấy ông khuất bóng cho đến tận ngày hôm sau. Phecmina Đaxa châm điếu thuốc khác và trong lúc hút thuốc bà nhìn thấy bác sĩ Huvênan Ucbinô mặc bộ đồ lanh trắng còn nguyên nếp là, với diện mạo nghề nghiệp, với cử chỉ dễ thương, với tình yêu quan phương, từ trên một chiếc tàu của quá khứ, giơ mũ lên trong điệu bộ chào vĩnh biệt bà. "Bọn đàn ông các anh chỉ là một số tên nô lệ của các định kiến", - có lần ngài đã nói với bà như thế. - "Ngược lại, khi một người đàn bà đã quyết chí ăn nằm với một người đàn ông thì không một hàng rào nào cô ta không trèo qua, không một thành trì nào cô ta không đạp đổ, không một quan niệm đạo đức nào cô ta không sẵn sàng

chà đạp lên nguyên tắc của nó, tóm lại không có Thượng đế nào đủ sức mạnh ngăn cấm cô ta cả". Phecmina Đaxa vẫn ngồi im như vậy cho đến gần sáng mà nghĩ về Phlôrêntinô Arixa, một Phlôrêntinô Arixa không giống như cái tên lính canh trong công viên Lôt Êvãnghêliôt mà kí ức về nó không đủ sức thay thế ông và nó cũng không khơi dậy một đốm lửa của niềm hoài nhớ trong bà, mà là một Phlôrêntinô Arixa đúng như ông hiện nay: già lão lại què chân nhưng là một con người rất thực, luôn luôn ở trong tầm tay bà nhưng bà không muốn nhận ra ông. Trong lúc con tàu hồng hộc thở đưa bà đi về phía ánh sáng rực rỡ của những bông hồng đầu mùa, điều duy nhất mà bà cầu khẩn Thượng đế là sang ngày hôm sau Phlôrêntinô Arixa biết khởi đầu từ chỗ nào.

Ông đã biết rồi. Phecmina Đaxa bảo người hầu phòng hãy để cho bà ngủ theo ý muốn của mình. Khi thức dậy bà thấy trên bàn kê đầu giường có một bình hoa cắm độc một bông hồng bạch, tươi rói, còn đọng sương đêm và cùng với nó là một phong thư dày cộp nhiều trang giấy mà ông đã có thể viết được kể từ lúc tạm biệt bà. Đó là một bức thư thanh thản, nó chỉ nói điều duy nhất ấy là việc ông thể hiện cái tâm trạng làm ông nghẹt thở từ đêm trước. Bức thư hết sức thơ mộng, hết sức hoa mỹ y như những bức thư khác nhưng khác với những bức thư ấy, bức thư

này rất thực tế.

Phecmina Đaxa đọc nó mà tự xấu hổ với mình trước tiếng đập rộn ràng của con tim. Bà đọc xong bức thư liền bảo người hầu phòng hãy báo cho họ khi nào bà chuẩn bị xong bởi viên thuyền trưởng đã ngồi vào vị trí chỉ huy để trình bày cho họ, bà và Phlôrêntinô Arixa, xem hệ thống hoạt động của con tàu.

Bà chuẩn bị xong vào lúc mười một giờ, tắm rửa sạch sẽ, người thơm mùi xà phòng thơm, mặc bộ đồ quả phụ giản dị và hoàn toàn bình phục sau cơn bão lòng đêm qua. Bà bảo người hầu phòng mặc đồ đồng phục trắng bong, người chuyên phục vụ thuyền trưởng, chuẩn bị bữa điểm tâm giản dị nhưng bà không nhắn anh ta báo thuyền trưởng và Phlôrêntinô Arixa hãy đến đón bà. Một mình bà trèo lên buồng chỉ huy, rực rỡ trong bầu trời quang mây, và bà thấy Phlôrêntinô Arixa đang ngồi nói chuyện với thuyền trưởng ở đấy. Bà thấy ông khác hẳn không chỉ vì bà nhìn ông bằng cái nhìn khác mà còn vì trên thực tế ông đã thay đổi hẳn. Thay cho bộ đồ tang thương ông dùng trong cả cuộc đời mình, bây giờ ông đi đôi giày trắng rất mốt, mặc một chiếc quần trắng và một chiếc áo sơ mi cộc tay cổ bẻ, trên túi ngực thêu tên họ ông, đội một chiếc mũ Xcôtlen, cũng màu trắng, và đeo một cặp kính râm thay cho cặp kính cận vẫn thường dùng lâu nay. Rõ ràng là chúng được mặc

lần đầu tiên và được mua sắm với mục đích dùng trong chuyến du chơi này, ngoại trừ chiếc thắt lưng da rái cá, rất cũ kỹ đến mức Phecmina Đaxa, ngay từ cái nhìn đầu tiên, đã thấy nó khó coi tựa như con ruồi trong bát súp. Khi thấy ông như vậy, ăn mặc hết sức bảnh để chỉ riêng cho bà ngắm, bà đã không thể ghìm được luồng máu nóng râm ran chảy lên mặt. Bà bối rối khi chào ông và ông càng bối rối hơn trước thái độ bối rối của bà. Ý thức về việc họ đang xử sự với nhau như hai người yêu càng làm cho họ bối rối thêm và ý thức về việc cả hai người đang bối rối càng làm cho họ bối rối thêm nữa đến mức viên thuyền trưởng Điêgô Samaritanô đã nhận ra điều đó với lòng thông cảm sâu sắc. Ông ta đã kịp thời lôi họ ra khỏi tình trạng khó xử ấy bằng việc giải thích cho họ hiểu cách thức chỉ huy và cơ chế chung của con tàu trong hai giờ liền. Bọn họ đi chậm rãi trên một con sông rộng không bờ khuất sau những bãi cát trải rộng đến tận chân trời. Nhưng ngược lại với những sóng nước ngầu bọt do con tàu đi qua gây nên, nước trên sông lúc này chảy lừ đừ chậm chạp và nó trong vắt, ngời sáng, lấp lánh như ánh kim loại dưới nắng ban trưa chói chang. Phecmina Đaxa có cảm giác nó là một châu thổ dầy đặc những cồn cát trắng.

- Đó là số ít ỏi mà chúng ta còn có được nhờ con sông này, - viên thuyền trưởng nói.

Quả nhiên, Phlôrêntinô Arixa đang rất ngạc nhiên trước những thay đổi, và ngày hôm sau ông lại càng ngạc nhiên hơn khi con tàu đi ngày càng khó khăn hơn và ông nhận thấy rằng con sông cả Macgơđalêna, một trong những con sông lớn nhất thế giới, chỉ còn là ảo ảnh trong ký ức mà thôi. Thuyền trưởng Điêgô Samaritanô đã giải thích cho bọn họ biết nạn phá rừng vô lý đã phá hoại con sông này như thế nào trong năm mươi năm liền: nồi hơi những con tàu chạy trên sông đã nuốt hết cả cánh rừng rậm rạp những cây cao bóng cả mà Phlôrêntinô Arixa trong chuyến du lịch đầu tiên của mình đã cảm thấy không khí nơi này ngột ngạt đến tức thở. Phecmina Đaxa không thấy những con vật bà từng mơ ước được nhìn ngắm: những thợ săn thú lấy da thuộc ở Tân Oóclêăng tới đây đã tiêu diệt những chú cá sấu già vờ chết trên các bãi cát miệng há hốc hàng giờ và hàng giờ để đớp lấy những con bướm bay qua; những chú vẹt với tiếng hót lảnh lót và những chú khỉ với tiếng kêu phấn khích đều đã chết dần chết mòn vì rừng rậm âm u bị đốn hết cây cao bóng cả; những con lợn biển với bộ vú khổng lồ của người mẹ đang cho các con bú và thường rên rỉ với tiếng khóc của người đàn bà đau khổ cũng đã bị tiêu diệt bởi đạn của những kẻ đi săn chỉ để mà săn.

Đối với những con lợn biển này thuyền trưởng Điêgô Samaritanô yêu chúng với tấm lòng người

Quả nhiên, Phlôrêntinô Arixa đang rất ngạc nhiên trước những thay đổi, và ngày hôm sau ông lại càng ngạc nhiên hơn khi con tàu đi ngày càng khó khăn hơn và ông nhận thấy rằng con sông cả Macgơđalêna, một trong những con sông lớn nhất thế giới, chỉ còn là ảo ảnh trong ký ức mà thôi. Thuyền trưởng Điêgô Samaritanô đã giải thích cho bọn họ biết nạn phá rừng vô lý đã phá hoại con sông này như thế nào trong năm mươi năm liền: nồi hơi những con tàu chạy trên sông đã nuốt hết cả cánh rừng rậm rạp những cây cao bóng cả mà Phlôrêntinô Arixa trong chuyến du lịch đầu tiên của mình đã cảm thấy không khí nơi này ngột ngạt đến tức thở. Phecmina Đaxa không thấy những con vật bà từng mơ ước được nhìn ngắm: những thợ săn thú lấy da thuộc ở Tân Oóclêăng tới đây đã tiêu diệt những chú cá sấu già vờ chết trên các bãi cát miệng há hốc hàng giờ và hàng giờ để đớp lấy những con bướm bay qua; những chú vẹt với tiếng hót lảnh lót và những chú khỉ với tiếng kêu phấn khích đều đã chết dần chết mòn vì rừng rậm âm u bị đốn hết cây cao bóng cả; những con lợn biển với bộ vú khổng lồ của người mẹ đang cho các con bú và thường rên rỉ với tiếng khóc của người đàn bà đau khổ cũng đã bị tiêu diệt bởi đạn của những kẻ đi săn chỉ để mà săn.

Đối với những con lợn biển này thuyền trưởng Điêgô Samaritanô yêu chúng với tấm lòng người

mẹ, vì ông cảm thấy chúng giống như các bà bị trừng trị vì một vài lầm lỗi nào đó trong tình yêu và qủa thật ở đây từng lưu truyền chuyện cổ tích nói rằng chúng là những người con gái không có chồng trong vương quốc những thú vật. Bao giờ cũng vậy, ông luôn luôn phản đối những kẻ đứng trên boong tàu nã súng bắn bừa những con lợn biển, bất chấp lệnh cấm. Có một người đi săn người vùng Bắc Carôlina[1], đến đây mang theo hộ chiếu hẳn hoi, đã không tuân theo lệnh ông, bằng một phát súng chính xác của khẩu Xpringphiên bắn vỡ toang sọ một con lợn biển và bày con của nó kêu khóc thảm thiết bên xác mẹ. Viên thuyền trưởng ra lệnh mang con lợn con lên để ông nuôi và đồng thời buộc kẻ đi săn kia phải xuống khỏi tàu tại bãi cát hoang vắng ngay bên cạnh thây ma con lợn mẹ bị bắn chết. Thuyền trưởng phải vào tù sáu tháng và suýt bị tước bằng lái tàu vì cơ quan ngoại giao nước nọ đã có công hàm kháng nghị, nhưng khi được trả tự do, ông vẫn lái tàu và sẵn sàng lặp lại hành động nhân đạo trên nếu có ai lại vi phạm lệnh cấm bắn lợn biển. Tuy nhiên, câu chuyện kia đã là một chuyện dã sử: con lợn biển mồ côi mẹ kia, vốn được nuôi lớn và sống rất nhiều năm trong vườn bách thú ở Săng Nicôlat, là con vật cuối cùng được nhìn thấy sống trên sông nước.

[1] Một địa phương thuộc Hoa Kỳ.

- Cứ mỗi bận cho tàu qua đây, - thuyền trưởng nói, - tôi cầu khẩn Thượng đế hãy cứ để cái anh chàng người Mỹ kia lên tàu của tôi để tôi lại thả hắn xuống đây.

Phecmina Đaxa, vốn không có thiện cảm với thuyền trưởng đã cảm động khôn xiết trước tình thương bao la của ông đến mức ngay buổi sáng ngày hôm ấy bà đã dành một chỗ trang trọng cho ông trong trái tim mình. Bà làm điều đó rất chí lý. Chuyến đi vừa mới bắt đầu mà bà đã gặp nhiều dịp tốt để khẳng định rằng mình không nhầm.

Phecmina Đaxa và Phlôrêntinô Arixa ngồi ở phòng chỉ huy cho đến giờ ăn trưa nhưng họ còn nán lại cho đến khi con tàu đi qua làng Calama, vốn là một làng chỉ cách đây ít năm còn đông vui lắm và nay chỉ còn là một bến cảng tiêu điều với những phố hiu quạnh. Người duy nhất mà từ trên tàu có thể nhìn thấy là một người đàn bà vận đồ trắng đang giơ khăn tay vẫy con tàu. Phecmina Đaxa không hiểu vì sao người ta không màn tàu vào bờ để đón người ấy lên, vì hình như người ấy đang đau khổ, nhưng thuyền trưởng kịp giải thích cho bà biết rằng đó chỉ là bóng ma của một người đàn bà chết đuối vẫn thường làm hiệu như vậy để cho tàu đi vào vũng xoáy nước rất nguy hiểm ở bờ bên kia. Con tàu đi rất gần bóng ma đến mức Phecmina Đaxa nhìn quá rõ, rõ từng chi tiết một, nó rực rỡ dưới ánh nắng và

bà không nghi ngờ rằng trên thực tế lại không có thật, nhưng gương mặt bóng ma ấy dường như bà thấy nó quen quen.

Đó là một ngày dài lê thê và nắng nóng. Sau bữa cơm trưa, Phecmina Đaxa trở về phòng giường nằm để ngủ giấc ngủ trưa không thể bỏ qua được. Nhưng bà không tài nào ngủ được vì bệnh đau tai càng đau rức hơn trước tiếng còi đinh tai mà hai con tàu của Hãng Tàu thuỷ Caribê rúc vang để chào nhau. Chiếc tàu kia đang đi về làng Barăngca Viêha. Phlôrêntinô Arixa ngủ thiếp đi trong một lúc ngay trên chiếc ghế trong phòng khách chính là nơi phần lớn hành khách không mua vé giường nằm đang ngủ như lúc nửa đêm và ông mơ thấy Rôsanba ở ngay gần chỗ ông. Ông thấy bà ta lên tàu. Bà ta đi một mình, mặc bộ đồ mốt từ thế kỷ trước, và bà chứ không phải đứa bé là người đang ngủ trong chiếc lồng treo trên mạn tàu. Đó là một giấc mơ rất thần bí lại vui vui đã theo ông suốt buổi chiều trong lúc ông chơi đôminô với thuyền trưởng và hai hành khách cùng đi.

Vào lúc mặt trời lặn, không khí trở nên mát mẻ hơn và con tàu sống lại. Hành khách như vừa từ trạng thái vật vờ tỉnh lại, vừa tắm rửa xong và ăn vận quần áo sạch sẽ, ngồi vào những chiếc ghế trong phòng khách chính đợi bữa cơm chiều vốn được một gã bồi tay cầm chiếc chuông của tu sĩ coi giữ nhà thờ đi từ đầu này đến đầu kia rung chuông báo giờ

ăn tối ngay từ lúc năm giờ đúng. Trong lúc hành khách ăn cơm, ban nhạc chơi nhạc nhảy phanđănggô, và buổi khiêu vũ kéo dài cho đến tận nửa đêm.

Phecmina Đaxa không muốn ăn cơm tối trong tiếng nhạc nhảy ồn ĩ đến khó chịu, bỏ đi xem người ta lấy củi lên cho nồi hơi tại một bờ sông trơ trọi nơi chỉ có những khúc gỗ xếp chồng lên nhau và một cụ già bán hàng. Quanh đấy và xa hơn nhiều dặm đường hầu như chẳng có thêm một ai. Đối với Phecmina Đaxa, đây là một chuyến bốc củi lên tàu thật là chậm chạp và tẻ ngắt, không thể nghĩ là sẽ xảy ra đối với những chuyến tàu viễn dương của châu Âu, và ở đây nóng lắm, nóng đến mức có thể nghĩ rằng mình đang ở trong đài quan sát. Nhưng khi con tàu tiếp tục đi, một cơn gió mát thơm lựng hương rừng thổi tới và âm nhạc chơi càng náo nhiệt hơn. ở làng Xitiô Muêvô chỉ le lói một ánh đèn ở một cửa sổ duy nhất của một ngôi nhà, và ở trụ sở bến cảng không thấy có tín hiệu gì chứng tỏ có hành khách hoặc hàng hoá sẽ lên tàu. Vậy là con tàu này cứ việc đi thẳng, chẳng kéo còi chào bến cảng.

Cả buổi chiều ấy, Phecmina Đaxa tự hỏi lòng mình làm thế nào có thể báo cho Phlôrêntinô Arixa biết để đến thăm bà mà chẳng phải gõ cửa và đến tám giờ tối, hầu như bà không thể chịu nổi trước khát khao cháy bỏng trong lòng được ở gần ông. Bà

bước ra hành lang tàu với hy vọng gặp được ông trong một hình thức tưởng như là ngẫu nhiên và bà chẳng phải đi nhiều: Phlôrêntinô Arixa đang ngồi trên chiếc ghế dài có lưng tựa kê ở hành lang, lặng lẽ và buồn rười rượi như hồi ngồi ở công viên Lốt Êvăngheliôt mà tự hỏi lòng làm thế nào để gặp được bà từ hơn hai giờ rồi. Cả hai đều có những cử chỉ ngạc nhiên mà cả hai đều biết là phỉnh thôi, và họ cùng nhau trèo lên boong thượng đông nghịt thanh niên, phần lớn là sinh viên nhộn nhạo đang thả sức vui chơi trong dịp vui cuối cùng của những ngày nghỉ. Trong quán căng tin, Phlôrêntinô Arixa và Phecmina Đaxa, ngồi đối diện với quầy bán hàng, uống một chai nước ngọt và ngay lập tức bà thấy mình đang ở trong một tình cảnh đáng sợ hãi. Bà bảo: "Ôi sợ quá đi mất". Phlôrêntinô Arixa hỏi bà nghĩ về cái gì mà sợ đến như vậy.

- Về các cụ già đáng thương, - bà nói. - Những người bị đập chết bằng mái chèo ở trên thuyền.

Sau một buổi trò chuyện thoải mái trong đài quan sát không thắp đèn, và khi âm nhạc ngừng chơi, cả hai cùng đi ngủ. Đêm không trăng. Bầu trời nặng trĩu mây đen và ở phía chân trời nhì nhằng ánh chớp từng soi sáng bọn họ trong khoảnh khắc. Phlôrêntinô Arixa cuốn thuốc cho bà nhưng bà chỉ hút bốn điếu thôi, người đang bị tra tấn bởi cơn đau mà thi thoảng có dịu đi đôi chút nhưng lại đau dữ

dội hơn mỗi bận con tàu rúc còi chào con tàu khác nó gặp trên đường đi, hoặc nó đi qua một làng đang ngủ, hoặc khi nó dò dẫm đi để dò lòng sông. Ông kể cho bà nghe về những bận mình nhìn thấy bà trong các Dạ hội Thi ca, trong dịp bà đi trên bóng thám không, trong dịp bà đi xe đạp ẩy chân với biết bao thèm khát, và cũng với bao thèm khát ông đợi chờ các ngày hội trong suốt cả năm chỉ là để được nhìn thấy bà. Và bà cũng kể rằng mình từng nhìn thấy ông rất nhiều lần nhưng không nghĩ rằng ông có mặt tại đấy cốt chỉ để nhìn bà. Tuy nhiên, hầu như chưa được một năm, kể từ độ bà đọc các bức thư của ông, bà tự hỏi ngay lập tức làm sao chẳng bao giờ thấy ông gửi thơ để tham gia các cuộc thi Dạ hội Thi ca, vì dứt khoát ông sẽ giành được giải. Phlôrêntinô Arixa nói dối bà: chỉ viết cho bà, đó là những bài thơ cho bà, và chỉ một mình ông đọc chúng mà thôi, thế là bà chứ không phải ông là người tìm bàn tay ông trong bóng tối và không thấy nó ở trạng thái đón chờ như bà từng đón chờ bàn tay ông đêm qua. Bà đã làm ông bị bất ngờ. Hành động ấy làm ông nhói buốt tới tận tim.

- Ôi, đàn bà thật đến lạ, - ông nói.

Bà buột một tiếng cười sâu lắng, tiếng cười của con bồ câu trẻ trung, rồi bà lại nghĩ đến những cụ già bị chết trên chiếc thuyền. Điều đó đã được viết rõ: cái hình ảnh ấy luôn luôn bám riết lấy bà. Nhưng

đêm ấy bà đã rũ bỏ được nó vì bà cảm thấy mình khoẻ mạnh và tâm hồn thanh thản, như có rất ít dịp bà cảm thấy như vậy: rửa sạch mọi tội lỗi. Đáng lẽ ra bà sẽ ngồi như thế cho đến khi trời sáng, lặng lẽ mà không nói năng gì, tay để trong bàn tay ông, cái bàn tay lúc ấy đang ra mồ hôi lạnh, nhưng bà không chịu nổi cơn đau nhức nhối trong tai. Vậy là khi âm nhạc ngừng, và sau đó công việc mắc võng của những hành khách không vé giường nằm trong phòng khách chính kết thúc, bà hiểu rằng cơn đau tai của mình còn lớn hơn cả những mong muốn được ở bên cạnh ông. Bà biết rằng chỉ riêng việc nói với ông về điều đó thì cơn đau của mình cũng sẽ thuyên giảm nhưng bà không muốn làm ông bận tâm. Vậy là chính lúc ấy bà có cảm nhận rằng mình hiểu biết rất rõ về ông như thể bà sống cả đời với ông và bà tin rằng ông đủ khả năng ra lệnh cho con tàu quay trở về cảng thành phố nếu như việc làm ấy có thể chữa bà khỏi cơn đau.

Phlôrentinô Arixa từng biết rằng đêm ấy tất phải xảy ra những chuyện như thế và ông đứng dậy để tạm biệt bà. Ra đến cửa phòng rồi ông định tạm biệt bà bằng một nụ hôn, lúc này ông thở hí ha hí hớp, và bà lại chìa má bên kia với vẻ tình tứ mà ông không được biết đến từ hồi bà còn đi học. Thế là ông lại cố đòi lần thứ hai, bà chìa môi đón nhận nụ hôn của ông. Bà nhận nó với một sự rung động sâu

đêm ấy bà đã rũ bỏ được nó vì bà cảm thấy mình khoẻ mạnh và tâm hồn thanh thản, như có rất ít dịp bà cảm thấy như vậy: rửa sạch mọi tội lỗi. Đáng lẽ ra bà sẽ ngồi như thế cho đến khi trời sáng, lặng lẽ mà không nói năng gì, tay để trong bàn tay ông, cái bàn tay lúc ấy đang ra mồ hôi lạnh, nhưng bà không chịu nổi cơn đau nhức nhối trong tai. Vậy là khi âm nhạc ngừng, và sau đó công việc mắc võng của những hành khách không vé giường nằm trong phòng khách chính kết thúc, bà hiểu rằng cơn đau tai của mình còn lớn hơn cả những mong muốn được ở bên cạnh ông. Bà biết rằng chỉ riêng việc nói với ông về điều đó thì cơn đau của mình cũng sẽ thuyên giảm nhưng bà không muốn làm ông bận tâm. Vậy là chính lúc ấy bà có cảm nhận rằng mình hiểu biết rất rõ về ông như thể bà sống cả đời với ông và bà tin rằng ông đủ khả năng ra lệnh cho con tàu quay trở về cảng thành phố nếu như việc làm ấy có thể chữa bà khỏi cơn đau.

Phlôrêntinô Arixa từng biết rằng đêm ấy tất phải xảy ra những chuyện như thế và ông đứng dậy để tạm biệt bà. Ra đến cửa phòng rồi ông định tạm biệt bà bằng một nụ hôn, lúc này ông thở hí ha hí hớp, và bà lại chìa má bên kia với vẻ tình tứ mà ông không được biết đến từ hồi bà còn đi học. Thế là ông lại cố đòi lần thứ hai, bà chìa môi đón nhận nụ hôn của ông. Bà nhận nó với một sự rung động sâu

lắng mà ngay lúc đó bà định dìm tắt nó bằng tiếng cười từng bị quên lãng kể từ đêm tân hôn.

- Trời ơi! - Bà nói, - ở trên tàu thuỷ sao tôi lại điên dại thế.

Phlôrêntinô Arixa rùng mình, đúng như thế, như chính bà đã nói. Ông cũng có cái mùi chua của tuổi già. Tuy nhiên, trong lúc đi về phòng giường nằm của mình, len lỏi giữa những chiếc võng hành khách đang nằm ngủ, ông tự an ủi bằng ý nghĩ có lẽ ông cũng có cái mùi chua ấy, chỉ có điều là ông già hơn bà bốn tuổi, và rằng có lẽ bà cũng cảm nhận ra nó với chính nỗi rung động ấy. Đó là mùi lên men của con người mà ông đã cảm nhận ở những người tình già của mình và nó cũng là cái mùi mà các bà nhận thấy ở chính ông. Bà quả phụ Naxarét, người mà ông chẳng còn giữ lại một kỷ niệm nào, đã nói với ông về điều đó một cách thô lỗ: "Người chúng mình đều hôi mùi con gà rồi". Cả hai người đều phải chịu đựng lẫn nhau bởi vì họ ở gần kề nhau: mùi của tôi kỵ cái mùi của bà. Ngược lại, rất nhiều lần ông chăm sóc Amêrica Vicunha, mà cái mùi trẻ thơ của cô đã thức dậy trong ông tâm hồn người mẹ, tuy nhiên cái ý nghĩ cho rằng cô gái sẽ không thể chịu nổi cái mùi của ông: mùi ông già chơi trống bỏi, khiến ông lo lắng. Nhưng tất cả những thứ ấy đều đã qua rồi, đã thuộc về quá khứ rồi. Điều quan trọng là lần đầu tiên kể từ buổi chiều bà cô Excôlaxtica để

lại chiếc túi da thằn lằn ở quầy bàn điện báo, Phlôrêntinô Arixa chưa bao giờ lại cảm nhận một niềm hạnh phúc như niềm hạnh phúc đêm ấy: rất tràn trề đến độ ông đâm sợ.

Ông chỉ vừa mới ngủ thì người kế toán trên tàu đã đánh thức ông dậy ngay tại cảng Xambranô vào lúc năm giờ sáng để giao cho ông bức điện khẩn. Bức điện ấy được Lêôna Catxiani ký tên, được đánh đi từ ngày hôm trước, và tất cả sự sợ hãi của ông tập trung vào một dòng: Amêrica Vicunha đã chết hôm qua, lý do không thể giải thích được. Vào lúc mười một giờ sáng, ông được biết rõ các tình tiết của câu chuyện nhờ cuộc nói chuyện qua điện báo với Lêôna Catxiani. Trong cuộc nói chuyên này chính ông đã trực tiếp ấn cần manip mà lâu nay ông không hề làm. Amêrica Vicunha, vì phải thi lại trong kỳ thi cuối cùng đã thất vọng đến mức không muốn sống, uống cả một chai cồn thuốc phiện lấy cắp được của trạm xá nhà trường. Từ trong đáy sâu tâm hồn mình, Phlôrêntinô Arixa biết rằng cái tin này là không đầy đủ. Nhưng không: Amêrica Vicunha không để lại một bút tích rõ ràng nào để có thể kết tội ai cả trong quyết định của cô ta.

Từ cảng Padrê, gia đình đã tới đây trong lúc ấy và đám tang sẽ được cử hành vào lúc năm giờ chiều. Phlôrêntinô Arixa thở phào. Điều duy nhất có thể làm được để tiếp tục sống là không được phép vì ký

ức mà có lấy một hơi thở dài não nề. Ông xoá nó khỏi ký ức mình, dẫu rằng đôi lúc trong phần đời còn lại của mình bỗng nhiên ông cảm thấy nó sống lại như cái nhói đau chốc lát của một vết sẹo cũ mà không hề biết trước.

Những ngày tiếp theo oi nóng và dài lê thê. Dòng sông trở nên chảy xiết và ngày càng thu hẹp lòng lại, và ở nơi trước đây là những cánh rừng cây cao bóng cả từng khiến Phlôrêntinô Arixa phải ngạc nhiên trong chuyến du lịch đầu tiên nay chỉ còn là những cánh đồng bạc màu, những cánh rừng tàn hoang bởi nồi hơi những con tàu thuỷ đã ngốn sạch gỗ của chúng, những đống đổ nát của bao làng mà dân cư đã phiêu bạt đi đâu hết, mà những con đường của chúng vẫn tiếp tục lầy bùn ngay cả trong những thời kỳ hạn hán gay gắt nhất. Về ban đêm bọn họ thức dậy không vì tiếng hát của những con lợn biển trên các bãi cát mà chính vì mùi thối đến nôn mửa của những tử thi lềnh bềnh nổi đang trôi về xuôi ra biển. Bởi không còn nội chiến cũng chẳng còn dịch bệnh nhưng những xác người trương phình vẫn cứ trôi về xuôi. Lần đầu tiên thuyền trưởng tỏ ra thận trọng nói: "Chúng tôi đã có lệnh được loan báo cho hành khách biết đó là những người chết đuối". ở nơi ngày trước, là những tiếng hót líu lo của vẹt và những tiếng hú ồn vang của khỉ từng có lúc góp phần làm cho khung cảnh ngay giữa ban ngày đã

buồn càng thêm ủ ê hơn thì nay chỉ còn lại khung cảnh thanh vắng đến rợn người của một miền đất hoang vu.

Trên lộ trình của con tàu có rất ít nơi bán củi và những nơi này lại ở cách xa nhau đến mức con tàu Nuêva Phiđêliđat sang ngày thứ tư phải dừng lại vì thiếu nhiên liệu. Nó phải dừng lại gần hết một tuần lễ trong lúc các đội thuỷ thủ của nó phải lặn lội qua những đồng lầy để mò vào rừng tìm đốn những cây gỗ còn sót lại rải rác đây đó. Không còn cách nào khác hơn: ba tiều phu đã rời bỏ những xóm nhỏ của mình để chạy trốn bọn địa chủ tàn bạo, để chạy trốn bệnh thổ tả, để chạy trốn những cuộc chiến tranh còn trong tình trạng trứng nước mà chính phủ muốn che giấu đi bằng sắc luật xuyên tạc sự thật. Trong khi đó, các hành khách vì quá chán ngán phải đợi chờ, đã tổ chức các cuộc thi bơi, các cuộc đi săn, rồi trở về mang theo những chú kỳ đà sống mà sau đó họ mổ bụng lấy kim chỉ khâu lại sau khi đã moi các buồng trứng, những quả trứng bóng nhẫy và mềm mại, đem chúng phơi khô ở bao lơn tàu. Các cô điếm nghèo ở các làng lân cận nhanh chóng loan báo tin cho các quán hàng ở trên bờ và các quán này liền đến lập cửa hàng ăn uống có kèm theo âm nhạc ở ngay trước mặt con tàu phải đỗ lại chờ củi.

Ngay từ trước khi làm chủ tịch Hãng Tàu thuỷ Caribê, Phlôrêntinô Arixa đã nhận được những

thông báo tỉ mỉ về tình trạng báo động của con sông nhưng hầu như ông không đọc chúng. Ông an ủi những người góp cổ phần của mình: "Xin các vị đừng lo, khi nào hết củi lúc ấy đã có tàu thuỷ chạy bằng dầu rồi". Chẳng bao giờ ông để tâm suy nghĩ về vấn đề này vì ông đang lúc đam mê Phecmina Đaxa, và khi biết rõ sự thật thì đã muộn mất rồi. Về ban đêm, ngay cả những ngày đầy nước, cần phải buộc chắc phao vào người để mà ngủ và thế là người ta lại càng cảm thấy không thể nào chịu nổi ngay với cả một hành động giản đơn để bảo vệ tính mạng mình. Phần lớn hành khách, nhất là người châu Âu, rời khỏi các phòng giường nằm nóng như muốn mục người ra của mình, và họ thức suốt đêm đi đi lại lại trên boong thượng và họ dùng chính chiếc khăn lau mồ hôi để đuổi muỗi, sáng ra người họ phờ phạc, nổi mẩn đỏ những nốt muỗi đốt. Một hành khách từ hồi đầu thế kỷ XIX, để đề cập về chuyến đi liên vận giữa thuyền độc mộc và lừa, vốn kéo dài tới năm mươi ngày, đã viết rằng: "Đây là một trong những chuyến du lịch vất vả và khó chịu nhất mà một người đã có thể tiến hành được". Hiển nhiên đây là một trong những chuyến đi đầu tiên khó khăn trong suốt chín mươi năm của lịch sử du lịch đường sông, và nó sẽ lại luôn luôn gặp khó khăn như vậy khi những con cá sấu đớp đến những con bướm cuối cùng, khi những con lợn biển chết hết,những con vẹt

chết hết, những con khỉ chết hết: tất thảy đều hết.

- Không sao cả, - viên thuyền trưởng cười, - trong khoảng vài năm nữa chúng ta sẽ đi du lịch trong những chiếc ôtô bóng lộn trên dòng sông khô nước này.

Ba ngày đầu Phecmina Đaxa và Phlôrêntinô Arixa được hưởng không khí dịu mát như không khí ngày xuân của đài quan sát đóng kín mít nhưng khi củi hết và hệ thống điều hoà nhiệt độ bị hỏng thì phòng Tổng thống này liền biến thành một quán cà phê nghi ngút hơi nóng. Bà sống qua các đêm nhờ ngọn gió mát từ dưới sông ùa vào qua các cửa sổ mở toang nhưng phải dùng chiếc khăn tắm để xua muỗi, bởi vì do việc con tàu phải đậu một chỗ nên bình phun thuốc muỗi cũng trở nên vô dụng. Cơn đau tai càng trở nên dữ dội hơn đến mức tưởng như không thể chịu nổi bỗng tan đi hoàn toàn, nó tựa như tiếng ve sầu tắt lịm. Nhưng cho đến tối bà vẫn không biết rằng tai phải đã bị điếc thật rồi khi Phlôrêntinô Arixa nói với bà ở phía tai phải thì bà phải quay đầu lại để nghe rõ điều ông nói với mình. Bà chẳng nói cho ai biết, tự an ủi rằng mình lại có thêm một tật nguyền nữa của tuổi già.

Bất chấp tất thảy những tai ương đó, việc con tàu phải dừng lại đối với họ là một bổng lộc trời ban. Phlôrêntinô Arixa từng có lần đọc điều đó: "Trong thảm hoạ, tình yêu càng trở nên vĩ đại và quý giá

hơn". Không khí mờ hơi nước của phòng Tổng thống đã dìm họ trong một thế giới hư ảo và tạo điều kiện cho họ yêu nhau mà chẳng phải lo lắng. Họ sống những giờ không thể tưởng tượng được, tay nắm tay ngồi trên ghế kê ngay bên thành tàu, họ thư thái hôn nhau, cùng sung sướng đắm chìm trong những cú mơn trớn, mà lòng họ không gợn một ý nghĩ thất vọng. Cái đêm khó chịu thứ ba bà đợi ông với một chai rượu hồi, thứ rượu bà từng cùng uống lén với người chị họ Hinđêbranđa, và sau này, khi đã có chồng và con rồi bà vẫn uống lén trong phòng đóng kín cửa cùng với những người bạn gái chung sở thích, Phlôrêntinô Arixa cần phải nhờ đến một chút tâm trạng thảng thốt để không nghĩ đến vận may của mình với quá nhiều minh mẫn, nhưng ông tưởng rằng bà cho mình uống rượu là để mình có thêm dũng cảm trong giai đoạn cuối cùng. Phấn chấn hẳn lên trước ảo tưởng ấy, Phlôrêntinô Arixa bắt đầu mơn trớn bà. Ông dùng năm đầu ngón tay khẽ vuốt ve cái cổ nhăn nheo, bộ ngực nhăn nhúm, bộ mông nhô những đầu xương và các bắp vế của con hươu già. Bà sung sướng đón nhận hành động mơn trớn của ông với đôi mắt lim dim nhưng không hề rung động, vẫn thư thả hút thuốc và uống từng ngụm rượu hồi. Cuối cùng, khi những cú mơn trớn của ông trườn trên bụng bà thì trong trái tim bà đã có kha khá rượu hồi rồi.

- Nếu muốn chơi trò con tưởu thì chúng mình chơi, - bà nói, - nhưng phải đứng đắn như người lớn.

Bà dẫn ông vào phòng kín rồi không hề ngượng ngùng bà cởi quần áo trong ánh đèn sáng trưng. Phlôrêntinô Arixa nằm ngửa trên giường, cố sức lấy lại bình tĩnh, lại một lần nữa ông không biết làm gì với tấm da con hổ mà ông đã giết từ trước. Bà bảo ông: "Không được nhìn". Mắt vẫn trân trân nhìn lên trần, ông hỏi bà vì sao.

- Vì rằng anh sẽ không thích, - bà nói.

Thế là ông nhìn bà và ông thấy bà khoả thân đến thắt lưng, đúng như ông từng mường tượng: hai vai nhăn nhúm, hai vú xệ xuống, hai bên lườn da cũng nhăn nheo vàng ệch và lạnh lẽo như thể da một con cóc. Bà vội lấy chiếc áo vừa cởi ra che lên ngực và tắt đèn ngay. Tức thì ông cũng đứng dậy, và trong bóng tối ông bắt đầu cởi quần áo và cởi xong cái nào thì ông ném lên bà cái ấy. Bà cười ngặt nghẽo ném trả cho ông từng cái một.

Cả hai người nằm ngửa một lúc lâu ở trên giường. Ông hoang mang và càng hoang mang hơn nữa khi ở trong ông cảm xúc mãnh liệt tan biến. Còn bà thì lặng lẽ, gần như thần thượi, nhưng bà cầu mong Thượng đế đừng để mình cười ngất đi như bao lần đã xảy ra như vậy khi uống rượu hồi. Họ nói chuyện với nhau để quên thời gian. Họ nói về họ, về cuộc đời khác nhau của họ, về sự ngẫu nhiên không được

hứa hẹn trước trong đó họ cùng khoả thân tại một giường nằm tối om của một con tàu phải dừng lại khi đáng lẽ ra họ phải nghĩ rằng họ chỉ còn đủ thời gian để chờ đón cái chết đến mà thôi. Bà chưa từng nghe thấy người ta nói rằng ông có một người đàn bà, một người cũng không có, trong một thành phố người ta đều biết hết mọi chuyện kể ra những chuyện còn bị giấu kín. Ngẫu nhiên bà nói về điều này, và ngay lập tức ông cãi lại mà không hề run run trong giọng nói:

- Là vì em đấy. Vì em anh giữ trọn cái trinh tân của con người mình.

Dù là hiển nhiên, bà vẫn không tin bởi vì các bức thư tình của ông đều được viết những câu như câu ấy nhưng chúng chỉ có ý nghĩa nội tại của chúng. Nhưng bà thích thái độ dũng cảm của ông khi nói ra câu nói ấy. Về phần mình, Phlôrêntinô Arixa tự hỏi lòng mình về cái điều mà ông đã không dám hỏi chính mình: bên cạnh cuộc sống vợ chồng đoan trang kia bà đã có cuộc sống bí mật nào không. Không có gì khiến ông phải ngạc nhiên bởi vì ông biết rằng bọn đàn bà giống hệt bọn đàn ông trong những chuyện mạo hiểm thầm kín: cũng chính những chiến lược ấy, chính những cảm hứng bất chợt ấy, cũng chính những sự lòng thòng không hề ân hận ấy. Nhưng ông đã không hỏi. Điều đó thật là tốt đẹp biết bao. Có thời gian trong đó quan hệ của

bà với Nhà thờ đã có chuyện tương đối buồn, vì linh mục làm lễ xưng tội đã hỏi bà rằng đã có lần nào bà không chung thuỷ với chồng không, thì ngay tức khắc bà đứng dậy, ra về mà không thèm trả lời câu hỏi, không đợi làm xong lễ xưng tội và cũng không thèm chào tạm biệt và từ đấy trở đi chẳng bao giờ bà đi xưng tội với vị linh mục ấy hoặc bất cứ vị linh mục nào khác. Trái lại, thái độ cẩn trọng của Phlôrêntinô Arixa lại có được sự đồng cảm bất chợt: bà xoè tay trong bóng tối, mơn trớn trên bụng ông, mơn trớn hai bẹn ông, cuối cùng mơn trớn đám lông gần như trần trụi của ông. Bà bảo: "Da anh nhẵn nhụi như da trẻ thơ ấy". Tiếp đó bà dấn thân vào giai đoạn cuối cùng: bà tìm nó ở nơi nó không có, rồi bà lại tìm lại và cuối cùng bà đã thấy nó nằm im.

- Nó chết rồi! - Ông nói.

Với tất cả những người tình của mình, lần đầu tiên bao giờ ông cũng thế, vì vậy ông đã học để làm quen với chính cái bóng ma ấy: cứ mỗi bận ông lại phải học lại lần nữa, cứ như thể đó là lần đầu tiên. Ông cầm bàn tay bà đặt nó lên ngực mình: Phecmina Đaxa cảm nhận trái tim già không biết mỏi đang đập rất mạnh ngay trên làn da, cảm thấy sự gấp gáp và rối loạn của một chàng trai vừa thức dậy. Ông nói: "Để làm chuyện này, nếu có quá nhiều tình yêu cũng như không có tình yêu thì đều chẳng có thú vị gì". Nhưng ông đang nói dối, thực

ra ông đang xấu hổ, đang sôi giận với chính bản thân mình, đang khao khát có một lý do để đổ tội cho bà vì bà đã làm thất bại cuộc đời ông. Bà biết rõ điều đó. Rồi bằng những cú cù kì, bà bắt đầu khêu gợi cái cơ thể đang nằm yên của ông như con mèo cái đang đùa giỡn con mồi của nó cho đến khi ông không thể chịu đựng được hơn nữa đã bỏ về phòng mình. Bà vẫn nghĩ về ông cho đến khi trời rạng sáng và trong lúc rượu hồi, theo làn sóng lan toả chậm rãi, buông rơi bà thì ý nghĩ chán nản cho rằng ông không thích bà và sẽ chẳng bao giờ trở lại nữa lại xâm chiếm tâm hồn bà.

Nhưng cũng chính ngày hôm đó ông đã trở lại vào lúc mười một giờ sáng, đúng vào giờ ít ngờ nhất. Ông trở lại với vẻ tươi mát và khoẻ mạnh, và với ý thức trưng bày, ông đã khoả thân trước mặt bà. Bà sung sướng được nhìn thấy ông trong ánh sáng tràn trề đúng hệt với hình ảnh mà bà từng mường tượng ra ông trong bóng tối: một con người không có tuổi tác, nước da ngăm ngăm đen, căng mọng và láng bóng tựa như một chiếc ô mở hết cỡ, chỉ có một ít lông thưa thớt và mượt mà ở hai nách và ở vùng xương mu. Ông đứng với con vật đang thượng lên và bà biết rằng không phải là ngẫu nhiên việc ông để cho bà nhìn thấy vũ khí của mình mà ngược lại ông cố ý trưng bày nó tựa như một chiến lợi phẩm để khích lệ bà. Hầu như bà không có thời gian cởi

bà với Nhà thờ đã có chuyện tương đối buồn, vì linh mục làm lễ xưng tội đã hỏi bà rằng đã có lần nào bà không chung thuỷ với chồng không, thì ngay tức khắc bà đứng dậy, ra về mà không thèm trả lời câu hỏi, không đợi làm xong lễ xưng tội và cũng không thèm chào tạm biệt và từ đấy trở đi chẳng bao giờ bà đi xưng tội với vị linh mục ấy hoặc bất cứ vị linh mục nào khác. Trái lại, thái độ cẩn trọng của Phlôrêntinô Arixa lại có được sự đồng cảm bất chợt: bà xoè tay trong bóng tối, mơn trớn trên bụng ông, mơn trớn hai bẹn ông, cuối cùng mơn trớn đám lông gần như trần trụi của ông. Bà bảo: "Da anh nhẵn nhụi như da trẻ thơ ấy". Tiếp đó bà dấn thân vào giai đoạn cuối cùng: bà tìm nó ở nơi nó không có, rồi bà lại tìm lại và cuối cùng bà đã thấy nó nằm im.

- Nó chết rồi! - Ông nói.

Với tất cả những người tình của mình, lần đầu tiên bao giờ ông cũng thế, vì vậy ông đã học để làm quen với chính cái bóng ma ấy: cứ mỗi bận ông lại phải học lại lần nữa, cứ như thể đó là lần đầu tiên. Ông cầm bàn tay bà đặt nó lên ngực mình: Phecmina Đaxa cảm nhận trái tim già không biết mỏi đang đập rất mạnh ngay trên làn da, cảm thấy sự gấp gáp và rối loạn của một chàng trai vừa thức dậy. Ông nói: "Để làm chuyện này, nếu có quá nhiều tình yêu cũng như không có tình yêu thì đều chẳng có thú vị gì". Nhưng ông đang nói dối, thực

chiếc áo ngủ mà bà đang mặc vào khi gió mát buổi sáng bắt đầu thổi, và hành động vội vàng mới thoạt đầu này khiến bà rùng mình thương hại. Nhưng bà không khó chịu bởi vì như trường hợp ấy, ở trong bà thật khó mà phân biệt rạch ròi giữa lòng thương hại và tình yêu.

Tuy nhiên, bà cảm thấy trống trải làm sao ấy.

Kể từ hơn hai mươi năm nay, đây là lần đầu tiên bà lại làm tình và bà làm tình trong lúc tò mò muốn thử xem nó như thế nào vào tuổi của mình sau một thời gian ngừng nghỉ quá dài. Nhưng ông đã không để cho bà có thời gia xem xem cơ thể mình có muốn chuyện làm tình không. Cuộc mây mưa của họ diễn ra quá nhanh chóng và buồn thảm và bà nghĩ rằng: "Giờ đây, thế là hết". Nhưng bà nhầm. Bất chấp sự chán chường của cả hai, bất chấp nỗi hối hận của ông trước sự vụng về của mình, bất chấp sự tự day dứt của bà trước cơn say rượu hồi trong những ngày sau đó, hai người không hề rời nhau lấy một phút một giây. Hầu như họ không ra khỏi phòng để đi ăn. Thuyền trưởng Điêgô Samaritanô, người bằng trực giác có thể phát hiện ra bất kỳ chuyện bí hiểm mà người ta định giữ kín trên tàu của ông, sáng nào cũng gửi đến cho họ hoa hồng trắng, cho họ nghe những bản nhạc tình ban đêm từ thời họ còn đầu xanh tuổi trẻ, và chuẩn bị cho họ những món ăn ngon. Mãi đến tận sau khi cảm hứng đến mặc dù họ

không tìm kiếm, họ không có ý định làm tình nữa. Chỉ với hạnh phúc giản dị được ở bên nhau mãi mãi đối với hai người là đã đủ lắm rồi.

Họ chưa hề nghĩ sẽ ra khỏi phòng giường nằm một khi không cần thiết. Nhưng thuyền trưởng, với một tín hiệu báo cho họ biết rằng sau bữa cơm trưa bọn họ sẽ tới La Đôrađa[1], bến cuối cùng, sau mười một ngày hành trình. Từ phòng giường nằm, Phecmina Đaxa và Phlôrêntinô Arixa nhìn thấy dãy nhà rực sáng dưới ánh nắng vàng và họ tưởng rằng đó chính là lý do để người ta gọi tên nó như thế. Nhưng họ lại không thấy đúng như thế khi họ cảm thấy hơi nóng của nó hầm hập như hơi nóng của nồi hơi và họ nhìn thấy nhựa đường trên các đường phố như sôi lên. Ngoài ra, con tàu không đậu ở phía thị trấn cảng mà lại đậu ở bờ đối diện, bên cạnh ga xe lửa đi Săngta Phe.

Bọn họ ra khỏi nơi ẩn nấp ngay sau khi hành khách xuống tàu hết. Phecmina Đaxa có cảm giác nhẹ nhàng thoải mái vì được thoát nạn ở ngay trong căn phòng khách vắng vẻ. Rồi từ trên boong tàu, cả hai cùng ngắm cảnh đám đông ồn ĩ đang nhận hành lý của họ ở các toa xe của một đoàn tàu hoả nom tựa như một thứ đồ chơi. Có thể nghĩ rằng những vị hành khách kia, nhất là các bà các cô vận áo khoác

[1] Nghĩa: Bến vàng.

vùng Bắc Âu, và đội mũ mốt từ thế kỷ trước vốn không thích hợp trong khung cảnh đã nóng bức lại bụi bậm ở đây, vừa từ châu Âu trở về. Một số bà mang mái tóc có tết những bông hoa khoai tây rất đẹp nhưng đã bắt đầu héo trong hơi nóng nơi đây. Họ vừa từ bình nguyên Anđết đến đây sau một ngày tàu hoả xuyên qua thung lũng nên thơ và hầu như họ không có thời gian thay quần áo cho hợp với khí hậu Caribê.

Trong khung cảnh ồn ào của một phiên chợ, một cụ già vẻ khắc khổ lôi từ trong những chiếc túi áo khoác của một kẻ ăn mày ra rất nhiều gà con. Bỗng nhiên cụ già xuất hiện và cứ thế với chiếc áo khoác rách mướp vốn là của một người nào đó cao to hơn nhiều, cụ già rẽ lối giữa đám đông. Cụ cởi mũ ra, rồi đặt ngửa nó ở cầu tàu để xem nhỡ có ai ném vào nó một đồng tiền bố thí và cụ bắt đầu lôi từ trong túi áo ra từng vốc, từng vốc những chú gà con non tơ mềm mại, không màu sắc dường như chúng sinh sôi từ những ngón tay của cụ già. Trong khoảnh khắc, bến cảng dường như kín đặc những con gà con đang ngọ nguậy đi ở khắp nơi, giữa những hành khách vội vã dẫm chân lên chúng mà không hay biết. Phecmina Đaxa đang hào hứng trước cảnh tương kì diệu mà dường như nó diễn ra là để đón chào bà, vì chỉ có một mình bà đang chiêm ngưỡng nó mà thôi. Bà không biết những hành khách đi chuyến tàu xuôi về

thành phố lên tàu thuỷ từ lúc nào, bà vừa kịp nhận ra rất nhiều gương mặt quen thuộc, một số là của những người bạn cách đây không lâu còn dự đám tang của chồng bà. Lại một lần nữa, bà vội vàng chui vào phòng giường nằm. Phlôrêntino Arixa thấy bà buồn rười rượi: bà đang muốn chết trước khi bị những người bạn của mình nhìn thấy trong một chuyến du chơi lạc thú xảy ra trong rất ngắn ngày kể từ sau khi chồng bà mất. Nỗi lo lắng của bà khiến Phlôrêntinô Arixa rất đau lòng đến độ ông hứa sẽ tìm một giải pháp nào đó ngõ hầu che chở cho bà, đó là một giải pháp khác hẳn giải pháp chịu tù đầy trong một phòng giường nằm.

Ngay lập tức, ông tìm ra được giải pháp khi ngồi ăn trong phòng ăn riêng. Viên thuyền trưởng muốn tranh luận với Phlôrêntinô Arixa về một vấn đề mà từ lâu ông cứ lẩn tránh hoài bằng luận điệu vốn có "Ôi dào, những chuyện vặt vãnh ấy cô Lêôna Catxiani giải quyết còn hay hơn tôi". Nhưng lần này, ông đã chăm chú nghe. Đó là việc những con tàu khi ngược có chở hàng hoá nhưng khi xuôi thì lại không, trong khi đó thì ngược dòng vắng khách còn khi chạy xuôi lại quá đông khách. "Hãy áp dụng thế mạnh của việc chở hàng hoá: nghĩa là hành khách xuôi tàu phải trả tiền vé cao hơn và họ phải tự túc cái ăn hàng ngày", ông nói. Phecmina Đaxa ngồi ăn trong tâm trạng buồn chán. Bà phát ngấy trước

cuộc thảo luận giữa hai người đàn ông xoay quanh chuyện thống nhất định giá vé khác nhau cho khách đi tàu ngược và khách đi tàu xuôi. Nhưng Phlôrêntinô Arixa đã đi đến cùng và chỉ lúc này ông mới đưa ra một câu hỏi khiến thuyền trưởng nghĩ rằng đó là một tư tưởng cứu tinh.

- Để giả định thôi, - ông nói, - có thể cho tàu chạy mà không chở hàng, không chở hành khách, không dừng lại ở bất kỳ bến cảng nào được không?

Thuyền trưởng bảo rằng điều đó chỉ có xảy ra trong giả thuyết mà thôi. Hãng Tàu thuỷ Caribê có những cam kết mà Phlôrêntinô Arixa biết rõ hơn ai hết, có những hợp đồng chuyên chở hàng hoá, chuyên chở hành khách, chuyên chở thư từ bưu kiện và rất nhiều loại hợp đồng khác mà phần lớn những hợp đồng này không thể không thực hiện được. Điều duy nhất có thể vượt qua tất cả là trường hợp có bệnh nhân bị bệnh dịch đi trên tàu. Lúc ấy tàu sẽ phải tuyên bố tình trạng cách ly, treo cờ vàng và nó chạy một lèo. Thuyền trưởng Điêgô Samaritanô đã vài lần phải làm như vậy vì đang đi thì gặp nhiều người bị bệnh thổ tả, dẫu rằng ngay sau đó các tổ chức y tế buộc các thầy thuốc phải kiểm tra và chứng thực con tàu đã được tẩy uế rồi. Ngoài ra, trong lịch sử du lịch đường sông, nhiều lần tàu đã treo cờ vàng để trốn thuế, để không nhận một hành khách mà nó không muốn chở. Phlôrêntinô Arixa bắt

gặp bàn tay của Phecmina Đaxa ở phía dưới gầm bàn.

- Vậy thì chúng ta sẽ làm như vậy, - ông nói.

Viên thuyền trưởng ngạc nhiên, nhưng ngay lập tức, với bản năng của sói già, ông ta đã nhận ra hết.

- Tôi chỉ huy trên tàu này, nhưng ngài lại chỉ huy chúng tôi, - ông nói. - Vậy nếu ngài nói nghiêm chỉnh, xin ngài hãy viết giấy ra lệnh cho tôi và chúng ta sẽ lên đường ngay bây giờ.

Dĩ nhiên ông nói một cách nghiêm chỉnh và ông ký lệnh. Dù sao chăng nữa, ai cũng biết rằng thời thổ tả vẫn chưa chấm dứt mặc dù các tổ chức y tế vui sướng tuyên bố họ đã dập được nạn dịch tả. Về con tàu này, chẳng có vấn đề gì. Nó chở theo số hàng hoá ít ỏi đã được bốc xếp lên tàu và nó tuyên bố với hành khách rằng có sự cố máy móc, và nó sẽ chuyển họ sang một con tàu khác sẽ đến đây vào sáng sớm hôm sau. Nếu những chuyện này từng được làm vì biết bao lý do vô đạo đức khác, thì tại sao nó không được làm vì tình yêu. Ông nghĩ vậy. Điều duy nhất mà viên thuyền trưởng thỉnh cầu là xin một lần đỗ lại ở bến cảng Narê để ông ta nhận một người cùng đi trong chuyến du lịch này: ông cũng có mối tình vụng trộm của mình.

Sáng sớm ngày hôm sau con tàu Nuêva Phiđêliđat nhổ neo, không chở hàng và hành khách và nó treo lên cột cờ chính lá cờ vàng tung bay phấp phới. Lúc

chiều tối, con tàu đỗ lại ở cảng Narê đón một người đàn bà to cao vâm váp hơn cả thuyền trưởng và bà chỉ thiếu có hàm râu nữa là có thể vào làm cho một gánh xiếc. Bà ta tên là Xênaiđa Nêvêt, nhưng thuyền trưởng lại gọi bà ta là Mi Enecgumêra. Đó là một người bạn gái cũ của thuyền trưởng và là người thuyền trưởng vẫn đón lên tàu ở bến này rồi lại thả xuống ở bến kia và là người khi bước lên tàu bao giờ cũng mang theo một luồng gió hạnh phúc. Tại cái bến cảng buồn bã này, Phlôrêntinô Arixa sống lại với những hoài nhớ Rôsanba khi ông nhìn thấy đoàn tàu hoả đi Envigađô đang vất vả trèo lên cái dốc mà trước đây là con đường chỉ có lừa mới đi nổi, và trời bỗng đổ một trận mưa rào khủng khiếp mà có lẽ ít lâu sau nó sẽ theo con tàu trong phần còn lại của chuyến đi. Nhưng không một ai quan tâm đến trận mưa rào bởi vì ngày hội vui trên tàu thuỷ đã có mái che mưa của chính nó. Đêm ấy, Phecmina Đaxa xuống nhà bếp và trong tiếng vỗ tay hoan hô của thuỷ thủ bà chuẩn bị cho tất cả mọi người một món ăn mà Phlôrêntinô Arixa gọi là món cà tình yêu, coi đó như là một sự đóng góp của cá nhân vào cuộc vui chung.

Ban ngày bọn họ chơi bài tây, ăn rất ngon miệng, ngủ trưa trong chốc lát và vì vậy bọn họ nom có vẻ mệt mỏi nhưng hầu như mặt trời vừa mới lặn lập tức bọn họ đã chơi nhạc và uống rượu mạnh với cá hồi

cho đến thoả thích vẫn chưa thôi. Đó là một chuyến đi nhanh với con tàu nhẹ nhàng trên nước lớn, ngày càng lớn hơn nhờ nước nguồn dồn về vì trong tuần lễ ấy mưa nguồn rất dữ. Từ một số thị trấn, người ta bắn những phát đại bác để tống tiễn bệnh thổ tả, để tỏ lòng thông cảm với những người đi trên tàu và bọn họ đã đáp lại bằng một tiếng còi tàu nghe buồn thảm lắm. Những con tàu khác khi gặp tàu này đều ra hiệu chia buồn với bọn họ. Tại làng Magănghê, quê của Mecxêđét[1], họ lấy củi lên tàu cho những ngày còn lại của chuyến đi.

Phecmina Đaxa giật mình khi bà bắt đầu cảm thấy tiếng còi tàu ngay trong tai lành, nhưng sang ngày thứ hai uống rượu hồi bà đã nghe rõ hơn với cả hai tai. Bà phát hiện ra rằng hoa hồng thơm như trước đây, rằng vào lúc bình minh tiếng chim hót nghe hay hơn nhiều, rằng Thượng đế đã sinh ra một con lợn biển sống ở bãi cát Tamalamêlê để khi khóc nó chỉ đánh thức riêng bà. Thuyền trưởng cũng nghe thấy tiếng nó khóc. Ông làm chệch hướng con tàu đi và thế là bọn họ cùng nhìn thấy người đàn bà khổng lồ đang bế con trên tay cho nó bú. Phlôrêntinô Arixa và Phecmina Đaxa, không một ai biết rằng họ đối xử với nhau thân mật như thế nào: bà giúp ông thụt để chữa bệnh táo bón, bà dậy trước ông để đánh sạch

[1] Tức Meccedez Barche, vợ của tác giả.

hàm răng giả mà lúc ngủ ông gỡ ra để trong cốc nước, và tranh thủ lúc ông còn ngủ bà lấy kính của ông để đọc và may vá. Có một buổi sáng, khi bà thức dậy, thấy ông trong cảnh tranh tối tranh sáng đang đơm một chiếc cúc áo sơ mi và thế là bà vội vàng làm hộ cho ông trước khi ông nhắc lại cái câu có tính chất nghi thức nói rằng cần phải có hai bà vợ. Ngược lại, công việc duy nhất mà bà cần ở ông là việc ông dùng cốc nước nóng chườm lên chỗ đau nơi thắt lưng bà.

Về phần mình, Phlôrêntinô Arixa đánh bóng lại những hoài nhớ cũ bằng cây đàn viôlông của dàn nhạc và đến trưa ngày hôm ấy ông có đủ khả năng chơi cho bà nghe bản nhạc *Nữ thiên thần được tấn phong* và ông chơi nó trong vài giờ liên tục cho đến khi mệt bã người. Có một đêm, đây là lần đầu tiên trong đời mình, bỗng Phecmina Đaxa thức dậy với cảm giác nghẹt thở bởi một tiếng khóc vốn không phải là tiếng khóc giận hờn ai oán mà là tiếng khóc bi thương bởi ký ức về những cụ già đi trên thuyền bị người lái đò dùng mái chèo đập chết. Trái lại, trận mưa dai dẳng không ngừng nghỉ kia không làm bà cảm động và bà nghĩ một cách quá muộn mằn rằng có lẽ Pari không đến mức buồn quá như bà từng cảm thấy, rằng Săngta Phe cũng không có quá nhiều đám tang đi trên đường phố. Niềm mơ ước được cùng Phlôrêntinô Arixa thực hiện những

chuyến du lịch sắp tới bừng sáng ở phía chân trời: Những chuyến đi cực kỳ lý thú, không hề có hành lý, không hề có những cam kết xã hội: Những chuyến du lịch của tình yêu mà thôi.

Đêm trước ngày về đến thành phố, bọn họ tổ chức một buổi dạ hội linh đình có hoa giấy và đèn màu. Buổi chiều trời tạnh mưa. Thuyền trưởng và Xênaida Nêvêt bện chặt lấy nhau cùng nhảy những điệu nhảy Bôlêrô đầu tiên, những điệu nhảy ở thời ấy bắt đầu làm xao xuyến những trái tim. Phlôrêntinô Arixa mạnh dạn mời Phecmina Đaxa cùng nhảy những điệu van tin tưởng của ông nhưng bà đã từ chối. Tuy nhiên cả đêm ấy, bà nhún nhẩy đầu và gót giày đập nhịp theo âm nhạc cho đến khi bà ngồi mà nhảy từ lúc nào mà không hay biết gì, trong khi đó thuyền trưởng lịm đi trong điệu nhảy Bôlêrô cùng với người yêu say đắm của ông. Bà uống quá nhiều rượu hồi đến mức người ta phải dìu bà lên cầu thang về phòng rồi bỗng bà cười ngặt nghẽo, cười trong nước mắt sung sướng và chính trận cười này đã khiến tất cả mọi người ở trên tàu phải để ý. Tuy nhiên, khi tự làm chủ được trận cười ở trong căn phòng sực nức mùi hương, ông và bà thong thả và khoẻ mạnh ân ái với nhau, một cuộc ân ái của bậc ông bà bị đời làm cho dơ bẩn, một cuộc ân ái sẽ khắc sâu mãi trong ký ức bà như một kỉ niệm đẹp đẽ nhất của chuyến đi du lịch đầy thú vị ấy. Ông và bà không cảm thấy họ

như những người tình mới yêu nhau, ngược lại hoàn toàn đối với điều mà viên thuyền trưởng và bà Xênaiđa Nêvêt dự đoán, càng không như những người tình đến với nhau quá muộn màn. Đúng ra, họ như vượt qua được món nợ hóc búa của cuộc sống vợ chồng, và họ cứ thẳng tiến đến tình yêu mà không hề phải trăn trở. Như đôi vợ chồng già từng bị cuộc đời dội nước sôi vào, họ lặng lẽ sống với thời gian đang trôi qua, họ đã vượt xa mọi cạm bẫy của lòng đam mê, vượt xa mọi tiếng cười độc địa của niềm tin và ảo ảnh do những bài học sống đem lại, vượt xa tình yêu. Bởi họ sống gần nhau với một thời gian tương đối đủ để hiểu rằng tình yêu là tình yêu ở mọi lúc và mọi nơi nhưng khi càng mặn nồng bao nhiêu thì nó càng gần cái chết bấy nhiêu.

Họ thức dậy vào lúc sáu giờ sáng, bà bị đau đầu do rượu hồi và trái tim bà thảng thốt đập loạn nhịp trước cảm nghĩ bác sĩ Huvênan Ucbinô đã trở về, nom béo hơn và trẻ hơn so với khi ngài ngã từ cây xoài xuống đất, và ngài đang ngồi trên chiếc xích-đu đặt ngay ở cửa chính ngôi nhà đợi bà. Tuy nhiên, bà vẫn còn tương đối minh mẫn để nhận ra rằng tình trạng ấy không khởi sự từ rượu hồi mà khởi sự ở sự việc tất phải xảy ra khi về đến nhà.

- Rồi sẽ chết mất thôi, - bà nói.

Phlôrêntinô Arixa cũng giật thột bởi vì đó cũng là sự bộc lộ của một ý nghĩ từng không để ông

được yên ngay từ đầu chuyến du lịch này. Cả ông lẫn bà đều không thể nghĩ đến một ngôi nhà nào khác ngoài phòng giường nằm trên tàu này, không thể ăn dưới hình thức nào khác ngoài cái cách thức ăn ở trên tàu, vì họ đã gia nhập một cuộc đời sẽ xa lạ mãi mãi đối với họ. Quả thật là họ đã như chết. Ông không thể ngủ được nữa. Hai tay chắp lại gối dưới gáy, ông nằm ngửa trên giường. Có một lúc nào đó, nỗi ân hận về Amêrica Vicunha khiến ông lại đau đớn và ông không thể cứ che giấu mãi sự thật được. Ông đứng dậy vào buồng tắm khoá trái cửa lại để mà khóc lóc cho thoả cho đến giọt nước mắt cuối cùng. Chỉ đến lúc ấy ông mới có đủ dũng cảm để tự thú rằng mình yêu cô ấy biết bao nhiêu.

Khi thức dậy thì họ đã ăn mặc chỉnh tề để chuẩn bị xuống tàu vì họ đã để lại phía sau mình những dòng nước bẩn và những đầm lầy thời đại thống trị cũ ở Tây Ban Nha và hiện đang đi bên những đống xác tàu, xác phuy xăng hỏng ở trong vịnh biển thành phố. Một ngày thứ năm rực rỡ ánh mặt trời bừng dậy trên những nóc nhà tròn ống ánh vàng của khu phố các vị Phó vương, nhưng Phecmina Đaxa đứng trên boong tàu không tài nào chịu nổi thứ dịch bệnh của những vinh quang của mình, không tài nào chịu nổi vẻ tráng lộng kiêu ngạo của những toà dinh thự của bà từng bị những chú kỳ đà

làm vấy bẩn: đó chính là nỗi sợ đương diện với cuộc sống thực. Cả bà lẫn ông, dẫu không nói ra lời, đều cảm thấy mình dễ dàng đầu hàng cuộc sống thực tế ấy.

Họ bắt gặp viên thuyền trưởng ở trong phòng ăn, người đang trong tình trạng luộm thuộm vốn không phù hợp với một vẻ đẹp riêng vốn có trong quần áo của ông ta: râu không cạo, mắt sưng húp vì mất ngủ, quần áo đẫm mồ hôi đêm qua, nói năng lắp bắp bởi còn đang say rượu hồi. Xênaiđa còn đang ngủ. Họ lặng lẽ ăn điểm tâm thì một chiếc thuyền máy của cơ quan y tế cảng yêu cầu cho tàu dừng lại.

Từ vị trí chỉ huy trên tàu, viên thuyền trưởng gào lên để trả lời các câu hỏi của đội kiểm tra. Người ta muốn được biết rõ loại bệnh dịch nào đang đi theo tàu, có bao nhiêu hành khách, bao nhiêu người ốm, bao nhiêu người khoẻ, khả năng lây bệnh dịch thế nào. Viên thuyền trưởng trả lời rằng chỉ có ba hành khách, tất cả ba người này đều bị bệnh thổ tả, nhưng bọn họ đều được cách ly rất tốt. Những người lên tàu từ cảng La Đôrađa, cả số hai mươi bảy thuỷ thủ tuyệt đối không có bất cứ một cuộc tiếp xúc nào với những người bị bệnh thổ tả. Nhưng người chỉ huy đội kiểm tra vẫn không hài lòng, đã ra lệnh cho tàu ra khỏi vịnh, và hãy đợi ở đầm lầy Lat Mecxêđét cho đến hai giờ

chiều, trong khi đó người ta chuẩn bị tăng bo hành khách về thành phố để con tàu được kiểm dịch. Viên thuyền trưởng bắn một phát pháo lệnh và bằng một động tác ông ta ra lệnh cho tàu quay trở về đầm lầy.

Phecmina Đaxa và Phlôrêntinô Arixa từ bàn ăn nghe thấy hết, nhưng thuyền trưởng không cho đó là việc quan trọng. Ông ta lặng lẽ ăn và nỗi bực dọc lộ ra ngay cả trong cái cách thức ông ta vi phạm các quy tắc văn minh từng biểu dương danh tiếng huyền thoại của các tay thuyền trưởng chạy tàu trên sông. Ông dùng mũi dao rạch vỡ bốn quả trứng ốp lếp rồi ông rưới lòng đỏ lên cả đĩa chuối rán và sau đó ông cho tất cả vào mồm nhai ngấu nghiến với vẻ thích thú mọi rợ. Phecmina Đaxa và Phlôrêntinô Arixa nhìn ông ta ăn mà không nói một lời, như thể họ ngồi trên chiếc ghế dài nơi lớp học đợi nghe đọc bảng xếp thứ cuối cùng. Họ không trao đổi với nhau một lời nào trong lúc diễn ra cuộc đối thoại giữa thuyền trưởng và đội kiểm tra của cơ quan y tế bến cảng và họ cũng chẳng hề có lấy một mảy may suy tư về cuộc đời mình sẽ ra sao, nhưng cả hai người đều biết rằng viên thuyền trưởng đang nghĩ về họ: máu trên hai thái dương ông chảy rần rật được nhìn thấy rất rõ.

Trong lúc thuyền trưởng chén sạch món trứng ốp lếp, món chuối rán, cốc sữa - cà phê, thì con

tàu rời khỏi vịnh. Con tàu mở lối trên dòng kênh mặt phủ đầy rong bèo và những khóm sen nở bông thắm đỏ và lá to xoè hình trái tim, rồi nó đi vào đầm lầy. Nước ở đây lóng lánh bởi cá nổi lềnh bềnh, chết vì mìn của những người đánh cá trộm, và chim đủ loại từ mọi nẻo kéo về đây bay vòng tròn trên đầu họ kêu hót lảnh lót. Gió vùng Caribê qua cửa sổ ùa vào phòng mang theo tiếng chim kêu ồn ĩ. Trước khung cảnh ấy, Phecmina Đaxa cảm thấy trong máu mình có những tiếng đập rộn ràng của ý nguyện mình. Về phía bên trái, nước ngầu bùn và chảy chậm chạp là vùng cửa sông cái Macgơđalêna trải rộng đến tận bờ bên kia thế giới.

Khi không còn gì để ăn nữa, thuyền trưởng lấy góc khăn trải bàn lau miệng và rồi ông ta còn nói bằng một thứ từ ngữ địa phương thô tục đã chấm dứt danh dự của ngôn từ các viên thuyền trưởng. Bởi vì ông ta không nói với hai người cũng chẳng nói với ai, mà chỉ nói cho hả cơn giận của mình. Sau hàng loạt những lời chửi bới thậm tệ kết luận của thuyền trưởng là không tìm ra lối thoát trước sự rắc rối đã treo lá cờ dịch tả lên cột cờ.

Phlôrêntinô Arixa nghe ông ta nói mà mắt không hề chớp. Sau đó qua cửa sổ ông đưa mắt ngắm nhìn vòng cung trọn vẹn của một phần tư la bàn đi biển, ông nhìn chân trời trong sáng, nhìn

bầu trời tháng chạp không một gợn mây, nhìn dòng nước sâu có thể chạy tàu được mãi mãi, rồi nói:

- Chúng ta hãy cho tàu chạy thẳng một mạch cho đến khi lại tới cảng La Đôrađa!

Phecmina Đaxa rùng mình kinh ngạc bởi vì bà nhận ra tiếng nói xa xưa đang sáng rực lên nhờ ân huệ của Tinh thần Thần thánh, và nhìn viên thuyền trưởng: ông ta là số phận. Nhưng viên thuyền trưởng không nhìn bà, bởi vì ông ta đang thấn thờ trước sức mạnh phi thường tiềm ẩn trong ước vọng của Phlôrêntinô Arixa.

- Thưa ngài, ngài nói nghiêm chỉnh đấy chứ ? - Ông ta hỏi.

- Kể từ khi ta sinh ra, - Phlôrêntinô Arixa nói, - ta chưa hề nói gì mà lại không nghiêm chỉnh.

Viên thuyền trưởng nhìn Phecmina Đaxa và ông ta thấy những tia sáng đầu tiên của một giọt sương đêm mùa đông trên hàng lông mi của bà. Sau đó, thuyền trưởng lại nhìn Phlôrêntinô Arixa, tinh thần điềm tĩnh không gì thắng nổi của ông và tình yêu dũng cảm của ông, và thế là ông giật mình trước kết luận muộn mằn rằng cuộc sống chứ không phải là cái chết mới là cái không có giới hạn.

- Thưa ngài, ngài tin rằng chúng ta có thể tiếp nối mãi cái việc đi rồi về này đến bao giờ?

Phlôrêntinô Arixa đã có sẵn câu trả lời được chuẩn bị cách đây năm mươi ba năm bảy tháng mười một ngày và đêm của chúng.

- Suốt cả cuộc đời, - ông nói.

Hết

Dịch xong tháng 12/1986.
Bản dịch tiếng Việt được in lần đầu năm 1987.
Bản dịch này lại được in lần đầu năm 1995

TÌNH YÊU THỜI THỔ TẢ
Nguyên tác của ***Gabriel Garcia Márquez***
Bản dịch tiếng Việt của ***Nguyễn Trung Đức***
Nhà xuất bản Văn học - 2000

Chịu trách nhiệm xuất bản:
DƯƠNG THU HỒNG
Chịu trách nhiệm bản thảo:
NGUYỄN VĂN LƯU
Biên tập : NGÔ THANH TÂM
Bìa : TRẦN ĐẠI THANH
Sửa bản in: LINH TÂM

In 800 c khổ 13x19 tại Công ty in bao bì và xuất nhập khẩu tổng hợp
Giấy phép xuất bản số 310/VHGP cấp ngày 2-1-2000
In xong và nộp lưu chiểu quí I năm 2000.

Gabriel Garcia Márquez

TÌNH YÊU THỜI THỔ TẢ

NHỮNG TÁC PHẨM CỦA GABRIEL GARCIA MARQUEZ ĐÃ ĐƯỢC DỊCH RA TIẾNG VIỆT :

- NGÀI ĐẠI TÁ CHỜ THƯ (TẬP TRUYỆN)
  NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC 1984
  NGUYỄN TRUNG ĐỨC - NGUYỄN MẠNH TỨ - PHẠM ĐÌNH LỢI DỊCH
- TRĂM NĂM CÔ ĐƠN (TIỂU THUYẾT)
  NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC 1986 VÀ TÁI BẢN 1992, 1999
  NGUYỄN TRUNG ĐỨC - PHẠM ĐÌNH LỢI - NGUYỄN QUỐC DŨNG DỊCH
- GIỜ XẤU (TIỂU THUYẾT)
  NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN 1987
  NGUYỄN TRUNG ĐỨC DỊCH
- TƯỚNG QUÂN GIỮA MÊ HỒN TRẬN (TIỂU THUYẾT)
  NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC 1990
  NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN 1999
  NGUYỄN TRUNG ĐỨC DỊCH
- TÌNH YÊU THỜI THỔ TẢ (TIỂU THUYẾT)
  NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC 1995 VÀ
  NGUYỄN TRUNG ĐỨC DỊCH
- MƯỜI HAI TRUYỆN PHIÊU DẠT (TẬP
  NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂ
  NGUYỄN TRUNG ĐỨC DỊCH
- DẤU MÁU EM TRÊN TUYẾT (TẬP TRUYỆN)
  NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG 1997
  NGUYỄN TRUNG ĐỨC CHỌN VÀ DỊCH

tình yêu thời thổ tả
1 001032 401383
59.000 VND

Giá: 59.000,0 đ